

Giải thưởng văn học quốc tế IMPAC Dublin 2011
Sách bán chạy theo New York Times



NGƯỜI ĐI DÂY

LET THE GREAT WORLD SPIN

TIỂU THUYẾT

COLUM
McCANN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



NGƯỜI ĐI DÂY

LET THE GREAT WORLD SPIN

tiểu thuyết

COLUM McCANN
Nguyễn Thị Thu Thủy *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ

epub@vctvegroup | 10-11-2017

NGƯỢC NHÌN VÀ SỬNG LẶNG

NHỮNG NGƯỜI NHÌN THẤY anh ta đều sửng lạng. Trên phố Nhà thờ. Phố Liberty. Phố Cortlandt. Phố West. Phố Fulton. Phố Vesey. Một sự im lặng tuyệt đối, uy nghiêm và tuyệt đẹp. Lúc ban đầu một số người nghĩ họ bị lóa, hẳn là ảo giác, hẳn là tại thời tiết. Những người khác lại coi đó là một trò khôi hài hoàn hảo ở thành phố này, bèn đứng lại chỉ trỏ lên trời. Cho đến khi mọi người tụ tập lại, chụm đầu, rồi gật gù, khẳng định. Cho đến khi tất cả cùng nhìn chăm chăm lên trên mà chưa thấy gì xảy ra, như đang chờ đoạn kết trò khôi hài của Lenny Bruce^[1]. Nhưng càng nhìn lâu họ càng thêm chắc chắn. Anh ta đứng ở rìa tòa nhà, thân hình tối sẫm tương phản trên nền xám của buổi sáng. Một thợ lau chùi cửa sổ chẳng. Hay công nhân xây dựng. Hay nghệ sĩ nhào lộn?

Trên đó, ở độ cao của tòa nhà 110 tầng, hoàn toàn bất động, như một thứ đồ chơi sẫm màu trên nền trời đầy mây. Chỉ có thể nhìn thấy anh ta từ những vị trí nhất định nên những người hiếu kỳ đã phải dừng lại ở các góc phố, tìm khe trống giữa các tòa nhà hay len lách ra khỏi những chỗ khuất bóng râm. Như vậy mới có được tầm nhìn thông suốt không bị chặn bởi những mái đua, miệng máng xối, lan can hay vòm mái chìa ra. Chẳng ai lý giải được do đâu mà sợi dây dưới chân anh ta lại căng được giữa hai tòa tháp. Chính người đàn ông trên kia đã giữ chân họ ở đó, cố nghển lên, giằng xé giữa kết cục bi thảm có thể đến với kẻ phía trên kia và sự thất vọng trước cảnh tầm thường.

Người xem rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan: họ không muốn phải chờ đợi mà chẳng thấy được gì ngoài gã ngốc vô danh nào đó tự dựng bô lên nóc của tòa tháp, nhưng họ cũng sợ sẽ bỏ lỡ khoảnh khắc quan trọng, chẳng hạn khi anh ta trượt ngã, hay bị bắt, hay lao đầu xuống, tay xoải rộng.

Mặc những kẻ hiếu kỳ, thành phố vẫn miệt mài với những âm thanh ồn ào hàng ngày của nó. Tiếng còi xe hơi. Những chiếc xe tải chở rác. Còi hiệu chuyển phà. Âm thanh xô bồ từ xe điện ngầm. Chiếc xe buýt tuyến M22 cặp vào lề đường, xì xì thở hắt ra đám hành khách ngay chỗ vỉa hè có lỗ thủng. Một tờ giấy bọc sôcôla bị gió cuốn tấp vào cột nước chữa cháy. Tiếng cửa xe taxi đóng sầm. Những mảnh rác lẫn lộn trong những góc hẻm tối tăm. Tiếng giày dép sỏi bước trên vỉa hè. Âm thanh những chiếc cặp da cọ vào quần. Tiếng đầu mũi ô gõ lên vỉa hè lộp cộp. Những cánh cửa quay đẩy những mẫu đối thoại dở dang ra ngoài đường phố.

Nhưng những người hiếu kỳ kia hẳn đã quá quen với tất cả những âm thanh đó nên họ chẳng mấy để ý. Thậm chí khi bực mình chửi rủa họ cũng giữ ý hạ giọng.

Họ tụ tập thành những nhóm nhỏ cạnh đèn giao thông ở góc phố Nhà thờ và phố Dey hay dưới mái hiên tiệm cắt tóc chú Sam, trước cửa tiệm băng đĩa Charlie, một đám đông nhỏ chật cứng đàn ông lẫn đàn bà dựa vào hàng rào nhà thờ St. Paul, chen lấn chiếm chỗ ở các cửa sổ của tòa nhà Woolworth. Luật sư. Người trực thang máy. Bác sĩ. Nhân viên vệ sinh. Đầu bếp tập sự. Dân áp-phe kim cương. Người bán cá. Những cô gái điếm trong bộ đồ jean nhàu nhĩ. Tất cả bọn họ như tin tưởng điều mình thấy hơn bởi sự có mặt của những người khác. Người tố cáo lời khai tại tòa. Thương nhân. Máy cạu nhóc giao hàng. Những người đeo bảng quảng cáo thuê to khổng lồ. Cánh cờ bạc bịp. Nào sở Điện nào Công ty viễn thông nào phố Wall. Một người thợ khóa ló ra từ chiếc xe tải đậu ở góc phố DeyBroadway. Một tay đưa thư bằng xe đạp uể oải dựa cột đèn trên phố West. Thêm gã sâu rọu đang mò ra ngoài tìm cữ rọu sớm.

Họ thoáng thấy anh ta trên chuyến phà từ đảo Staten. Từ các kho đóng gói thịt ở Khu Tây. Từ những tòa nhà cao tầng mới mọc lên trong công viên Battery. Từ những xe đẩy bán đồ ăn sáng ở Broadway. Từ quảng trường ở bên dưới. Từ chính hai tòa tháp.

Chắn chắn vẫn có những người không để ý đến sự ồn ào đó, họ không muốn bị quấy rầy. Đã 7 giờ 47 phút sáng và họ chỉ chăm chăm nghĩ

phải nhanh chóng đến ngồi vào bàn giấy với bút mực và điện thoại. Họ từ trạm tàu điện ngầm, từ những chiếc limousine xa xỉ hay vừa xuống xe buýt, vội vã băng qua đường, không buồn quan tâm tới những chuyện khác. Lại thêm một ngày nữa, thêm một nỗi buồn lo. Nhưng khi đi qua vài đám người ồn ào bình luận, họ sẽ bắt đầu chậm lại. Vài người cùng dừng bước, nhún vai, thờ ơ quay đi, đến góc phố kế tiếp, lại va phải đám người hiếu kỳ, thế là họ lùi lại, nhón chân nhìn qua đầu đám đông mà kêu lên: “Trời đất ơi, chuyện gì thế này” hay “Lạy Chúa tôi”.

Anh chàng ở trên kia vẫn giữ nguyên tư thế, còn những đồn đoán xoay quanh anh ta thì cứ liên tục thay đổi. Anh ta đang đứng bên ngoài rào chắn an toàn của đài quan sát trên tòa tháp phía nam, ở vị trí đó có thể nhảy xuống bất cứ lúc nào.

Phía dưới anh ta, một cánh bồ câu đơn lẻ sà xuống từ tầng thượng của tòa nhà Văn phòng Liên bang, như báo trước một cú lao mình tương tự. Sự di chuyển này hút theo ánh nhìn của một vài người xem, họ dõi theo cái vỗ cánh của chú chim màu xám đối nghịch với dáng đứng bất động nhỏ bé của người đàn ông. Chú chim bay vụt từ mái hiên này sang mái hiên khác, và đó cũng là lúc những người đứng dưới nhận ra họ có kha khá bạn cùng xem từ cửa sổ các văn phòng, những tấm kính cửa đều nâng lên và rèm kéo rộng. Chỉ thấy được khuỷu tay hay đầu mút ống tay áo sơ-mi, băng nịt tay áo, rồi sau lại thêm một cái đầu, rồi một đôi bàn tay nom kỳ dị thò ra nâng kính cửa sổ lên cao hơn nữa. Từ cửa sổ của các tòa nhà chọc trời kế bên bắt đầu lộ ra nhiều bóng người - đàn ông mặc áo sơ mi, đàn bà mặc áo cánh màu sáng, bóng họ chập chờn phản chiếu trên kính như những bóng ma trong nhà cười.

Cao hơn nữa, một chiếc trực thăng khí tượng thực hiện cú lượn chúm đầu trên dòng sông Hudson - nhún chào một ngày hè hứa hẹn sẽ nhiều mây và mát mẻ - tiếng cánh quạt quay nhịp phành phạch trên những mái nhà kho phía tây. Chiếc trực thăng hơi nghiêng sang bên trên đà bốc lên, ô cửa nhỏ bên hông mở ra như thể cỗ máy muốn hít thêm không khí. Rồi một ống

kính xuất hiện ngay ô cửa sổ đang mở. Ánh đèn flash lóe lên. Sau đó chiếc trực thăng khéo léo lấy lại độ cao rồi đảo một vòng rộng khắp khu vực.

Nhóm cảnh sát trên quốc lộ phía tây bật đèn xoay loang loáng trên nóc xe, nhanh chóng rẽ ngoặt xuống lối dẫn khỏi đường cao tốc, khiến cho buổi sáng càng trở nên sôi sục.

Nguồn xung lượng mới được nạp thêm vào bầu không khí của người xem, tiếng còi hú chính thức xác nhận đã thành to chuyện. Những tiếng bàn tán rộ lên không ngớt, sự dè dặt không còn nữa, chút bình tĩnh cũng đã cạn, đám đông bắt đầu quay sang nhau mà đồn đoán: liệu anh ta có nhảy xuống không, hay là sẩy chân ngã, hay là định nhón chân đi dọc gờ tường, hay anh ta là nhân viên ở đó, anh ta làm vụ này một mình chẳng, hay chỉ là trò thu hút đám đông nhì, quần áo gì nhìn như đồng phục ấy, ai có ống nhòm không vậy? Những người hoàn toàn xa lạ chen vai thích cánh. Những câu chửi thề lan ra giữa họ, đã bắt đầu có những lời thăm thì về vụ trộm không thành, rằng anh ta là tay trộm đêm, rằng hãn tay ấy đã có con tin trong tay rồi, rằng anh ta là người A-rập hay người Do Thái hay người Hy Lạp, là lính thuộc quân đội Cộng hòa Ireland, hay thực ra chỉ là tay diễn trò mạo hiểm hòng quảng cáo món gì đó, một trò lừa mị công chúng của mấy tập đoàn lớn, đại loại *Hãy uống Côca nhiều hơn, ăn đồ rán Fritos nữa đi, hút thuốc Parliaments nào, xịt thuốc sát trùng Lysol nữa đi, yêu Chúa nhiều vào nhé*. Hay anh ta là một kẻ chống đối đang chuẩn bị treo khẩu hiệu nhì, anh ta sẽ thả nó từ mép tường của tòa nhà, để nó đung đưa trong gió, giống như mảnh quần áo khổng lồ trên bầu trời - NIXON CÚT XÉO! CHÚ SAM, HÃY NHỚ LẤY VIỆT NAM! ĐỘC LẬP CHO ĐÔNG DƯƠNG! Lại có người đoán có lẽ anh ta chơi dù lượn, thế là tất cả những người còn lại thì cười to. Ai cũng lấy làm khó hiểu về sợi dây dưới chân anh ta, và những lời đồn đoán lại râm ran, những âm thanh chửi rủa pha lẫn tiếng xì xào, mỗi lúc một tăng lên theo tiếng còi báo động dội vào tim thành thịch. Chiếc trực thăng đã tìm thấy vị trí đặc địa gần mé tây của các tòa tháp, trong khi ở bên dưới cảnh sát đang chạy hết tốc lực qua sảnh tầng lát đá cẩm thạch của trung tâm Thương mại Thế giới, cánh cảnh sát mặc thường phục xẹt nhanh phù hiệu

cảnh sát từ dưới áo sơ-mi, xe chữa cháy tập trung trước trung tâm thương mại, đèn xanh đỏ lóe lòe trên những tấm kính, thêm một xe cứu hộ với cần cầu có gầu nâng tiến đến, bánh xe to tướng của nó nảy qua gờ nắp cống, ai đó bật cười to khi thấy người lái xe vừa nhìn lên vừa quay tay cần, như thể cái gầu nâng đó có thể vươn tới tận trên kia, cảnh nhân viên an ninh quát tháo vào bộ đàm. Buổi sáng tháng tám hôm ấy nghẽn lại trong tò mò, những người hiếu kỳ đứng chôn chân tại chỗ, không chịu di dịch đi đâu dù chỉ một giây, những giọng nói ngày càng chói lói, nghe ra được đủ loại khẩu âm nhốn nháo, cho tới khi một người đàn ông quá khích từ công ty bảo hiểm Home Title trên phố Nhà thờ nâng khung kính cửa sổ văn phòng của anh ta lên, tì khuỷu tay lên ngưỡng cửa, hít một hơi thật sâu, nghiêng đầu ra ngoài mà cổ gào lên để giọng nói vang xa: Nhảy mẹ nó đi, thằng kia!

Không khí thoáng ảng đi trước khi tiếng cười bật lên, đúng một giây rồi lại chìm ngìm giữa đám người xem, thoáng kính nể dành cho cái câu rất quấy ấy của người đàn ông, bởi lẽ nhiều người cũng nghĩ thầm hết như thế dù không công khai nói ra - Nhảy đi, vì Chúa! Nhảy đi chứ! - rồi người ta xả ra một tràng bàn tán, gọi và đáp, chảy rì rầm suốt từ bậu các cửa sổ xuống đến vỉa hè, chảy dọc những rãnh nứt trên lề đường xuống tận góc phố Fulton, xuôi xuống khối nhà dọc đường Broadway, chạy ngoằn ngoèo đến phố John, ngoặt lên phố Nassau, và cứ thế tiếp tục, một dãy hiệu ứng đô-mi-nô tiếng cười, nhưng trong đó có sự dè dặt, có cả sự mong đợi, và có cả nỗi kinh sợ. Rất nhiều người xem rùng mình nhận ra rằng dù họ có nói gì chẳng nữa, thật ra họ rất muốn chứng kiến một cú nhảy thật sự, muốn xem một ai đó bị ngã xuống từ độ cao như vậy, biến mất khỏi tầm nhìn, vụt qua họ rồi đập xuống nền đất, cảnh ấy sẽ mang đến cho ngày thứ Tư một nguồn năng lượng, một ý nghĩa, rằng tất cả những gì họ cần để trở thành một gia đình chỉ là một phần nghìn giây sơ sẩy, trong khi những người khác - những người muốn anh ta ở nguyên đó, dính lấy sợi dây, ở đó thôi chứ đừng xa hơn - cảm thấy kinh tởm những lời gào thét ấy: họ muốn người đàn ông an toàn quay trở vào trong vòng tay của cảnh sát chứ không phải bầu trời.

Bây giờ thì họ huyền não.

Sôi sục.

Chiến tuyến đã vạch rõ.

Nhảy đi, mẹ kiếp!

Đừng nhảy!

Phía trên kia đã xuất hiện một cử động. Trong bộ trang phục sẫm màu, từng cái co tay nhắc chân của anh đều thấy rõ. Anh ta hơi gập người, cúi xuống, như thể đang kiểm tra lại đôi giày, thân ảnh của anh ta giống một vệt chì đã bị xóa gần hết. Tư thế như thợ lặn sắp nhảy chúi xuống nước. Rồi họ nhìn thấy cảnh ấy. Những người xem đứng nguyên, im lặng. Thậm chí những người vừa nãy muốn xem anh ta ngã giờ cũng im bật. Họ lùi lại mà rên lên kinh ngạc.

Một thân người đang bơi ra giữa không trung. Anh ta đã rơi. Thôi thế là hết. Một vài người cầu nguyện. Nhắm mắt lại. Chờ đợi một cú đập mạnh. Cơ thể anh ta xoay lượn và bị quất ném bởi gió.

Sau đó một tiếng thét vang lên giữa đám người xem, một giọng phụ nữ: Chúa ơi, lạy Chúa, đó là cái áo, đó chỉ là cái áo thôi.

Nó đang rơi xuống, rơi xuống, rơi xuống, đúng thật, một cái áo thun dài tay phơ phất, và rồi những cặp mắt đã thôi không còn nhìn cái áo trong không trung, bởi vì trên cao kia người đàn ông đã đứng thẳng trở lại, một sự im lặng mới bao trùm những người cảnh sát phía trên tháp lẫn đám đông phía dưới, cơn kích động tràn qua họ bởi người đàn ông đã đứng thẳng lên, tay cầm một thanh dài và mỏng, đưa đẩy nhẹ, lượng sức nặng của nó, thử nâng nó giữa không trung, một thanh dài màu đen, dẻo đến nỗi hai đầu mút trông như đung đưa, và mắt anh ta nhìn chăm chăm về tòa tháp phía xa, vẫn còn được bọc trong giàn giáo, giống như con thú bị thương chờ người đi săn tiến đến. Đến bây giờ mọi người đã hiểu ý nghĩa của sợi dây dưới chân anh ta, và dù nó có nghĩa gì khác đi chẳng nữa họ cũng không thể bỏ đi lúc này, không café buổi sáng, không thuốc lá trong phòng hội thảo, không thờ ơ lê bước trên thảm; sự chờ đợi như có ma lực, họ quan sát anh ta nhắc một chân đi giày mềm màu sẫm, như sắp sửa dấn mình vào vùng nước xám ẩm áp.

Những người xem bên dưới cùng hít sâu một hơi. Không khí đột nhiên ngập tràn thông cảm. Người đàn ông phía trên là một thông điệp mà họ chùng như đã biết, mặc dù trước đây chưa từng nghe qua.

Anh ta bắt đầu đi.



Phần 1

THIÊN ĐÀNG ĐẸP ĐẼ THẬT, NHƯNG TÔI VẪN THÍCH Ở ĐÂY HƠN

MỘT TRONG NHIỀU ĐIỂM ở mẹ mà tôi và em trai Corrigan yêu thích là bà có tài chơi nhạc. Bà đặt một chiếc đài nhỏ trên cây đàn piano hiệu Steinway trong phòng khách nhà chúng tôi ở Dublin. Vào các buổi chiều Chủ Nhật, sau khi đã nghe qua một đài bất kỳ nào mà chúng tôi dò được, như Radio Eireann hay BBC chẳng hạn, mẹ sẽ nâng chiếc nắp đàn đen bóng lên, trải váy ngồi trên băng ghế gỗ, và cố chơi lại theo trí nhớ những đoạn điệp khúc jazz hay những bản tình ca Ireland, và nếu chúng tôi dò đúng đài thì còn có những giai điệu cũ của Hoagy Carmichael. Mẹ tôi chơi đàn với lối chạy phím nhẹ nhàng tự nhiên, mặc dù một bàn tay bà thường bị đau do đã gãy nhiều lần. Anh em tôi chẳng bao giờ biết tại sao mẹ bị gãy tay bởi bà chẳng bao giờ nói. Khi chơi xong, mẹ hay xoa nhẹ cổ tay. Tôi thường có cảm giác những nốt nhạc như vẫn còn rung láy xuyên qua những đốt xương, như thể chúng có thể nhảy từ đốt này qua đốt khác, cả chỗ xương gãy ngày xưa. Sau này, trải bao năm tháng, tôi vẫn có thể đắm mình vào những buổi chiều ngày đó và nhớ lại ánh nắng sóng sánh đổ tràn trên thảm. Thịnh thoảng mẹ vòng tay qua hai anh em, cầm tay chỉ chúng tôi ấn những phím đàn.

Có lẽ giờ chẳng còn ai nhớ về mẹ mình theo kiểu anh em tôi hồi đó, thời giữa thập niên năm mươi, khi mà âm thanh ngoài cửa sổ chủ yếu là tiếng gió và hòa âm của biển. Cho dù còn đó những mất mát, có lúc này lúc khác, còn nỗi buồn chia cắt chúng tôi và mẹ, nhưng sự thật là chúng tôi đã rất đầm ấm bên nhau, cả ba mẹ con đều thấy sung sướng, và điều đó chưa bao giờ hiển hiện rõ nét như những ngày Chủ Nhật xa xôi khi mưa rơi xám xịt phủ khắp vịnh Dublin và những cơn gió giạt thổi đập vào những ô cửa sổ.

Ngôi nhà của chúng tôi ở Sandymount nhìn ra ngoài vịnh. Lối đi ngắn dẫn vào nhà mọc đầy những cây dại, một bãi cỏ vuông vức, một hàng rào sắt sơn đen. Chỉ cần băng qua đường là chúng tôi có thể đứng trên đập ngăn nước biển uốn cong quanh vịnh và nhìn được thật xa. Một khóm những cây cọ mọc phía cuối con đường. Chúng đứng đó, nhỏ bé và còi cọc hơn những cây cọ ở bất kỳ đâu khác nhưng vẫn đẹp lạ kỳ, như thể mời mọc người ta tới ngắm mưa trên vịnh Dublin. Corrigan ngồi trên thành đập, đập hai gót chân vào nhau và nhìn xa xăm ra con nước phía ngoài bãi cát phẳng lì. Đáng ra tôi nên biết trước rằng dù biển đã hấn sâu trong tâm trí nó, sẽ có một ngày nó rời bỏ nơi này. Sóng trườn vào và vỡ tan dưới chân em tôi. Tối tối nó hay đi trên con đường chạy ngang tháp Martello tới khu nhà tắm công cộng đã đóng cửa, ở đó nó thích trèo lên đứng thẳng bằng trên thành đập chặn sóng, hai tay dang rộng.

Các buổi sáng cuối tuần ba mẹ con thường cùng đi dạo, mắt cá chân ngập trong những con sóng nhỏ, ngoảnh lại ngắm nhìn dãy nhà, đường bờ biển và những khăn quàng khói quần quýt bay lên từ những ống lò. Hai trạm điện khổng lồ màu đỏ và trắng chọc gậy đường chân trời phía đông, nhưng ở những hướng còn lại chân trời vẫn là một đường cong nhẹ nguyên lành, được tô điểm bởi những con mòng biển trong không trung, những chiếc tàu thủy chờ thư ngoài Dun Laoghaire và những đám mây lướt nhanh cuối trời. Khi triều xuống, bãi cát phô ra lờm chờm, đôi khi có thể đi bộ ra xa đến vài trăm mét giữa những vũng nước mặn rải rác, đồ cũ vứt đi, vỏ sò và những thanh khung giường.

Thủy triều vịnh Dublin vốn dâng lên chậm chạp, cũng như thành phố mà nó uốn mình lượn quanh, nhưng nó có thể thay đổi khó lường. Thịnh thoảng vào những ngày mưa bão, sóng nước vẫn lao ầm ầm vào đập chắn. Biển một khi đã tràn qua sẽ mãi lưu lại dấu vết. Muối phủ một lớp vỏ cứng trên cửa sổ ngôi nhà chúng tôi ở. Vòng sắt trên cửa ra vào rỉ đỏ quạch.

Những ngày tiết trời ảm đạm, chúng tôi ngồi trên bậc thang, Corrigan và tôi. Bố chúng tôi, một nhà vật lý, đã bỏ mấy mẹ con vài năm trước. Tuần một lần, một tờ séc đóng dấu bưu điện ở London đến qua khe bỏ

thư. Không kèm một dòng một chữ nào, chỉ mỗi tờ séc từ ngân hàng ở Oxford. Nó xoay xoay trong không khí khi rơi xuống qua khe. Chúng tôi chạy nhặt mang đến cho mẹ. Bà để phong bì dưới chậu cảnh trên bậu cửa sổ nhà bếp và vào ngày tiếp theo nó biến mất. Không một lời giải thích nào thêm. Dấu vết duy nhất còn lại nhắc nhớ đến bố là một tủ gỗ đựng đầy những bộ com-lê cũ của ông đặt trong phòng ngủ của mẹ. Corrigan mở cửa. Trong bóng tối chúng tôi ngồi tựa lưng vào những ván cửa gỗ xù xì, ướm chân vào những đôi giày của bố, để tay áo của ông chạm vào tai mình, cảm nhận hơi lạnh từ những chiếc cúc ở cổ tay áo. Một buổi chiều mẹ bắt gặp anh em tôi đang khoác trên người những bộ com-lê màu xám của bố, tay áo xắn lên còn quần thì túm bằng dây thun. Chúng tôi đang duyệt binh quanh phòng trong những đôi giày leo núi quá cỡ của ông thì mẹ đến và đứng chết lặng ở cửa, căn phòng trở nên yên tĩnh đến nỗi hai anh em có thể nghe cả thấy tiếng tích tích của chiếc lò sưởi điện.

Thế đấy, mẹ bật ra, bà quỳ xuống sàn trước mặt chúng tôi. Khuôn mặt bà giãn ra trong một nụ cười rộng nhưng dường như khiến bà đau đớn. Lại đây. Bà hôn lên má rồi vỗ vào mông hai đứa. Giờ thì các con ra ngoài chơi đi. Chúng tôi chui ra khỏi những bộ quần áo cũ của bố, để chúng vương vãi trên sàn nhà.

Đêm hôm đó chúng tôi nghe thấy tiếng mắc treo áo lách cách khi mẹ hết treo lại tháo những bộ com-lê ấy.

Suốt những năm tháng đó, thường vẫn xảy ra những trận gây lộn của anh em tôi, có khi đâm nhau đến chảy máu mũi, gãy cả đầu con ngựa gỗ bập bênh, mẹ thì phải đối phó với những lời xì xào của hàng xóm, thậm chí là sự tọc mạch, nhưng dầu sao cuộc sống vẫn trải ra rất dễ chịu trước mắt ba mẹ con: yên bình, thoáng đãng, như làn cát xám cuốn qua.

Corrigan ngủ chung với tôi trong căn phòng nhìn ra biển. Tôi cũng không nhớ rõ làm sao thằng em nhỏ hơn tôi tận hai tuổi lại chiếm được giường tầng trên. Nó nằm sấp nhìn ra ngoài bóng tối qua cửa sổ, nhắm đọc những lời cầu nguyện có vần có điệu thật nhanh và dứt khoát, nó bảo đó là những vần thơ ru ngủ. Đó là những câu thần chú của riêng nó, có khi chen

mấy tiếng cười khùng khục và mấy hơi thở thật dài, tôi chịu không hiểu nổi. Càng gần đến giấc ngủ, những lời cầu nguyện càng giàu nhịp điệu, một thứ nhạc jazz, mặc dù đôi khi tôi nghe nó chen vài tiếng chửi bậy, hẳn tới đoạn đó câu kinh đã bị tước cái vỏ thiêng liêng. Tôi có thuộc mấy bài kinh quen thuộc nhất của đạo Thiên Chúa, như bài Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng, nhưng cũng chỉ đến thế là hết. Hồi còn nhỏ tôi vốn ngây thơ ít nói, và đối với tôi Chúa chẳng có gì thú vị. Tôi đá chân lên phía đuôi giường Corrigan, nó im được một lát rồi lại mở máy. Thỉnh thoảng khi thức dậy vào buổi sáng, tôi thấy nó xuống nằm kề bên, cánh tay ôm quàng qua vai, ngực phập phồng khi mồm vẫn nhấm đọc những lời cầu nguyện.

Tôi quay sang: - Ê, Jesus, Corr^[2], thôi đi.

Em tôi có làn da trắng sáng, tóc sẫm, mắt xanh. Kiểu bé con đáng yêu. Cứ hễ thấy nó chớp chớp mắt nhìn là lòng dạ ai cũng nhũn cả ra.

Mọi người đều yêu nó. Trên đường, các bà các cô đi ngang vò tóc nó rối xù cả lên. Cánh đàn ông đang bận tay cũng ngừng lại dấm đùa lên vai nó âu yếm. Nó chẳng hề biết sự hiện diện của nó đã cứu vớt họ, khiến họ trở nên vui vẻ, khơi gợi trong họ những khát khao xa vời - nó cứ thế bình thản đi qua cuộc đời.

Năm lên mười một tuổi, một đêm tôi chợt thức dậy bởi luồng khí lạnh phủ lên người. Tôi nhào tới bên cửa sổ nhưng cửa vẫn đóng. Tôi mò mẫm bật đèn, căn phòng vụt ngập ánh đèn vàng. Một thân hình cúi gập giữa phòng.

— Corr?

Cái lạnh vẫn cuốn quanh cơ thể nó. Hai má nó đỏ au. Một lớp sương ẩm còn đọng trên tóc nó. Người nó đầy mùi thuốc lá. Nó đặt một ngón tay lên môi ra hiệu giữ im lặng và leo lên giường tầng.

— Đi ngủ thôi, - nó thì thầm từ phía trên. Mùi thuốc vẫn vương vất trong không khí.

Tới sáng, nó nhảy từ trên giường xuống, khoác chiếc áo có mũ trùm đầu bên ngoài bộ đồ ngủ. Run rẩy, nó mở cửa sổ và giữ cát đọng trong giày

qua bậu cửa xuống khu vườn bên dưới.

— Tối qua mày đi đâu đó?

— Dạo bờ biển chút mà.

— Mày hút thuốc đúng không?

Nó ngoảnh đi, xoa xoa hai cánh tay cho ấm.

— Không.

— Mày không được phép hút dâu, biết chưa.

— Em dâu có hút.

Sáng hôm đó mẹ đưa hai anh em tới trường, những chiếc cặp da nầy lật bật trên vai. Gió thổi lạnh căm dọc những con phố dài. Đến cổng trường mẹ quỳ một chân xuống, quàng tay qua hai đứa, giúp sửa lại cà vạt, rồi hôn cả hai, lần lượt. Khi đứng dậy định ra về, bà chợt nhìn chăm chăm sang bên kia đường, chỗ cạnh hàng rào nhà thờ: một bóng người tối sẫm quần chiếc chần lớn màu đỏ. Người đàn ông giơ tay chào. Corrigan vẫy tay chào lại.

Ở Ringsend có rất nhiều người già nát rượu, nhưng mẹ tôi dường như đặc biệt chú ý đến người này, tôi chợt nghĩ hay là có điều gì đó mình chưa biết.

— Ai vậy mẹ? - Tôi hỏi.

— Vào học đi, - mẹ ngăn gọn. - Để về nhà rồi nói sau.

Em trai tôi đi cạnh tôi, chỉ im lặng.

— Ai vậy, Corrie? - Tôi huých nó. - Ai vậy?

Nó bỏ đi tuốt vào lớp học.

Cả ngày hôm đó tôi ngồi trước chiếc bàn gỗ, gặm bút chì, tự hỏi liệu ông đó là vị chú bác nào ít tới lui với gia đình, hay chính là bố đã trở về và xuống dốc tới cỡ này. Vào những ngày đó thì chẳng có gì là không thể. Đồng hồ treo sau lưng bọn tôi nhưng ngay trên bồn rửa tay ở góc phải lớp có gắn cái gương đã ố cũ, nên nhìn vào gương tôi thấy được hình chiếu ngược của mấy cây kim đồng hồ. Khi chuông đã điểm, tôi ra cổng, còn Corrigan đi

đường vòng về nhà, nó bước những bước ngắn xuyên qua khu nhà ở và những hàng cọc, dọc theo đập ngăn nước biển.

Trên giường Corrigan đặt sẵn một gói bọc giấy nâu mềm. Tôi đẩy về phía nó. Nó nhún vai, lướt tay theo viền gói hàng rồi ngấp ngừng mở ra. Bên trong là một cái chăn khác màu xanh dương, hiệu Foxford. Nó giở chăn ra, rũ dài hết cỡ, rồi nhìn lên mẹ khẽ gật đầu.

Bà áp mấy ngón tay lên mặt nó, dặn dò: Không được làm thế nữa, con hiếu không?

Không ai nói gì nữa, cho đến hai năm sau, cũng vào một đêm buốt giá, em tôi lại tặng cái chăn đó cho một kẻ nát rượu không nhà cửa nó bắt gặp trong những chuyến du hành đêm khuya, khi nó rón rén lần xuống thang và lẩn vào đêm tối. Đối với nó, đây là sự đánh đổi công bằng: đơn giản là có người khác cần chăn hơn nó, thế nên nó cho đi và sẵn lòng chịu phạt nếu phải thế. Đó là dấu hiệu sớm nhất cho thấy con người của nó sau này cũng như những gì tôi sẽ chứng kiến giữa đám người dưới đáy ở New York: đám gái điếm, bọn buôn gian bán lận, những kẻ cùng cực vô hy vọng - tất cả bọn họ bám lấy nó như thể nó là hiện thân sáng chói của ơn trên giữa cái hố phân hiện thực này.

○ ○ ○

CORRIGAN BẮT ĐẦU say xỉn từ rất sớm, năm mười hai, mười ba tuổi gì đó, tuần một lần, vào các chiều thứ Sáu sau khi tan học. Nó chạy qua cổng rào mé Blackrock về phía trạm xe buýt, cà vạt tháo tuột, áo khoác đồng phục vo tròn, trong khi đó tôi ở lại chơi bóng bầu dục trong trường.

Tôi thấy nó nhảy lên tuyến buýt số 45 hay 7A, len lách về dãy ghế cuối khi chiếc xe rời bến.

Corrigan thích những nơi kiệt cùng ánh sáng. Khu cảng. Những quán trọ rẻ tiền. Những góc phố nơi đá lót đường vỡ nham nhở. Nó thường ngồi

với đám say rượu ở phố Frenchman's Lane hay Spencer Row. Nó mang theo chai rượu và chuyền cho cả bọn. Nếu cái chai quay vòng trở lại nó cũng ngửa cổ uống rồi lấy mu bàn tay quét miệng như dân nhậu thứ thiệt. Nhưng ai cũng nhìn ra nó không phải thứ thiệt, vì rượu đến mới uống, không nó cũng chẳng chủ động đòi cái chai. Có lẽ nó nghĩ nó đang hòa nhập dần với đám ấy. Cũng có mấy tay nghiện rượu ác ý cười nhạo nó nhưng nó chẳng hề bận tâm. Họ đang lợi dụng nó, tất nhiên rồi. Họ coi nó là thằng nhãi vặt mũi chưa sạch đang muốn thử cuộc sống kẻ nghèo, nhưng nó lại có ít tiền trong túi và luôn sẵn sàng cho đi, thế là họ thi nhau dẫn nó đi mua rượu chai hay thuốc lá lẻ chỗ góc đường.

Có những hôm nó về nhà mà chân không đi tất. Có khi không cả áo sơ-mi, thế là nó phải chạy vội lên lầu trước khi bị mẹ bắt gặp. Nó đánh răng, rửa mặt xong mới xuống, quần áo đã chỉnh tề, nhìn vẫn hơi lơ mơ nhưng không đến nỗi say nhè đến nỗi mẹ phát hiện.

— Con đã đi đâu vậy?

— Làm việc của Chúa.

— Thế việc của Chúa không gồm chăm sóc mẹ mình à con? - Mẹ chỉnh lại cổ áo cho em thôi khi nó ngồi xuống ăn tối.

Sau một thời gian qua lại với những người thất cơ lỡ vận, nó bắt đầu hòa nhập được, trượt xuống dưới đáy, tan vào giữa đám ấy. Nó đi cùng họ tới quán trọ trên đường Rutland và ngồi phệt xuống dựa tường. Corrigan lắng nghe mẩu chuyện đời của họ: những chuyện lê thê dông dài dường như đều bắt nguồn từ một Ireland hoàn toàn khác. Chừng như nó coi đây là thời kỳ tập sự: nó tìm đến cảnh nghèo như thực sự muốn trở thành như vậy. Nó uống rượu. Nó hút thuốc. Nó không bao giờ nhắc tới bố, dù là với tôi hay bất kỳ ai. Nhưng tôi biết ông vẫn luôn hiện diện, người bố đã rời bỏ chúng tôi đó. Corrigan có lẽ muốn chìm chết ông ta trong rượu hay nhổ phụt ông đi như bã thuốc lá trong mồm nó.

Vào sinh nhật mười bốn tuổi của Corrigan, mẹ bảo tôi đi đón nó, bánh nướng đã xong xuôi rồi mà cả ngày nó đi đâu mất mặt. Làn mưa bụi

phủ xuống buổi đêm ở Dublin. Một chiếc xe ngựa chạy vượt qua mang theo quầng sáng từ máy phát điện động năng. Tôi nhìn theo chiếc xe lộp cộp tiến vào phố, quét dài cái đuôi ánh sáng. Tôi ghét thành phố vào những lúc như thế này, chừng như nó chẳng mong hòng gì thoát khỏi lớp màn xám xịt. Tôi đi ngang những nhà nghỉ kèm bữa sáng, những hiệu đồ cổ, xưởng đúc nến, tiệm bán mặt chuỗi đeo. Quán trọ tôi ghé vào tìm nó có cổng sắt sơn đen, đầu rào nhọn hoắt. Tôi ra phía sau quán, chỗ đặt dây thùng rác. Nước rỉ long tong từ một ống dẫn vỡ. Tôi bước qua đồng thùng và hộp các-tông, hét gọi tên nó. Khi tôi tìm được thì nó đã say đến độ không đứng lên nổi. Tôi tóm lấy cánh tay nó. Ê, chào, nó cười. Nó ngã đập vào tường và bị đứt tay. Nó đứng nhìn chăm chăm vào lòng bàn tay. Máu chảy xuống. Một gã say rượu trẻ tuổi mặc cái áo phong đở kiểu công tử bột bước lại nhổ toẹt vào em tôi. Đó cũng là lần duy nhất tôi chứng kiến Corrigan vung nắm đấm. Cú đấm hoàn toàn chệch đích, máu trên tay nó tung vãi. Ngay khi đó tôi đã biết mình sẽ không bao giờ quên được cảnh ấy, lúc Corrigan vung tay, máu từ tay nó bắn tóe lên tường.

— Ta là người theo chủ nghĩa hòa bình, - giọng nó líu nhíu.

Tôi dìu nó suốt dọc bờ sông Liffey, qua những con tàu chở than đá, đến tận khu Ringsend, ở đó tôi rửa ráy qua cho nó ở chỗ máy nước cũ trên phố Irishtown. Nó áp hai tay lên mặt tôi mà thì thào: “Cảm ơn, cảm ơn.” Khi ra tới đường Beach dẫn về nhà thì nó bắt đầu khóc. Bóng tối dày đặc bao trùm biển khơi. Mưa rỏ giọt gianh từ những cây cọ hai bên đường. Tôi lôi nó ra khỏi bãi cát. Em thật yếu đuối, nó sụt sịt. Nó lấy tay áo lau nước mắt, châm một điếu thuốc rồi bật ho cho tới khi phát nôn.

Đến cổng nhà, nó nhìn lên ánh đèn trong phòng ngủ của mẹ. “Mẹ còn thức không?”

Nó bước những bước dè dặt trên lối vào nhà nhưng khi đã vào trong thì nó chạy lên gác, ủa vào lòng mẹ. Tất nhiên, mẹ nhận thấy mùi rượu và thuốc nhưng bà chẳng nói gì. Bà chuẩn bị cho em tôi tắm, rồi ngồi xuống ngoài cửa. Lúc đầu bà ngồi yên, rồi bà duỗi chân ra chỗ đầu cầu thang, tựa

đầu vào khung cửa mà thở dài: có cảm giác như mẹ tôi cũng đang tắm mình vào những tháng ngày còn đọng trong ký ức.

Em tôi đã mặc xong quần áo, bước ra ngoài, mẹ lấy khăn lau khô tóc cho nó.

— Con sẽ không uống nữa nhé cưng?

Nó tỏ ý nghe theo.

— Phạt cấm túc vào các ngày thứ Sáu, đúng năm giờ phải về nhà. Con có nghe mẹ nói không?

— Thế là phải ạ.

— Hứa với mẹ đi.

— Con thề với mẹ.

Mắt em tôi đỏ ngầu.

Mẹ hôn lên tóc nó và ôm nó thật chặt. “Dưới nhà có bánh cho con đấy cưng.”

Trong hai tuần tiếp theo Corrigan không đi chơi vào thứ Sáu, nhưng chẳng bao lâu nó lại cặp kè với đám say xỉn kia. Như đã thành nếp quen khó bỏ. Đám cùng cực khốn khổ kia cần nó, hay ít ra là cũng thích nó ở bên. Đối với họ nó là một thiên thần rồ dại đến khó tin. Nó vẫn uống với họ, nhưng chỉ vào các ngày đặc biệt. Hầu như nó không bao giờ say nữa. Nó có ý nghĩ rằng những gã kia chừng như muốn kiếm tìm một nơi đại loại như vườn Địa đàng nên cố mà nốc để được tới đó, nhưng khi đã tới nơi rồi họ lại không thể nán lại mãi mãi. Nó chẳng cố khuyên họ ngừng uống bao giờ. Nó không làm kiểu thế.

Có lẽ có rất nhiều lý do khiến tôi không ưa Corrigan, cậu em trai luôn đem đến một tia xán lạn thúc người ta sống, nhưng không hiểu sao tôi không sao ghét nó cho được. Nó chỉ để tâm tới hạnh phúc - hạnh phúc là gì và hạnh phúc không phải là gì, người ta có thể tìm thấy hạnh phúc ở đâu và hạnh phúc có thể đã bị đánh mất ở nơi nào.

Mẹ tôi mất khi tôi mười chín còn Corrigan mười bảy, sau quãng thời gian chống chọi ngăn ngừa với căn bệnh ung thư thận. Điều cuối cùng bà dặn dò chúng tôi là chú ý kéo rèm để ánh nắng không chiếu vào làm bột tẩm thảm trải phòng khách.

Bà được đưa tới bệnh viện St. Vincent's vào ngày đầu tiên của mùa hè. Chiếc xe cứu thương để lại những vệt ẩm ướt dọc đường biển. Corrigan điên cuồng đạp xe đuổi theo. Bà được đặt vào một phòng chập kín bệnh nhân. Chúng tôi thu xếp một phòng riêng cho mẹ rồi tô điểm thêm căn phòng bằng hoa. Anh em tôi thay phiên nhau ngồi bên giường mẹ, chải tóc cho bà, những sợi tóc dài và rất dễ rụng. Những nhúm tóc rụng bám trên lược. Lần đầu tiên trong đời mẹ có cảm giác bị bỏ rơi: cơ thể bà đã phụ bà. Cái gạt tàn thuốc cạnh giường đựng đầy tóc. Tôi cứ nuôi mãi cái ý nghĩ rằng nếu chúng tôi giữ những sợi tóc dài màu xám đó thì chúng tôi sẽ có thể quay trở lại những ngày tháng cũ. Đó là tất cả những gì tôi làm được. Mẹ sống được thêm ba tháng, rồi bà từ giã cuộc sống vào một ngày tháng chín khi vạ vật chùng như nứt toác ra dưới ánh nắng mặt trời.

Chúng tôi ngồi trong phòng đợi các y tá đến đưa bà đi. Corrigan đang đọc dở một bài cầu nguyện dài thì một bóng người xuất hiện ngoài cửa.

— Chào mấy đứa.

Giọng nói buồn thương của bố tôi pha chất Anh. Tôi đã không gặp lại ông từ hồi lên ba tuổi. Một lần ánh sáng hắt lên ông. Trông ông nhợt nhạt, dáng lòm khòm. Đầu chỉ còn một ít tóc nhưng mắt ông còn xanh trong. Ông bỏ mũ xuống đặt lên ngực. “Ta rất tiếc, các chàng trai ạ.”

Tôi đi tới bắt tay ông, chột giật mình khi nhận thấy mình cao hơn ông. Ông nắm lấy vai tôi và siết chặt.

Corrigan vẫn im lặng.

— Con trai, lại đây bắt tay nào.

— Làm thế nào ông biết được mẹ tôi bị ốm?

— Thôi nào, lại đây, bắt tay bố ra dáng đàn ông cái nào.

— Nói tôi nghe đi.

— Con không định bắt tay bố hay sao?

— Ai đã báo với ông?

Bố tôi choáng váng.

— Con đối với bố thế đấy hả?

Corrigan quay lưng lại hôn lên vầng trán lạnh của mẹ rồi bỏ đi không nói một lời. Cánh cửa đóng sập lại. Bóng song cửa in vắt ngang giường mẹ. Tôi tới bên cửa sổ, thấy Corrigan giật mạnh chiếc xe đạp ra khỏi chỗ dựng, phóng xe qua những luống hoa, áo sơ-mi bay phần phật khi nó hòa vào dòng xe cộ trên đường Merrion.

Bố tôi kéo ghế ngồi xuống cạnh mẹ, chạm vào cánh tay bà qua lớp khăn phủ.

— Khi bà ấy không còn tới lĩnh tiền nữa, - ông lên tiếng.

— Sao ạ?

— Đó là khi ta biết bà ấy bị ốm, - ông đều đều. - Khi bà ấy không đến lĩnh séc đổi tiền nữa.

Một tia buốt lạnh xuyên vào ngực tôi.

— Ta chỉ nói cho con sự thật, - ông tiếp tục. - Nếu con không thể chịu đựng nỗi sự thật thì đừng gặng hỏi.

Đêm đó bố về nhà chúng tôi ngủ. Ông mang theo một chiếc va li nhỏ đựng một bộ com-lê đen để dự tang và đôi giày bóng loáng. Corrigan ngăn ông lại khi ông lên cầu thang. Ông nghĩ đang đi đâu vậy hả? Bố tôi bấu chặt lan can. Bàn tay ông đã lấm tẩm đồi mồi, tôi thấy được cả người ông run lên trong phút ngập ngừng. Đó không phải phòng của ông, Corrigan nói. Bố tôi lão đảo. Ông bước thêm một bậc. “Đừng,” em trai tôi vẫn cương quyết. Giọng nó to, dứt khoát và mạnh mẽ. Bố chúng tôi đứng đó, sững sờ. Ông bước thêm một bậc nữa rồi quay xuống, nhìn ra xung quanh, trông hẫng hụt.

— Con ruột mà thế đấy, - ông thốt lên.

Chúng tôi sắp xếp để ông ngủ trên chiếc ghế sofa trong phòng khách, nhưng ngay cả như thế Corrigan cũng không chịu ở chung với ông dưới một mái nhà, nó bỏ ra ngoài đi bộ về phía trung tâm thành phố. Tôi tự hỏi đêm ấy liệu nó dạt vào ngõ ngách nào, có dính vào ấu dả không, và chọn chai rượu nào để chìm mình vào đó.

Buổi sáng hôm lễ tang, tôi nghe tiếng bố gọi to tên thánh của Corrigan. “John ơi, John Andrew.” Tiếng cánh cửa đóng sầm. Rồi một cánh khác nữa. Tiếp sau đó là một sự im lặng thật lâu. Tôi dựa vào gối, để cái tình lặng bủa vây quanh người. Có tiếng bước chân trên cầu thang. Tiếng cọt kẹt trên bậc cao nhất. Những tiếng ồn ầm giấu điều bí mật. Corrigan chạy rầm rầm qua chiếc tủ ly ở tầng dưới rồi đóng sầm cửa trước lại.

Khi tới bên cửa sổ tôi thấy một hàng những người đàn ông ăn mặc chỉnh tề đứng sẵn trên bờ biển, ngay bên ngoài nhà tôi. Họ đang mặc những bộ com-lê cũ của bố, đầy đủ cả mũ và cà vạt nữa. Một người gập chiếc khăn tay màu đỏ đặt vào túi ngực bộ com-lê đen. Một người khác tay cầm đôi giày bóng loáng. Corrigan đi giữa bọn họ, hơi nghiêng người, rút tay trong túi quần, miệng túi ló ra chai rượu. Nó cười trần, nom thật hoang dại. Tóc tai chưa chải. Hai cánh tay và cổ rám nâu, nhưng những phần da khác trắng nhợt nhạt. Nó cười toe toét và vẫy tay chào bố giờ đang đứng ở cửa trước, chân không giày, sững sờ nhìn ra một tá phiên bản của chính ông đang đi bộ trên cát.

Tôi nhận ra hai phụ nữ thường đứng nhận hàng từ thiện ở khu nhà trọ, họ đang bước đi thong dong dọc bờ cát nhầy nhụa trong những bộ đầm mùa hè của mẹ như để mừng bộ cánh mới.

○ ○ ○

ĐÃ CÓ LẦN CORRIGAN NÓI VỚI TÔI rằng Chúa thực ra không khó hiểu. Người đi đến nơi phải đến thế thôi. Và nán lại nơi cần Người. Người chẳng đem gì theo mấy, một đôi dép, một manh áo, thêm vài thứ đồ lặt vặt để chống chọi với nỗi cô đơn. Người không khi nào quay mặt với nhân gian. Nếu làm thế thì đồng thời người cũng từ bỏ nhiệm màu. Mà nếu từ bỏ những điều nhiệm màu, coi như Người đã từ bỏ niềm tin.

Điều mà Corrigan mong đợi là một đức Chúa có thể tin cậy tuyệt đối, người mà ta có thể tìm thấy giữa lầm than đời thường. Niềm an ủi mà nó rút ra từ những thực tế lạnh lùng và tàn khốc - rác rưởi, chiến tranh, nghèo đói - chính là cuộc sống còn chứa đựng những vẻ đẹp giản dị. Nó không hứng thú với những câu chuyện về kiếp sau rục rĩ hay cõi thiên đường ướp mặt. Đối với nó đó chỉ là phòng thay đồ trước khi vào địa ngục. Nó thích tự an ủi rằng ở thế giới hiện thực này, nếu nó chịu nhìn thật gần vào bóng tối, thì nó có thể tìm được ánh sáng, dầu bị hủy hoại hay bị làm méo mó nhưng vẫn tồn tại. Điều nó muốn khá đơn giản, chỉ là một thế giới tốt đẹp hơn bây giờ, và hy vọng về điều đó đã thành nếp quen trong nó. Điều đó đem đến cảm giác vui sướng vượt ngoài khuôn khổ lý giải kiểu thần học, một nguyên do để lạc quan bất chấp tất cả.

Một ngày nào đó những người hiền lành tử tế có lẽ sẽ thực sự mong muốn điều đó, nó nói vậy.

Sau khi mẹ mất, chúng tôi bán ngôi nhà đi. Bố lấy một nửa số tiền. Corrigan yên lặng tặng phần của nó. Nó sống bằng khoản cứu tế của những người xung quanh và bắt đầu nghiên ngẫm tác phẩm của thánh Francis thành Assisi. Nó có thể lang thang khắp thành phố và đọc sách trong nhiều tiếng đồng hồ liên tục. Nó tự làm cho mình một đôi dép từ da vụn và tròng vào những đôi tất chẳng ăn nhập gì với nhau. Nó gây chú ý trên các nẻo đường Dublin vào giữa thập niên sáu mươi với tóc tai xõa xượi và chiếc quần rộng thùng thình, mấy cuốn sách kẹp dưới cánh tay. Nó có cái kiểu bước dài mà không dứt khoát. Nó đi khắp nơi không một xu dính túi, không áo khoác, không cả áo sơ-mi. Tháng tám hàng năm, vào lễ kỷ niệm sự kiện ở Hiroshima, nó lẩn vào giữa những vòm cổng của tòa nhà Quốc hội trên

đường Kildare, trải một đêm vọng âm thầm, không chụp ảnh, không phóng viên, chỉ mình nó và vỏ thùng các-tông trải trên nền đất.

Khi em tôi mười chín tuổi nó bắt đầu theo học các thầy thuộc dòng Tên ở trường Emo. Tỉnh mơ dậy làm lễ Mi-xa. Sau đó là nhiều giờ liền cho môn thần học. Chiều chiều đi dạo trên đồng. Tối tối đi dọc sông Barrow, khấu cầu thiên Chúa hiển thân dưới những vì sao. Buổi kinh sáng, buổi kinh trưa, buổi kinh chiều, khóa vãn cuối ngày. Kinh tụng, thánh thi, phúc âm. Những thứ ấy khếp niềm tin của nó vào khuôn khổ nghiêm ngặt, buộc nó vào một mục đích. Nhưng những ngọn đời của hạt Laois không giữ được chân nó. Nó không thể chỉ là một tu sĩ bình thường - đó không phải cuộc sống dành cho nó; chính nó cũng không nói rõ ra được, nhưng nó biết mình cần nhiều không gian hơn cho để xác tín những mối hoài nghi còn ôm ấp. Nó rời Nhà Tập và tới Brussels, gia nhập một nhóm những thầy tu trẻ nguyện sống trinh bạch, kham khổ và vâng phục. Nó sống trong một căn phòng nhỏ ở trung tâm thành phố. Nuôi tóc dài thêm. Vùi đầu vào những cuốn sách của Augustine, Eckhart, Massignon, Charles de Foucauld. Đó là cuộc sống của những người lao động bình dị, tràn đầy tình thân hữu và đoàn kết. Nó nhận lái một xe tải chuyên chở hoa quả cho một hợp tác xã địa phương và thành lập công đoàn cho một nhóm công nhân nhỏ ở đó. Trong khi làm việc nó không mặc áo quần của thầy tu, không đeo tràng hạt, không mang theo Kinh Thánh, và thường chỉ thích ngồi im lặng, dù là khi giữa những đạo hữu của nó.

Chẳng mấy ai quen nó được biết về tín ngưỡng nó theo, kể cả ở những nơi nó ở lại lâu nhất cũng vậy, mọi người thường dành cho nó sự cảm mến như khi nhớ về một kỷ nguyên nào khác, khi thời thế chừng như chậm rãi, ít phức tạp như bây giờ. Niềm tin của Corrigan không lay chuyển dù có phải chứng kiến những cách đối xử tồi tệ nhất giữa người với người. Có lẽ nó quá ngây thơ, nhưng cả điều đó cũng chẳng khiến nó bận tâm; nó nói thà chết với niềm tin còn hơn lĩnh kết cục của một kẻ yếm thế.

Đồ đạc duy nhất mà nó mang theo là chiếc bọc quỳ cầu nguyện bằng gỗ sồi và giá sách. Trên giá xếp nhiều tập thơ mang màu sắc tôn giáo, tác giả

đa phần khá cấp tiến, và sách của mấy nhà thần học giải phóng. Nó mong mỗi được đến nước nào đó thuộc Thế giới thứ ba nhưng chưa có dịp. Brussels đã trở nên quá quen thuộc. Nó muốn một nơi khắc nghiệt hơn. Nó đã tới những khu nhà ổ chuột ở Naples, làm việc với những người nghèo ở khu dành cho dân Tây Ban Nha, nhưng rồi lại được cử tới New York vào đầu thập niên bảy mươi. Nó không thích quyết định này, thậm chí đã từ chối vì cho rằng New York quá kiêu cách và sạch sẽ, nhưng không cách nào cãi được các bậc bề trên, nó được cử đi đâu thì phải đến đúng chỗ ấy.

Nó lên máy bay với một chiếc va li đựng đầy sách, bụi cầu nguyện và một quyển Kinh Thánh.

○ ○ ○

TÔI BỎ NGANG TRƯỜNG ĐẠI HỌC và trải quãng thời gian đẹp nhất của những năm cuối tuổi hai mươi trong căn hộ ở tầng hầm trên đường Raglan, theo đuổi lối sống hippie năm ấy đã đến đoạn thoái trào. Tôi nhập cuộc trẻ tràng mất vài ba năm, cũng như hầu hết mọi thứ khác ở Ireland. Rồi khi trôi sang tuổi ba mươi, tôi tìm một công việc bàn giấy, nhưng vẫn ao ước trở lại cuộc sống vô lo vô nghĩ ngày xưa.

Tôi chẳng bao giờ theo dõi tình hình chính sự ở miền Bắc. Có những lúc tưởng như vùng ấy là một miền xa lạ ở tận đâu đâu. Nhưng đến mùa xuân năm 1974 thì bạo động đã lan tới miền Nam.

Một tối thứ Sáu, tôi ghé chợ Dandelion tìm mua ít cần sa, thi thoảng tôi vẫn muốn làm vài hơi. Đây là một trong những nơi náo nhiệt hiếm thấy ở Dublin, có đủ chuỗi hạt kiểu Châu Phi, đèn đối lưu lẫn nhang thơm. Tôi mua ít gam cần sa Ma-rốc ở một quầy bán những đĩa nhạc cũ. Lúc tôi đi bộ dọc theo phố South Leinster rồi rẽ sang phố Kildare thì không khí bỗng rung chuyển. Tất cả lóe sắc vàng trong tích tắc rồi trắng phớt. Tôi bị ép bấn vào bờ rào. Lúc tỉnh lại, tôi hoảng sợ nhìn ra xung quanh. Mảnh kính vỡ vung vãi.

Một cái ống xả xe hơi. Tay lái lăn lóc trên đường. Bánh xe bật ra xẹp lép. Chừng như vẫn chưa ai thực ý thức được điều vừa xảy ra cho đến khi tiếng còi hú rú lên như tiếng khóc than. Một phụ nữ lão đảo đi qua, chiếc đầm rách toác từ cổ xuống tận gấu như để phô vết thương nơi ngực. Một người đàn ông cúi xuống đỡ tôi đứng dậy. Chúng tôi cùng chạy một đoạn ngắn rồi tách ra. Lúc tôi loạng choạng rẽ sang phố Molesworth thì một viên cảnh sát chặn tôi lại và chỉ vào những vết máu trên áo sơ-mi của tôi. Tôi ngã ngất. Khi tôi tỉnh dậy trong bệnh viện, bác sĩ bảo tôi bị rách tai khi va vào cọc đầu rào nhon. Đầu rào chỗ ấy uốn hình hoa bách hợp. Thật là nực cười. Một mẫu thù tai của tôi giờ mắc lại trên phố. Những chỗ khác trên cơ thể tôi đều nguyên vẹn, kể cả khả năng nghe.

Ở bệnh viện cảnh sát lục tìm giấy tờ tùy thân của tôi trong các túi quần túi áo. Tôi bị bắt vì tội trữ cần sa bất hợp pháp và bị đưa ra tòa; may là ông thẩm phán thấy thương hại, nói rằng việc bắt bớ thế là không đáng, thuyết cho một bài rồi thả tôi ra. Tôi đi thẳng tới đại lý du lịch trên đường Dawson mua vé.

Tôi đáp xuống sân bay John F. Kenedy, cổ đeo một chuỗi hạt dài và mặc chiếc áo khoác kiểu Afghanistan, cầm theo quyển thơ *Tiếng hú*^[3] đã rách mòn. Nhân viên hải quan cười khẩy. Dây cài ba lô của tôi đứt phụt khi tôi cố thít nó lại.

Tôi đứng nhìn khắp xung quanh tìm Corrigan - nó đã hứa, như ghi trong bưu thiếp, là sẽ gặp tôi. Nhiệt độ trong bóng râm hơn 300C. Hơi nóng dội xuống tôi mạnh như búa rìu. Khu vực chờ thật nhốn nháo. Các gia đình đi qua đi lại, chen lấn xem bảng giờ bay. Cánh lái taxi với mấy con xe bóng bẩy chực sẵn. Vẫn chẳng thấy bóng dáng em trai tôi đâu cả. Tôi ngồi trên ba lô đợi một tiếng đồng hồ cho đến khi một tay cảnh sát đến thúc dùi cui vào người và giật cuốn sách khỏi tay tôi.

Tôi lên một chiếc xe buýt giữa tiếng ồn và sự ngột ngạt. Lúc chuyển sang tàu điện ngầm, tôi lảng vảng tới đứng dưới cánh quạt đang quay. Một bà da đen đứng cạnh tôi, lấy cuốn tạp chí quạt phành phạch. Những giọt mồ hôi lớn chảy dưới cánh tay bà ta. Tôi chưa bao giờ nhìn một phụ nữ da đen ở

khoảng cách gần đến thế, da bà ta đen thẫm đến tưởng như ngả xanh. Tôi muốn chạm vào đó, chỉ là ấn ngón tay lên cánh tay bà ta thử xem thế nào thôi. Bà ta bắt gặp ánh mắt của tôi và khép chặt áo lại: “Nhìn gì mà nhìn?”

— Ireland, - tôi buột miệng. - Tôi là dân Ireland.

Một lát sau bà ta lại liếc sang tôi. “Đừng đùa,” bà ta nói. Bà ta xuống xe ở đường 125, con tàu rít lên khi vào trạm.

Tới được Bronx thì trời đã chập choạng tối. Tôi bước ra khỏi ga trong hơi nóng cuối ngày. Toàn thấy tường xám với bảng hiệu. Có tiếng nhạc radio đâu đó. Một cậu nhóc mặc sơ-mi không tay đang xoay người trên một tấm bìa các-tông, lấy vai làm điểm tựa cho toàn bộ cơ thể. Thân người nó xoay tít nhìn nhòa cả mắt. Không giới hạn. Hai tay nó chống xuống đất, hai chân mở rộng vung tròn. Nó hạ người xuống rồi đột ngột chuyển sang quay bằng đầu, rồi là một loạt động tác uốn người ra sau, thả rơi, rồi lại nảy bật lên, thân người đen trũi không ngừng chuyển động.

Vài chiếc taxi dù đậu chờ khách trên bãi ngoài trạm dừng. Mấy người lái xe da trắng nom đã có tuổi đội nón rộng vành. Tôi quăng ba lô vào khoang hành lý của một chiếc xe lớn màu đen.

— Cái lũ này chẳng lúc nào chịu yên, - tay lái xe nói khi ngồi vào ghế lái. - Anh nghĩ là thằng nhóc đó sẽ đi tới đâu sau khi chúc đầu quay tít mù thế chứ?

Tôi đưa cho gã ta mẫu giấy ghi địa chỉ của Corrigan. Gã khởi động xe, làu bàu về tay lái trợ lực, bảo hồi ở Việt Nam có đời nào gặp chuyện thế này.

Sau nửa tiếng đồng hồ xe đột ngột ngoặt gấp. Nãy giờ xe toàn đi loanh quanh lẹo quẹo. Mười hai đô, anh bạn! Tranh cãi chẳng ích gì. Tôi ném tiền qua ghế, bước ra, chộp lấy cái ba lô. Xe phóng đi trước khi tôi kịp đóng nắp khoang hành lý lại. Tôi ôm tập thơ *Tiếng hú* vào ngực. *Tôi đã thấy những trí tuệ bậc nhất của thế hệ mình.* Nấp gần hành lý xe nảy tung lên rồi đóng sầm lại khi gã lái xe rẽ ngoặt chỗ cột đèn giao thông rồi biến mất.

Một bên đường là dãy chung cư cao tầng sau lưới hàng rào. Có những đoạn hàng rào được gắn thêm dây kẽm gai bên trên. Bên kia đường là đường cao tốc, những vệt đèn xe hơi vèo vèo lướt qua. Gần miệng hầm chui phía dưới là cả hàng dài phụ nữ. Hết xe hơi rồi xe tải tấp vào chỗ khuất sáng. Các cô nàng thi nhau phô diễn đủ các tư thế. Họ mặc quần ngắn bó sát phối với mảnh trên bộ bikini hoặc đồ bơi, thật là một bãi biển kỳ quái giữa lòng thành phố.

Bóng một cánh tay đồ dài tới đường cao tốc bên trên. Một gót giày nhọn hoắt leo tới đỉnh bờ rào dây gai. Một cẳng chân duỗi dài cả nửa khối nhà.

Những con chim ăn đêm lao ra khỏi rầm cầu vút lên bầu trời, nhưng chỉ thoáng chốc sau lại sà xuống chỗ nấp.

Một cô ả hiện ra từ phía hầm chui. Cô choàng chiếc áo lông thú để hở vai và đứng dạng đôi chân đi bốt cao tới gối. Một chiếc xe hơi chạy qua, cô ả tức thì phanh áo khoác. Bên trong chẳng mặc gì. Chiếc xe bóp còi rồi chạy thẳng. Cô gào với theo rồi đi về hướng tôi đứng, mang theo vật gì trông như cái ô.

Tôi nhìn lướt qua ban công dãy nhà cao tầng tìm kiếm bóng dáng Corrigan. Mấy ngọn đèn đường lúc sáng lúc tắt. Một chiếc túi nhựa bay lật bật trên đường. Mấy đôi giày bị treo tít trên dây điện báo.

— Này, cưng ơi.

— Đây cháy túi rồi, - tôi trả lời không thềm ngoảnh lại. ả gái điếm nhỏ đánh phệt ngay chân tôi rồi xòe cái ô màu hồng che đầu.

— Khốn thật, - ả làu bàu đi tiếp.

Cô ả đứng phía đường có đèn sáng và chờ đợi dưới bóng ô. Mỗi lần thấy xe qua ả hạ ô xuống rồi lại thất vọng nâng ô lên, làm góc tinh cầu bé nhỏ nơi ả đứng lúc sáng lúc tối.

Tôi cầm ba lô tiến về phía dãy nhà, cố tỏ ra lãnh đạm. Kim tiêm lẫn lóc bên trong hàng rào, lẫn vào đám cỏ dại. Ai đó đã phun sơn che kín tấm

biển gần lối vào chung cư. Máy ông già ngồi ngoài sảnh dưới tầng, phe phẩy quạt trong cái nóng oi ả. Trông họ hom hem, tiêu tụy như sắp gục xuống đến nơi. Một người giơ tay nhận mẫu giấy ghi địa chỉ tôi muốn hỏi, lắc đầu, rồi ngồi phịch xuống trở lại.

Một thằng bé chạy qua kèm theo âm thanh của kim loại, nghe như vật gì bằng thiếc xóc nảy chạm nhau. Nó lẩn vào bóng tối chỗ cầu thang. Người nó phảng phất mùi sơn mới.

Tôi rẽ hết lần này tới lần khác, đâu đâu cũng toàn là ngã rẽ.

Corrigan ở trong khu chung cư màu xám. Trên tầng năm của dãy nhà hai mươi tầng. Một miếng dán in dòng chữ HÒA BÌNH VÀ CÔNG BẰNG có vòng gai nhọn viền quanh dán cạnh chuông cửa. Trên khung cửa có hẳn năm cái khóa nhưng tất cả đều đã hỏng. Tôi đẩy cửa vào. Cánh cửa đung đưa rồi đóng sập lại. Một ít vữa tường rơi xuống. Tôi gọi Corrigan. Căn phòng chẳng có gì ngoài chiếc ghế sofa đã rách, một cái bàn thấp, tượng Chúa đóng đinh trên thánh giá bằng gỗ giản dị đặt phía trên chiếc giường đơn cũng bằng gỗ. Bục quỳ cầu nguyện kê sát tường. Những quyển sách để mở nằm rải rác trên sàn như đang nói chuyện với nhau, thấy đủ mặt cả Thomas Merton, Rubem Alves, Dorothy Day.

Tôi tiến về phía chiếc ghế sofa, hoàn toàn kiệt sức.

Lát sau tôi tỉnh dậy bởi tiếng cửa đóng sầm sau lưng cô ả cầm ô khi nãy. ả đứng lau trán rồi ném túi xuống chiếc ghế ngay cạnh tôi. “Ồi, xin lỗi nhé cưng”, cô ả nói. Tôi ngoảnh mặt đi để ả không nhận ra tôi. ả vừa đi ngang phòng vừa cởi bỏ chiếc áo lông thú, cơ thể lỏa lồ chỉ còn mỗi đôi bốt. Rồi ả dừng lại, soi vào mảnh gương dài đã vỡ dựa ở tường. Những bấp thịt trông thật mượt mà và gợi cảm. ả véo thử phần thịt chỗ hông, thử dài, rồi xoa xoa núp vú cho dựng lên. “Đen như cứt,” ả rửa. Buồng tắm vọng ra tiếng nước chảy.

ả ló ra trở lại, môi tô lại son màu tươi và bước chân nghe tươi tỉnh hơn. Mùi nước hoa nồng nặc phả vào không khí. Cô ả thả một nụ hôn về phía tôi, vẫy vẫy cái ô rồi biến mất.

Chuyện đó lặp lại năm hay sáu lần nữa. Cánh cửa mở. Tiếng giày cao gót chát chúa trên ván sàn trơn trượt. Mỗi lần là một ả gái điếm khác nhau. Một em thậm chí còn ngã hẳn xuống mà đong đưa đôi bầu vú gầy thông thọt trước mặt tôi. “Chàng thư sinh của em nào,” cô ả mời mọc. Tôi lắc đầu, thế là ả nói cộc lốc: “Biết mà.” Nhưng lúc ra tới cửa ả quay lại cười. “Khi nào bọn luật sư được lên thiên đường thì chừng mới lại được thấy thứ ngon lành thế này nữa đấy nhé.”

Cô ả đi xuống hành lang, vừa đi vừa cười.

Trong phòng tắm là một thùng rác nhỏ bằng kim loại. Bên trong toàn băng vệ sinh và bao cao su đã dùng bọc trong khăn giấy.

Corrigan đánh thức tôi dậy trong đêm. Tôi không biết lúc đó đã là mấy giờ. Suốt những năm qua nó vẫn mặc y như thế: áo sơ-mi đen mỏng, không cổ, tay dài, cúc bằng gỗ. Trông nó thật gầy, như thể gánh nghèo trĩu nặng đã bào mòn cơ thể khi xưa của nó. Tóc nó dài ngang vai, tóc mai dài hơn trước, hai bên thái dương đã lốm đốm sợi xám. Trên mặt nó có vết rách nhẹ, mắt phải thâm tím. Trông em tôi già hơn cái tuổi ba một của nó.

— Thế giới chú sống tuyệt quá hả, Corrigan.

— Anh có mang theo trà không?

— Chú gặp chuyện gì vậy? Mặt mày làm sao thế? Toạc cả da ra kìa.

— Ít ra anh cũng mang cho em mấy gói trà đấy chứ phải không?

Tôi mở ba lô. Hẳn năm hộp trà loại nó vẫn thích. Nó hôn lên trán tôi. Môi nó thật khô. Râu ria lởm chởm đâm vào da tôi nhoi nhoi.

— Ai đánh chú ra thế này, Corr?

— Đừng lo cho em, để em ngắm anh cái nào.

Nó tiến tới và chạm vào cái tai phải bị sứt một miếng của tôi.

— Anh vẫn ổn đấy chứ?

— Chút quà lưu niệm ấy mà. Còn chú vẫn theo chủ nghĩa hòa bình chứ hả?

— Vẫn, - nó toét miệng cười.

— Chú có mấy cô bạn dễ thương nhỉ.

— Các cô ấy muốn mượn phòng tắm thôi đấy mà. Họ không được phép giờ trò bậy bạ ở đây. Họ không làm gì đấy chứ?

— À thì bọn họ chẳng mặc gì cả, Corrigan.

— Làm gì có thể.

— Anh đang nói nghiêm túc đấy, bọn họ đều trần truồng cả lượt.

— Họ chỉ không thích quần áo vương vীu thôi, - nó khẽ cười. - Nó đặt tay lên vai đẩy tôi lại chỗ ghế. - Dù sao thì họ chắc phải đi giày chứ. Đây là New York mà. Không có giày cao gót là không xong.

Nó đặt ấm nước, bày sẵn những chiếc cốc.

— Ôi ông anh nghiêm nghị của tôi, - nó lại cười, nhưng nghiêm chỉnh lại khi quay sang bật to lửa. - Anh à, bọn họ còn gì nữa đâu mà trông mong. Em chỉ muốn cho họ một góc nhỏ yên thân. Để tránh cái nóng. Vả ít nước lên mặt. - Nó quay lưng lại. Tôi chợt nghĩ về những ngày tháng cũ, khi em trai tôi tách khỏi những buổi chiều ba mẹ con đi dạo mà chạy ra chỗ những con sóng bủa vây - Corrigan đứng một mình giữa bãi cát, tóc rối dưới ánh nắng mặt trời, những tiếng gọi từ trên bờ trôi về phía nó. Ấm nước đã reo, mỗi lúc một to hơn rồi rít lên. Chỉ nhìn từ sau lưng cũng biết Corrigan đang mãi chìm trong suy nghĩ. Tôi gọi nó, một lần, rồi hai lần. Phải đến lần thứ ba nó mới nghe thấy, ngoảnh lại cười. Mọi thứ vẫn vậy, vẫn như hồi nó còn bé - nó ngược nhìn lên, vẫy tay, rồi quay trở lại làn nước ngập tới thắt lưng.

— Chú ở đây một mình sao, Corr?

— Tạm thời thì vậy.

— Những đạo hữu thì sao? Không ai ở với chú à?

— Ờ, em đang dần hiểu thấu những cảm giác nguyên thủy, - nó nói. - Cái đói, cái khát, sự mỏi mệt vào lúc cuối ngày. Có khi em tự hỏi nếu nửa

đêm tỉnh dậy có khi nào thấy Chúa quanh đây không.

Nó dường như đang trò chuyện với một điểm nào đó trên vai tôi. Mắt nó có quầng sâu hoắm. - Em mến Chúa chính ở điểm này. Ta cảm nhận được người vào những lúc thi thoảng người vắng mặt.

— Chú vẫn ổn chứ, Corr?

— Chưa khi nào tốt hơn.

— Vậy ai đánh chú thế?

Nó nhìn đi chỗ khác.

— Em mắc míu với một tay bảo kê.

— Vì sao?

— Bởi vì.

— Bởi vì sao chứ?

— Bởi vì gã ta nói em làm mất thời gian của họ. Tay đó có biệt hiệu là Tổ Chim. Chỉ còn một bên mắt nhìn được. Thật chẳng hiểu nổi. Tự nhiên có hôm gã đến đây, gõ cửa chào hỏi, xưng huynh gọi đệ ngọt xớt, thật vô cùng lịch thiệp, thậm chí còn treo mũ trên núm cửa tử tế. Rồi gã ngồi xuống ngay cái sofa này và nhìn lên cây thánh giá. Nói rằng hấn vô cùng trân trọng đời sống tín ngưỡng. Rồi tự nhiên chìa ra đoạn ống nước chì gã bẻ trong toilet. Anh cứ hình dung xem. Gã cứ ngồi lì ở đó mà coi phòng tắm nhà em ngập những nước là nước.

Nó nhún vai.

— Nhưng họ vẫn đến, - nó nói. - Mấy cô gái đó. Em không hề khuyến khích họ, thật sự là vậy. Nhưng họ còn làm gì khác được. Đi tiểu trên đường chắc? Cũng đâu có gì. Giúp họ chút thôi. Cho họ một góc riêng. Một gian hàng nào nhiệt.

Nó bày trà và một đĩa bánh quy rồi ra chỗ bệ quỳ, cảm ơn Chúa đã ban cho những chiếc bánh quy, trà và sự hiện diện của anh trai nó.

Nó vẫn cầu nguyện mặc cho cánh cửa mở tung và ba cô ả cùng tiến vào một lúc. “Ô, trong này mát khiếp,” cô ả che ô thốt lên khi ra đứng dưới chiếc quạt. “Chào cưng, em là Tillie”. Hơi nóng phả ra từ người ả, những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán. ả để cái ô lên bàn, nhìn tôi và nhếch mép cười. ả ta trang điểm sao cho bắt mắt từ tận đằng xa: một đôi kính râm lớn gọng màu hồng, mắt đánh nhũ lấp lánh. Một ả khác hôn lên má Corrigan rồi bắt đầu chải chuốt lại trước mảnh gương vỡ. ả cao nhất mặc một chiếc váy ngắn mỏng tang màu trắng, ngồi xuống cạnh tôi. Cô ả trông nửa giống dân Mỹ, nửa giống dân da đen. Trông kỹ cô khá đẹp và uyển chuyển, dáng thế này làm người mẫu cũng thừa. “Chào cưng”, cô cười toe toét. “Em là Jazzlyn. Cứ gọi em là Jazz được rồi.”

Cô còn rất trẻ, chỉ chừng mười bảy mười tám, đánh mắt một bên mắt màu xanh một bên màu nâu. Gò má tôn cao hơn nhờ trang điểm. Cô vươn người cầm cốc trà của Corrigan lên, thổi nguội, để vương một ít son môi trên miệng cốc.

— Sao cưng không chịu cho đá vào cái c. này hả Corrie, - cô ả nói.

— Không thích, - Corrigan đáp lại.

— Nếu cưng muốn thành dân Mỹ chính hiệu thì phải cho đá vào chứ.

Cô ả cầm ô cười rúc rích như thể Jazzlyn vừa nói điều gì thất lễ không thể tin nổi. Dường như giữa bọn họ có một mật mã gì đó. Tôi dịch người ra xa, nhưng Jazzlyn lại nghiêng người qua và nhặt miếng xơ vải bám trên vai áo tôi. Hơi thở của cô ta ngọt lịm. Tôi quay sang Corrigan.

— Chú tính báo cảnh sát bắt tay đó không?

Em trai tôi tỏ vẻ ngờ ngác.

— Ai chứ?

— Thì cái gã đã đánh chú chứ còn ai?

— Bắt vì tội gì?

— Chú nói nghiêm túc đấy hả?

— Sao em lại muốn cảnh sát bắt gã ta?

— Lại có thằng khốn nào đập cứng hả? - Ắ mang cái ô hỏi thăm. Ắ nhìn chăm chăm xuống những ngón tay. Ắ rút một miếng móng dài ra khỏi ngón tay cái, sấm soi. Rồi ắ cạo phần nhũ sơn trên đó ra và búng mẩu móng về phía tôi. Tôi nhìn chăm chăm vào ắ. Ắ chột phá lên cười phô hàm răng trắng tươi: - Cứ mỗi lần sưng lên là em cóc nhịn được!

— Lạy Chúa, - tôi lấm bầm, quay về phía cửa sổ.

— Đủ rồi, - Corrigan nói.

— Lúc nào bọn chúng cũng để lại dấu vết gì mà phải không? - Jazzlyn chột hỏi.

— Thôi đi, Jazz, đủ rồi, nhé?

— Có lần, cái thằng con hoang, đ. mẹ thằng khốn chứ, nó dùng cả quyển danh bạ điện thoại lúc chơi em. Cũng có biết quyển danh bạ là thế nào không? Cả đồng tên nhá, nhưng không cái nào để lại dấu vết gì hết.

Jazzlyn đứng dậy và cởi bỏ áo ngoài hờ hững. Bên trong cô ta mặc bộ áo tắm màu vàng chói.

— Hắn đã đánh em chỗ này, chỗ này và cả chỗ này nữa.

— Thôi đi, Jazz, đến lúc phải đi rồi.

— Cá là cứng cũng có thể tìm thấy tên cứng đó.

— Jazzlyn!

Cô ta đứng dậy và thở dài. “Anh trai cứng mới đáng yêu làm sao,” cô ta nói với tôi. Rồi cô ta cài cúc áo lại. “Chúng em thích ảnh như thích sôcôla. Chúng em thích ảnh như thuốc lá nữa. Phải không nào, Corrie? Chúng em cũng yêu cứng như yêu thuốc lá. Tillie đã phải lòng cứng ấy. Phải không hả Tillie, mẹ có nghe gì không đấy?”

Ắ điếm mang cái ô bước ra từ chỗ chiếc gương. Ắ ta sờ lên viền môi đã nhòa. “Bây giờ còn làm trò trên giường thì quá già mà đi chết thì quá trẻ,” ắ than.

Jazzlyn cầm hộp giấy nhỏ lần mò dưới bàn. Corrigan nghiêng người tóm tay cô ta. “Ở đây không được làm thế, cô biết mà.” Cô ta cup mắt, thờ dài rồi bỏ kim tiêm vào túi. Cánh cửa lại mở bung. Tất cả bọn họ đều hôn gió chúng tôi, cả Jazzlyn nữa, dù đã quay lưng đi. Trông cô ta giống một đóa hướng dương ủ rũ, lấy tay chống lưng mà bước.

— Tội nghiệp Jazz.

— Thật quá lộn xộn.

— Dù sao cô ấy cũng đang cố gắng.

— Cố gắng gì? Cô ta thật bừa bãi. Tất cả bọn họ đều thế.

— Không đâu, mấy cô cũng tốt thôi, - Corrigan nói. - Họ chỉ không biết mình đang làm gì. Hay tại sao lại rơi vào cảnh như vậy. Đều là do nỗi sợ hãi đấy thôi. Anh biết chứ? Bọn họ luôn thấp thỏm trong sợ hãi. Và tất cả chúng ta cũng có khác gì đâu.

Nó uống trà mà không buồn lau vết son trên miệng cốc. - Những mảnh sợ hãi trôi nổi trong không khí, - nó nói tiếp. - Giống như những hạt bụi. Anh đi vào giữa chúng mà không nhìn thấy cũng chẳng nhận ra, nhưng chúng luôn ở đó phủ lên tất cả. Anh hít thở chúng. Anh chạm vào chúng. Anh uống chúng. Anh ăn chúng. Nhưng chúng quá nhỏ để anh có thể nhận ra. Nhưng anh vẫn bị bao bọc trong những mảnh sợ hãi. Chúng ở mọi nơi. Không phải sao, tất cả chúng ta đều sợ hãi. Hãy thử đứng im trong giây lát mà xem, chúng sẽ bao phủ lên khuôn mặt của ta, lưỡi của ta. Nếu chúng ta không để tâm đến chúng nữa thì ta sẽ rơi vào tuyệt vọng. Nhưng chúng ta không thể dừng lại. Chúng ta cứ phải tiếp tục nghĩ đến chúng.

— Vì cái gì cơ chứ?

— Em không biết, em cứ bản khoăn mãi chuyện đó.

— Vậy chú làm gì ở đây hả Corr?

— Em phải truyền đi lý tưởng của mình sao cho lôi cuốn người ta anh ạ. Nhưng đôi lúc điều đó quá khó. Em tiếng là người của Chúa đấy, thế mà chưa từng nói về Ngài với bất kỳ ai. Thậm chí với các cô ấy. Em cứ một

mình ngấm ngội. Cho sự bình yên của riêng tâm hồn em. Sự thanh thản của riêng lương tâm em. Nếu em nghĩ to thành tiếng thì có lẽ em sẽ phát điên mất. Nhưng Chúa lắng nghe. Thường là vậy. Người đã làm thế.

Nó uống cạn cốc trà và lau miệng cốc bằng vạt áo.

— Nhưng còn những cô gái kia, anh ạ. Đôi lúc em nghĩ họ có đức tin mạnh mẽ còn hơn em. Ít ra họ luôn tin là sẽ có chiếc xe chịu hạ kính xuống khi chạy ngang chỗ họ chào mời.

Corrigan đặt úp chiếc cốc đặt trong lòng bàn tay, giữ nó thẳng bằng ở đó.

— Em không kịp dự đám tang rồi, - tôi nói sang chuyện khác.

Một ít nước trà vương trong lòng bàn tay em tôi. Nó đưa tay lên miệng liếm.

Bố đã chết cách đây vài tháng. Ngay giữa buổi lên lớp của ông ở trường đại học, một bài giảng về hạt quark. Những thành phần cơ bản. Ông cố giảng cho xong bài khi cơn đau ập đến khiến cánh tay trái của ông như rụng rời. “Ba quark^[4] cho nhà ông Mark”. Cảm ơn các bạn. Về nhà an toàn nhé. Chúc ngủ ngon. Tạm biệt. Tôi không quá đau buồn, nhưng cũng đã cố gửi cho Corrigan hàng chục lời nhắn, thậm chí còn liên lạc với cảnh sát ở Bronx nhưng họ nói không thể giúp được gì.

Lúc làm lễ ngoài nghĩa trang tôi cứ ngoái đầu nhìn quanh, những mong sẽ nhìn thấy em tôi xuất hiện trên con đường nhỏ, dẫu nó có mặc bộ com-lê cũ của bố cũng không sao, nhưng nó đã không đến.

— Hôm đấy chẳng mấy người đến dự. - Tôi kể. - Nghĩa trang nhà thờ Anh nhỏ xíu. Có một người đang xén cỏ khi đó, mà cũng không buồn tắt động cơ khi làm lễ nữa.

Nó nghiêng chiếc cốc trên tay, như cố chặt nốt những giọt trà sót lại.

— Họ trích đọc đoạn kinh nào? - Cuối cùng nó cũng lên tiếng.

— Anh không nhớ. Tiếc thật. Nhưng sao?

— Không sao cả.

— Vậy chú hay đọc loại nào hả Corr?

—Ồ, em thực sự cũng không biết nữa. Kinh Cựu Ước chẳng hạn, loại nguyên thủy nhất.

— Như thế nào hả Corr?

— Cũng không thật rõ.

— Nào, kể anh nghe đi.

— Em không biết, - nó hét lên. - Được chưa? Em thì biết cái đích gì.

Câu nói tục của nó làm tôi choáng váng. Nỗi xấu hổ khiến mặt em tôi đỏ bừng. Nó cụp mắt xuống, lại lau lau chiếc cốc bằng vạt áo làm phát ra tiếng rít rít. Khi đó tôi hiểu rằng hai anh em sẽ không bao giờ nhắc gì về bố nữa. Nó đã chặn lối, nhanh chóng và quyết liệt, tạo ra ranh giới, và không bao giờ bước qua. Tôi có đôi chút hài lòng khi nhận ra em tôi cũng có vết rạn trong lòng và cái vết khứa ấy sâu đến mức nó chẳng thể làm gì được. Corrigan muốn trải nghiệm nỗi đau của những người khác. Nó không muốn đối diện với nỗi đau của chính mình. Tôi cảm thấy một nỗi xấu hổ trào dâng bởi những ý nghĩ ấy.

Sự im lặng giữa hai anh em.

Nó kê cái bọc quỳ ra sau đầu gối như cái đệm ngồi bằng gỗ, và bắt đầu lầm bầm đọc.

Khi đứng dậy, nó nói:

— Xin lỗi vì em đã văng tục.

— Ừm, anh cũng xin lỗi.

Bên cửa sổ, nó lơ đãng giật dây kềm tấm rèm hết mở lại đóng. Phía dưới có cô nào đứng gần đường hầm chui đang gào thét. Nó tách khe rèm ra bằng hai ngón tay.

— Hình như là Jazz, - nó nói.

Ánh đèn đường màu cam từ cửa sổ đan vắt ngang người nó khi nó đi vội ra cửa.

○ ○ ○

HÀNG GIỜ, HÀNG GIỜ ĐỒNG HỒ trong bán loạn và trốn chạy. Dây nhà ổ chuột là nạn nhân của trộm cắp và gió. Những luồng gió hun hút đã tự tạo ra một thứ thời tiết riêng. Những chiếc túi bóng bay lồng trong gió bụi mùa hè. Những người già ngồi chơi cờ đô-mi-nô trong sân nhỏ, giữa mớ rác rưởi xoay lượn chung quanh. Tiếng túi tấp gió roàn roạt nghe như súng nổ. Chỉ cần quan sát đám rác rưởi trong giây lát là có thể biết chính xác dáng hình của gió. Nói cách nào đó cảnh tượng này cũng có vẻ lôi cuốn của nó, như vài thứ hiếm hoi khác quanh đây: những hình xoáy tròn, xoắn ốc, hình số tám thật lớn đủ màu trên tường. Thi thoảng cạnh túi bị cuốn ép vào đường ống hay khê chạm đỉnh rào kẽm gai bèn điên cuồng giật ngược lại như đã biết sợ. Quai túi bạt gió chập dính lại, cái túi liền rơi xuống. Ở đây không có cành cây nào để cản đường rơi của nó. Một thằng nhóc trong căn hộ hàng xóm chọc chiếc cần câu cong queo qua cửa sổ nhưng chẳng khều được gì. Thường thấy những chiếc túi đủ màu ép dồn lại một chỗ như yên lặng ngắm nhìn quang cảnh xám xịt xung quanh, rồi bất ngờ tà tà rơi xuống trong một vũ điệu lãng đãng tao nhã.

Hồi còn ở Dublin tôi vẫn tự lừa phỉnh bản thân là trong mình có chất thi sĩ. Nghĩ thế chẳng khác nào mang đồ cũ ra khoe. Mọi người ở Dublin đều là nhà thơ, có lẽ bao gồm cả mấy tên cho chúng tôi ăn bom làm vui trong buổi chiều hôm đó.

Tôi đã ở khu Nam Bronx này được một tuần, không khí thật ẩm ướt, có đêm phải kê cửa cho thật chặt. Bọn trẻ trên tầng mười ôm ti vi ném vào đầu đám tuần tra khu nhà đang đi rảo bên dưới. Hết ti vi thì một loạt thứ linh tinh khác nữa. Cảnh sát ập đến nện dùi cui. Tiếng súng nổ văng xuống từ nóc nhà. Trên đài phát một bài hát về cuộc cách mạng bị cô lập. Cảnh đốt

phá ngoài đường. Cái thành phố này ngập trong rác rưởi, sống nhoi nhóc trên bần thiu. Tôi phải thoát khỏi nơi này. Tôi dự định tìm một công việc, kiếm một chốn đi về nho nhỏ, có lẽ tôi sẽ viết kịch hoặc kiếm một công việc giấy tờ đâu đó. Trên báo thấy có mấy nơi đăng tìm người pha rượu và bồi bàn, nhưng tôi không thích những công việc kiểu vậy, trong đó toàn mấy tay mặc sơ-mi trần đội mũ dẹt. Tôi kiếm được chân nhân viên chào hàng thời vụ qua điện thoại nhưng muốn làm thì phải mắc đường dây điện thoại riêng trong căn hộ của Corrigan, biết kiếm đâu ra kỹ thuật viên chịu đến khu ổ chuột này cơ chứ. Đây không phải nước Mỹ trong tưởng tượng của tôi.

Corrigan viết ra cả một danh sách công việc tiềm năng cho tôi lựa chọn, quán Chumley's ở khu Village, ban ngày thì có mấy việc ở cầu Brooklyn và công viên Trung Tâm. Tôi chẳng còn mấy đồng để mà kén cá chọn canh. Tôi ra chỗ cửa sổ và ngắm nhìn quang cảnh hàng ngày tuần tự phơi bày trước mắt. Rác rưởi đầy đọa tôi. Mùi hôi thối xông lên tới tận cửa sổ tầng năm.

Corrigan làm việc bởi đó cũng là một quy định trong luật dòng tu của nó. Nó lái xe tải chở những người già trong nhà dưỡng lão địa phương, cũng kiếm được ít đồng. Cái hãm xung xe nó được buộc lại bằng sợi dây cũng đã rỉ. Cửa sổ xe dán đề-can hòa bình. Đèn pha xe hơi treo lỏng lẻo trong lưới sắt bảo vệ. Nó đi biên biệt cả ngày, chăm lo cho những người ốm yếu. Chuyện khó nhọc của người khác lại như ơn tứ với nó. Sáng sáng nó ghé đón các cụ ở nhà dưỡng lão trên đại lộ Cypress, hầu hết là người Ireland, người Ý, thêm một ông già người Do Thái, được đặt biệt hiệu là Albee, thường mặc bộ com-lê màu ghi, đầu đội mũ tròn. “Ấy là gọi tắt tên Albert,” ông ta giải thích, “nhưng chú mày mà gọi ta là Albert thì ta sẽ đá đít chú mày đấy.” Nhiều buổi chiều tôi cũng ra ngồi cùng các cụ, nhóm ấy có cả đàn ông lẫn phụ nữ, đa phần là da trắng, đã bị gánh thời gian đè gập xuống như chiếc xe lăn họ ngồi. Corrigan lái xe hết sức chậm rãi để họ không bị nảy khỏi ghế. “Chú mày lái xe ẽo ợt thế hả,” Albee sốt ruột kêu lên từ ghế sau. Corrigan gập người gục đầu vào bánh lái mà cười nhưng chân vẫn đạp trên phanh.

Những chiếc xe con nối đuôi phía sau chúng tôi bắt đầu bấm còi. Thật là om sòm như chốn địa ngục. Không khí thật ngột ngạt. “Trời ơi chạy đi chứ, chạy đi nhóc!” Albee hét lên. “Đạp ga mẹ nó đi!”

Corrigan rời chân khỏi phanh rồi từ từ hướng chiếc xe tải về phía sân chơi ở công viên St. Mary’s, đoạn nó đẩy xe lăn các cụ đến dưới mấy bóng râm hiếm hoi. “Không khí thật trong lành quá,” nó nói. Các ông ngồi im lìm ngập sâu vào suy tưởng như những bài thơ của Larkin. Các bà ngồi run run gật gù trong làn gió nhẹ, ngắm nhìn sân chơi. Hầu hết lũ trẻ đang chơi là da đen hay gốc Tây Ban Nha, bọn chúng thi nhau nhảy xuống cầu trượt hay đu mình trên mấy thanh xà.

Albee tự lăn xe tới góc sân, rút túi lấy ra mấy tờ giấy. Ông ta gập chúng lại rồi không nói lời nào, viết nguệch ngoạc lên đó giấy bằng một cây bút chì. Tôi ngồi xồm xuống cạnh ông ta.

- Ông bạn già đang làm gì vậy?
- Cóc phải việc của chú mày.
- Cờ vua, phải không?
- Chú mày cũng chơi à?
- Chính thế.
- Thế chú mày có được xếp hạng không?
- Xếp hạng gì?
- Thôi, biến đi, chú mày cũng ão ợt nốt.

Corrigan nháy mắt với tôi từ mép sân. Đây là thế giới của nó, và nó không che đậy tình yêu mọt mọt dành cho tất cả.

Bữa trưa đã được chuẩn bị sẵn sàng ở nhà dưỡng lão nhưng Corrigan vẫn băng qua đường ghé tiệm bán rượu mua thêm cho họ ít khoai tây chiên, thuốc lá và một lon bia lạnh cho Albee. Tiệm có mái hiên màu vàng. Một máy bán kẹo cao su tự động đặt cạnh cửa chớp quán ba vòng xích khóa. Một thùng rác bị lật úp ở góc tường. Hồi đầu mùa xuân này ở đây có vụ đình

công của cánh công nhân vệ sinh, mãi tới giờ rác ứ đọng vẫn chưa được dọn sạch. Lũ chuột chạy dọc những rãnh nước. Chỗ lối vào cửa hàng có mấy tay thanh niên mặc áo không tay tương tá bất hảo. Bọn họ quen Corrigan, có vẻ vậy, bởi trước khi mất hút vào bên trong nó nhiệt tình bắt tay cả loạt. Nó ở trong đó rất lâu, khi quay ra ôm theo một đống túi giấy lớn màu nâu. Một trong mấy gã lưu manh khi nãy lại vỗ vào lưng, nắm tay kéo sát nó vào người ra chiều thân thiết.

— Bằng cách nào vậy? - tôi hỏi. - Sao chú khiến mấy tay đó chịu nói chuyện với chú?

— Nhưng sao lại không chú?

— Ừ thì, kiểu như mấy tay đó đâu có vẻ gì dễ gần.

— Đối với họ em chỉ là một tay cổ lỗ ít chơi thể thao.

— Chú không sợ à? Lỡ như đám ấy có súng, dao bấm hay gì gì đó thì sao?

— Sao em phải sợ chứ?

Chúng tôi lại cùng nhau đưa các ông bà cụ vào xe trở lại. Xong xuôi, Corrigan khởi động xe lái tới nhà thờ. Lúc trên xe các ông bà có tranh cãi tí đỉnh xem nên ghé nhà thờ Thiên Chúa hay giáo đường Do Thái. Nhà thờ phủ đầy hình vẽ graffiti đủ màu trắng, đỏ, bạc. TAG 173. GRACO 76. Những ô cửa sổ bằng kính màu đốm bắn bị đá ném thủng. Cả cây thánh giá bên trên cùng cũng vậy sơn vẽ. “Thánh đường sống,” Corrigan bình luận. Ông già người Do Thái không muốn ra ngoài. Ông ngồi lại trong xe, đầu cúi xuống, im lặng chăm chú vào quyển sách. Corrigan mở thùng xe và lẳng thêm một lon bia qua ghế cho ông ta.

— Ông Albee không sao đâu, - Corrigan nói khi đi vòng ra trước. - Suốt ngày ông ấy chỉ quan tâm tới những ván cờ thôi. Ông từng đạt danh hiệu kiện tướng hay gì gì đấy. Trước ông ở Hungary, giờ lưu lạc đến Bronx. Lâu lâu ông gửi mấy trang thể cờ qua bưu điện đi đâu đó. Ông chơi được tận hai mươi ván cùng một lúc. Bịt mắt mà chơi cũng được. Cờ là thứ duy nhất khiến ông ấy tiếp tục sống.

Nó giúp những người còn lại ra khỏi xe rồi chúng tôi đẩy từng người tới cổng. “Để kê ván đã.” Bậc thềm dài dẫn vào nhà thờ nứt vỡ khắp chỗ, may là Corrigan cắt sẵn hai thanh ván dài cạnh phòng cất đồ thờ. Nó đặt những tấm ván song song với nhau và đẩy xe lăn lên. Đầu kia của những tấm ván kên lên cao do trọng lượng của xe lăn, trong giây lát gây cảm tưởng chúng dẫn thẳng lên trời. Corrigan đẩy xe về phía trước, đầu tấm ván từ từ hạ xuống. Trông em tôi thật thanh thản. Một thứ ánh sáng lấp lánh đọng nơi khóe mắt nó. Chừng như tôi thấy lại đứa bé trai chín tuổi ở Sandymount ngày xưa.

Nó lần lượt đẩy mọi người vào bên giá để nước thánh cho đến khi tất cả đã xếp thành hàng đầy đủ.

— Đây là khoảng thời gian em thích nhất trong ngày, - nó nói. Nó bước nhà thờ râm mát, đẩy xe lăn cho các cụ tới chỗ ngồi tùy thích, có người chọn ngồi dãy ghế sau, có người thích ngồi mé bên.

Một bà già người Ireland được đẩy tới dãy ghế đầu. Bà cứ quẩn vào lại tháo ra chuỗi hạt. Tóc bà bạc mà còn phồng lên dày dặn, khóe mắt đỏ, và cái nhìn trờ trờ lơ đãng như hướng về cõi xa xăm nào. “Làm quen với bà Sheila nào,” Corrigan nói. Bà hầu như chẳng nói gì, phát ra âm nào cũng khó. Trước bà hát trong quán rượu, sau tắt cả tiếng bởi căn bệnh ung thư vòm họng. Bà quê gốc ở Galway^[5] nhưng ngay sau Thế chiến I đã nhập cư vào Mỹ. Corrigan rất quý bà, nó lại ngồi cạnh bà, cùng đọc những lời kinh chính thống: trọn một bộ kinh Mân Côi. Tôi nghĩ bà chẳng hay biết về tín ngưỡng của nó, nhưng hễ cứ vào nhà thờ là bà như tỏa ra một thứ năng lượng chưa từng thấy ở nơi nào khác. Bà và Corrigan như đang cùng cầu Chúa ban một trận mưa lành.

Khi chúng tôi trở ra, Albee đang ngủ gà ngủ gật trong xe tải, nước dãi chảy cả xuống cằm. “Bực cả mình,” ông ta làu bàu khi động cơ nổ máy. “Éo ợt tuốt, cả hai đứa mày.”

Corrigan tấp xe vào nhà dưỡng lão khi đã xế chiều rồi thả tôi ngay trước khu nhà. Nó còn việc khác phải làm, nó nói vậy, đâu như phải đi gặp

ai đó.

— Em đang tham gia một dự án nhỏ, - nó ngoái lại nói thêm. - Đừng lo. Lát em về.

Nó leo lên xe và với lấy vật gì trong ngăn để đồ vật trước khi khởi động. “Khởi thức đợi cửa,” nó nói to. Tôi đứng nhìn theo, cánh tay nó thò ra cửa sổ xe, vẫy vẫy. Nó đang giấu chuyện gì đó, tôi biết.

Trời đã tối đen như mực khi tôi thấy nó cuối cùng cũng trở lại, giữa những ả gái điếm đứng dọc đường Major Deegan. Nó rót café đá từ cái bình bạc lớn đặt trong thùng xe. Mấy cô ả xúm xít lại quanh nó chờ tới lượt. Jazzlyn mặc cái áo tắm một mảnh màu sắc chói chang. Cô ta túm căng phần lưng áo, kéo thả phần dây thun bật vào da bembép, sán lại gần uốn éo sát hông nó. Cô ta cao, có nét con lai, và trẻ đến xốn xang. Cô tinh nghịch giơ tay đẩy lưng Corrigan. Nó chạy đùa một vòng quanh cô nàng, chân nhấc cao. Một tràng cười thét lên. Rồi cô ta chạy biến mất khi nghe tiếng còi xe. Dưới chân Corrigan lổn nhổn những chiếc cốc café giấy rỗng không.

Sau đó nó về phòng, trông hốc hác, mắt thâm quầng, kiệt sức.

— Buổi gặp mặt thế nào?

— À, tuyệt vời. - Nó qua loa. - Không có gì.

— Đi xem múa thoát y chứ gì?

— À, ờ, hộp đêm Copacabana, anh biết rồi còn gì.

Nó đổ sập xuống giường nhưng vừa sáng sớm đã lại vội vã dậy uống cốc trà trước khi đi. Trong nhà không có đồ ăn. Chỉ có trà, đường và sữa. Nó cầu nguyện rồi chạm vào cây thánh giá trước khi lại đi ra cửa.

— Lại xuống với mấy cô hả?

Nó nhìn xuống chân.

— Định là thế.

— Chú nghĩ đám đó thực sự cần chú hả Corr?

— Em không biết, - nó nói. - Em hy vọng thế.

Cánh cửa đung đưa trên bản lề.

Tôi chẳng bao giờ có hứng thú với mấy nhóm hội đạo đức kiểu thế. Không phải nơi dành cho tôi. Không phải việc của tôi. Ai có phận nấy. Gieo nhân gì thì gặt quả đó. Corrigan có lý do của nó. Nhưng những ả gái điếm này cứ làm tôi phải bậ lòng. Bọn họ thật khác xa với những gì tôi biết. Ánh mắt phê cuồng. Say heroin ngất ngư. Mặc mỗi đồ tắm. Một số còn có vết kim tiêm ở sau đầu gối. Đối với tôi họ còn hơn cả xa lạ.

Tôi bỏ xuống sân, chọn đường vòng đi bọc quanh khu nhà, dò dẫm theo những bậc bê tông gồ ghề, cốt để tránh bọn họ.

Vài ngày sau, có một tiếng gõ cửa nhẹ. Một người đàn ông lớn tuổi cầm theo mỗi một chiếc va li. Là đạo hữu cùng dòng tu. Corrigan vội chạy tới ôm ông ta. “Kìa đạo hữu Nobert.” Ông này đến từ Thụy Sĩ. Đôi mắt nâu buồn buồn của Nobert làm tôi cảm tình. Ông ta nhìn quanh căn hộ, tỏ vẻ ái ngại, nói gì đó về chuyện Jesus và nơi lánh mình dưới hầm sâu. Ngay ngày hôm sau Nobert đã bị người ta dí súng cướp trong thang máy. Ông ta kể đã không do dự đưa cho họ tất cả, kể cả hộ chiếu. Mắt ông ta ánh lên như thể tự hào. Rồi anh chàng Thụy Sĩ này ngồi nghiêm chỉnh cầu nguyện suốt hai ngày liền, không rời khỏi căn hộ.

Corrigan hầu như ở ngoài đường suốt. Đối với nó, Nobert quá sức hình thức và chĩn chu. “Làm như ông ấy bị đau răng và muốn tìm Chúa nhờ chữa lành vậy,” Corrigan nhận xét.

Nobert từ chối ngủ trên ghế dài và nằm luôn dưới sàn nhà. Người ông ta cứng lại mỗi lần cánh cửa mở ra và những ả gái điếm bước vào. Jazzlyn ngồi luôn vào lòng ông, đưa ngón tay mơn trớn trên vành tai ông ta, làm xệch xạc đôi giày chỉnh tề của ông ta rồi giấu chúng phía sau ghế. Cô bảo nếu muốn cô sẽ thành bà hoàng của ông. Ông ta đỏ như mặt mũi đến suýt khóc. Lúc sau, khi cô ta đi rồi, giọng cầu kinh của ông ta trở nên cao vút và điên cuồng. “Cuộc đời có Chúa mền yêu được xoa dịu, ngoại trừ nỗi đau. Cuộc đời có Chúa mền yêu được xoa dịu, ngoại trừ nỗi đau.” Ông ta vỡ òa trong nước mắt. Corrigan đã lấy lại được hộ chiếu cho Nobert và lái chiếc

xe tải màu nâu đưa ông ta tới sân bay để đi Geneva. Họ cùng nhau cầu nguyện rồi Corrigan tiễn ông ta lên đường. Nó nhìn tôi như thể cầu mong tôi cũng sớm đi.

— Em không sao hiểu nổi những con người này, - nó nói. Họ là đạo hữu của em thật, nhưng em lại không thực sự hiểu họ. Hẳn em đã khiến họ thất vọng.

— Chú nên rời bỏ cái nơi không tiền đồ này đi Corr.

— Sao em lại rời bỏ? Cuộc sống của em là ở đây.

— Hãy tìm chỗ nào sáng sủa hơn. Hai anh em cùng đi. Anh có nhắm đến California hoặc một nơi nào tương tự thế.

— Ở đây em được cần đến.

— Bất kỳ nơi đâu chú cũng có thể được cần đến mà.

— Đây là nơi dành cho em.

— Chú lấy lại hộ chiếu cho ông ta bằng cách nào vậy?

— À, em chỉ đi hỏi thăm lòng vòng đây thôi.

— Nhưng ông ta đã bị chĩa súng cướp đấy Corr.

— Em biết.

— Cứ thế này có ngày chú bị thương thì sao.

— Thôi nào, tha cho em chút đi.

Tôi ngồi bên cửa sổ, nhìn chiếc xe đầu kéo lớn tấp vào gầm đường cao tốc. Máy cô ả chen nhau chạy đến. Một hộp đèn quảng cáo đơn độc nhấp nháy phía xa, trên là quảng cáo bột yến mạch.

— Nơi đây đã là tận cùng thế giới, - Corrigan nói.

— Em vẫn có thể làm mấy chuyện này ở quê nhà. Ở miền Bắc Ireland lại chẳng cần sao. Belfast đó. Giúp đỡ cho dân ở đó. Giúp cho người mình.

— Em có thể, đúng vậy.

— Hoặc đi khai sáng cho nông dân vùng châu Mỹ Latin, đại loại thế.

— Ừm.

Vậy tại sao cứ ở nơi này?

Nó mỉm cười. Mắt nó thoáng dại đi. Tôi không hiểu thế nào nữa. Nó giơ tay lên cao phía quạt trần, như thể nó chuẩn bị đẩy đôi bàn tay vào những cánh quạt quay, mặc cho chúng bị xé nát.

Tờ mờ sáng, các cô gái đứng rải rác thành dãy dài dọc tòa nhà, ánh sáng của buổi sớm khiến họ như gầy đi. Sau lễ cầu kinh buổi sáng, Corrigan đi tới cửa hàng bán đồ ăn ở góc phố mua tờ *The Catholic Worker*. Xuyên đường hầm, qua đường, dưới mái hiên. Những ông già mặc mỗi áo lót ngồi bên cửa, đàn chim câu mổ những mảnh vụn bánh mì dưới chân họ. Corrigan bước ra ngoài với tờ báo gập dưới cánh tay. Từ đầu bên này tôi nhìn thấy nó đang quay trở lại, bóng nó đóng khung trong con mắt bê tông của đường hầm. Ra khỏi đoạn hầm tối, nó đi qua những ả gái điếm, bọn họ cất tiếng véo von gọi tên nó. Nghe ra ba cung bậc khác nhau. *Corr-i-gan*. *Cor-rig-gan*. *Caw-rig-gun*.

Nó qua hàng người nấp náu. Jazzlyn đứng nói chuyện với nó, ngón tay cái của cô ta móc vào dây áo bơi. Trông cô giống như viên cảnh sát thời xưa bị đặt vào nhăm cơ thể, cứ liên tục bật tanh tách dây áo mỏng màu vàng chanh trên ngực. Cô ta ngả người thật gần em trai tôi, làn da trần gần chạm vào ve áo nó. Nó không lùi lại. Dám chắc cô ả kiếm được tiền từ tất cả những trò mèo đó. Cơ thể trẻ trung nghiêng tới trước. Bật mạnh dây quai áo. Ừm nùm vú sau lần vải. Đầu cô ta mỗi lúc một nghiêng gần hơn về phía em tôi.

Khi những chiếc xe hơi vụt qua, cô ta ngoảnh nhìn theo, bóng đổ dài trong buổi sớm. Chừng như cô ta muốn hiện diện ở mọi nơi, cùng một lúc. Cô ta ngả sát hơn về phía em trai tôi và thì thầm điều gì bên tai nó. Nó gật đầu, quay đi, trở lại cửa hàng bán đồ ăn mang về một lon Coca. Jazzlyn hoan hỉ vỗ tay, giật lấy lon coca, bật nắp lon rồi thông dong bước đi. Một dãy xe mười tám bánh đậu dọc xa lộ. Cô ta chống chân lên tấm lưới sắt màu

bạc và nhấm nháp lon nước, rồi đột ngột ném lon nước xuống đất và leo lên xe.

Vừa tới cửa xe cô ta đã cởi xong mảnh áo tắm. Corrigan quay đi. Lon coca nằm gọn trong rãnh nước nhỏ đen ngòm dưới chân cô ta.

Việc đó cứ lặp đi lặp lại, Jazzlyn đòi một lon coca, rồi lại ném xuống đất khi khách vậy.

Tôi tự nhiên muốn đi lại chỗ cô ta, ngã giá rồi tha hồ bắt cô ta làm đủ trò, túm tóc cô kéo sát vào mặt, cho tới khi người thấy hơi thở dụ hoặc đó mà chửi rửa cô, khạc nhổ vào cô vì đã dám giày vò lòng tốt của em tôi như vậy.

— Đây, anh nhớ để cửa mở cho mấy cô nhé? - Corrigan nói với tôi khi trở lên phòng. Tôi đã khóa cửa suốt buổi chiều, mặc cho bọn họ đấm cửa thùm thụp.

—Corrigan, sao bọn họ không về nhà mà đi vệ sinh?

— Vì họ làm gì có nhà. Ai cũng sống trong phòng chung cư thôi.

— Vậy sao không về chỗ đó đi?

— Vì họ còn có gia đình. Bố mẹ, anh chị em rồi con cái. Họ không muốn người thân nhìn thấy mình ăn mặc như vậy.

— Họ cũng có con sao?

— Có chứ.

— Thế Jazz, cô ta có con không?

— Hai đứa, - nó đáp.

— Trời đất.

— Tillie là mẹ Jazz.

Tôi ngoảnh lại nhìn nó. Tôi hiểu cái cảm giác này. Một khi đã dẫn thân vào dòng là không sao trở lui được nữa. Như dòng thác lũ ào ạt vô tình, đám người ghê tởm bâu lại hút máu, khiến nó thành ra gầy mòn, khô kiệt và vô vọng như thế; bọn họ cướp đi cả cuộc sống của nó như những con đĩa, không, còn độc địa hơn cả đĩa, chúng là những con rệp trườn ra từ lớp giấy

dán tường. Mà thằng em tôi cũng quá ngây ngốc đi, lòng mộ đạo của nó, những trò tử tế đạo đức của nó thì được gì? Cuộc đời này vốn đời bại như nó vốn thế, và rốt cục thì chỉ có thể đặt hy vọng vào những thứ nhìn tận mắt sờ tận tay được thôi.

Nó cúi đầu kéo một sợi chỉ nhỏ thò ra trên tay áo, tôi nắm lấy khuỷu tay nó.

— Đừng có nói với anh những lời nhảm nhí về đấng tối cao sẽ đỡ lấy những gì suy sụp và nâng đỡ những ai khiêm tốn cúi mình nữa đi. Ngài vĩ đại lắm, chui không vừa mấy cái váy ngắn của bọn họ đâu. Chú biết nên thế nào không? Hãy mở mắt ra mà nhìn cho kỹ bọn họ đi. Nhìn ra ngoài cửa sổ kia. Không có sự cảm thông nào có thể khiến họ thay đổi đâu. Tại sao chú vẫn không chịu hiểu? Mấy chuyện chú làm là để tự xoa dịu lương tâm đấy thôi. Chúa dõi theo và biện hộ cho tội lỗi của chú.

Môi nó hé mở. Tôi chờ đợi nhưng nó chẳng nói lời nào. Chúng tôi ở gần tới mức tôi có thể nhìn thấy lưỡi nó chuyển động sau những chiếc răng, lập cập như con thú nhỏ. Mắt nó trừng trừng chăm chú.

— Đứng dậy đi. Chuẩn bị đồ đạc và đi tới nơi nào chú muốn. Bọn họ chẳng đáng được gì cả đâu. Họ không phải nữ thánh Magdalene. Chú chỉ là thằng bung xung lảng nhãng theo bọn họ. Chú kiếm tìm những kẻ nghèo hèn trong đám đó ư? Sao chú không thử một lần nhún nhường dưới chân những người giàu xem? Hay Chúa của chú chỉ yêu mến những kẻ vô dụng?

Tôi có thể thấy ảnh phản chiếu khung cửa trắng hình chữ nhật nhỏ xíu trong mắt em tôi, giờ nếu có cô ả nào mở cửa bước vào, nếu một trong những nỗ lực mộ đạo bất thành của nó xuất hiện, hẳn tôi cũng thấy được bóng chiếu của cô ta lướt qua.

— Sao chú không làm đám nhà giàu hổ thẹn trước tấm lòng nhân đức của chú đi? Hãy đến bên một quý bà và mang bà ấy đến gần Chúa thử xem? Chú nói thử anh nghe, nếu kẻ nghèo là biểu tượng sống của Chúa chịu nạn, thì tại sao họ lại sống cùng cực thê thảm nhường vậy? Nói đi, Corrigan. Sao họ lại đứng ngoài kia, phơi bày nỗi khổ sở của họ cho cả thế giới biết?

Anh muốn biết. Thật vô nghĩa phải không? Hãy yêu những người xung quanh như yêu chính bản thân mình. Thật nhảm nhí. Chú có đang nghe không đấy? Sao chú không tập hợp tất cả những ả gái điếm ngoài kia lại rồi đưa vào dàn hợp ca đi? Ở nhà thờ Áo Vọng Cao Vời ấy? Sao không xếp họ ngồi ở dãy ghế đầu đi? Chú hết lòng hết dạ với tất cả đám lang thang què quặt nghiện ngập ai ai cũng tránh xa đó. Thế sao họ chẳng buồn làm gì cả? Bởi vì họ chỉ muốn hút máu chú tới cùng kiệt, nói cho chú biết.

Kiệt sức, tôi tựa đầu vào bậu cửa sổ.

Tôi chờ đợi cậu em phải buông ra một câu đồng tình cay đắng, kiểu như ta yếu lòng trước kẻ yếu, ta mạnh mẽ trước uy quyền, rằng bình yên nào có được hứa hẹn nơi Jesus, rằng tự do được trao đi, chứ không phải nhận lấy, một điều gì đó nhằm xoa dịu tôi, nhưng em tôi đơn giản để những lời của tôi trôi chuội đi như nước đổ lá môn. Khuôn mặt nó không biểu lộ điều gì. Nó gãi gãi má trong cánh tay rồi gật đầu.

— Nhớ để cửa mở, - nó dặn.

Nó đi xuống cầu thang, tiếng bước chân vọng lại, vòng quanh cái sân nhỏ rồi biến mất trong u ám.

Tôi chạy xuống những bậc thang trơn trượt của dãy nhà. Những hình xoắn graffiti khổng lồ trên tường. Khói hút “cỏ” trôi lơ lửng. Những mảnh kính vỡ lẫn lóc ở những bậc thang cuối cùng. Mùi nước tiểu và những bãi nôn mưa xông lên. Tôi chạy qua mảnh sân. Một người đàn ông cầm đầu dây dạy con chó bun tập cắn. Con chó đớp vào cánh tay ông ta, cổ tay người này quấn nhiều vòng kim loại lớn. Tiếng gầm gừ rền khắp sân. Corrigan đã ra tới chiếc xe tải màu nâu đang đậu bên đường của nó. Tôi đập vào cửa xe. Nó không ngoảnh ra. Tôi cho là mình đã khiến nó tỉnh ra đôi chút, nhưng chỉ thoáng sau chiếc xe đã khuất dạng.

Đằng sau tôi con chó vẫn đang đớp vào tay chủ, nhưng ông ta lại đang nhìn tôi chăm chăm, như thể tôi mới là kẻ đang cố xé toạc cổ tay ông ta. Một nụ cười nửa chừng hiện trên khuôn mặt ông ta vừa dữ dằn lại vừa

trong treo. Tôi thầm nghĩ: *Thăng mọi đen*. Tôi không làm sao gỡ cái chữ đó bật ra trong óc: *Thăng mọi đen*.

Nơi này sớm muộn cũng sẽ hủy hoại tôi, sao Corrigan lại chịu đựng nổi chứ?

Tôi đi lang thang gần đó, tay thọc sâu vào túi, không đi trên vỉa hè mà men sát những chiếc xe hơi đang đậu, cảm giác khác hẳn. Những chiếc xe taxi phóng qua ngay sát hông tôi. Gió đưa mùi từ trạm tàu điện ngấm lên mặt đường, Một thứ mùi ẩm mốc nặng nề lan trong không khí. Tôi tới nhà thờ trên đường St. Ann's. Đi lên những bậc thang nứt vỡ, vào cổng, đi qua bình đựng nước thánh, dẫn sâu vào lòng nhà thờ râm mát. Tôi hơi mong sẽ gặp Corrigan cúi đầu cầu nguyện trong đó, nhưng nó không ở đó.

Những cây nến điện nhỏ màu đỏ có lẽ được thắp phía sau nhà thờ. Tôi thả đồng hai mươi lăm xu vào thùng quyên góp, nghe tiếng nó lạch cạch lăn giữa rỗng không. Giọng nói xa xưa của bố tôi vang bên tai: *Nếu con không muốn nghe sự thật thì đừng gặng hỏi*.

Đêm đó khi đã khuya Corrigan mới trở lại căn hộ. Tôi không khóa cửa nhưng nó cầm theo một chiếc tua-vít, tháo những hết đinh vít ra khỏi xích cửa lẫn mấy cái khóa. “Việc cần làm.” Trông nó đờ đẫn, mắt cứ đảo lơ láo. Lúc đó lẽ ra tôi phải nhận ra biểu hiện đó là gì, nhưng không. Nó quỳ xuống sàn nhà, mắt ngang tầm với núm cửa. Mặt dưới đôi xăng-đan lật ngửa lên. Đế giày đã bị mòn, mặt cao su lỗ chỗ bọt tăm. Chiếc quần nhiều túi thùng thình có đoạn dây buộc quanh thắt lưng, nếu không chắc sẽ tụt quá hông. Cái áo sơ-mi dài tay nó mặc bó chặt vào cơ thể làm nổi hẳn mấy rãnh xương sườn nom như một loại nhạc cụ kỳ quái.

Nó vẫn chăm chú vào công việc nhưng lại dùng tuavít đầu dẹt để tháo ốc vít rãnh chữ thập, thế là nó phải nghiêng vít để lách vào đúng rãnh ốc. Tôi đã đóng gói xong đồ đạc và sẵn sàng đi, tìm một căn phòng, nhận việc pha chế rượu, gì cũng được, miễn là ra khỏi nơi này. Tôi kéo chiếc ghế ra giữa căn phòng, ngay dưới quạt trần, khoanh tay ngồi đợi. Những cánh quạt không làm dịu được sự oi nóng. Lần đầu tiên tôi nhận thấy sau đầu

Corrigan đã xuất hiện vệt hói. Tôi định đùa là giờ bộ dạng nó giống cha đạo đích thực rồi, nhưng giờ giữa hai anh em đã chẳng còn gì, không một lời nói, không một ánh nhìn. Nó vẫn miệt mài với những chiếc khóa. Hai chiếc đinh vít rơi xuống sàn. Tôi nhìn những giọt mồ hôi lăn trên gáy nó.

Nó lơ đãng xắn tay áo lên, ngay lúc đó tôi chợt nhận ra.

○ ○ ○

NẾU AI CHO RẰNG mình nắm được mọi bí mật, hẳn cũng sẽ nghĩ mình biết cách giải quyết. Tôi không quá ngạc nhiên về việc Corrigan dùng ma túy, nó luôn cùng làm điều những kẻ kia làm, dù là ở mức tối thiểu. Nó luôn tin theo câu thần chú tai ác đó. Nó muốn nghe thấy bước chân của chính mình để chắc rằng nó đang bước trên mặt đất. Không có cách nào thoát được. Nó cũng đã làm chuyện tương tự hồi còn ở Dublin, dù xét độ liều thì khác hẳn. Nó đứng trên bờ rìa nhỏ hẹp của thực tế mà nó đã rời bỏ, nhưng dường như nó chẳng lên cao hơn mà chỉ đi ngang. Nó bị hút về nỗi đau. Nếu không chữa lành nỗi thì nó sẽ cùng hứng chịu sự đau đớn ấy. Nó chích ma túy bởi lẽ nó không sao chịu đựng nỗi ý nghĩ rằng những người kia bị bỏ mặc cô độc trong nỗi kinh hãi.

Nó cứ xắn tay áo lên cao suốt khoảng một giờ đồng hồ trong khi đánh vật với mấy cái khóa. Má trong cánh tay nó rải rác vết bầm xanh đen. Lúc nó xong việc, cánh cửa thậm chí không khép khít được, cứ thế đu đưa trên bản lề.

— Thế, xong. - Nó nói.

Nó vào phòng tắm, tôi chắc chắn nghe thấy tiếng nó quấn băng cao su quanh cánh tay cho nổi ven. Nó bước ra, kéo tay áo xuống.

— Đừng có động gì vào cái cửa chết tiệt đó nữa đi, - nó buông ra câu cuối cùng rồi đổ ập mình xuống giường không tiếng động. Tôi cứ nghĩ mình không ngủ được, nhưng lại tỉnh giấc bởi những âm thanh thường lệ ở

Deegan. Tiếng động cơ xe và bản hòa ca của những chiếc lốp xe trên đường. Những hố lớn trên đường được che tạm bằng tấm kim loại khổng lồ. Chúng vện mình rầm rầm mỗi khi xe tải chạy qua.

Thật ra nếu quyết định ở lại thì cũng dễ dàng thôi, Corrigan chưa từng bảo tôi đi. Thường từ sáng sớm tôi đã ngồi dậy, cạo râu rửa ráy để sẵn sàng cùng đi làm những công việc của nó. Tôi lay nó ra khỏi chăn. Nó bị chảy máu cam nhẹ khi ngủ, giờ máu đã thâm đen lại trên bộ râu mới nhú ra lờm chờm. Nó quay đi. “Anh đặt ấm trà giúp nhé?” Khi đuổi người ra, nó chạm vào cây thánh giá bằng gỗ trên tường. Cây thánh giá đung đưa trên chiếc đinh. Trên tường có một khoảng sơn sáng sạch hơn khuôn theo hình thánh giá mờ nhạt. Em tôi nhòm dậy chỉnh cây thánh giá cố định trở lại, lẩm nhẩm gì đó về việc Chúa luôn sẵn sàng nhường đường.

— Hôm nay đi à? - nó hỏi.

Dưới sàn nhà là chiếc ba lô đã xếp đồ xong xuôi.

— Anh đang nghĩ hay là ở lại thêm vài ngày.

— Không sao, anh trai.

Nó đứng trước mảnh gương vỡ chải đầu rồi xịt ít nước thơm khử mùi. Ít ra nó vẫn còn chút kiểu cách này. Chúng tôi đi thang máy thay vì thang bộ.

— Thật thần kỳ, - Corrigan nói khi cánh cửa mở ra và một chút ánh sáng mờ ảo chiếu vào trong thang máy. - Nó lại chạy được rồi này.

Ra bên ngoài, chúng tôi băng qua bãi cỏ nhỏ ngay trước dãy nhà, lổn nhổn những chai lọ vỡ. Thật ngạc nhiên, lần đầu tiên sau bao nhiêu năm tôi lại có cảm giác bình yên khi ở bên em mình. Giấc mơ ngày xưa. Tôi biết mình phải làm gì, tôi nhất định phải dìu em tôi qua cả chặng đường dài để trở lại cuộc sống có ý nghĩa.

Giữa những ả gái điếm trong buổi sớm, tôi thấy dễ chịu kỳ lạ. Corrigan. Corr-i-gun. Corry-gan. Suy cho cùng thì đó cũng là họ của tôi nữa. Một cảm giác tự nhiên đến bất ngờ. Cơ thể họ không làm tôi ngỡ ngàng như

khi tôi nhìn họ từ xa. Một cách bẽn lễn, họ lấy cánh tay che ngực lại. Một cô nhuộm tóc đỏ rực. Một cô khác thì đánh mắt bằng nhũ bạc. Jazzlyn, trong bộ đồ bơi nhập nhánh, chỉnh lại đai áo che núm vú. Cô rít một hơi thuốc rồi nhả khói rất điệu nghệ qua mũi và miệng. Làn da của cô sáng bóng. Hẳn ở một kiếp sống khác cô thuộc dòng dõi quý tộc nào đó. Ánh mắt cô cứ dán xuống đất như tìm kiếm vật gì đã đánh rơi. Trong tôi bỗng trào dâng một niềm đồng cảm, một nỗi khát khao.

Họ vẫn tiếp tục những câu bông đùa. Em trai tôi quay sang nhìn tôi, nhe răng cười. Tựa như Corrigan đang thì thầm bên tai tôi tỏ ý thể tất những điều tôi chưa hiểu được.

Vài chiếc xe chạy ngang giảm tốc tìm hoa. “Đi thôi,” Tillie giục. “Còn công chuyện làm ăn kìa.” Chị ta nói như đang giao dịch chứng khoán, gật đầu với Jazzlyn. Corrigan kéo tôi vào đường hầm.

— Tất cả bọn họ đều chích ma túy à? - Tôi hỏi.

— Ờ, có mấy người.

— Thứ đó không hay ho gì đâu.

— Cuộc sống vầy vò họ đến thế, thì cũng phải cho họ chút vui vẻ chứ.

— Thế ai kiếm ma túy cho họ?

— Không biết được, - nó vừa nói vừa lấy chiếc đồng hồ nhỏ bằng bạc từ túi quần ra xem. - Anh hỏi làm gì?

— Chỉ tò mò thế thôi.

Những chiếc xe vẫn chạy rầm rầm trên đường quốc lộ. Corrigan vỗ vai tôi. Chúng tôi lái xe tới nhà dưỡng lão. Một y tá trẻ đang ngồi đợi trên những bậc thềm. Cô ta đứng dậy và hồ hởi vẫy tay khi thấy chiếc xe tấp vào. Cô trông như dân Nam Mỹ - nhỏ nhắn và xinh đẹp với mái tóc đen và đôi mắt huyền. Có vẻ giữa hai người có chút ngượng ngập. Em trai tôi dường như không còn là nó, cơ thể nó trở nên mềm dịu. Nó đặt tay lên eo cô ta, và cả hai biến mất sau cánh cửa tự động.

Tôi lục lọi trong hộp đựng đồ vật trên xe xem có tìm được kim tiêm, tép thuốc, đơn mua thuốc hay mấy thứ đại loại. Nhưng chẳng có gì ngoài quyển Kinh Thánh đã sờn cũ. Ở trang bìa trong có mấy dòng ghi chú rời rạc của Corrigan: Ước muốn làm ham muốn lịm tắt. Bất động trước tạo hóa. Đeo đuổi chúng và cầu nguyện được tha thứ. Sự kháng cự nằm trong tâm điểm của bình yên. Hồi còn bé Corrigan hiếm khi gập trang giấy làm dấu, nó luôn cố giữ quyển kinh nguyên vẹn như mới. Giờ thì đã khác trước. Những chữ viết trông nguệch ngoạc, nó còn gạch chân nhiều đoạn kinh bằng bút mực đen. Tôi chợt nhớ đến câu chuyện thần thoại được nghe hồi học đại học: có ba mươi sáu vị thánh ẩn náu trong thế gian, tất cả bọn họ đều làm những công việc hết sức bình dị như thợ mộc, thợ sửa giày, người chần cừ. Họ phải chịu đựng mọi nỗi buồn phiền của cuộc sống trần gian nhưng họ vẫn giữ được mối dây liên hệ với Chúa, chỉ trừ một vị thánh bị quên lãng. Ông ta bị bỏ mặc, phải tự vật lộn với cuộc sống mà không có cách nào chia sẻ với Chúa - điều mà ông ta vô cùng cần đến. Corrigan đã mất sợi dây liên lạc với Chúa: nó đơn độc gánh lấy những khổ đau, tự trải nghiệm Câu Chuyện về những câu chuyện.

Tôi đứng nhìn cô y tá nhỏ nhắn xoay sở đẩy xe lăn xuống bậc thang. Cô ta có một hình xăm ở mắt cá chân. Tôi chợt nghĩ hay chính cô này cung cấp thuốc phiện cho em tôi, nhưng cô ta trông thật tươi tắn khỏe mạnh trong ánh mặt trời xiên nghiêng.

— Em là Adelita, - cô ta chìa tay qua cửa sổ xe. - Corrigan có kể nhiều chuyện về anh.

— Này anh, còn không mau vắc xác ra giúp bọn em với, - tiếng em trai tôi vang lên.

Nó căng người đỡ bà cụ người Galway qua cửa. Những đường gân trên cổ nó đập phập phồng. Bà Sheila giờ giống như con búp bê làm bằng giẻ vụn. Đột nhiên tôi nhớ đến hình ảnh của mẹ bên cây đàn piano. Corrigan thở ra nặng nhọc khi nó bế bà vào trong xe, rồi thắt một loạt các dây đai quanh người bà.

— Chúng ta phải nói chuyện, - tôi nói với nó.

— Ừm, gì cũng được, nhưng giờ hãy giúp các cụ lên xe đã. Nó và cô y tá đưa mắt nhìn nhau qua thành ghế. Một ít mồ hôi lấm tấm phía trên bờ môi được cô ta lau đi bằng tay áo cộc của bộ đồng phục. Khi chúng tôi lái xe đi, cô ta đứng tựa vào cái thang và châm một điếu thuốc.

— Cô Adelita đáng yêu, - nó nói khi ngoặt qua một góc đường.

— Đó không phải chuyện anh muốn nói.

— Thế à, nhưng em chỉ muốn nói chuyện đó thôi, - nó đáp. Nó liếc nhìn qua gương chiếu hậu và hỏi: “Phải không, Sheila?” Đoạn nó gõ gõ tay lên bánh lái.

Nó đã vui vẻ lại. Hay là nó vừa chích một liều trong nhà dưỡng lão? Với những hiểu biết ít ỏi của tôi về tình trạng nghiện thuốc thì điều gì cũng có thể xảy ra. Nhưng trông nó thật tươi tỉnh và không có mấy dấu hiệu đang phê, ít ra là không giống những biểu hiện tôi hình dung ra. Nó vừa lái xe vừa gác một cánh tay ra ngoài cửa sổ, gió thổi tạt vào tóc nó.

— Em thật bí ẩn.

— Chẳng có gì bí ẩn cả, anh trai ạ.

Albee nói to từ ghế sau:

— Đồ ẻo ợt.

— *Thôi đi*, - Corrigan vừa nói vừa cười, pha chút giọng khu Bronx. Tất cả những gì nó quan tâm là hiện tại mà nó đang sống, chính là những giây phút này. Trong những trận đánh lộn hồi bé giữa hai anh em tôi, Corrigan thường đứng im chịu đánh, trận đánh kéo dài chừng nào tôi còn đâm nó. Lúc này thật dễ dàng nện cho nó một cú, ép nó sát vào cửa xe, lục lọi các túi mà moi ra những gói thuốc độc đang hủy hoại nó.

— Cũng nên về thăm nhà đi, Corr.

— Ừm, - nó lơ đãng trả lời.

— Ý anh là trở về Sandymount. Chỉ một hai tuần thôi mà. - Không phải nhà đã bán rồi sao?

— Thì đã bán, nhưng thế nào cũng tìm được một chỗ để ở chứ.

— Những cây cọ ven đường, - nó vừa nói vừa khẽ cười. - Cảnh lạ nhất ở Dublin. Em đã kể cho mọi người nghe nhưng chẳng ai tin.

— Chú chịu về quê chứ?

— Một lúc nào đó, có thể. Em sẽ đưa về cùng một vài người nữa.

— Tất nhiên rồi.

Nó lại đưa mắt nhìn gương chiếu hậu. Lẽ nào nó muốn mang bà già ấy trở lại Ireland, dù sao tôi cũng sẵn lòng chiều ý Corrigan.

Đến công viên, nó đẩy những chiếc xe lăn tới chỗ bóng râm cạnh tường. Một ngày nắng rực rỡ và không khí thật ấm cúng. Albee lấy ra thếp giấy ra, tự lẩm nhẩm giải thế cờ. Mỗi lần nghĩ được một nước hay ông ta lại nhả thẳng xe lăn mà phấn khởi đẩy tới đẩy lui. Sheila đội một chiếc mũ rộng vành trên mái tóc dài màu trắng. Corrigan chăm chăm chiếc khăn tay của nó lên trán bà. Bà hăng giọng như để gạt bỏ những âm thanh vương vãi nơi cổ họng. Bà ôm nỗi buồn của kẻ di cư, chẳng bao giờ còn được trở lại quê nhà, nơi đó đã không còn như xưa, xét ở nhiều phương diện, nhưng bà vẫn sẽ mãi hướng về.

Mấy đứa trẻ gần đó đã mở vòi chữa cháy và nhảy giỡn trong tia nước. Một đứa còn thủ sẵn một cái khay lấy trong bếp và đang dùng làm ván lướt sóng. Nó trượt theo làn nước tới chỗ dàn khung xà rồi vừa cười vừa ngã lao đầu vào hàng rào. Những đứa khác hò hét đòi mượn cái khay. Corrigan đi tới hàng rào, ép tay lên những mắt lưới hình kim cương. Tít phía xa có mấy người đang chơi bóng rổ, mồ hôi nhễ nhại, thi nhau ném bóng vào khung rổ không lưới.

Trong khoảnh khắc dường như Corrigan đã đứng, ở nơi đây có một thứ gì đó, một thứ gì được nhận ra và gìn giữ, một niềm vui. Tôi muốn nói

với nó là tôi đã bắt đầu nhận ra, hoặc ít ra là có ý niệm mơ hồ về điều đó nhưng nó đã gọi tôi lại và nói nó phải tới cửa hàng rượu một lát.

— Anh để ý bà Sheila nhé, - nó dặn. - Mũ của bà ấy lệch rồi. Đừng để bà bị cháy nắng.

Lũ thanh niên đầu quấn khăn và mặc quần jean bó sát vật vờ trước cửa hàng rượu. Chúng trịnh trọng chiêm những điều thuốc. Như thường lệ, chúng đập tay thân mật với Corrigan rồi mất hút vào bên trong với nó. Tôi biết rồi. Tôi thấy máu dâng lên trong cơ thể mình. Tôi chạy bộ qua đường, tim đập thình thịch dưới tấm áo lạnh rẻ tiền. Tôi bước qua rác rưởi chất đống ngoài cửa hàng, những vỏ chai, những mảnh giấy gói bị xé nham nhở. Một dãy chậu cá cảnh đặt trong cửa sổ, vỏ cam gọt mỏng cuộn thành những hình tròn vô nghĩa. Tiếng chuông kêu leng keng. Bên trong, đĩa nhạc hãng Motown phát ra từ dàn âm thanh nổi. Hai đứa trẻ người ngợm ướm sững do mới nghịch ở vòi nước chữa cháy đang đứng cạnh quầy kem. Lũ thanh niên quấn khăn màu đỏ đang lại chỗ tủ bia. Corrigan đứng ở quầy thu ngân, tay cầm một bình sữa. Nó nhìn lên, chẳng tỏ vẻ gì bực bội.

— Em nghĩ là anh đang trông bà Sheila cơ đấy.

— Chú nghĩ thế à?

Tôi đã hình dung ra cảnh dấm dúi, rồi một tép ma túy tuồn vào túi nó, sự giao dịch mờ ám ở quầy thu ngân, một cái vỗ vai nữa với lũ du đảng kia, nhưng chẳng có gì cả. “Cứ ghi vào sổ cho tôi nhé,” Corrigan nói với chủ quán, tay vỗ vào một chậu cá cảnh khi bước ra ngoài.

Chuông cửa quầy hàng lại reo vang.

— Ở đó họ cũng bán ma túy chứ? - Tôi hỏi khi chúng tôi băng qua đường về công viên.

— Có anh bán ma túy thì có, - nó đáp.

— Chú có chắc không, Corr?

— Chắc chuyện gì?

— Chú biết quá đi còn gì. Trông chú bù xù thế kia. Nhìn vào gương xem.

— Anh đang đùa phải không? - Nó ngoảnh lại và cười lớn.

— Em? - giọng nó đầy ngạc nhiên. - Mà chích ma túy hả?

Chúng tôi tới bên hàng rào.

— Em chẳng muốn dính dáng đến thứ đó đâu, - nó nói. Hai bàn tay nó bầu chặt hàng rào đến nỗi các khớp tay trắng bệch. - Thiên đường đẹp đẽ thật nhưng em thích ở dưới này hơn.

Nó nhìn ra dãy xe lăn xếp dọc bờ rào. Một nét gì tươi tắn trẻ trung hãy còn nơi nó. Khi mười sáu tuổi Corrigan đã viết vào mặt trong vỏ bao thuốc rằng phúc âm đích thực trên đời có thể ghi trọn được ở mặt trong vỏ bao thuốc - đơn giản là hãy đối xử với người như cách ta muốn họ đối xử với ta, - nhưng lúc đó nó chưa hiểu ra hãy còn nhiều điều phức tạp khác nữa.

— Anh đã bao giờ có cảm giác đã đánh mất một thứ gì đó hay có một thứ gì khác ở trong anh chưa? - nó nói. - Anh không biết đó là thứ gì, như một trái bóng, hay một hòn đá, có thể bằng sắt hay bông hay cỏ hay bất cứ thứ gì, nhưng nó ở trong anh. Không phải lửa hay cơn thịnh nộ hay thứ gì thế. Chỉ là một trái bóng lớn. Và không có cách nào chạm tới được? - Nó dừng lại, quay đi, vỗ nhẹ tay lên bên ngực trái. - Ờ, nó ở đây này. Ngay đây.

Ta hiếm khi nghe thấu được ngay những điều lần đầu tiên được nghe, nhưng có một điều chắc chắn: chúng ta sẽ lắng nghe vì sẽ chẳng bao giờ được nghe lại nữa. Ta có thể nhớ lại khoảnh khắc ấy, tôi cho là vậy, nhưng ta sẽ chẳng thực sự tìm lại được điều mình đã nghe, mà chỉ là những ký ức về nó, dấu vết mờ nhạt nhất cho ta thấy điều được nói ra thực sự có nghĩa gì.

— Chú đùa anh đấy hả?

— Em ước gì như vậy, - nó nói.

— Thôi nào...

— Anh không tin em?

— Jazzlyn chứ gì? - Tôi bật hỏi, không nghĩ ra được gì khác. - Không phải em mê con điếm đó đấy chứ?

Nó phá lên cười nhưng đó là cái cười lảng tránh. Mắt nó lướt qua sân chơi, và nó buông cho những ngón tay trượt trên bờ rào.

— Không, - nó đáp, - Không, không phải Jazzlyn, không phải.

○ ○ ○

CORRIGAN LÁI XE ĐƯA TÔI QUA KHU NAM BRONX dưới nền trời bốc cháy ngùn ngụt. Hoàng hôn mang màu những bấp thịt đỏ hồng chen những sọc xanh xám. Cảnh đốt phá. Corrigan kể chủ mấy tòa nhà này đang bày trò để nhận tiền bảo hiểm. Những dãy phố san sát chung cư cao tầng và tiệm hàng bị bỏ mặc cho cháy âm ỉ.

Bọn trẻ con vờ vờ nơi những góc phố. Đèn giao thông bị kẹt cứ bật mãi màu đỏ. Ở chỗ vòi lấy nước chữa cháy nước đọng hàng vũng lớn. Một tòa nhà trên đại lộ Willis đã gần đổ sập xuống đường. Mấy con chó hoang len lách qua đồng đổ nát. Hộp đèn neon cháy sém dựng thẳng đứng. Năm chiếc xe tải đi qua, rồi vài chiếc xe cảnh sát nối đuôi nhau như để tự an ủi. Thành thoảng một bóng người hiện ra từ chỗ khuất, mấy kẻ vô gia cư đẩy những chiếc xe đẩy hàng chất cao toàn dây đồng. Trông họ giống những kẻ đi về miền Tây, đẩy chiếc xe goòng ngang qua những vùng đất bóng đêm của nước Mỹ.

— Mấy người đó là ai?

— Họ lục lọi các tòa nhà, nạy dây đồng chạy âm tường ra rồi bán, - nó nói. - Cứ nửa ký thì được độ mười xu.

Corrigan đậu xe ngoài một dãy chung cư không còn ai ở nhưng những chửa bắt lửa, giật mạnh cần số về trạng thái dừng.

Một vầng mây khói lơ lửng phủ trên phố. Gần như không thấy được những ngọn đèn đường. Những dải băng cảnh báo nguy hiểm vẫn dán nguyên trên lối vào các nhà, nhưng ngay sau chúng những cánh cửa đã bị đập bung ra. Corrigan co chân lên ghế, thu sát đôi xăng-dan vào người. Nó châm một liều thuốc và rít liền một mạch đến hết, ném mẩu thuốc qua cửa.

— Chuyện là, em bị chứng TTP^[6] nhẹ, đầu như tên bệnh là thế, - cuối cùng nó cũng nói. - Cho nên khắp người đầy vết thâm tím. Ở đây, đây nữa. Trên chân là nhiều nhất. Trông như bị dính mực. Khoảng một năm trước. Lúc đầu em cũng không thật sự để ý lắm. Chỉ thấy sốt nhẹ. Rồi chóng mặt. Hồi tháng hai ở khu dưỡng lão, em giúp chuyển đồ từ tầng một lên tầng ba. Đồ đạc công kênh quá nên không cho vào thang máy được. Mà thời tiết thì nóng như trong địa ngục. Trong đó bật lò sưởi cho tất cả các phòng. Anh không tưởng nổi không khí oi bức thế nào đâu, đặc biệt là ở chỗ cầu thang có gắn những đường ống hơi. Tưởng như Dante thiết kế ra cái địa ngục đó vậy. Công việc khá vất vả nên em cởi áo sơ-mi. Chỉ mặc mỗi cái áo lót sợi lưới bên trong. Anh có biết bao nhiêu năm rồi em mới mặc thế không? Rồi khi em đang cùng mấy gã thanh niên nữa khiêng đồ lên nửa cầu thang thì một gã bỗng chỉ vào tay với vai em, nói rằng hẳn em mới đánh lộn với ai đó. Thì cũng không sai là mấy. Mấy tay bảo kê kiểm chuyện vì em cho mấy cô kia dùng phòng tắm. Em cũng bị đánh tí đỉnh. Phải khâu vài mũi trên mắt. Có một tay đi ủng cao bồi đá em mấy cú ra trò. Nhưng em chẳng bận tâm lắm, cho đến khi khiêng đồ lên tới tầng ba, Adelita đang ở đó chỉ dẫn. “Đặt cái này ở đây. Đặt cái đó ra kia.” Bọn em khiêng cái bàn to vào trong góc phòng. Mấy gã khiêng chung vẫn cứ trêu chọc về vụ em là tay da trắng duy nhất dính vào mấy vụ ẩu đả ở khu này. Tụi hăn tưởng em như huyền thoại đấm bốc Jack Doyle Lớn đầu thai không bằng. Tụi hăn cứ gheo: “Xông lên Corrigan, nhảy đi, tung đòn sấm sét đi.” Rồi còn nói phải đưa em tới Zaire thi đấu kéo phí. Họ không biết rằng em là thầy dòng. Không ai biết cả. Ít ra là đến lúc ấy. Rồi Adelita bước tới, ấn mạnh ngón tay lên một vết thâm tím trên người em, nói: “Anh bị chứng TTP rồi.” Em nói đùa có khi do dị ứng thuốc diệt muỗi DDT cũng nên, nhưng cô ấy quả quyết: “Không, tôi nghĩ là TTP.” Hóa ra đêm nào cô ấy cũng thức học thêm, muốn học lên bác sĩ. Hồi ở

Guatemala cô ấy đã làm y tá cho mấy bệnh viện cũng có tiếng. Cô muốn thành bác sĩ, còn thi vào đại học đàng hoàng, nhưng rồi chiến tranh ập đến và cô ấy mất hết. Mất cả người chồng. Nên cô ấy tới đây làm y tá. Họ sẽ không quan tâm đến khả năng của cô ấy. Adelita có hai đứa con. Giờ chúng cũng nói giọng Mỹ rồi. Dù sao thì cô ấy có nói đại khái tiểu huyết cầu của em ở mức thấp và có hiện tượng chảy máu trong, nói em phải đi khám cho kỹ. Cô ấy đã khiến em phải ngạc nhiên, anh ạ.

Corrigan kéo kính cửa xe xuống, cuộn rải một ít thuốc lá sợi lên trên một miếng giấy mỏng rồi châm thuốc.

— Cho nên, lẽ đương nhiên là em đi khám. Cô ấy đã hoàn toàn đúng. Em bị thứ bệnh các bác sĩ cũng không biết gì nhiều. Bệnh tự phát, anh hiểu không, nghĩa là không lần ra nguyên nhân gây bệnh. Nhưng họ nói bệnh tương đối nguy hiểm, có thể làm mình ốm nặng. Nghĩa là, rốt cuộc anh phải chữa bệnh hoặc sẽ chết. Nên buổi tối hôm đó em trở về nhà và gọi Chúa trong bóng đêm, em nói: “Cảm ơn Chúa, thêm một điều nữa để phải lo đây.” Nhưng lần này Chúa đã xuất hiện, anh ạ. Người đã ở đó. Có thể nhìn thấy rất rõ. Giá mà Người không ở đó thì dễ rồi, em có thể vờ vĩnh như mình đang kiếm tìm Người. Nhưng không, Người quả đã ở đó, cực kỳ thật. Người đưa ra những lời khuyên hết sức hợp lý về bệnh tật và vượt qua bệnh tật, đối diện với nó và nhìn nhận cuộc sống từ một góc nhìn mới, đó là cách Người đã làm, cách Người nói chuyện với anh, Thế xác, Tâm hồn, bí tích khi ở một thân một mình, làm sao phần nọ có chủ đích, hướng năng lượng đó vào mục tiêu cao cả hơn. Hãy mở lòng đón những gì sẽ đến. Nhưng, rõ là em không ưa vị Chúa đầy logic này cho lắm. Cả giọng nói của Người. Em không thể, nói sao nhỉ, không ưa giọng nói ấy. Em nghe thì hiểu đấy, nhưng không ưa.

Người ngoài tầm với của em. Nhưng chẳng sao cả. Dù sao cũng đã nhiều lần em không yêu mến Người. Trở thành nỗi phiền lòng của Chúa cũng khá thú vị đấy chứ. Rất nhiều người tử tế từng lâm vào tình huống như em, thậm chí còn tệ hơn.

Em hiểu rằng mắc phải bệnh này bệnh nọ không phải chuyện gì lạ, cái chết lại càng là tất yếu. Điều chí tử là cứ mỗi lần em kêu cầu Người thì

chỉ nghe dội lại thứ âm thanh trống rỗng. Anh thấy đấy, chỉ được cảm giác trống rỗng mỗi lần em cố nói chuyện với Người. Em đã cố hết sức rồi chứ có phải. Em từng xưng tội chân thành về việc giữ vững niềm tin và tất cả. Em đã nói chuyện với cha Marek ở nhà thờ St. Ann's. Thật là một linh mục tốt. Em và ông ấy đã tranh luận với nhau hàng tiếng đồng hồ. Em tranh cãi cả với Chúa, vào mọi thời khắc trong ngày. Những lời tranh luận với Người từng khơi dậy những gì sâu kín nhất trong trái tim em. Em đã khóc trước sự hiện diện của Người. Nhưng Người cứ trở lại kèm theo những lý lẽ thuần túy logic của mình. Và rồi em biết mọi chuyện sẽ qua. Em biết em sẽ vượt qua. Lúc đó em thậm chí còn không nghĩ đến Adelita. Cô ấy thậm chí không tồn tại trong tâm trí em. Em chỉ bận tâm chuyện đang mất đi Chúa. Viễn cảnh của sự mất mát ấy. Lý trí trong em mách bảo đó thật ra chỉ là em tự nói chuyện với mình đấy thôi. Em đang làm khó Người. Nhưng nhận ra điều đó đâu có nghĩa là làm gì được. Kiểu như anh gặp một vị Chúa đầy lý trí và anh nói: “Ồ, là thế này, kiểu Chúa này không hợp với con, thừa Chúa Cha, để con trở lại vào lúc thích hợp hơn.” Anh biết không, khi anh còn nhỏ, Chúa nâng anh bay lên. Người giữ anh ở trên đó. Khó khăn thực sự làm làm sao trụ lại đó và làm sao rơi xuống cho đúng cách. Khi anh không thể tiếp tục nữa. Khi anh vấp ngã. Thử thách là leo lên trở lại. Đó là thứ em kiếm tìm. Nhưng em chưa thể leo trở lại. Em không thể.

Dẫu sao một chiều thứ Sáu nọ, em cũng trở lại nhà dưỡng lão, lúc đó Adelita đang trong kho thuốc, đi qua đi lại giữa những chai thuốc ho. Và em ngồi trên cái thang thấp chuyện trò với cô ấy. Cô ấy hỏi em có dự định chữa trị ở bệnh viện hay không và em bỗng nhiên nói dối rất trơn tru rằng Có, tất nhiên, mọi việc sẽ ổn, chẳng có gì phiền phức cả. “Vậy thì tốt,” cô ấy nói, “vì anh thực sự cần phải chăm sóc cho bản thân mình hơn.” Rồi cô ấy bước tới cạnh em, kéo một chiếc ghế cùng ngồi xuống, và bắt đầu xoa xoa má trong cánh tay em. Cô ấy nói rằng phải để máu lưu thông. Cô ấy ấn mấy ngón tay lên cánh tay em ở ngay chỗ này. Tưởng như cô ấy sục ngón tay sâu vào lòng đất. Cảm giác đúng thế đấy. Em sờn gai ốc, máu chảy dồn dưới những ngón tay cô ấy. Bàn tay còn lại của em túm chặt bên thang. Và trong em vang lên một giọng nói: “Hãy mạnh mẽ lên, đây chỉ là thử thách, hãy sẵn

sàng, hãy sẵn sàng.” Nhưng đó chính là cái giọng nói mà em chẳng ưa. Em cố kiểm điều ẩn giấu đằng sau giọng nói ấy nhưng em chỉ nhìn thấy người phụ nữ này, đó là một thảm họa, em cứ thế trượt xuống, chìm ngìm như kẻ đi bơi vô vọng. Và em lại nói, Chúa ơi đừng để chuyện này xảy ra. Xin đừng. Cô ấy gõ nhẹ móng tay lên phía trong cánh tay em, rất nhẹ thôi. Em nhắm mắt lại. Xin đừng để chuyện này xảy ra. Xin đừng. Nhưng cảm giác mới dễ chịu làm sao. Thật sự rất dễ chịu. Em vừa muốn nhắm mắt vừa muốn mở mắt nhìn. Không thể diễn tả nổi, anh ạ. Em không sao chịu được. Em đứng dậy và lao ra khỏi nơi đó. Cứ thế lao đảo nhảy vào xe.

Em nghĩ là em đã lái xe suốt đêm. Em chỉ biết có đi mà thôi. Theo những vạch kẻ đường màu trắng. Em bị kẹt lại trên những cây cầu. Không biết mình sẽ đi đâu nữa. Những ánh đèn thành phố cứ thừa thớt dần. Em nghĩ mình đã về vùng nông thôn, nhưng hóa ra em đến một hòn đảo, anh ạ, Long Island. Em dự định sẽ đi về phía tây, băng qua dải đất rộng lớn mênh mông để nghĩ cho thông suốt mọi chuyện, nhưng em đã không làm thế, thực tế là em đang đi hướng về phía đông dọc theo đường quốc lộ. Và em chỉ biết có đi mà thôi. Đi và đi mãi. Những chiếc xe lướt qua em. Em phải lăm nhăm với chính mình và châm những que diêm, ngửi mùi lưu huỳnh, để giữ cho mình tỉnh táo. Cố cầu nguyện. Làm tính cộng hai với hai bằng năm. Rồi hết đường cao tốc, em cảm giác chẳng biết mình đang ở đâu nữa, em lại men theo một con đường nhỏ hơn. Qua khu đất chăn nuôi và những ngôi nhà rải rác, hầu như chẳng có chút ánh đèn nào cả. Hóa ra đã đến Montauk. Trước đây em chưa từng tới đây. Bóng tối mỗi lúc một dày đặc hơn, chẳng có chút ánh đèn nào cả. Rồi xe đi vào con đường đất nhỏ. Nó dẫn anh tới tận cùng đất nước, anh ạ, một con đường nhỏ xíu đây ồ gà dẫn đến ngọn hải đăng. Và em nghĩ: “Phải rồi, đây chính là nơi ta sẽ tìm thấy Người.”

Em ra khỏi xe và bước trên những đụn cát, đi dọc bãi biển. Em cứ đi loanh quanh và hét thật to gọi Người, dưới những đám mây. Chẳng có lấy một vì sao. Không có ai trả lời. Chắc anh nghĩ ít ra cũng phải có chút ánh trăng chứ. Hay gì đó. Bất cứ thứ gì. Nhưng ngay cả một con thuyền cũng chẳng có. Dường như vạn vật đã bỏ rơi em. Và em như vẫn cảm thấy cái

chạm tay của cô ấy ở đó, trên má trong cánh tay em. Như thể nó đã hằn sâu và có một thứ gì đang sinh sôi ở đó. Giờ thì em đang đứng giữa bãi cát dài bất tận, ánh đèn hải đăng xoay xoay sau lưng em. Suy nghĩ những điều rõ rọi. Về con đường của mình. Em sẽ rời xa nơi này. Em sẽ từ bỏ tất cả. Em sẽ bỏ dòng tu. Em sẽ trở lại Ireland, tìm kiếm những cảnh cùng cực khác. Nhưng chẳng điều gì có ý nghĩa hết. Nơi đây đã là tận cùng, anh ạ, nhưng sao vẫn chẳng hé lộ điều gì.

Sau một hồi em thôi không kêu nữa, ngồi xuống bãi cát và tự nhủ, “Ồ, có lẽ về lâu dài điều này sẽ chỉ khiến ta trở thành một con chiên ngoan đạo hơn của Chúa, ta phải tranh đấu, chống lại điều đó, biến nó thành lợi thế của riêng ta, đây là dấu hiệu.” Em phớt lờ. Điều gì không thể làm ta gục ngã thì sẽ v. v và v. v. Lúc đó em lên cơn sốt nhưng vẫn rời bãi biển, trở lại xe và tự trấn tĩnh bản thân, nói lời từ biệt với ngọn hải đăng, những con nước, bờ đông, và nói mọi thứ sẽ ổn, đâu có cái gì thiêng liêng mà miễn phí, rời lái xe một mạch về căn hộ, đỗ xe, gục xuống trong thang máy, đóng cửa lại. Đúng thực là em đã ngủ ngay trong thang máy. Chỉ tỉnh dậy khi nó bắt đầu chuyển động. Mở mắt ra em thấy mình đang nhìn chăm chăm vào khuôn mặt khiếp sợ của một phụ nữ da đen nào đó. Em đã làm bà ấy sợ. Em tự giam mình suốt hai ngày. Chờ cho những dải băng đen lại, anh biết không, đại loại thế. Chờ cho mọi thứ qua đi. Và em đã mắc thêm xích chốt cửa. Anh có tin được không? Em gắn vít chốt chặt cửa lại. Mà thôi, có lẽ em làm anh đến phát ngán về mớ khóa xích trên cửa phòng rồi đấy nhỉ.

Nó lặng lẽ cười, một tia đèn pha từ đại lộ xa xa quét qua khuôn mặt nó.

— Mấy cô gái tưởng là em đã chết. Họ đập cửa ầm ầm đòi dùng phòng tắm. Em không trả lời. Chỉ năm đó, cố cầu nguyện nhận được một dấu hiệu hồng ân nhỏ nhoi. Nhưng em vẫn nhìn thấy Adelita trong tâm tưởng. Nhắm mắt, hay mở mắt, em đều thấy cô ấy. Cả những điều đáng ra em không được nghĩ đến. Cổ cô ấy. Gáy cô ấy. Đường nét xương quai xanh. Khuôn mặt lúc nhìn nghiêng của cô ấy. Cô ấy ở đó, đón nhận em. Và em những muốn kêu gào, Không, không được, không thể nào, cô chỉ là ham

muốn nhục dục, mà tôi thì đã có giao ước với Chúa sẽ chống lại dục vọng, làm ơn hãy để tôi yên, hãy đi đi. Nhưng cô ấy vẫn đứng đó, mỉm cười, cảm thông. Và em lại van vi: Hãy đi đi. Nhưng em biết đó không phải dục vọng, một cái gì đó lớn hơn cả dục vọng. Em muốn kiếm tìm một câu trả lời thật đơn giản, như ta dùng để đáp lời bọn trẻ con, anh biết đấy. Em cứ nghĩ tất cả chúng ta đều đã từng là trẻ con, vậy có lẽ em sẽ quay trở lại thời đấy được chứ. Trong đầu em cứ trở đi trở lại điều đó. Trở lại là một đứa trẻ. Thả sức chạy dọc bờ cát. Chạy ngang qua cái tháp. Chạy dọc đập ngăn nước. Em muốn có lại niềm vui thích ấy. Mọi thứ sẽ lại đơn giản. Em nỗ lực, thật sự nỗ lực, để cầu nguyện, để thoát ra khỏi dục vọng, trở lại với những điều tốt đẹp, khám phá lại sự trong trắng. Những vòng tròn luẩn quẩn. Anh biết không, khi anh đi theo vòng tròn, thế giới thật rộng lớn, còn nếu cứ tiến thẳng về phía trước thì thế giới sẽ nhỏ đi nhiều. Em muốn trượt theo những chiếc nan hoa tới tâm điểm của vòng tròn, ở đó sẽ không còn phải đi tiếp. Em cũng không sao lý giải nổi, anh ạ. Như thế em cứ nằm nhìn trần nhà mà chờ thấy bầu trời hiển hiện. Ngoài cửa vẫn là những tiếng đập mạnh. Rồi tới nhiều giờ liền im ắng.

— Có lúc em đã nghe thấy tiếng Jazzlyn, anh cũng biết đấy, giọng của cô ta như thể vừa nuốt chửng cả Bronx, anh ạ, cô ta ghé vào lỗ khóa và gào lên: “Được rồi! Quỷ tha ma bắt mày đi, đồ lừa da trắng ngớ ngẩn!” Đó là lần duy nhất em bật cười. Giá mà cô ta biết. “Được rồi! Quỷ tha ma bắt anh đi, đồ lừa da trắng ngớ ngẩn, bà đây sẽ đi tè chỗ khác!”

Rồi họ nhờ cảnh sát trật tự đến phá cửa. Họ xông vào, xòe phù hiệu, rút súng. Rồi họ sững lại và nhìn chăm chăm. Họ thấy em nằm trên ghế, cuốn Kinh Thánh phủ trên mặt. Một gã hỏi: “Sao thế? Chuyện quái quỷ gì vậy? Tay này vẫn sống nguyên mà. Có bốc mùi thật nhưng đã chết đâu.” Em chỉ nằm yên đó và bỏ cuốn sách ra khỏi mặt, lấy căng tay che mắt lại. Jazzlyn vùng vằng nói, “Tôi phải đi đây, tôi phải đi.” Rồi đến lượt Tillie với cái ô màu hồng. Hai người bọn họ bước ra ngoài và bắt đầu gào lên. “Sao lại khóa cửa hả Corrie?!? Khốn nạn! Thật bực xìn, chơi nhau cái kiểu quái gở gì thế. Bệnh à!” Mấy gã cảnh sát vẫn đứng đó, miệng há hốc. Họ hết hiểu

nổi chuyện gì đang diễn ra nữa. Một gã cứ quẩn mầu cao su quanh ngón tay. Gã cứ lặp đi lặp lại, làm như muốn siết cổ em vậy. Em chắc là bọn họ đang nghĩ chạy lên đây là công cốc, bận rộn nháo nhào hóa ra chỉ vì mấy cô này muốn đi tè. Đương nhiên họ chẳng vui vẻ gì cho cam. Không hề. Họ những muốn tống cho em trát đòi hầu tòa vì đã làm lãng phí thời gian của họ, nhưng không nghĩ ra tội gì. Em gợi ý hay là ghi tội đánh mất đức tin, thế là họ nghĩ em điên hẳn đi rồi. Một gã nói: “Nhìn cái xó bần thiêu này xem, sống cho ra sống đi!” Hẳn nói nghe thật đơn giản, cái tay cớm trẻ ấy: “Sống cho ra sống đi!” Lúc trở ra gã còn đá vào chậu hoa của em. Tillie, Angie, Jazzlyn với mấy cô nữa tổ chức một bữa tiệc mừng em “không chết”. Họ còn mua cả bánh đến. Cả một cây nến. Em phải thổi nến. Em sẽ coi nó là một dấu hiệu. Nhưng chẳng có dấu hiệu nào hết. Đêm hôm đó em trở lại nhà dưỡng lão và hỏi Adelita liệu cô ấy có thể giúp máu trong cơ thể em lưu thông một chút không, em nói đúng thế đấy: “Em giúp anh làm máu lưu thông chút được không?” Cô ấy nở một nụ cười thật tươi và nói rằng cô ấy đang bận việc, có lẽ lát nữa thì được. Em ngồi đó, run rẩy trước Chúa, khổ sở hết chỗ nói. Và lẽ đương nhiên chẳng bao lâu cô ấy đã trở lại. Mọi việc thật hết sức đơn giản. Em chỉ nhìn chăm chăm lên mái tóc đen của cô ấy. Không thể nhìn vào mắt cô ấy nổi. Cô ấy xoa xoa vai em, rồi cả chỗ thắt lưng và cả bắp chân. Em cứ hy vọng là có lẽ sẽ có ai đó đi vào đây và bắt gặp chúng em rồi làm toáng lên, nhưng chẳng có ai cả. Rồi em đã hôn cô ấy. Và cô ấy cũng hôn lại em. Thử hỏi liệu có bao nhiêu người trên đời này nói rằng họ không mơ ở bất kỳ đâu khác nữa? Nhưng em cảm thấy đúng như thế. Ngay khoảnh khắc đó. Rằng em chẳng muốn gì khác cả, chỉ cần lúc này, tại đây thôi, không cần bất kỳ nơi nào khác. Dù trên cõi thế hay trên thiên đường. Thực sự thế. Rồi sau đó vài ngày em bắt đầu đến nhà cô ấy. - Cô ấy có ba đứa con, chú kể vậy.

— Hai. Chồng cô ấy đã bị giết ở Guatemala. Chiến đấu cho phe nào em cũng không nhớ rõ, Carlos Arana Osorio hay ai đó. Đại loại là người theo chủ nghĩa phát xít. Cô ấy đã rất ghét anh chồng, cô bị trói buộc vào hôn nhân từ khi còn quá trẻ, dù vậy cô ấy vẫn giữ bức ảnh của anh ta trên tủ sách. Để bọn trẻ biết rằng anh ta có tồn tại, đã tồn tại, rằng bọn chúng có

cha. Khi chúng em ngồi đó, anh ta nhìn về phía chúng em. Cô ấy chẳng kể gì về anh ta. Anh ta có ánh nhìn gay gắt. Em ngồi trong bếp khi cô ấy nấu nướng, em bày thức ăn ra đĩa và chúng em chuyện trò, rồi cô ấy xoa vai cho em trong khi bọn trẻ đang xem phim hoạt hình ở một phòng khác. Cô ấy biết em theo đạo, biết cả những nguyên tắc sống độc thân, mọi thứ. Em đã kể cho cô ấy nghe. Cô ấy nói rằng nếu chuyện đó không làm em thấy phiền thì cô ấy cũng không phiền. Cô ấy là người đáng yêu nhất mà em biết. Em không thể chịu đựng nổi điều đó. Em cũng không nghĩ ra cách giải quyết. Em cứ ngồi đó mà ruột gan như bị mổ xẻ bởi những lưỡi dao. Giọng nói khi em trở lại phòng không còn là cái giọng nói em đã từng nghe. Em chẳng thể chạm tới được nữa. Người đã đi. Em trần trọc trong đêm, cố nắm bắt cảm giác cũ nhưng Người đã không còn ở đó. Rốt cuộc em chỉ tổ mất ngủ và cảm thấy chán ghét bức bối. Mà cứ gọi tên cảm giác đó là gì cũng vậy thôi. Gọi là niềm vui cũng được. Làm sao em có thể cầu nguyện với nỗi niềm đó? Làm sao em có thể làm những việc lẽ ra em phải làm? Em thậm chí còn không phán xét được bản thân mình qua hành động. Em chỉ phán xét mình qua những xúc cảm trong trái tim em. Trái tim đã sa đọa bởi ham muốn, nhưng trái tim không hề mục ruỗng vì em chưa bao giờ cảm thấy bằng lòng như thế, và cả cô ấy cũng vậy, cứ ngồi ở đó, cùng nhau. Chúng em đã thật hạnh phúc. Và em cứ luôn tự hỏi liệu chúng em có cái quyền được hạnh phúc như thế hay không. Em không lên giường với cô ấy, anh ạ. Ít ra là chưa... Chúng em cũng đã từng nghĩ đến, đúng vậy, nhưng, ý em là...

Nó lặng đi.

— Anh cũng biết những lời thề của em rồi đấy. Anh cũng hiểu thế có nghĩa là gì phải không. Em thường nghĩ rằng trong em không còn một con người nào khác, chỉ em mà thôi, con người hết lòng tận tụy. Rằng em chỉ có một mình và mạnh mẽ, rằng những điều em đã thề nguyện là tất cả, và em sẽ không bao giờ bị cám dỗ. Ý nghĩ ấy cứ trở đi trở lại trong tâm trí em. Điều gì sẽ xảy ra nếu thế này? Điều gì sẽ xảy ra nếu thế kia? Mà thậm chí điều làm em bận lòng không phải là chuyện đánh mất đức tin nữa. Em đang ở trong một mớ bòng bong. Chuyện bây giờ ngược với tất cả những gì là con

người em trước đây, em cứ thế đứng nhìn mọi thứ đột ngột biến mất, và sau lại còn nói dối cô ấy về việc điều trị.

— Căn bệnh đó là sao? Bệnh TTP ấy?

— Chẳng sao cả, em sẽ khỏe lại.

— Bằng cách nào?

— Em sẽ chữa trị. Thay huyết thanh hay đại loại thế. Em sẽ làm.

— Có đau không?

— Đau đớn chẳng là gì hết. Đau đớn là thứ anh trao đi, không phải thứ anh nhận được.

Nó lấy ra túi giấy cuộn mỏng rồi rải thuốc lá sợi dọc theo mép giấy uốn cong.

— Thế còn Adelita? Chú định thế nào? Nó rít lại thuốc, nhìn ra ngoài cửa sổ.

— Mùa hè bọn trẻ được nghỉ học. Chúng chạy nhảy khắp nhà. Rảnh rỗi quá mà. Lúc trước em thường lui tới với lý do giúp chúng làm bài tập về nhà. Nhưng giờ đã nghỉ hè, chẳng còn bài vở gì nữa. Anh biết không, em vẫn tới. Và không còn lý do nào nữa ngoài sự thật là em muốn gặp cô ấy. Adelita và em chỉ ngồi đó cạnh nhau. Em cứ phải nghĩ ra cớ này cớ nọ. Chẳng hạn nhà đó cần người phụ dọn đồng rác trước cửa. Hay lò nướng nhà cô ấy hỏng. Cô ấy cần thêm thời gian đọc sách y. Bất cứ lý do gì. Ngoại trừ chuyện dạy họ giáo lý, bởi nhà ấy theo phái Luther anh ạ! Đến từ Guatemala. Thật may cho em, đúng không anh! Em đã tìm được người phụ nữ không theo đạo Thiên Chúa duy nhất ở miền Trung Mỹ này. Thật quá tuyệt. Mặc dù cô ấy cũng là một tín đồ. Cô ấy có trái tim nhân hậu và rộng mở. Thực sự là vậy. Cô ấy kể cho em nghe những câu chuyện về nơi cô ấy đã lớn lên. Em tới nhà cô ấy bất cứ lúc nào có thể. Em muốn thế. Em cần phải thế. Tất cả những buổi chiều đã trôi đi ở đó. Và em muốn giấu tất cả mọi người.

Mỗi lúc em ngồi ở đó, trong ngôi nhà của cô ấy, em đều nghĩ rằng đây là một nơi mình không nên đến. Và em tự hỏi liệu sẽ còn lại gì khi em thoát ra khỏi mớ bòng bong này. Rồi bọn trẻ từ bên ngoài ùa vào, nhảy lên ghế sofa và xem ti vi rồi đánh đổ sữa chua vung vãi khắp đệm. Đứa bé tên Eliana, mới năm tuổi, kéo lê cái chăn trên sàn nhà, túm lấy tay em mà kéo tới phòng khách. Em cho nó ngồi nhún nhảy trên đầu gối, hai đứa đều xinh. Jacobo thì vừa bảy tuổi. Em ngồi đó và nghĩ phải can đảm thế nào mới dám sống một cuộc sống bình thường. Cứ cuối phim *Tom và Jerry*, hay *Tôi yêu Lucy*, hay *Nhà Brady*, hay đại loại thế, em tự nhủ, Được rồi, đây là hiện thực, mình tự kiểm soát được, mình chỉ ngồi ở đây mà thôi, chẳng làm gì xấu cả. Rồi em đứng dậy ra về bởi lẽ em không thể chịu nổi sự tuyệt vọng.

— Vậy thì từ bỏ đạo đi.

Những ngón tay của nó đan vào nhau.

— Hoặc là rời xa cô ấy.

Những khớp ngón tay của nó trắng bệch.

— Em không thể từ bỏ cái gì, - nó nói. - Và em cũng chẳng thể chọn cả hai.

Nó sẫm soi mẫu đầu thuốc.

— Anh có biết điều nực cười là gì không? - nó hỏi. - Cứ đến mỗi Chủ Nhật em vẫn cảm thấy niềm thôi thúc cũ, những dư âm. Đó là khi cảm giác tội lỗi lớn hơn bao giờ hết. Em đi lang thang, với Chúa Cha trong tâm trí. Trở đi trở lại. Cố rũ bỏ tội lỗi. Thật ngớ ngẩn phải không?

Một chiếc xe hơi từ từ đỗ lại phía sau chúng tôi và một tia sáng lóe chiếu qua cửa sổ hậu. Có nháy đèn xanh đèn đỏ nhưng chưa nghe tiếng còi hú. Chúng tôi ngồi im chờ cảnh sát bước ra khỏi xe, nhưng họ chỉ dùng loa: Đi đi, mấy tay kia, ra chỗ khác mà tâm sự!

Corrigan kéo gạt sang số, miệng khẽ cười.

— Anh biết không, hàng đêm em đều mơ thấy môi em lướt dọc sống lưng cô ấy, như một chiếc thuyền nhẹ lướt trên sông.

Nó nhẹ nhàng đánh xe xuống đường và không nói thêm lời nào cho tới khi dừng xe ở gần khu nhà, chỗ những cô gái điếm. Nó không lại chỗ họ như thường lệ mà vẫy tay chào rồi đưa tôi qua đường tới chỗ chiếc đèn vàng nhấp nháy ở góc phố. “Giờ em cần say.” Nó đẩy cửa một quầy rượu nhỏ, cánh tay quàng qua vai tôi.

— Suốt mười năm qua nghiêm ngặt như cọc rào, thế mà nhìn bộ dạng em bây giờ đi.

Nó ngồi xuống, giơ hai ngón tay, ra hiệu gọi hai cốc bia.

Có những quãng thời gian mà ta mãi trở lại, bây giờ vậy và muôn thuở vẫn vậy. Gia đình giống như nước, nó mang ký ức khuôn hình vật thể nó từng đọng đầy, luôn cố tìm cách trở lại suối nguồn. Tôi như lại đang ở tầng dưới chiếc giường xưa, lắng tai nghe những vần thơ ru ngủ của em trai tôi. Chiếc nắp hộp thư tuổi thơ của chúng tôi bật mở. Mở ra bụi nước biển ngay ngoài cửa.

— Anh hỏi em có dùng ma túy không ư? - Nó cười thật to, mắt nhìn ra những thanh xà trên đường quốc lộ qua cửa sổ quầy rượu. - Còn tệ hơn thế nhiều, anh ạ, tệ hơn rất nhiều.

○ ○ ○

DƯỜNG NHƯ TẤT CẢ NHỮNG CHIẾC ĐỒNG HỒ đều chạy cùng một nhịp, chiếc tủ lạnh kêu o o, tiếng còi báo động bên ngoài nghe như tiếng sáo. Nó nói về cô ấy suốt. Đối với nó chỉ cần chuyện về cô ấy thôi là đủ: nó trở thành một con người hoàn toàn mới.

Hai ngày sau hôm đó Corrigan và Adelita luôn tìm gặp nhau mỗi khi có thể - chủ yếu vẫn là ở viện dưỡng lão, cô ấy sẵn sàng đổi ca làm chỉ để được ở bên nó. Adelita cũng tới căn hộ của em tôi, khóa cửa lại, bật nút chai rượu và ngồi xuống bên bàn. Cô ấy đeo một chiếc nhẫn ở bàn tay phải, thường lơ đãng xoay xoay nó. Ở cô ấy toát lên một vẻ vừa duyên dáng vừa

rắn rỏi. Hai đứa cần có tôi ở đó. Hầu như chẳng có lúc nào chúng để tôi đứng dậy khỏi chiếc bàn. “Anh cứ ngồi đó đi, ngồi đi.” Tôi thành cái ranh giới an toàn chặn giữa. Bởi cả hai vẫn chưa hoàn toàn sẵn sàng buông mình theo cảm xúc. Khuôn phép kìm họ lại, nhưng trông cả hai lại như muốn vượt hết lý lẽ đi, ít ra là trong giây lát.

Adelita là mẫu phụ nữ càng nhìn lại càng thấy đẹp: mái tóc đen huyền đến ánh xanh dưới ánh sáng, đường cổ cong mềm mại, một nốt ruồi cạnh mắt trái, một nhược điểm hoàn hảo.

Tôi nghĩ, khi màn đêm phủ xuống, sự hiện diện của tôi khiến hai đứa cảm thấy đang phải tiếp đãi một ai đó, đang cùng nhau làm việc đó, và như thế việc hai đứa ở bên nhau là hợp thức.

Cô ấy nói chuyện với Corrigan hết sức nhỏ nhẹ, như thể muốn nó nghiêng người sang gần hơn nữa. Nó thì nhìn cô ấy như thể sẽ chẳng còn dịp nào gặp lại. Có những lúc cô chỉ ngồi tựa đầu lên vai nó. Cô ấy nhìn về phía tôi. Bên ngoài vẫn là cảnh Bronx mờ mịt khói lửa. Với họ thì đó chẳng khác nào ánh mặt trời chiếu qua hàng rào. Tôi kéo dịch chiếc ghế trên sàn.

“Anh cứ ngồi đi, ngồi xuống đi.” Ở Adelita có một nét gì đó hoang dã mà Corrigan rất thích nhưng cười không nổi. Có đêm cô mặc một chiếc áo trễ vai rộng màu trắng và chiếc quần cộc bó màu cam. Chiếc áo thì khá giản dị, nhưng chiếc quần thì bó sát vào bắp đùi. Chúng tôi uống ngồi uống ít rượu vang loại rẻ tiền, và Adelita có vẻ phấn chấn hơn lúc thường. Cô ấy túm vạt áo rồi thắt nút lại ở phía trước, để lộ ra phần bụng màu nâu, hơi rạn sau hai lần sinh nở. Một vết rạn nhỏ ngay rốn. Corrigan cảm thấy bối rối bởi chiếc quần quá bó. “Nhìn em kìa, Adie,” nó nói, hai má ửng đỏ. Nhưng thay vì bảo cô ấy thả áo xuống như trước, nó đưa cho cô ấy một cái sơ-mi của nó để cô khoác ngoài bộ đồ đang mặc. Tựa như một cử chỉ âu yếm. Nó choàng chiếc áo quanh vai cô ấy, hôn lên má cô ấy. Đó là một trong những chiếc áo cũ màu đen không cổ của nó, khi Adelita khoác vào, áo trùm quá đùi, gần chấm tới đầu gối cô. Corrigan kéo áo qua vai cô ấy, nửa như sợ ra vẻ đứng đắn giả tạo, nửa như bị rung chuyển bởi một thứ cảm xúc lớn lao đang trào dâng trong nó.

Adelita điều quanh căn hộ, vươn mình lắc lư vũ điệu hula.

— Giờ thì em đã sẵn sàng tới thiên đường rồi, - cô ấy nói, giật mạnh chiếc sơ-mi xuống.

— Hãy đón nhận cô ấy, xin Chúa, - Corrigan nói.

Hai đứa cùng bật cười, nhưng nghe ra vẫn có gì gờn gợn, chừng như Corrigan muốn cuộc sống của nó lại có một ý nghĩa rõ ràng nào đó, nó đã đánh mất hồng ân, giờ chỉ còn lại bất cần và căm dỗi, và nó không biết chắc có thể vượt qua không. Nó ngược nhìn lên như thể câu trả lời biết đâu đã được viết sẵn trên trần nhà. Điều gì sẽ xảy đến nếu cô ấy cắt ngang những ước mơ của nó? Nó sẽ căm ghét Chúa nhường nào nếu phải rời xa cô ấy? Nó sẽ ghét hận bản thân nhường nào nếu chọn mãi trung thành với Chúa?

Nó đưa cô ấy đi bộ về nhà, cầm tay nhau trong bóng tối. Khi nó trở lại căn hộ, vào nhiều giờ sau đó, nó treo áo lên rìa tấm gương. “Quần bó ngắn màu cam,” nó tặc lưỡi. “Anh có tin được không chứ?”

Chúng tôi ngồi xuống, cùng chụm đầu trên chai rượu.

— Anh biết giờ anh nên làm gì không? - Corrigan đề nghị. - Hãy đến làm trong nhà dưỡng lão đi.

— Bên đó đang tuyển vệ sĩ à?

Nó mỉm cười, nhưng tôi nghe ra ý nó là gì. *Hãy đến giúp em, em vẫn chỉ là một người đang bơi vô vọng.* Nó muốn có một người biết nó từ những ngày xưa cũ ở bên để biết chắc rằng tất cả không phải chỉ là ảo tưởng trống rỗng. Nó không thể chỉ đứng nhìn: nó phải truyền tải được một thông điệp nào đó. Phải có ai đó hiểu, thậm chí chỉ với mình tôi thôi cũng được. Nhưng tôi đã tìm được việc ở Queens, tại một quán bar kiểu Ireland mà tôi vốn nghĩ tới đã phát sợ. Trần quán thấp. Tám chiếc ghế đầu xếp dọc quầy rượu ốp formica. Mùn cửa trên sàn nhà. Cứ rót bia từ thùng ra rồi tự bỏ ít xu vào chiếc máy hát tự động là tôi sẽ không còn phải nghe đi nghe lại những giai điệu cũ rích. Thay vì nghe Tommy Makem, anh em nhà Clancy và Donavan, tôi thử nghe Tom Waist. Mấy tay khách rượu không ưa món lạ ồ à phản đối.

Tôi dự tính viết một vở kịch giữa những lúc làm tại quầy rượu, làm như trước tôi chưa từng có ai làm, như kiểu hành động mang tính cách mạng vậy, thế là tôi lắng nghe ca sĩ hát nhạc đồng quê và ghi nốt nhạc lại. Những bài hát của họ chỉ toàn những hiu quạnh gối kê quạnh hiu. Tôi thấm thía một điều rằng những thành phố xa xôi chính là để nhắc cho ta nhớ mình đến từ nơi nào. Khi rời đi ta đã mang theo quê nhà trong tim. Có đôi lúc việc rời xa ấy trở nên buốt nhói. Giọng tôi đã trầm hơn. Nhịp điệu lời nói cũng khác. Tôi vờ như mình đến từ Carlow. Hầu hết khách là dân vùng Kerry và Limerick. Có một ông khách cao to, tóc hung đỏ làm nghề luật sư. Ông ra về với mọi người bằng cách mua đồ uống mời họ. Họ chạm cốc với ông ta và gọi ông ta là “đồ quạ đen bưu xe cấp cứu^[Z]” mỗi khi ông ta vào nhà vệ sinh. Đó không phải cụm từ họ thường dùng khi ở quê nhà, chuyện luật sư có phải quạ đen bưu xe cấp cứu hay không đâu phải điều gì to tát đáng nói ở nước họ, nhưng ở đây họ thường xuyên dùng từ đó khi có thể. Họ còn chen mấy từ ấy vào lời bài hát một cách đầy phấn khích khi gã luật sư đã rời đi. Một bài hát rằng gã luật sư bưu theo xe cấp cứu đã đi khắp vùng núi Cork và Kerry. Một bài khác lại hát rằng gã luật sư theo xe cấp cứu đến tận những cánh đồng xanh của nước Pháp.

Càng về đêm quán rượu lại càng đông. Tôi cứ liên tục rót bia và vét bình đựng tiền boa.

Tôi vẫn ở với Corrigan. Có những đêm nó ở lại chỗ của Adelita, nhưng nó chẳng bao giờ kể với tôi một lời nào. Tôi cũng muốn biết liệu cuối cùng nó có gần gũi phụ nữ hay không nhưng nó chỉ lắc đầu, không nói gì cả, không thể nói gì cả. Nói cho cùng thì nó vẫn đang giữ luật dòng tu. Những lời thề nguyện vẫn trói buộc nó.

Có một đêm đầu tháng tám tôi lê bước ra khỏi tàu điện ngầm nhưng chẳng tìm được chiếc taxi nào trên đường Concourse. Tôi không muốn đi bộ về chỗ của Corrigan vào giờ đó. Khu Bronx vẫn thường xảy ra những vụ đánh lộn và thỉnh thoảng là giết người. Khả năng bị chặn lại ăn cướp là rất cao. Là người da trắng lại càng bất lợi. Đã đến lúc phải tìm một phòng trọ ở đâu đây thôi, có lẽ ở khu Village hoặc khu Đông Manhattan. Tôi thọc tay

vào túi quần jean, sờ năm tiền boa được cuộn lại. Tôi vừa rảo bước thì nghe thấy tiếng huýt sáo phía bên kia đường Concourse. Tillie đang đứng kéo lại quai áo tắm. Cô ta vừa bị đá ra khỏi chiếc xe hơi, xước cả hai đầu gối.

— Kẹo bi, - cô ta gào lên khi lao người về phía tôi vẫy vẫy cái xách tay trên đầu. Cô ta đã bị mất cái ô. Cô ta thân mật khoác tay tôi. - Ai mang em đến đây thì sẽ phải đưa em về. Tôi biết, đó là một câu thơ của Rumi. Tôi đứng đó, sững sờ.

— Có gì ghê gớm đâu? - Cô ta nhún vai rồi kéo tôi đi, kể rằng mình có ông chồng chuyên nghiên cứu thơ ca Ba Tư. - Chồng à?

Tôi dừng lại trên phố, miệng há hốc nhìn cô ấy. Đã có lần, hồi còn thiếu niên, tôi đã đặt một mẫu da dưới kính hiển vi và nhìn thử: những rãnh da phóng lớn nổi rõ rành rành dưới mắt tôi, thật quá đổi ngạc nhiên.

Sự ghê tởm tột cùng và lộ liễu thường ngày của tôi trước đám người này vào khoảnh khắc đó chợt biến thành nỗi kính nể trước một điều mà Tillie chẳng may may để tâm. Cô ta lắc lắc bộ ngực và bảo tôi chớ có ngạc nhiên thế. Dù sao tay đó đã thành chồng cũ rồi. Đúng vậy, anh có nghiên cứu thơ Ba Tư. Nghe ghê gớm quá hả. Anh từng thuê phòng suite ở khách sạn Sherry-Netherlands hẳn hoi nhé, cô ả huyền thuyên. Tôi nghĩ chắc cô đang cơn phê. Thế giới quanh cô ta dường như trở nên nhỏ bé, thu lại vừa lọt trong đôi mắt tôi đậm màu tím và đen. Đột nhiên tôi muốn hôn cô ta. Mầm hoang dại trong tôi nổ bùng niềm vui kiểu Mỹ. Tôi ngả người về phía cô ta nhưng cô chỉ cười to mà đẩy tôi ra.

Một chiếc Ford Falcon màu mè tấp vào, không cần ngoảnh lại, Tillie nói gọn: “Mỗi này trả tiền rồi nhá.”

Chúng tôi lại tiếp tục khoác tay nhau sánh bước. Dưới xa lộ Deegan cô ta rúc đầu vào ngực tôi. “Có phải không, anh yêu?” cô ấy hỏi. “Cưng đã trả tiền để được vui vẻ rồi phải không?” Cô ấy xoa xoa lên người tôi và tôi cảm thấy thật dễ chịu. Không sao diễn đạt nổi. Cảm giác mà. Nhưng thật dễ chịu.

— Gọi em là Bánh Ngọt nha cưng, - cô nói bằng một chất giọng khi tắt rồi vẫn cứ ngân nga quanh quẩn.

— Cô và Jazzlyn có họ hàng với nhau phải không?

— Thì làm sao?

— Cô là mẹ của Jazzlyn, đúng không?

— Im mồm và trả tiền đi, - cô ấy nói, chạm tay lên má tôi.

Một lát sau tôi đã nghe hơi thở ấm áp của cô phả vào cổ mình.

○ ○ ○

CUỘC CÀN QUÉT BẮT ĐẦU từ lúc sáng sớm, một ngày thứ Ba trong tháng tám. Trời vẫn còn tối om. Cảnh sát đã dàn hàng chực sẵn dưới bóng đèn đường cạnh cầu vượt. Những cô gái trông có vẻ còn ít bận tâm hơn Corrigan. Một hai cô đánh rơi túi xách khi chạy vội về chỗ đường giao cắt, tay vung vẩy, nhưng ở đó còn nhiều xe thùng hơn đang mở cửa đợi sẵn. Cảnh sát siết còng tay rồi lùa các cô gái lên những chiếc xe sơn màu sẫm. Chỉ đến lúc đó chúng tôi mới nghe thấy tiếng la hét - họ nhaoi người ra, tìm những thỏi son, những cặp kính râm hay những đôi giày gót nhọn đánh rơi. “Này, vòng móc chìa khóa rơi mất rồi!” Jazzlyn kêu lên. Cô ấy được mẹ đỡ trèo vào xe. Tillie tỏ ra bình tĩnh, như thể chuyện này vẫn luôn xảy ra, như mặt trời lại sắp mọc. Cô ấy bắt gặp ánh mắt tôi, khẽ nháy mắt.

Trên phố, cảnh sát nhăm nháp café, hút thuốc, nhún vai. Họ gọi tên và cả biệt hiệu của những cô gái. Nàng Cáo. Thiên Thần. Cúc Xinh. Bánh Ngọt. Bánh Đường. Họ quá rành các cô nên mấy vụ càn quét này với họ cũng thường như cơm bữa mà thôi. Cách đây mấy hôm cánh bán hoa hẳn nghe phong phanh về vụ này rồi, nên họ kịp vứt bỏ kim tiêm và đơn mua thuốc xuống cống. Họ đã từng trải qua nhiều đợt càn quét rồi, nhưng chưa bao giờ lại triệt để đến vậy.

— Tôi muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra với họ, - Corrigan hỏi đám cảnh sát, hết người này tới người nọ. “Họ bị đưa đi đâu?” Nó xoay tới xoay lui. “Các ông bắt họ vì tội gì?”

— Mơ giữa ban ngày đầy hủ, - một viên cảnh sát nói, đập mạnh vào vai Corrigan.

Tôi nhìn một chiếc khăn choàng lông màu hồng vương vào bánh của chiếc xe tuần tra. Nó cuốn vào trục xe như âu yếm, những mảnh lông màu hồng xoay xoay trong không khí.

Corrigan ghi chép một loạt các số hiệu xe. Một nữ cảnh sát cao lớn giật lấy quyển sổ từ tay nó rồi chậm rãi xé vụn ngay trước mặt nó. “Nghe này, thằng Ireland đầu đất, bọn nó sẽ sớm trở lại, được chưa?”

— Các người nhốt bọn họ ở đâu?

— Thì liên quan gì tới chú mày hả?

— Các người mang họ đi đâu? Đồn cảnh sát nào?

— Biến đi. Ra đằng kia. Đi ngay đi.

— Bắt họ theo luật nào chứ? - Corrigan không bỏ cuộc.

— Theo luật là tao sẽ đá đít mày nếu mày không biến đi. - Tôi chỉ cần một câu trả lời thôi.

— Bậy^[8], - nữ cảnh sát nói, nhìn Corrigan trừng trừng. - Câu trả lời luôn là bậy. Hiểu chưa?

— Chưa, tôi chưa hiểu.

— Thế chú mày là cái giống gì vậy, dân lương tính hả?

Một gã trung úy cảnh sát nghênh ngang đi tới và quát lớn: “Ai ra đây xử lý cái tay lẳng nhăng này đi.” Corrigan bị đẩy ra vệ đường, bị bắt tự kiểm chế. “Bọn ta sẽ bắt giam luôn chú mày nếu còn phải nghe thêm một từ nào nữa.”

Tôi dìu nó ra ngoài. Mặt nó đỏ bừng, tay nắm chặt lại. Các tĩnh mạch ở thái dương giật giật. Một vết thâm mới xuất hiện trên cổ nó. “Bình tĩnh

chút đi, được không Corr? Rồi ta tìm cách sau. Dù sao thì ở đồn cảnh sát bọn họ sẽ ổn thôi mà. Chẳng phải em cũng không thực sự thích họ ở đây còn gì.”

— Vấn đề đâu phải thế.

— Ôi, lạy Chúa, thôi đi nào, - tôi cố thuyết phục. - Hãy tin anh được không. Rồi chúng ta sẽ tìm đến chỗ họ sau.

Đoàn xe thùng của cảnh sát lần lượt rời chỗ đậu cùng với toàn bộ xe tuần tra, chỉ để lại một chiếc. Vài người đứng xem tụ tập dưới những lùm cây. Bọn trẻ con thì cười xe đạp vòng vèo quanh những chỗ trống khi xe rời đi như thể tìm thấy một sân chơi hoàn toàn mới. Corrigan bước tới nhặt một chuỗi vòng móc khóa lên từ dưới cống. Đó là một thứ đồ nhỏ bằng thủy tinh rẻ tiền, ở giữa có lồng ảnh chụp một đứa bé. Lật mặt kia thấy ảnh một bé nữa.

— Đây là lý do của họ, - Corrigan nói, chìa vòng móc khóa về phía tôi. - Chúng là con của Jazz.

Ai mang em đến đây thì cũng sẽ phải đưa em về. Tillie đã bắt tôi trả tới mười lăm đô cho cuộc hẹn hò ngắn ngủi hôm đó, còn vỗ vỗ lên lưng tôi, khen rằng tôi là người Ireland tiêu biểu, giọng cô ấy đầy mỉa mai. *Cứ gọi em là Bánh Ngọt.* Cô vừa ve vẩy tờ mười đô vừa nói rằng mình còn thuộc thơ Khalil Gibran, nếu tôi thích thì sẽ đọc một hai câu cho mà nghe. “Để lần sau,” tôi từ chối. “Cưng có hứng chơi một liều không?” giọng cô đầy dụ hoặc. Cô nói có thể lấy một ít ở chỗ Angie. “Thứ đó không hợp kiểu tôi,” tôi đáp. Tillie cười rúc rích rồi nép sát người tôi hơn. “Kiểu của cưng ư?”. Cô đặt tay lên hông tôi, lại cười sảng sặc. “Kiểu của cưng cơ đấy!” Tôi chợt phát hoảng, lỡ như cô móc hết chỗ tiền boa của tôi thì sao, may mà không; cô chỉ siết chặt dây lưng cho tôi rồi vỗ khuyến mãi thêm một cái vào hông tôi.

Tôi thấy nhẹ người vì chưa từng cặp với con gái cô ấy. Tôi cảm thấy mình rất đúng mực, như thể tôi chưa hề bị cám dỗ chút nào. Mùi của Tillie

cứ phảng phất quanh tôi suốt hai ngày sau đó và trở lại ngay lúc này, khi cô bị bắt đi.

— Cô ta trông thế mà thành bà ngoại rồi sao?

— Em kể với anh rồi còn gì, - Corrigan đáp vội. Nó lao về phía chiếc xe tuần tra duy nhất còn đậu lại, vung cái móc chìa khóa của Jazz lên. - Các ông định làm gì đây? - nó gào lên. - Sẽ tìm người chăm sóc bọn trẻ chứ? Có phải thế không? Ai sẽ trông nom bọn trẻ hả? Hay các ông định bỏ mặc chúng ngoài đường? Các ông bắt cả mẹ lẫn bà bọn trẻ còn gì!

— Này ông, - viên cảnh sát dọa, - chỉ cần ông nói thêm một từ nữa thôi...

Tôi giật mạnh lấy khuỷu tay Corrigan và kéo nó quay trở lại dãy nhà. Văng bóng những cô gái điếm bên ngoài, tòa chung cư tự nhiên có vẻ gì u ám. Mất đi những totem quen thuộc, cả nơi này đã hoàn toàn đổi khác.

Thang máy lại hỏng. Corrigan thở khò khè bước lên những bậc thang. Vào đến phòng là nó bắt đầu quay số gọi cho tất cả các hội nhóm cộng đồng mà nó biết, tìm luật sư và một người trông trẻ cho mấy đứa con Jazzlyn. “Tôi còn không biết bọn họ bị nhốt ở đâu đây,” nó gào lên trong điện thoại. “Đám cảnh sát không chịu nói. Lần trước, nhà giam đã chật chỗ nên họ bị gửi đến Manhattan.” Một cuộc gọi khác. Nó quay lưng về phía tôi, khum tay che ống nói.

— Adelita? - nó nhẹ giọng.

Nói chuyện một lát, nó dần bình tĩnh lại. Nó đã ở nhà cô ấy mấy buổi chiều trước, và mỗi lần về phòng nó đều phản ứng cùng một kiểu: loanh quanh khắp phòng, giật giật những chiếc cúc áo, lăm bằm lăm bằm, cố đọc kinh, tìm kiếm một lời lẽ nào trong đó giúp biện minh cho bản thân, hoặc một lời tăng nặng thêm nỗi đau nó phải chịu, nỗi đau luôn khiến nó không yên. Nỗi đau và niềm hạnh phúc đều là nguồn sức mạnh. Tôi chẳng biết phải nói gì với nó nữa. Thôi buông tay đi. Xin được cử đi nơi khác. Quên cô ấy đi. Tiếp tục sống. Ít ra khi tiếp xúc với những cô gái điếm nó cũng không có thời giờ mà suy nghĩ phức tạp về tình yêu và mất mát, dưới

đường phố kia chỉ có chiếm lấy và chiếm lấy mà thôi. Nhưng với Adelita thì lại khác, cô ấy không đòi quyền lợi hay danh phận gì. *Con người em đây, thuộc về anh cả đấy.*

Đến gần trưa, tôi thấy Corrigan đứng cạo râu trước gương trong phòng tắm. Nó vừa ở tòa án hạt Bronx về, hầu hết các cô gái điếm đều đã được thả sau khi bị tuyên phạt ngồi tù bằng đúng thời gian tạm giam. Nhưng Tillie và Jazzlyn còn vướng một trát gọi hầu tòa quá hạn. Hai mẹ con cùng nhau lừa cướp tiền khách. Vụ đó cũng lâu rồi, nhưng họ vẫn bị di lý xuống khu trung tâm. Corrigan tròng vào cái áo sơ mi đen nhăn nhúm thô ráp và chiếc quần sẫm màu rồi lại ra trước gương, lấy nước vuốt mớ tóc dài ra phía sau. “Chà chà,” nó lầm bầm, lấy ra một chiếc kéo nhỏ và cắt đi khoảng mười phân tóc. Phần tóc trước trán được giải quyết bằng ba nhát kéo ngọt.

— Em sẽ tới đó giúp họ, - nó nói.

— Tới đâu?

— Đền thờ của công lý.

Trông nó già hơn, mệt mỏi hơn. Mái tóc mới cắt khiến vệt tóc trụi càng dễ nhận ra.

— Họ gọi khu nhà tù trên phố Centre là Nhà Mồ. Nghe này, em cần anh làm giúp việc ở nhà dưỡng lão. Em đã nói với Adelita. Cô ấy đã biết rồi.

— Anh ư? Anh biết xoay xử sao với bọn họ?

— Em không biết. Hãy đưa họ ra biển chơi hay đại loại thế.

— Anh còn công việc ở Queens nữa.

— Coi như làm vì em đi mà, được không? Em sẽ đền đáp anh sau.

Nó quay ra cửa.

— Và hãy giúp em chăm sóc Adelita nữa, anh nhé?

— Được rồi.

— Hứa với em đi.

— Ừm, anh sẽ làm, giờ chú cứ đi đi.

Bên ngoài vọng lại tiếng lũ trẻ theo xuống cầu thang cùng Corrigan, cười nói rộn ràng. Chỉ đến khi căn phòng hoàn toàn chìm trong im lặng tôi mới nhớ ra rằng nó đã lái chiếc xe tải màu nâu đi rồi.

Tại điểm cho thuê xe ở Hunts Point, tôi dốc những đồng tiền bo cuối cùng để đặt cọc thuê một chiếc xe tải. “Có điều hòa nhé,” gã nhân viên cười giả lả. Làm như gã ta đang giải thích về đề tài khoa học vậy. Gã gắn bảng tên trên ngực trái. “Đừng có chạy phá, xe mới tinh đấy.”

Hôm đó là một ngày hè dễ chịu, không quá nóng, trời nhiều mây và mặt trời hiền hòa treo trên bầu trời. Trên radio, DJ bật nhạc của Marvin Gaye. Tôi đánh vòng qua một chiếc Cadillac lái lên đường quốc lộ.

Adelita đang đợi sẵn trên bậc thềm nhà dưỡng lão. Cô ấy mang theo con đến chỗ làm, hai đứa bé da nâu tuyệt đẹp. Đứa em cứ giật áo đồng phục của mẹ, Adelita cúi xuống ngang tầm mắt con bé, hôn lên mắt nó. Tóc Adelita được cột gọn phía sau gáy bằng một chiếc khăn dài sặc sỡ và khuôn mặt cô ấy trông thật rạng ngời.

Lúc đó, tôi hoàn toàn hiểu ra điều mà Corrigan nhận thấy nơi cô: một thứ sức mạnh ở bên trong, vẻ rắn rỏi ấy tự nhiên tỏa ra thành vẻ đẹp bên ngoài.

Cô ấy cười khi nghe gợi ý chở các cụ biển. Cô ấy nói được thế thì hay quá nhưng không được, không có bảo hiểm, hơn nữa lại trái với quy định. Bọn trẻ con gào lên, giật áo đồng phục của mẹ chúng, túm lấy cổ tay mẹ. “Không được, con trai,” cô ấy nghiêm khắc bảo cậu con rồi quay ra làm cái công việc thường lệ là đưa những chiếc xe lăn lên xe và nhét bọn trẻ ngồi chen vào. Rác rưởi mắc đầy hàng rào công viên. Chúng tôi tấp xe vào chỗ bóng râm của tòa nhà. “Ôi, quý thật,” Adelita nói. Cô nhích qua thế chỗ tôi trên ghế lái. Tôi đi vòng qua thùng xe sang ghế kia. Albee nhìn theo tôi, miệng khuôn thành một từ và nhe răng cười. Không cần phải hỏi cũng biết là gì. Adelita bíp còi và lái chiếc xe hòa vào dòng xe cộ dưới trời hè sáng sủa. Bọn trẻ rất đổi phấn chấn khi chúng tôi vào đường cao tốc. Nhìn từ xa, Manhattan trông như được dựng từ những hộp đồ chơi.

Chúng tôi bị kẹt giữa dòng xe cộ ở Long Island. Phía sau xe vọng lên tiếng hát, các cụ đang dạy bọn trẻ một vài câu của những bài ca mà chúng mãi không nhớ nổi. “Những giọt mưa vẫn cứ rơi trên đầu tôi.” “Khi các thánh cùng bước vào.” “Đừng bao giờ đẩy bà ngoại xuống xe buýt.”

Ra đến bãi biển, bọn trẻ chạy ùa ra mép nước trong khi chúng tôi xếp những chiếc xe lăn thành một dãy dưới bóng xe tải. Bóng xe mỗi lúc một hẹp lại khi mặt trời dần lên cao. Albee tuột dây đeo quần khỏi vai rồi mở mấy cúc áo. Cánh tay và cổ ông ta bị rám nắng lạ thường trong khi lớp da dưới áo thì trắng nhờ nhờ. Nhìn ông như nhìn một tác phẩm điêu khắc gồm hai sắc màu tương phản, như thể ông ta đã thiết kế chính cơ thể mình để tham gia một ván cờ. “Em trai chú mày khoái mấy ả điếm đó hả?” ông ta hỏi. “Tôi thì thấy đám ấy chỉ là một lũ múa thoát y thôi.” - Ông ta không nói gì thêm, chỉ nhìn chăm chăm ra biển.

Sheila ngồi nhắm mắt, mỉm cười, chiếc mũ rơm của bà nghiêng xuống che mắt. Một ông già người Ý bảnh bao tôi không biết tên mặc chiếc quần được ủi kỹ càng cứ nhắc lên ụp xuống chiếc mũ trên đầu gối và thở dài. Giày dép đều được cởi bỏ. Những mắt cá chân phơi ra. Sóng đều đặn vỗ bờ và ngày đang trôi qua, cát bám giữa những ngón tay chúng tôi.

Tiếng radio, những chiếc dù đủ màu trên bãi biển, không khí hun nóng đậm vị muối.

Adelita bước xuống mép nước, chỗ bọn trẻ đang đập lên những con sóng nhỏ một cách thích thú. Cô cuốn theo sự chú ý như làn gió. Cô ấy đi đến đâu cánh đàn ông dõi mắt theo đến đó, những đường nét thon thả trên cơ thể nổi bật trong bộ đồng phục màu trắng. Cô ấy ngồi cùng tôi trên bờ cát, co đầu gối sát ngực. Chiếc váy hơi xéch lên khi cô cử động, có một vết sưng đỏ trên mắt cá chân cô, cạnh hình xăm.

- Cảm ơn anh đã thuê xe.
- Ừm, không có gì.
- Vốn anh đâu phải làm thế.
- Chẳng đáng là bao đâu.

— Gia đình anh ai cũng tốt tính nhỉ?

— Corrigan sẽ trả tôi sau, - tôi đáp.

Một câu nói đã hình thành hai chúng tôi, cây-câu-Corrigan. Adelita cup đôi mắt huyền nhìn ra biển, như mong thấy Corrigan vui đùa cùng lũ trẻ giữa những con sóng chứ không phải đang ở một trụ sở tòa án tầm tối nào mà tranh luận một cách vô vọng.

— Anh ấy sẽ ở đó vài ngày để cố cứu họ ra, - cô lại lên tiếng. - Trước đây cũng đã có lần như vậy. Đôi lúc tôi nghĩ họ sẽ khá hơn nếu họ biết rút ra bài học. Người ta toàn bị bắt giữ vì những tội vạ vĩnh.

Tôi đã thấy cởi mở hơn với cô, nhưng đồng thời muốn thử dồn ép cô thêm chút nữa, để xem cô có thể vì em tôi tới mức nào.

— Rồi nó đâu còn chỗ nào mà về, phải không? - tôi hỏi. - Ban đêm nó đâu có việc gì làm.

— Có thể thế, cũng có thể không phải thế.

— Hẳn nó sẽ tìm đến cô, đúng không?

— Vâng, cũng có thể, - cô ấy nói, khuôn mặt thoáng nét giận dữ. - Sao anh lại hỏi tôi điều này?

— Thì nói vậy thôi mà.

— Tôi không biết anh định nói gì, - cô ấy nói.

— Đừng có làm nó hy vọng hão là được.

— Tôi không vờ vịt với anh ấy, - cô gắt. -Tại sao tôi muốn làm anh ấy, anh dùng từ gì nhỉ, hy vọng hão à? *Por qué? Me dice que eso*^[9]?

Giọng cô ấy trở nên chát chúa, tiếng Tây Ban Nha nghe vốn sắc. Cô thả cát chảy qua kẽ tay và nhìn tôi như thể đây là lần đầu tiên cô ấy thấy tôi, nhưng sự im lặng đã trấn tĩnh được cô, cuối cùng cô lên tiếng: Tôi thật sự không biết phải làm gì. Chúa thật ác nghiệt, phải không?

— Với Chúa của Corrigan thì hẳn rồi, còn của cô thì tôi không biết.

— Chúa của tôi ở ngay cạnh Chúa của anh ấy.

Bọn trẻ đang chơi trò ném đĩa nhựa vào nhau giữa những con sóng nhẹ. Chúng nhảy lên bắt chiếc đĩa bay rồi thả người rơi xuống làm nước bắn tung tóe.

— Anh biết không, thật ra tôi rất sợ, - cô nói. - Tôi rất thích anh ấy. Thích quá đỗi. Anh ấy không biết sẽ phải làm gì, anh có hiểu không? Tôi thì không muốn cản đường anh ấy.

— Nếu là nó thì hẳn tôi biết mình phải làm gì.

— Nhưng anh đâu phải là anh ấy, đúng không? - cô đáp lại.

Đoạn cô quay đi huýt sáo gọi lũ trẻ, hai đứa chậm chạp nhấc chân trên bãi cát. Cơ thể chúng màu nâu và mềm dẻo. Adelita kéo Eliana lại gần và nhẹ nhàng thổi những hạt cát ra khỏi tai nó. Chẳng hiểu sao tôi như thấy Corrigan trong cả hai mẹ con họ. Tựa như em tôi đã thẩm thấu vào gia đình đó. Jacobo cũng trèo vào lòng mẹ. Adelita khẽ cắn vào tai thằng bé làm nó kêu ré lên thích thú.

Cô ấy được bao bọc an toàn giữa lũ trẻ và tôi tự hỏi phải chăng cô ấy cũng làm vậy với Corrigan, cuốn nó lại thật gần để che chở cho cô ấy, gom góp thật nhiều và đẩy chuyện đó thành quá mức. Trong giây lát tôi chợt thấy ghét cô ấy, ghét sự phức tạp mà cô đã mang đến cho cuộc sống của em tôi, đồng thời tôi cảm thấy mỗi cảm tình kỳ lạ dành cho những cô gái điếm đã kéo em tôi đi theo, giờ họ đang ở một đồn cảnh sát nào đó, trượt sâu thêm xuống đáy, chen chúc trong một buồng giam ghê tởm nào đó với song sắt, bánh mì thiu và góc vệ sinh dơ dáy. Có khi nó vào buồng giam cùng họ luôn cũng nên. Nó có cố tình gây chuyện để bị bắt vào cùng cũng chẳng lạ.

Nó là căn nguyên của mọi chuyện và giờ đây tôi đã hiểu thêm một ý nghĩa trong cuộc đời em tôi; nó là chút ánh sáng le lói hắt qua khe cửa, trước mặt nó là cánh cửa đóng sập. Chỉ một phần rất nhỏ trong con người nó len lách được qua cái khe ấy, nhưng rốt cuộc thì nó vẫn bị kẹt lại đằng sau cửa. Cũng có thể đó hoàn toàn là lỗi của nó. Có thể nó thích những rắc rối, nó đã tạo ra chúng đơn thuần vì nó cần chúng để tồn tại.

Tôi biết chuyện giữa nó và Adelita sẽ chẳng đi đến đâu, cả mấy đứa nhỏ nữa. Thế nào cũng có ai đó hay thứ gì đó phải nát tan. Nhưng sao họ lại không thể yêu nhau, dù chỉ trong quãng thời gian ngắn ngủi? Sao Corrigan lại không được sống đời của nó trong cái cơ thể làm nó tổn thương, cái cơ thể bỏ nó hết lần này đến lần khác? Sao nó không có phút giây nào được giải thoát khỏi vị Chúa của nó? Nơi này như phòng tra tấn đối với nó, nó cứ phải lo lắng cho thể nhân, phải đối mặt với những điều phức tạp trong khi điều nó thực sự muốn là sống bình dị và được làm những điều đơn giản.

Nhưng làm gì có điều gì đơn giản đâu, chắc chắn là không hề đơn giản. Kham khổ, trinh bạch, vâng phục - cả cuộc đời nó đã trung thành với những điều đó, nhưng nó chưa hề được chuẩn bị gì khi chính những thứ đó tấn công lại nó.

Tôi nhìn Adelita tháo sợi dây thun trên tóc đứa con gái. Cô ấy vỗ nhẹ lên mũi nó rồi thả cho nó chạy chơi dọc bãi biển. Những con sóng vỗ ngoài xa.

— Chồng cô làm gì? - tôi hỏi.

— Anh ấy ở trong quân đội.

— Cô còn nhớ anh ta không?

Cô ấy nhìn thẳng vào tôi.

— Thời gian không chữa lành được mọi thứ, - cô nói, quay đi phóng tầm mắt dọc theo bãi cát, - nhưng nó chữa được nhiều thứ. Giờ tôi sống ở đây. Đây là nơi dành cho tôi. Tôi sẽ không quay lại quê cũ. Nếu đó là điều anh muốn hỏi. Tôi sẽ không quay lại.

Ánh nhìn đó nói lên cô cũng dự phần vào điều bí ẩn mà cô sẽ không từ bỏ. Giờ em tôi là của cô ấy. Cô đã nói ra điều đó. Quả thực không còn đường quay lại nữa. Tôi nhớ đến Corrigan hồi còn bé, khi mọi thứ đều trong trẻo và rạch ròi, nó đi dọc bờ cát ở Dublin, kinh ngạc trước vẻ xù xì của vỏ sò, hay tiếng âm âm của một chiếc máy bay tầm thấp, hay mái hiên nhà thờ, những gì nó cho rằng chắc chắn, như điều đã được viết bên trong vỏ bao thuốc lá năm nào.

MẸ CHÚNG TÔI từng rất thích dùng cách mở đầu thế này cho những câu chuyện của bà: “Ngày xưa ngày xưa, thực sự là đã rất lâu rồi, đến nỗi mẹ cũng không có mặt ở đó, và nếu mẹ đã có mặt khi đó, thì hẳn là mẹ đã không còn đến bây giờ, nhưng giờ mẹ đang ở đây, nên mẹ đã không ở đó, dù sao thì mẹ cũng sẽ kể cho các con nghe: Ngày xưa ngày xưa đã lâu lắm rồi...” rồi bà sẽ bắt đầu câu chuyện ứng khẩu, những truyện ngụ ngôn đưa hai anh em tôi tới những miền đất khác nhau. Sáng hôm sau thức dậy, hai đứa thường lơ mơ tự hỏi có phải chúng tôi đã mơ những phần khác nhau của cùng một giấc mơ, hay mơ cùng một chuyện, hay đang ở trong thế giới lạ kỳ nơi những giấc mơ của hai đứa giống nhau chỉ có địa điểm là tráo đổi. Điều ấy đáng ra tôi dễ dàng làm được khi mà nhóc Corrigan cứ đập ầm ầm lên thanh chắn giường: *Dạy em đi anh, dạy em làm sao sống.*

Hẳn chúng ta đều đã từng nghe qua những điều này. Lá thư tình đang được gửi đến khi tách trà rơi xuống. Tiếng guitar bùng lên khi hơi thở cuối cùng vụt tắt. Tôi không quy những điều như vậy cho Chúa trời hay tình cảm. Có lẽ đó chỉ là chuyện rui may. Hay có lẽ may rui chỉ là một cách khác để chúng ta tin rằng mình có giá trị.

Dù sao cốt lõi trần trụi của của thực tế chính là chuyện đã xảy ra và ta chẳng thể làm gì để ngăn cản nó - Corrigan cầm lái, sau cả ngày dài mệt mỏi ở Nhà Mồ và những phòng xử án khu Hạ Manhattan. Nó lái xe về phía bắc dọc theo đường cao tốc FDR, Jazzlyn ngồi ngay bên cạnh trong đôi giày cao gót màu vàng, bộ áo bơi nhấp nháy và chuỗi vòng ôm sát cổ, còn Tillie đã bị còng tay dẫn đi sau khi bị tuyên phạm tội cướp giật. Tillie đã nhận hết tội, em trai tôi thì đưa Jazzlyn về với con, những đứa trẻ có ý nghĩa hơn nhiều so với chiếc vòng đeo khóa, hơn cả cú nhào lộn trên không trung; và khi xe đang lướt nhanh dọc con sông Đông bị kẹp giữa lớp lớp những tòa nhà và bóng đổ thì Corrigan đổi làn đường; có thể nó va phải biển báo, có thể không, có thể nó chóng mặt hay quá mệt mỏi, có thể nó uống phải loại

thuốc nào đó khiến nó phản xạ chậm chạp hay nhìn không rõ, có thể nó lỡ đạp phanh, có thể nó rẽ quá đột ngột, có thể nó đang khễ ngân nga một giai điệu nào đó, ai mà biết được; nhưng nghe kể rằng nó đã bị thúc mạnh từ phía sau bởi một chiếc xe rất đẹp, một tạo vật đẹp đẽ cổ xưa, không ai nhìn thấy người lái xe. Cái phương tiện mạ vàng đó đang băng băng kiêu hãnh như thường lệ thì đâm vào đuôi xe của Corrigan, cú thúc nhẹ thôi nhưng đẩy chiếc xe quay tròn giữa ba làn đường, thoát trông như một thứ to lớn màu nâu trong điệu vũ xoay tròn thanh nhã, giờ thì hình dung khi đó Corrigan hoảng hốt giữ chặt tay lái, đôi mắt mở to dẹt dẹt, trong khi đó Jazzlyn gào lên bên cạnh nó, cứng cả người, cổ họng căng thít, cả cuộc đời ngăn ngừa sa đọa vụt lướt qua trước mắt cô, rồi chiếc xe tải trượt giữa lòng đường khô nóng, va vào một chiếc xe hơi, một xe tải chở báo, và rồi đâm đầu vào rào chắn đường. Jazzlyn ngã lao đầu vào kính chắn gió, không buộc dây an toàn, cơ thể bốc cao như đã đặt chân lên đường tới thiên đường; còn Corrigan thì bị bánh lái thúc mạnh vào ngực làm vỡ xương ức, đầu nó đập vào tấm kính rạn chằng chịt tóe máu, rồi nó bị hất ngược trở lại ghế lái bởi một lực mạnh đến mức khung ghế kim loại vỡ vụn. Khối thép gần nửa tấn xoay tròn, liên tục trượt từ bên này sang bên kia đường, cơ thể hầu như không mặc gì của Jazzlyn lượn một hình cung trong không trung với vận tốc năm mươi, sáu mươi dặm một giờ, rơi xuống thành một đống nhàu nhĩ cạnh rào chắn, một chân hơi gập cong như thể sắp bước lên, hoặc muốn bước lên, di vật duy nhất của cô ấy được tìm thấy trên xe là một chiếc giày cao gót màu vàng, nằm cạnh quyển Kinh Thánh lật nghiêng do bị văng ra khỏi ngăn đựng đồ, hai thứ ấy nằm gối lên nhau và cả hai đều phủ đầy mảnh kính vụn. Corrigan vẫn còn thoi thóp thở, cơ thể bị quăng quật khắp buồng lái đến nỗi cuối cùng thân thể quăn quại của nó lọt vào khe tối cạnh chân ga và phanh, động cơ xe vẫn gầm rú như thể vừa muốn phóng đi thật nhanh vừa muốn bị ngăn lại, trọng lượng cơ thể Corrigan đè trọn lên bàn đạp.

Lúc đầu họ nghĩ nó đã chết, nên nó được đưa lên chiếc xe đưng xác chết cùng với Jazzlyn. Một tiếng ho sặc ra máu đã báo hiệu cho nhân viên y tế. Nó được đưa tới bệnh viện ở khu Đông.

Ai biết được chúng tôi đang ở đâu, lái xe về nhà, sang một nơi khác trong thành phố, trên dốc lên đường cao tốc, hay trong dòng xe cộ tắc nghẽn, trạm thu lệ phí - chuyện ấy thì có gì quan trọng? Có chút bọt máu ở khoe miệng em tôi. Chúng tôi vẫn lái xe đi, khẽ ngâm nga, trong khi lũ trẻ ở ghế sau lơ mơ ngủ. Albee vừa ứng phó được một nước cờ khó. Ông ta gọi đó là chiếu bí lẫn nhau. Em tôi được khiêng lên xe cứu thương. Chúng tôi chẳng thể làm gì để cứu nó. Không lời nào có thể đưa nó trở lại. Đó là mùa hè của những tiếng còi báo động. Tiếng còi dành cho nó không mang ý nghĩa như những tiếng còi thường nghe. Những chiếc đèn đỏ xanh quay tít. Họ đưa nó tới bệnh viện Thủ Đô, thảng vào phòng cấp cứu. Đẩy xe hết tốc lực qua dãy hành lang màu xanh xám. Máu vương xuống sàn nhà sau lưng họ. Hai vệt máu mảnh kéo dài theo những bánh xe đẩy. Xung quanh là cảnh nhốn nháo lộn xộn. Tôi cho Adelita và bọn trẻ xuống xe ở bên ngoài ngôi nhà ộp ván nhỏ của họ. Cô quay lại nhìn tôi, vẫy tay. Cô mỉm cười. Cô thuộc về em tôi. Cô hợp với nó. Cô sẽ ổn thôi. Nó sẽ tìm được Chúa cùng với cô ấy. Em tôi đã được đưa vào phòng phân loại. Những tiếng la hét và thì thầm. Mặt nạ oxy chụp lên khuôn mặt nó. Lòng ngực mở phanh ra. Phổi đã xẹp. Những ống ngấn được luồn vào để giữ cho nó thở. Một y tá cầm dụng cụ đo huyết áp bằng tay. Tôi ngồi bên bánh lái của chiếc xe tải thuê và ngắm nhìn những ngọn đèn bật sáng trong nhà Adelita. Tôi nhìn bóng cô ấy in trên tấm rèm mỏng cho tới khi những tấm rèm dày hơn được buông xuống. Tôi khởi động xe. Họ dùng phương pháp kéo giãn với nó, ròng rọc đối trọng đặt phía trên giường. Một chiếc máy trợ hô hấp đặt cạnh giường. Sàn nhà trơn chuội máu đến nỗi các bác sĩ nội trú phải lau chân.

Tôi lái xe, vẫn không hay biết gì. Những con đường ở Bronx gập ghềnh ổ gà. Màu cam và xám của cảnh đốt phá. Vài đứa trẻ đang nhảy nhót bên góc phố. Những cơ thể bé nhỏ nhảy tưng tưng. Như thế chúng đã khám phá ra điều gì hoàn toàn mới về bản thân mình, bèn ra sức rung lắc nó như một thứ niềm tin. Họ dọn sạch phòng khi chụp X-quang. Tôi tấp xe vào dưới gầm cầu vượt, nơi tôi đã ở gần suốt mùa hè. Vài cô gái đứng rải rác trong đêm, đó là những cô vừa thoát khỏi vụ bắt bố hôm trước. Đôi cánh chim vụt bay ra từ dưới những thanh xà, gieo mình vào bầu trời. Họ đã không gọi cho

tôi. Em trai tôi nằm ở bệnh viện Thủ Đô, vẫn đang thở. Lẽ ra giờ này tôi đang làm việc ở Queens, nghĩ thế nào tôi lại băng qua đường. Tôi không hề biết chuyện xảy ra. Máu ngập trong phổi nó. Hương phía quán bar nhỏ. Chiếc máy hát tự động đang phát ra những âm thanh om sòm. Nhạc của nhóm Four Tops. Những đường tĩnh mạch. Nhóm nhạc Martha và Vandellas. Mặt nạ oxy. Nhạc Jimi Hendrix. Những bác sĩ không đeo găng tay. Họ đang cố giữ cho cơ thể nó ổn định. Tiêm cho nó một mũi morphine. Tiêm trực tiếp vào bắp. Họ thắc mắc không hiểu những vết thâm tím ở má trong cánh tay nó từ đâu ra. Lúc đầu họ nghĩ nó là thẳng nghiện. Nó được đưa đến cùng một gã gái điếm đã chết. Rồi họ tìm thấy một mề đay tôn giáo bằng kim loại trong túi quần nó. Tôi rời quán rượu và băng qua đại lộ khi đã khuya, nửa tỉnh nửa say.

Một phụ nữ gọi tôi. Không phải Tillie. Tôi không ngoảnh lại. Tối như mực. Trong sân một vài đứa trẻ đang với tay chơi bóng rổ dù chẳng hề có bóng. Cả phòng phẫu thuật đang cố cứu chữa. Những đường sáng đơn trên máy đo nhịp tim phát tiếng bíp bíp. Một y tá nghiêng người về phía nó. Nó đang thì thầm điều gì. Những lời sau cuối là gì? *Hãy làm thế giới tốt lại. Hãy giải thoát cho con. Cho con tình yêu, thưa Chúa Cha, nhưng chưa phải bây giờ.* Họ nhắc mặt nạ lên. Tôi đã leo tới tầng năm của dãy nhà. Những bậc thang khiến tôi kiệt sức. Corrigan nằm trong phòng cấp cứu, trong không gian cầu nguyện nhỏ hẹp của riêng nó. Tôi đứng dựa vào cửa. Ai đó đã cố cạy phần mạ vàng trên mặt quay số của cái điện thoại. Mấy quyển sách nằm rải rác trên sàn nhà. Không có gì để lấy cả. Có lẽ em tôi đang phiêu diêu, ra ra vào vào, vào vào ra ra. Những xét nghiệm cho thấy nó bị mất bao nhiêu máu. Ra rồi vào, vào rồi ra. Đến hai giờ sáng có tiếng gõ cửa, không dồn dập. Tôi kêu to bảo cứ vào. Cô ta từ từ đẩy cửa ra. Máy trợ tim cho em tôi chạy chậm. Vào rồi ra. Cô ta cầm một thỏi son. Tôi nhớ là vậy. Tôi không biết mặt cô này. Jazzlyn bị đâm xe, cô ta nói. Có lẽ là bạn của cô ấy chẳng. Không phải gái điếm. Ăn mặc bình thường. Khẽ nhún vai. Thỏi son môi quét ngang miệng cô ta để lại vệt đỏ tươi sống động. Máy đo nhịp tim nhấp nháy. Đường sáng phẳng lặng như nước. Chỉ là không tìm về cội nguồn nào cả. Tôi nhào ra cửa. Băng qua những hình vẽ graffiti. Giờ cả

thành phố khoác lên đủ loại đường xoắn. Những hình mới vẽ còn tỏa mùi sơn.

Tôi dừng xe trước nhà Adelita. Ôi, lạ Chúa, cô ấy thốt lên. Cú sốc hiển hiện trong mắt cô ấy. Cô ấy trùm vội chiếc áo khoác ra ngoài bộ đồ ngủ. Tôi phải mang bọn trẻ theo, cô ấy nói. Cô ấy đẩy bọn trẻ vào vòng tay tôi. Chiếc taxi tăng tốc, đèn xe lóe sáng. Ở bệnh viện, bọn trẻ ngồi trong phòng chờ. Nguệch ngoạc chì màu lên giấy báo. Chúng tôi chạy đi tìm Corrigan. Trời ơi, cô ấy rên rỉ. Ôi. Lạ Chúa. Những cánh cửa đung đưa mở rồi đóng. Bóng đèn huỳnh quang tỏa sáng trên đầu chúng tôi. Corrigan nằm trong căn buồng nhỏ đơn giản như phòng thầy tu. Một bác sĩ toan đóng cửa lại. Tôi là y tá, Adelita khẩn khoản. Làm ơn, xin các ông, để tôi gặp anh ấy, tôi phải gặp anh ấy. Bác sĩ nhún vai quay đi. Ôi. Chúa. Ôi. Chúng tôi kéo hai chiếc ghế gỗ lại bên giường nó. Hãy dạy cho tôi biết tôi có thể là ai. Hãy dạy cho tôi biết tôi có thể trở thành như thế nào. Hãy dạy tôi với.

Bác sĩ bước vào, áp hồ sơ trước ngực. Ông ấy nói, rất khẽ, về những vết thương bên trong. Một thứ ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ về chấn thương. Biểu đồ điện tim vẫn phát ra những tiếng bíp bíp. Adelita cúi người xuống em tôi. Nó đang nói điều gì trong cơn mơ màng vì morphine. Nó đã nhìn thấy thứ gì đó tuyệt đẹp, nó thì thầm thế. Cô ấy hôn lên trán nó. Tay cô ấy đặt trên cổ tay nó. Bộ đo tim lập lòe. Nó đang nói gì vậy? Tôi hỏi cô ấy. Bên ngoài, tiếng những bánh xe lăn碌 cộc xuống hành lang. Tiếng gào thét. Tiếng nấc. Tiếng cười ré kỳ cục của những bác sĩ nội trú. Corrigan lại thì thầm điều gì với cô ấy, bọt máu nổi lên ở miệng nó. Tôi chạm vào cánh tay cô ấy. Nó nói gì vậy? Chẳng gì cả, cô ấy đáp, anh ấy nói toàn điều vô nghĩa. Anh ấy đang mê man. Cô ấy lại ghé tai sát miệng nó. Có phải nó muốn một linh mục? Có phải nó muốn thế không? Cô ấy quay lại phía tôi. Anh ấy nói có thứ gì đó rất đẹp. Nó có muốn mời linh mục không? tôi hét lên. Corrigan lại khẽ nâng đầu lên. Adelita cúi sát gần nó. Vẫn giữ được vẻ bình tĩnh. Cô lặng lẽ khóc. Ôi, cô chột kêu lên, trán anh ấy lạnh rồi. Trán anh ấy rất lạnh.

MIRÓ^[10] NGỰ Ở TRÊN TƯỜNG

BÊN NGOÀI PHÒNG, NHỮNG ÂM THANH vọng lại từ đại lộ Park. Yên ắng. Ngăn nắp. Trật tự. Vậy mà đầu óc bà vẫn cứ nhói lên. Bà sắp tiếp đón mấy bà khách. Cứ nghĩ tới cuộc gặp sắp tới là bà đứng ngồi không yên. Bà gập tay ôm lấy mình. Gió thổi tung những tấm rèm mỏng trên cửa sổ. Đăng-ten Alencon. Hàng thủ công, thêu ren, điểm thêm những rẻo lụa. Đăng-ten Pháp giá bao nhiêu cũng không phải là quá đắt. Khi xưa bà thích loại vải thường hơn, loại voan mỏng. Rèm đăng-ten là ý tưởng của Solomon, rất lâu rồi. Đồ cưới. chất keo kết dính tuyệt vời hai người. Sáng nay ông ấy đã mang bữa sáng tới tận giường bà, trên chiếc khay ba quai. Có bánh sừng bò láng bơ. Trà Chamomile. Một lát chanh nhỏ bên cạnh. Ông mặc nguyên com-lê nằm hẳn xuống giường, vuốt tóc bà. Rồi hôn tạm biệt.

Solomon, ôi Solomon thông thái, cặp táp sẵn sàng trong tay, chuẩn bị đến khu trung tâm. Bước đi của ông ấy đã có phần lạch bạch. Đôi giày bóng loáng kêu lọc cọc trên sàn nhà cẩm thạch. Ông lầm bầm chào tạm biệt. Không phải ông có ý lạnh nhạt, chỉ là giọng hơi khàn khàn. Đôi lúc bà giật mình nhận ra - người ấy là chồng bà. Ông ấy đã đi. Thì suốt ba mươi một năm qua ông ấy vẫn đi như vậy. Và rồi sự im lặng bị cắt ngang. Những âm thanh trôi nổi, tiếng khóa cửa, tiếng chuông mờ nhạt, giọng cậu bé trực thang máy “Xin chào ngài Soderberg!”, tiếng cánh cửa rên rỉ, cỗ máy chuyển động loảng xoảng, thang khẽ rung chuyển khi đi xuống, rồi dừng lại đánh rầm ở sảnh bên dưới, lại tiếp tục điệp khúc đi lên.

Bà kéo rèm ngó ra ngoài cửa sổ, chỉ thấy vạt áo com-lê màu xám của Solomon khi ông bước lên taxi. Cái đầu nhỏ hói cúi xuống. Cánh cửa màu vàng đóng sầm lại. Lấn vào dòng xe cộ và biến mất.

Ông thậm chí còn không biết gì về các vị khách, bà sẽ kể cho ông sau, không phải bây giờ, cũng chẳng hại gì. Có lẽ tối nay. Vào bữa tối. Với nển và rượu. *Anh đoán xem, Sol.* Khi ông vừa ngồi xuống ghế, chiếc nĩa còn

lơ lửng trên tay. *Đoán xem có chuyện gì nào.* Ông khẽ thở dài. *Kể cho anh nghe đi, Claire yêu quý, anh đã có cả ngày dài rồi.*

Cởi bỏ bộ đồ ngủ. Cơ thể bà trong tấm gương đứng. Hơi xanh xao và dúm dỏ, nhưng bà vẫn có thể căng người ra. Bà ngáp, vớ tay lên cao. Dáng người dong dỏng, vẫn thanh mảnh, mái tóc đen nhánh, một vệt tóc hoa râm bên thái dương. Năm mươi hai tuổi. Bà xoa miếng vải ấm lên khắp tóc rồi chải lại bằng chiếc lược gỗ. Rẽ tóc sang một bên rồi kéo lược dọc xuống mở tóc được giữ trong lòng bàn tay còn lại. Đuôi tóc chẻ ngọn bị rối. Đã đến lúc cần phải tỉa bớt đi. Bà gỡ những sợi tóc vương trên lược vớt vào thùng rác dưới chân. Người ta nói tóc của những người chết vẫn dài ra. Chúng có cuộc sống của riêng chúng. Ở dưới đó với những đồ lật vặt khác, khăn giấy, tuýp son, nắp hộp kem đánh răng, thuốc dị ứng, đồ trang điểm mắt, thuốc đau tim, tuổi trẻ, những mẫu móng tay, chỉ răng, thuốc kháng sinh, nỗi đau đớn.

Nhưng sao những sợi tóc hoa râm lại chẳng bao giờ rụng nhỉ? Hồi còn đôi mươi, bà rất ghét những sợi hoa râm bỗng dưng xuất hiện chỉ sau một đêm, bà đã nhuộm chúng, giấu chúng, cắt chúng đi. Giờ thì chúng định rõ tuổi tác của bà, những vệt màu xám thanh nhã cứ mỗi lúc một nhiều hơn, từ bên thái dương. Một đường mòn trên tóc. Đừng có đến bất thành hình thể chứ.

Những việc cần làm. Phải nhanh lên, nhanh lên thôi. Nhà vệ sinh. Đánh răng. Tiếng sột soạt khe khẽ của việc trang điểm. Thoáng phớt phấn hồng. Đường kẻ mắt và son môi nhẹ nhàng. Bà chẳng bao giờ trang điểm thái quá. Bà hơi lưỡng lự trước tủ đồ. Áo lót và quần lót màu be giản dị. Chiếc váy yêu thích. In lụa, màu lục pha lam, với những đường ren hình sò hến. Dáng chữ A. Không tay. Trên đầu gói một chút. Nơ bướm điểm những khe hở. Phéc-mô-tuya phía sau. Vừa lịch sự vừa thể hiện phong cách bình đẳng giới. Không quá kiêu cách hay phô trương, nhưng hiện đại, thanh nhã, rất đẹp.

Bà kéo diềm váy cao lên chút nữa. Duỗi thẳng chân. Cặp chân sáng bóng lấp lánh, Solomon đã nói vậy cách đây lâu rồi. Bà đã kể cho ông nghe trong một lần làm tình, khi ông giống như một người bị treo lên, cương cứng

nhưng nguội lạnh, một chuyện cười bà nghe được ở buổi hòa nhạc của Richard Pryor. Bà đã một mình lên vào, dùng thẻ phóng viên của một người bạn. Việc chỉ xảy ra đúng một lần. Bà thấy buổi hòa nhạc không hề nhằm chán hay suồng sã. Nhưng Solomon đã bừa môi suốt một tuần - ba ngày vì cái chuyện cười đó, bốn ngày vì bà đã đến buổi hòa nhạc. *Sự giải phóng cho phụ nữ*, ông ấy nói. *Đốt nịt ngực, đúng là cuồng*. Một người đàn ông bé nhỏ ngọt ngào. Nghiền rượu martini và các loại rượu ngon. Chỉ còn một doi tóc nhỏ trên đầu. Cần kính râm vào mùa hè. Những nốt tàn nhang trên đầu. Những mùa hè thời niên thiếu vẫn còn đọng lại trong ánh mắt. Hồi họ gặp nhau ở Yale ông có một mái tóc bờm xờm, vàng hoe phủ dày xuống mắt. Hồi còn là luật sư mới vào nghề ở Hartford, ông vẫn thường đi dạo dọc những con đường hẹp cùng Wallace Stevens, giữa dòng người, cả hai đều mặc áo không tay. *Nó không hề dâng mình cho lũ chim hay bụi rậm, Chẳng giống bất cứ thứ gì ở Tennessee*^[11]. Gia đình đối với bà, nghĩa là họ sẽ ái ân trên chiếc giường bốn cọc màn. Họ nằm trên những tấm khăn trải giường và ông ấy sẽ thì thầm ngâm thơ bên tai bà. Hầu như ông chẳng nhớ nổi trọn những dòng thơ nữa. Dù vậy, hành động đó vẫn gợi được khoái cảm lạ kỳ, làn môi ông ấy chạm vào đỉnh tai bà, rồi ở rìa cổ, rồi trườn xuống dọc xương đòn, cơ thể ông ấy nóng hồi nhiệt tình. Có đêm chiếc giường đã bị gãy bởi những trò tinh quái của họ. Giờ thì chuyện ấy không còn thường xuyên nữa, nhưng vẫn đủ, và bà vẫn rướn người túm lấy tóc gáy ông ấy. Chẳng còn rậm rạp như trước. Chỉ còn phần ngọn cuống nơi từng đậu trái chín. Những kẻ tội phạm ở tòa luôn im lặng cho tới khi họ bị kết án, cái búa gõ xuống và họ bắt đầu kêu gào, la hét, quấy đạp, gọi ông ấy bằng những cái tên bẩn thỉu. Bà đã chẳng còn cùng ông đi tới căn phòng làm việc ộp ván gỗ tối om để xem ông xử án, đi làm gì để phải nghe mấy lời khiếm nhã đó chứ? *Này, Kojak! Ai yêu anh, hả cưng?*^[12]. Trong phòng ngủ có một bức ảnh của bà ở bãi biển cùng Joshua, lúc đó hãy còn là một cậu bé, hai mẹ con đầu chụm đầu, những cồn cát phía sau họ trải dài vô tận, cỏ mọc đầy.

Bà cảm thấy có tiếng rì rầm nơi lồng ngực, chỗ khối không khí phồng lên. Joshua. Đó không phải là tên dành cho một chàng trai trong bộ quân phục.

Chuỗi hạt với bàn tay ảo ảnh. Điều đó đôi khi vẫn xảy ra. Máu đột ngột dồn lên cổ họng bà. Khí quản bị kẹp lại. Như thể có ai đó đang siết chặt lấy bà, một sự khống chế trong giây lát. Bà quay trở lại gương, nghiêng qua một bên, rồi quay ra trước, rồi lại nghiêng người. Thạch anh tím? Những chuỗi vòng? Dây chuyền nhỏ bằng da mà Joshua đã tặng bà hồi nó chín tuổi? Nó đã vẽ một dải ruy băng màu đỏ lên trên giấy gói hàng bằng da màu nâu. Băng bút màu. Đây này, mẹ, nó nói, rồi chạy biến mất. Bà đã đeo nó suốt những năm qua, hầu như chỉ quanh quẩn trong nhà. Đã phải khâu lại hai lần. Nhưng không phải bây giờ, không phải hôm nay, không đâu. Bà cất trở lại ngăn kéo. Quá nhiều. Dẫu sao đeo dây chuyền có vẻ diện quá. Bà rùng mình khi nhìn vào gương. Khủng hoảng đầu, khủng hoảng con tin, khủng hoảng dây chuyền. Bà muốn được đắm mình trong việc giải toán. Đó là chuyên ngành của bà. Những ngày tháng học đại học. Là một trong ba cô gái duy nhất của khoa toán. Bà bị nhận nhầm là thư ký lúc đi dọc hành lang. Nên mắt cứ phải nhìn xuống. Cô gái của hai chiếc giày. Biết sàn nhà rất rõ. Những viên đá lát rối rắm. Chỗ ván gỗ ốp tường bị vỡ.

Chúng ta tìm thấy, trong đồ nữ trang cũ, những ngày tháng đã trôi qua của cuộc đời.

Khuyên tai thì sao nhỉ? Đôi khuyên tai. Một cặp vỏ sò nhỏ mua ở Mystic hai mùa hè trước. Bà đẩy nhẹ chuỗi bạc nhỏ vào lỗ xỏ. Trở lại gương. Cảm thấy lạc lõng khi thấy cổ mình căng ra. Không phải cổ mình. Không phải cái cổ ấy. Năm mươi hai năm cùng dưới một lớp da. Bà rướn cằm và làn da căng ra. Chẳng ích gì, nhưng có vẻ đỡ hơn. Đôi khuyên tai phối với bộ váy. Vỏ sò với vỏ sò. Bà đặt chúng vào hộp nữ trang và lại lục tung lên. Đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ ở bàn trang điểm.

Phải nhanh lên thôi, nhanh lên.

Đã sắp đến giờ rồi.

Suốt tám tháng vừa qua bà đã thăm bốn ngôi nhà. Tất cả đều đơn giản, sạch sẽ, bình dị, dễ mến. Đảo Staten, hạt Bronx, hai nhà ở khu Đông Hạ Manhattan. Chưa bao giờ náo nhiệt. Chỉ là cuộc họp mặt của các bà mẹ.

Chỉ có thể. Nhưng họ đã quá đỗi kinh ngạc trước địa chỉ của bà khi cuối cùng bà cũng nói cho họ biết. Bà đã cố giấu được một thời gian, cho tới một ngày họ đến thăm căn hộ của Gloria ở Bronx. Một dãy chung cư liên kế xập xệ. Trước giờ bà chưa từng nhìn thấy thứ gì như thế. Những vết sém trên những ô cửa. Mùi thuốc xịt côn trùng ngoài hành lang. Kim tiêm trong thang máy. Bà đã sợ chết khiếp. Bà lên tới được tầng mười một. Một cánh cửa bằng kim loại với năm chiếc khóa. Khi bà gõ nhẹ, nó rung lắc trên những chiếc bản lề. Nhưng bên trong, căn hộ thật sáng sủa. Hai chiếc đèn chùm lớn gắn trên trần nhà thuộc loại rẻ tiền thôi nhưng rất duyên dáng. Căn phòng ngập trong ánh sáng. Mấy bà bạn khác đã ở đó - họ mỉm cười chào đón bà từ lòng ghế sofa sâu như chiếc túi. Họ hôn gió, tất cả họ, và buổi sáng trôi qua thật êm đềm. Họ thậm chí còn quên mất mình đang ở đâu. Gloria cứ lãng xãng, hết thay khay rượu lại đổi khăn ăn, mở cửa sổ cho các bạn hút thuốc, sau đó chị ấy cho mọi người xem phòng con trai. Chị ấy đã mất ba cậu con trai, cứ thử nghĩ mà xem - những ba! - tội nghiệp Gloria. Những cuốn album dày đặc ký ức: những kiểu tóc, những trận thi đấu liên tiếp, lễ tốt nghiệp. Những chiến tích bóng chày được trưng bày quanh phòng. Nhìn chung thật là một buổi sáng tuyệt vời, và nó cứ trôi đi, trôi đi, trôi đi. Rồi chiếc đồng hồ trên nóc lò sưởi điểm giờ trưa, câu chuyện chuyển sang bàn về cuộc gặp lần tới. “Này, Claire, lần tới ở nhà chị nhé”. Bà cảm thấy như miệng mình nghẹn ngắt. Cứ như phải nuốt phẫn mỗi lần lên tiếng. Như thế đang nhận lỗi vậy. Cứ nhìn về phía Gloria. “Ồ, tôi ở đại lộ Park, số bảy mươi sáu.” Im lặng ngập ngừng. “Các chị đến số sáu.” Bà lẩm nhẩm nhắc lại. Rồi tiếp: “Đi tàu”. “Tàu điện.” “Tầng thượng.” Không có lời nào nghe trôi chảy cả, cái cách mà bà nói như thế những lời nói đó chẳng phải phát ra từ lưỡi bà. Chị sống ở đại lộ Park? Jacqueline ngạc nhiên hỏi. Lại một sự im lặng khác. Thật tuyệt, Gloria nói, cô ấy liếm môi, ngay chỗ ấy có một vệt sáng bóng, như có thứ gì đó ở đó vừa bị dời đi. Còn Marcia, làm nghề thiết kế, sống ở đảo Staten, thì vỗ tay. “Uống trà với nữ hoàng!” cô ấy reo lên, bông đùa, không có ác ý gì, thực sự là vậy, nhưng vẫn làm bà nghe nhói lên, một sự tổn thương thoảng qua.

Claire đã nói với họ, ở lần gặp đầu tiên, rằng bà sống ở khu Đông^[13], chỉ có vậy, nhưng lẽ ra họ đã phải đoán ra chứ, dù bà mặc quần dài và đi giày thể thao, không đồ trang sức gì hết, họ cũng phải đoán được là khu Đông Thượng chứ, và rồi Janet, với mái tóc vàng hoe, đã nghiêng người về phía trước và nói thật to: “Ồ, chúng tôi không biết là chị sống ở mạn trên đó.”

Trên đó. Nghe như một nơi phải leo lên mới tới. Như thể họ sắp phải trèo cao. Dây chằng và mũ bảo hiểm và dụng cụ gắn dây vào móc leo núi.

Bà thực sự cảm thấy choáng váng. Tựa như có luồng khí thổi buốt sau chân. Có phải bà đang cố phô trương không. Để khiến họ phải tò mò. Cả người bà chao đảo. Bà lắp bắp. “Tôi lớn lên ở Florida. Đó là một vùng rất nhỏ, thật đấy. Hệ thống ống nước thật khủng khiếp. Mái nhà thì vô cùng bẩn thỉu.” Bà còn định nói rằng bà đã không có ai giúp đỡ, không có những người giúp việc, không phải “người hầu”, bà sẽ không bao giờ dùng chữ “người hầu”, thì ngay lúc đó chính Gloria, Gloria đáng mến, nói: “Ôi trời, Đại lộ Park, tôi mới chỉ đến đây một lần trong trò Monopoly^[14] thôi đấy nhé!” Và tất cả bọn họ đều cười vang. Ngả ra sau mà cười như phá. Thế là bà lại có cơ hội nhấm nháp cốc nước. Miệng gượng cười. Thở phào. Họ đang nôn nóng. Đại lộ Park! Ôi trời ơi, có phải căn màu tím không nhỉ? Ồ, nó đâu có màu tím. Màu tím là tòa nhà Park Place, nhưng Claire không nói thêm một lời nào nữa. Phô trương thêm làm gì chứ? Họ cùng nhau ra về, tất cả chỉ trừ Gloria, dĩ nhiên rồi. Gloria vẫy vẫy tay từ cửa sổ tầng mười một, bộ váy in hoa của cô ấy tì lên những song cửa sổ. Từ trên cao cô ấy trông vừa bối rối vừa đáng mến. Đó cũng là lúc họ nhận ra mùi rác xông lên. Lũ chuột chạy ra từ bãi rác. Gái điếm đứng cạnh đường hầm. Mặc quần cộc bó và áo hở vai, thậm chí trong gió tuyết. Náu mình tránh cái giá rét. Chạy tới bên những chiếc xe tải lướt qua. Phả ra hơi khói trắng. Những câu mời chào kinh khủng. Claire những muốn lao trở lại trên kia đưa Gloria về theo mình, kéo cô ấy ra khỏi chốn hỗn độn kinh khiếp này. Nhưng bà đã không trở lại tầng mười một. Bà sẽ nói gì đây? Nào, Gloria, qua ô đi, lấy hai trăm đô, thoát khỏi nhà tù^[15].

Họ đi bên nhau tới tàu điện ngầm, bốn phụ nữ da trắng, giữ chặt túi xách. Dễ bị tưởng nhầm là những người làm công tác xã hội. Tất cả đều ăn mặc chần chừ nhưng không thái quá. Họ đợi tàu trong những nụ cười khê khàng. Janet, sốt ruột nhịp nhịp giày. Marcia thì chỉnh lại thuốc tô mi mắt qua tấm gương nhỏ. Jacqueline vuốt mái tóc dài màu đỏ của cô ấy ra sau. Tàu đã đến, đầy những những hình xoáy không lồ sặc sỡ, và họ bước lên. Toa của họ được phủ hình vẽ grafiti từ đầu tới đuôi. Ngay cả cửa sổ cũng bị vẽ kín. Hầu như chẳng còn chỗ cho Picasso. Họ là những phụ nữ da trắng duy nhất trên xe. Không phải vì thế mà bà ngại đi tàu điện ngầm. Bà sẽ không nói với họ rằng đó mới chỉ là lần thứ hai bà đi tàu. Nhưng chẳng ai liếc nhìn họ hoặc nói điều gì mạo phạm cả. Bà xuống ở số Sáu mươi tám chỉ để được đi bộ về nhà, hít chút khí trời, và ở một mình. Bà đi dạo trên đại lộ, tự hỏi làm sao mình đã có thể hòa hợp được với nhóm bạn ngay từ lần đầu gặp gỡ. Họ quá khác nhau, hầu như chẳng có điểm chung nào cả. Nhưng, bà vẫn yêu mến tất cả bọn họ, thực sự là thế. Đặc biệt là Gloria. Bà chẳng có gì không vừa lòng về mọi người - việc gì phải vậy chứ? Bà rất ghét cái cách nói chuyện đó. Hồi ở Florida, bố bà đã từng tuyên bố lúc ăn tối: “Tôi thích người da đen, chính thế, tôi cho là mỗi chúng ta đều nên sở hữu một người da đen.” Bà đã giận dữ rời khỏi bàn ăn và ở lì trong phòng suốt hai ngày. Bữa tối của bà được chuyển vào dưới cánh cửa. Ồ, đâu phải phía dưới cánh cửa, chuyền qua khe cửa ngang tầm tay nắm thì phải hơn. Mười bảy tuổi và chuẩn bị đi học đại học. “Nói với bố là chừng nào bố chưa xin lỗi thì con không ra đâu.” Và ông ấy đã xin lỗi. Bước nặng nhọc lên những bậc cầu thang uốn lượn. Ôm bà trong vòng tay rộng lớn của người miền Nam và gọi bà là cô gái hiện đại.

Hiện đại ư. Nghe như đặc tính món đồ trong nhà. Một bức tranh hiện đại. Một bức họa của Miró.

Dầu sao cũng chỉ là một căn hộ. Một căn hộ mà thôi. Chẳng phải gì hơn. Những đồ bằng bạc, đồ sứ, những khung cửa sổ, đồ trang trí và đồ bếp. Chỉ vậy. Không hơn. Vải thô dệt bằng sợi xe. Đủ bình dị. Còn có thể là gì nữa đây? Chẳng gì cả. Tôi nói cô nghe này, Gloria, bức tường giữa chúng ta

thực ra rất mỏng. Một người khóc và những người khác đều sẽ suy sụp. Hòm thư trống rỗng. Chẳng ai viết cho tôi cả. Ban đại diện thì đúng là ác mộng. Lông thú nuôi vương trong máy giặt úi. Người gác cổng ở tầng dưới đi găng trắng, quần nhàu nhĩ và áo đồng phục có cầu vai trang trí, nói riêng với chị nhé: anh ta không hề dùng nước khử mùi.

Bà chột rùng mình nghĩ tới: người gác cổng.

Tự hỏi, liệu anh ta có hỏi này hỏi nọ bọn họ không? Hôm nay là phiên của ai nhỉ? Melvyn, phải không? Người mới? Thứ Tư. Đúng là Melvyn rồi. Nếu anh ta tưởng nhầm họ là người giúp việc thì sao? Nếu anh ta chỉ cho họ tới thang máy dành cho người giúp việc thì sao? Phải gọi xuống cho anh ta để nhắc nhở mới được. Hoa tai? Phải rồi, hoa tai. Nhanh lên thôi. Dưới đáy hộp có một đôi đã cũ, chỉ là hoa tai bằng bạc đơn giản, rất ít khi được đeo. Đã hơi xin đôi chút, nhưng không sao. Bà nhắm ướm chân hoa tai.

Nhìn lại mình trong gương. Chiếc váy hoa văn sò hến, tóc chấm vai, vệt tóc hoa râm. Có lần bà đã bị tưởng nhầm là mẹ của một trí thức trẻ được lên ti vi, nói về nhiếp ảnh, về khoảnh khắc bấm máy, một loại nghệ thuật thách thức. Bà ta cũng có vệt tóc hoa râm. *Những bức hình giữ những người chết sống*, cô gái nghệ sĩ đã nói vậy. Không đúng. Sự sống hơn nhiều so với những bức hình. Hơn rất nhiều.

Hai mắt bà đã lại rơm rớm nước. Không được. Phải mau lên, Claire. Bà với lấy khăn giấy phía trên bức tượng nhỏ bằng thủy tinh trên bàn trang điểm, lau khô nước mắt. Chạy tới hành lang bên trong, nhắc cái ống nghe kiểu cổ lên.

— Melvyn phải không?

Bà gọi lại. Có lẽ anh ta đang hút thuốc bên ngoài.

— Melvyn à?!

— Vâng, thưa bà Soderberg?

Giọng anh ta nghe điềm tĩnh. Giọng xứ Wales hay giọng Scotland nhỉ, trước nay bà chưa từng hỏi thăm.

— Tôi có một vài người bạn sẽ đến ăn tối cùng vào sáng nay.

— Vâng, thưa bà.

— Ý tôi là, họ sẽ đến ăn sáng.

— Vâng, thưa bà Soderberg.

Bà trượt những ngón tay dọc ván ốp sẫm màu của hành lang. Ăn tối ư? Có phải bà đã nói là ăn tối không nhỉ? Sao bà có thể nói nhầm thành ăn tối cơ chứ?

— Anh nhớ là phải đón họ niềm nở nhé?

— Tất nhiên rồi, thưa bà.

— Họ có bốn người.

— Vâng, thưa bà Soderberg.

Thở dài vào bộ đàm. Bộ ria mép quăn đỏ trên mép anh ta. Lẽ ra bà nên hỏi quê anh ta ở đâu vào ngày đầu tiên anh ta bắt đầu làm việc. Quên hỏi như thế thật khiếm nhã.

— Còn gì nữa không, thưa bà?

Giờ mà hỏi thì còn khiếm nhã hơn.

— Melvyn? Chỉ đúng thang máy nhé.

— Tất nhiên, thưa bà.

— Cảm ơn.

Bà tựa đầu lên bức tường mát mẻ. Lẽ ra bà không nên nói gì về chuyện thang máy thì hơn. Melvyn lúc xuống đón chắc sẽ chờ người ra nghỉ ngơi, và rồi anh ta sẽ đưa họ đi không đúng thang máy cho mà xem. *Thang máy ở kia, bên phải các vị. Các vị vào đi.* Bà cảm thấy hai má đỏ bừng lên vì thẹn. Nhưng bà đã dùng từ “ăn tối”, phải không nhỉ? Nếu là ông ấy thì sẽ không nhầm lẫn như vậy. Ăn tối vào bữa sáng. Ôi, đầu óc tôi.

Một cuộc sống quá xét nét, Claire ạ, thật không đáng sống.

Bà tự cho phép mình cười rồi đi dọc qua hành lang trở lại phòng khách. Những bông hoa. Ánh mặt trời lóa sáng trên những đồ đạc màu trắng. Bức vẽ của Miró treo phía trên đi-văng. Những cái gạt tàn thuốc được đặt ở một vài điểm ý tứ. Hy vọng là họ sẽ không hút trong nhà. Solomon rất ghét việc hút thuốc. Nhưng tất cả bọn họ đều hút thuốc, và cả bà cũng vậy. Ông ấy sẽ phát hiện ra mùi ngay. Mùi còn vương lại. Thế đấy. Có lẽ bà sẽ hút cùng với họ, phà khói ra cái ống khói nhỏ đó, cái lò thiêu hàng loạt đó. Một từ thật kinh khủng. Bà chưa từng được nghe từ ngữ như thế khi còn nhỏ. Bà đã được nuôi dạy để trở thành tín hữu Tin Lành Trưởng Nhiệm. Việc kết hôn của bà đã gây ra một vụ bê bối nhỏ. Giọng nói oang oang vì giận dữ của bố bà. *Cậu ta là gì chứ? Da màu hả? Dân New England à?* Và Solomon khi ấy thật tội nghiệp, hai bàn tay đan vào nhau phía sau lưng, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ, chỉnh lại cà vạt, đứng như trời trồng, hứng chịu mọi lời xỉ vả. Nhưng họ vẫn đưa Joshua tới Florida, tới bờ hồ Lochloosa vào các mùa hè. Đi dạo trong rừng xoài, ba người tay trong tay, Joshua ở giữa, một hai ba chúng taaaaaa.

Cũng trong dinh thự ở đó Joshua đã học chơi piano. Mới năm tuổi. Nó ngồi trên cái ghế đầu bằng gỗ, lướt những ngón tay lên xuống những phím đàn. Khi trở lại thành phố họ thu xếp cho nó học ở tầng hầm bảo tàng nghệ thuật Whitney. Thắt nơ bướm biểu diễn độc tấu. Chiếc áo khoác màu xanh dương và những chiếc cúc màu vàng. Tóc rẽ ngôi trái. Nó từng rất thích ấn chân xuống cần đập bằng vàng của chiếc đàn. Nói rằng nó muốn lái cây đàn về nhà. ù ù. Họ tặng nó cây đàn hiệu Steinway vào dịp sinh nhật và lên tám tuổi nó đã biết chơi Chopin trước bữa tối. Tay cầm ly cocktail trên tay, họ ngồi xuống đi-văng và lắng nghe.

Những ngày đẹp trời, cả nhà đi dạo lòng vòng quanh những góc phố cũ xưa.

Bà vợ lấy những điều thuốc được giấu dưới nắp mặt ghế piano và đi ra phía sau căn hộ, khẽ mở tấm cửa sau nặng nề ra. Thường đó là lối đi của người làm. Đã rất lâu rồi từ khi nhà bà còn có người làm và cả những lối đi

cho họ. Đi lên những bậc thang phía sau. Bà là người duy nhất trong tòa nhà này sử dụng mái nhà. Đẩy mạnh cửa thoát hiểm. Không tiếng động. Luồng hơi nóng bốc lên từ nóc nhà màu sẫm. Ban dự án nhà ở đã nỗ lực suốt mấy năm ròng để xây thêm tầng nữa trên mái nhưng Solomon luôn phàn nàn chuyện đó. Ông không thích nghe những bước chân đi lại trên đầu. Cũng không thích những kẻ hút thuốc. Lúc nào cũng khăng khăng về những chuyện như vậy. Ghét mùi hôi. Solomon của bà. Một người đàn ông tử tế, ngọt ngào. Thậm chí với những bó buộc chặt chẽ của ông ấy.

Bà đứng ở lối cửa ra và rít thật sâu, nhả ra một đám khói nhỏ lên trời. Ích lợi của việc ở tầng thượng là đây. Bà không thích gọi là biệt thự cao tầng. Nghe có vẻ ăn chơi quá. Có vẻ bóng bẩy, nghe như cách nói trên tạp chí. Bà đã sắp một dây nhỏ chậu cảnh trên mái nhà trái nhựa đường, trong bóng râm bức tường. Có lúc công chăm bón còn quá giá trị của đám cây, nhưng bà thích chào đón chúng vào buổi sáng. Mấy cây hồng và đôi loại hoa trà lai.

Bà cúi xuống dây chậu. Một đốm nhỏ màu vàng trên những chiếc lá. Chống chọi qua mùa hè. Bà búng tàn thuốc xuống dưới chân. Một làn gió từ hướng đông thổi đến thật dễ chịu. Gió sông. Ngày hôm qua ti vi dự báo có thể có mưa. Chẳng có dấu hiệu gì cả. Một vài đám mây, chỉ có vậy. Cái gì tích tụ đầy những đám mây ấy nhỉ? Mưa là cả một phép màu nho nhỏ. *Mưa rơi xuống cả những người đang sống và những người đã chết, mẹ ạ, chỉ là người đã chết có những cái ô che tốt hơn.* Có lẽ chúng ta sẽ kéo những chiếc ghế lên đây, bốn chúng ta, không phải, năm, và ngược nhìn mặt trời. Trong mùa hè yên ả. Hãy cứ vậy. Joshua thích ban nhạc Beatles, thường ở trong phòng nghe những bản nhạc của họ, những âm thanh lọt ra ngoài qua cái tai nghe lớn mà nó yêu thích. *Let it be.* Một bài hát ngớ ngẩn, thực vậy. Ta để mọi thứ trôi đi, nó sẽ trở lại. Đó là sự thật. Ta để nó trôi đi, nó sẽ kéo ta xuống mặt đất. Ta để nó trôi đi, nó trườn lên những bức tường nhà ta.

Bà lại rít thuốc và nhìn qua bức tường. Chợt cảm thấy hoa mắt chóng mặt. Dòng xe taxi màu vàng chạy dọc đường phố, màu xanh lan ra dải phân cách, những cây non ấy mới được trồng.

Đại lộ Park mùa này yên ắng. Mọi người đều đi lánh nóng ở những ngôi nhà nghỉ mát mùa hè. Solomon thì kịch liệt phản đối chuyện đó. Ông đúng là anh chàng thành thị. Thích ngủ nướng. Thậm chí vào mùa hè. Nụ hôn sáng nay của ông ấy khiến mình cảm thấy thật dễ chịu. Cả mùi nước hoa cologne của ông ấy nữa. Giống hệt mùi của Joshua. Ôi, cái ngày mà Joshua lần đầu tiên cạo râu! Ôi cái ngày đó! Người đầy bọt. Hết sức cẩn trọng với chiếc dao cạo. Cẩn thận kéo một đường qua má, nhưng rồi vẫn khứa vào cổ. Nó xé một miếng báo nhỏ từ tờ *Wall Street Journal* của bố nó. Liếm tờ giấy rồi đặt lên chỗ vết thương. Mẩu báo kinh tế dính bết máu. Suốt một giờ đồng hồ nó cứ đi loanh quanh với miếng báo trên cổ. Rồi nó lại phải thấm ướt mới gỡ được miếng báo ra. Bà đứng ở cửa phòng tắm, mỉm cười. Cậu bé cao lớn của tôi cạo râu rồi kia đấy. Rất lâu rồi, đã rất lâu rồi. Những điều bình dị lại trở về với chúng ta. Chúng dừng chân chốc lát nơi lồng ngực rồi đột ngột xô tới vụn xoắn tim ta về quá khứ.

Không có tờ báo nào đủ lớn để gắn nó liền lại ở Sài Gòn.

Bà lại rít một hơi dài, để khói thuốc ở lại trong phổi bà đã nghe được ở đâu đó rằng thuốc lá rất tốt cho sự đau buồn. Rít một hơi là sẽ không còn biết khóc nữa. Cơ thể quá bận rộn để đối phó với chất độc. Thảo nào họ đã để những người lính tự do hút thuốc. Những điều Lucky Strike.

Bà nhìn theo một phụ nữ da đen đang rẽ chỗ góc phố. Người cao ngực nở. Mặc một chiếc váy hoa. Có lẽ là Gloria. Nhưng chỉ đi một mình. Một quản gia, có lẽ vậy. Chẳng thể nào biết được. Bà những muốn chạy xuống dưới tầng và đi tới góc phố, chặn cô ấy lại, Gloria, người bạn yêu quý của tất cả bọn họ, ôm cô ấy trong vòng tay, đưa cô ấy trở lại, đặt cô ấy ngồi xuống, pha café cho cô ấy, nói chuyện và cười vang và thì thầm và ở bên cô ấy, chỉ là ở bên nhau. Đó là tất cả những gì bà muốn. Câu lạc bộ nhỏ của chúng ta. Khoảng khuây lãng ngăn ngui của chúng ta. Gloria yêu quý nhất. Ở trên dãy nhà chung cư đó suốt đêm ngày. Sao cô ấy lại có thể ở một nơi như thế chứ? Dãy hàng rào mắt cáo. Rác rưởi xoay lộn. Mùi hôi thối khủng khiếp.

Những cô gái trẻ đứng ngoài đường bán thân. Trông như họ sắp ngã ngửa ra dùng xương sống làm đệm. Rồi còn những đám cháy ngút trời - họ nên gọi nơi đó là Dresden^[16] và cùng kết thúc luôn với nó.

Hay là bà thuê Gloria. Đưa cô ấy về nhà. Giúp công việc lật vạt trong nhà. Chẳng đáng gọi là việc. Họ có thể cùng nhau ngồi bên chiếc bàn trong bếp và giết thời gian, cùng nhau bí mật uống một hai cốc rượu gin pha tonic, cứ để thời giờ trôi đi, bà và Gloria, thư giãn, vui vẻ, đúng vậy, *Gloria, in excelsis deo*^[17].

Bên dưới, người phụ nữ rẽ chỗ góc đường rồi khuất dạng.

Claire giậm tắt điều thuốc rồi lảo đảo bước về phía cửa. Hơi chóng mặt. Trong khoảnh khắc thế giới như nghiêng hẳn về một bên. Đi xuống những bậc thang, đầu óc quay cuồng. Joshua không bao giờ hút thuốc. Có lẽ trên đường tới thiên đường nó đã hỏi xin một điều. Đây là ngón cái của tôi, đây là chân tôi, đây là cổ họng tôi, đây là tim tôi, đây là một lá phổi, này, hãy đặt chúng ở bên nhau cho điều Lucky Strike cuối cùng.

Bà trở lại bên trong, qua lối dành cho người giúp việc, nghe tiếng đồng hồ trong phòng khách điểm giờ.

Phải tới bếp.

Đầu óc giờ đã mù mịt. Hít thở nào.

Đun nước thì cần gì bằng thạch sữ chứ?

Bà mơ hồ bước dọc hành lang quay trở lại bếp. Bề mặt ốp đá cẩm thạch, những tủ tay nắm vàng, rất nhiều máy móc trắng lóa. Máy bà bạn đã đặt ra một nội quy từ những ngày đầu họ tụ tập uống café buổi sáng: những người khách sẽ mang bánh vòng, bánh nướng xốp, pho mát Đan Mạch, hoa quả, bánh quy, bánh rán. Chủ nhà thì chuẩn bị trà và café. Thật là một sự phân công tuyệt vời. Bà đã nghĩ đến việc đặt cả một khay bánh kẹo từ cửa hàng William Greenberg phía trên Madison, những chiếc bánh quy cầu vồng rồi bánh vòng hồ đào rồi bánh mì Do Thái Challah rồi bánh sừng bò, nhưng như thế sẽ là ngạo mạn, phô trương, hay đại loại thế.

Bà bật to lửa. Một vũ trụ nhỏ bé của bọt nước sôi và lửa nóng. Loại café của Pháp ngon tuyệt. Một sự hài lòng trong chốc lát. Hãy kể điều đó cho những người Việt Cộng.

Một dãy túi trà trên mặt bàn cẩm thạch. Năm chiếc đĩa nhỏ. Năm chiếc cốc. Năm cái thìa. Có lẽ dùng cái bình đựng kem sữa hình con bò cho có chút hài hước. Thôi, như vậy hơi quá. Nom kỳ cục. Nhưng liệu mình có thể không cười trước họ không? Không phải bác sĩ Tonnemann bảo mình phải cười hay sao?

Nào, hãy cố lên, cười đi.

Hãy cười lên, Claire. Buông xả đi.

Thật là một bác sĩ giỏi. Ông ấy không muốn bà dùng thuốc. Mỗi ngày hãy cố cười vui một chút, đó mới chính là liều thuốc tốt, ông ấy nói vậy. Những viên thuốc chỉ là lựa chọn thứ yếu. Mình đã nên uống thuốc mới phải. Không. Tốt hơn hết là cố cười vui. Chết vì cười.

Phải rồi, hãy để những tiếng cười rền vang trong cổ họng của sự chết. Một bác sĩ giỏi, đúng vậy. Lại còn thuộc cả Shakespeare nữa chứ. Hãy cứ để những tiếng cười rền vang.^[18]

Một lần Joshua viết thư cho bà kể về những con trâu nước. Nó quá đỗi kinh ngạc. Sao chúng đẹp làm vậy. Nó từng nhìn thấy một đồng đội ném lựu đạn bên sông. Tất cả đều cười vui vẻ. Ngay giữa cổ họng của sự chết theo nghĩa đen. Khi con trâu nước đã chết, những người lính bắn những con chim màu sắc sặc sỡ rụng khỏi cành cây. Hãy tưởng tượng nếu chúng cũng phải đếm cái đó nữa. *Ta có thể đếm số người chết, nhưng chẳng thể đếm được cái giá của sự chết. Chúng ta không có môn toán dành cho thiên đường, mẹ ạ.* Mọi thứ khác đều có thể được tính toán. Lá thư cứ trở đi trở lại trong đầu bà không biết bao nhiêu lần. Một thứ logic tồn tại trong mọi vật sống. Trong những bông hoa. Trong con người. Trong con trâu nước. Nó ghét chiến tranh nhưng bị yêu cầu phải nhập ngũ hồi còn làm ở công ty PARC ở California. Bị đòi hỏi một cách hết sức nhã nhặn, về mọi điều. Tổng thống muốn biết có bao nhiêu người đã chết. Ông ta đã không thể đưa

ra con số. Hàng ngày những người cố vấn đến đặt lên bàn ông đủ loại sự kiện và con số. Cái chết của lục quân. Cái chết của hải quân. Cái chết của lính thủy quân lục chiến. Cái chết của thường dân. Cái chết của nhân viên ngoại giao. Cái chết ở quân y viện di động. Cái chết ở vùng châu thổ. Cái chết của công binh hải quân. Cái chết của vệ binh quốc gia. Nhưng những con số không được tính toán. Ai đó đang rối tung lên ở một nơi nào đó. Tất cả các phóng viên và các kênh truyền hình đều đang dõi theo LBJ^[19] và ông ta cần những số liệu thích đáng. Ông ta có thể đưa người lên mặt trăng, nhưng lại không thể đếm nổi những túi xác chết. Có thể phóng đi một vệ tinh, thế nhưng không thể đếm nổi những quan tài gắn chữ thập đã đi vào lòng đất. Cần một đơn vị tính toán xuất sắc. Đội dịch vụ tận nơi. Lễ kết nạp nhanh chóng. Hãy phục vụ đất nước. Hãy cắt tóc. Đất nước tôi, xin hát về người, chúng ta có công nghệ. Chỉ những cá nhân xuất sắc, hứa hẹn nhất được chọn. Từ Stanford. MIT. Trường đại học Utah. U. C. Davis. Những người bạn từ công ty PARC của nó. Những người đang thực hiện giấc mơ công nghệ tiên tiến. Được trang bị rồi gửi đi. Tất cả đều là những chàng trai da trắng. Có nhiều thứ khác phải tính - bao nhiêu đường được sử dụng, bao nhiêu dẫu, bao nhiêu đạn, bao nhiêu thuốc lá, bao nhiêu hộp thịt bò muối, nhưng trận chiến dành cho Joshua là tính toán số người chết.

Hãy phục vụ đất nước mình, Josh. Nếu cậu có thể viết một chương trình biết chơi cờ thì cậu hoàn toàn có khả năng tính được bao nhiêu người đã chết vì những người da vàng ở đây. Hãy dùng tất cả những ký tự 0 và 1, hỏi các anh hùng. Chỉ cho chúng tôi cách tính những người chết vì lựu đạn.

Họ không tìm được bộ đồng phục nào hẹp vừa phần vai hay đủ dài phần chân cho nó. Nó bước lên máy bay, ống quần ngăn ngùn. Đáng ra lúc đó mình đã phải hiểu ra mọi chuyện. Phải gọi nó quay trở lại. Nhưng nó đã đi. Máy bay cất cánh, mỗi lúc một nhỏ hơn trên bầu trời. Một doanh trại đã được xây dựng bên ngoài sân bay Tân Sơn Nhất. Chỗ căn cứ không quân. Một ban kèn đồng nhỏ ở đó chào đón chúng, nó kể. Tường gạch làm bằng than xỉ và bàn gỗ ép. Một căn phòng đầy máy PDP-10 và thiết bị của

Honeywells. Chúng bước vào trong và căn phòng kêu o o chào đón chúng. Y như cửa hàng kẹo, nó kể.

Bà đã muốn dặn dò nó thật nhiều, trên đường băng, vào ngày nó đi. Thế giới này được điều khiển bởi những kẻ hung ác và bằng chứng rõ ràng nhất chính là quân đội của họ. Nếu họ bảo con đứng im, con hãy nhảy. Nếu họ bảo con đốt cờ, con hãy vấy cờ. Nếu họ bảo con giết người, con hãy cứu sống. Định lý, phản định lý, hệ quả, phản hệ quả. Nhấn mạnh điều đó hai lần. Tất cả đều ở đó trong những con số. Hãy nghe mẹ. Nghe mẹ, Joshua. Hãy nhìn vào mắt mẹ. Mẹ có điều này phải nói với con.

Nhưng nó đứng đó, tóc cắt trụi và má ửng đỏ, trước mặt bà, và bà chẳng nói gì cả.

Hãy nói gì với nó đi. Ánh nắng trên má nó. Nói điều gì đi. Nói với nó. Nói với nó. Nhưng bà chỉ mỉm cười. Solomon ấn vào tay nó ngôi sao sáu cánh biểu trưng cho đạo Do Thái và quay mặt đi, nói: *Dũng cảm lên*. Bà hôn lên trán con từ biệt. Bà nhận thấy trên lưng áo đồng phục của nó những chỗ gấp nếp và không gấp nếp được sắp xếp hoàn toàn cân xứng, và bà biết, bằng trực giác, vào cái khoảnh khắc bà nhìn nó ra đi, rằng bà đang tiễn nó ra đi vĩnh viễn. *Xin chào Tổng đài, vui lòng nối máy đến Thiên đường, tôi nghĩ Joshua của tôi đang ở đó.*

Không thể cứ dung dưỡng nỗi đau như thế. Không được. Múc café ra và đặt những túi trà lên khay. Hãy nghĩ về sự nhẫn nại. Có một thứ logic ở trong đó. Tường tượng ra và bám lấy.

Chết thì sẽ cảm thấy thế nào, hả con trai, liệu mẹ có thích không?

Ồ. Tiếng điện thoại.Ồ.Ồ. Tiếng chiếc thìa rơi xuống sàn.Ồ. Bước nhanh dọc hành lang. Trở lại và nhặt chiếc thìa lên. Giờ mọi thứ phải gọn gàng, gọn gàng, đúng vậy. Hãy trả lại tôi cơ thể còn sống của con trai tôi, ngài Nixon, và chúng tôi sẽ không bao giờ phàn nàn nữa. Hãy mang cái thân xác này đi, mang cái thân xác năm mươi hai tuổi đời của tôi đem đổi cho con trai tôi; tôi sẽ không hối tiếc, tôi sẽ không phàn nàn. Chỉ cần trả lại con trai cho chúng tôi, nguyên vẹn và đẹp đẽ.

Tự kiểm chế đi, Claire.

Mình sẽ không gục ngã.

Không.

Giờ phải nhanh lên. Lối cửa. Chỗ điện thoại. Bà biết cần chìm nhanh đầu trong nước. Một khoảnh khắc mát lạnh, giống như những thùng nước nhỏ bên ngoài nhà thờ Công giáo. Nhúng sâu vào và mọi vết thương sẽ được chữa lành.

— Gì vậy?

— Khách của bà, thưa bà Soderberg.

— Ồ, phải rồi. Đưa họ lên.

Liệu có quá cộc lốc? Có quá vội vã? Lẽ ra phải nói là, Thật tuyệt. Tốt lắm. Thêm giọng hồ hởi. Thay vì “Đưa họ lên”. Thậm chí còn chẳng nói được một tiếng “vui lòng”. Thật chẳng khác gì coi người đến như người làm thuê. Thợ ống nước, thợ trang trí, người lính. Bà nhấn nút để nghe ngóng. Cái hệ thống điện thoại nội bộ cũ kỹ, tò mò. Hơi nhiều điện rồi có tiếng rì rầm và rồi có tiếng cười, cửa đóng lại.

— Thang máy ngay trước mặt, thưa các bà.

Ồ, ít ra cũng phải thế chứ. Ít ra anh ta cũng không chỉ cho họ thang máy dành cho người làm. Ít ra họ cũng được ở trong cái hộp gỗ ụ ụ ấm cúng. Không, không phải cái hộp. Mà là thang máy.

Những tiếng lầm bầm nghe không rõ. Của tất cả bọn họ. Chắc họ đã cùng hẹn gặp nhau trước. Đã chuẩn bị từ trước. Bà chẳng nghĩ đến điều đó. Chẳng để nó thoáng qua tâm trí. Giá mà họ đã không làm vậy.

Họ nói chuyện về mình ư, cũng có thể. Cần một bác sĩ. Vết tóc hoa râm trông già nua. Chồng là thẩm phán. Đi đôi giày thể thao trông giả tạo. Vẻ cười gượng gạo. Sống trên căn hộ thượng đỉnh nhưng lại gọi là “tầng thượng”. Quá căng thẳng. Cứ nghĩ bà ấy cũng là người cùng cảnh, hóa ra lại là kẻ hợm mình. Tưởng như sắp ngã gục mất.

Chào đón thế nào đây? Bắt tay? Hôn gió? Mím cười?

Vào cái lần đầu tiên, khi tạm biệt họ đã ôm nhau, tất cả họ, ở đảo Staten, đứng ngay chỗ ngưỡng cửa, trong tiếng còi xe taxi bíp bíp, mắt bà loang loáng nước mắt, những cánh tay quàng qua nhau, tất cả đều cảm thấy hạnh phúc, ở nhà của Marcia, khi Janet chỉ lên một quả bóng màu vàng bị vướng trên những ngọn cây: “Ồ, sớm gặp lại nhé!” Gloria đã siết chặt cánh tay bà. Má kề má. “Những cậu bé của chúng ta, chị có nghĩ rằng chúng quen nhau không, hả Claire? Chị có nghĩ chúng là bạn bè không?”

Chiến tranh. Sự cận kề đáng ghê tởm của nó. Mùi cơ thể nó. Hơi thở của nó luôn phả ra trên cổ bà; đã rút quân được hai năm, ba năm, hai năm rưỡi, năm triệu năm, liệu có quan trọng không? Chẳng có gì là đã qua cả. Kem đã chảy thành sữa. Ngôi sao đầu tiên trong buổi sớm cũng là ngôi sao cuối cùng của buổi đêm. Có phải cô ấy nghĩ chúng là bạn của nhau? “Ừm, có thể chứ, Gloria, tất nhiên chúng có thể từng là bạn của nhau.” Việt Nam cũng là một địa điểm tốt để bắt đầu tình bạn, như bất cứ nơi nào khác. Đúng vậy. Martin Luther King đã có một giấc mơ, và những bãi biển của Sài Gòn sẽ không bị nhiễm khí độc. Khi ông bị bắn, bà gửi một nghìn đô bằng gồm những tờ mệnh giá hai mươi đô tới nhà thờ của ông ấy ở Atlanta. Bố bà đã nổi giận và găm lên. Gọi đó là đồng tiền tội lỗi. Bà chẳng quan tâm. Có quá nhiều thứ để đổ tội. Bà là người tân tiến, đúng vậy. Bà đã nên gửi toàn bộ tiền thừa kế của bà mới phải. “Con quý trọng tổ tiên, con chỉ nghĩ rằng mọi người không nên sở hữu người da đen.” Thích hay không thích, bố ạ, nó đã được chuyển tới ngài King, và giờ thì bố nghĩ gì về những kẻ da đen và Do Thái của bố đây?

Ồ. Tấm mezuzah^[20] trên cửa.Ồ. Quên băng nó đi mất. Bà chạm vào nó, đứng trước nó. Đỉnh đầu bà vừa đủ cao để che nó đi. Tiếng thang máy văng vẳng. Tại sao lại xấu hổ chứ? Nhưng cũng không phải là xấu hổ, không hẳn, phải không? Có gì để ngượng chứ? Bao năm qua Solomon đã khẳng khẳng giữ nó nguyên vị. Chỉ có thế. Vì mẹ của ông ấy. Phải làm bà ấy được thoải mái mỗi khi đến thăm. Phải làm bà ấy vui vẻ. Mà thế có gì là sai cơ chứ? Sự thực là bà ấy đã vui vẻ. Vậy còn chưa đủ hay sao? Mình chẳng có

gì phải xin lỗi cả. Mình đã lảng xảng khắp nhà cả buổi sáng với bờ môi dúm dỏ, e sợ cả việc thở. Nuốt cả một túi không khí. Mình bị chứng loạn thần kinh rồi. Những người trẻ vẫn nói gì nhỉ? Bình tĩnh lại. Kiên trì. Dây chèo và mũ bảo hiểm và dụng cụ gắn dây vào móc leo núi.

Có điều gì mà mình chưa bao giờ nói với Josh nhỉ?

Bà có thể nhìn thấy những con số đang tăng lên. Sự rộn ràng từ trực thang máy và tiếng chuyện trò huyên náo. Tự họ đã rất thoải mái rồi. Ước gì mình đã gặp họ sớm hơn, ở một cửa hàng café nào đó. Nhưng họ ở đây rồi, họ đến rồi. Là điều gì vậy?

— Xin chào, bà nói, - xin chào xin chào xin chào, Marcia! Jacqueline! Trông các chị kìa! Vào đi, ồ, tôi thích đôi giày của cô quá, Janet, lối này, lối này. Gloria! Ồ, xin chào, ồ, nhìn kìa, xin mời, vào đi, gặp các chị thật vui quá.

Có một điều duy nhất con cần biết về chiến tranh, con trai ạ, là: Đừng đi.

○ ○ ○

DƯỜNG NHƯ BÀ CÓ THỂ đi xuyên qua luồng điện để nhìn thấy con trai. Bà có thể nhìn vào bất cứ đồ điện nào - ti vi, đài, dao cạo điện của Solomon - và có thể tìm thấy nó ở đó, đi dọc điện áp trên đường dây. Hầu hết vẫn là ở chiếc tủ lạnh. Bà sẽ tỉnh dậy lúc nửa đêm và lang thang vào bếp, tựa đầu vào ngăn đá. Sau đó bà sẽ mở cửa và để hơi lạnh phả vào mình. Điều bà thích là đèn không bật lên. Bà có thể đi từ ấm qua lạnh trong phút chốc, bà cứ ở trong bóng tối và không đánh thức Solomon dậy. Không có tiếng động. Chỉ có âm thanh lọt thỏm trong đêm khi mép cao su của cửa tủ mở, rồi một luồng hơi lạnh tràn ra phủ lấy cơ thể bà, và bà có thể nhìn chăm chăm qua đường dây điện, cực âm, bán dẫn, công tắc thu phát cầm tay, qua ête, và bà có thể nhìn thấy con trai, hoàn toàn bất ngờ, bà ở trong căn phòng

giống như vậy, ngay cạnh nó, bà có thể vươn người tới rồi đặt tay lên trán nó, an ủi nó, nơi nó ngồi dưới ánh huỳnh quang, giữa những dãy bàn và đệm dài, đang làm việc.

Bà chỉ có những ý niệm mơ hồ về cách thức công việc của nó. Bà đâu phải người không hiểu biết gì. Bà có bằng cấp. Nhưng chuyện là thế nào, bà tự hỏi, những cái máy có thể đếm người chết tốt hơn con người hay sao? Sao những cái phiếu đục lỗ lại biết được? Làm thế nào một dãy đường ống và dây điện lại biết sự khác biệt giữa người sống và người chết?

Nó gửi thư cho bà. Nó gọi mình là hacker. Nghe như một dụng cụ để đốn cây vậy. Nhưng ý nó là nó có thể lập trình tốt cho các cỗ máy. Nó đã sáng tạo ra thứ ngôn ngữ để đóng nhà công tắc. Một nghìn chiếc công cụ nhỏ cùng hạ xuống trong giây lát. Bà đã nghĩ về việc đó như mở ra trước mắt một cánh đồng. Một cổng dẫn tới một cổng khác, rồi một cổng khác, khắp ngọn đồi, và rồi nó sẽ ở trên sông và biến mất, thả trôi những mảng dây điện. Nó nói rằng suốt ngày ở bên máy tính khiến nó cảm thấy chóng mặt, như bị trượt xuống thành cầu thang vậy, và bà cứ băn khoăn không biết nó đang nói về thành cầu thang nào, vì ký ức tuổi thơ của nó làm gì có thành cầu thang, nhưng bà vẫn chấp nhận, và bà nhìn thấy nó ở đó, trên những ngọn đồi ở Sài Gòn, trượt qua thành cầu thang xuống tầng hầm bê tông của tòa nhà tường than xỉ, bước tới bên bàn, bật những nút máy lên. Con trỏ khô khan trên màn hình máy điện toán chớp chớp trước mắt nó. Vết nhăn trên trán nó. Sự ghê tởm của nó khi lướt qua dữ liệu in ra. Tiếng cười khúc khích của nó vì một chuyện cười lan tỏa dọc dãy bàn. Sự chọc thủng phòng tuyến. Sự thất bại. Những đĩa thức ăn bày dưới sàn nhà. Thuốc dạ dày Roloids rải rác trên bàn. Một mớ dây điện. Công tắc quay đảo. Tiếng quạt trần vo ve. Trong phòng rất nóng, nó kể, đến nỗi nó và bạn bè cứ nửa tiếng lại phải bước ra ngoài. Bên ngoài, chúng có một đường ống nước để dội cho mát. Trở lại với bảng điều khiển thiết bị, chúng sẽ lại bị thiêu đốt chỉ trong giây lát. Chúng ưa gọi nhau là Mac. Mac này, Mac kia. Máy Ác Chiến. Máy Áp Chế, Mai Ai Chết. Mong Ai Cứu? Mày Ăn Chuột.

Mọi việc chúng làm chỉ xoay quanh máy móc, nó kể. Chúng tách ra, nối lại, lắp vào, kết nối, xóa bỏ. Chinh công tắc. Phá mật khẩu. Thay đổi bộ nhớ máy tính. Một thứ trò ma thuật. Chúng biết những điều bí mật bên trong mỗi chiếc máy tính. Chúng ở trong phòng cả ngày. Làm việc với những linh cảm, thất bại, những điều mơ hồ. Nếu cần ngủ chúng chỉ cần trượt xuống phía dưới chiếc bàn, đã quá mệt để mơ.

Death Hack là dự án chính của nó. Nó phải xem qua các file dữ liệu, chốt những cái tên, bổ sung thêm những người khác như những con số. Nhóm họ lại, đóng dấu lên, sắp xếp họ, mã hóa họ, viết họ ra. Vấn đề không phải ở sự chết chóc mà ở sự chòng chéo những cái chết. Những người cùng tên - nhà Smith và Rodrigueze và Sullliavan và Johnson. Những người cha trùng tên với con trai. Những người chú đã tử trận với tên họ giống hệt người cháu trai đã hy sinh. Những người đã biến mất. Những đội quân bị tách ra. Báo cáo sai. Những sơ suất. Những phi đội bí mật, những đội tàu nhỏ, những lực lượng đặc nhiệm, những ban trình sát. Những người đã kết hôn trong những làng nhỏ ở nông thôn. Những người tận sâu trong rừng. Ai mà ghi chép hết được những trường hợp ấy? Nhưng nó cố hết sức đặt họ vào chương trình của nó. Tạo ra một nơi cho họ để họ lại sống, theo một cách nào đó. Nó cúi đầu, cặm cụi làm việc, không hỏi một câu nào. Đó là, nó nói, một việc làm yêu nước. Điều nó thích nhất là khoảnh khắc sáng tạo, khi nó giải quyết được vấn đề mà không ai khác có thể, khi giải pháp hoàn toàn trong sạch và tao nhã.

Không quá khó để viết một chương trình đối chiếu những người chết, nó nói, nhưng điều nó thực sự muốn là viết một chương trình có thể khiến cho cái chết trở nên có ý nghĩa. Đó là tương lai xa. Một ngày nào đó máy tính sẽ mang tất cả những trí tuệ vĩ đại lại gần nhau. Ba mươi, bốn mươi, một trăm năm nữa. Đó là nếu trước đó chúng ta không tự bắn vỡ đầu nhau ra trước.

Chúng ta đang ở đỉnh cao của kiến thức nhân loại, mẹ ạ, nó nói. Nó viết về giấc mơ những thiết bị dù phân tán ở nhiều nơi vẫn có thể dùng chung những nguồn tài nguyên đặc biệt. Về những thông điệp có thể truyền

qua chuyển lại. Về những hệ thống có thể điều khiển từ xa qua đường dây điện thoại. Về những chiếc máy tính có thể tự khắc phục sự cố. Về những giao thức máy tính, bộ xóa dữ kiện, về bản in từ máy điện báo và bộ nhớ và RAM và cách bắt máy tính hãng Honeywell chạy hết công suất và cách “qua mặt” mẫu máy Alto được gửi tới trước đó. Nó miêu tả những bảng mạch như cách dân xứ tuyết miêu tả những cột băng. Nó nói rằng người Eskimo có sáu mươi tư từ để chỉ tuyết, nhưng điều đó không khiến nó ngạc nhiên; nó nghĩ đáng ra họ phải có nhiều hơn nữa - tại sao lại không chứ? Bảng mạch chính là vẻ đẹp sâu kín nhất, sản phẩm của trí não con người in dấu trên mảnh silic mà đến một ngày nào đó ta dễ dàng bỏ cặp mang theo bên người. Một bài thơ trên mảnh đá. Một định lý trong lát đá mỏng. Lập trình viên là những thợ thủ công trong tương lai. Kiến thức nhân loại là sức mạnh, mẹ ạ. Những giới hạn chỉ tồn tại trong tâm trí chúng ta. Nó nói chẳng có điều gì máy tính không làm được, thậm chí là những vấn đề phức tạp nhất, tính ra giá trị của số pi, cội nguồn cơ bản của tất cả ngôn ngữ, vì sao ở xa nhất. Thật không thể tin nổi là thế giới thực sự nhỏ bé nhường ấy. Vấn đề là làm sao gợi mở được nó. Điều ta muốn là máy tính có thể đáp lại mình, mẹ ạ. Nó phải gần như là con người. Phải tư duy về nó theo cách đó. Giống lời bài thơ của Walt Whitman: bạn có thể đặt vào đó mọi thứ bạn muốn.

Bà ngồi bên chiếc tủ lạnh đọc những lá thư của con, vuốt ve mái tóc nó, bảo nó đã đến giờ đi ngủ, rằng nó nên ăn một chút gì đó, nên thay quần áo, rằng nó thực sự cần tự biết chăm lo cho bản thân. Bà muốn chắc hình bóng nó không nhòa nhạt đi. Có lần, trong bóng tối, bà ngồi tựa vào tủ bếp mà khóc: lần ấy bà không với được tới nó. Bà đặt cây bút chì vào ổ điện trên tường và chờ đợi. Khi bật điện cây bút nảy lên rơi xuống giữa những ngón tay bà. Bà ý thức được cảnh tượng chính mình trông thế nào những lúc như thế - một phụ nữ bên chiếc tủ lạnh, mở cửa rồi đóng cửa - nhưng đó là niềm an ủi, lại không làm Solomon ngờ vực. Bà có thể vờ như đang nấu nướng, hoặc lấy một cốc sữa, hoặc đợi thịt rã đông.

Solomon không nói chuyện về chiến tranh. Im lặng là cách khuây lã ông ấy. Thay vào đó, ông nói về những phiên tòa, về sự bất ổn của

thành phố, những vụ giết người, chiếm đoạt, lừa đảo, đâm chém, trộm cướp. Nhưng không phải chiến tranh. Chỉ những kẻ chống đối nằm trong chủ đề của ông ấy - ông nghĩ họ yếu đuối, ngây thơ, hèn nhát. Xử bọn họ nghiêm khắc nhất có thể. Sáu tháng vì làm đổ máu xuống hồ sơ của ban tuyển quân. Tám tháng vì đập vỡ cửa sổ văn phòng tuyển mộ ở quảng trường Thời đại. Bà những muốn diễu hành và phản đối, gặp gỡ tất cả dân hippy, yippy với skippy ở quảng trường Union, công viên Tompkins Square, mang theo biểu ngữ cho chiến dịch Catonsville Nine^[21]. Nhưng bà không thể làm vậy. Chúng ta phải ủng hộ con trai, Solomon bảo thế. Cậu bé tóc hoe đáng yêu của chúng ta. Mới chưa lâu lắm, nó còn cuộn mình ngủ giữa hai chúng ta. Nó chơi xe lửa trên tấm thảm phương Đông. Nó lớn nhanh hơn chiếc áo khoác xanh dương. Nó đã biết dùng đũa nĩa ăn cá, nĩa ăn salad, nĩa ăn tối, những cái răng nĩa lớn của cuộc sống.

Và rồi, chẳng biết từ lúc nào nữa, bỗng bật tin, bật hẳn, lặng bật mãi mãi.

Joshua đã trở thành một mã số.

Được ghi lại trong trong những con số của chính nó.

Bà đã nằm trên giường suốt hai tháng trời. Hầu như không cử động. Solomon muốn thuê một y tá, nhưng bà từ chối. Bà nói rằng bà sẽ vượt qua. Không phải từ *vượt*, là *trượt* thì đúng hơn. Từ này ngày xưa Joshua thích. Mình sẽ trượt qua. Bà bắt đầu đi quanh nhà, qua phòng ăn, phòng khách, đi qua chỗ hay ngồi ăn sáng, lại đến bên chiếc tủ lạnh. Bà đặt bức ảnh của Joshua ở mặt trước tủ, ngay chính giữa. Bà tựa người vào đó mà nói chuyện với nó. Và chiếc tủ trở thành chỗ tập trung những thứ có thể nó thích. Toàn những thứ giản dị. Bà cắt chúng ra và dán lên tủ. Những bài báo về máy tính. Những bức hình bảng mạch. Một bức ảnh tòa nhà mới của công ty PARC. Một bài báo về hack đồ họa. Thực đơn từ Ray's Famous. Một quảng cáo từ tờ *The Village Voice*.

Bà thốt nhiên nhận ra là chiếc tủ bắt đầu trở nên rậm tóc. Cụm từ đó khiến bà gần như mỉm cười được. Chiếc tủ lạnh rậm tóc của tôi.

Và rồi một tối, mấy mẫu báo rơi xuống sàn nhà, bà cúi xuống, đọc lại những dòng chữ. TÌM KIẾM CÁC BÀ MẸ ĐỂ TRÒ CHUYỆN. CỨU CHIẾN BINH MỸ TẠI VIỆT NAM. HÒM THƯ 667. Bà chưa bao giờ coi nó như một chiến binh kỳ cựu, hoặc đã từng ở Việt Nam - nó là một người điều khiển máy tính, từng tới Châu Á thế thôi. Nhưng cái quảng cáo đó khiến những ngón tay bà râm ran. Bà mang tờ quảng cáo tới quầy bếp, ngồi xuống, viết nhanh một hồi âm bằng bút chì, rồi viết đề lên bằng mực, lén ra khỏi cửa, lén vào thang máy. Bà có thể gửi thư đi ngay ở tiền sảnh tầng dưới, nhưng bà lại không muốn; bà chạy ra tận đại lộ Park, giữa đêm khuya, trong bão tuyết, người gác cổng sững sốt nhìn bà chạy ra khỏi cửa trong bộ đồ ngủ, chân đi dép lê: “Bà Soderberg, bà vẫn ổn chứ?”

Giờ không thể dừng lại. Thư trong tay. Người mẹ tìm hài cốt đứa con trai. Rồi tìm thấy ở một quán café đã bị phá hủy ở một miền đất xa lạ.

Bà chạy xuống Lexington tới hộp thư ở đường số bảy mươi tư. Phả hơi thở trắng xóa ra không khí. Những ngón chân ướm lạnh trong tuyết. Bà biết rằng nếu bà không gửi đi ngay lúc đó, bà sẽ chẳng bao giờ gửi cả. Người gác cổng bẽn lẽn gật đầu khi bà trở lại, mắt lia lướt qua ngực bà. *Chúc ngủ ngon, bà Soderberg*, anh ta nói. Ôi, bà muốn hôn anh ta ngay lúc đó, ngay ở đó. Hôn lên trán. Một lời cảm ơn vì cái nhìn trộm ấy. Nó khiến bà cảm thấy dễ chịu. Khiến bà rùng cả mình, thật sự vậy. Lớp vải ôm sát ngực bà, những đường nét lộ ra, ích lợi của giá lạnh, một bông tuyết tan chảy dọc xuống cổ bà. Vào một lúc khác hẳn bà đã nghĩ cái nhìn đó thật thô bỉ. Nhưng ở đó, trong bộ đồ ngủ, trong hơi ấm của thang máy, bà lại thấy biết ơn. Đêm đó bà nhẹ nhõm hẳn lên. Bà dọn sạch mọi thứ trên mặt tủ lạnh, chỉ để lại bức ảnh của con trai. Để chiếc tủ trở lại vẻ đơn giản. Cắt bớt mái tóc rậm rạp của nó đi. Nghĩ về lá thư của bà đang lượn qua hệ thống bưu điện để cuối cùng đến được một người khác cùng cảnh ngộ như bà. Sẽ là ai đây, trông họ thế nào nhỉ, liệu họ có dịu dàng, liệu họ có tốt bụng? Đó là tất cả những gì bà muốn: muốn họ tốt bụng.

Đêm đó bà trở lại giường và rúc mình vào hơi ấm của Solomon. Chạm vào dưới thắt lưng ông. “Sol. Solly. Solhoney. Dậy đi.” Ông ngoảnh

lại nói rằng chân bà rất lạnh. “Vậy thì hãy ủ ấm cho em, Solly.” Ông ấy chống khuỷu tay dậy nghiêng qua phía bà.

Rồi sau bà cũng ngủ thiếp đi. Lần đầu tiên sau bao lâu rồi. Bà hầu như quên mất ý nghĩa việc tỉnh dậy. Bà mở mắt vào buổi sáng ở cạnh ông và lại thúc ông dậy, lướt những ngón tay của bà trên đường cong bờ vai ông. “Lạy Chúa,” ông vừa nói vừa nở một nụ cười, “có chuyện gì vậy, mình yêu quý, sinh nhật của anh à?”

○ ○ ○

HỌ BƯỚC VÀO. Tất cả đều ăn vận trang điểm nền nã, ngoại trừ Jacqueline diện mẫu váy cổ sâu trên nền vải hoa của Laura Ashley. Marcia đứng ngay sau cô, mặt mày đỏ bừng, toàn thân đầy lông chim trang trí như chú chim vừa bay vào qua cửa sổ và dúi dụi đập vào những bức tường. Chẳng ai liếc qua tấm mezuzah trên cửa. Cảm ơn trời đất. Thế là không phải giải thích. Rồi đến Janet, đầu cúi xuống. Gloria chạm vào cổ tay áo bà và nở nụ cười thật tươi. Họ đi nhanh dọc hành lang, Marcia giờ đi đầu tiên, tay cầm một hộp bánh. Qua cửa phòng Joshua. Qua phòng ngủ của bà. Qua bức tranh vẽ Solomon trên tường, mười tám năm về trước, khi ấy tóc dày hơn bây giờ nhiều. Đi vào phòng khách. Thẳng tới đi-văng.

Marcia đặt chiếc hộp lên bàn café, ngồi tựa lên mấy cái gối tựa trắng và phe phẩy tự quạt. Có lẽ chỉ do tự nhiên cô ấy thấy nóng hay bị kẹt trong đám đông trên tàu điện ngầm. Nhưng, không phải, cô ấy đang run rẩy, ai cũng thấy rõ cô sắp kể gì đó.

Ít ra, bà nghĩ, họ đã không gặp nhau từ trước. Không vạch ra kế hoạch ở đại lộ Park. *Không qua ô đi, không giành được hai trăm đô.* Bà kéo mấy cái ghế nệm ra, xếp ghế thành vòng tròn rồi đỡ tay Gloria đưa đến chỗ ghế sofa. Gloria vẫn còn cầm chặt bó hoa trên tay. Giờ mà tự cầm lấy thì thật khiếm nhã nhưng chẳng mấy tí nữa là phải cầm chúng vào nước thôi.

— Ôi, lạ Chúa, - Marcia thốt lên.

— Chị vẫn ổn chứ?

— Có chuyện gì vậy?

Tất cả xúm xít quanh cô ấy như thể họ đang bên đồng lửa trại, tất cả háo hức nghiêng người qua, chờ nghe một câu chuyện bất bình.

— Các chị không thể tin nổi đâu.

Khuôn mặt Marcia đỏ bừng, những giọt mồ hôi lấm tấm trên chân mày. Cô ấy thở như thể toàn bộ oxy đã biến mất, như thể họ đang ở trên độ cao khủng khiếp. Dây chằng và mũ bảo hiểm và đầu móc dây.

— Gì vậy? - Janet hỏi.

— Có ai làm chị buồn à?

Ngực Marcia phập phồng hít thở ồn ào, mặt dây chuyền hình chú gấu mạ vàng buông trên ngực cô ấy.

— Người trên không trung!

— Gì cơ?

— Có một người ở trên không trung, đang đi bộ.

— Ôi trời, - Gloria thốt lên.

Trong khoảnh khắc Claire cho là Marcia có thể hơi say, hoặc thậm chí là rất say - những ngày này ai mà biết được; có lẽ cô ấy đã nhai ít năm gì đó vào bữa sáng, hoặc uống chút vodka - nhưng trông cô ấy chẳng có vẻ gì là say cả, chỉ hơi đỏ mặt, mắt không đỏ, giọng cũng không líu nhíu. - Ở khu trung tâm ấy.

Dù Marcia có say hay không, bà cũng thầm cảm ơn cô và chút kích động này. Nó đã đưa bọn họ đi thật nhanh vào căn hộ. Êm xuôi hết mực. Giờ thì chẳng cần bận tâm đến những tế nhị, những ôi với a, những lúng túng ngượng nghịu, nào là những tấm rèm đẹp như mơ, nào là lò sưởi tuyệt quá, nào là vâng, phần tôi cho xin hai viên đường ạ, nào là ồ, thật là thoải mái dễ chịu, Claire ạ, rất dễ chịu, chiếc lọ hoa mới đáng yêu làm sao, và, ôi lạ

Chúa, có phải bức tranh trên tường vẽ chồng chị không đấy? Tất cả mọi kế hoạch trên thế giới này cũng không thể khiến phút làm quen ban đầu của họ diễn ra êm ả tự nhiên đến thế.

Bà nên làm gì đó, bà biết, để khiến họ cảm thấy được chào đón. Đưa khăn tay cho Marcia. Rót cho cô ấy cốc nước to mát lạnh. Cầm lấy những bông hoa từ tay Gloria. Mở hộp bày bánh ra. Trầm trồ khen ngợi những cái bánh mì vòng. Phải làm gì đó, bất kỳ điều gì. Nhưng giờ họ đang chú ý đến Marcia, chăm chăm nhìn ngực cô ấy nâng lên hạ xuống.

— Uống cốc nước nhé, Marcia?

— Vâng, xin chị. Ồ, đúng đấy.

— Có một người ở đâu cơ?

Những giọng nói nghe nhỏ dần. Mình thật ngớ ngẩn. Vào bếp, nhanh nhanh lên thôi. Bà không muốn bỏ lỡ từ nào. Tiếng rì rầm khẽ khàng từ phòng khách. Tới ngăn lạnh. Khay đá. Đáng ra phải đặt thêm mấy khay mới từ sáng mới phải. Chẳng hề nhớ đến. Bà đập mạnh khay xuống mặt bàn cẩm thạch. Ba, bốn viên đá. Một vài mảnh đá vụn vung vãi dọc bàn. Đá để đã lâu. Phần lõi đục mờ. Một viên đá trượt qua mặt bàn như thể tự giải thoát rồi rơi xuống sàn. Có nên làm thế không? Bà đưa mắt về phía phòng khách và nhặt viên đá lên. Bà nhẹ nhàng bước đến bồn rửa. Để vòi chảy trong giây lát, rửa sạch viên đá, cho vào cốc. Thường bà sẽ cắt thêm vài lát chanh nữa, nhưng giờ bà đi luôn ra khỏi bếp vào phòng khách, băng qua tấm thảm, với cốc nước trên tay.

— Của cô đây.

— Ồ, tốt quá. Cảm ơn.

Một nụ cười từ Janet, từ tất cả mọi người.

— Nhưng phà đây người, các chị biết đấy, - Marcia nói.

Bà hơi chạnh lòng khi Marcia chẳng buồn đợi bà đã bắt đầu kể, nhưng không sao cả. Phà từ đảo Staten, hẳn rồi.

— Khi đó mình đang đứng ngay đằng trước.

Claire lau tay vào hông áo, băn khoăn không biết nên ngồi chỗ nào. Liệu có nên tiến thẳng tới tâm điểm cuộc nói chuyện mà ngồi lên ghế sofa? Nhưng như thế có vẻ hơi quá, hơi tự phụ, ngay bên cạnh Marcia, chị ấy cứ nhìn chăm chăm thế kia. Nhưng đứng bên ngoài thì cũng sẽ bị để ý, như thể bà không phải một thành viên trong nhóm, cố tình tách biệt ra. Vậy thì, bà cần phải đi lại, không được bó mình quanh quẩn bên bàn café, phải đứng dậy và chuẩn bị đồ ăn thức uống, bày bừa sáng ra, lắng nghe yêu cầu của mọi người, khiến họ cảm thấy tự nhiên như ở nhà. Cafe hòa tan hay cafe xay? Có cho đường không?

Bà mỉm cười với Gloria và lách qua cô ấy, nhắc cái gạt tàn thuốc đặt ở tay ghế bánh ra, nhẹ nhàng đặt lên bàn, rồi ngồi xuống, cảm nhận bàn tay dày mộp của Gloria đặt trên lưng bà, khiến bà cảm thấy yên lòng.

— Xin mời cứ tiếp tục đi, cứ tiếp tục. Xin lỗi nhé.

— Lúc đó quá muộn rồi, không ngắm bình minh được nữa, nhưng tôi vẫn muốn đứng ở đó. Thật là đẹp. Cảnh thành phố. Vào giờ đó. Không biết liệu các chị đã từng được ngắm cảnh ấy chưa nhưng quả là tuyệt đẹp. Rồi tôi ngỡ như đang mơ giữa ban ngày vậy, thật đấy, khi chợt nhìn lên và thấy một chiếc trực thăng trên bầu trời, thì, các chị đều biết tôi cứ nhìn thấy trực thăng thì cảm thấy thế nào rồi đấy.

Họ đều biết, bầu không khí bỗng chùng xuống trong giây lát nhưng Marcia dường như chẳng để ý, và cô ấy ho một tiếng, một thoáng im lặng để tỏ lòng tôn kính, thật thế.

— Thế là mình quan sát chiếc trực thăng này, nó lơ lửng giữa trời, có vẻ như đang lưỡng lự. Không hẳn là bay giữa trời. Treo lơ lửng thì phải hơn. Cứ bay tới bay lui.

— Ôi lạy Chúa.

— Khi đó mình nghĩ phải tay thẳng Mike Junior nhà tôi thì hẳn nó lơ lửng thiện nghệ hơn nhiều, nó điều khiển máy bay giỏi hơn mà, ý mình là nó như Evel Knievel^[22] trong cánh lái trực thăng, ngài trung sĩ đã nói vậy. Rồi

mình nghĩ có lẽ có trục trặc gì chẳng, các cậu cũng biết đấy? Trông thật khiếp đảm. Các chị nghĩ xem, treo lơ lửng trên đó.

— Ôi, không, - Jacqueline nói.

— Mình không nghe được tiếng động cơ nên cũng không chắc có chuyện gì. Và lúc đó, đột nhiên, phía sau chiếc trục thẳng, mình nhìn thấy một đốm nhỏ. Chỉ nhỏ như một con côn trùng, mình thề đấy. Nhưng đó là một người đàn ông.

— Một người đàn ông ư?

— Như một thiên thần à? - Gloria hỏi.

— Một người bay?

— Người đàn ông thế nào kia?

— Đang bay sao?

— Ở đâu?

— Mình có cảm giác bất an.

— Đó là một anh chàng, - Marcia nói, - đi trên dây. Ý mình là, ngay lúc đó thì mình tôi cũng không biết đâu, mình không suy đoán ra, nhưng sự thực là có một anh chàng đi trên dây.

— Ở đâu?

— Suyt, suyt, - Janet ra hiệu. - Ở trên đó. Giữa hai tòa tháp. Cách mặt đất cả nghìn dặm. Bọn mình chỉ lơ mơ nhìn thấy anh ta.

— Anh ta đang làm gì vậy?

— Đang đi trên dây!

— Một người làm xiếc trên dây.

— Gì cơ?

— Ôi, lạy Chúa.

— Anh ta có bị rơi xuống không?

— Suyt.

— Ôi, đừng nói với mình là anh ta bị rơi xuống nhé.

— Suyt!

— Làm ơn đừng nói với mình là anh ta bị rơi xuống đấy.

— Suyt, - Janet ra hiệu cho Jacqueline.

— Nên mình đập nhẹ vào vai gã thanh niên đứng cạnh mình. Một trong những gã cột tóc đuôi ngựa. Và gã ta đã phản ứng thế nào chứ, các chị đoán được không? Xem ra gã vô cùng khó chịu vì mình làm gián đoạn giây phút chợp mắt hay mơ màng hay gì gì khác khi gã đứng ngay mũi tàu. Mình nói, nhìn kia. Gã hỏi lại, gì?

— Chao ôi!

— Rồi mình chỉ cho gã bóng người bay nhỏ bé đó, và rồi gã buông một từ rất tệ, cậu thứ lỗi cho mình chứ, Claire, vì mình lại nói ra từ ấy ở nhà cậu, xin lỗi nhé, nhưng gã đã nói: “Mẹ kiếp”.

Và Claire những muốn nói: Ôi, mình cũng sẽ nói thế, nếu mình được là chính mình. Mình sẽ nói xuôi nói ngược khắp dãy nhà, mẹ kiếp cái này, mẹ kiếp cái kia rồi mẹ kiếp mọi thứ, nói một lần, hai lần, ba lần. Nhưng tất cả những gì bà làm chỉ là mỉm cười với Marcia kèm theo cái gật đầu tỏ ý hoàn toàn chẳng có vấn đề gì khi nói từ mẹ kiếp, ở đại lộ Park, vào một ngày thứ Tư, trong một buổi sáng café, mà xét đúng ra thì đó có lẽ là từ tốt nhất để nói, trong hoàn cảnh này, có lẽ tất cả họ nên đồng thanh nói, cùng đồng ca từ ấy.

— Và rồi, - Marcia nói, mọi người xung quanh bắt đầu ngược nhìn lên, tôi thậm chí còn chẳng biết thuyền trưởng cũng đã bước ra từ lúc nào nữa, ông ta nhìn qua ống nhòm và nói, anh chàng đó ở trên đây.

— Thật chứ?

— Giờ thì các chị chỉ có thể tưởng tượng mà thôi nhé. Toàn bộ boong tàu chập kín người. Họ đi làm chuyến sớm mà. Vai sát vai. Và có

người đang đi trên dây. Giữa những tòa nhà mới đó, gọi là tháp gì gì của thế giới đấy.

— Thương mại.

— Trung tâm.

— Ồ , mấy tòa tháp đó à?

— Nghe mình nói nào.

— Thì những tòa nhà khổng lồ đó, - Claire nói.

— Và rồi cái gã trai, cái gã cột tóc đuôi ngựa...

— Cái gã “mẹ kiếp” ấy à? - Janet cười rúc rích.

— Ừ. Phải rồi, gã ta bắt đầu nói rằng gã chắc chắn, tới năm trăm năm mươi phần trăm, rằng đó là ảnh chiếu, rằng có ai đó đang chiếu hình lên bầu trời, có lẽ lấy bầu trời làm tấm phông chiếu màu trắng khổng lồ, và hình ảnh gốc từ chiếc trực thăng, được phát qua một loại máy quay hay gì đó, anh ta tuôn ra một tràng các thuật ngữ kỹ thuật.

— Một cái máy chiếu à?

— Kiểu như ti vi phải không? - Jacqueline hỏi.

— Trò xiếc, có lẽ thế.

— Mình nói với gã ta là họ không thể làm vậy từ trực thăng. Và gã ta nhìn mình, như là, gì nhỉ, các chị. Và mình nhắc lại với gã: Họ không thể làm vậy. Và gã nói, thế bà biết gì về trực thăng, hả bà cô?

— Không thể nào!

— Rồi mình nói với gã ta rằng gì chứ trực thăng thì mình còn hơn cả biết ấy chứ.

Quả là cô ấy có biết nhiều thật. Marcia biết nhiều khủng khiếp về trực thăng, ôi những chiếc trực thăng của cô ấy.

Cô ấy đã từng kể cho họ nghe, trong ngôi nhà của cô ấy ở đảo Staten, rằng Mike Junior đã thực hiện chuyến bay công vụ lần thứ ba của nó, một

chuyến bay công vụ thường lệ qua bờ biển Quy Nhơn, mang xì gà cho một vị tướng nào đó hoặc ai khác trên chiếc Huey cùng đội cứu thương số 57. Xì gà, các chị có tưởng tượng được không? Rồi tại làm sao máy bay cứu thương lại chở xì gà? Đó là loại trực thăng tốt lắm nhé, tốc độ cao nhất đạt tới chín mươi knot^[23] một giờ. Những con số rung lên trên lưỡi cô ấy. Nhưng chiếc trực thăng có trục trặc ở chỗ trụ lái, cô ấy nói, đoạn đi vào miêu tả chi tiết về động cơ rồi tỷ lệ bánh răng rồi chiều dài của hai cánh quạt bằng kim loại ở đuôi máy bay, trong khi vấn đề thực sự, vấn đề cốt lõi, là Mike Junior đã đâm phải đỉnh một cột gôn. Bao nhiêu chuyện không sao, thế mà vướng phải cột gôn khung thành, cách mặt đất chỉ gần hai mét - mà ai lại chơi bóng đá ở Việt Nam chứ? Cái trụ quay mòng mòng còn nó lóng ngóng hạ cánh, máy bay trượt nghiêng, nó bị đập mạnh vào đầu, gãy cổ, thậm chí chẳng có gì cháy nổ hết, chỉ là một vụ rơi trực thăng kỳ lạ, chiếc trực thăng vẫn còn nguyên vẹn; cô ấy đã hồi tưởng lại sự việc trong đầu cả nghìn lần rồi, và chuyện là thế, Marcia thường tỉnh dậy lúc nửa đêm mơ về một vị tướng nào đó cứ mở đi mở lại những hộp xì gà và tìm thấy những mảnh vụn của con trai cô ấy ở bên trong.

Cô ấy biết rõ những chiếc trực thăng, đúng vậy, và biết xót thương còn nhiều hơn thế.

— Nên, dù sao chẳng nữa, mình đã nói với gã ta là đi mà lo lấy việc của gã.

— Vậy à, - Gloria nói.

— Rồi thuyền trưởng nhìn qua ống nhòm và nói chắc với mọi người rằng đó không phải ảnh chiếu.

— Đúng đấy.

— Rồi khi đó mình chỉ nghĩ được rằng, có lẽ đó là con trai mình, nó đến để chào một câu.

— Ôi, không.

— Ôi.

— Lạy Chúa.

Tim bà nhói lên thương cho Marcia.

— Một người ở giữa không trung.

— Tưởng tượng xem.

— Thật dũng cảm.

— Đúng vậy. Đó là lý do khiến mình nghĩ đến Mike

Junior.

— Hãn rồi.

— Rồi anh ta có bị rơi xuống không? - Jacqueline hỏi.

— Suyt, suyt, - Janet ra hiệu. - Để chị ấy ấy nói nào.

— Mình chỉ hỏi thôi mà.

— Nên thuyền trưởng quay phà ra để mọi người có thể nhìn rõ hơn và rồi sau đó lái phà vào bến đỗ. Các chị biết đấy, nó vào ngay chỗ bức tường kè sông. Mình chẳng thể nhìn thấy gì từ đó. Góc nhìn bất lợi. Tầm nhìn bị che khuất. Tháp Bắc hay tháp Nam, mình không biết là tòa nào nữa, cũng không biết chuyện gì đang xảy ra nữa. Nên mình chẳng thèm nói với gã cọt tóc đuôi ngựa một lời nào nữa, cứ thế quay đi thôi. Mình gần như là người đầu tiên bước ra khỏi phà đấy. Mình muốn chạy thật nhanh tới xem con trai mình.

— Tất nhiên rồi, - Janet nói. - Ở trên đó, ở trên đó.

— Suyt, - Jacqueline ra hiệu.

Không khí trong phòng giờ trở nên căng thẳng. Chỉ cần thêm chút nữa là tất cả bùng nổ. Janet nhìn chăm chăm Jacqueline, cô này đang vuốt mái tóc đỏ buông dài như muốn phui đi một con ruồi, hay là một người bay, Claire hết nhìn người nọ đến người kia, lưỡng lự trước cảnh chiếc bàn bị lật ngược, lọ hoa bị vỡ. Và bà nghĩ, mình nên làm điều gì đó, nói gì chẳng, ấn cái van xả khí, nút thoát hiểm, thế rồi bà vươn người về phía Gloria cầm lấy

bó hoa, là dã yên thảo, những bông dã yên thảo tuyệt đẹp thân xanh rực được bó lại gọn gàng.

— Để tôi cắm hoa vào nước.

— Ủ, phải rồi, - Marcia nói, thờ phào.

— Tôi sẽ trở lại ngay thôi.

— Nhanh lên, Claire.

— Tôi quay lại ngay ấy mà.

Một hành động chính xác. Hoàn toàn, tuyệt đối. Bà rón rén đi về phía bếp nhưng dừng lại ở cửa. Vào hẳn bên trong thì xa quá, bà sẽ không nghe thấy gì. Lấy cố đi cắm hoa vào nước thật ngớ ngẩn quá. Đúng ra phải tìm cách trì hoãn thêm lát nữa. Bà tựa người vào cánh cửa lá sách, căng tai ra nghe.

— ... nên mình đã chạy qua bao nhiêu đường phố quanh co. Qua những nhà đấu giá, khu bán đồ điện tử rẻ tiền, những cửa hàng vải và những dãy nhà chung cư. Ai cũng nghĩ thế nào cũng thấy được mấy tòa tháp từ đó. Chúng thật khổng lồ mà.

— Một trăm tầng cơ mà.

— Một trăm mười.

— Suyt.

— Nhưng vẫn không nhìn thấy chúng. Có lúc thấy thấp thoáng nhưng góc nhìn vẫn khuất. Mình cố tìm một hướng nhìn trực tiếp nhất. Đáng lẽ từ đầu mình cứ đi dọc bờ sông thì hơn. Nhưng mình lại chạy, chạy thật nhanh. Con trai mình ở trên đó và nó đến để nói lời chào kia mà. Mọi người đều im lặng, kể cả Janet.

— Mình cứ nháo nhào quanh những góc phố, nghĩ có thể tìm được một góc nhìn tốt hơn. Tránh hướng này rồi hướng kia. Lúc nào cũng ngược nhìn lên. Nhưng vẫn chẳng thể thấy gì, cả trực thăng lẫn người đi trên dây.

Mình đã không còn chạy nhanh thế từ hồi học cấp hai. Ngược ngược cứ là nảy tung lên.

— Marcia!

— Thường ngày mình còn quên là có chúng nữa kia.

— Tôi thì chả gặp phải vấn đề đó, - Gloria lăm băm, ôm lấy ngực.

Tiếng cười bật lên giữa phòng và, trong một phút nhãng trí, Claire băng qua tấm thảm trở lại, tay vẫn cầm những bông hoa, nhưng chẳng ai để ý hết. Tiếng cười vẫn âm ỉ, một khúc ca hòa hợp vây trùm tất thảy, như vòng hoa chiến thắng nho nhỏ hình thành, đậu ngay dưới chân Marcia.

— Rồi tôi thôi không chạy nữa, - Marcia nói.

Claire ngồi xuống ghế sofa. Không cắm hoa vào nước cũng chẳng sao. Không đun lại nước cũng chẳng sao. Không mang ra lọ hoa cũng chẳng sao. Bà nghiêng người tới nhập cùng những người bạn.

Môi Marcia khẽ run lên, chút run sợ báo hiệu chẳng lành.

— Mình đông cứng lại. Chết sững giữa đường. Mình suýt bị xe tải chở rác đâm phải. Mình chỉ đứng đó, chống hai tay trên gối, cảm mắt xuống đất mà thờ đốc. Các chị có biết tại sao không? Để tôi nói các chị nghe.

Lại khoảng lặng.

Tất cả đều nghiêng tới trước.

— Bởi vì mình không muốn biết liệu cậu bé tội nghiệp có bị rơi xuống hay không.

— À, ừ, - Gloria thốt lên.

— Mình chỉ không muốn nghe tin cậu ta đã chết.

— Tôi vẫn đang nghe chị đây.

Là giọng của Gloria, nghe như chị ấy đang ở trong buổi lễ nhà thờ. Những người khác chậm rãi gật đầu trong khi chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi kêu tích tắc.

— Mình không thể chịu đựng nổi ý nghĩ đó.

— Quả thế.

— Và nếu cậu ấy không bị rơi xuống...

— Nếu cậu ấy không, không... ?

— Tôi không muốn biết.

— Ừ, Chị hiểu ý tôi rồi đấy.

— Vì nếu bằng cách nào đó cậu ta vẫn ở trên đó hay xuống đất an toàn, thì cũng chẳng can hệ gì. Nên mình dừng lại, quay trở lại tàu điện ngầm và đến đây mà chẳng liếc mắt nhìn lại lần nào.

— Làm vậy là đúng.

— Bởi vì nếu cậu ấy còn sống thì cũng chẳng thể là Mike Junior.

Tất cả sự việc giống như một tiếng cửa đóng sầm nơi lồng ngực. Quá sát sườn. Trong các buổi sáng uống café của họ trước đây, câu chuyện luôn luôn xa xôi, thuộc về quá khứ, cuộc chuyện trò, ký ức, hồi tưởng, những câu chuyện, vùng đất xa xôi, nhưng lần này lại là câu chuyện của hiện tại và hiện thực, mà tệ hại nhất là họ không biết số phận của người đi trên dây, không biết anh ta nhảy xuống hay ngã xuống hay trở xuống an toàn; hay còn thông dong bước đi trên đó, hay ít ra là còn ở trên đó hay không; hay đây thật ra chỉ là một câu chuyện, một ảnh chiếu, hoặc toàn bộ sự việc chỉ do chị ấy dựng nên, họ không biết, có lẽ anh ta muốn tự sát, có lẽ từ trực thăng có thả móc gắn vào người anh ta phòng khi ngã, có lẽ có chiếc kẹp gắn trên sợi dây để giữ lấy anh ta, hoặc có lẽ có lẽ có lẽ sẽ có một có lẽ khác, có lẽ thế.

Claire đứng dậy, đầu gối hơi run run. Mất phương hướng. Những giọng nói xung quanh bà trở nên mơ hồ. Bà ý thức được chân mình đang trên tấm thảm dày. Chiếc đồng hồ vẫn đang chạy nhưng bà chẳng nghe được âm thanh nào nữa.

— Tôi nghĩ giờ tôi đi cắm hoa vào nước đây, - bà nói.

NÓ VIẾT THƯ kể cho bà nghe về những cuộc chiến xâm nhập giành quyền truy cập tài khoản vào lúc đêm khuya. Bốn giờ sáng, giờ làm việc cuối ngày của nó, dưới ánh đèn huỳnh quang, cắt mã khóa, thi thoảng một bức điện vụt đến. Hầu hết những chỉ dẫn là từ các thành viên trong đội của nó, họ ngồi cách nó vài bàn, đang chạy những chương trình khác, làm chuyện kiểm đếm chiến tranh, hay đơn thuần là giết thì giờ; nào là phá mật mã của một anh chàng khác lập ra, thử năng lực của tay đó, tìm ra điểm yếu của hắn. Vô hại, thực sự là vậy, Joshua nói.

Charlie^[24] và cánh Việt Cộng không có máy tính. Họ sẽ không đột nhập qua đèn cathode và bóng bán dẫn.

Nhưng đường dây điện thoại lại nối với công ty PARC, Washington, D. C., và cả vài trường đại học nữa, nên thỉnh thoảng có thể xuất hiện một gã trượt tuyết độc hành - nó gọi bọn họ là những gã trượt tuyết, bà cũng chẳng hiểu vì sao nữa - từ đâu đó đột nhập vào và phá hỏng các thứ, đã một hai lần họ đột kích nó. Có lẽ con trai bà đang cố tạo ra đường tín hiệu trùng lặp hay đoạn mã xóa dữ liệu. Và nó lọt vào vùng dữ liệu. Nó cảm thấy như là đang trượt xuống thành cầu thang, thực vậy. Chỉ có tốc độ và sức mạnh nguyên thủy. Thế giới ở trạng thái thư giãn và hoàn toàn đơn giản. Nó là phi công thực nghiệm cho một vùng biên giới mới. Mọi thứ đều có thể xảy ra. Thậm chí có thể là nhạc jazz. Tất cả nằm dưới các đầu ngón tay. Nó duỗi những ngón tay ra và đột nhiên một hòa âm mới xuất hiện. Và cũng đột ngột như thế, chúng biến mất trước mắt nó. *I want a cookie!* Hoặc: *Repeat after me, Bye-bye Blackbird.* Hoặc: *Watch me smile*^[25]. Nó nói chuyện cũng giống như Beethoven sau khi viết vội vàng bản giao hưởng số Chín. Ông ta đang thoải mái đi dạo giữa đồng quê thì đột nhiên những tờ nhạc bị gió cuốn đi. Nó ngồi lì ở ghế nhìn chăm chăm vào chiếc máy tính. Con trỏ nhấp nháy trên màn hình máy điện toán đã xơi gọn những gì nó đã làm. Mật khẩu của nó bị nhai tóe tẹt. Không có cách nào để ngăn lại. Sự khiếp sợ trào lên nơi

cổ họng nó. Nó chỉ biết nhìn mọi thứ leo qua những ngọn đồi và biến mất trong hoàng hôn. *Hãy trở lại, trở lại, trở lại đi, tôi còn chưa nghe được gì từ các anh mà.*

Thật kỳ lạ khi nghĩ đến chuyện có một ai khác ở đầu kia những đường dây. Giống như có tên trộm lén vào nhà và ướm thử đôi dép lê của nó. Còn tệ hơn thế ấy chứ. *Ai đó đi vào trong da thịt con, mẹ ạ, lấy hết ký ức của con.* Luồn lách ngay trong cơ thể nó, lên tủy sống, vào trong đầu, sâu bên trong hộp sọ, đi qua những khớp thần kinh, vào trong những tế bào não. Bà có thể hình dung ra nó đang nghiêng người về phía trước, miệng kề sát màn hình máy tính, môi cứng lại. *Các anh là ai?* Nó có thể cảm thấy những kẻ xâm nhập dưới những đầu ngón tay của nó. Những ngón cái gõ lên xương sống nó. Những ngón trỏ ở trên cổ nó. Nó biết họ là người Mỹ, những kẻ xâm nhập ấy, nhưng nó lại xem họ như người Việt Nam - nó phải làm vậy - coi họ là dân Châu Á hết. Đó là cuộc chiến giữa nó và máy tính của nó với một chiếc máy khác. *Thôi được, okay, giờ các anh bắt thóp được tôi, nhưng tới lượt tôi tiêu diệt các anh đây.* Rồi nó lại nhảy luôn vào cuộc đấu.

Còn bà tới bên tủ lạnh và đọc những lá thư của con, thỉnh thoảng mở ngăn đá ra để hơi lạnh làm nó bình tĩnh lại. *Sẽ ổn thôi, con yêu, con sẽ giành lại được.*

Và nó đã làm được. Joshua luôn giành lại được. Nó sẽ gọi cho bà vào những giờ rảnh rỗi, khi nó đang phấn chấn, khi nó giành chiến thắng trong một trận chiến xâm nhập tài khoản. Những cuộc gọi đường dài qua tổng đài như thế thường bị đội âm. Con chẳng tốn đồng nào, nó kể. Đội của nó có một tổng đài cho phép dùng nhiều đường dây một lúc. Nó nói nó từng nghe trộm đường dây hay vọc phá chút đỉnh thông qua số điện thoại tuyến quân chỉ cho vui. *Đó chỉ là một hệ thống, nó giải thích, mà hệ thống là để khai thác.* Con vẫn ổn, mẹ ạ, cũng không tệ lắm, họ đối xử với chúng con tử tế, nói với bố con là ở đây họ thậm chí còn có đồ ăn làm riêng theo giới luật Do Thái nữa. Bà chăm chú lắng nghe giọng nói ấy. Khi sự phấn chấn đã giảm bớt, giọng nó có vẻ mệt mỏi, thậm chí là xa cách, cách nói năng cũng khác. *Kìa mẹ, con ngon lành mà, mẹ đừng có đồng bóng thế.* Từ khi nào nó dùng

từ đồng bóng vậy? Trước nay nó luôn thận trọng trong lời ăn tiếng nói. Gói ngôn từ trong cái vỏ diêm dứa chặt chẽ của cư dân khu đại lộ Park. Chẳng bao giờ nó kéo dài giọng hay dùng âm mũi. Nhưng giờ lời lẽ của nó thô mẫn hơn và cách phát âm cũng kéo dài ra. *Con cũng sẽ thuận thế theo thời thôi, nhưng sao cứ như con đang lái chiếc xe tang của một người khác, mẹ ạ.*

Liệu nó có biết chăm sóc cho bản thân không? Nó có được ăn uống no đủ không? Nó có biết giữ cho quần áo sạch sẽ không? Nó có bị sụt cân không? Mọi thứ đều khiến bà bận tâm. Bà thậm chí còn đặt thêm một chiếc đĩa trên bàn ăn tối dành cho Joshua. Solomon chẳng hỏi gì. Việc đó và chiếc tủ lạnh của bà nữa, là những cách biểu đạt nho nhỏ của riêng bà.

Bà cố không tỏ ra bất cứ khi những lá thư của con trai bắt đầu thưa thớt. Nó chẳng gọi về suốt một hoặc hai ngày. Rồi ba ngày liên tiếp. Bà cứ ngồi nhìn chăm chăm vào chiếc điện thoại, cầu mong nó đổ chuông. Khi bà đứng dậy, những ván sàn kẽ rên rĩ. Nó bận, nó nói vậy. Có một đợt tấn công dữ liệu điện tử. Xuất hiện thêm nhiều nốt trong mạng lưới điện tử. Nó nói cái đó giống như một chiếc bảng thần kỳ. Thế giới vừa rộng lớn hơn lại vừa bé nhỏ đi. Một kẻ nào đó đã xâm nhập và phá hủy những bộ phận trong chương trình của chúng nó. Đó là một cuộc hỗn chiến, một trận đấu quyền Anh, một cuộc cưỡi ngựa đấu thương thời Trung Cổ. *Con đang ở tiền tuyến, mẹ ạ. Con đang ở trong chiến hào.* Một ngày nào đó, nó nói, những chiếc máy sẽ cách mạng hóa cả thế giới. Nó đang giúp những lập trình viên khác. Chúng đăng nhập vào hệ thống qua bảng điều khiển rồi lưu lại đó. Đang có một cuộc đấu với những người phản đối chiến tranh, họ cố lên vào máy của chúng. Nhưng những chiếc máy đâu có gì xấu xa, nó nói, đầu óc những vị quyền cao chức trọng đứng đằng sau mới xấu. Một chiếc máy chẳng ác độc gì hơn cây đàn vĩ cầm, hoặc chiếc máy ảnh, hoặc cây bút chì. Điều mà những kẻ xâm nhập không hiểu được là họ đã tìm sai địa chỉ. Thứ họ cần tấn công không phải công nghệ, mà chính là chủ tâm của con người, xem cái tâm địa đó hư hỏng ở đâu, thiếu sót chỗ nào.

Bà phát hiện ra một chiều sâu mới ở con trai, một sự vô tư ngay thẳng. Chiến tranh thật vô nghĩa, nó nói. Những lão già không dám nhìn mình trong gương nữa, thế là đẩy những người trẻ đến chỗ chết. Chiến tranh đồng hành cùng tuyệt vọng. Họ muốn chúng con nhìn nhận nó thật đơn giản - chỉ cần biết căm ghét kẻ thù, không cần biết gì về kẻ thù đó. Đó là, nó khẳng định, thứ chiến tranh không-mang-tính-Hoa-Kỳ nhất, không vì lý tưởng nào, chỉ nhằm đánh bại đối phương. Hiện chương trình đếm số tử vong Death Hack đã đếm được hơn bốn mươi nghìn người, và con số còn tiếp tục tăng. Đôi khi nó in những cái tên ra.

Mang chúng lên lên xuống xuống cầu thang. Đôi khi nó ước có ai đó sẽ xâm nhập vào chương trình của nó từ bên ngoài, nhai gọn cái chương trình đó rồi phun ra lại mọi thứ, trả sự sống về cho những thanh niên đó, nhà Smith, nhà Sullivan, anh em nhà Rodriguez, những người cha và anh em họ hàng và cháu chắt, và rồi nó lại phải làm riêng một chương trình cho Charlie, một bảng mẫu tự hoàn toàn mới của cái chết, những Ngo, Ho, Phan, Nguyen - việc ấy chẳng chán ngắt hay sao?

— Chị ổn chứ, Claire?

Một cái chạm khẽ vào khuỷu tay bà. Là Gloria.

— Giúp chị nhé?

— Gì cơ?

— Chị muốn giúp một tay không?

— Ồ, không. Mà vâng, cảm ơn.

Gloria. Gloria. Gương mặt tròn trịa đáng mến ấy. Mắt đen, ướt, hầu như lúc nào cũng vậy. Một gương mặt biểu cảm. Trông rộng lượng. Nhưng thoáng chút bất an. Nhìn mình. Nhìn chị ấy. Bị bắt quả tang rồi. Mơ giữa ban ngày. *Giúp ư?* Trong giây lát bà suy nghĩ Gloria muốn *làm người giúp việc*. Quá táo bạo. Hai đô bảy mươi lăm một giờ đồng hồ, cho Gloria. Rửa dọn chén bát. Lau sàn nhà. Khóc thương những cậu bé của chúng ta. Đứng là những việc tẻ ngắt.

Bà với tay lên nóc tủ ly, lấy ra cái bình pha lê Waterford. Những đường vân phức tạp. Những người đàn ông ở một xứ xa xôi đã làm ra nó. Những người đó đâu có gì là man dã hay kém văn minh. Ừ, hoa cắm vào bình này thì hợp lắm đây. Bà đưa cho Gloria, cô ấy mỉm cười, cho hoa vào bình.

— Chị biết nên làm thế nào không, Claire?

— Gì cơ?

— Nên cho một ít đường vào dưới đáy. Nó sẽ giữ hoa tươi lâu hơn.

Trước giờ bà chưa từng nghe nói vậy. Nhưng có vẻ có lý. Đường. Để giữ cho hoa sống. Thế hãy đổ đường vào những cậu bé của chúng ta. *Charlie và nhà máy sôcôla* của ông ấy. À mà ai đã gọi người Việt Nam là *Charlie* nhỉ? Ở đâu nhỉ? Trên đài phát thanh, có lẽ vậy. Charlie Delta Epsilon^[26]. Pháo tới, pháo tới, pháo tới.

— Nếu cắt bớt cuống hoa thì còn để được lâu hơn nữa, - Gloria nói.

Gloria tháo bó hoa, trải hoa trên giá úp đĩa, lấy một con dao nhỏ trên mặt bàn bếp và cắt bớt từ mỗi bông một đoạn cuống nhỏ rồi gọt những mẫu cuống hoa vào lòng bàn tay, mười hai mẫu xanh nhỏ bé.

— Thật đáng kinh ngạc, phải không?

— Cái gì cơ?

— Thì cái anh chàng giữa không trung ý.

Claire tựa người vào quầy bếp. Thở thật sâu. Đầu óc bà cứ quay cuồng. Bà chẳng rõ nữa, chẳng rõ gì hết. Cứ thấy bất bình dai dẳng về anh chàng đó. Sự xuất hiện của anh ta có điều gì đó khiến bà thấy nặng nề, hoang mang.

— Đáng kinh ngạc, - bà đồng tình. - Ừ. Đáng kinh ngạc.

Nhưng bà không thích ở điểm gì chứ? Đáng kinh ngạc, đúng vậy. Một nỗ lực vì cái đẹp. Sự giao cắt của một con người với thành phố, không gian chung đột ngột thay đổi, trở nên được yêu chuộng, thành phố như một

thứ nghệ thuật. Đi ở trên đó và làm mọi thứ trở nên mới mẻ. Tạo nên một không gian hoàn toàn khác. Nhưng ở trong hành động ấy có cái gì đó cứ giày vò. Bà ước gì mình không cảm thấy vậy, nhưng bà chẳng thể lay chuyển được, ý nghĩ về cái người ở trên cao kia, là thiên thần hay quỷ dữ. Mà việc tin vào thiên thần hay quỷ dữ thì đâu có gì sai chứ, tại sao Marcia lại không thể tin như vậy, tại sao thấy người thanh niên nào ở giữa không trung cô ấy cũng nghĩ là con trai mình? Tại sao Mike Junior lại không thể xuất hiện trên đây chứ? Có gì là không được nào? Tại sao Marcia được phép làm đứng lại thời khắc ấy, thời khắc con trai cô ấy đã trở lại?

Vẫn chỉ là nỗi chua chát.

— Còn gì nữa không, Claire?

— Không, không, ổn lắm rồi.

— Vậy thì được rồi. Đã xong.

Gloria mỉm cười và nhắc lọ hoa lên, đi tới bên cánh cửa lá sách, dùng thân người vâm váp ấy nó ra.

— Tôi ra ngay đây, - Claire nói.

Cánh cửa đung đưa khép lại.

Bà thu dọn những chiếc cốc, đĩa và thìa. Sắp xếp lại gọn gàng. Gì chứ? Người đi trên đây? Thật tầm thường. Hoặc không. Một trò rẻ tiền thì phải hơn. Hoặc cũng không rẻ tiền cho lắm. Bà cũng chẳng rõ phải xem trò ấy là gì nữa. Cứ nghĩ ngợi theo hướng này thì thật nhỏ mọn. Rõ ràng là ích kỷ. Bà ý thức rất rõ việc bà có cả buổi sáng để làm những điều mọi người vẫn thường làm vào các buổi sáng họp mặt khác - mang những cuốn album ra, chỉ cho họ cây đàn piano mà Joshua vẫn thường chơi, mở những quyển sổ lưu niệm ra, đưa họ chỉ họ xem hình của nó trong quyển kỷ yếu. Đó là những điều mọi người đã làm đi làm lại ở nhà Gloria, nhà Marcia, nhà Jacqueline, thậm chí cả nhà Janet, nhất là ở nhà Janet, họ đã được xem hẳn một loạt ảnh chiếu và sau đó tất cả cùng khóc trước cuốn thơ *Casey at the Bat* đã gây cả gáy.

Bà duỗi bàn tay chống lên quầy bếp. Những ngón tay choãi ra ấn xuống bàn.

Joshua. Có phải cái tên ấy đã khiến bà day dứt? Có phải bởi họ chưa nhắc đến tên nó? Có phải bởi nó đã chẳng hiển hiện trong suốt cuộc trò chuyện buổi sáng nay? Có phải bởi cho đến lúc này họ đã hoàn toàn lờ nó đi, nhưng không, không phải thế, vậy thì là cái gì?

Thôi đủ rồi. Đủ rồi. Bưng khay lên. Đừng nghĩ nhảm nhí nữa. Mọi thứ đang thật tuyệt. Nụ cười đó của Gloria. Những bông hoa tuyệt đẹp.

Ra ngoài.

Bây giờ.

Đi thôi.

Bà bước vào phòng khách rồi sững lại. Họ đã về rồi, tất cả họ, đều đã ra về. Suýt nữa bà làm rơi cái khay. Những chiếc thìa đập vào rìa khay lách cách. Chẳng còn một ai ở đó nữa, kể cả Gloria. Sao lại như vậy chứ? Sao họ lại đột ngột biến mất như vậy? Giống như một trò chơi thời thơ ấu, tưởng như họ có thể nhảy ra từ tủ để đồ bất cứ lúc nào, hay từ sau ghế sofa bất ngờ lộ ra một loạt những khuôn mặt hóa trang kiểu lễ hội để ném bong bóng chứa nước đùa vui.

Trong khoảnh khắc, có cảm giác như bà chỉ vừa mơ thấy họ. Họ đến thăm bà, chẳng cần được mời, và rồi họ lại lên đi.

Bà đặt chiếc khay xuống bàn. Bình trà trượt xuống, một ít bột trà bắn ra ngoài. Những chiếc túi xách vẫn còn kia, một điều thuốc đang cháy dở trong chiếc gạt tàn.

Phải đến lúc đó bà mới lại nghe thấy những tiếng nói, và bà tự quở trách mình. Tất nhiên rồi. Sao mình ngớ ngẩn vậy nhỉ. Có tiếng gió đẩy cửa sau và cửa mái sập mạnh. Đáng ra bà phải để cửa mở để mọi người hưởng gió mát mới phải.

Đi dọc hành lang. Những dáng hình phía ngoài những ô cửa trên cao. Bà leo những bậc thang cuối cùng, hòa cùng bọn họ đang ở trên mái nhà.

Tất cả đều đang nghiêng người qua bức tường, nhìn về hướng nam. Chẳng có gì cả, tất nhiên rồi, chỉ là sương mù và đỉnh tòa nhà New York General.

— Không thấy dấu hiệu gì của anh ta ư?

Bà biết chắc rằng sẽ chẳng nhìn thấy gì, kể cả vào những ngày quang đãng nhất, nhưng thật dễ chịu khi tất cả cùng quay đầu lại phía bà và lắc đầu, không thấy.

— Chúng ta thử nghe đài xem, - bà nói, đi lướt tới sau họ. - Có lẽ sẽ có trên mục tin tức.

— Ý tưởng được đấy, - Jacqueline tán thành.

—Ồ, không, - Janet phản đối. - Tôi không muốn nghe đâu.

— Mình cũng vậy, - Marcia đồng tình.

— Cũng có thể không có trên bản tin.

— Dù sao chẳng nữa cũng chưa có đâu.

— Mình không nghĩ vậy.

Họ đứng im lặng trong giây lát, nhìn về hướng nam, như thể họ vẫn có thể khiến anh ta bất ngờ hiện ra.

— Café nhé các chị? Hay trà?

— Lạy Chúa, - Gloria vừa nói vừa nháy mắt, - tôi cứ nghĩ là chị sẽ chẳng hỏi đến cơ đấy.

— Nhắm nháp chút gì đi, ừ.

— Bình tĩnh lại chưa?

— Rồi, rồi.

— Ổn chưa, Marcia?

— Xuống tầng nhé?

— Ừ, ôi trời. Trên này còn nóng hơn cả dự đám cưới vào tháng bảy ấy chứ.

Mọi người dìu Marcia xuống cầu thang trong, qua lối cửa cho người hầu, trở lại phòng khách, Janet đỡ một bên tay, bên kia là Jacqueline, Gloria theo sau.

Trong cái gạt tàn ở ghế bành, điều thuốc gần tàn hết trông như một người sắp suy sụp và gục ngã. Claire dụi nó đi. Bà nhìn những người bạn sột soạt chen nhau ngồi trên ghế sofa, quàng tay qua người nhau. Liệu có đủ chỗ không? Sao bà lại vô tâm thế không biết? Có nên mang cái ghế nệm hơi từ phòng Joshua ra không nhỉ? Đặt nó dưới sàn để bà lại có thể đắm chìm trong những hồi ức xa xôi về con trai?

Cái anh chàng đi trên dây này, bà không tài nào giữ sạch hình bóng anh ta được. Đầu óc bà sôi sùng sục vì bất bình. Bà biết mình thật ích kỷ, nhưng bà không thể nào dứt ra được. Sẽ ra sao nếu anh ta rơi trúng một ai đó ở bên dưới? Bà còn nghe nói vào ban đêm lũ chim hay bay tới ẩn náu trong những tòa nhà của Trung tâm Thương mại Thế giới, bị thu hút bởi ánh phản chiếu của chúng trên kính, cứ thế đâm vào rồi rơi xuống. Liệu anh ta có bị chúng đâm phải không?

Thôi đi. Đủ rồi.

Tĩnh táo lại. Nhặt tất cả những chiếc lông chim ấy đi. Nhẹ nhàng thả chúng lên trời trở lại.

— Những chiếc bánh mì vòng ở trong túi kia kìa, Claire. Còn có cả bánh rán nữa đấy.

— Thật tuyệt. Cảm ơn nhé.

Những điều tế nhị nho nhỏ.

— Lạy Chúa đáng kính, trông chúng kìa!

— Kìa, trông thích quá.

— Tôi đã béo lắm rồi đây này.

— Ồ, thôi nào. Tôi chỉ ước có được thân hình như chị thì có.

— Vậy thì cứ giữ lấy nó và chạy thử mà xem, - Gloria nói. - Đảm bảo là nó xổ xề ra.

— Không, không đâu, khổ người chị nhìn rất đáng mến. Tuyệt vời.

— Thôi đi nào!

— Nhưng thật sự là thế đấy.

Căn phòng thoáng im lặng vì lời nói dối vô hại ấy. Mọi người nhãng khỏi chủ đề đồ ăn thức uống. Họ đưa mắt nhìn nhau. Một thoáng mở lòng. Tiếng còi xe cấp cứu vang bên ngoài cửa sổ. Sự tĩnh lặng biến mất, những ý nghĩ hình thành trong đầu họ như nước khuôn hình trong bình.

— Như thế, - Janet nói, với lấy chiếc bánh nhân. - Không phải tôi nghĩ gở hay gì đâu...

— Janet!

— ... tôi không muốn nghĩ gở...

— Janet McIniff... !

— ... nhưng các chị có nghĩ là anh ta đã rơi xuống không?

— Ôi lạy Chúa! Ở đâu ra ý nghĩ khủng khiếp vậy?

— Khủng khiếp ư? Là tôi nghe tiếng còi xe cấp cứu nên...

— Không sao, - Marcia nói. - Mình ổn. Thật đấy. Đừng lo cho mình.

— Chúa ơi! - Jacqueline thốt lên. - Tôi chỉ hỏi thôi mà.

— Thật đấy, không sao, - Marcia nói. - Thực ra thì chính bản thân mình cũng đang nghĩ thế.

— Ôi lạy Chúa, - Jacqueline lại thốt lên, giọng nói kéo dài như cao su. - Không thể tin nổi là chị lại nói thế.

Claire ước gì mình biến mất khỏi nơi này, tới một nơi nào đó thật xa, một bãi biển, một bờ sông, một chốn hạnh phúc, nơi nào có Joshua, một khoảnh khắc được ăn náu, một cái chạm tay của Solomon.

Ngồi đây mà hoàn toàn chẳng hề tồn tại đối với họ. Thế thì hãy để lại họ với nhau thôi.

Có lẽ, phải rồi, chỉ đơn thuần là ích kỷ. Họ đã không để ý đến tấm mezuzah trên cửa, bức tranh vẽ Solomon, không nói một lời nào về căn hộ, chỉ biết lao vào và bắt đầu chuyện của họ. Họ thậm chí còn trèo lên nóc nhà mà chẳng hề xin phép. Có lẽ cái kiêu của họ thế, hay có lẽ họ đã bị những bức tranh, những đồ vật, món đồ bạc và những tấm thảm làm mờ mắt. Chắc chắn là còn những cậu ấm chân son khác bị đẩy vào chiến tranh. Đâu phải đứa nào cũng bị chứng bàn chân bệt^[27] đâu. Có lẽ bà nên gặp gỡ những người phụ nữ khác, những người có nhiều điểm tương đồng với bà hơn. Nhưng tương đồng hơn về cái gì cơ chứ? Cái chết, đó là sự bình đẳng lớn nhất dành cho tất cả mọi người. Là nỗi phiền muộn lâu đời nhất của cuộc sống. Xảy đến với tất cả chúng ta. Giàu và nghèo. Béo và gầy. Cha và con gái. Mẹ và con trai. Bà cảm thấy nhói đau, một hồi ức sống dậy. *Mẹ, con viết để báo với mẹ là con đã đến nơi an toàn*, thư đã bắt đầu như thế. Nhưng rồi đoạn cuối nó đã viết: *Mẹ, nơi này là một nơi trống rỗng, họ đã lấy đi hết tất cả và chẳng để lại cho con gì hết*. Ôi. Ôi. Hãy đọc tất cả thư từ của nhân loại, những bức thư tình, thư hận, thư vui, rồi đặt chúng cạnh một trăm ba mươi bảy bức mà con trai tôi đã viết cho tôi, đặt chúng sát cạnh nhau, Whitman và Wilde và Wittgenstein và bất kỳ ai, cũng không sao cả - không có sự so sánh nào hết. Tất cả những điều nó từng nói! Tất cả những gì nó có thể nhớ được! Tất cả những gì nó chạm tay đến!

Đó là điều các cậu con trai làm: viết kể cho mẹ chúng những hồi ức, tự kể cho bản thân về quá khứ cho đến khi chúng nhận ra rằng chúng *chính là* quá khứ.

Nhưng không, không phải quá khứ, không phải nó, chưa bao giờ.

Quên những lá thư đi. Hãy để máy móc của chúng ta chiến đấu. Các ông có nghe tôi nói không? Hãy để máy móc ra trận. Hãy để chúng đối mặt qua những đường dây. Hãy để những cậu bé ở nhà.

Để cậu bé của tôi ở nhà. Của Gloria nữa. Và của Marcia. Cứ để nó đi trên dây nếu nó muốn. Để nó trở thành một thiên thần. Cậu bé của Jacqueline nữa. Của Wilma. Không phải Wilma, không phải. Không có ai tên Wilma cả. Janet chứ. Nhưng rồi có lẽ cũng có một Wilma cùng cảnh ngộ. Có khi là hàng nghìn Wilma trên khắp đất nước ấy chứ.

Chỉ cần trả lại con cho tôi. Đó là tất cả những gì tôi muốn. Đưa nó trở lại. Cho tôi. Ngay bây giờ. Hãy để nó mở cửa và chạy qua tấm mezuzah, hãy để cây đàn piano lại vang rền những nốt nhạc. Hãy tái tạo những gương mặt đáng yêu tươi trẻ. Không khóc lóc, không thét gào, không rên rỉ. Mang chúng trở lại đây ngay bây giờ. Tại sao tất cả những cậu bé của chúng tôi lại không xuất hiện trong căn phòng này cùng một lúc chứ? Xóa bỏ mọi ranh giới. Tại sao chúng lại không cùng ngồi bên nhau chứ? Những chiếc mũ nồi đặt trên đầu gối. Một thoáng thẹn thùng. Những bộ quân phục nhàu nhia. Các con chiến đấu cho đất nước của chúng ta, tại sao lại không làm lễ kỷ niệm ở đại lộ Park này chứ? Café hay trà, hả các cậu bé? Một thìa đường có thể giúp thuốc trôi xuống đấy.

Toàn bộ cuộc nói chuyện về tự do này. Thật vô nghĩa, thật thế. Tự do không phải là thứ để cho đi, mà là thứ để nhận về.

Tôi sẽ không nhận lọ tro này đâu.

Các ông có nghe tôi không đấy?

Lọ tro này đâu phải con trai tôi.

— Chuyện gì vậy, Claire?

Dường như bà lại vừa tỉnh dậy từ một cơn mê. Bà đang nhìn họ, những cái miệng mấp máy, những khuôn mặt động đậy, nhưng chẳng nghe được họ đang nói gì nữa, tranh luận gì gì đó về người đi trên dây, liệu sợi dây có được gắn vào người anh ta hay không, bà đã trôi ra ngoài câu chuyện. Được gắn với cái gì cơ? Giày của anh ta? Trục thẳng? Hay bầu trời? Bà co vào duỗi ra mấy ngón tay, bà nghe tiếng lạo xạo khe khẽ khi xòe tay ra.

Xương bà cần nhiều canxi hơn, bác sĩ tài ba Tonnemann đã nói vậy. Đúng là canxi. Hãy uống nhiều sữa, các con ta sẽ chẳng bỗng dưng biến

mất.

— Chị ổn chứ? - Gloria hỏi.

—Ồ, tôi vẫn khỏe, - bà đáp, - chỉ lơ mơ chút mà thôi. - Tôi biết cái cảm giác đó.

— Thỉnh thoảng tôi cũng bị như vậy, - Jacqueline nói.

— Cả tôi nữa, - tiếng Janet.

— Việc đầu tiên của tôi vào mỗi sáng, - Gloria giải bày, - là bắt đầu mơ. Không thể làm vậy vào buổi tối. Tôi đã từng mơ suốt ngày. Giờ thì tôi chỉ có thể mơ vào ban ngày.

— Chị nên uống thuốc gì đó, - Janet khuyên.

Claire không thể nhớ nổi bà đã nói những gì - liệu bà có khiến họ bối rối, có nói điều gì đó ngớ ngẩn, không phải phép chằng? Janet nói như thể bà nên uống thuốc trị liệu vậy. Cũng có thể lời khuyên ấy dành cho Gloria chằng? Đây, hãy uống cả trăm viên thuốc, chúng sẽ chữa lành những buồn khổ của chị. Không. Bà không bao giờ muốn thế. Bà muốn dập dút nó như một cơn sốt. Nhưng bà đã nói gì nhỉ? Một điều gì đó về người đi trên dây? Bà có nói thành tiếng không? Rằng dẫu sao anh ta cũng thật tầm thường? Điều gì đó về lọ tro? Hay thời trang? Hay những đường dây?

— Chuyện gì vậy, Claire?

— Tôi chỉ đang nghĩ về anh chàng tội nghiệp đó thôi, - bà buột miệng.

Bà những muốn tự đá cho mình một cái vì đã lại đưa anh ta trở lại cuộc nói chuyện. Chỉ khi nào bà cảm thấy rằng họ đã thoát ra khỏi chuyện này, buổi sáng mới có thể trở lại đúng nghĩa của nó, bà sẽ kể cho họ nghe về Joshua, rằng nó thường ăn bánh kẹp cà chua, món ăn ưa thích của nó mỗi khi đi học về, hay rằng nó chẳng bao giờ biết bóp kem đánh răng đúng cách, hay chuyện nó luôn đặt hai chiếc tất vào trong một chiếc giày, hay một câu chuyện ở sân chơi, hay một đoạn nhạc piano, bất cứ chuyện gì, chỉ để cân

bằng lại buổi sáng, nhưng, không, bà đã lại gác tất cả sang một bên và gợi lại chuyện cũ.

— Người đàn ông nào kia? - Gloria hỏi.

— À, cái người đã đến đây ấy mà, - bà đột nhiên đáp.

— Ai kia?

Bà nhón một chiếc bánh mì vòng từ chiếc bát hình hoa hướng dương. Nhìn lên những người bạn. Bà ngừng lại trong giây lát, cắt qua lớp bánh mì dày, rồi lấy những ngón tay xé rời phần bánh còn lại ra.

— Ý chị là người đàn ông đi trên dây đã ở đây à?

— Không, không.

— Vậy người đàn ông nào hử Claire?

Bà vươn tay ra rót trà. Hơi nóng bốc lên. Bà đã quên không cho vài lát chanh vào. Lại một điều đáng trí nữa.

— Người đàn ông đã báo với tôi.

— Người nào cơ?

— Người đàn ông đã báo tin gì với chị, hả Claire?

— Các chị cũng biết mà. Người đó.

Ngay sau đó là một sự cảm thông sâu sắc. Bà nhận thấy điều đó qua những gương mặt. Êm dịu hơn cả mưa. Tĩnh lặng hơn cả những chiếc lá.

— Ủ, - Gloria nói.

Và rồi những khuôn mặt khác giãn ra.

— Con mình là vào thứ Năm.

— Mike Junior thì thứ Hai.

— Clarence của tôi cũng vào thứ Hai. Jason thì thứ Bảy. Còn Brandon thứ Ba.

— Mình đã nhận được một bức điện thật kinh khủng. Sáu giờ mười ba phút. Ngày mười hai tháng Bảy. Vì Chúa. Vì Chúa. Vì lòng yêu Chúa. Bọn họ đều trở lại đúng chủ đề, mọi chuyện có vẻ ổn, ý bà là thế; bà đưa miếng bánh lên miệng nhưng không ăn; bà đã đưa được họ trở lại, họ sẽ lại có những buổi sáng như thường lệ, cùng nhau, và họ sẽ không xa rời chủ đề nữa, đây là điều bà muốn, và đúng vậy, họ đều cảm thấy thoải mái, Gloria còn đang với lấy một chiếc bánh rán, lấm tẩm đường trắng, cắn một miếng nhỏ và gật đầu với Claire, như thể muốn nói: *Nào, hãy kể cho chúng tôi nghe đi.*

— Chúng tôi nhận được một cú điện từ tầng dưới. Solomon và tôi. Hai vợ chồng đang ngồi ăn tối. Tất cả đèn đuốc đều tắt hết. Ông ấy là người Do Thái, các chị biết đấy...

Thật mừng vì bà đã nói ra được.

— ... và ông ấy thấp nển khắp nơi. Kể ra ông ấy không quá khắt khe, nhưng đôi lúc lại thích một chút lễ nghi. Thịnh thoảng ông còn gọi tôi là con ong mật nhỏ bé của ông. Có lần trong lúc cãi cọ, anh ấy gọi tôi là WASP^[28]. Các chị tin nổi không?

Mọi chuyện đều được bộc bạch, như luồng khí khoan khoái thoát ra từ phổi bà. Những nụ cười quanh bà, bối rối, mà không gian vẫn thật tĩnh lặng.

— Và tôi mở cửa. Đó là một trung sĩ. Anh ta trông rất cung kính. Ý tôi là, rất lễ độ. Mình đã đoán biết ngay, chỉ cần nhìn vào khuôn mặt anh ta thôi. Giống như mặt nạ hóa trang vậy. Một loại chất dẻo rẻ tiền. Khuôn mặt anh ta đóng băng bên trong đó. Đôi mắt màu nâu nghiêm nghị và mảng râu rộng. Tôi nói, Vào đi. Và anh ta bỏ mũ ra. Kiểu tóc nhà binh, ngắn ngắn, rẽ ngôi giữa. Ít tóc bạc trắng viền quanh chân tóc. Anh ta ngồi ngay đó.

Bà gật đầu về phía Gloria và ước bà không nói ra điều đó, nhưng chẳng có cách nào thu lại được.

Gloria xát chỗ ghế ngồi như thể cố kỳ cho hết dấu vết của người đàn ông kia. Một ít vụn đường trên bánh rán còn vương lại.

— Mọi thứ thật thuần khiết đến nỗi tôi nghĩ mình đang đứng trong một bức tranh.

— Ừ, ừ.

— Anh ta vẫn để mũ trên đầu gối.

— Cái anh đến nhà mình cũng vậy đấy.

— Suyt.

— Và rồi anh ta chỉ nói, con trai bà đã qua đời, thừa bà. Và mình nghĩ, Qua cái gì? Ở đâu? Ý anh là gì, Trung sĩ, nó đã qua kỳ thi à? Nó đâu có kể cho tôi nghe về kỳ thi nào.

— Chao ôi!

— Mình mỉm cười với anh ta. Mình đã chẳng biết làm gì khác.

— Ồ, tôi thì khóc chết đi sống lại, - Janet nói.

— Suyt, - Jacqueline ra hiệu.

— Tôi cảm thấy như có một luồng hơi xộc lên dọc theo xương sống. Có thể cảm nhận được nó đang rít lên trong não mình.

— Chính xác.

— Và rồi tôi chỉ nói, vâng. Đó là tất cả những gì tôi đã nói khi ấy. Vẫn mỉm cười. Luồng hơi vẫn rít lên và thiêu đốt ở bên trong. Tôi nói, Vâng, Trung sĩ. Và cảm ơn.

— Chao ôi.

— Anh ta uống hết tách trà.

Mỗi người đều nhìn vào cốc của mình.

— Rồi tôi tiễn anh ta ra cửa. Chuyện chỉ có vậy.

— Ừ.

— Và Solomon đưa anh ta xuống thang máy. Mình chưa từng kể cho ai nghe chuyện này. Sau đó khuôn mặt mình phát đau, vì đã cười quá lâu. Thật tệ phải không?

—Ồ không, không đâu.

—Tất nhiên là không rồi.

—Có cảm giác như tôi đã đợi cả cuộc đời chỉ để kể ra chuyện đó.

—Ôi, Claire.

—Tôi chỉ không thể tin nổi là mình đã cười.

Bà biết bà đã bỏ qua nhiều chi tiết không kể, như chiếc bộ đàm rung lên, rồi tiếng người gác cổng lấp bắp, và cảm giác sững sờ lúc chờ đợi, tiếng anh ta gõ cửa giống như gõ lên nắp quan tài, rồi anh ta bỏ mũ xuống và nói thưa bà, thưa ông, rồi vợ chồng bà đã nói: “Vào đi, vào đi”, anh chàng trung sĩ rõ là trước giờ chưa từng nhìn thấy nơi nào giống như căn hộ của ông bà - điều đó hiển hiện rõ trong cách anh ta nhìn ngắm đồ đạc trong nhà, vừa căng thẳng lại vừa có phần thích thú.

Vào một thời điểm khác chắc hẳn anh ta đã nhận ra vẻ quyến rũ của nơi này, đại lộ Park, những món đồ nghệ thuật đẹp đẽ, những cây nến, nghi lễ. Bà quan sát anh ta thoáng liếc bóng mình trong tấm gương nhưng ngoảnh mặt đi ngay; lúc đó bà đã cảm thấy mến anh ta, cái cách anh ta lấy tay che miệng khi ho, thật là lịch thiệp. Anh ta giữ bàn tay ở gần miệng, trông giống một ảo thuật gia chuẩn bị kéo ra một chiếc khăn phép. Anh ta nhìn quanh, như thể sắp rời đi, như thể có muôn ngàn lối ra, nhưng bà giữ anh ta ngồi lại. Bà vào trong bếp và mang một lát bánh hoa quả ra mời anh ta. Để bầu không khí bớt căng thẳng. Anh ta ăn bánh, ánh mắt thoáng vẻ áy náy. Những mảnh vụn vương dưới sàn nhà. Sau đó bà chẳng thể nào dọn nổi mớ vụn ấy.

Solomon muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Trung sĩ nói rằng anh ta không được phép nói, nhưng Solomon đã ép anh ta, “Không ai trong chúng ta được phép cả, không phải thế sao? Ý tôi là, anh cứ thử nghĩ xem, làm gì có ai trong chúng ta được tự do.” Chiếc mũ lại hết nâng lên rồi hạ xuống trên gối người trung sĩ. “Nói cho tôi,” Solomon run giọng. “Nói cho tôi biết hoặc là rút ra khỏi nhà tôi.”

Người trung sĩ ho vào bàn tay đã nắm chặt. Một cử chỉ của kẻ nói dối. Họ vẫn đang thu thập thêm các chi tiết, anh nói, Joshua khi đó ở một quán café. Ngồi trong quán. Họ đã cảnh báo trước với toàn thể nhân viên về những quán café. Cậu ta ngồi cùng một nhóm sĩ quan. Họ cũng tới một câu lạc bộ vào đêm hôm trước. Chắc chỉ là để xả hơi. Bà không thể tưởng tượng nổi điều đó, nhưng bà chẳng nói gì - Joshua của bà đi câu lạc bộ đêm ư? Không thể nào, nhưng bà cứ để chuyện đó trượt đi, phải rồi, cái từ đó, *trượt đi*. Vào buổi sáng sớm, trung sĩ kể, theo giờ Sài Gòn. Bầu trời xanh trong. Bốn quả lựu đạn đã được ném dồn dập dưới chân họ. Cậu ấy đã hy sinh anh dũng, trung sĩ nói. Lúc bảy giờ chính Solomon lại là người cất tiếng ho. “Chẳng có quái gì anh dũng cả, chàng trai ạ”. Bà chưa từng nghe Solomon vắng ra từ khiếm nhã như vậy với một người lạ. Người trung sĩ chỉnh lại chiếc mũ trên đầu gối. Giống như lúc đó chính cái chân của anh ta mới cần phải kể lại câu chuyện. Liếc nhìn lên bức tranh phía trên đi-văng. Miró, Miró ngự ở trên tường, ai mới là người đã chết hẳn trong gia đình họ?

Anh ta hít một hơi. Cổ họng anh ta nhăn lại. “Tôi rất lấy làm tiếc vì sự mất mát của ông bà,” anh ta nhắc lại.

Khi anh ta đã đi rồi, khi đêm đã chìm vào im lặng, họ đứng ở đó trong căn phòng, Solomon và Claire, nhìn nhau, và ông ấy đã nói rằng họ sẽ không gục ngã, trước đây họ chưa từng, sau này bà cũng sẽ không như thế. Không, họ sẽ không đổ lỗi cho nhau, họ sẽ không trở nên cay đắng, họ sẽ vượt qua, tồn tại, họ sẽ không để chuyện đó trở thành vết rạn nứt giữa họ.

— Và suốt buổi gặp ấy tôi cứ mím cười suốt. - Tội nghiệp chị, - Thật khủng khiếp.

— Nhưng phản ứng như thế cũng là dễ hiểu, Claire ạ, thật đấy.

— Chị nghĩ thế thật sao?

— Chẳng sao cả. Thật đấy.

— Tôi đã cười quá nhiều, - bà nói.

— Tôi cũng đã như thế đấy, Claire ạ.

— Chị ư?

— Chị nuốt ngược những giọt nước mắt vào trong, sách phúc âm nói thế.

Giờ bà đã hiểu anh chàng đó đi dây vì điều gì. Cảm ngộ ấy ập đến sâu sắc, mạnh mẽ và run rẩy. Chẳng có gì liên quan tới thiên thần hay ác quỷ. Chẳng có gì liên quan tới nghệ thuật, hay cải cách, hay sự giao cắt giữa con người với chiều kích nào đó, con người với tạo hóa. Không gì hết.

Anh ta ở trên đó vì cô đơn. Tâm trí anh ta là gì chứ, cơ thể anh ta là gì chứ: chỉ là một dạng thức cô đơn. Chẳng may nghĩ đến cái chết.

Chết đuối, chết vì rắn cắn, chết vì súng cối, chết vì vết đạn, chết vì cọc gỗ, chết vì lính phá hầm, chết vì súng bazooka, chết vì tên tẩm độc, chết vì bom ống, chết vì cá piranha, chết vì ngộ độc thức ăn, chết vì vũ khí của Kalashnikov^[29], chết vì súng chống tăng RPG, chết vì người bạn thân nhất, chết vì bệnh giang mai, chết vì buồn phiền, chết do hạ thân nhiệt, chết vì vùng cát lún, chết vì chất phóng xạ, chết vì chứng huyết khối, chết vì bị tra tấn dưới nước, chết vì dây mìn ẫn, chết vì gậy chơi bi-a, chết vì trò quay súng kiểu Nga, chết vì bẫy cọc tre, chết vì thuốc giảm đau, chết vì con dao rựa, chết vì xe máy, chết vì tiểu đội hành quyết, chết vì chứng hoại tử, chết vì sưng chân, chết vì chứng liệt, chết vì mất trí nhớ, chết vì mìn định hướng, chết vì bọ cạp đốt, chết vì kiệt sức, chết vì chất độc màu da cam, chết vì trai bao, chết vì cây lao móc, chết vì gậy tuần đêm, chết để hiến sinh, chết vì cá sấu, chết trên ghế điện, chết vì thủy ngân, chết vì bị bóp cổ, chết vì lưỡi mác, chết vì ancaloit gây ảo giác, chết vì nấm, chết vì axit lysergic, chết vì xe jeep đâm, chết vì bẫy lựu đạn, chết vì nhàm chán, chết vì đau buồn, chết vì lính bắn tỉa, chết vì bị giấy khứa, chết vì gái điếm, chết vì chơi bài poker, chết vì những con số, chết vì sự quan liêu, chết vì sự bất cẩn, chết vì sự chậm trễ, chết vì sự né tránh, chết vì nhượng bộ, chết vì toán học, chết vì bản sao bằng giấy than, chết vì cục tẩy, chết vì lỗi chỉnh sửa, chết vì nét bút, chết vì sự đàn áp, chết vì quyền lực, chết vì cô lập, chết vì bị bỏ tù, chết vì anh em tương tàn, chết vì tự tử, chết vì nạn diệt chủng, chết vì Kennedy, chết vì LBJ, chết

vì Nixon, chết vì Kissinger, chết vì Chú Sam, chết vì Charllie, chết vì chữ ký, chết vì im lặng, chết vì những nguyên nhân tự nhiên.

Một thực đơn chết ngu ngốc dài vô tận.

Nhưng chết vì đi trên dây?

Chết vì biểu diễn?

Cuối cùng cũng đến thế. Thật trắng trợn với cơ thể mình. Khiến nó trở nên rẻ mạt. Trò xiếc rồi. Cái trò Charlie Chaplin đi dây đó của anh ta đã *hack* buổi sáng của bà. Sao anh ta dám làm vậy với chính cơ thể của mình chứ? Vứt mạng sống chính mình vào mặt mọi người? Khiến cái chết của con trai bà trở nên tầm thường? Phải, anh ta xâm phạm buổi café sáng như đang hack mật khẩu của bà. Bằng cái trò quỷ quái lơ lửng trên thành phố. Café, bánh quy và một gã đi lại giữa trời ngoài kia, nhai mất những gì đúng ra sẽ diễn ra trong sáng nay như lệ thường.

— Các chị biết không? - bà nói, nghiêng người về phía các bà bạn.

— Gì cơ?

Bà ngưng lại giây lát, tự hỏi mình nên nói gì đây. Một cảm giác run rẩy thấm đẫm suốt cơ thể bà.

— Tôi yêu quý tất cả các bạn.

Bà nhìn Gloria khi nói ra điều đó, nhưng ý bà là tất cả bọn họ, bà thành thật muốn nói thế. Một chút ghen ngào nơi cổ họng. Bà lướt qua khuôn mặt của những người bạn. Dịu dàng và nhã nhặn. Tất cả đều mỉm cười với bà. Nào, các bạn. Đến đây. Giờ hãy cùng hưởng buổi sáng của chúng ta. Để nó trượt đi. Hãy quên những kẻ đi dây. Hãy mặc họ ở trên cao đó. Hãy cùng nhắm nháp café và cảm thấy biết ơn. Chỉ đơn giản vậy thôi. Hãy kéo rèm ra để ánh sáng chiếu vào. Hãy để đây là lần đầu tiên của nhiều lần nữa. Không một người nào nữa có quyền xâm phạm. Chúng ta có những cậu bé của chúng ta. Chúng tụ họp cùng nhau. Thậm chí là ở đây. Tại đại lộ Park này. Chúng ta đau đớn, và có nhau để hàn gắn nỗi đau.

Bà vội lấy bình trà, hai bàn tay run run. Những âm thanh kỳ lạ trong phòng, không còn yên tĩnh nữa, tiếng sột soạt của những túi bánh mì vòng, và tiếng bóc giấy bọc bánh nướng xốp.

Bà bưng cốc trà lên uống hết. Chấm nhẹ khớp ngón tay lên khoe miệng.

Những bông hoa của Gloria ở trên bàn, đã nở rồi. Janet nhặt một mẫu bánh vụn ra khỏi đĩa. Jacqueline nhíp nhíp gối. Marcia nhìn xa xăm. Con trai tôi ở trên đó, nó nói đến gửi lời chào.

Claire đứng dậy, không hề run rẩy, không một chút nào, không phải lúc này.

— Nào, - bà nói, - đến đây. Chúng ta hãy cùng vào thăm phòng của Joshua.

SỢ YÊU

NGỒI TRONG XE khi nó nện vào đuôi chiếc xe tải giống như ở trong một cơ thể ta không hề quen biết. Khung cảnh ta từ chối đặt mình trong đó. Không phải tôi, đó hẳn là một ai đó khác.

Giả như vào lúc khác chúng tôi có lẽ đã tấp xe vào lề đường, trao đổi số giấy phép lái xe với tài xế xe kia, cò kè vài đô la, thậm chí đi thẳng tới xưởng sửa xe để o bế lại con xe, nhưng chuyện lại không theo hướng ấy. Chỉ là một cú thúc không thể nhẹ hơn. Tiếng rít nhỏ của lốp xe thẳng gấp. Về sau chúng tôi đoán người lái xe hẳn đang đạp phanh, hoặc đèn chiếu hậu của anh ta bị hỏng, hoặc suốt thời gian đó anh ta luôn đạp phanh như thế - dưới ánh mặt trời ta thường không nhìn rõ từng tia sáng. Chiếc xe tải thật to xác và lười nhác. Tấm cản sốc phía sau được cột lại bằng đủ loại dây nhợ. Khi đó, tôi thấy nó giống con ngựa già tôi từng thấy hồi còn bé, vừa chậm chạp vừa dễ cáu kỉnh, cứ hễ bị phát vào mông là đâm ra cứng đầu cứng cổ. Hai bánh sau trượt đi trước. Người lái xe cố chỉnh hướng. Khuỷu tay anh đang gác lên cửa sổ xe rút phắt vào trong. Chiếc xe lạng nghiêng sang phải khi anh ta cố lần nữa, nhưng anh ta làm quá lố, chúng tôi cảm thấy một cú điếng người thứ hai, giống như trò đua xe ở hội chợ, chỉ khác là chúng tôi không ở trong vòng xoay lộn đó - xe của chúng tôi vẫn vững chãi thẳng tiến.

Blaine chỉ vừa châm một điếu cần sa. Nó cháy âm ỉ trên miệng vỏ lon Coca rỗng đặt giữa hai chúng tôi. Anh ấy chưa hút được mấy, mới rít một hai hơi khi chiếc xe tải màu nâu quay lộn như con ngựa bất kham: những tấm đèn can hòa bình trên kính xe, thành xe móp lõm, cửa sổ bên trái mở hé. Và nó cứ quay lộn không ngừng.

Dường như có biến đổi nào đó xảy đến với trí não ta vào những thời khắc kinh hoàng. Có lẽ ta nghĩ đó là thứ cuối cùng mình nhìn thấy nên phải ra sức ghi nhớ để dùng cho phần còn lại của chuyến đi dài tiếp theo. Chúng ta chớp lấy những bức hình hoàn hảo, một cuốn album tuyệt vọng. Ta cắt tĩa

các mép ảnh rời lờng chúng dưới lớp bóng kính. Ta vùi kín cuốn album ấy đi để lại lấy ra xem mỗi lần chúng ta suy sụp.

Người lái xe có một gương mặt ứa nhìn và mái tóc đã chớm ngả màu. Mắt hờm sâu thâm quầng. Anh ta không cạo râu, cổ áo mở phanh, kiểu người có thể giữ bình tĩnh ở mọi thời điểm, nhưng giờ vô lăng đang trượt qua tay anh ta và miệng anh ta há hốc. Anh ta nhìn xuống chúng tôi từ độ cao của buồng lái xe tải như thể anh ta cũng đang đóng băng cảnh này lại trong trí nhớ. Cơ miệng anh ta căng ra thành hình chữ O ngày càng lớn, mắt trợn to. Bấy giờ tôi không biết trong mắt anh ta hình ảnh tôi như thế nào, váy viền tua, chuỗi hạt đeo cổ, mái tóc cắt ngắn hiện đại, viền mắt tô màu lam sẫm, ánh mắt đờ đẫn vì thiếu ngủ.

Những bức sơn dầu đặt ở ghế sau. Đêm hôm trước chúng tôi đã cố bán chúng ở Max's Kansas City^[30], nhưng thất bại. Những bức tranh chẳng ai ưa. Dù vậy, chúng tôi vẫn sắp đặt chúng cẩn thận cho khỏi trầy xước. Chúng tôi còn chèn tấm xốp giữa những bức tranh để chúng không cọ vào nhau.

Giá mà chúng tôi đã cẩn trọng như vậy với chính bản thân mình.

Blaine ba mươi hai. Còn tôi hai mươi tám. Chúng tôi kết hôn được hai năm. Con xe của chúng tôi, chiếc Pontiac Landau cổ đời 1927 sơn vàng kim có đầu xe mạ bạc, có lẽ đã già hơn tuổi của cả hai chúng tôi cộng lại. Chúng tôi đã lắp một đầu đọc băng tám rãnh ẩn dưới bảng đồng hồ xe. Chúng tôi bật những bản jazz của thập niên hai mươi. Tiếng nhạc thấm đẫm khắp sông Đông. Cho tới lúc đó, cơ thể chúng tôi hãy còn kha khá ma túy chưa kịp tan, đến mức chúng tôi ngỡ hãy còn cái gì đó mà hy vọng.

Chiếc xe tải xoay trượt ra xa hơn. Giờ nó gần như đối diện với xe chúng tôi. Từ chỗ của mình, tôi chỉ thấy được đôi chân trần chống lên bảng đồng hồ. Từ từ dạn mở như trong cảnh quay chậm. Lòng bàn chân cô ấy đen sẫm tương phản với mép chân quá trắng, đó hẳn là một phụ nữ da đen. Mắt cá chân lộ ra. Chiếc xe lộn nhào đủ chậm. Tôi chỉ nhìn thấy phần thân trên của cô ấy. Cô ấy trông bình thản. Như thể đã sẵn sàng chấp nhận sự thế.

Tóc cô ấy bay thốc hết ra phía sau, chuỗi dây chuyền với những hạt sáng lấp lánh nảy trên cổ. Nếu lát sau tôi không nhìn lại để thấy cô ấy văng ra qua kính chắn gió, có lẽ tôi đã nghĩ cô ấy trần truồng, từ góc nhìn của tôi hiện giờ. Trẻ tuổi hơn tôi, một cô gái đẹp. Mắt cô ấy lướt qua mắt tôi như thể dò hỏi, Mà đang làm gì vậy, hả cái con da rám tóc hoe ăn diện diêm dúa ngồi con xe ngon lành từ thời Cotton Club^[31] kia?

Cô ấy biến mất cũng nhanh như phút thoáng xuất hiện trước mắt tôi. Chiếc xe tải trượt đảo một vòng rộng hơn, xe của chúng tôi vẫn thẳng tiến. Chúng tôi đã vượt qua họ. Con đường mở ra như trái đào tách nửa. Tôi nhớ thoát đầu nghe thấy tiếng xe nghiêng rít sau lưng, một chiếc xe khác đã đâm trúng chiếc xe tải, rồi sau đó là tiếng loảng xoảng của lưới tản nhiệt trước mũ xe rơi xuống đường, và đoạn sau nữa, khi chúng tôi nhớ lại toàn bộ sự việc, Còn bây giờ dội vào đầu Blaine và tôi là tiếng va đập mạnh của xe chở báo khi nó xô xe tải kia bắn vào rào chắn trên đường, đó là một xe thùng lớn, cửa sổ phía tài xế để ngỏ vọng ra tiếng radio om sòm. Nó đã thúc một cú tàn bạo vào chiếc xe tải. Họ không có lấy chút cơ hội sống sót.

Blaine ngoái lại nhìn và sững sờ trong giây lát cho tới khi tôi phải hét lên bảo anh ấy dừng lại, xin anh dừng lại, dừng lại đi. Không có lúc nào rõ ràng thông suốt hơn lúc này. Lựa chọn cho cuộc đời của chúng ta đã quá rõ. Anh phải xuống xe. Gánh vác trách nhiệm. Hãy quay lại chỗ đựng xe. Hô hấp nhân tạo cho cô gái. Nâng cái đầu đang chảy máu của cô ấy lên. Thì thầm vào tai cô ấy. Sưởi ấm cho những chỗ trắng bệch ở chân cô ấy. Chạy tới bất điện thoại. Cứu lấy người đàn ông đã nhàu nát kia.

Blaine tấp xe vào lề cao tốc FDR và chúng tôi bước ra ngoài. Tiếng kêu của những con mòng biển ngoài sông rít lên trong gió. Những đốm sáng trên mặt nước. Những con sóng trào lên, cuộn tròn. Blaine lấy tay che mắt cho khỏi chói. Trông anh ấy như một nhà thám hiểm thời cổ. Vài xe đã dừng lại giữa đường, chiếc xe chở báo đã ngừng lại bên đường, nhưng quang cảnh hiện giờ không phải đồng hoang tàn đẫm những máu me với vỡ vụn trên đường cao tốc Hoa Kỳ như trong mấy bài nhạc rock ta vẫn thi thoảng được nghe; quang cảnh trước mắt tôi khá yên lặng, chỉ thấy lác đác vài mảnh đồ

trang sức bằng thủy tinh văng giữa các làn đường, vài bọc báo tả tơi dưới đất, đằng xa là thân thể cô gái trẻ giữa một vũng máu lớn. Tiếng động cơ gầm rú và hơi nước vẫn phụt ra từ chiếc xe tải. Chân của người lái xe hẳn vẫn đang đạp phanh. Nó không ngừng rên rỉ, ở cung bậc cao nhất. Vài xe kẹt nghẽn đằng sau mở cửa xem thử, có mấy xe đã bắt đầu ấn còi liên tục, dàn hợp xướng của New York, nôn nóng tiếp tục lên đường, một câu chửi thề chói lói. Chỉ có chúng tôi đứng tách hẳn ra, cách đám láo nháo đó chừng hai trăm mét. Đường hoàn toàn khô ráo, chỉ có một vài vũng nước đang bốc hơi. Ánh mặt trời xuyên qua rào lưới chắn. Những con mòng biển ngoài sông.

Tôi liếc qua Blaine. Anh ấy mặc áo vét vải sợi len xe, cổ thắt nơ con bướm. Trông anh ấy vừa lỗ bịch vừa đáng thương, tóc rũ xuống quá mắt, cả người đóng băng lại trước những gì đã xảy ra.

— Hãy nói với anh là vừa rồi không có chuyện gì xảy ra đi, - anh nói.

Cái khoảnh khắc anh ấy quay sang kiểm tra phần đầu xe, tôi đã nghĩ rằng hai đứa tôi sẽ không thể nào chịu nổi. Không chỉ là vụ đụng xe, hay cái chết của cô gái trẻ - hiển nhiên là cô ta đã chết giữa đống máu me giữa đường ấy, - hay người đàn ông bị đập mạnh vào vô lăng, chắc chắn anh ta cũng nát ngực khi thúc vào bảng đồng hồ như thế, mà cả cái cảnh khi ấy Blaine chỉ đi vòng quanh để kiểm tra xem xe chúng tôi có bị hư hại gì không. Đền pha đã vỡ, tấm cản sốc dùm đó giống như những năm tháng bên nhau của chúng tôi, một cái gì đó đã đổ vỡ. Trong tiếng còi xe cấp cứu văng vẳng ngày càng gần, anh ấy chỉ buông mấy tiếng lầm bầm thất vọng mà tôi biết chỉ vì xót chiếc xe, vì những bức sơn dầu không bán được, vì chuyện sẽ xảy ra với chúng tôi ngay sau đó. Tôi thúc anh: Nào, đi thôi, nhanh lên, lên xe đi, Blaine, nhanh lên nào, đi thôi.

○ ○ ○

NĂM 1973, BLAINE VÀ TÔI đã đánh đổi cuộc sống sang trọng ở khu Village lấy cuộc sống mới ở một ngôi nhà gỗ nhỏ ở ngoại ô New York. Chúng tôi đã bỏ chơi thuốc được gần một năm, thậm chí ngưng được thói chè chén bết nhè được một vài tháng, tính đến cái đêm trước vụ tai nạn. Đêm đó hai đứa thả phanh. Buổi sáng hôm sau chúng tôi ngủ bù ở khách sạn Chelsea Hotel, thức dậy lại ngồi trên xích đu như mấy ông bà già xưa, nghe chất độc thoát dần ra khỏi cơ thể mình.

Suốt dọc đường về nhà, chúng tôi không nói một lời nào. Chúng tôi ra khỏi đường FDR, lái xe về phía bắc, qua cầu trên đại lộ Willis, vào địa phận hạt Bronx, rẽ khỏi đường cao tốc, đi vào con đường có hai làn xe cạnh hồ rồi xuôi xuống con đường đất lồi lõm dẫn vào nhà. Ngôi nhà gỗ cách thành phố New York một tiếng rưỡi đồng hồ lái xe. Nó ẩn sau hàng cây ven cái hồ thứ hai nhỏ hơn trên đường vào. Một cái ao lớn thì đúng hơn. Hoa súng và cây bụi nhỏ ven bờ. Ngôi nhà được xây cách đây năm mươi năm, từ những năm hai mươi, bằng gỗ tuyết tùng đỏ. Không điện. Nước giếng. Một lò sưởi đốt củi, một nhà xí ọp ẹp bên ngoài, một vòi sen áp lực, thêm một căn chòi gỗ tạm bợ dùng làm ga-ra. Những bụi mâm xôi mọc um tùm quanh cửa sổ sau. Nâng cánh cửa sổ lên là tha hồ nghe chim hót. Những đám sậy rì rào nói chuyện trong gió.

Ở nơi như thế này, người ta dễ quên đi việc mình vừa tận mắt chứng kiến một cô gái chết trong vụ đụng xe trên đường cao tốc, có lẽ cả người đàn ông nữa - chúng tôi không biết chắc.

Khi chúng tôi về đến nơi thì bóng chiều đã dần buông. Mặt trời đậu trên những ngọn cây. Một con bói cá rầy mạnh một con cá xuống cầu tàu. Nó ăn con mồi, rồi chúng tôi ngồi nhìn nó sải cánh bay đi - trông thật đẹp. Tôi bước ra dọc cầu tàu. Blaine lấy những bức sơn dầu từ ghế sau ra, dựng chúng cạnh “gara” rồi kéo mấy cánh cửa gỗ to tướng để cất con Pontiac vào. Anh đưa xe vào trong, bóp ổ khóa rồi lấy chổi quét sạch vết bùn đất bánh xe để lại. Quét được một nửa, anh ấy ngược lên, hơi nhún vai nhìn tôi một cái, rồi lại tiếp tục quét dọn. Sau một lát đã chẳng còn dấu hiệu gì cho thấy chúng tôi từng rời nhà ra ngoài.

Buổi đêm thật mát mẻ. Hơi lạnh khiến lũ côn trùng bật tiếng.

Blaine ngồi trên cầu tàu cạnh tôi, đá tung giày ra, đu đưa chân trên mặt nước, tay thọc vào túi quần xếp li. Mắt anh phờ phạc. Anh vẫn còn ba phần tư túi “hàng trắng” còn từ đêm hôm trước. Chỗ ấy chừng bốn năm mươi đô. Anh mở túi, dùng chiếc chìa khóa dẹt dài xúc ra một ít. Anh khum tay che chỗ ma túy cẩn thận đưa lên tận mũi tôi. Tôi lắc đầu từ chối.

— Chỉ là một vụ đụng xe thôi mà, - anh nói. - Thoải mái tí đi.

Đây là cử hất đầu tiên kể từ đêm hôm trước - chúng tôi vẫn thường gọi nó là liều thuốc, là sự cứu giúp, là thứ dầu thông rửa sạch những chiếc cọ vẽ của chúng tôi. Hơi thuốc mạnh xộc thẳng vào cuống họng rần rần. Như hụp vào vũng nước đá. Anh lại xọc chìa khóa vào túi, hít liền ba hơi, ngửa đầu ra sau, lắc qua lắc lại, thở ra một hơi dài, quàng tay qua vai tôi. Tôi ngửi thấy mùi đụng xe còn phảng phất trên áo quần mình, như tôi chỉ vừa mới làm bẹp dùm tấm cản sốc và chiếc xe xoay lộn suýt đập vào rào chắn.

— Đâu phải lỗi tội mình đâu cưng, - anh lại nói.

— Cô ấy còn quá trẻ.

— Không phải lỗi của mình, em ạ, em nghe anh nói không?

— Anh có nhìn thấy cô ấy nằm trên đất không?

— Để anh nói em nghe, - Blaine phân trần, - gã gốc đó đập phanh. Em thấy gã đó không? Đền phanh của gã đó hỏng mẹ nó rồi. Anh còn làm gì được chứ. Chứ gì nữa, mẹ kiếp, anh có thể làm được gì chứ? Gã đó lái xe ngu thế không biết.

— Bàn chân cô ấy trắng bệch. Lòng bàn chân ấy.

— Thật là một chuyến đi xui xẻo.

— Lạy Chúa, Blaine, khắp nơi toàn là máu.

— Em phải quên mọi chuyện đi thôi.

— Cô ấy chỉ nằm bất động ở đó.

— Em chẳng nhìn thấy cái quái gì hết. Em có nghe anh nói không đấy? Chúng mình chẳng nhìn thấy gì cả.

— Chúng ta đi con Pontiac đời 1927. Anh cho là không ai nhìn thấy mình ư?

— Không phải lỗi của mình, - anh nhắc lại. - Quên mọi chuyện đi. Hai đứa mình khi đó làm được gì chứ? Gã đó tự đập cái phanh chết giảm của gã đấy chứ. Để anh nói em nghe, gã ta lái xe mà như lái tàu vậy.

— Anh có nghĩ là anh ta cũng chết rồi không? Người lái xe ấy? Anh có nghĩ anh ta chết rồi không?

— Làm một hơi đi cưng.

— Gì cơ?

— Em phải quên đi những chuyện đó, chưa có gì xảy ra hết, không có chuyện quái quỷ gì hết.

Anh nhét cái túi nhựa nhỏ vào túi áo khoác rồi thọc những ngón tay vào dưới vai áo chèn. Gần một năm qua chúng tôi toàn mặc quần áo theo mốt xưa nhân cơn ngẫu hứng muốn sống như thời thập niên hai mươi. Giờ chuyện đó có vẻ nực cười. Những vai phụ trong một nhà hát tồi. Khi trước hai tay họa sĩ khác ở New York là Brett và Delaney cũng chơi kiểu “trở về quá khứ”, ăn mặc sinh hoạt như thời những năm bốn mươi, thế rồi tự dựng thành công, trở nên nổi tiếng, thậm chí còn được lên mục thời trang và phong cách của tờ *New York Times*.

Chúng tôi đã lùi về quá khứ hơn cả Brett và Delaney, chỉ nhượng bộ mỗi một điểm là giữ lại con xe đắt tiền của mình, ngoài ra chúng tôi rời khỏi thành phố, sống không cần điện đóm gì, đọc những cuốn sách như từ kỷ nguyên khác, vẽ tranh theo phong cách của thập niên hai mươi, sống mai danh ẩn tích, tự coi bản thân là kiểu nhân vật ẩn dật, tiên phong, trí thức. Nhưng trong thâm tâm, chúng tôi biết rõ mình chỉ là kẻ bắt chước thế thôi. Đêm trước ở quán Max's, chúng tôi hào hứng trở lại làm “mình” khi trước, nhưng rốt cuộc bị đám vệ sĩ chặn lại, họ không còn nhận ra chúng tôi. Họ không để chúng tôi vào phòng phía trong. Một cô phục vụ còn kéo kín rèm

lại và tỏ ra khá là hài lòng với hành động chối từ đó. Không có ai trong đám bạn cũ của chúng tôi ở quanh đây. Chúng tôi đành lượn ra chỗ quây rượu, ôm theo mớ tranh. Blaine mua một túi “hàng trắng” từ người phục vụ, đó là gã duy nhất ca tụng những bức vẽ của chúng tôi. Gã nghiêng người qua bàn nhìn chăm chăm vào những bức sơn dầu, mười giây, tối đa là vậy. Chà, gã thốt lên. Chà. Chắc phải đến sáu mươi đô, anh bạn nhỉ. Chà. Nếu khoái “cỏ” Panama Red, thẳng này cũng có hết. Hoặc Cheeba Cheeba. Chà. Cần cứ hô một tiếng là có ngay. Chà.

— Vứt chỗ thuốc đó đi, - tôi nói với Blaine. - Ném xuống nước ấy.

— Để sau đi cưng.

— Ném đi, năn nỉ mà.

— Để sau nào, cưng, được chứ? Giờ anh đang điên lên đây. Cái gã đó, cứ nghĩ mà xem! Chẳng biết lái liếc gì cả. Sao lại có cái thứ đàn độn đập phanh giữa đường cao tốc thế bao giờ? Còn cô ả nữa, em có thấy không? Trên người có mảnh vải nào đâu. Chắc đang thổi kèn cho gã bò hay gì gì đó. Anh cá là vậy. Dám chắc ả đang “chiều” tay kia.

— Cô ấy nằm giữa cả vũng máu, Blaine ạ.

— Đâu phải lỗi của anh.

— Cả người cô ấy đập nát hết. Cả anh ta nữa. Khi đó anh ta nằm gục trên vô lăng.

— Chính em là người đã bảo anh rời khỏi chỗ đó còn gì. Em nói “đi thôi” mà. Đừng quên điều đó, chính em, em đã quyết định!

Tôi tát anh, kinh ngạc vì thấy tay mình đau rát đến thế. Tôi đứng dậy. Những tấm ván gỗ kê cọt kẹt. Chiếc cầu dẫn cũ rích và vô dụng, nhô ra giữa hồ nước bé tí như một lời chế nhạo. Tôi bước qua đám bùn cứng quay lại ngôi nhà gỗ. Bước lên hiên, tôi đẩy cửa mở tung rồi vào đứng giữa phòng. Trong nhà, mùi ẩm mốc bốc lên nồng nặc. Như đồ ăn thiu để hàng tháng rỗng.

Đây không phải cuộc sống của tôi. Đây không phải nơi dành cho tôi. Không phải sự tằm tối mà tôi thích ứng được.

Chúng tôi từng có thời hạnh phúc, Blaine và tôi, ngay trong ngôi nhà gỗ này suốt năm qua. Chúng tôi đã tẩy được ma túy khỏi cơ thể mình. Mỗi sáng thức dậy cảm thấy đầu óc tinh tường nhạy bén. Làm việc và vẽ. Tạo dựng một cuộc sống trong yên bình. Giờ mọi thứ không còn nữa. Đó chỉ là tai nạn, tôi tự nhủ. Chúng tôi đã làm điều đúng đắn. Hẳn rồi, chúng tôi đã rời khỏi hiện trường, nhưng có khi họ sẽ kiểm ra chúng tôi, phát hiện ra ma túy, cần sa, có khi sẽ buộc tội Blaine, hoặc phát hiện ra họ thật của tôi rồi đăng khắp các báo.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh trăng yếu ớt chéch trên mặt nước. Những ngôi sao ở trên cao như những đốm sáng nhỏ xíu. Càng nhìn lâu tôi càng cảm thấy chúng giống như những vết cào trên nền trời. Blaine vẫn ở trên cầu tàu, nhưng đã nằm duỗi thẳng căng, như một con hải cẩu, lạnh lẽo, thẫm đen, như thể sắp trượt từ cầu tàu xuống nước.

Tôi mò mẫm trong bóng tối tìm cây đèn dầu. Diêm trên bàn. Tôi châm đèn. Quay chiếc gương đi. Tôi không muốn nhìn khuôn mặt mình. Chất ma túy vẫn đang rần rần trong huyết mạch. Tôi vặn đèn to hơn, cảm thấy hơi nóng bốc mạnh hơn. Một giọt mồ hôi ứa trên trán. Tôi trút bỏ váy, mặc nó rơi thành đống dưới chân rồi vào giường. Tôi ngã vật xuống tấm đệm mềm, mặt úp xuống, cơ thể trần truồng dưới tấm chăn.

Tôi như vẫn nhìn thấy cô ấy. Rõ nhất là hình ảnh lòng bàn chân, không hiểu tại sao tôi có thể nhìn thấy chúng ở đó, tương phản với màu sẫm của nhựa đường. Cái gì đã khiến chúng trắng bệch đến nhường vậy? Một giai điệu cũ bỗng trở lại trong đầu, người ông quá cố của tôi đang hát về những bàn chân đất sét. Tôi vùi mặt sâu hơn vào gối.

Tiếng then cửa lạch cạch. Tôi vẫn nằm yên, run rẩy - dường như ta quả có thể rơi vào hai trạng thái đó cùng một lúc. Tiếng chân Blaine băng ngang căn phòng. Tiếng thở của anh khá ngắn. Tôi nghe thấy tiếng anh

quảng giày xuống gần lò sưởi. Anh vặn đèn nhỏ xuống. Tiếng bắc đèn lèo xèo. Bóng tối trở nên dày hơn. Ngọn lửa khẽ rung rinh rồi đứng yên trở lại.

— Lara, - anh lên tiếng. - Cứng này.

— Gì vậy?

— Nghe này, anh không có ý quát tháo em đâu. Thật đấy.

Anh bước tới giường, cúi người xuống bên tôi. Tôi cảm nhận được hơi thở của anh phả vào cổ. Mát rượi như mặt kia của chiếc gối vậy. Anh có thứ này cho hai đứa mình, anh nói. Anh ấy kéo chăn xuống tận bắp đùi tôi. Tôi cảm thấy bột ma túy rắc khắp lưng mình. Nhiều năm trước chúng tôi từng chơi trò này với nhau. Tôi vẫn không nhúc nhích. Cảm anh tì lên chỗ hõm ở thắt lưng tôi. Những sợi râu cứng chưa được cạo. Anh choàng tay qua ngực tôi, môi chạm vào sống lưng. Tôi cảm thấy khuôn mặt anh lướt dọc suốt lưng, cảm thấy từng cái chạm môi xa cách, không gì níu buộc. Anh lại rắc thêm ma túy thành vệt dày hơn rồi mơn trớn liếm sạch.

Tới lúc phấn khích, anh lật tung chăn ra khỏi người tôi. Đã vài ngày nay chúng tôi không làm tình, lúc ở khách sạn Chelsea Hotel cũng không. Anh xoay người tôi lại và bảo tôi đừng vã mồ hôi nữa kẻo ma túy vón cục.

— Xin lỗi, - anh nhắc lại, rắc thêm ma túy lên bụng tôi. - Lẽ ra anh không nên quát tháo như vậy.

Tôi túm tóc kéo ghì anh xuống. Nhìn qua vai anh, những mắt gỗ mờ nhạt trên trần trông như những lỗ khóa.

Blaine thì thầm vào tai tôi: Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi.

○ ○ ○

BAN ĐẦU CHÚNG TÔI kiếm sống ở New York, Blaine và tôi. Hồi cuối thập niên sáu mươi anh ấy làm đạo diễn cho bốn phim nghệ thuật đen trắng. Bộ phim nổi tiếng nhất của anh ấy, *Antioch*, là một bức tranh sinh

động về một tòa nhà cũ bị phá hủy ở khu bờ sông. Những cảnh quay đẹp về những chiếc cầu, đoàn xe tải nặng nề cùng quả tạ phá tường đong đưa đã được thực hiện một cách nhẫn nại bằng loại máy quay mười sáu mili. Đằng sau nó ẩn chứa rất nhiều yếu tố mỹ thuật - ánh sáng xuyên qua những bức tường đổ nát của nhà kho, những khung cửa sổ nằm giữa vũng nước, không gian kiến trúc mới hình thành từ những nứt gãy. Bộ phim được mua bởi một nhà sưu tầm nổi tiếng. Sau đó Blaine cho đăng một bài tiểu luận về sự phát tiết đục vọng nửa vời của các nhà làm phim: theo anh thì những bộ phim tạo nên khuôn mẫu cuộc sống mà cuộc sống thực phải khao khát, nhưng đó chỉ là niềm khao khát tự thân của những bộ phim ấy mà thôi. Bản thân bài tiểu luận cũng buông một cái kết hết sức nửa vời. Nó được đăng trong một tạp san nghệ thuật không mấy tiếng tăm, nhưng dẫu sao nó cũng đã khiến anh ấy gây được chú ý trong giới làm nghề như anh hằng ước ao. Anh vốn là mẫu người tham vọng. Ở một bộ phim khác, *Calypso*, Blaine ngồi ăn sáng trên đỉnh tòa tháp Đồng Hồ, chiếc đồng hồ khổng lồ phía sau anh ấy chậm chạp tích tắc. Trên mỗi cây kim đồng hồ anh đều dán những bức ảnh về Việt Nam, bức ảnh một vị sư tự thiêu dính trên kim giây quay khắp mặt đồng hồ.

Những bộ phim đã gây sốt một thời gian. Điện thoại không ngừng réo chuông. Tiệc tùng tới tấp. Các trung gian môi giới tác phẩm nghệ thuật cố tiếp cận chúng tôi. Tạp chí *Vogue* đăng tiểu sử anh. Nhiếp ảnh gia của họ đã chụp một bức hình anh chẳng mặc gì chỉ quấn một cái khăn choàng cổ ý buông dài. Chúng tôi được bao phủ giữa vô số lời tán dương, nhưng nếu bạn cứ đứng quá lâu một chỗ giữa dòng thì sẽ tới lúc ngay cả những bờ sông cũng vượt qua mình. Anh giành được suất tài trợ từ quỹ Guggenheim nhưng chỉ một thời gian sau phần lớn số tiền ấy đều trôi theo thú nghiệm ngập của chúng tôi: Thuốc phiện, ma túy tổng hợp, thuốc an thần Valium, cần sa, thuốc giảm đau Tuinal, các thứ thuốc kích thích khác, thuốc ngủ; bất cứ thứ gì chúng tôi có thể tìm được. Blaine và tôi đã chơi thâu đêm suốt sáng trong phố hàng tuần liền. Lăn lóc chơi bời giữa bọn hỗn tạp om sòm trong khu Village. Ở những bữa tiệc xả láng hoang dại, chúng tôi quay cuồng giữa tiếng nhạc dồn dập và lạc nhau cả tiếng đồng hồ, có khi hai ba tiếng liên tục. Chúng tôi chẳng hề bực bội khi thấy người kia ở trong vòng tay kẻ khác: chỉ

cười sáng sặc và tiếp tục. Tiệc sex. Tiệc đổi đồ. Tiệc “phê”. Chúng tôi hít “cỏ” và ngốn sâm banh. Đây là hạnh phúc, chúng tôi cùng nhau gào thét khắp nhà.

Một nhà thiết kế thời trang từng may cho tôi một bộ váy màu tía với những chiếc cúc vàng là những viên ma túy tổng hợp. Blaine ngoạm từng chiếc cúc ra khỏi chiếc váy khi chúng tôi nhảy cùng nhau. Anh ấy càng say thuốc thì váy của tôi càng tụt sâu xuống.

Chúng tôi bước vào ở lối ra và bước ra ở lối vào. Ban đêm đã không còn là từ gắn với bóng tối; nó thực sự bao gồm cả ánh sáng của ban ngày - chẳng việc gì phải nghĩ về khái niệm ban đêm khi ta chơi tới tận bình minh, đồng hồ báo thức reo vào lúc giữa trưa. Chúng tôi thường lái cả chặng dài về nhà ở đại lộ Park chỉ để cười nhạo mấy gã gác cổng mắt mũi còn kèm nhèm ngái ngủ. Chúng tôi xem suốt phim sớm ở mấy rạp chuyên chiếu loại phim rẻ tiền gần quảng trường Thời Đại. *Two-Trouser. Panty Raid. Girls on Fire.* Chúng tôi chào ánh bình minh trên nóc những tòa nhà khu Manhattan, đó là những bãi biển phủ nhựa đường của chúng tôi. Chúng tôi đón bạn bè từ bệnh viện tâm thần ở Bellevue rồi đưa bọn nó tới thẳng nhà hàng Trader Vic's.

Mọi thứ thật tuyệt vời, kể cả con đường xuống dốc của hai đứa cũng thế.

Mắt trái của tôi bắt đầu bị máy giặt. Tôi cố lờ đi nhưng nó cứ dai dẳng như chiếc kim đồng hồ của Blaine, túc tắc đẩy thời gian quanh mặt tôi. Khi xưa nom tôi khá được, Lara Liveman, gái miền Trung Tây, cô tiểu thư tóc vàng con nhà giàu có bố là ông trùm của cả một đế chế xe hơi, mẹ tôi là người mẫu gốc Na Uy. Nói không ngoa, tôi đẹp đến mức cánh tài xế taxi sẵn sàng đánh nhau để thỉnh tôi lên xe. Nhưng những đêm chơi đang dần vắt kiệt tôi. Răng tôi đã chớm xỉn màu vì dùng quá nhiều Benzedrine. Mắt tôi mờ dần. Màu tóc tôi cũng mất dần vẻ bóng đẹp. Một cảm giác kỳ quặc, sự sống rút dần qua nang tóc, nhoi nhoi như có kim châm.

Thay vì tập trung vào vẽ tranh, tôi đi tới tiệm làm đầu hai ba lần một tuần. Mỗi lần hai lăm đô. Tôi boia cho cô thợ thêm mười lăm đô nữa, rồi bước ra đại lộ, khóc. Tôi sẽ trở lại với việc vẽ tranh. Tôi định ninh vậy. Chỉ cần cho tôi thêm một ngày nữa. Thêm một giờ nữa.

Càng sáng tác ít đi, tôi càng thấy mình có giá. Tôi đang vẽ dở mấy bức phong cảnh thành thị theo trường phái trừu tượng. Một vài nhà sưu tầm đã bắt đầu lớn vồn chung quanh. Tôi chỉ chờ cho sức khỏe ổn định trở lại để hoàn thành những bức vẽ. Nhưng thay vì tới xưởng vẽ, tôi bước thẳng từ quảng trường Union ngập nắng vào trong bóng tối dễ chịu của quán Max's. Tất cả các vệ sĩ đều biết tôi. Cocktail được dọn ra bàn: ly đầu tiên là cocktail Manhattan, chiêu xuống bằng ly White Russian tiếp theo.

Chỉ sau vài phút tôi đã phiêu diêu. Tôi đi loanh quanh, chuyện trò, tán tỉnh, cười âm ỉ. Mấy tay chơi rock nổi tiếng chui vào phòng phía sau, đám họa sĩ tụ tập đằng trước. Đàn ông ở trong nhà vệ sinh đàn bà. Đàn bà vào nhà vệ sinh của đàn ông, hút thuốc, nói chuyện, hôn hít, làm tình. Những khay bánh ngọt trộn cần sa được chuyễn quanh phòng. Cánh đàn ông hít ma túy bằng ống vỏ cây bút viết. Ở Max's tôi chẳng còn biết đến thời gian. Mọi người đều xoay mặt đồng hồ đeo tay vào trong. Có khi thấy đến giờ ăn tối, hóa ra đã qua ngày hôm sau. Thỉnh thoảng khi tôi bước ra mới biết mình ở trong đó suốt ba ngày rồi. Ánh sáng rọi vào nhức mắt khi tôi mở cửa bước ra đường 17, khu nam đại lộ Park. Thỉnh thoảng Blaine cũng nhập hội với tôi, nhưng đa phần là không, mà cũng có những lần thật tình tôi cũng chẳng biết anh ấy có đi cùng tôi hay không nữa.

Những bữa tiệc cứ tới ào ào như mưa. Ở khu Village có nhà tay Billy Lee chuyên kiểm thuốc lậu cho chúng tôi, cửa nhà gã lúc nào cũng mở. Gã cao, gầy, khá điển trai. Gã có hẳn một bộ xúc xắc mà chúng tôi vẫn thường dùng khi chơi những trò nhuộm mùi tình dục. Có một câu nói đùa được truyền tụng là ở chỗ của Billy mọi người đến rồi đi, nhưng hầu hết là đến. Căn hộ của gã bề bộn những đơn thuốc ăn cắp được, mỗi đơn thuốc gồm ba bản với số hiệu BNDD^[32] riêng biệt. Gã đã lấy trộm chúng từ các phòng khám ở khu Đông Thượng; gã thường đi dọc các văn phòng tầng trệt ở tòa

nhà Park và Madison, đá những chiếc điều hòa lọt vào trong rồi bò qua cửa sổ. Chúng tôi biết một bác sĩ chịu kê đơn mấy thứ thuốc kiểu này ở khu Đông Hạ. Mỗi ngày Billy ngốn hai mươi viên. Gã nói đôi lúc tưởng như tìm vọt lên tới cổ họng. Gã mê mấy em phục vụ ở quán Max's, trong đám đó chỉ một em tóc vàng hoe tên Debbie từ chối gã. Thi thoảng tôi thế chân khi mấy em phục vụ chưa chiều được gã. Billy ngâm nga mấy đoạn trong cuốn *Finnegans Wake*^[33] bên tai tôi. *Cha của những kẻ gian dân*^[34]. Anh ta thuộc lòng cả hai mươi trang. Nghe như một loại nhạc jazz. Sau đó tôi vẫn như nghe thấy giọng anh ta văng vẳng bên tai.

Nhà Blaine lẫn căn hộ của tôi đều từng nhận vài trát đòi hầu tòa vì bật nhạc âm ỉ, một lệnh bắt giữ vì tàng trữ thuốc bất hợp pháp, nhưng mãi cho đến lần cảnh sát ập vào khám xét bất ngờ, chúng tôi cuối cùng mới thực sự điêu đứng. Họ lén vào qua cửa. Cảnh sát đi rầm rập quanh phòng. “Đứng dậy”. Một gã đập dùi cui vào mắt cá chân tôi. Tôi khiếp đảm đến nỗi chẳng thể kêu la được gì. Đây không phải một cuộc đột kích bình thường. Billy bị nhấc khỏi đi-văng, đá lăn xuống sàn, bị lột sạch ra để khám xét ngay trước mặt chúng tôi. Rồi gã bị còng tay đưa đi, một cú quá cay của Cục phòng chống ma túy Liên bang. Chúng tôi thoát được kèm một lời cảnh cáo: họ sẽ để mắt tới chúng tôi, họ nói thế.

Blaine và tôi lùng sục khắp thành phố kiếm một liều.

Không mối quen nào còn bán. Tối đó quán Max's đóng cửa. Bọn pê dê hung hăng trên phố Little West 12 tuyệt sẽ không để chúng tôi bước vào câu lạc bộ của chúng. Sương mù phủ khắp Manhattan. Chúng tôi mua được một gói ở Houston nhưng hóa ra đó là chỉ là bột nở. Chúng tôi vẫn nhồi nó đầy mũi, hy vọng có chút ma túy bên trong. Chúng tôi lang thang vào phố Bowery giữa đám say rượu hát hò âm ỉ, bị ba thằng nhãi người Phillippine mặc áo khoác đồng phục xô ép vào hàng rào tiệm tạp hóa gi dao trần lột.

Kết cục chúng tôi phải tới một cửa hàng thuốc ở khu Đông. “Nhìn xem bọn mình hành xác ra cái bộ dạng gì”, Blaine nói. Máu loang khắp vạt trước áo sơ-mi anh ấy. Mắt tôi cứ giật liên hồi không kiềm nổi. Tôi nằm lăn ra đó, hơi ấm từ nền đất thấu tận xương. Tôi thậm chí chẳng còn muốn khóc.

Một gã da màu vứt một đồng hai lăm xu dưới chân chúng tôi. *E pluribus unum*. Đó là một trong những khoảnh khắc tôi ý thức được rằng chúng tôi sẽ không trở lại đó nữa. Đã đến lúc mà khi quá mệt mỏi vì xuống dốc, ta sẽ quyết định dừng lại việc hủy hoại chính mình, hoặc ít ra sẽ cố gắng làm thế, quăng lên trời quả pháo sáng cầu cứu cuối cùng. Chúng tôi bán xưởng sáng tác kiêm chỗ ở tại khu SoHo rồi mua căn nhà gỗ mái tận ngoại ô, như thế giả như chúng tôi có muốn trở lại Max's thì cũng phải đi kha khá đường đất.

Blaine muốn sống một hoặc hai năm ở miền quê, có khi lâu hơn. Không bị quấy rầy. Tìm về gốc rễ của sự thuần khiết. Để vẽ. Để căng tấm toan ra. Để chạm tới điểm sáng tạo. Đó không phải một ý tưởng hippy. Cả hai chúng tôi đều ghét dân hippy, những thứ hoa hoét, những bài thơ của họ, ý tưởng duy nhất của họ. Chúng tôi khác xa đám ấy. Chúng tôi là những người tiên phong, người đặt ra giới hạn và khái niệm. Hai đứa muốn trở lại thập niên hai mươi, như Scott và Zelda^[35], muốn trở lại lối sống lành mạnh. Chúng tôi giữ lại con xe cổ, thậm chí còn tân trang nó, những ghế ngồi được bọc da lại, bảng đồng hồ được đánh bóng. Tôi cắt tóc ngắn kiểu hiện đại. Chúng tôi còn dự trữ thức ăn: trứng, bột mì, sữa, đường, muối, mật ong, lá thơm oregano, ớt, và cả những tảng thịt muối được móc vào chiếc đinh trên trần nhà. Chúng tôi quét sạch mạng nhện rồi chát đầy chạn gạo, ngũ cốc, mứt, kẹo dẻo - chúng tôi tin rằng cuối cùng rồi chúng tôi cũng trở lại cuộc sống lành mạnh. Blaine quyết rằng đã tới lúc trở lại với tranh sơn dầu, theo phong cách của Thomas Benton, hoặc John Steuart Cury. Anh ấy muốn đạt tới sự thuần khiết đậm sắc thái Mỹ. Anh bảo chán ngấy những đồng nghiệp từng cùng học tại đại học Cornell với anh ấy, như Smithson, và Turley và Matta-Clark. Dù sao thì họ cũng đã làm hết sức rồi, anh ấy nhận xét, có cố nữa cũng chẳng tiến xa hơn được. Mấy cái đập xoáy tròn ốc^[36], những ngôi nhà tách đôi^[37] và đồng thùng rác bị đánh cắp đã quá lỗi thời rồi.

Tôi cũng vậy - tôi muốn đưa nhíp đập của những cái cây vào tác phẩm của mình, cuộc hành trình của cỏ, một ít đất bụi. Tôi nghĩ mình có thể

bắt được cái hồn của nước theo một phong cách hoàn toàn mới mẻ và gây sửng sốt.

Chúng tôi đã vẽ những phong cảnh khác hẳn đề tài trước đây - hồ nước, con chim bói cá, sự tĩnh lặng, mặt trăng đậu trên cành cây, bóng chim hét cánh đỏ vụt qua đám lá. Chúng tôi đã quên hết thuốc. Chúng tôi đã làm tình. Mọi thứ thật tuyệt vời, quá tuyệt, cho đến cái ngày chúng tôi trở lại Manhattan.

○ ○ ○

ÁNH BÌNH MINH XANH NHỚT trải khắp phòng. Blaine nằm vắt ngang giường như một vật bị mắc cạn. Không tài nào tỉnh dậy. Nghiến răng trong giấc ngủ. Trông anh ấy gầy guộc, xương má nhô ra, nhưng không phải là không ưa nhìn: có những lúc trông anh vẫn như vận động viên môn polo.

Tôi để mặc anh ấy trên giường và bước ra ngoài hiên. Bình minh đang lên, hơi ẩm đã kịp làm bốc hơi những giọt mưa đêm trên đám cỏ. Một cơn gió nhẹ lướt qua mặt hồ. Tôi nghe được những âm thanh mờ nhạt nhất từ dòng xe trên đường cao tốc cách đó một vài dặm, thứ tiếng rừ rừ trầm thấp.

Vệt khói trắng máy bay để lại cắt ngang bầu trời như một vệt ma túy tan dần.

Đầu tôi nhức thùm thụp, cổ họng khô khốc. Phải mất một lúc mới ý thức được hai ngày vừa rồi là có thực: chuyển đi tới Manhattan, bị bê mặt ở Max's, vụ đụng xe, đêm làm tình. Nhịp sống tạm yên bình một thời gian nay lấy lại sự ồn ã vốn có của nó.

Tôi nhìn ra túp lều nơi Blaine cất con Pontiac. Chúng tôi đã quên băng những bức vẽ. Bỏ mặc chúng ngoài mưa. Thậm chí còn chẳng phủ vải nhựa che. Chúng nằm đó, ướt hồng, tựa vào vách lều cạnh mấy bánh xe bò cũ. Tôi cúi xuống tách chúng ra xem thử. Thành quả của cả năm ròng làm

việc là đây. Nước và sơn trộn lẫn nhau nhòe nhoẹt chảy xuống cỏ. Chỉ chốc nữa thôi khung tranh cũng sẽ cong vênh méo mó. Trớ trêu không chịu nổi. Thế là công phu đổ hết xuống sông xuống biển. Nào là cắt vải bố. Nào là tỉ mỉ rút bớt lông khỏi cọ vẽ. Hàng tháng, hàng tháng trời miệt mài vẽ.

Đâm vào một chiếc xe tải, thế rồi cuộc sống lụi tàn đi ngay trước mắt mình.

Tôi mặc kệ Blaine, không nói gì, cả ngày lảng tránh anh ấy. Tôi đi dạo trong rừng, quanh hồ trên những con đường đất. Gom nhặt khắp xung quanh những thứ mi yêu thích, tôi nghĩ, và rồi chuẩn bị để mất chúng. Tôi ngồi xuống, giật rễ đám dây leo ra khỏi những cái cây: có cảm giác như đó là việc có ý nghĩa nhất mà tôi có thể làm được. Đêm đó tôi lên giường khi Blaine vẫn ngồi nhìn đăm đăm ra mặt hồ, liếm nốt chút ma túy ít ỏi còn lại trong túi.

Sáng ra, mặc những bức vẽ vẫn dựng bên ngoài túp lều, tôi đi bộ về phía thành phố. Ở một thời điểm nào đó mọi thứ đều có thể trở thành dấu hiệu. Được nửa đường, tôi thấy đám chim sáo đá bay lên từ đồng ắc quy xe hơi hỏng.

○ ○ ○

QUÁN ĂN RỂ TIỀN TROPHY nằm cuối phố Main, trong bóng râm của ngôi nhà thờ có tháp chuông. Một dãy xe tải nhỏ đậu bên ngoài, giá súng gắn sau cửa sổ xe không có súng. Một vài chiếc xe hơi khoang rộng kiểu gia đình đỗ trên bãi đất của nhà thờ. Cỏ dại mọc trên đoạn vỉa hè gần cửa. Tiếng chuông lanh lảnh. Vài dân địa phương đang ngồi trên ghế xoay ngoài lại nhìn kẻ mới vào. Tỉ lệ quay đầu rõ là cao hơn thường lệ. Mũ lưỡi trai và thuốc lá. Họ nhanh chóng quay đi, tiếp tục túm lại tán gẫu. Chuyện đó chẳng khiến tôi bận tâm. Dù sao họ cũng đã bao giờ dành nhiều thời gian cho tôi đâu.

Tôi mỉm cười với người nữ hầu bàn ở đằng xa nhưng cô ta chẳng buồn đáp lại. Tôi chọn một chiếc ghế nệm màu đỏ kê dưới bức tranh những con vịt đang bay. Một vài gói đường nhỏ, ống hút và giấy ăn được đặt trên mặt bàn. Tôi lau sạch mặt bàn phoocmica, lấy tăm chơi xếp hình.

Đám đàn ông ngồi trên dãy ghế xoay hăng tiết nói chuyện âm ĩ nhưng tôi chẳng nghe được họ đang nói những gì. Tôi thoáng hoảng hốt, sợ họ đã biết về vụ tai nạn, nhưng điều đó có vẻ quá phi lý.

Bình tĩnh đi nào. Ngồi xuống. Ăn sáng. Ngắm nhìn thế giới lướt qua.

Người nữ hầu bàn cuối cùng cũng tới, đẩy quyển thực đơn về phía tôi, đặt xuống một ly café mà chẳng cần hỏi han gì. Cô ta luôn khoác cái dáng vẻ chán chường mệt mỏi như một kiểu chữ ký quen tay, cô chỉ phẫn chấn lên chút đỉnh khi vội vã trở lại quầy giữa cánh đàn ông.

Vẫn còn vết mấy giọt café kết lại trên miệng cốc trắng chưa được rửa sạch. Tôi lấy khăn giấy cọ sạch. Dưới sàn chỗ tôi ngồi có một tờ báo bị gập lại, nhem nhuốc trứng. *The New York Times*. Gần một năm nay tôi không động đến tờ báo nào. Trong ngôi nhà gỗ chúng tôi có một cái radio có cần quay, mỗi lần muốn nghe tin tức từ bên ngoài chúng tôi lại phải quay cần một lúc để sạc pin cho nó. Tôi đá tờ báo sang chân ghế bên kia. Chẳng còn bụng dạ nào mà đọc tin tức khi mới bị tai nạn thế này, mớ tranh cũng vì thế mà hỏng hết. Thành quả làm việc suốt một năm trời đã tiêu tan. Không biết chuyện gì sẽ xảy ra khi Blaine phát hiện vụ này. Tôi có thể tưởng tượng anh ấy dậy khỏi giường, đầu tóc bù xù, không mặc áo, gãi gãi người, kéo chỉnh lại đũng quần, bước ra ngoài và nhìn về phía túp lều, rùng mình tỉnh hẳn, chạy qua đám cỏ cao lêu đêu, từng vệt cỏ bị giẫm bẹp lại bật dậy đằng sau anh ấy.

Anh ấy không phải người dễ nóng giận - đây cũng là một trong những điểm tôi thích ở anh ấy - nhưng tôi có thể thấy trước ngôi nhà gỗ sẽ vương đầy những mảnh khung tranh bị đập nát.

Thật muốn giữ chân thời gian, ngừng mọi thứ lại chỉ trong nửa giây, cho mình cơ hội để làm lại mọi chuyện, lên dây cót lại cho cuộc sống, không

đâm vào chiếc xe ấy, quay ngược tình hình, để bằng phép màu nào đó đưa bổng cô gái ấy trở lại bên trong kính chắn gió, để tấm kính không vỡ vụn, để bắt đầu ngày mới nguyên lành như quãng thời gian ngọt ngào xưa kia giờ đã mất.

Nhưng nào có trốn được đâu, tấm thân kia đuổi dài dẫm máu.

Tôi cố bắt lấy ánh mắt người nữ hầu bàn. Cô ta đang chống khuỷu tay lên quầy mà tán gẫu với cánh đàn ông. Nghe như bọn họ đang nháo nhác vì vụ gì đó. Tôi hăng giọng ho một tiếng rõ to rồi mỉm cười với cô ấy. Cô ấy thở dài như thể muốn nói tôi đến ngay đây, vì Chúa, đừng có thúc giục. Cô ấy đi vòng ra khỏi quầy, nhưng lại dừng lại giữa chừng để phá lên cười đáp lại một câu đùa suồng sã.

Một gã trong đám đàn ông mở tờ báo đọc. Khuôn mặt Nixon ở trang bìa nháng qua trước mắt tôi. Tóc chải ngược bóng loáng, giả tạo và tham lam. Tôi luôn ghét Nixon, không chỉ vì những chuyện đáng ghét hiển nhiên ông ta gây ra, mà còn vì với tôi ông ta chẳng những phá hủy quá khứ mà còn đầu độc cả tương lai. Bố tôi đồng sở hữu một công ty sản xuất xe hơi ở Detroit và toàn bộ số của cải kếch xù của gia đình tôi đã tiêu tan chỉ trong một vài năm qua. Không phải tôi bận tâm tới món tiền thừa kế - tôi chẳng cần, dù chỉ một chút - nhưng tôi như thấy tuổi thơ của mình đang lùi xa dần ngay trước mắt, những khoảnh khắc êm đềm khi bố kiệu tôi trên vai ông và cù vào nách tôi, rúc vào giường đùa với tôi, hôn lên má tôi, những tháng ngày đó giờ đã xa, và càng trở nên xa cách hơn bởi những đổi thay.

— Có chuyện gì vậy?

Giọng tôi cố tỏ ra bình thường. Cô phục vụ đã bút giấy sẵn sàng.

— Cô không nghe gì à? Nixon “xong” rồi.

— Bị bắn à?

— Trời đất, không. Từ chức.

— Đúng hôm nay sao?

— Không, ngày mai, cứng ạ. Tuần sau. Có khi tận Giáng Sinh.

— Sao?

Cô ta gõ nhẹ chiếc bút lên cái cằm nhọn.

— Cô ăn gì nào?

Tôi lấp bắp gọi một trứng cuộn kiểu miền Tây rồi nhấp chút nước trong chiếc cốc nhựa cứng.

Một hình ảnh lướt qua tâm trí tôi. Trước khi tôi gặp Blaine - trước khi chơi thuốc, vẽ tranh và dọn tới khu Village - tôi đã từng yêu một anh chàng quê ở Dearborn. Anh ấy từng tình nguyện tham gia chiến đấu ở Việt Nam, trở về nhà với cái nhìn đờ đẫn và một mảnh đạn nằm gọn trong xương sống. Ngồi xe lăn mà anh ấy vẫn làm tôi choáng váng khi tham gia vận động bầu cử cho Nixon vào năm 1968, anh đi khắp nội thành và vẫn đồng tình với tất cả những điều chính anh ấy cũng không hiểu nổi. Chúng tôi đã chia tay sau đợt đó. Tôi nghĩ tôi hiểu rõ về Việt Nam - ta sẽ để lại nơi ấy đổ nát và đẫm máu. Những lời nói dối được lặp đi lặp lại trở thành lịch sử, nhưng không nhất thiết sẽ trở thành sự thật. Anh ấy nuốt chửng những câu dối trá ấy, thậm chí còn dán lên xe lăn đủ thứ stickers. NIXON YÊU CHÚA. Anh ấy đến từng nhà, tung ra những lời đồn về Hubert Humphrey^[38]. Anh ấy thậm chí còn mua cho tôi một chuỗi vòng gắn biểu tượng con voi của đảng Cộng hòa. Tôi đã đeo nó để làm vừa lòng anh ấy, để trả lại đôi chân cho anh ấy, nhưng dường như ánh lửa đã lụi tàn trong mắt anh và trí óc anh thì đã bị tống vào một ngăn kéo nhỏ. Tôi vẫn tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu tôi còn ở bên anh ấy và học cách ca ngợi sự ngu dốt. Anh ấy từng viết thư cho tôi kể chuyện anh ấy đã xem phim Tháp Đồng hồ của Blaine và buồn cười đến nỗi ngã khỏi xe lăn không đứng dậy được, giờ anh ấy cũng đang bò lê, có cách nào để giúp anh ấy đứng dậy không? Cuối thư anh ấy nói, *Mẹ kiếp cô, đồ đàn bà phản trắc vô tâm, cô vắt kiệt tấm chân tình của tôi rồi*. Dẫu vậy, mỗi lần nhớ đến anh ấy tôi vẫn hình dung ra hình ảnh anh ấy đứng đợi tôi dưới chân khán đài sơn trắng của trường trung học với nụ cười rạng rỡ và ba mươi hai chiếc răng sáng bóng.

Đầu óc vụt chuyển cảnh: hãy tổng khứ nó đi, phải rồi, tổng vào ngăn kéo.

Tôi lại thấy cô gái trong vụ đụng xe, khuôn mặt cô ấy hiện lên sau vai anh ta. Lần này không phải hình ảnh những chỗ trắng bệch dưới chân cô ấy. Cô ấy hiện ra toàn vẹn và xinh đẹp. Không phấn mắt, không trang điểm, không vờ vĩnh. Cô ấy mỉm cười với tôi và hỏi tôi tại sao lại phóng xe đi, lẽ nào tôi không muốn chuyện trò cùng cô ấy, tại sao tôi không dừng lại, nào, làm ơn, lẽ nào tôi không muốn nhìn miếng kim loại đã xé toạc xương sống cô ấy, và cả cái mặt đường mà thân mình cô ấy đã mơn trớn ở vận tốc năm mươi dặm một giờ nữa?

— Cô ổn chứ? - cô phục vụ hỏi, lẳng đĩa thức ăn xuống bàn.

— Ổn, ừm.

Cô ta sẫm soi chiếc cốc còn đầy rồi lại hỏi: Có chuyện gì không?

— Chỉ là không vui thôi.

Cô ta nhìn tôi như thể tôi thuộc chủng tộc khác vậy. Không uống café à? Thế thì gọi cho Ủy ban điều tra các hoạt động chống Hoa Kỳ thôi.

Quý bắt cô đi, tôi nghĩ thầm. Để tôi yên. Đi mà lo đám cốc tách chưa rửa của cô.

Nhưng tôi chỉ ngồi im và mỉm cười với cô ta. Món trứng tráng trông nhão nhoét và sống sít. Tôi ăn một miếng, dầu mỡ làm bụng dạ tôi nhộm nhoạm. Tôi cúi xuống, duỗi chân khoèo tờ báo ngày hôm qua dưới gầm bàn lại gần rồi cầm lên. Có một bài về người đàn ông đi dây giữa hai tòa tháp của Trung tâm Thương mại Thế giới. Anh ta có vẻ đã khảo sát kỹ tòa nhà trong sáu năm để rồi anh không chỉ đi trên đó mà còn nhảy múa, thậm chí nằm trên sợi dây. Anh ta nói rằng cứ thấy mấy quả cam là muốn chơi trò tung hứng, cứ thấy những tòa nhà chọc trời là muốn đi dạo giữa chúng. Không biết anh ta sẽ làm gì nếu bước vào cái quán ăn rẻ tiền này và bắt gặp những mảnh cơ thể tôi vương vãi khắp nơi, nhiều tới mức không sao tung hứng được.

Tôi lật qua những trang báo còn lại. Vài tin về đảo Síp, phương pháp xử lý nước, một vụ giết người ở Brooklyn, nhưng hầu hết là bài về Nixon, Ford và vụ Watergate. Tôi không biết nhiều về vụ bê bối này. Tôi và Blaine không theo dõi những vụ thế này, mấy trò tàn nhẫn tận cùng của giới chính trị đương quyền. Một loại bom napalm thả ngay trên quê nhà. Tất nhiên tôi vui mừng khi thấy Nixon từ chức, nhưng chẳng hy vọng gì việc đó đánh dấu sự khởi đầu cho một cuộc cách mạng. Sẽ chẳng có đổi thay gì khác, may ra thì Ford sẽ chịu ngồi yên độ trăm ngày, trước khi ra lệnh thả nhiều bom hơn nữa. Đối với tôi từ cái ngày Sirhan Sirhan^[39] bắn phát súng độc ác đó xem ra chẳng có gì tốt đẹp xảy ra nữa. Thời kỳ êm ả đã qua rồi. Tự do là một từ mà mọi người đều nhắc đến nhưng không một ai thực sự biết đến cả. Người ta đã chẳng còn điều gì để mà đấu tranh nữa, ngoại trừ quyền được sống lập dị.

Báo không nhắc đến vụ đụng xe trên đường FDR, thậm chí một mẩu tin nhỏ ở góc trang cũng không.

Nhưng cô ấy vẫn hiển hiện, vẫn nhìn tôi. Tôi không hề nghĩ đến người lái xe - không hiểu sao lại thế - trong đầu tôi toàn là hình ảnh cô ấy, chỉ cô ấy mà thôi. Tôi như đang lê bước qua bóng tối về phía cô ấy trong khi tiếng động cơ xe vẫn rền rĩ còn cô ấy nằm giữa muôn vàn mảnh kính vỡ. Ngài có sức mạnh toàn năng phải không, hồi đấng tối cao? Vậy thì hãy cứu cô ấy. Nhấc cô ấy ra khỏi vỉa hè và phủi sạch vụn kính vương trên tóc cô ấy. Rửa sạch cái vũng máu giả trên nền đất đi. Hãy cứu cô ấy ngay ở đây, ngay lúc này đi, hãy hàn gắn lại cái cơ thể đập nát ấy.

Tôi cảm thấy đau đầu. Các ý nghĩ quay cuồng. Tôi cảm thấy như mình đang lắc lư trên ghế. Có lẽ là ma túy đang thoát ra khỏi cơ thể. Tôi nhấc một miếng bánh mì lên để trước miệng cho có lệ, vậy mà mùi bơ cũng khiến tôi buồn nôn.

Ngoài cửa sổ, một chiếc xe cổ có lốp xe viền trắng tấp vào lề đường. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra đó không phải ảo giác, không phải như cảnh phim gợi lại từ ký ức. Cánh cửa xe mở ra, một chiếc giày chạm xuống đất. Blaine bước ra khỏi xe và lấy tay che mắt. Gần y hệt động tác trên

đường cao tốc hai ngày trước. Anh mặc áo sơ-mi cài khuy tới cổ và quần jean. Không mặc trang phục kiểu hoài cổ nữa. Trông hết như anh dân quê thực thụ. Anh vuốt tóc ra sau cho khỏi xòa vào mắt. Khi anh băng qua đường, dòng xe dừng lại nhường đường. Tay thọc sâu trong túi quần, anh ấy đi dọc dãy cửa sổ của quán ăn và ném về phía tôi một nụ cười. Có một vẻ rộn ràng khó hiểu trong những bước chân của anh ấy, người cứ giật giật tới lui theo nhịp đi. Trông như một gã chuyên làm nghề quảng cáo, thật giả tạo. Rồi đột nhiên tôi thấy lại hình ảnh anh hôm đó trong bộ đồ bằng vải sọc nhẵn. Anh lại cười. Có lẽ anh đã nghe được tin về Nixon. Mà khả năng cao hơn là anh vẫn chưa nhìn thấy mấy bức vẽ nhoe nhoét hết đường cứu vãn ở nhà.

Tiếng chuông cửa rung lên. Tôi thấy anh ấy vẫy tay về phía người nữ hầu bàn và gật đầu với cánh đàn ông. Một con dao trợn màu vẽ thò ra từ túi áo sơ-mi của anh ấy.

— Trông em nhợt nhạt quá, cưng.

— Nixon từ chức rồi, - tôi nói.

Anh ngoác miệng cười khi nghiêng người qua bàn hôn tôi.

— Tuyệt cú. Biết không? Anh thấy mấy bức vẽ rồi.

Tôi rùng mình.

— Chúng cực kỳ hơn trước nhiều, - anh ấy nói.

— Gì cơ?

— Đêm trước chúng bị bỏ ngoài mưa.

— Em thấy rồi.

— Hoàn toàn thay đổi nhé.

— Em rất tiếc.

— Em rất tiếc ư?

— Vâng, em rất tiếc, Blaine, em rất tiếc.

— Ôi trời.

— Ôi trời gì chứ, Blaine?

— Em không thấy sao? - Anh sôi nổi. - Em đã cho chúng một kết cục hoàn toàn khác. Giờ chúng trở nên mới mẻ. Em thực sự không nhận ra điều đó sao?

Tôi ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào mắt anh ấy, và đáp, không, em không nhận ra. Em chẳng nhận ra gì hết, không thấy cái quái gì hết.

— Cô gái đó đã bị giết, - tôi nói.

— Ôi, lạy Chúa. Đừng nhắc chuyện cũ nữa.

— Cũ à? Mới chỉ ngày hôm kia thôi, Blaine.

— Anh còn phải bảo em bao nhiêu lần nữa đây hả? Không phải lỗi của chúng ta. Cứ vui lên. Và bơn bốt cái mồm chứ, Lara, ở đây, đừng có gào lên thế.

Anh nghiêng người qua nắm lấy tay tôi, mắt nheo lại nhìn tôi chăm chú: Không phải lỗi của chúng ta, không phải lỗi của chúng ta, không phải lỗi của chúng ta.

— Ý anh là không phải lúc đó anh chạy nhanh hay muốn tông vào một gã ngốc nào đó không biết lái xe, - anh phân trần. - Sự việc chỉ là ngẫu nhiên thôi. Mọi vật có thể va vào nhau lúc nào đó chứ.

Anh ấy xiên một miếng trứng của tôi rồi cụp mắt chậm rãi nhai miếng ăn trong miệng, bàn tay cầm nĩa hơi chĩa vào tôi.

— Anh vừa mới khám phá ra một điều mà em thì chẳng thèm lắng nghe gì cả.

Có vẻ như anh ấy muốn kích cho tôi hoạt bát lên bằng một câu đùa ngớ ngẩn thì phải.

— Một khoảnh khắc đốn ngộ, - anh nói tiếp.

— Về cô ấy à?

— Em hãy dừng ngay lại đi, Lara. Em phải tỉnh táo lại mới được. Nghe anh nói nào.

— Về Nixon à?

— Không, không phải Nixon. Nixon cái khi gió gì chứ. Lịch sử rồi sẽ tính toán với Nixon. Nghe anh nói nào, đi mà. Em đang cư xử điên rồ đấy.

— Có một cô gái đã chết.

— Quá đủ rồi. Đừng có quan trọng hóa vấn đề như thế.

— Anh ta cũng có lẽ đã chết, cái anh chàng chung xe đó.

— Im đi. Mẹ. Kiếp. Chỉ là một cú chạm nhẹ, chỉ có vậy, không hơn. Đèn phanh của xe gã ta có cháy đâu.

Người nữ hầu bàn đi tới, Blaine thả tay tôi ra. Anh ấy gọi một phần đặc biệt với trứng, thịt lợn xông khói và xúc xích hươu. Người phục vụ quay đi và anh mỉm cười nhìn theo, ngắm cô nàng ngoe nguẩy bước đi.

— Nghe này, - anh ấy nói, - vấn đề là thời gian. Em thử nghĩ đi. Chính là thời gian.

— Thời gian gì?

— Những bức vẽ ấy. Chúng chính là lời bình về thời gian. - Ôi, lạy Chúa, Blaine.

Mắt anh lấp lánh, trong suốt thời gian vừa qua tôi chưa khi nào thấy ánh mắt ấy nơi anh. Anh xé mấy túi đường nhỏ rồi trút cả vào cốc café. Một vài hạt đường vãi ra bàn.

— Nghe này. Chúng ta vẽ những bức tranh thời thập niên hai mươi, phải không nào? Và chúng ta sống theo không khí thời kỳ đó, đúng không? Ưu thế là ở đó, chúng đã bị đảo lộn hết cả, những bức vẽ ấy, chính em cũng đã nói vậy mà. Và chúng gợi nhắc về thời kỳ đó, phải không? Chúng vẫn giữ được phong cách chính thống thời đó. Một thứ vỏ bọc đầy nghệ thuật, phải không nào? Thậm chí mang nét đơn điệu. Tất cả đều có mục đích cả. Chúng ta là người gieo mầm ban đầu. Nhưng em có nhận ra thời tiết đã làm gì với chúng không?

— Ừm, em có thấy.

— Ờ, sáng nay anh bước ra ngoài, thấy mấy bức vẽ mà choáng cả người. Nhưng sau đó anh bắt đầu quan sát kỹ hơn. Trông chúng đẹp và điêu tàn. Em không nhận ra ư?

— Không.

— Nghĩ xem, nếu chúng ta vẽ một loạt tranh và để mặc chúng ngoài trời thì sao? Để cho hiện tại tác động lên quá khứ. Chúng ta có thể tạo ra một thứ rất cấp tiến. Tạo ra những bức vẽ theo phong cách của quá khứ rồi để hiện tại phá hủy chúng. Ta để thời tiết trở thành một tác nhân sáng tạo. Thế giới hiện thực tác động lên nghệ thuật của em. Như vậy em đem đến cho nó một diện mạo mới. Em diễn dịch lại ý nghĩa của nó. Thật hoàn hảo, phải không?

— Cô gái ấy đã chết rồi, Blaine.

— Cho qua chuyện đó đi.

— Không, em không cho qua được.

Anh vung tay lên trời rồi đập mạnh xuống bàn. Những hạt đường nảy lên. Vài gã đàn ông ngồi chỗ quầy quay lại ném ánh nhìn về phía chúng tôi.

— Ôi, mẹ kiếp. - Anh ấy rửa. - Nói với cô thà vạch đầu gối ra nói cho xong.

Bữa sáng được bưng đến, anh mặt sừng mà sĩa sĩa ngồi ăn. Anh vẫn liên tục ngẩng lên nhìn tôi, như mong tôi có thể đột ngột thay đổi, đột ngột trở về là người đẹp mà anh ấy đã cưới, nhưng ánh mắt ấy buồn bã và chán ghét. Anh ăn xúc xích với vẻ hăn học, chọc mạnh vào nó như thể nó là nguyên nhân khiến anh ấy bức mình, một sinh vật sống. Một ít trứng dính ở mép anh ấy, chỗ râu chưa cạo kỹ. Anh cố trình bày về dự án mới của mình, rằng một con người có thể tìm được ý nghĩa trong mọi hoàn cảnh. Giọng anh vo ve như con ruồi sa bẫy. Luôn khao khát có được sự đảm bảo, có được ý nghĩa. Anh ấy cần tôi như một phần những mẫu vẽ của anh ấy. Tôi cảm thấy nổi thối thúc muốn nói cho Blaine biết rằng khi trước tôi đã dành cả đời thật lòng yêu chàng thanh niên ngồi xe lăn ủng hộ Nixon, và rằng từ dạo ấy

đến giờ, mọi thứ đều nhạt nhẽo tuốt, và ấu trĩ, và vô tích sự, và mệt mỏi. Tất cả mớ nghệ thuật của chúng tôi, những dự án, những thất bại, tất cả đều là thứ bỏ đi, chẳng có gì đáng kể cả; nhưng thay vì nói những lời ấy, tôi chỉ ngồi đó, im lặng, lắng nghe tiếng nói chuyện rầm rì văng lại từ quầy và tiếng những chiếc nĩa va vào đĩa lách cách.

— Xong rồi, đi thôi, - anh cộc lốc.

Blaine bật ngón tay ra hiệu, cô hầu bàn chạy tới. Anh ấy để lại một khoản tiền boa phung phí và chúng tôi bước ra ngoài nắng.

Blaine đeo một cặp kính râm lớn rồi sai bước về phía hiệu sửa xe cuối đường Main. Tôi đi chậm hơn anh vài bước. Anh không ngoảnh lại, cũng không đợi.

— Này, anh bạn, có đơn hàng đặc biệt đây, kiếm được không? - Anh ấy nói với cặp chân đang thò ra ngoài gầm một chiếc xe hơi.

Người thợ máy trườn ra, liếc nhìn lên rồi nháy mắt.

— Tôi có thể giúp gì cho anh nào?

— Thay đèn pha cho con Pontiac đời 1927. Và cái cản sóc đằng trước.

— Một gì chứ?

— Anh có kiếm được hay là không đây?

— Đây là nước Mỹ mà sếp.

— Vậy thì tìm mấy món đó đi.

— Mất thời gian đấy, anh bạn. Cả tiền nữa.

— Không thành vấn đề, - Blaine nói. - Tôi có cả hai.

Người thợ máy thò tay xia răng rồi cười nhăn nhó. Anh ta nặng nhọc lê tới chiếc bàn bệ bộn đầy những giấy má, vụn vỏ bút chì và ảnh những cô nàng xinh đẹp nóng bỏng trên lịch. Tay Blaine đang run nhưng anh ấy chẳng quan tâm; giờ anh ấy chỉ nghĩ đến việc sẽ phải làm gì với những bức vẽ một khi xe được sửa xong. Ngay khi đèn pha và cái cản sóc được thay xong, anh

có thể đẩy toàn bộ chuyện này vào quên lãng rồi bắt đầu làm việc. Tôi không biết cơn ám ảnh nghệ thuật mới này sẽ theo anh ấy được bao lâu - một giờ đồng hồ, một năm, hay cả đời?

— Em lên xe chứ? - Blaine nói khi chúng tôi bước ra khỏi ga ra.

— Em thích đi bộ hơn.

— Mình nên quay phim lại quá trình này, - anh vót vát. - Em biết không, về chuyện loạt tranh mới sẽ được vẽ như thế nào và tất cả. Tất tần tật ngay từ lúc bắt đầu. Phải làm một phim tư liệu về nó, phải không nào?

○ ○ ○

MỘT DÃY NGƯỜI HÚT THUỐC đứng ngay trước cửa bệnh viện Thủ Đô trên phố 98 và đại lộ số 1. Người nào người nấy trông như điều thuốc cuối cùng được hút, tàn tạ sắp rụi sụp xuống. Nhìn qua hai cánh cửa tự đóng, có thể thấy phòng nhận bệnh đã chật ních người. Trong phòng mịt mờ khói thuốc. Những vết máu đây đó trên sàn. Những gã nghiện sống sượng trên ghế dài. Loại bệnh viện như thế này có lẽ cần một bệnh viện cho chính nó.

Tôi cố bước xuyên qua đám người bị hành tội. Đây đã là phòng nhận bệnh thứ năm tôi ghé rồi, và tôi bắt đầu nghĩ không chừng cả người lái xe và cô gái trẻ đều đã chết trong vụ va chạm đó và được đưa thẳng tới nhà xác.

Một viên bảo vệ chỉ tôi tới bàn thông tin. Một cánh cửa sổ khoét vào bức tường của căn phòng không đánh số cuối hành lang. Một phụ nữ mập mạp ngồi đóng khung trong đó. Nhìn từ xa trông bà ta giống như đang trong ti vi vậy. Cặp kính của bà lòng thòng dưới cổ. Tôi rụt rè bước tới bên cửa sổ và lí nhí hỏi về một người đàn ông và một phụ nữ có thể đã được đưa tới đây sau vụ đụng xe chiều thứ Tư.

— Ờ, cô là họ hàng hả? - bà ta hỏi, thậm chí chẳng buồn liếc mắt về phía tôi.

— Vâng, - tôi lắp bắp. - Em họ.

— Cô đến đây để nhận di vật của anh ta phải không?

— Gì của anh ta cơ ạ?

Bà ta nhìn lướt qua tôi.

— Di vật của anh cô?

— Đúng thế.

— Cô sẽ phải ký nhận.

Chỉ trong vòng mười lăm phút sau, tôi đã thấy mình đứng đó, cầm một chiếc hộp đựng tài sản của ông John A. Corrigan quá cố. Gồm một chiếc quần đen đã bị rách ở cạnh bằng kéo của bệnh viện, một áo sơ-mi đen, một áo thun trắng mặc trong đốm máu, quần lót, và bút-tất để trong túi nhựa, một mề đay dập biểu tượng tôn giáo, một đôi giày đế mềm màu sẫm đế đã mòn, bằng lái xe, một biên lai phạt vì đỗ xe trái phép trên phố John hồi 7 giờ 44 phút sáng thứ Tư, ngày mồng bảy tháng tám, một gói thuốc lá cuộn, vài mảnh giấy, một vài đô la, và thật kỳ quặc, cả một móc chìa khóa có hình hai đứa trẻ da đen. Ngoài ra còn có một chiếc bật lửa màu hồng phấn, có lẽ đây là đồ vật lạ lùng lạc lõng nhất giữa đám đồ. Tôi không muốn chiếc hộp này. Tôi đã nhận nó vì lúng túng, vì trách nhiệm với lời nói dối của bản thân, một việc bắt buộc phải làm để giữ thể diện, và cũng có lẽ là để che đậy sự thật. Tôi bắt đầu nghĩ rằng có khi chạy khỏi hiện trường như vậy bị coi là tội ngộ sát, hoặc ít ra cũng là tội nặng, và giờ lại thêm một hành động tội lỗi nữa, không mấy nghiêm trọng nhưng lại khiến tôi ghê tởm. Tôi muốn bỏ lại chiếc hộp trên bậc thềm bệnh viện và trốn chạy khỏi bản thân. Tôi đã kích khởi toàn bộ những việc này, và tất cả những gì họ trao cho tôi là di vật của một người đã chết. Thật quá sức của tôi. Giờ đã đến lúc phải về nhà, nhưng tôi đã nhận lấy chỗ đồ đặc nhuộm máu của người đàn ông này. Tôi nhìn chăm chăm vào chiếc bằng lái. Anh ta trông trẻ hơn cái hình ảnh đã đóng cứng lại trong trí nhớ của tôi. Ánh mắt khiếp đảm dị thường, nhìn ra điểm nào đó tít xa.

— Thế còn cô gái?

— Cô ta ư, D. O. A.^[40], - người phụ nữ đáp, như thể đang đọc một biển giao thông.

Bà ta ngược lên nhìn tôi và chỉnh lại cặp kính trên mũi.

— Còn gì nữa không?

— Không, cảm ơn, - tôi lắp bắp.

Những điều tôi có thể thực sự chấp ghép lại là John A. Corrigan - sinh ngày 15 tháng một năm 1943, cao gần mét tám, nặng 70kg, mắt xanh - có thể là bố của hai đứa trẻ da đen ở khu Bronx. Có lẽ anh ta đã kết hôn với cô gái bị ném qua kính chắn gió. Có lẽ những đứa trẻ trong ảnh là con gái anh ta, giờ đã lớn. Hoặc có lẽ đó là một hành vi giấu giếm, như Blaine đã nói, anh ta có thể đang vụng trộm với người phụ nữ đã chết.

Một bản sao đơn thuốc được gập lại dưới đáy hộp. Nét chữ nguệch ngoạc gần như không thể luận ra được. *Cardiac tamponade. Clindamycin, 300mg*. Trong giây lát tôi như quay trở lại đường cao tốc. Cú chạm vào đuôi xe tải và chính tôi đang xoay lộn trong chiếc xe tải màu nâu ấy. Những bức tường, nước sông, rào chắn.

Mùi áo sơ-mi của anh ta bốc lên khi tôi bước ra chỗ thoáng. Tôi có ước muốn điên rồ là phân phát thuốc lá của anh ta cho những kẻ nghiện thuốc đang vật vờ bên ngoài.

Một lũ con trai người Puerto Rico đang tụ tập ngay trước con Pontiac. Chúng đi những đôi giày màu mè, mặc quần ống loe và nhét mấy bao thuốc dưới tay áo phông. Chúng có thể đánh hơi thấy mùi sợ sệt từ tôi khi tôi rụt rè bước lại. Một thằng bé cao gầy rướn người qua vai tôi và rút ra chiếc túi nhựa đựng đồ lót của Corrigan, vờ kêu la, rồi vứt xuống đất. Những đứa khác phá lên cười hùa theo.

Tôi cúi xuống nhặt chiếc túi lên nhưng cảm thấy một bàn tay lướt qua ngực mình.

Tôi đứng thẳng lên nhìn chăm chăm vào mắt thằng bé kia.

— Mà dám à.

Tôi cảm thấy mình già hơn nhiều so với cái tuổi hai tám, như thể tôi đã trải qua hàng thập kỷ chỉ trong vài ngày qua. Nó lùi lại hai bước.

— Xem thử tí mà.

— Đừng.

— Cho đi nhờ với.

— Pontiac! - Một thằng khác la lên. - Phải Ông Nhọ Thì kêu Í A Cadillac^[41]!

— Cho đi nhờ tí mà, cô hai.

Lại thêm những tiếng cười rúc rích.

Nhìn qua vai thằng bé, tôi thấy một nhân viên an ninh của bệnh viện đang tiến về phía chúng tôi. Ông ta đội mũ kêfi, sải bước chạy qua, miệng nói vào bộ đàm. Đám con trai tản ra và chạy mất hút vào phố, hò reo.

— Cô không sao chứ, thưa cô? - ông ta hỏi.

Tôi lóng ngóng với chùm khóa để mở cửa xe. Tôi cứ nghĩ ông ta sẽ đi vòng qua trước xe, phát hiện đèn pha đã vỡ và suy đoán ra tất cả, nhưng ông ta chỉ hướng dẫn tôi đánh xe ra đường nào. Qua gương chiếu hậu tôi nhìn thấy ông ta nhặt chiếc túi nhựa đựng đồ lót mà tôi đã để quên trên vỉa hè lên. Ông ta giơ nó lên nhìn trong giây lát rồi nhún vai, ném vào thùng rác cạnh đường.

Tôi rẽ vào góc phố dẫn tới đại lộ số Hai, ứa nước mắt.

Tôi vào thành phố tiếng là để mua một cái máy quay mới cho Blaine, để ghi lại hành trình của những bức tranh anh vẽ. Nhưng những cửa hàng duy nhất mà tôi biết là ở phố 14, gần khu nhà cũ của tôi. Ai nói là ta không thể trở về nhà nữa chứ? Nhưng thay vì đến đó tôi lái xe tới khu Tây thành phố. Rẽ vào một bãi đỗ xe nhỏ trong công viên Riverside dọc bờ sông. Hộp bìa các-tông đặt ở trên ghế trong xe ngay cạnh tôi. Cuộc đời của một người đàn ông xa lạ. Trước giờ tôi chưa từng làm việc gì như thế này. Ý định bỗng bật của tôi đã được thực hiện. Mọi chuyện quá dễ dàng, chỉ cần một chữ ký đơn giản và một lời cảm ơn. Tôi nghĩ đến việc thả hết mọi thứ thuộc về anh

ta xuống sông Hudson, nhưng có những điều mà ta không thể ép mình làm nổi. Tôi lại nhìn chăm chăm vào bức hình. Người đã đưa tôi tới đây không phải anh ta, mà là cô gái. Tôi vẫn chẳng biết gì về cô ấy cả. Điều này chẳng có ý nghĩa gì. Tôi sẽ làm gì đây? Thực hành nghi thức hồi sinh xác chết kiểu mới à?

Tôi bước ra khỏi xe, mò lấy một tờ báo trong thùng rác gần đó và đọc lướt qua xem có tìm được thông cáo báo tử hay cáo phó nào không. Có một bài xã luận dành cho nước Mỹ của Nixon, nhưng không có cái nào nói về một phụ nữ da đen trẻ chết trong vụ tai nạn mà người gây ra đã bỏ trốn cả.

Tôi lấy hết can đảm lái xe tới Bronx, theo địa chỉ ghi trên tấm bằng lái. Những dãy nhà liền nhau trên những khu đất đã bị bỏ hoang. Những mảnh túi bóng rách tướp vương trên hàng rào lưới. Những cây catalpa còi cọc oằn mình trong gió. Những xưởng sửa chữa xe hơi. Mới và cũ.

Mùi cao su và gạch cháy. Ai đó viết lên tường: DANTE ĐÃ BIẾN MẤT.

Phải mất rất nhiều thời gian mới tìm được đến nơi. Có hai xe cảnh sát đỗ dưới đường cao tốc Major Deegan. Hai gã cảnh sát đặt một hộp bánh vòng trên bảng đồng hồ giữa họ, như cảnh trong chương trình giải trí hạng xoàng trên ti vi. Họ nhìn tôi chăm chăm, miệng há hốc khi tôi đỗ xe sát họ. Tôi không còn biết sợ hãi là gì nữa. Nếu họ muốn bắt tôi vì đã gây ra tai nạn rồi bỏ trốn, xin cứ việc.

— Nơi này rất lộn xộn, thưa bà, - một trong hai gã nói bằng giọng mũi New York. - Xe hơi kiểu đó sẽ gây chú ý đấy.

— Chúng tôi giúp gì được đây, thưa bà? - Gã kia cũng lên tiếng.

— Có lẽ trước tiên thôi gọi tôi là bà đi chẳng?

— Ồ, nóng nảy quá nhỉ?

— Vậy cô cần gì hả tiểu thư? Ở đây chẳng có gì khác ngoài rắc rối đâu.

Và như để xác minh, một chiếc xe đông lạnh đồ sộ giảm tốc khi qua trụ đèn giao thông, người lái xe kéo kính cửa xuống từ từ tấp vào lề đường, ngó ra ngoài, rồi đột ngột tăng tốc vọt đi khi nhìn thấy xe cảnh sát.

— Hôm nay bây khỏi có thuốc đi, - một cảnh sát hét to về phía chiếc xe tải đang phóng qua.

Gã cảnh sát lùn hơn hơi tái mặt khi ngoảnh lại nhìn tôi, gã hơi nhếch cười khiến mí mắt nhăn lại. Gã lấy tay che chỗ mờ phình ra ở thắt lưng.

— Không buôn bán gì hôm nay hết, - gã nói lại, gần như là hối lỗi.

— Vậy, chúng tôi có thể giúp gì nào? - gã kia hỏi lại.

— Tôi đang tìm địa chỉ để trả lại một vài thứ.

— Thế à?

— Tôi có mang chúng theo. Ở trong xe.

— Cô mua xe ở đâu vậy? Hiệu gì nhỉ? Giống như từ thời 1850 vậy?

— Đó là của chồng tôi.

Hai nụ cười rất nhẹ, nhưng trông họ có vẻ vui vì tôi đã phá vỡ sự buồn tẻ lúc này. Họ bước tới xe của tôi và đi vòng quanh, bàn tay lướt dọc mặt táp lô bằng gỗ, kính ngạc trước cái phanh tay. Tôi vẫn thường tự hỏi liệu có phải việc tôi và Blaine giữ nếp sống như những năm hai mươi đơn giản là để giữ lại chiếc xe này hay không. Chúng tôi đã mua nó làm quà cưới cho mình. Mỗi lần ngồi trên xe, tôi có cảm giác như được trở lại quãng thời gian bình dị hơn bây giờ.

Gã cảnh sát thứ hai chăm chú nhìn vào hộp di vật. Các món đồ trông thật ghê tởm, nhưng tôi chẳng có tư cách gì để nói. Tôi chợt cảm thấy dằn vặt khi nghĩ đến cái túi nhựa đựng đồ lót mà tôi đã bỏ lại ở bệnh viện, như thể bắt buộc phải có nó thì người đã khuất mới được trọn vẹn vậy. Một gã nhắc tờ biên lai phạt vì đỗ xe không đúng quy định lên, rồi cả tấm bằng lái từ đáy hộp nữa. Gã trẻ tuổi hơn gật đầu.

— Đây, đó là cái tay người Ireland, gã linh mục đấy mà.

— Hẳn rồi.

— Cái gã đã phi nhõ chúng ta vì vụ mấy ả gái điếm. Gã ta lái chiếc xe tải.

— Gã ở trên tầng năm ấy. Ý tôi là anh trai gã. Đang dọn nốt đồ đạc của gã.

— Một linh mục ư? - tôi bất ngờ.

— Là thầy tu hay đại loại thế. Một trong cái đám hoạt động gì gì. Nhà gì giải phóng đấy nhỉ.

— Nhà thần học, - gã kia bổ sung.

— Đại loại mấy tay cho rằng Chúa cũng cần trợ cấp xã hội.

Người tôi run lên vì giận, rồi tôi nói với hai gã cảnh sát rằng tôi là người quản lý ở bệnh viện và những món đồ này cần phải được gửi trả - liệu họ có phiền gửi chúng cho anh trai của người đã chết không?

— Không phải việc của chúng tôi, cô à.

— Cô nhìn thấy lối đi đằng kia chưa? Ở bên đường kia kìa? Theo lối đó tới tòa nhà màu nâu thứ tư. Bên trái. Đi thang máy.

— Hoặc thang bộ.

— Mà cẩn thận đấy.

Tôi tự hỏi không biết phải cần đến bao nhiêu gã điên rồ mới đủ lập ra được một văn phòng cảnh sát. Lẽ ra chiến tranh phải làm cho họ trở nên dũng cảm hơn, mạnh mẽ hơn. Vậy mà họ lại mang cái dáng vẻ nghênh ngang nạt nộ. Mười nghìn đàn ông đứng bên vòi rồng. Bắn những người da đen. Phang dùi cui vào những người có quan điểm cấp tiến. Hãy yêu lấy hoặc hãy rời bỏ đất nước này. Đừng tin điều gì trừ khi nghe từ chính chúng tôi.

Tôi bước về phía dãy nhà ổ chuột. Nỗi khiếp sợ dâng trào. Thật khó giữ bình tĩnh khi quả tim cứ muốn bắn ra ngoài. Hồi còn nhỏ tôi đã nhìn thấy những chú ngựa bước xuống sông tắm mát. Chúng dịch chuyển từ chỗ

những cây dẻ ngựa, xuống dốc, lội qua đám bùn, vút đuôi đuổi ruồi, rồi dẫn mình ngày càng sâu xuống nước, bơi một lát hoặc quay lên bờ. Tôi coi chúng là thứ gì đó đáng sợ, ẩn chứa điều gì đáng xấu hổ - những dãy nhà cao tầng xập xệ này hoàn toàn không tồn tại trong ký ức thơ ấu hay tranh vẽ của tôi, hay ở bất cứ nơi nào khác. Tôi là cô gái quen sống trong bao bọc. Ngay cả khi hít thuốc mờ cả óc tôi cũng chưa từng tới nơi nào như thế này. Tôi cố thuyết phục bản thân đi tiếp. Tôi đếm những vết rạn nứt trên vỉa hè. Những đầu mẫu thuốc lá. Những lá thư chưa bóc hẳn những dấu chân qua. Những mảnh cốc vỡ. Tiếng một ai đó huýt sáo nhưng tôi không nhìn thấy người đâu cả. Khói thuốc thoát ra từ một ô cửa mở. Trong giây lát, dường như không phải là tôi đang dẫn mình xuống nước mà là đang xách từng xô máu ra khỏi cơ thể mình, và tôi có thể cảm thấy chúng xóc xách tràn ra theo từng bước chân.

Những vòng hoa khô cong đã ngả nâu vẫn treo ngoài cửa chính. Trong hành lang, những hộp thư đã bị sứt lõm và lõm đốm vết sém. Mùi thuốc xịt gián xông lên. Mấy bóng đèn trần không hiểu sau bị phun sơn đen.

Một phụ nữ trung niên to béo mặc váy hoa đang đợi thang máy. Bà ấy đá chiếc kim tiêm đã dùng sang một bên với một tiếng thờ dài. Nó nằm im trong góc, chút bọt máu còn đọng lại ở đầu kim. Tôi đáp lại cái gật đầu và nụ cười của bà ấy. Hàm răng trắng của bà. Chuỗi vòng giả ngọc trai trên cổ bà.

— Thời tiết thật tuyệt, - tôi mở lời, dù cả hai chúng tôi đều biết chính xác thời tiết thực sự thế nào.

Thang máy đi lên. Những con ngựa dưới sông. Hãy xem tôi chết đuối.

Đến tầng năm tôi chào tạm biệt bà vì bà còn lên nữa, tiếng ròng rọc thang máy nghe răng rắc như cành cây khô. Một vài người đang tụ tập ngoài cửa, hầu hết là phụ nữ da đen, trong những bộ đồ đen tang tóc trông như chẳng phải của họ, như thể họ chỉ thuê chúng cho dịp này. Sơn phấn đã hé lộ về thân phận của họ, sặc sỡ và lòe loẹt, một cô đánh nhũ mắt màu bạc óng

ánh nhưng trông mỗi một và kiệt sức. Hai gã cảnh sát hình như có nhắc về những ả gái điếm: một ý nghĩ lóe lên trong đầu tôi, có lẽ cô gái trẻ hôm đó cũng chỉ là gái điếm. Tôi thoáng nhẹ cả người, rồi lý trí ngay lập tức ngăn tôi lại, những bức tường lại dội lên trong đầu. Sao tôi rẻ mặt vậy chứ?

Điều tôi đang làm là không thể tha thứ, tôi biết. Tôi cảm thấy tim mình đập thình thịch dưới lớp áo, nhưng đám phụ nữ rẽ ra cho tôi vào, và tôi bước qua tấm rèm tiếc thương của họ.

Cửa mở. Bên trong, một phụ nữ trẻ đang lau nhà. Cô ấy có khuôn mặt như trong tranh ghép của Tây Ban Nha. Viên mắt kẻ mascara đen sẫm. Một chuỗi vòng bạc giản dị ở cổ. Hẳn cô ấy không phải gái điếm. Ngay lập tức tôi cảm thấy mình đã ăn mặc không phù hợp, giống như tôi đang đột nhập vào không gian yên tĩnh của cô ấy. Phía trong là một bản sao của người đàn ông từ bức ảnh trên băng lái, chỉ có điều béo hơn, cằm phị hơn, râu thưa hơn. Nhìn thấy anh ta làm tôi nghẹt thở. Anh ta mặc áo sơ mi trắng, đeo cà vạt sẫm màu và khoác áo vét bên ngoài. Mặt anh ta to và hồng hào, đôi mắt sưng húp đau buồn. Tôi lắp bắp rằng tôi là người của bệnh viện và đến để gửi lại đồ của ông Corrigan nào đó.

— Ciaran Corrigan, - anh ta nói, đi tới bắt tay tôi.

Ấn tượng đầu tiên của tôi là anh ta có lẽ thuộc kiểu người thích nằm trên giường mà chơi ô chữ. Anh ta nhận lấy chiếc hộp và cúi xuống, liếc qua mọi thứ. Anh ta dừng lại ở vòng đeo chìa khóa, nhìn chăm chú trong giây lát rồi đút nó vào túi áo.

— Cảm ơn, - anh ta nói. - Chúng tôi đã quên không nhận những thứ này.

Giọng anh ta phảng phất thổ ngữ quê nhà, không rõ lắm, nhưng cái cách anh ta đi lại thì giống hệt những người Ireland khác mà tôi đã gặp, hơi khòm nhưng rất nhanh nhẹn nhạy bén. Người phụ nữ Tây Ban Nha cầm lấy chiếc áo sơ-mi và đi vào bếp. Cô ấy đứng cạnh chậu rửa và hít hà tấm áo. Những vệt máu đen vẫn còn rất rõ. Cô ấy đưa mắt về phía tôi, rồi ánh mắt hạ xuống nhìn chăm chăm xuống sàn nhà. Ngực cô ấy phập phồng thốn thức.

Rồi đột nhiên cô ấy mở vòi nước, nhúng chiếc áo xuống và bắt đầu vò mạnh, như thể John A. Corrigan có thể sẽ bất ngờ xuất hiện và muốn mặc lại chiếc áo đó. Rõ ràng là ở đây chẳng ai thích hay cần đến tôi, nhưng một điều gì đó đã níu giữ tôi ở lại.

— Khoảng bốn lăm phút nữa dịch vụ tang lễ sẽ đến, - anh ta nói. - Mong cô cảm phiền.

Tiếng dội nước bồn cầu văng xuống từ căn hộ tầng trên. - Còn một cô gái trẻ nữa, - tôi nói.

— Vâng, chính là đám tang cô ấy đây. Mẹ cô ấy sẽ được tạm tha tù. Chúng tôi nghe nói vậy. Trong một hai tiếng gì đó. Tang lễ cho em tôi là vào ngày mai. Hỏa táng. Có vài rắc rối. Nhưng không có gì đáng lo cả.

— Tôi hiểu.

— Mong cô cảm phiền.

— Tất nhiên rồi.

Một linh mục béo lùn bước vào căn hộ, tự giới thiệu là cha Marek. Người đàn ông Ireland bắt tay ông ta. Anh ta liếc mắt về phía tôi như muốn hỏi tại sao tôi vẫn còn ở đó. Tôi bước tới cửa, dừng lại nhìn quanh. Có vẻ như những chiếc khóa cửa này đã bị nạy vài lần.

Người phụ nữ Tây Ban Nha vẫn ở trong bếp, cô ấy treo cái áo ướt lên giá trên chậu rửa. Rồi đứng chôn chân ở đó, đầu cúi xuống, như là đang cố nhớ ra điều gì. Rồi lại vùi mặt vào cái áo.

Tôi ngoảnh lại lấp bấp:

— Anh có thấy phiền không nếu tôi tham dự tang lễ của cô gái?

Anh ta nhún vai và nhìn sang vị linh mục, ông này đang vẽ nhanh một bản đồ sơ lược lên trên một mẫu giấy nhỏ, như thể ông ta rất hài lòng vì có chuyện mà làm. Ông ta túm lấy khuỷu tay kéo tôi ra ngoài hành lang.

— Cô có thể thuyết phục được không? - vị linh mục hỏi.

— Thuyết phục ai? - tôi ngạc nhiên.

— À, ông anh trai cứ khăng khăng đòi hòa thiêu em mình trước khi trở về quê ở Ireland. Vào ngày mai. Không biết liệu cô có thể nói anh ta từ bỏ ý định đó được không.

— Nhưng tại sao ạ?

— Vì nó trái với tín điều của chúng tôi, - ông ta giải thích. Ngoài hành lang, một người trong đám phụ nữ đã bắt đầu khóc than. Dù vậy, cô ta dừng lại khi người đàn ông Ireland bước ra ngoài cửa. Anh ta đã chỉnh lại cà vạt, chiếc áo vét căng chặt chỗ vai. Theo sau anh ấy là người phụ nữ Tây Ban Nha, cô toát lên vẻ kiêu hãnh nghiêm nghị. Hành lang tĩnh lặng. Anh ấy bấm nút thang máy và nhìn tôi.

— Xin lỗi, - tôi nói với vị linh mục. - Tôi không nói giúp gì được đâu.

Tôi quay đi và chạy vội về phía thang máy khi cửa chuẩn bị đóng lại. Người đàn ông Ireland lấy tay chặn cửa thang máy cho tôi vào, và rồi chúng tôi cùng xuống. Người phụ nữ Tây Ban Nha khẽ mỉm cười với tôi và nói rằng cô ấy rất tiếc không thể tới dự tang lễ của cô gái kia, cô ấy phải về nhà trông nom bọn trẻ, nhưng cô ấy rất vui vì có người đồng hành cùng Ciaran.

Tôi buột miệng mời người anh trai đi cùng xe nhưng anh ta từ chối, nói rằng mình được đề nghị đi cùng đám rước lễ, anh ta cũng biết tại sao nữa.

Anh ta siết chặt tay với vẻ bồn chồn không yên khi bước ra ngoài nắng.

— Tôi thậm chí còn không biết cô gái đó, - anh ta nói.

— Tên cô ấy là gì?

— Tôi không biết. Mẹ cô ấy là Tillie.

Anh ta buông ra câu nói ấy như thể đó là lời cuối cùng, nhưng rồi lại nói thêm: tôi nghĩ cô ta tên Jazzlyn thì phải.

TÔI ĐỔ XE BÊN NGOÀI nghĩa trang St. Raymond ở Throgs Neck, đủ xa để không ai nhìn thấy chiếc xe. Tiếng xe cộ rì rầm từ đường quốc lộ vọng lại, nhưng càng tới gần nghĩa địa thì không gian càng ngát hương cỏ tươi mới cắt. Một làn gió nhẹ từ Long Island Sound đưa tới.

Cây cối ở đây thật cao, từng cột nắng xuyên thẳng qua những tán lá. Thật khó mà tin nổi nơi này thuộc khu Bronx, mặc dù tôi đã kịp thấy những hình vẽ graffiti nguệch ngoạc trên rìa tường của một vài lăng mộ, và mấy tấm bia ở gần cổng đã bị phá hỏng. Có một vài tang lễ khác cũng đang được cử hành, hầu hết ở khu nghĩa trang mới, nhưng không khó để nhận ra đâu là đám tang của cô gái kia. Người ta đang khiêng quan tài đi theo con đường có hàng cây ở hai bên về phía nghĩa trang cũ. Trẻ con mặc đồ trắng tinh, còn quần áo của đám phụ nữ trông chấp vá, những cái váy ngắn cũn cỡn, những đôi giày cao lêu đêu, những khe ngực quấn khăn choàng che tạm. Giống như họ đã tới một hội chợ giảm giá kỳ lạ, nơi những bộ đồ đắt tiền sáng láng đều đã bị giấu kín dưới những mảnh miếng tối màu. Người đàn ông Ireland trông thật nhợt nhạt giữa bọn họ, quá sức trắng.

Một người đàn ông mặc bộ com-lê màu mè, đầu đội mũ có gắn chiếc lông chim màu tía, đi phía cuối đám rước. Ông ta trông như đang phê trắng mắt và có vẻ đầy ác ý. Bên dưới áo vét, ông ta mặc áo cổ lọ màu đen bó sát và đeo dây chuyền vàng có gắn lủng lẳng một cái thìa.

Một cậu bé chỉ tầm tám tuổi chơi kèn saxophone, tuyệt hay, như chú bé đánh trống thời Nội chiến. Tiếng nhạc dìu dặt vang khắp nghĩa địa.

Tôi đứng ở đằng xa, trên khoảnh cỏ mọc um tùm gần đường, nhưng khi tang lễ vừa bắt đầu, anh trai của John A. Corrigan đã bắt gặp ánh mắt tôi và gật đầu ra hiệu cho tôi tới gần. Chỉ có khoảng hai mươi người đứng quanh mộ nhưng đám phụ nữ trẻ khóc lóc có vẻ rất thật lòng.

— Ciaran, - anh ấy nhắc lại, đưa tay về phía tôi, như thể e tôi đã quên. Anh mỉm cười ngược ngịu. Chúng tôi là hai người da trắng duy nhất ở đó. Tôi những muốn với tay chinh lại cà vạt cho anh ấy, vuốt lại những sợi tóc lòa xòa của anh ấy, chỉnh trang cho anh ấy.

Một phụ nữ - chắc hẳn là mẹ của cô gái đã chết - đứng khóc nước mắt cạnh hai người đàn ông mặc com-lê. Một phụ nữ khác, trẻ hơn, bước đến bên bà ta. Bà này cởi chiếc khăn choàng màu đen tuyệt đẹp của mình ra và quàng lên vai mẹ cô gái.

— Cảm ơn, Angie.

Vị linh mục - một người đàn ông da đen tao nhã, gầy gò - hăng giọng và tất cả đám người im lặng. Ông ta giảng giải về việc linh hồn hân hoan vui sướng trong thể xác đã quy ngã, việc chúng ta phải học cách làm quen với sự thiếu vắng của thể xác ra sao và phải biết trân trọng những gì đã qua như thế nào, Jazzlyn đã có một cuộc đời vất vả, ông ta nói. Cái chết chẳng thể chứng minh hay giải thích cho điều đó. Một phần mộ không thể sánh với những gì chúng ta đã có khi còn sống. Vấn đề có lẽ không nằm ở thời gian hay nơi chốn, ông ta nói, dù sao ông ta cũng sắp nói về sự công bằng. Sự công bằng, ông ta lặp lại. Rút cục chỉ có tính ngay thẳng và sự thật chiến thắng. Ngôi nhà của công lý đã bị phá hủy, ông ta nói. Những cô gái trẻ như Jazzlyn bị buộc phải làm những điều khủng khiếp. Khi họ lớn lên, thế giới đã đòi hỏi ở họ những điều không tưởng. Đây là một thế giới đòi bại. Nó đẩy cô ấy đến với những điều tồi tệ. Cô ấy không mong muốn điều đó. Nhưng nó cứ xảy đến với cô ấy, ông ta nói. Cô ấy bị đè nén dưới cái ách bạo ngược. Thời kỳ chiếm hữu nô lệ đã qua, ông ta nói, nhưng nó vẫn còn hiện diện. Cách duy nhất để đấu tranh chống lại nó là dùng sự khoan dung, công bằng, và lòng tốt. Sống lương thiện thì khó hơn nhiều so với sống ác. Những kẻ ác biết rõ về điều đó hơn là những người lương thiện. Đó là lý do khiến họ trở thành người ác. Đó là lý do họ bị vướng vào tội lỗi. Cái ác luôn dành cho những kẻ không bao giờ đến được với sự thật. Nó là mặt nạ che đậy cho sự ngu ngốc và thiếu tình yêu thương. Dù mọi người có cười nhạo khái niệm về lương thiện, cho nó là ủy mị, hay hoài cổ, điều đó cũng chẳng quan trọng - nó không phải như vậy, ông ta nói, và người ta phải đấu tranh mới có thể có được nó.

— Công bằng, - mẹ của Jazzlyn lặp lại.

Người thuyết pháp gật đầu, rồi nhìn lên những cái cây cao. Jazzlyn là một đứa trẻ lớn lên ở Cleveland và New York, ông ta nói, cô ấy đã nhìn thấy những ngọn đồi xa tít của sự lương thiện và cô ấy biết rằng một ngày nào đó cô ấy sẽ đến được nơi đó. Đó luôn là một hành trình đầy gian khó. Trên đường đi cô ấy đã phải đối mặt với vô số điều ác. Cô ấy cũng có được những người bạn, như John A. Corrigan, người đã cùng bỏ mạng với cô ấy, nhưng nói chung cô ấy đã luôn bị cuộc đời lừa bỡn, hành tội và lợi dụng. Dẫu sao sống là phải biết vượt qua khó khăn để giành được một chút ít cái đẹp, ông ta nói, và giờ cô ấy đang trên đường tới nơi mà ở đó sẽ không còn bất kỳ quyền lực nào trói buộc cô ấy hay biến cô ấy thành nô lệ, không còn bất kỳ kẻ vô lại nào bắt cô ấy làm những điều sai trái, và không ai trong số những người thân sẽ biến thịt da cô ấy thành lợi nhuận. Ông ta đứng thẳng người lên và nói: Hãy để người đời nói rằng cô ấy không phải hổ thẹn.

Đám đông nhất loạt gật đầu.

— Đáng hổ thẹn phải là những kẻ đã muốn hủy hoại cô ấy.

— Vâng, - mọi người đồng thanh đáp lại.

— Hãy để cho đây trở thành bài học cho tất cả chúng ta, - linh mục nói. Một ngày nào đó các con sẽ bước đi trong bóng tối và sự thật sẽ đến soi đường các con, và các con sẽ không bao giờ còn muốn nhìn lại cuộc sống đã bị bỏ lại sau lưng.

— Vâng.

— Cuộc sống tồi tệ đó. Cuộc sống đời bại đó. Ngay trước mắt các con, đường thiện đang trải dài. Các con đi theo con đường đó và rồi mọi việc sẽ tốt đẹp. Không dễ, nhưng tốt. Có lẽ sẽ đầy ắp những khó khăn và những điều đáng sợ, nhưng những ô cửa sẽ mở ra bầu trời và con tim sẽ được gột rửa, các con sẽ được chấp cánh.

Phút giây kinh hoàng khi Jazzlyn bay qua kính chắn gió chợt trở lại trong đầu tôi. Tôi cảm thấy choáng váng. Môi của người linh mục vẫn mấp má, nhưng trong giây lát tôi như không còn nghe được gì nữa. Ông ta nhìn vào một điểm nào đó trong đám đông, ánh mắt dừng mãi ở người đàn ông

đội mũ màu tía đứng sau tôi. Tôi liếc nhìn lại. Người đàn ông kia đang cầm môi trên đầy giận dữ và cơ thể ông ta dường như cuộn lại, sẵn sàng cho việc đánh đấm. Chiếc mũ che khuất một phần khuôn mặt nhưng vẫn nhìn ra hình như ông có một mắt giả bằng thủy tinh.

— Những con rắn sẽ bị diệt vong cùng những con rắn, - linh mục nói.

— Vâng thưa cha, một giọng phụ nữ vang lên.

— Chúng sẽ biến mất.

— Vâng.

— Hãy để chúng biến khỏi đây.

Người đàn ông đội mũ tía vẫn không nhúc nhích. Không ai nhúc nhích cả.

— Tiếp tục đi! - mẹ của Jazzlyn gào lên, khuôn mặt nhăn nhúm. Trông bà ta giống như bị quất bằng roi da nhưng bà ta đang quăn quại và giãy giụa thoát khỏi nó. Một trong hai người đàn ông mặc com-lê túm lấy cánh tay bà ta. Hai vai bà ta gồng lên, giọng bà ta gay gắt đầy giận dữ.

— Cút khỏi đây ngay đồ khốn kiếp!

Trong giây phút khiếp đảm, tôi tự hỏi liệu có phải bà ta đang quát tôi không, nhưng bà ta lại nhìn ra phía sau tôi, chĩa vào gã đàn ông đội mũ lông chim. Tiếng chửi rủa đồng thanh nghe chát chúa hơn. Vị linh mục đưa tay ra yêu cầu tất cả bình tĩnh. Phải đến lúc đó tôi mới nhận ra hai tay mẹ Jazzlyn tự nãy giờ toàn để sau lưng, bị còng lại. Hai người đàn ông da đen mặc com-lê đứng sau bà ta là cảnh sát của thành phố.

— Cút khỏi đây ngay, thẳng chột, - bà ta lại gào lên.

Gã đàn ông đội mũ đợi một lát, giơ tay lên cao, rồi nở một nụ cười rộng ngoác. Gã đặt tay lên vành mũ, kéo nghiêng, quay lưng và biến mất. Một niềm vui nho nhỏ dâng trào giữa đám người đang than khóc. Họ nhìn gã bảo kê đi xuống đường rồi mất hút. Gã ta nhắc mũ lên nhưng không

ngoảnh lại, vẫy vẫy nó trên cao, không giống như một người đang thực sự nói lời tạm biệt.

— Những con rắn độc đã đi, - vị linh mục nói. - Hãy cứ để chúng biến mất.

Ciaran giữ chặt cánh tay tôi. Tôi đang cảm thấy ớn lạnh và nhớ nhớp: giống như khoác trên mình một chiếc áo quá hở hang. Tôi không có quyền đến nơi này. Tôi đang giẫm đạp lên lãnh thổ của họ. Nhưng buổi lễ đã nhắc đến một điều gì đó rất đúng: *Sau lưng con sẽ là một cuộc sống mà con không bao giờ muốn nhìn lại.*

Tiếng khóc than cũng đã cạn, mẹ của Jazzlyn nói: Hãy bỏ những thứ chết tiệt này ra khỏi người tôi.

Cả hai gã cảnh sát nhìn chăm chăm về phía trước.

— Tôi đã bảo là bỏ những thứ chết tiệt này ra khỏi người tôi cơ mà!

Cuối cùng, một gã cũng bước ra sau bà ta và tháo còng tay ra.

— Tạ ơn Chúa.

Bà ta giữ hai tay và đi vòng quanh phần mộ chưa được lấp, tiến về phía Ciaran. Chiếc khăn của bà ta hơi trượt xuống để lộ rãnh ngực sâu. Ciaran mặt đỏ bừng bối rối.

— Tôi muốn kể câu chuyện nhỏ này, - bà ta nói.

Bà ta hăng giọng và tắt thảy đám đông đều chăm chú nghe.

— Con Jazzlyn của tôi, hồi nó mới mười tuổi. Nó coi thấy bức tranh một tòa lâu đài trên tạp chí ở đâu đó. Thế là nó cắt bức tranh ra, dán lên tường phía trên giường ngủ của nó. Như tôi kể đó, chẳng có gì đáng nói hết, mà tôi cũng chưa bao giờ thực sự để ý mấy chuyện đó. Nhưng khi nó gặp Corrigan...

Bà ta chỉ tay về phía Ciaran, lúc này đang nhìn xuống đất.

— ... và một ngày kia anh ta mang café đến, con bé kể cho anh ta nghe chuyện về bức tranh, tòa lâu đài - có lẽ nó thấy buồn chán quá thì tìm

chuyện mà nói thôi, tôi cũng không biết nữa. Nhưng anh biết Corrigan rồi đấy - cậu miu nhỏ đó chịu lắng nghe đủ mọi thứ. Anh ta chịu chuyện. Và, tất nhiên rồi, Corrie tỏ ra rất hào hứng. Anh ta nói rằng anh ta đã thấy những lâu đài y như vậy ở quê mình. Và anh ta còn nói rằng một ngày nào đó sẽ đưa con bé tới một tòa lâu đài hết như thế. Còn hứa chắc với nó. Mỗi ngày anh ta đều ra ngoài và mang café về cho con bé rồi nói với đứa con gái bé bỏng của tôi rằng anh ta đang chuẩn bị mọi thứ cho tòa lâu đài, việc của nó chỉ là đợi thêm mà thôi. Ngày này thì anh ta bảo anh ta đang xây hào bao quanh. Ngày khác lại bảo anh ta đang xây chiếc cầu treo. Rồi anh ta sẽ nói là đang thi công các tòa tháp nhỏ. Rồi anh nói là đang chuẩn bị cho một bữa tiệc lớn. Họ sẽ có rượu mật ong gì đó - thì cũng là rượu thôi - và rất nhiều thức ăn ngon, còn có cả dàn nhạc và khiêu vũ.

— Phải đó, - người phụ nữ mặt dày phẫn lên tiếng.

— Mỗi ngày anh ta đều có một điều gì đó mới mẻ để nói về tòa lâu đài. Đó giống như một trò chơi nhỏ của hai đứa vậy, và phải nói rằng Jazzlyn rất thích chơi trò đó.

Bà ta túm lấy cánh tay Ciaran.

— Đó là tất cả, - bà ta nói. - Đó là tất cả những gì tôi cần nói. Chuyện là thế đấy. Mẹ kiếp, xin lỗi vì đã kể chuyện đó. Đám đông đồng thanh nói amen. Bà ta quay sang đám phụ nữ và bình phẩm điều gì đó nghe rất lạ, loáng thoáng như chuyện dùng nhà tắm trong lâu đài. Vài người cười rúc rích. Rồi một điều kỳ lạ đã xảy ra - bà ta bắt đầu trích dẫn những vần thơ của một tác giả nào đó mà tôi không rõ tên, một câu thơ về những cánh cửa mở và một tia nắng rọi vào đúng giữa sàn nhà. Chết giọng Bronx của bà ta thối ra những vần thơ, cho tới khi chúng rụng xuống chân bà. Bà ta rầu rĩ nhìn xuống chúng, sự rụng rơi của chúng, nhưng rồi bà nói rằng trước mặt Corrigan giờ có đầy những cánh cửa mở, và anh ta cùng Jazzlyn sẽ có vô khối thời gian ở bất cứ nơi đâu họ đến; mỗi cánh cửa đều sẽ mở, đặc biệt là cánh cửa tới tòa lâu đài.

Sau đó bà ta tựa vào vai Ciaran và bắt đầu khóc: Tôi là một người mẹ tồi, bà ta nói, tôi là một người mẹ đáng nguyên rủa.

— Không, không đâu, cô là người tốt.

— Làm gì có lâu đài quái quỷ nào.

— Chắc chắn là có chứ, - anh ấy an ủi.

— Tôi không có gốc nhé, - bà ta nói. Anh không cần phải phỉnh tôi như con nít.

— Được rồi.

— Tôi đã giết chết nó.

— Cô đừng nên dẫn vật bản thân quá...

— Nó đã chết trong vòng tay của tôi.

Bà ta ngửa mặt lên trời và túm lấy ve áo của người đứng gần nhất.

— Bọn trẻ nhà tôi đâu rồi?

— Giờ cô ấy đã ở trên thiên đường, chị đừng có lo.

— Bọn trẻ nhà tôi cơ mà, - bà ta nhắc lại. - Con của con gái tôi.

— Chúng ổn cả, chị Till ạ, - một phụ nữ đứng gần mộ nói.

— Có người trông chúng rồi.

— Chúng sẽ tới thăm chị, Till ạ.

— Hứa với tôi đi? Ai chăm sóc cho chúng? Giờ chúng ở đâu?

— Till, em thề. Chúng đều ổn.

— Hứa với tôi đi.

— Thề có Chúa, - giọng một phụ nữ.

— Angie, cô giỏi thì hứa đi.

— Em hứa mà. Mọi thứ đều ổn, Tillie à. Em hứa đấy.

Bà ta lại tựa vào Ciaran và rồi quay ra, nhìn thẳng vào mắt anh ấy, nói: Anh còn nhớ chúng ta đã làm gì không? Anh còn nhớ em không?

Ciaran trông như đang cầm một thanh thuốc nổ vậy. Không biết có nên giữ và bao giấu nó lại hay ném nó khỏi người mình càng xa càng tốt. Ánh mắt anh ấy liếc vội về phía tôi, rồi vị linh mục, nhưng rồi anh ấy ngoảnh lại nhìn bà ta và vòng tay ôm bà ta thật chặt. Anh ấy nói: Tôi cũng nhớ Corrie. Những người phụ nữ khác bước tới và lần lượt được anh ấy ôm. Họ ôm chặt anh ấy như thể anh ấy là hiện thân của người em trai. Anh ấy lại nhìn tôi và khẽ nhướn lông mày, nhưng cử chỉ đó nom tử tế và phải lễ - lần lượt từng người một, họ bước tới ôm anh ấy.

Anh ấy thọc tay vào túi lấy ra chiếc móc khóa có ảnh bọn trẻ, đưa cho mẹ của Jazzlyn. Bà ta nhìn chăm chăm vào đó, mỉm cười, rồi đột nhiên tiến tới và tát vào mặt Ciaran. Anh xem ra lại biết ơn vì điều đó. Một trong hai gã cảnh sát nhếch mép cười. Ciaran gật đầu và mỉm môi lại, rồi quay bước trở lại chỗ tôi.

Tôi không hiểu nổi mình đã vướng vào loại rắc rối nào nữa.

Vị linh mục hăng giọng ra hiệu cho mọi người trật tự và nói rằng ông ta có vài lời sau cùng. Ông ta thực hiện một số nghi thức cầu nguyện nữa và đọc câu kinh cổ “Tro tàn về với tro tàn, cát bụi về với cát bụi”, nhưng sau đó ông nói thêm rằng ông hoàn toàn tin rằng một ngày nào đó tro tàn có thể trở lại thành gỗ, đó không chỉ là phép màu nơi thiên đường, mà còn là phép màu ở thế giới hiện thực, rằng mọi thứ đều có thể được khôi phục lại và những người đã chết có thể sống lại, đặc biệt là trong trái tim mỗi chúng ta, và đó là cách ông ta muốn chốt lại buổi lễ, và đó là lúc để Jazzlyn yên nghỉ bởi đó là điều ông ta muốn cô ấy làm, *yên nghỉ*.

Khi buổi lễ kết thúc, hai gã cảnh sát lại còng tay Tillie như cũ. Bà ta khóc thét lên một lần nữa. Họ giải bà ta đi. Bà ta vỡ vụn trong cơn nước nở không thành tiếng.

Tôi đi cùng Ciaran ra khỏi khu nghĩa địa. Anh ta đã cởi áo com-lê và vắt lên vai, không phải để cho bớt trang trọng, mà để chống chọi với cái nóng. Chúng tôi đi trên con đường mòn về phía những cánh cổng mở ra đại lộ Lafayette. Ciaran đi trước tôi một phần tư bước. Người ta trông khác hẳn

từng giờ tùy thuộc vào góc ánh sáng. Anh ta vốn già dặn hơn tôi, ở cái tuổi xấp xỉ ba lăm, nhưng trong khoảnh khắc anh ấy trông trẻ hơn tôi, và tôi có cảm thấy mình đang che chở cho anh, người đang bước đi nhẹ nhàng, cằm dưới hơi phệ ra, đã có lẫn mỡ nơi thắt lưng. Anh dừng lại và quan sát một con sóc leo qua một tấm bia mộ lớn. Đó là một trong những khoảnh khắc mà mọi thứ đã nằm ngoài sự cân bằng, tôi cho là vậy, và chỉ cần ngắm nhìn một thứ gì đó lạ thường thôi dường như cũng đủ có ý nghĩa lắm rồi. Chú sóc nhảy vọt lên một thân cây, tiếng những móng vuốt bám vào nghe như tiếng nước trong bồn. - Tại sao bà ta lại bị còng tay?

— Cô ta bị kết án tám tháng tù giam hoặc đại loại thế. Vì tội cướp giật cộng thêm tội hành nghề mãi dâm.

— Vậy ra họ chỉ để bà ta ra ngoài dự tang lễ?

— Ừm, theo tôi được biết thì là thế.

Chẳng còn gì để nói. Vị linh mục đã nói rồi. Chúng tôi bước ra khỏi cổng và rẽ cùng hướng, về phía đường cao tốc, nhưng anh ấy chợt dừng lại và bước tới bắt tay tôi.

— Để tôi đưa anh về nhà, - tôi nói.

— Nhà ư? - anh ấy khẽ cười. - Xe của cô có biết lội nước không?

— Gì cơ?

— Không gì cả, - anh ấy lắc đầu.

Chúng tôi đi dọc Quincy, chỗ tôi đỗ xe. Tôi nghĩ là anh ta đã đoán ra khi nhìn thấy con Pontiac. Đầu xe quay về phía chúng tôi. Một bánh ghéch lên lề đường. Chiếc đèn pha vỡ vụn trông thật lộ, còn cái giảm sóc thì lồm vào. Anh ấy khựng lại giữa đường trong giây lát, khẽ gật đầu, như thể giờ thì anh ấy đã hiểu ra mọi chuyện. Khuôn mặt anh ấy xị xuống, giống như một lâu đài cát đang sụp đổ. Tôi nhận thấy người mình run rẩy khi tôi bước vào ghế lái, rướn người qua để mở cửa xe bên kia.

— Chiếc xe này đây, phải không?

Tôi ngồi yên thật lâu, những ngón tay lướt trên bảng đồng hồ bám đầy bụi phấn hoa.

— Đó là một tai nạn, - tôi nói.

— Chính là chiếc xe này, - anh ấy nhắc lại.

— Tôi không cố ý làm vậy. Chúng tôi không cố ý để điều đó xảy ra.

— Chúng tôi à? - anh ấy hỏi lại.

Dường như tôi đang lặp lại chính những lời Blaine đã nói, tôi biết. Tất cả những gì tôi đang làm là phủ nhận tội lỗi. Lảng tránh thất bại, thuốc phiện, sự khinh suất. Tôi cảm thấy mình thật ngờ nghệch và trẻ con. Như thể tôi đã đốt cháy cả một tòa nhà và giờ đang lục tìm móng dấp của nó trong những viên gạch vỡ, nhưng lại chỉ tìm được que diêm đã thối bùng lên đám cháy. Tôi đang giơ móng vuốt lên một cách điên rồ, kiểm tìm mọi sự biện minh. Vậy mà vẫn còn một phần khác trong con người tôi nghĩ rằng có lẽ tôi đang thành thật, hoặc thành thật như tôi có thể, đã rời khỏi hiện trường vụ tai nạn, đã trốn chạy khỏi sự thật. Blaine đã nói rằng mọi việc chỉ là tình cờ. Đó là một thứ logic đáng khinh, nhưng về bản chất thì đúng là như vậy. Mọi việc chỉ là tình cờ. Chúng tôi đâu có muốn vậy. Mọi việc xảy ra hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát.

Tôi chỉ biết lau mãi bảng đồng hồ rồi phủi bụi và phấn hoa rớt xuống quần. Đầu óc tôi luôn kiểm tìm một trạng thái đơn giản hơn, bớt nặng nề hơn. Tôi muốn rời ga và đâm xuống con sông gần nhất cho rảnh. Những động tác lẽ ra rất đơn giản như đạp ga hay cua xe giờ bỗng không sao hiểu được. Tôi cần được nhắc bóng lên trời. Tôi ước là một trong những loài mà muốn có ăn thì cần phải biết bay.

— Vậy chắc cô không làm ở bệnh viện phải không?

— Ừ.

— Cô đã lái à? Chiếc xe hơi này?

— Tôi làm sao?

— Cô có cầm lái hay là không?

— Tôi có lái.

Đó là lời nói dối duy nhất tôi từng nói mà có ý nghĩa với tôi. Một tiếng rắc mờ nhạt của cái gì đó giữa chúng tôi: những chiếc xe như những cơ thể, va vào nhau.

Ciaran ngồi đó, mắt nhìn chăm chăm về phía trước qua kính chắn gió. Một âm thanh nhỏ phát ra từ anh ta, giống một tiếng cười hơn là bất kỳ thứ gì khác. Anh kéo kính cửa lên rồi xuống, những ngón tay lướt dọc cạnh cửa, rồi gõ gõ lên kính, như là tìm cách để thoát ra.

— Tôi sẽ nói một điều này, - anh lên tiếng.

Tôi cảm thấy như kính ở khắp nơi trong xe đều đang bị gõ lên: chẳng mấy chốc chúng sẽ vỡ vụn hết thôi.

— Một điều thôi, chỉ có vậy.

— Làm ơn, - tôi cầu khẩn.

— Lẽ ra khi ấy cô nên dừng lại.

Anh ta dấm tay lên bảng đồng hồ. Tôi những muốn anh nguyên rửa tôi, kết tội tôi, vì đã cố xoa dịu lương tâm mình, đã nói dối, đã cho phép bản thân chạy trốn, đã xuất hiện trong căn hộ của em trai anh. Một phần sâu xa hơn trong tôi còn muốn anh ta quay sang đánh tôi, đánh thật sự, làm tôi đổ máu, làm tôi đau đớn, hủy hoại tôi.

— Được rồi, - anh cất tiếng. - Tôi đi đây.

Tay anh ta đã đặt lên trên núm cửa. Anh dùng vai đẩy cửa, bước ra nửa chừng, rồi lại đóng cửa trở lại, tựa người ra sau ghế, kiệt sức.

— Lẽ ra khi đó cô đã nên dừng cái xe chết giẫm này lại chứ. Sao cô lại không làm vậy?

Một chiếc xe khác tấp vào khoảng trống ngay trước xe chúng tôi, một con Oldsmobile màu xanh lá cây đồ sộ với cánh đuôi màu bạc. Chúng tôi lặng lẽ quan sát nó thận trọng lách vào khoảng trống giữa xe chúng tôi và một chiếc xe ở phía trước. Khoảng trống chỉ vừa khít với nó. Nó tấp vào

trong, rồi lại nhích ra, rồi lại de vào một lần nữa. Chúng tôi quan sát nó như thể nó là thứ quan trọng nhất trên thế giới này vậy. Không có một cử động nào giữa chúng tôi. Người lái xe ngoái lại đằng sau và quay tay lái.

Ngay trước khi đậu được xe, anh ta lùi lại thêm một lần nữa và khẽ chạm vào lưới chắn sóc của xe tôi. Chúng tôi nghe thấy tiếng loảng xoảng: phần kính còn lại của chiếc đèn pha đã vỡ. Người lái xe nhảy ra ngoài, tay giơ cao tỏ vẻ nhận lỗi, nhưng tôi vẫy tay ra hiệu cho anh ta đi. Anh ta có khuôn mặt như cú mèo với cặp kính, và vẻ ngạc nhiên khiến khuôn mặt ấy có phần khôi hài. Anh ta bước vội xuống đường, ngoái lại nhìn như thể muốn chứng thực.

— Tôi không biết, - tôi nói. - Tôi thực sự không biết. Quả không có gì biện hộ được. Tôi đã vô cùng khiếp sợ. Tôi xin lỗi. Tôi biết là mình chẳng thể xin lỗi sao cho đủ.

— Như c. , - anh ấy bực tức nói.

Anh ấy châm một điếu thuốc, khẽ mở kính cửa sổ, nhả khói thuốc ra ngoài, rồi nhìn đi chỗ khác.

— Nghe này, - cuối cùng anh ấy cũng nói. - Tôi cần ra khỏi chỗ này. Hãy đưa tôi đi.

— Đến đâu?

— Tôi không biết. Cô có muốn tới một quán café nào đó không? Uống chút gì đi?

Cả hai chúng tôi đều bối rối bởi những gì đang diễn ra giữa chúng tôi. Tôi đã chứng kiến cái chết của em trai anh ta. Đập tan cuộc đời ấy ra từng mảnh. Tôi không nói gì, chỉ gật đầu và vào số, quay xe ra khỏi chỗ đỗ, lái xuống đường. Lặng lẽ ngồi uống rượu trong một quán bar tối tăm đâu phải điều tệ nhất số phận dành cho mình.

Đêm đó mãi tới khuya tôi mới về đến nhà - nếu tôi gọi chỗ ấy là nhà - và đi bơi. Nước hồ thâm u và đầy những thảo mộc kỳ lạ. Những chiếc lá rồi những tua dây leo. Những ngôi sao trông giống những đầu đinh đóng lên

bầu trời - hễ rút một vài cái ra là bóng tối sẽ sập xuống. Blaine đã kịp hoàn thành vài bức vẽ và đặt chúng ở những vị trí khác nhau xung quanh hồ. Một nỗi hoài nghi đã xen vào, như thể anh ấy đã biết ý tưởng đó thật ngớ ngẩn nhưng vẫn muốn thử nghiệm.

Cũng chẳng lạ nếu không tìm ra nỗi dù chỉ một người chịu mua tranh. Tôi ngâm mình trong nước, hy vọng anh ấy sẽ bỏ vào trong và đi ngủ, nhưng anh ấy vẫn ngồi chờ với một tấm chăn trên cầu tàu và khi tôi vừa nhô lên khỏi mặt nước, anh ấy choàng tấm chăn lên người tôi. Tay quàng qua vai tôi, anh ấy dìu tôi vào trong nhà. Tôi không chịu nổi cây đèn dầu. Tôi cần những công tắc và ánh điện. Blaine cố dìu tôi vào giường nhưng tôi chỉ đơn giản nói không, rằng tôi không có hứng thú.

— Cứ đi ngủ đi, - tôi nói với anh ấy.

Tôi ngồi vào chiếc bàn trong bếp và phác họa. Đã một thời gian rồi tôi không động vào chì than. Mọi thứ đã dần hiện lên trên giấy. Tôi nhớ hồi chúng tôi làm đám cưới, Blaine đã nâng cốc trước khách khứa rồi vừa cười vừa nói: *Cho tới khi cuộc đời chia lìa đôi ta.* Đó là một lời nói đùa của anh ấy. Chúng tôi kết hôn, và tôi từng nghĩ rằng chúng tôi sẽ chứng kiến hơi thở cuối cùng của nhau.

Nhưng tôi bỗng rùng mình, khi đang vẽ, với ý nghĩ giờ đây tất cả những gì tôi muốn làm chỉ là rời bỏ nơi này để tới một chỗ nào đó sạch sẽ.

○ ○ ○

LÚC ĐẦU, CHẴNG CÓ GÌ NHIỀU NHẬN diễn ra giữa tôi với Ciaran, hoặc dù sao thì cũng có vẻ như vậy, ít ra ban đầu là vậy. Mọi việc dường như bình thường, quãng thời gian còn lại trong ngày. Chúng tôi chỉ thuận tụy lái xe ra khỏi nghĩa địa, qua Bronx, và qua cầu trên đại lộ số 3, tránh đường FDR.

Tiết trời âm áp, bầu trời xanh trong. Chúng tôi kéo kính cửa xuống. Tóc anh phất phơ trong gió. Đến khu Harlem anh ấy đề nghị tôi đi chậm lại, kính ngạc nhìn những nhà thờ có mặt trước là cửa hàng.

— Trông như tiệm tạp hóa, - anh ấy bình luận.

Chúng tôi ngồi bên ngoài và lắng nghe bài tập của đội hợp xướng nhà thờ Baptist trên phố 123. Những giọng ca vút cao nghe như tiếng thiên thần, hát về cuộc sống trong những thung lũng sáng chói của Chúa. Ciaran lơ đãng gõ những ngón tay lên bảng đồng hồ. Có vẻ như âm nhạc đã thấm vào cơ thể anh ấy và đang tỏa ra xung quanh. Anh kể gì đó về chuyện hai anh em nhà anh không có chất nghệ sĩ, nhưng hồi nhỏ có nghe mẹ chơi piano. Có một lần em trai anh đã đẩy chiếc piano ra con đường dọc bờ biển ở Dublin, tới giờ anh ấy cũng không nhớ sao lại làm thế nữa. Anh ấy nói, đó là điều khôi hài của ký ức. Nó hiện về trong những khoảnh khắc lạ kỳ nhất. Suốt một thời gian dài anh ấy không hề nhớ đến cảnh ấy. Họ đã đẩy chiếc piano đi dọc bờ biển dưới ánh nắng. Anh nhớ đó là lần duy nhất trong đời anh ấy đã bị tưởng nhầm là em trai mình. Mẹ anh đã lẫn lộn những cái tên và gọi anh ấy là John - Đây cơ mà, John, lại đây nào con yêu - và mặc dù là con lớn, đó vẫn là một khoảnh khắc anh ấy thấy mình như đã bén rễ sâu vào tuổi thơ, và có lẽ giờ anh vẫn còn ở đó, lúc này, ngày hôm nay, và mãi mãi, người em đã mất không còn có thể được tìm thấy ở bất cứ nơi nào.

Anh ấy văng tục và đá cửa xe: “Thôi đi uống đi.”

Trên cầu vượt đại lộ Park, một đứa bé nhún nhảy trên rào dây chần, phun sơn lên cầu. Tôi nghĩ đến những bức vẽ của Blaine. Chúng cũng thuộc dòng graffiti, không hơn.

Chúng tôi lái xe vào khu Đông Thượng, đi dọc đại lộ Lexington và tìm được một quán rượu buồn tẻ trên phố 64. Gã phục vụ trẻ tuổi đeo tạp dề trắng to tướng chừng như không để ý khi chúng tôi bước vào. Chúng tôi nheo mắt trước ánh đèn. Không có máy hát tự động. Vỏ lục vương vãi khắp sàn nhà. Vài người đàn ông răng cở lựa thưa ngồi ở quầy rượu, chăm chú

nghe một trận đấu bóng chày qua đài. Những chiếc gương đã ngả màu nâu và lốm đốm những vết mờ theo thời gian. Mùi ôi thiu của dầu rán.

Một tấm biển gắn trên tường: CÁI ĐẸP LÀ Ở TRONG VÍ CỦA NGƯỜI NGẤM.

Chúng tôi lách vào một góc, ngồi xuống những chiếc ghế da màu đỏ, gọi hai cốc Bloody Mary. Lưng áo ẩm ướt dính nhớp vào ghế. Một ngọn nến lập lòe cháy giữa hai chúng tôi, một đốm sáng dịu nhẹ. Những hạt bụi bơi trong sáp ong lỏng. Ciaran tấn mẫn xé tờ giấy ăn thành những mảnh nhỏ và kể cho tôi nghe mọi chuyện về người em trai. Anh định sẽ đưa em mình về nhà vào ngày hôm sau, sau khi đã hỏa táng, và sẽ rắc tro xuống biển quanh vịnh Dublin. Đối với anh, đó không phải một việc làm tưởng nhớ đến quê hương, mà đơn giản chỉ là việc cần làm. Mang em trai về nhà. Anh sẽ đi dọc bờ biển và đợi cho thủy triều dâng lên, rồi sẽ gieo Corrigan vào gió. Điều đó chẳng hề đối nghịch gì với tín niệm của cậu em trai. Corrigan chưa từng đề cập tới loại tang lễ cụ thể nào cả và Ciaran tin chắc em trai mình muốn là một phần của rất nhiều thứ.

Điều tôi thích ở em trai mình, anh thổ lộ, là nó luôn khiến người khác trở thành con người mà họ không nghĩ họ có thể trở thành. Nó khuấy đảo một cái gì đó trong tim họ. Chỉ cho họ những mảnh đất mới để đặt chân tới. Dù đã chết, nó sẽ vẫn làm thế. Em trai anh tin rằng không gian của Chúa là một trong những biên giới vĩ đại cuối cùng: đàn ông và đàn bà có thể làm mọi thứ nhưng điều huyền bí thực sự luôn nằm ở một thế giới bên kia hoàn toàn khác biệt. Anh ấy sẽ chỉ rải những năm tro đi và để tự chúng đậu lại nơi nào mà chúng muốn.

— Sau đó thì sao?

— Không biết nữa. Có lẽ du lịch. Hoặc ở lại Dublin. Cũng có lẽ sẽ trở lại nơi này lập nghiệp.

Lần đầu đặt chân đến đây anh không ưa gì nơi này - tất cả chỉ toàn rác rưởi và hối hả - nhưng dần dần anh thấy cũng không tệ đến vậy. Tới một thành phố giống như đi vào một đường hầm, anh ấy nói, và ngạc nhiên nhận

ra rằng ánh sáng ở cuối đường không phải điều quan trọng; đôi khi thật ra chính đường hầm làm cho ánh sáng không đến nổi chói lóa bất kham.

— Cô không bao giờ biết trước được, ở một nơi như thế này, - anh ấy nói. - Chẳng bao giờ biết được.

— Anh sẽ trở lại chứ? Một lúc nào đó?

— Có thể. Corrigan chẳng bao giờ nghĩ nó sẽ ở nơi này. Rồi nó đã gặp một người. Tôi cứ nghĩ nó sẽ ở lại đây luôn.

— Anh ấy đã yêu?

— Ừm.

— Tại sao anh lại gọi anh ấy là Corrigan?

— Cũng không biết nữa.

— Không bao giờ là John cho thân mật sao?

— Tên John nghe quá bình thường đối với nó.

Anh ấy thả những mảnh giấy ăn lượn xuống sàn và nói điều gì đó rất lạ về những từ ngữ phù hợp để gọi tên cái này cái kia, nhưng đôi khi lại chẳng thể chỉ ra được thứ ấy *không phải* là gì. Anh ấy nhìn đi chỗ khác. Chiếc đèn nê-ông trong cửa sổ sáng bừng lên khi ánh sáng ban ngày đã tàn.

Tay anh ấy quét nhẹ trên tay tôi. Một cơn giông khát vọng cũ xưa của con người.

Tôi nán lại thêm một giờ đồng hồ nữa. Hầu hết thời gian trôi đi trong im lặng. Ngôn ngữ thường dùng đã bay hết khỏi người tôi. Tôi đứng dậy, cơn trống rỗng chạy dọc xuống chân, hai cánh tay trần sờn gai ốc.

— Tôi không cầm lái, - tôi thú nhận.

Ciaran nghiêng người qua bàn, hôn tôi.

— Tôi biết.

Anh ấy chỉ vào chiếc nhẫn cưới trên tay tôi.

— Anh ta là người thế nào?

Anh ấy mỉm cười khi tôi không trả lời, nhưng đó là nụ cười chất chứa cả một thế giới muộn phiền. Anh ấy quay về phía người phục vụ, vẫy tay ra hiệu thêm hai cốc Bloody Mary nữa.

— Tôi phải đi rồi.

— Mình tôi sẽ uống cả hai cốc, - anh không giữ tôi lại.

Một cốc cho em trai anh ấy, tôi nghĩ thêm.

— Anh sẽ uống cả hai cốc à.

— Tôi sẽ uống, - anh lặp lại.

Bên ngoài, có hai biên lai phạt dính ở cửa con Pontiac - một lỗi đỗ xe, một lỗi đèn pha vỡ. Suýt làm tôi ngã quy. Trước khi lái xe về căn nhà gỗ, tôi bước tới bên cửa sổ quán bar và nhìn vào trong qua lớp kính. Ciaran đang ở quầy, chống tay lên cằm, nói chuyện với người phục vụ. Anh ấy đưa mắt về phía tôi và tôi đứng chết lặng. Tôi vội vã quay đi. Có những tảng đá nằm tít sâu trong lòng đất đến nỗi cho dù có cơn sụt lở nào xảy ra thì chúng cũng không bao giờ lộ trên bề mặt trái đất.

Quả có, tôi nghĩ, một nỗi sợ yêu.

Có một nỗi sợ yêu.

HÃY ĐỂ THẾ GIỚI TRƯỢT MÃI ĐI

CẢNH GÃ VẪN THƯỜNG NHÌN THẤY trên đồng cỏ: một ổ ba chú điều hâu đuôi đỏ còn non, ở rìa nhánh cây, trong cái tổ dày dặn bên bằng những nhánh cây con. Lũ chim non biết lúc nào mẹ chúng sẽ về, thậm chí từ lúc chim mẹ còn ở rất xa. Chúng bắt đầu kêu quang quác, mừng đón trước. Những chiếc mỏ há to ra, và chỉ một lát sau chim mẹ đã hạ cánh bay về phía chúng, một con bồ câu được quắp chặt dưới một chân bằng những móng vuốt. Chim mẹ bay liệng quanh tổ rồi sà xuống, một bên cánh vẫn còn dang rộng, che khuất một nửa tổ chim. Nó xé những miếng thịt đỏ au nhả xuống những cái mỏ đang há to của lũ chim con. Mọi động tác đều được thực hiện với một sự dễ dàng thoải mái không lời nào tả xiết. Sự cân bằng của móng vuốt và cánh. Cú thả hoàn hảo những miếng thịt đỏ vào mỏ chim con.

Chính những khoảnh khắc như thế giúp việc tập luyện của gã đi đúng quỹ đạo. Sáu năm ròng phiêu bạt không biết bao nhiêu nơi. Đồng cỏ chỉ là một trong số đó. Phần rộng nhất của đồng cỏ trải dài gần cây số, nhưng sợi dây được căng ngay khoảng giữa đồng cỏ chỉ dài độ tám chục thước, ngay chỗ hứng nhiều gió nhất. Sợi dây cáp được néo chặt căng vào hàng loạt trụ đỡ. Đôi khi gã nới lỏng bớt để sợi dây đu đưa. Nó giúp gã cải thiện khả năng giữ thăng bằng của mình. Gã đi tới giữa sợi dây, chỗ thách thức nhất. Gã tập nhảy lò cò, chuyển từ chân nọ sang chân kia. Gã cầm một cái sào nặng giúp giữ thăng bằng, chỉ để định hướng cơ thể khi đổi tư thế. Nếu có bạn bè nào đến thăm, gã sẽ nhờ anh ta đấm vào sợi dây theo nhịp 2-4 để nó rung lắc và cho cơ thể gã quen với kiểu đu đưa đánh võng. Gã thậm chí còn nhờ anh bạn ấy nhảy trên sợi dây để xem mình có bị rơi xuống không.

Khoảnh khắc yêu thích của gã là chạy dọc sợi dây mà không cần đến sào thăng bằng - đó là sự dịch động thuần khiết nhất của cơ thể mà gã đạt được. Điều gã nghiệm ra ngay cả giữa lúc luyện tập chính là: gã chẳng thể

cùng lúc chạm vào dây bằng đầu lẩn mông. Thậm chí cố tập cũng không xong. Gã có thể chống ngược tay lên dây hay quặp hai chân quanh sợi dây, nhưng trò kia thì thất bại. Gã không ngừng tìm kiếm những bài tập mới: xoay toàn bộ cơ thể, đi nhón chân, ngã giả, nhào lộn, nảy một quả bóng trên đầu, nhảy chụm chân với hai mắt cá chân đặt sát nhau. Nhưng đó chỉ là những bài tập, không phải những động tác mà gã dự tính sẽ thực hiện trong lần biểu diễn.

Một lần, giữa cơn mưa giông chớp giật, gã đã cười trên dây như thể nó là tấm ván lướt sóng. Gã nói lỏng các dây tăng cường để tình huống trở nên mạo hiểm hơn bao giờ hết. Những cú đánh võng cao đến cả mét trông hung hãn, lật lọng, từ bên này qua bên kia, từ cao xuống thấp. Gió mưa bủa vây quanh gã. Cây sào thẳng bằng chạm phốt ngọn cỏ, nhưng không chạm xuống đất. Gã cười vang vào hàm nanh gió.

Chỉ đến khi đã trở lại căn nhà gỗ, gã mới nghĩ ra cây sào trong tay gã chính là một cột thu lôi: gã có thể đã cháy rục trong cơn bão - một sợi dây thép, lại thêm cái sào thẳng bằng, giữa đồng cỏ trống trải.

Căn nhà gỗ đã bị bỏ hoang nhiều năm. Một phòng đơn, ba cửa sổ, một cửa chính. Gã đã phải tháo các cánh cửa chớp ra để lấy ánh sáng. Gió thổi vào ẩm ướt. Một đường ống nước gỉ chạy xuống từ trên mái nhà, có lần gã quên mất, đâm sầm vào nó ngã lẩn. Gã quan sát những động tác nhào lộn của lũ ruồi trên lưới nhện. Gã cảm thấy vô cùng thoải mái, cho dù lũ chuột cào lên ván sàn loạt soạt. Gã quyết định trèo ra ngoài qua cửa sổ thay vì đi cửa chính: một thói quen kỳ cục - chính gã cũng không biết từ đâu ra nữa. Gã vác cây sào lên vai và bước ra ngoài bãi cỏ trải dài, về phía sợi dây.

Thỉnh thoảng có những con nai sừng tấm từ dãy núi Rocky tới gặm cỏ bên rìa cánh đồng. Chúng ngẩng đầu lên, chăm chăm nhìn gã rồi biến mất sau rặng cây bao quanh cánh đồng. Gã tự hỏi chúng đã nhìn gì và cảm nhận ra sao về cảnh trước mắt. Sự đu đưa của cơ thể gã. Hay thanh thẳng bằng giữa không trung. Gã cảm thấy sung sướng mê ly khi lũ nai bắt đầu thôi bỏ chạy. Hai ba con một, vẫn nép sát vào hàng cây, nhưng mỗi ngày lại cả gan tiến thêm một chút. Gã băn khoăn không biết liệu chúng có đến và cọ mình

lên những cọc gỗ không lồ mà gã đã đóng xuống đất làm trụ, hay liệu chúng có gặm dần những cọc đỡ khiến sợi dây võng xuống không.

Một mùa đông gã trở lại, nhưng không phải để tập luyện, mà là để nghỉ ngơi thư giãn và xem xét kỹ lưỡng lại kế hoạch. Gã ở trong căn nhà gỗ, trên tầng mái nhìn ra đồng cỏ. Gã trải những tấm sơ đồ và ảnh chụp hai tòa tháp trên cái bàn gỗ thô kệch bên ô cửa nhỏ, trông ra trông xuống đều là trống trải.

Một chiều nọ gã vô cùng sửng sốt thấy một con sói đồng cỏ lộ tuyết tiến đến và vui đùa nhảy nhót ngay dưới sợi dây của gã. Vào mùa hè, điểm thấp nhất của sợi dây cũng cách mặt đất gần năm mét, nhưng giờ tuyết đã dày tới mức con sói có thể nhảy vọt qua sợi dây.

Sau một hồi, gã bước vào trong cho thêm củi vào lò sưởi và rồi đột nhiên con sói biến mất như ma quỷ hiện hình. Gã nghĩ chắc mình vừa nằm mơ, nhưng khi gã nhìn qua ống nhòm thì vẫn còn những dấu chân in trên tuyết. Gã bước ra ngoài giữa giá rét, men theo lối mòn gã đã đào trong tuyết, chỉ với mỗi ủng, quần jean, áo sơ-mi cổ khít và một chiếc khăn. Gã leo lên những cọc chống, đi trên dây mà không cần đến sào thăng bằng, dịch chuyển ra mãi xa để kiểm tìm những dấu chân. Sắc trắng khiến gã rùng mình. Cảm giác như gã đang bước dọc xương sống một con ngựa về phía cái hồ mát lạnh. Tuyết đã điều chỉnh lại ánh sáng, uốn cong nó, tô màu cho nó, ánh dội nó. Gã thấy căng tràn năng lượng, gần như say thuốc. Mình phải nhảy xuống và bơi. Phải lặn sâu vào lòng nó. Gã giơ một chân ra ngoài rồi nhảy lò cò, hai tay dang rộng, bàn tay để ngang. Nhưng đến giữa chừng gã nhận ra mình đã làm gì. Gã thậm chí không có thời gian để chửi rủa. Tuyết dày và cứng, gã đã nhảy ra khỏi sợi dây, chân xuống trước, như lao xuống hồ bơi. Đứng ra mình nên ngửa người ra sau, sẽ là một tư thế hoàn toàn khác. Người gã ngập sâu tới tận ngực trong tuyết và không tài nào thoát ra được. Bị kẹt, gã cố nhúc nhích. Đôi chân giờ đã tê cứng, không còn có cảm giác nặng hay nhẹ nữa. Gã bị bọc kín trong tuyết, giống như đã trở thành một tế bào của khối trắng. Gã dùng khuỷu tay phá vỡ lớp tuyết phủ trên, rồi cố với lấy sợi dây phía trên nhưng giờ gã đã bị lún quá sâu. Tuyết rỉ qua mắt

cá chân, lọt vào trong ủng. Chiếc áo sơ-mi bị xé rách lên. Cứ như vừa đáp xuống một vùng da ẩm ướt và buốt lạnh. Gã có thể cảm thấy những hạt tuyết nơi xương sườn, rốn, rồi ngực. Trách nhiệm của gã là phải sống, phải chiến đấu vì nó - cả đời gã chỉ để thoát khỏi chỗ này. Hai hàm răng siết chặt, gã cố nhích lên. Một cơn đau dài ập đến. Gã lại tụt xuống vị trí cũ. Nỗi đe dọa của hoàng hôn xám xịt đang dần buông. Hàng cây phía xa trông như những lính gác, giương mắt dõi nhìn.

Bình thường gã có khả năng đu xà chỉ với một ngón tay, nhưng giờ chẳng có gì để bầu vịu vào - sợi dây đã nằm ngoài tầm với. Một ý nghĩ lướt qua là thôi thì cứ ở đó, đông cứng lại, cho tới khi băng tan, rồi gã lún dần xuống cùng với mực tuyết tan cho tới khi lại ở dưới sợi dây đúng năm mét, thối rữa dần, một cú ngã chậm chạp nhất, cho tới khi chạm đất, mà có khi còn bị ngoạm bởi chính con sói mà gã đã ngưỡng mộ ngắm nhìn ấy chứ.

Hai tay gã hoàn toàn tự do, gã giữ ấm chúng bằng cách siết chặt rồi lại thả ra. Gã tháo chiếc khăn ra khỏi cổ, một cách từ từ, thận trọng - gã biết quả tim mình đang dần cóng lạnh - gã tung chiếc khăn qua dây rồi giật mạnh. Những hạt tuyết nhỏ li ti bắn ra khỏi khăn. Gã có thể cảm thấy những sợi vải đang căng ra. Gã biết sợi dây, biết cái hồn của nó: nó sẽ không phản lại gã, nhưng còn cái khăn, gã nghĩ, nó đã cũ và sờn. Nó có thể căng giãn ra hoặc rách toạc. Đá chân xuống dưới, qua lớp tuyết, để tạo khoảng trống, tìm kiếm một chỗ nào chắc chắn làm điểm tựa. Đừng có tụt xuống đấy. Mỗi lần gã nhích thêm một chút, chiếc khăn lại càng bị kéo căng hơn. Gã túm lấy đoạn khăn trên và đu người lên cao hơn. Giờ thì đã có cơ làm được rồi. Mặt trời đã lặn sâu phía sau hàng cây. Hai chân gã vung tròn để thả lỏng, ép người sang bên vào lớp tuyết, thúc lên trên, rút mạnh chân phải ra khỏi tuyết rồi quăng chân, móc vào sợi dây, đã tìm ra lối thoát.

Gã kéo cả cơ thể lên trên sợi dây, quỳ gối, rồi nằm xuống một lát, ngắm nhìn bầu trời, cảm thấy sợi dây đã trở thành tủy sống của mình.

Không bao giờ gã dám đi trong tuyết nữa: gã để cái vẻ đẹp ấy nhắc nhở mình về những gì có thể đã xảy ra. Gã treo chiếc khăn lên một cái móc

ở cửa và đêm hôm sau gã lại nhìn thấy con sói, đánh hơi vu vơ quanh những dấu vết của gã còn in lại.

Thỉnh thoảng gã vào thị trấn, đi dọc con đường chính, tới quầy rượu mà đám người ở trại chăn nuôi hay tụ tập. Toàn những tay gồ ghề, trong mắt họ gã nhỏ thó, yếu đuối và vô tích sự. Thật ra gã khỏe hơn bất kỳ tay nào ở đó. Đôi lúc một cánh tay thô kệch chìa ra thách gã vật tay hay đấu một trận, nhưng gã phải giữ cho cơ thể khỏi chệch choạc. Chỉ một dây chằng bị đứt thôi cũng là thảm họa. Một bên vai bị toác ra sẽ kéo lùi gã sáu tháng. Gã xoa dịu họ bằng cách chỉ cho họ những mảnh lời chơi bài hay trò tung hứng. Rồi khi rời khỏi quán gã vỗ vỗ lên lưng họ, móc trộm chìa khóa xe, rồi đánh những chiếc xe tải rời chỗ ban đầu một quãng độ nửa dặm nhà, cắm nguyên chìa khóa đấy, rảo bước về nhà dưới ánh sao, phá lên cười.

Đỉnh ở mặt trong cánh cửa ngôi nhà gỗ của gã là tấm biển đề: **KHÔNG AI NGÃ NỬA CHỪNG.**

Gã tin vào việc đi trên dây một cách thanh thoát, đẹp đẽ. Gã sẽ đến được đầu dây bên kia, điều ấy như một thứ tín niệm. Suốt quá trình tập luyện gã chỉ ngã có một lần - đúng một lần, nên gã cảm thấy chuyện đó sẽ không xảy ra nữa, hoàn toàn ngoài khả năng. Dù sao phạm một sai lầm cũng là cần thiết. Công trình nghệ thuật nào mà chẳng có chút sơ sẩy cơ chứ. Nhưng cú ngã ấy đã làm dập mấy rё sườn và thỉnh thoảng, khi gã hít một hơi thật sâu, nó như lời nhắc nhở khe khẽ, một cú thúc rất gần tim.

Đôi khi gã ở trần tập luyện, chỉ để xem cơ thể cử động ra sao. Gã điều chỉnh người mình theo nhịp gió. Gã không chỉ lắng nghe gió đến mà cả những tiên báo của nó. Chỉ trong những tiếng thì thào. Lời gợi ý. Gã dùng chút hơi ấm nơi tròng mắt mà kiểm chứng. *Nó đến rồi.* Sau một thời gian gã đã học được cách bắt lấy mọi âm thanh của gió. Thậm chí cả tốc độ của lũ côn trùng cũng chỉ dẫn cho gã. Gã yêu những tháng ngày đó, khi gió giận dữ lướt qua đồng cỏ và gã sẽ huýt sáo trong tiếng gió. Nếu gió quá mạnh gã sẽ thôi huýt sáo và gắng hết sức để chống chọi lại với nó. Có khi cùng một lúc gió thổi đến từ nhiều hướng khác nhau, mang theo mùi của cây, của đầm lầy và cả những tấm sừng hươu.

Có những thời điểm gã cảm thấy thoải mái đến nỗi gã có thể vừa đi dây vừa ngắm nhìn những chú hươu sừng tấm, những làn khói bay lên từ đám cháy rừng hay những chú điều hâu đuôi đỏ trên tổ; nhưng khi ở trạng thái tốt nhất, tâm trí gã hoàn toàn không để tâm đến cảnh vật. Điều gã phải làm là hình dung lại mọi thứ, khắc ghi vào đầu khung cảnh một tòa tháp xa mút tầm nhìn của gã, đường ranh giới của thành phố dưới chân gã. Gã có thể đóng băng hình ảnh ấy trong đầu rồi tập trung toàn bộ cơ thể trên sợi dây. Đôi lúc gã cũng bực bội khi mang thành phố tới đồng cỏ hoang sơ này, nhưng gã phải hợp nhất các cảnh vật lại trong tưởng tượng, bãi cỏ, thành phố, bầu trời. Gần như là qua tâm trí, gã đang bước đi trên một sợi dây khác.

Gã cũng tập luyện ở những nơi khác nữa - một cánh đồng ở ngoại ô New York, lô đất trống của một kho hàng ngoài bến tàu, đầm lầy nước mặn tách biệt ở phía đông Long Island - nhưng đồng cỏ là chốn khó rời đi nhất. Gã nhìn lại sau lưng và thấy lại bóng hình đó, ngập đến tận cổ trong tuyết, vẫy tay chào tạm biệt chính mình.

Gã bước vào cái ồn ào của thành phố. Bê tông và kính âm ào. Xe cộ tấp nập. Dòng người đi bộ dịch chuyển như nước xung quanh gã. Gã thấy mình như người di dân thuở xa xưa: đặt chân lên những bãi bờ mới mẻ. Gã đi quanh khắp thành phố nhưng hầu như không rời mắt khỏi những tòa tháp. Đó là mút giới hạn khả năng một con người. Thậm chí không có ai mơ mộng đến điều đó. Gã cảm thấy cơ thể mình đang căng ra bởi sự táo bạo. Gã ngẫm thám thính các tòa tháp. Đi qua những người gác cổng. Lên cầu thang. Tòa tháp phía nam vẫn chưa được hoàn thiện. Rất nhiều phần của tòa nhà còn bỏ trống và dựng nguyên giàn giáo. Gã tự hỏi không biết những người khác cũng đang loanh quanh ở đây là ai, mục đích của họ là gì. Gã bước ra ngoài mái nhà còn đang xây dang dở, đội một chiếc mũ công nhân để khỏi bị phát hiện. Gã ghi lại hình dáng những tòa tháp vào trong óc. Hình dung về trụ đỡ kép trên mái nhà. Khi sợi dây căng ra sẽ hợp thành hình chữ y. Ảnh phản chiếu từ những cửa sổ và chúng sẽ phản chiếu gã ra sao, ở các góc nhìn, rồi từ bên dưới. Gã vắt một chân qua rìa mái và nhúng chiếc giày vào không trung, làm động tác trồng cây chuối ngay sát mép mái nhà.

Khi rời khỏi mái nhà gã cảm thấy như mình đang vẫy tay chào người bạn cũ một lần nữa: ngập tới tận cổ, lần này là trong một phần tư dặm giữa trời.

Một buổi sớm tinh mơ gã đang kiểm tra lại vòng bao ngoài của tòa tháp phía nam, ghi lại lịch trình của những xe tải giao hàng, thì nhìn thấy một phụ nữ mặc bộ áo liền quần, cúi gập người xuống như thể đang buộc lại dây giày, rồi đi đi lại lại vòng quanh chân các tòa tháp. Một ít lông chim bay ra từ tay bà. Bà ta cho những con chim đã chết vào trong những túi nhựa nhỏ. Hầu hết là chim sẻ cổ trắng, cũng có vài con loại khác. Chúng bay đến vào lúc đêm khuya, khi trời lặng gió nhất. Lóa mắt bởi những ánh đèn của tòa nhà, chúng đâm sầm vào cửa kính hoặc không ngừng bay liệng quanh các tòa tháp cho tới khi kiệt sức, khả năng định vị của chúng đã hoàn toàn tê liệt. Bà ta đưa cho gã một cái lông chim chích cổ đen, và khi rời khỏi thành phố một lần nữa, gã mang theo chiếc lông tới đồng cỏ và gắn nó lên bức vách trong ngôi nhà gỗ. Thêm một vật nữa để gợi nhớ.

Mọi thứ đều có mục đích, dấu hiệu, ý nghĩa.

Nhưng cuối cùng gã biết rằng tất cả đều quy về sợi dây. Gã và sợi dây. Dài gần bảy mươi mét và cái khoảng cách mà nó nối liền. Những tòa tháp được thiết kế để có để đung đưa trong phạm vi cả thước khi có bão. Một trận gió lớn hay thậm chí một thay đổi đột ngột của thời tiết cũng sẽ làm các tòa nhà rung lắc, sợi dây có thể căng ra và bật nảy. Đó chỉ là một trong số ít ỏi những yếu tố mang tính tình cờ. Khi đang ở trên dây, gã phải vượt qua những bật nảy đó hoặc gã sẽ bị bắn ra ngoài. Một cú rung lắc của các tòa nhà có thể làm sợi dây đứt đôi. Một đầu dây sờn đang đà bay có thể làm đứt đầu người gọn ghẽ. Gã cần hết sức tỉ mỉ để chuẩn bị mọi thứ ổn thỏa: Tời quần dây, dụng cụ kéo cáp, cờ lê, dụng cụ canh thẳng dây, chỉnh nắn, những phép toán, đo lường sức chịu đựng. Gã muốn sợi dây chịu được áp lực ba tấn. Nhưng dây cáp càng căng thì dầu bôi trơn rỉ ra càng nhiều. Chỉ cần một thay đổi về thời tiết thôi cũng đủ làm chút dầu rỉ ra từ lõi.

Gã bàn bạc kế hoạch với những người bạn. Họ sẽ phải lên vào tòa tháp kia, đặt những trụ đỡ vào đúng chỗ, quay tời cho sợi dây căng ra, ngó

nghiêng để phòng nhân viên an ninh, giúp gã cập nhật mọi thông tin bằng bộ đàm. Nếu không lần đi trên dây này sẽ thành bất khả. Họ trải sơ đồ tòa nhà ra và học thuộc lòng. Chỗ cầu thang. Chốt an ninh. Họ biết những chỗ ẩn náu để không bị phát hiện. Hệt như họ đang lập kế hoạch cướp nhà băng. Khi không ngủ được, gã một mình lang thang dưới những con đường nhạt nhòa gần Trung tâm Thương mại Thế giới: nhìn từ xa, trong ánh đèn, những tòa nhà như nhập vào nhau làm một. Gã dừng lại ở góc phố và đưa mình lên trên đó, tưởng tượng gã đang ở giữa bầu trời, một dáng hình còn sẫm màu hơn cả đêm đen.

Đêm trước hôm biểu diễn, gã căng sợi dây ra suốt chiều dài một khối nhà trên phố. Những người lái xe nhìn gã chăm chăm khi gã trải dây ra. Gã cần phải lau sạch sợi dây. Một cách tỉ mỉ, gã đi dọc theo sợi dây và lau chùi nó bằng một miếng giẻ tẩm dầu hỏa rồi chà bột mài lên đó. Gã phải đảm bảo sẽ không có sợi tơ dây nào trôi ra chọc vào chân gã qua chiếc giày mềm. Chỉ một mẩu nhỏ thôi - một lưỡi móc thịt - là có thể gây chết người. Và có những khoảng trống trong mỗi sợi cáp cần giặm thêm dây kim loại vào.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Sợi dây cũng có tâm tính riêng của nó. Điều tệ nhất là mô men xoắn trong, khiến sợi dây cáp xoắn vào trong chính nó, như một con rắn trườn trong lớp da lột.

Sợi dây cáp gồm sáu tao với mười chín lõi dây trong mỗi tao. Đường kính bảy phần tám inch^[42]. Được bện một cách hoàn hảo. Các tao cáp quấn quanh lõi thành lớp sao cho bàn chân dễ bám nhất. Gã và bạn bè đi dọc sợi dây cáp, vờ như họ đang ở tít cao trên không trung.

Đúng vào đêm biểu diễn họ phải mất mười tiếng đồng hồ để căng lên sợi dây cáp lên. Gã đã kiệt sức. Gã không mang theo đủ nước uống. Gã nghĩ có lẽ mình thậm chí chẳng còn sức mà đi nữa, cơ thể đã khô héo đến nỗi kêu răng rắc mỗi khi dịch chuyển. Nhưng hình ảnh sợi dây căng giữa những tòa tháp làm gã xúc động. Tiếng gọi qua bộ đàm từ tòa tháp tít xa. Họ đã sẵn sàng. Gã cảm thấy một tia chớp năng lượng lướt qua cơ thể gã: con người gã xăm xấn trở lại. Sự tĩnh lặng như để dành riêng cho gã ngự trị. Ánh sáng của buổi sớm mai đã leo lên những xưởng sửa chữa và đóng tàu, rải trên sông,

rời khu bến tàu xám xịt, chiếu lên sự nhếch nhác của khu Đông, trái rộng và khuếch tán trên những ô cửa, mái hiên, mái đua, gờ cửa sổ, bờ gạch, rào chắn, viền mái, cho tới khi nó nhảy một bước dài và chạm vào không gian ken đặc của khu thương mại. Gã thì thầm vào bộ đàm và vẫy tay ra hiệu cho người đang đứng đợi ở tòa tháp phía nam. Đã đến lúc rồi.

Một chân trên dây - cái chân điêu luyện, cái chân giữ thăng bằng. Ban đầu gã nhẹ nhàng dịch chuyển những ngón chân, rồi đến lòng bàn chân, gót chân. Sợi dây ẩn giữa rãnh ngón cái và ngón kế bên nó. Đôi giày của gã rất mỏng, đế giày bằng da bò. Gã ngừng lại trong giây lát, kéo cho sợi dây căng hơn bằng sức mạnh ánh mắt. Gã từ từ ngả cái sào nhôm xuống tay. Cảm giác mát lạnh lặn qua gan bàn tay. Cây sào nặng hai mươi lăm ký, bằng nửa trọng lượng của một phụ nữ. Nàng đang dịch chuyển trên làn da của gã như làn nước. Gã đã phải bọc ống cao su ở đoạn giữa cây sào để khỏi tuột tay. Khum mấy ngón tay trái lại là gã có thể siết chặt cơ bắp bả vai phải. Ngón út căng mở hết mức đôi vai. Ngón cái giữ cho cây sào ở đúng vị trí. Gã nghiêng về bên phải, cơ thể khẽ dịch chuyển sang trái. Cây sào trong tay nhích lặn thật khẽ, đến mức không đôi mắt thường nào có thể nhìn thấy được. Tâm trí gã đã chuyển sang một cảnh giới khác để nhập vào phần bản ngã đã luyện tập nhuần nhuyễn. Cơ thể gã không cảm thấy mệt mỏi chút nào nữa. Gã giữ cây sào trong trí nhớ mạnh mẽ đó và lưu loát dẫn tới trước.

Sau đó, trong một thoáng ban đầu, hầu như đã chẳng có gì biến chuyển. Gã thậm chí chẳng có ở đó. Ý niệm thất bại không hề lướt qua tâm trí gã. Một cảm giác giống như là đang bồng bênh trôi. Gã đang ở ngoài đồng cỏ. Cơ thể gã thả lỏng và mang dáng vóc của gió. Cử động của vai có thể chỉ dẫn cho mắt cá chân. Cổ họng xoa dịu gót chân và làm ấm các dây chằng ở mắt cá. Lưỡi chạm nhẹ vào răng giúp thư giãn bắp đùi. Khuỷu tay có thể hỗ trợ cho đầu gối. Nếu kéo căng cơ cổ, gã có thể cảm thấy nó đang giúp chỉnh lại phần hông. Gã không bao giờ dịch chuyển phần trung tâm cơ thể. Gã coi dạ dày giống như một bát nước. Nếu gã làm sai, bát nước ấy sẽ uốn nắn lại ngay. Gã cảm nhận được chỗ cong của sợi dây bằng vòm rồi đến

gan ban chân. Một bước thứ hai rồi thứ ba. Gã đã đi qua chỗ dây néo tăng cường đầu tiên, toàn bộ cơ thể gã kết hợp nhịp nhàng.

Trong một vài giây gã chỉ đơn thuần dịch chuyển, thực hiện được bất kỳ động tác nào gã thích. Cùng một lúc gã vừa ở trong lại vừa ở ngoài cơ thể mình, đắm mình vào cái vốn đã định thuộc về không trung, không tương lai, không quá khứ, và điều đó cho gã thoải mái thể hiện mình trong bước đi. Gã đang mang cuộc đời mình đi từ đầu dây bên này sang đầu dây bên kia. Đôi đờm khoảnh khắc khi gã thậm chí chẳng còn ý thức được về hơi thở của mình.

Lý do cốt lõi cho tất cả chuyện này là cái đẹp. Đi trên dây là một niềm vui sướng siêu phàm. Mọi điều đều được viết lại khi gã ở trên đó. Những thứ mới mẻ đều trong tầm với của con người. Nó vượt xa trạng thái cân bằng.

Trong giây lát gã cảm thấy mình không phải được bất kỳ thế lực nào khác sáng tạo ra. Một kiểu thức ngộ.



Phần 2

CHỮ KÝ

BẮT GẶP NÓ Ở ĐÂY, CHỖ KHỚP NỐI giữa các toa tàu, trong một buổi sáng đã bắt đầu trở nên oi bức nóng nực. Cuộn phim chỉ còn chín pô. Máy bức ảnh hầu hết là chụp trong bóng tối. Có ít nhất hai tấm chụp khi đèn flash không nháy. Bốn tấm chụp trên đoàn tàu đang chạy. Một tấm khác chụp ở Concourse thì đúng là đồ bỏ đi, nó chắc mẫm như vậy.

Nó quét mắt trên lớp sàn bằng kim loại mỏng khi đoàn tàu lắc lư tiến về phía nam, rời khỏi Grand Central. Có lúc nó thấy phát chóng mặt chỉ vì đôi xem đã đến khúc cua tiếp theo chưa. Cái tốc độ đó. Cái tiếng động quay cuồng bên tai đó. Thực sự chúng làm nó sợ. Khối thép rung gõ đều đều xuyên qua cơ thể nó. Cứ như thể có cả một đoàn tàu bên trong đôi giày thể thao. Kiểm soát và quên lãng. Đôi khi nó có cảm giác chính mình là người lái tàu. Đi quá sang trái là đoàn tàu sẽ đâm vào góc hầm và sẽ có hàng triệu thi thể biến dạng bầy la liệt trên đường ray. Còn quá sang bên phải thì các toa tàu sẽ trượt ngang và thế là vĩnh biệt, rất vui được biết các bạn, hẹn gặp lại trên các dòng tít báo. Nó đã lên tàu từ Bronx, một tay cầm máy ảnh, tay kia bám vào cửa toa. Chân dang rộng để giữ thăng bằng. Hai mắt dán chặt vào vách tường hầm, tìm kiếm các chữ ký^[43] mới.

Nó đang trên đường tới trung tâm thành phố làm việc, nhưng mà mặc xác những lược, những kéo, những chai bọt cạo râu - nó đang hy vọng buổi sáng bắt đầu bằng một chữ ký. Đó là thứ duy nhất có thể bôi trơn các khớp nối trong một ngày của nó. Mọi thứ khác đều sẽ trôi tuột đi, chỉ có những chữ ký là còn đọng lại trong đáy mắt. PHASE 2. KIVU. SUPER KOOL 223. Nó rất thích cái cách những con chữ uốn lượn, những hình cung, những nét ngoặt, những ngọn lửa, rồi những đám mây.

Nó bắt chuyến tàu nội thành chỉ để xem ai đã ở đó suốt đêm và ký tên lên tường hầm, và để xem họ chìm sâu trong đêm tối như thế nào. Nó không có nhiều thời gian để ngắm các bức vẽ trên mặt đất, trên thành cầu,

sân ga, tường nhà kho hay thậm chí trên các xe đổ rác. Toàn những thứ vớ vẩn. Bất cứ thang máy nào cũng có thể vẽ những chữ cái có đường viền thân trên tường: Nó chỉ ưa nhất những chữ ký dưới lòng đất thôi. Những thứ chỉ thấy trong bóng tối. Trên thành đường hầm. Sự bất ngờ của chúng. Càng sâu càng tốt. Sáng bừng lên nhờ đèn tàu và lướt qua nhanh đến nỗi nó không chắc có đúng mình đã nhìn thấy chúng hay không. JOE 182, COCO 144, TOPCAT 126. Một số chỉ là những đường nguệch ngoạc. Số khác trải suốt từ nền đến tận trần, có khi tốn đến hai ba hộp sơn chứ không ít, những con chữ xoắn vào nhau như không muốn dứt, như thể chúng đã cuốn vào mình cả một luồng không khí. Một số nữa thì chạy dài theo đường hầm đến tận mét rưỡi. Bức vẽ đẹp nhất dài năm mét rưỡi ngay dưới phố Grand Concourse.

Lúc trước mấy tay vẽ tường chỉ dùng có một màu, thường là màu bạc để nó dễ bắt sáng dưới lòng đất. Nhưng mùa hè này đã có đến hai, ba, bốn màu: đỏ, xanh lam, vàng, thậm chí cả màu đen. Nó rất ngạc nhiên khi lần đầu trông thấy chúng - ai lại ký tên mình bằng ba màu lên cái chỗ mà chẳng ai thấy bao giờ. Có thể con người đó rất kiêu hãnh hoặc rất xuất sắc hoặc cả hai. Cả ngày nó đi đi lại lại, tâm trí cứ trở đi trở lại chuyện đó. Kích thước của ngọn lửa. Chiều sâu. Thậm chí họ còn dùng những hộp sơn có kích cỡ vòi phun khác nhau: cứ nhìn hình dạng những vệt sơn toé ra thì biết. Nó hình dung những người vẽ đột nhập vào đường hầm, mặc kệ đường ray thứ ba, những chuột, những bụi, nào mùi, nào gỉ sắt, rồi cửa hầm, bậc thang, đèn tín hiệu, dây điện, đường ống, đường ray cắt, John 3:16^[44], rác rưởi, lưới mắt cáo, và các vũng nước lầy.

Điều cực *ngẫu* là mấy tay đó làm việc ấy bên dưới thành phố. Cứ như thể người ta đã vẽ kín trên mặt đất rồi nên còn mỗi chỗ này để vẽ nữa mà thôi. Như thế họ đã đến một biên giới mới. Đây là nhà của tôi. Đọc mà khóc đi.

Nó đã từng ra công tìm hiểu những hình sơn nhanh kiểu “oanh tạc”, đi trên những con tàu phủ đầy hình vẽ, nơi bản thân nó cũng chỉ là một sắc màu, một vệt sơn trong hàng trăm vệt sơn khác. Đóng kín cửa chạy về khu

trung tâm, qua những khu ỗ chuột. Không lối ra. Nó từng nhắm chặt mắt đứng gần cửa ra, lắc lư đôi vai, nghĩ về những sắc màu chạy qua quanh nó. Không phải ai cũng “oanh tạc” được cả một đoàn tàu. Cần phải đích thân làm tất mọi chuyện. Leo rào bao sân, nhảy qua đường ray, đâm phải xe hơi, chạy trốn, khiến khối thép xuất hiện trong buổi mai rục rờ mà không ô cửa sổ nào còn nhìn xuyên qua nổi, cả đoàn tàu bị sơn vẽ suốt từ đầu đến đuôi. Có vài lần nó thử lang thang ở khu Concourse, nơi đám phun sơn gốc Puerto Rico và Dominica hay tụ bọ, nhưng cánh ấy không thềm để mắt đến nó, không một ai, bảo nó lượn đi cho đỡ quẩn, lại gọi nó là thằng đàn, đầu đất, gà mờ. Chuyện là, nó đã từng là một học-sinh-toàn-điểm-A trong suốt năm học. Nó chẳng muốn thế nhưng thực tế đúng là như vậy - nó là đứa duy nhất không bao giờ cúp học. Thế là bọn kia giểu cợt nó. Nó lảng đi. Nó còn định bụng qua khu da đen ở mé kia khu Concourse, nhưng rốt cục lại thôi. Nó trở lại cùng cái máy ảnh, cái máy lấy từ hiệu cắt tóc, đến chỗ bọn Rico, bảo nó có thể giúp chúng trở nên nổi tiếng. Bọn kia lại cười vào mũi nó, rồi nó còn bị một thằng ranh 12 tuổi tát vào mặt, nhục nhã.

Nhưng đến giữa mùa hè, trên đường đi làm, nó len lỏi giữa những toa tàu, đoàn tàu dừng ngay ngoài đường 138; khi đang loạng choạng bước trên những tấm thép, chính lúc đoàn tàu lại khởi hành, nó chột bắt gặp một hình ảnh mờ ảo lướt nhanh. Nó không biết đó là cái gì, một thứ màu bạc không lồ lướt bay. Hình ảnh đó vẫn in trong trong mắt nó suốt cả ngày làm ở tiệm cắt tóc.

Ở đó. Là của nó. Nó sở hữu bức vẽ. Không thể cọ rửa. Người ta không thể nhúng cả một bức tường hầm vào chậu axit. Không thể chà xóa nó. Một chữ ký cỡ đại. Thấy nó chẳng khác nào phát hiện ra kim cương.

Trên đường về nó lại đứng ở chỗ nối giữa hai toa tàu, chỉ để xem lại cho kỹ, và cái chữ ký đó vẫn ở kia, STEGS 33, rất to, một mình cô đơn giữa đường hầm, không có chữ nào xung quanh đó nữa. Nó cực kỳ sửng sốt vì người vẽ đã phải đi xuống hầm, vẽ chữ ấy lên tường rồi đi ngược trở lên, qua đường ray thứ ba, lên những bậc thang bẩn thỉu, qua cánh cổng sắt rồi bước ra ánh sáng, đi vào thành phố, tên mình để lại dưới chân.

Nó ngênh ngang đi ngang phố Concourse, liếc xéo mấy tay vẽ tường suốt ngày chỉ loanh quanh trên mặt đất. Một lũ đầu đất. Nó đã nằm được bí mật. Nó biết những chỗ đó. Nó có chìa khoá trong tay. Nó bước qua mặt chúng, vai đung đưa ngang tàng.

Nó bắt đầu thường xuyên đi tàu điện ngầm, lòng tự hỏi những nghệ sĩ đó có khi nào mang đèn pin xuống đây không, hay họ đi theo nhóm hai ba người, như những kẻ oanh tạc sân ga, một cảnh giới, một cầm đèn pin và một vẽ chữ ký. Nó không còn thấy ngại đến tiệm cắt tóc của người bố dượng trong phố nữa. Ít nhất công việc làm thêm này cũng cho nó cơ hội đi tàu điện ngầm. Đầu tiên nó còn đứng dán mắt vào cửa sổ, nhưng rồi bắt đầu đi hết toa này đến toa khác, mắt không rời những bức tường hầm, tìm kiếm một dấu hiệu. Nó thích nghĩ rằng những nghệ sĩ đó làm việc một mình trong bóng tối, không cần đèn đóm gì ngoài mấy que diêm thi thoảng, hoặc để nhìn bố cục, hoặc để nhấn thêm một màu sắc, hoặc lấp đầy khoảng còn trống, hoặc uốn ra một chữ cái. Tác phẩm kiểu du kích. Thời gian giữa hai chuyến tàu không bao giờ quá nửa tiếng đồng hồ, ngay cả lúc đêm khuya. Nó thích nhất là những đường viền lớn phóng túng. Khi tàu đi qua nó giữ chặt hình ảnh ấy trong tâm trí rồi cả ngày cứ nghĩ đến nó, những đường thẳng, những đường cong, những chấm tròn.

Chưa bao giờ nó tự tay vẽ một chữ ký, nhưng nếu có cơ hội rành rành, khi không phải chịu hậu quả, không hứng những cái tát của bố dượng, không bị cấm túc, thì nó sẽ phát minh ra một phong cách hoàn toàn mới, điểm chút màu đen trong sắc đen, chấm chút màu trắng trên nền trắng toát, hoặc sống động với đỏ, trắng và xanh, khuấy đảo các-tông màu, đưa vào một chút phong cách Rico, một chút đen, hoang dại, làm cánh kia phải sửng sốt - cốt là để như thế mà - làm chúng phải gãi đầu gãi tai, ngồi thẳng dậy mà chú ý đến mình. Nó có thể làm được như thế. Thiên tài - bọn kia sẽ khen nó thế. Nhưng thiên tài phải là người đầu tiên nghĩ ra điều gì đó. Một ông thầy đã bảo nó như thế. Thiên tài thường cô đơn. Trước đây nó có một ý tưởng. Nó muốn lấy một cái máy chiếu và đặt ảnh bố mình vào. Nó muốn phóng hình ảnh ấy khắp nhà, để cho mẹ nó lúc nào cũng nhìn thấy người

chồng đã bỏ đi mất, người bà ấy từ bỏ, người mà nó đã không gặp mười hai năm liền, người mà mẹ nó đã đánh đổi để lấy lão Irwin. Nó muốn chiếu hình bố mình ở đó, như các chữ ký, làm cho ông trở nên ma quái mà vẫn rất chân thật trong bóng đêm.

Nó không rõ người vẽ có bao giờ đến xem lại chữ ký của mình không, trừ khoảnh khắc người đó lui một bước nhìn chữ ký chưa ráo mực trên vách hầm. Bước qua đường ray thứ ba để liếc nhanh tác phẩm một cái. Phải cẩn thận, nguồn điện ở đó những hai nghìn vôn đấy. Có khi có tàu chạy qua nữa. Hoặc cảnh sát sẽ phát hiện ra kẻ xâm nhập với hàng luồng đèn pin và dùi cui. Hoặc một tay đã đực tóc dài thò ra từ trong tối, mắt trắng dã, dao cầm tay, lột túi, moi ruột. Phải ngoáy cho nhanh nhanh mà phẫn ngay trước khi bị tóm.

Nó bám chặt khi toa tàu rung lắc. Phố Ba mươi ba. Hai mươi tám. Hai mươi ba. Quảng trường Union, chỗ nó băng qua sân ga và đổi sang chuyển số 5, lẩn vào giữa các toa và đợi đoàn tàu rùng mình chuyển bánh. Sáng nay không có thêm chữ ký mới nào trên tường. Có đôi lúc nó nghĩ hay cứ mua vài bình sơn, nhảy xuống tàu và xịt lên tường, nhưng sâu thẳm trong lòng nó biết mình không có cơ hội: cầm máy ảnh trong tay thì dễ dàng hơn. Nó có thể chụp ảnh, đưa chúng ra từ trong bóng tối, nâng chúng lên khỏi phạm vi các hẻm phố. Khi tàu tăng tốc, nó kẹp cái máy ảnh dưới vạt áo sơ-mi để nó đỡ xóc nảy. Đã mất mười lăm pô trong cuộn phim hai mươi tư pô rồi. Nó thậm chí không chắc có cái nào được rửa ra không nữa. Năm ngoái một vị khách ở hiệu cắt tóc đã cho nó cái máy ảnh, một gã trai phố sành điệu, khoe khoang. Cứ thế đưa cho nó thôi, cả bao da các thứ. Nó không biết phải làm gì với cái máy ảnh. Lúc đầu nó vứt ra sau giường, nhưng rồi một buổi chiều lại lôi ra xem xét, thử nháy nháy những gì nó thấy.

Thế là đâm ra thích. Rồi mang đi khắp nơi. Sau đó mẹ nó còn cho tiền để rửa những bức ảnh ra. Chưa bao giờ mẹ nó thấy nó đam mê cái gì như thế. Hiệu Minolta SR-T 102. Nó thích cảm giác vừa vặn của cái máy trong lòng bàn tay. Lúc nào nó thấy bối rối - vì người bố dượng, vì mẹ nó,

hay có khi chỉ vì phải chường mặt ra giữa sân trường sân trường - nó có thể giấu gương mặt mình sau ống kính.

Giá mà nó có thể ở dưới đó cả ngày, trong bóng tối, trong cái nóng, tới tới lui lui trên các toa tàu, chụp ảnh và trở nên nổi tiếng. Nó nghe nói có một cô nàng đã lên trang nhất của tờ *Village Voice* mới hồi năm ngoái. Nhờ bức ảnh chiếc xe hơi bị bom nổ tung đang lao vào đường hầm ở khu Concourse. Cô ta chụp được cảnh đó trong ánh sáng vừa vụn pha trộn giữa ánh mặt trời và bóng tối đường hầm. Luồng sáng từ đèn pha chiếu vào cô ta và tất cả các chữ ký trải dài trên vách hầm phía sau. Đứng lúc, đứng chỗ. Nghe nói cô ta kiếm được khá bở, mười lăm đô la hoặc hơn. Lúc đầu nó chắc đó chỉ là tin đồn, nhưng khi đến thư viện, nó tìm thấy số báo cũ và bức ảnh đó, trang trong đăng lại, kèm tên cô ta ở dưới góc ảnh. Nó còn nghe nói có hai thằng dân Brooklyn cũng đáp tàu điện chụp hình, một đứa có máy Nikon, và đứa kia đâu như chơi con Leica.

Nó cũng từng thử một lần. Hồi đầu hè nó đem một bức ảnh đến tờ *The New York Times*. Tấm ảnh chụp một người đang vắt vẻo trên cầu vượt Van Wyck, mãi mê phun sơn. Rất đẹp, được chụp trong bóng râm, người phun sơn treo lơ lửng trên dây thừng, với vài đám mây xộp phồng ở hậu cảnh. Cũng đáng lên trang nhất đấy, nó chắc chắn. Nó nghỉ nửa ngày ở hiệu cắt tóc, lại còn mặc cả sơ-mi cà vạt. Nó bước vào toà nhà trên phố 43 và nói nó muốn gặp người biên tập ảnh, vì nó có một bức ảnh điệu nghệ, một kiệt tác. Nó đã học được thuật ngữ đó từ trong một cuốn sách. Bảo vệ - một gã da màu lực lưỡng - gọi một cú điện thoại, vờn người qua bàn và nói: “Cứ để phong bì lại đây, anh bạn.”

— Nhưng tôi muốn gặp người biên tập ảnh.

— Giờ anh ta đang bận rồi.

— À, thế khi nào anh ta hết bận? Thôi nào, người anh em, làm ơn đi mà?

Tay bảo vệ phá lên cười và quay đi, một lần, rồi hai lần, sau đó nhìn chăm chăm vào mặt nó: *Người anh em hả?*

— Thưa chú ạ.

— Cậu bao nhiêu tuổi rồi?

— Mười tám.

— Thôi đi nhóc. Bao nhiêu?

— Mười bốn. - Nó nói, mắt cụp xuống.

— Horatio José Alger hả! - hăn ngoạc mồm ra cười. Hăn gọi thêm hai cú điện thoại nữa nhưng sau đó nhìn lên, hai mắt hùm hụp, như biết trước kết quả: “Ngồi ra kia đi cậu cả. Tôi sẽ bảo cậu khi nào anh ta đi qua.”

Sảnh toà nhà toàn những kính sáng loáng và com-lê và những cặp chân trần mịn mượt. Nó ngồi chờ một mạch hai tiếng cho đến khi người bảo vệ nháy mắt với nó. Thế là nó đi đến trước tay biên tập ảnh và dúm cái phong bì vào tay hăn. Hăn đang ăn nửa cái bánh kẹp Reuben. Răng vẫn còn dính một mẩu rau diếp. Bản thân hăn trông đã giống một bức ảnh rồi. Hăn lầm bầm tiếng cảm ơn rồi đi ra khỏi toà nhà, xuống đại lộ số Bảy, đi qua những chỗ chiếu phim thùng kính^[45], mấy tay cựu binh vô gia cư, tấm ảnh kẹp dưới cánh tay. Nó theo hăn được năm khu nhà, thế rồi mất dấu hăn trong một đám đông chen chúc. Thế rồi nó chẳng nghe tin gì về tấm ảnh đó nữa, không một tí gì hết. Chờ một cuộc điện thoại nhưng không có. Thậm chí ba lần liền cứ hết ca là nó quay lại sảnh toà nhà đó, nhưng tay bảo vệ nói gã không thể làm được gì hơn nữa. “Xin lỗi nhé chú em.” Có thể biên tập viên đã đánh mất tấm ảnh. Hoặc định ăn cắp luôn. Cũng có thể hăn sắp gọi nó bất cứ lúc nào. Hoặc đã để lại lời nhắn chỗ hiệu cắt tóc mà Irwin quên nhắn lại. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả.

Sau đó nó cũng thử vận may ở tờ tin nội bộ khu Bronx, một tờ lá cải ở khu này, nhưng kể cả họ cũng chẳng từng chờ: nó còn nghe thấy ai đó cười khùng khục ở đầu dây bên kia. Một ngày nào đó bọn chúng phải lê gổ đến chỗ nó. Một ngày nào đó chúng sẽ liếm sạch đôi giày thể thao của nó. Một ngày nào đó chúng phải giẫm lên nhau để đến với nó. Ferrnado Yunque Marcano, nhà hình tượng học. Nó thích cái từ đó, dù là tiếng Tây Ban Nha. Không có nghĩa gì nhưng âm điệu rất hay. Nếu có danh thiếp, nó sẽ viết lên

đó: FERNANDO Y. MARCANO. NHÀ HÌNH TƯỢNG HỌC. BRONX. MỸ.

Một lần nó thấy trên ti vi một anh chàng kiếm tiền bằng cách đục những viên gạch khỏi các toà cao ốc. Nghe thật buồn cười, nhưng nó có một cách hiểu khác. Những toà nhà có vẻ khác đi sau khi đục. Cái cách mà ánh sáng đi qua. Khiến mọi người có một cách nhìn khác. Khiến họ phải nghĩ lại. Ta phải nhìn thế giới dưới thứ ánh sáng không ai khác có. Đó là điều nó thường ngắm ngời khi quét sàn, rửa kéo hoặc sắp xếp các chai bột cacao. Một đám môi giới huênh hoang đến hiệu để tỉa tóc gáy và hai bên mái. Irwin nói cắt tóc là một nghệ thuật. “ Đây là phòng triển lãm lớn nhất còn gì. Cả thành phố New York nằm dưới mấy đầu ngón tay của mày.” Và nó thường nghĩ, A, im đi, Irwin. Ông không phải là bố tôi. Im đi và tự đi mà quét nhà. Tự đi mà rửa đồng chai dầu gội. Nhưng chưa bao giờ nó nói ra được điều đó. Sự ngăn cách giữa cái đầu và cái miệng nó. Đó chính là khi chiếc máy ảnh đến với nó. Điều nó không nói ra được với người khác, luôn bị phải gạt đi.

Đoàn tàu rùng mình rung lắc nhưng hai tay nó chỉ bám hờ hững lên vách hai toa xe để giữ thăng bằng; động cơ bắt đầu gào rú, rồi đột ngột dừng lại, phanh tàu rít lên, và nó ngã dúi sang bên, vai đập mạnh, chân bị ép chặt vào chảo xích. Nó kiểm tra cái máy ảnh. Tuyệt. Không sao. Đây đúng là thời khắc nó rất thích. Đột ngột dừng phắt. Trong đường hầm, ngay trước cửa ra. Nhưng vẫn còn trong bóng tối. Ngón tay nó bám chắc vào mép cửa sắt. Nó vươn mình thẳng dậy và dựa người vào cánh cửa.

Hững hờ. Thoải mái. Trong bóng tối đường hầm. Ở giữa Fulton và phố Wall. Hàng đồng người mặc com-lê và đầu tóc chải chuốt chuẩn bị tuôn ra.

Con tàu im hẵn không rền rĩ tiếng nào nữa, nó rất thích những khoảnh khắc yên tĩnh này, cho nó thời gian thu gọn những bức tường vào tầm mắt. Nó liếc nhanh xuống toa xe xem có cảnh sát không, đặt một chân lên sợi xích và đu lên, túm lấy thành cửa toa, một tay giơ cao. Nếu đứng trên nóc tàu nó có thể chạm đến vòm trần - một nơi khá thích hợp để vẽ - nhưng

nó chỉ bám vào thành cửa và ngó ra ngoài. Có một vài đường nét đỏ và trắng trên bức tường ngay chỗ ngoặt. Mấy ngọn đèn vàng vọt chập chờn xa xa.

Nó đợi cho mắt mình điều tiết lại, cho những đốm sao be bé trên võng mạc biến đi. Nhìn xa ra cuối đoàn tàu, những vạch màu tràn ra khỏi rìa thành toa, tung toé. Nhưng chẳng có gì trên các bức tường cả. Trắng xoá như Nam Cực. Nó mong chờ cái gì chứ? Lấy đâu ra nghệ sĩ thực thụ trong cái thành phố này. Nhưng chẳng bao giờ biết được. Thế mới là thiên tài. Thế mới là vấn đề. Xoá ngay cái đó đi, đồ ẽo ợt.

Nó cảm thấy sợi xích lúc lắc dưới chân, báo hiệu tàu sắp chuyển bánh, nó bám chắc hơn vào gờ toa xe. Chẳng có ai vẽ kiểu “oanh tạc” trên trần hầm cả. Một vùng còn trinh nguyên. Nó nên tự mình khai phá, một không gian mới toanh. Nó nhìn dọc theo đoàn tàu, rồi kiễng chân lên một chút. Ở phía cuối đường hầm nó phát hiện ra, có thể là một mảng sơn màu trên bức tường phía đông, một chữ ký nó chưa thấy bao giờ, một thứ trông thuôn thuôn thoáng qua nhanh, đâu như màu đỏ nhạt viền sơn bạc, chữ P hoặc R hoặc số 8, có lẽ thế. Những đám khói và những ngọn lửa. Nó nên quay trở lại qua những toa tàu - giữa những kẻ đã chết hay đang mơ màng - để đến gần bức tường hơn, giải mã chữ ký, nhưng đúng lúc đó đoàn tàu lại giật nảy lên, và lần này là lời cảnh báo nghiêm túc - nó biết - nó nhảy xuống tàu, cố giữ thăng bằng. Khi bánh tàu nghiêng vào đường ray, nó để cho hình ảnh nó thấy rung lên trong tâm trí, rồi đối chiếu với những bức vẽ cũ ở những chỗ khác trên đường hầm và nhận thấy đó đúng là một chữ ký mới toanh, đúng, chắc chắn là mới toanh, và nó vung nắm đấm lên trời - đúng là có ai đó đã đến và ký vào đây, tại trung tâm thành phố này.

Chỉ lát sau đoàn tàu dừng trong ánh sáng mờ nhạt trên phố Wall, các cánh cửa rít lên khi mở ra, nhưng hai mắt nó vẫn nhắm chặt, nó đang hình dung lại bức vẽ đó, độ cao, màu sắc, chiều sâu, cố nhớ lại vị trí của bức vẽ để trên đường về nó có thể hình dung ra, chụp lại và biến bức vẽ thành của mình.

Tiếng radio. Tiếng di chuyển đều đều về phía nó. Nó ngả người ra ngoài. Cảnh sát. Đang tiến lại từ phía cuối sân ga. Chắc chắn họ đã thấy nó.

Họ đến để lôi nó ra, đưa cho nó chiếc vé phạt. Bốn người, thắt lưng xóc lên xóc xuống.

Nó kéo cánh cửa ra, chúi vào bên trong. Đợi một bàn tay vỗ lên vai. Không có gì. Nó dựa người lên tấm kim loại mát lạnh của cánh cửa. Thoáng thấy họ gấp rút chạy ra ngoài qua cánh cửa quay. Chừng như đang có đám cháy ở đâu đó. Tất cả vang lên ồn ã: nào còng tay, súng, gậy tuần tiểu ban đêm, tập giấy ghi chép, đèn pin, và có Chúa mới biết còn những gì nữa. Có người làm điều ấy thật rồi, nó nghĩ. Đúng thế rồi.

Nó ép mình lách qua cánh cửa đang đóng, giữ chiếc máy ảnh bên sườn để nó không bị xước. Phía sau, cánh cửa lại rít lên rồi khép chặt. Nó bước đi thư thái. Qua cánh cửa quay và bước lên mấy bậc thang. Quỷ tha ma bắt cái hiệu cắt tóc. Dù sao cứ để ông bố dượng Irwin đợi chút cũng chẳng sao.

PHÍA TÂY THINH KHÔNG

SÁNG SỚM, những ngọn đèn huỳnh quang toả ánh sáng rung rinh. Bọn tôi đang giải lao tí chút sau khi bẻ khóa phần đồ hoạ. Dennis chạy chương trình Hộp xanh^[46] qua máy PDP-10 để cầu may xem có câu được cuộc điện thoại nào không.

Nhóm gồm Dennis, Gareth, Compton và tôi. Dennis lớn tuổi nhất, gần 30 rồi. Chúng tôi khoái gọi anh là Ông nội, “lão” đã đi nghĩa vụ ở Việt Nam tới hai lượt. Compton tốt nghiệp đại học U. C. Davis hần hoi. Gareth thì đã có mười năm trong nghề lập trình. Còn tôi mới mười tám tuổi. Mấy đàn anh gọi tôi là Nhóc. Tôi la cà ở viện này từ năm mười hai tuổi.

— Này các cậu, mấy hồi chuông rồi? - Compton hỏi.

— Ba, - Dennis đáp, có vẻ anh ấy bắt đầu thấy chán.

— Hai mươi, - Gareth tiếp lời.

— Tám, - tôi nói.

Compton liếc tôi.

— Đến Nhóc cũng lên tiếng cơ đấy, - anh ta nói.

Đúng vậy, phần lớn thời gian tôi chỉ để công việc của mình nói hộ. Từ trước đến nay vẫn thế, kể từ khi tôi lên vào tầng hầm của viện năm 1968. Bữa đó tôi trốn học, còn mặc quần cộc và đeo cặp kính gầy. Lúc đó chiếc máy tính đang phát mấy dải băng tin điện báo và mấy anh chàng ngồi ở bàn điều khiển cho tôi xem. Sáng hôm sau họ thấy tôi nằm ngủ ở trên bậc cửa: Xem này, là Nhóc.

Bây giờ thì tôi ở đây suốt ngày, ngày nào cũng thế, sự thật là tôi là hacker giỏi nhất mà họ có, là người làm các bản vá bẻ mã cho chương trình Hộp xanh.

Đầu dây bên kia có tiếng bắt máy ở hồi chuông thứ chín, Compton vỗ vai tôi, ghé vào chiếc micro và lên tiếng bằng giọng khá mượt để cho người ở đầu dây bên kia không nhảy dựng lên. “Xin chào, này, đừng gác máy, tôi là Compton.”

— Xin lỗi?

— Compton đây, xin hỏi ai đấy ạ?

— Đây là điện thoại công cộng mà.

— Xin đừng gác máy.

— Thưa ông, đây là điện thoại công cộng.

— Xin hỏi ai ở đầu dây đấy ạ?

— Ông tìm số điện thoại nào... ?

— New York đấy, đúng không?

— Này anh, tôi bận lắm.

— Anh có ở gần toà nhà Trung tâm Thương mại Thế giới không?

— Có, nhưng mà...

— Xin đừng gác máy.

— Chắc anh nhầm số rồi.

Đường dây ngắt. Compton gõ bàn phím để quay số nhanh. lần này có người bắt máy ở hồi chuông thứ 13.

— Xin đừng gác máy. Tôi đang gọi từ California.

— Hà?

— Anh có ở gần Trung tâm Thương mại Thế giới không?

— Tiên sư mày.

Chúng tôi thoáng nghe thấy tiếng cười khùng khục khi ống nghe đập xuống. Compton thử kết nối sáu số liên một lúc và đợi.

— Xin chào ông.

— Vâng?

— Thưa ông, ông có đang ở gần trung tâm thành phố New York không?

— Ai đấy?

— Ông có thể ngược nhìn lên trên cao hộ chúng tôi được không?

— Biết đùa đấy, ha-ha.

Đường dây lại ngắt.

— Xin chào cô?

— Xin lỗi chắc ông nhầm số rồi.

— Xin chào. Xin đừng gác máy.

— Xin lỗi ông nhưng tôi đang vội.

— Xin thứ lỗi...

— Thử gọi tổng đài đi nhé.

— Chết tiệt, - Compton nói với đường dây đã bị ngắt.

Chúng tôi đang nghĩ có khi nên dọn dẹp hết các thứ vào và quay trở lại với công việc đang dở dang của mình. Đã bốn hay năm giờ sáng rồi, chẳng mấy chốc mặt trời sẽ ló dạng. Tôi nghĩ có khi còn kịp về nhà nếu muốn, đánh một giấc khò khò thay vì ngủ dưới gầm bàn như mọi hôm. Với cái hộp pizza làm gối và túi ngủ chen giữa đồng dây dợ.

Nhưng Compton lại nhấn phím Enter lần nữa.

Chúng tôi làm chuyện này suốt: câu trộm điện thoại bằng máy tính để gọi đến tận London nghe một bài hát, nghe dự báo thời tiết ở Melbourne, gọi dịch vụ báo giờ ở Tokyo, hoặc gọi đến một bộ điện thoại chúng tôi tìm thấy ở đảo Shetland, chỉ để cho vui, để giải toả căng thẳng khỏi công việc lập trình. Chúng tôi cố tình làm nhiều và chuyển hướng các cuộc gọi để người ta không truy ra mình. Lại còn dùng đầu số 800 để không phải trả tiền cuộc gọi: Chúng tôi gọi đến hãng Hertz và Avis, hãng Sony, thậm chí cả trung tâm tuyển quân ở Virginia. Vụ này khiến Gareth đặc biệt khoái, bởi

khi trước anh ta từng rời khỏi Việt Nam do phạm tiêu chuẩn quân nhân. Ngay cả Dennis, vốn thường hay mặc chiếc áo phông có dòng chữ CÁI CHẾT Ở PHƯƠNG TÂY sau khi trở về từ chiến tranh cũng thích cái trò rất quấy đó.

Một đêm chúng tôi đang nhàn cư vi bất thiện thì hack được các khóa mã để liên lạc với tổng thống, thế là gọi luôn cho Nhà Trắng. Chúng tôi chuyển hướng cuộc gọi qua Mat-xcơ-va để đánh lừa họ. Dennis nói: Tôi có tin khẩn cho ngài Tổng thống. Đoạn anh đọc liền một loạt mã. Nhân viên tổng đài trả lời, xin chờ một chút, thưa ông. Chúng tôi suýt tè cả ra quần. Chúng tôi qua mặt được hai nhân viên tổng đài nữa và sắp gặp được chính tổng thống Nixon thì Dennis tự dưng thối chí và chỉ nói với anh chàng nhân viên rằng: Bảo tổng thống là tụi này hết giấy toilet ở Palo Alto rồi nhá. Vụ đấy làm chúng tôi dương dương tự đắc, nhưng mấy tuần liền sau đó cứ nơm nớp đợi tiếng gõ cửa. Dần dà chuyện đó trở thành trò cười: chúng tôi bắt đầu gọi anh chàng đưa pizza là Điệp viên 001.

Chính Compton là người nhận được tin nhắn trên mạng ARPANET sáng nay - qua dịch vụ AP, tin nhắn hiện lên trên bảng tin nhắn hai-mươi-tư-giờ. Lúc đầu chúng tôi còn không tin rằng có một gã nào đó đang đi dây lơ lửng trên đầu New York. Sau Compton nối dây được với một tổng đài, giả làm nhân viên lắp đặt đang thử mạch liên đài ở một số trạm điện thoại công cộng. Compton nói cần một vài số điện thoại ở gần toà nhà Trung tâm Thương mại Thế giới, dùng cho quá trình phân tích đường dây khẩn. Thế rồi chúng tôi đưa các số điện thoại có được vào chương trình, tách chúng ra khỏi hệ thống và rồi cả bọn ngồi đánh cược xem anh chàng đó có ngã hay không. Chỉ đơn giản thế thôi.

Các tín hiệu nhấp nháy trên máy tính, các tiếng bíp đa tần kêu như tiếng sáo, và đến hồi chuông thứ chín chúng tôi cũng tóm được một gã.

— A lô?

— Thưa ông, ông có ở gần Trung tâm Thương mại Thế giới không?

— A lô? Xin lỗi?

— Đây không phải là trò đùa đâu. Ông có ở gần Trung tâm Thương mại Thế giới không?

— Này anh, cái điện thoại này tự dừng đổ chuông, tôi chỉ... tôi chỉ tiện tay nhắc máy lên thôi.

Anh ta có chất giọng New York trẻ trung nhưng có phần cáu kỉnh, có vẻ như đã hút quá nhiều thuốc lá.

— Tôi biết, - Compton nói, - nhưng anh có trông thấy toà nhà đó không? Anh đang đứng ở đâu? Có ai đó ở trên đấy không?

— Ai đấy?

— Có phải có người đang ở trên cao không?

— Tôi đang quan sát anh ta đây.

— Anh đang làm gì chứ?

— Tôi đang quan sát anh ta.

— Tuyệt cú mèo! Anh thấy anh ta à?

— Tôi quan sát anh ta đã hai mươi phút rồi đấy. Còn anh là... ? Cái điện thoại này tự nhiên đổ chuông và tôi...

— Tay này trông thấy anh ta đấy!

Compton đập hai tay lên bàn, lôi cái ví nhét đồ vật trong ngực ra mà liệng nó bay ngang phòng. Mái tóc dài phơ phất rũ quanh mặt. Gareth nhảy điệu jig quanh tấm dữ liệu in ra. Dennis đi tới khóa cổ tôi rồi dứ nhẹ nắm đấm vào mặt, ra vẻ ta đây không quan tâm, nhưng rõ là anh ấy vẫn khoái thấy chúng tôi vui vẻ, như thể anh vẫn là một trung sĩ hay gì gì đó trong quân đội.

— Tớ đã bảo mà, - Compton hét lên.

— Ai đó? - Giọng nói lại cất lên.

— Tuyệt cú mèo!

— Cái quái gì thế?

- Anh ta có còn đi trên dây không?
- Chuyện gì thế hả? Anh đùa với tôi đấy hả anh bạn?
- Anh ta còn trên đó không?
- Anh ta ở trên đó khoảng hai mươi, hai mươi lăm phút rồi.
- Hay quá. Thế anh ta có bước đi không?
- Anh ta sẽ tự giết mình mất.
- Anh ta có bước đi không?
- Không, giờ thì đứng lại rồi!
- Đứng trên đó à?
- Ừ.
- Anh ta đứng trên đó hả? Giữa không trung sao?
- Đúng, anh ta có một cái gậy, cứ nâng lên hạ xuống trên tay ấy.
- Ở giữa dây à?
- Ở gần về một mé.
- Gần như thế nào?
- Không quá gần. Gần vừa thôi.
- Như thế nào? Năm thước? Mười thước? Anh ta có đứng vững không?
- Vững chứ còn quái gì nữa. Ai mà quan tâm chứ? Tên anh là gì?
- Compton? Còn anh?
- José.
- José? Hay quá. José. *Qué onda, amigo*^[47]?
- Hà?
- *Qué onda, carnal*^[48]?
- Tôi không biết tiếng Tây Ban Nha đâu à.

Compton nhấn phím tắt âm và thụi vào vai Gareth.

— Cậu có tin được gã này không?

— Đừng để mất liên lạc với anh ta.

— Tớ thấy các câu hỏi trong kì thi SAT còn nhiều chất xám hơn gã này.

— Cứ giữ đường dây cho thông đã!

Compton lại tì lên bàn điều khiển, với lấy cái ống nói.

— José, kể cho tụi tôi nghe chuyện gì đang diễn ra đi.

— Kể gì bây giờ?

— Thì, thử tả cảnh đó đi.

— À. Anh ta ở trên đó...

— Và?

— Anh ta chỉ đứng đó thôi.

— Sao nữa?

— Đây, anh bạn gọi từ đâu thế?

— California.

— Đùa hả?

— Nói thật mà.

— Anh đang trêu tụi tôi phải không?

— Không đâu.

— Chơi khăm hả?

— Không phải đâu José.

— Có phải chúng ta lên ti vi không? Quay truyền hình, đúng không?

— Chúng tôi không có ti vi. Chỉ có một cái máy tính thôi.

— Cái gì?

— Việc này giải thích lòng vòng lắm, José.

— Ý anh là tôi đang nói chuyện với một cái máy tính à?

— Thôi bỏ đi.

— Cái gì thế? Có phải là chương trình *Candid Camera* không? Anh đang nhìn thấy tôi ngay lúc này đúng không? Tôi đang lên hình à?

— Lên gì chứ José?

— Có phải tôi đang lên chương trình không? Thôi nào, anh có một cái máy quay ở đâu đó đúng không? Thôi nói thật đi anh bạn. Tôi khoái chương trình đó lắm. Cực kỳ đó. - Đây không phải chương trình biểu diễn đâu.

— Có phải anh là Allen Funt không?

— Gì chứ?

— Máy quay của các anh đâu? Sao tôi không thấy cái nào? Này anh, có phải anh đang ở trong toà nhà Woolworth không? Anh đang ở trên đó đúng không? Này!

— Tôi bảo anh rồi, José, chúng tôi đang ở California.

— Ý anh là tôi đang nói chuyện với một cái máy tính thật hả?

— Đại loại thế.

— Anh đang ở California à... ? Hê, bà con ới!

Anh ta gọi to, hướng cái ống nghe ra phía ngoài, chúng tôi có thể nghe thấy những giọng nói trộn vào nhau và tiếng gió vi vút. Chắc đó là một trong những trạm điện thoại công cộng ở giữa phố, bên ngoài dán đầy đề-can hình các cô nàng gợi cảm; chúng tôi nghe thấy cả tiếng còi báo động xa xa, tiếng kêu la the thé, tiếng một người phụ nữ cười ré lên, và một vài tiếng gào ghèn nghẹt, tiếng còi xe xe hơi, tiếng một người bán hàng rong đang rao mời món gì đó nghe như đậu phộng, tiếng một anh chàng đang bảo lắp sai ống kính rồi, rằng anh ta cần một góc ngắm tốt hơn, và một người nữa hét lên: *Đừng ngã!*

— Mọi người ơi! - Giọng José lại vang lên. - Ở đây có một gã khùng này. Tận California. Lại mà xem. Này. Anh còn nghe không?

— Tôi đây José. Anh ta còn ở trên dây không?

— Anh là bạn anh ta à?

— Không.

— Thế thì làm sao anh biết được? Để mà gọi đến đây?

— Khó giải thích lắm. Chúng tôi là hacker. Chúng tôi đột nhập vào hệ thống... Này anh bạn, anh ta còn trên đó không? Tôi chỉ muốn biết thế thôi.

José lại kéo chiếc điện thoại ra xa, tiếng anh ta nghe run run.

— Nói lại xem anh đến từ đâu đấy? - Anh ta hét lên.

— Palo Alto.

— Không đùa chứ?

— Thật mà José.

— Hẳn nói là người đó đến từ Palo Alto! Tên anh ta là gì?

— Compton.

— Tên anh ta là Compton! Đúng rồi, Comp-ton! Đúng. Đúng. Khoan đã. Này anh, có một người ở đây muốn biết, cái gì Compton? Họ anh ta là gì?

— Không, không, tên *tôi* mới là Compton.

— Thế tên anh ta là gì? Tên *anh ta* ấy?

— José, anh nói cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra được không?

— Thế anh muốn gì? Không phải đang chơi tôi đấy chứ? Anh là bạn anh ta đúng không? Này mọi người, nghe này. Tôi đang nói chuyện với một gã khùng đây, gọi từ tận California. Hẳn nói người ở trên kia đến từ Palo Alto. Người đi trên dây đến từ Palo Alto.

— José, José. Làm ơn nghe tôi một phút thôi có được không?

— Đường truyền kém quá. Tên anh ta là gì ấy nhỉ?

— Tôi không biết!

— Tôi nghĩ là đường dây không tốt lắm. Tôi đang nói chuyện với một gã hâm. Tôi không biết, hẳn cứ lúng ba lúng búng. Cái gì mà máy tính máy teo. Ôi trời ơi! Trời ơi!

— Gì thế? Gì thế?

— Trời đất quỷ thần thiên địa.

— Gì thế? A lô?

— Ôi không.

— José? Anh có ở đó không?

— Jesu Chúa tôi.

— A lô? Anh ở đó không?

— Ôi lạ Chúa!

— A lô?

— Tôi không thể tin được.

— José!

— À, tôi đây. Anh ta vừa nhảy. Anh có thấy không?

— Anh ta làm gì cơ?

— Nhảy chứ còn gì, trời ơi.

— Nhảy xuống hả?

— Không?

— Anh ta bị ngã à?

— Không.

— Chết rồi à?

— Không, trời ạ.

— Thế thì là cái gì?

— Anh ta nhảy lò cò. Mặc toàn một màu đen. Anh có thể thấy mà. Tay đó vẫn ở trên kia. Anh chàng này ghê thật. Trời ơi. Tôi cứ tưởng thằng cha đó dở hơi chứ. Anh ta nhấc chân nọ rồi chân kia lên. Ôi trời ơi!

— Nhảy lò cò à?

— Chính xác.

— Như con thỏ ấy à?

— Trông giống cái kéo hơn. Anh ta chỉ... Ôi trời. Chết mất thôi. Trời ơi. Anh ta đang chạy ngược lại. Trông giống cái kéo thật đấy. Ở trên đây. Anh có tin được không?

— Tuyệt vời.

— Anh có tin được không? Gã đó nhất định phải là vận động viên thể dục hay gì gì đó. Trông như anh ta đang nhảy múa ấy. Hay là vũ công nhỉ? Này anh, bạn anh là vũ công à?

— José. Anh ta không phải là bạn tôi.

— Thề có Chúa, nhất định anh ta phải buộc mình vào cái gì đó. Buộc vào cái dây đó. Tôi cá là anh ta buộc vào dây. Ở trên đấy mà làm trò như cái kéo. Trên cả tuyệt vời.

— José, nghe này. Ở đây chúng tôi đang có một vụ cá cược. Trông anh ta thế nào?

— Anh ta đang bám lấy nó, hiểu không, đang bám lấy nó đó.

— Có nhìn thấy rõ không?

— Nhỏ như hạt bụi. Trông bé tí teo. Mẹ kiếp, ở tí trên đó. Mà còn nhảy nhót. Mặc toàn đồ đen. Thấy được cả chân anh ta đấy.

— Trời có gió không?

— Không. Ngọt chết cha.

— Không có gió à?

— Trên kia thì chắc là có chứ. Jesu Chúa tôi. Anh ta ở tít trên cao. Không biết làm thế quái nào họ tóm anh ta xuống được. Trên kia có cớm. Nhiều lắm.

— Hả?

— Cảnh sát. Họ đang bò trên mái nhà. Từ cả hai bên vào. - Họ đang cố đưa anh ta xuống à?

— Không. Anh ta vẫn ở trên đó. Bây giờ thì đang đứng. Cầm cái gậy. Ôi, không thể nào. Không.

— Cái gì thế? Gì thế, José?

— Anh ta đang khom xuống. Nhìn mà xem!

— Hả?

— Bò đấy mà.

— Anh ta làm gì cơ?

— Bây giờ thì đang ngồi.

— Ngồi là sao?

— Là ngồi trên dây chứ sao. Gã này đúng là điên rồi.

— José?

— Nhìn mà xem!

— A lô?

Rồi lại im lặng lần nữa, nghe thấy có tiếng thở vào ống nói.

— José. Này, *amigo*. José, anh bạn...

— Không thể nào.

Compton ghé sát hơn vào máy tính, cái micro dính vào môi.

— José, này anh bạn? Anh nghe thấy tôi không? José? Anh có đó không?

— Không thể nào.

— José.

— Không đùa đâu...

— Gì thế?

— Anh ta đang nằm xuống.

— Trên dây?

— Đúng thế đấy, trên chính cái dây đó, ghê thật!

— Và?

— Chân anh ta quặp vào phía dưới. Anh ta đang nhìn lên trời. Trông anh ta... kì lắm.

— Còn cái gậy?

— Cái gì?

— Cái gậy ấy?

— Đặt trên bụng. Gã này đúng là không phải người trần mà.

— Anh ta nằm ở đó à?

— Ừ.

— Như kiểu đang chớp mắt một chút phải không?

— Gì?

— Ngủ trưa ấy?

— Anh lỡm tôi đấy à?

— Tôi làm sao... ? Ồ không, không, José. Không đâu.

Có khoảng im lặng kéo dài trên điện thoại, như thể José đã bay tót lên trên đó, bên cạnh anh chàng đi dây.

— José. Này, José. Làm thế nào anh ta đứng dậy được, José? José. Ý tôi là, nếu anh ta đang nằm, thì làm thế nào mà đứng dậy được? Anh có chắc là anh ta đang nằm không? José? Anh có ở đó không?

— Ý anh là tôi nói dối à?

— Không. Chỉ là tôi hỏi thế thôi.

— Nói tôi nghe. Anh ở California à?

— Phải.

— Chứng minh đi.

— Tôi không thể...

Compton lại bấm phím tắt âm.

— Ai có ít thuốc độc nào đấy không?

— Hỏi người khác đi, - Gareth khuyên. - Bảo hẳn chuyển máy cho người khác.

— Chuyển cho ai ít ra cũng biết đọc ấy.

— Tay đó xưng tên là José mà đến tiếng Tây Ban Nha cũng không rành nữa!

Compton lại ngả người về phía cái máy.

— Giúp tôi chút đi, José. Anh chuyển máy cho người khác được không?

— Sao chứ?

— Chúng tôi đang thí nghiệm chút thôi.

— Anh gọi từ California à? Đùa đấy hả? Anh tưởng tôi điên chắc? Anh nghĩ thế đúng không?

— Anh chuyển giùm máy cho ai khác ở đó đi nhé?

— Mà tại sao? - Gã hỏi lại, chúng tôi nghe thấy gã kéo chiếc ống nghe ra xa khỏi mồm, đám đông xung quanh đang huyền thuyên gì đó, toàn những ô những a, rồi chúng tôi nghe thấy tiếng điện thoại rơi, tiếng gã lầm bầm chửi thề, rồi một tiếng gì đó thì thầm khe khẽ, và rồi gã hét lên, cái điện thoại văng ra xa, rồi chúng tôi nghe được những giọng nói lẫn trong tiếng gió.

— Có ai muốn nói chuyện với gã khùng này không hả? Hãn nghĩ là hãn đang gọi từ California đấy!

— José, làm ơn chuyển máy hộ tôi đi.

Chiếc điện thoại chắc đang lủng lẳng trong không khí nhưng mọi thứ hình như đang chậm lại, những giọng nói dịu dần, nổi lên những hồi còi báo động, tiếng ai đó rao bán bánh mì kẹp xúc xích. Tôi như có thể hình dung ra tất cả bọn họ đang ở đó, xôn xao nhộm nhoạm, những chiếc taxi bị chặn lại, những cái cần cổ nghẽn lên và José đang để cho chiếc ống nghe rơi lủng lẳng bên cạnh đầu gối mình.

— Ồ, tôi biết đâu được. - Gã nói. - Một thằng khùng nào đấy gọi từ California. Tôi không biết. Đâu như hãn đang muốn anh nói gì đó. Ờ. Về chuyện đó, kiểu như đang diễn ra chuyện gì mà. Anh có muốn... ?

— Này José, José. Chuyển máy đi, José.

Vài giây sau hãn cầm lấy điện thoại và nói: “Anh này muốn nói chuyện với anh đấy.”

— Ôi tạ ơn Chúa.

— A lô? - Anh chàng kia nói khe khẽ.

— Xin chào, tôi là Compton. Chúng tôi đang ở California... - Xin chào Compton.

— Tôi chỉ muốn nhờ anh tả lại mọi việc ở đó giúp chúng tôi, được không?

— Chà, bây giờ thì khó đấy.

— Sao lại thế?

— Chuyện tệ hại đã xảy ra.

— Hả?

— Anh ta rơi xuống rồi.

— Anh ta sao rồi?

— Nát bết trên đường rồi. Ở đây đang có một cuộc chấn động kinh khủng. Anh có nghe tiếng còi báo động đó không? Anh không nghe thấy à? Nghe này.

— Khó nghe lắm.

— Cảnh sát đang bu đến đây. Nhưng nhúc nhấp nơi đây này.

— José? José? Có phải anh không? Có ai ngã à?

— Anh ta đâm xuống đây, ngay sát chân tôi. Toàn máu là máu.

— Ai đấy? Có phải José không?

— Anh bạn, lắng nghe tiếng còi báo động đi.

— Ra khỏi đây thôi.

— Thi thể anh ta bắn tung toé ra khắp nơi.

— Anh đang lừa tôi hả?

— Đây anh, ghê lắm đấy.

Chiếc điện thoại bị đập mạnh, và rồi mất tín hiệu. Compton nhìn chúng tôi một lượt, ánh mắt bối rối.

— Cậu nghĩ hẳn có đáng tin không?

— Tất nhiên là không rồi.

— Vẫn là José đấy, - Gareth nói.

— Giọng khác mà.

— Không phải, đó là José. Hẳn đang trêu chúng ta đấy. Không thể tin được là hẳn lại trêu chúng ta.

— Thử lại số đấy đi.

— Cậu không biết đâu. Có thể đúng lắm chứ. Có thể anh ta ngã thật rồi.

— Thử đi.

— Tôi sẽ không trả tiền đâu, - Compton hét lên, - trừ phi tôi được nghe thấy tận tai.

— Ồ, thôi đi, - Gareth nói.

— Kìa các cậu! - Dennis lên tiếng.

— Chúng ta phải trực tiếp nghe được điều đó. Cá cược là cá cược.

— Này các cậu.

— Lúc nào cậu cũng quyt nợ thôi, chứ gì.

— Thử lại số đấy đi.

— Các cậu, chúng ta còn nhiều việc phải làm lắm, - Dennis nói. - Tôi đang nghĩ là chúng ta có thể sẽ làm xong cái bản vá đó ngay tối nay.

Anh vỗ vai tôi và nói: “Đúng không Nhóc?”

— Tối nay đã thành là ngày mai rồi còn gì, - Gareth nói.

— Thế nếu anh ta ngã thật thì sao?

— Anh ta không ngã. José phét đấy thôi.

— Đường dây bận rồi!

— Thì tìm số khác đi.

— Thử mạng ARPANET xem.

— Hãy tỉnh táo lại đi nào.

— Thử một trạm điện thoại công cộng ấy.

— Quên nó đi.

— Không thể tin được là đường dây lại bận đúng lúc này.

— Thế thì làm cho nó không bận nữa đi.

— Tôi không phải là Chúa.

— Thế thì tìm ai làm được việc đó đi.

— Oa, người anh em. Chuông lại reo rồi kìa.

Dennis bước qua hộp bánh pizza nằm trên sàn nhà, lướt qua cái máy in và vỗ vào bên sườn cỗ máy PDP-10, rồi thụi vào ngực mình một cái, ngay chỗ dòng chữ CHẾT NGOÀI DỰ KIẾN trên ngực áo.

- Làm việc thôi các cậu ơi.
- Tí thôi mà, Dennis.
- Năm giờ sáng rồi đấy.
- Không, phải cho ra nhẽ đã chứ.
- Làm việc đi, các cậu, làm việc thôi.

Suy cho cùng thì đây là công ty của Dennis và anh chính là người phát lương vào cuối mỗi tuần. Mọi người chỉ phải mua mỗi mấy cuốn truyện tranh và tạp chí *Rolling Stone*. Đó là nhờ Dennis đã cung cấp mọi thứ, kể cả bàn chải đánh răng trong nhà tắm dưới tầng hầm. Anh ấy học được mọi thứ mình cần từ hồi còn ở Việt Nam. Anh thích tự cho là mình bắt đầu từ con số không, rằng anh đang tự tạo máy in sao riêng nhái máy hãng Xerox. Anh kiếm tiền nhờ các vụ hack của cả nhóm cho Lầu Năm Góc, nhưng các phần mềm truyền tệp tin mới là tài sản thực sự của anh.

Dennis nói vào một trong những thế kỷ tới, tất cả chúng ta rồi sẽ có mạng ARPANET ngay trong đầu mình. Con chip điện tử bé xíu trong não. Người ta sẽ cài con chip vào tận đáy hộp sọ, thế là mình có thể truyền tin cho nhau trên một bảng điện tử chỉ bằng cách suy nghĩ mà thôi. Anh nói bí quyết chính là điện. Là Faraday. Là Einstein. Là Edison. Là Wilt Chamberlain của tương lai.

Tôi thích ý tưởng đó. Thật là hay. Lại khả thi nữa. Như thế chúng ta sẽ không cần điện thoại nữa. Giờ chẳng ai tin chúng tôi, nhưng đó là sự thực. Một ngày nào đó bạn sẽ chỉ cần nghĩ đến một điều là nó sẽ xảy ra. *Tắt đi*, thế là đèn tắt. *Pha café nào*, thế là cái máy hoạt động ngay.

- Đi mà, chỉ năm phút thôi mà.
- Thôi được, - Dennis nhượng bộ, - năm phút. Thế thôi nhé.
- Đây, các hệ thống đã được kết nối chưa? - Gareth hỏi.

— Rồi.

— Thử ở đó xem sao.

— Có tín hiệu rồi, gọi thử ngay đây.

— Nào Nhóc, nhắc cái mông ra kia. Gọi chương trình Hộp xanh xem sao.

— Nào ta đi câu thôi!

Tôi chế tạo được một cái máy thu đầu tiên vào năm lên bảy. Với một ít dây điện, một lưỡi dao cạo, một mẫu bút chì, một cái tai nghe, một cái lõi giấy vệ sinh. Tôi làm một cái tụ biến thiên bằng các lớp giấy nhôm và nhựa, dùng cái đinh vít vít chặt chúng lại. Không có pin. Tôi bắt chước mô hình trong một cuốn truyện tranh siêu nhân. Nó chỉ bắt được mỗi một đài, nhưng mà chẳng sao. Tôi thường chui trong chăn để nghe trộm vào ban đêm. Ở phòng bên tôi nghe tiếng hai đứa anh em họ đang đánh nhau. Cả hai đều phê thuốc. Họ hết cười lại khóc, hết khóc lại cười. Khi cái đài phát phát tín hiệu, tôi đặt tay lên trên cái tai nghe cho đỡ nhiễu.

Về sau khi làm một cái máy thu khác, tôi hiểu ra rằng có thể đặt thẳng cái ăng ten vào miệng, như thế tín hiệu sẽ tốt hơn mà lại dễ át đi các tiếng ồn.

Đấy, cũng như khi lập trình, thế giới trở nên bé nhỏ và tĩnh tại. Ta quên hết mọi thứ khác. Ta ở trong một vùng riêng. Không liếc lại phía sau. Tiếng động và ánh sáng thúc ta đi tới. Ta tăng tốc. Ta đi tiếp. Những biến tố rùng rùng bắt nhịp. Âm thanh cuốn theo hình phễu và tụ lại ở một điểm, như một vụ nổ nhìn theo chiều ngược lại. Mọi thứ đều quy tụ về một điểm duy nhất. Đó có thể là một chương trình nhận dạng giọng nói, hoặc cách bẻ khóa trò cờ vua, hoặc các đường ghi tín hiệu ra đa của trực thăng Boeing - điều đó là gì không quan trọng: điều duy nhất ta quan tâm là vạch giới hạn tiếp theo trên con đường mình bước. Vào một ngày đẹp trời ta có thể vượt đến hàng nghìn vạch ranh như vậy. Nhưng vào một ngày tệ hại ta không biết chúng tan tác về đâu.

Chưa bao giờ trong đời tôi may mắn đến thế, không phải là tôi đang kê ca đầu, chỉ là thực tế vốn như vậy đấy. Lần này, chỉ sau có hai phút, tôi đã thành công.

— Tôi đang ở trên đường Cortlandt, - người phụ nữ nói.

Tôi xoay xoay trên cái ghế và vung nắm đấm ra ý thẳng lợi.

— Được rồi!

— Cậu nhóc làm được rồi.

— Nhóc!

— Chờ đã, để em nói chuyện với người ta.

— Xin lỗi? - Người đó nói.

Những mẫu pizza nằm quanh chân tôi, cả những chai sô đa rỗng. Một anh chàng chạy tới, đá chúng sang một bên và một chú gián từ trong hộp lao vọt ra. Tôi đã lắp cái micro kẹp vào máy tính, hai đầu nối nhồi bằng vật liệu gói hàng, cái chân để làm bằng móc áo. Cái micro này rất nhạy, ít bị méo tiếng. Tôi tự làm nó bằng hai cái đĩa nhỏ ốp vào nhau, được cách điện. Hai cái loa cũng là do tôi làm từ đồ phế liệu.

— Nhìn mấy thứ này này, - Compton nói, gõ nhẹ vào cái đầu micro.

— Ai đấy? - Người phụ nữ lại lên tiếng.

— Xin lỗi. Xin chào, tôi là Compton, - anh ta nói, đẩy tôi ra khỏi ghế.

— Xin chào, tôi là Colin.

— Anh ta vẫn ở trên đó chứ?

— Anh ta mặc một bộ áo liền quần màu đen.

— Tớ đã bảo là anh ta không ngã mà.

— Chà, không hẳn là áo liền quần. Kiểu như vét bộ ấy. Cổ chữ V, quần loe. Trông anh ta cực kỳ điềm tĩnh.

— Sao ạ?

— Không thể tin được, - Gareth nói. - Điềm tĩnh à? Cô ta không mất trí đấy chứ? Điềm tĩnh? Ai nói là điềm tĩnh?

— Im đi, - Compton nói, rồi quay lại với cái micro. Thưa cô? A lô? Có phải có một người đàn ông ở trên đó, đúng không?

— À, chắc anh ta có vài đồng bọn.

— Ý cô là sao?

— Ừ thì, chắc chắn không thể nào đi trên dây từ bên này sang bên kia một mình được. Hẳn anh ta phải có đồng bọn.

— Cô có nhìn thấy ai khác không?

— Chỉ có cảnh sát thôi.

— Anh ta ở đó bao lâu rồi?

— Khoảng bốn mươi ba phút, - cô ta nói.

— Khoảng à?

— Tôi xuống tàu điện ngầm lúc bảy giờ năm mươi phút.

— Ồ, vâng.

— Và anh ta mới chỉ bắt đầu.

— Ok. Hiểu rồi.

Compton cố che cả hai micro cùng một lúc, nhưng sau đó lại rút về và quay quay ngón tay bên thái dương như thể anh ta đang nói chuyện với một người điên.

— Xin cảm ơn vì đã giúp chúng tôi.

— Không có gì, - người phụ nữ nói. - Ôi chào!

— Cô còn ở đó không? A lô?

— Anh ta kìa. Anh ta lại đi từ bên này sang bên kia kìa.

— Đã bao lần như thế rồi?

— Lần thứ sáu hay bảy gì đó. Lần này anh ta nhanh khiếp. Nhanh khủng khiếp luôn.

— Kiểu như là đang chạy ấy hả?

Tiếng vỗ tay rào rào từ xa vọng đến, Compton quay lại, xoay cái ghế sang bên một chút.

— Những cái này trông như kẹo que ấy, phát kính, - anh đùa.

Rồi anh quay lại giả vờ liếm cái micro.

— Ở đó nghe nhộn quá hả cô. Có nhiều người ở đó không?

— Chỉ tính góc phố này thôi, chà, cũng có đến sáu bảy trăm người hoặc hơn đấy.

— Cô nghĩ anh ta sẽ còn ở đó bao lâu nữa?

— Ôi trời ơi.

— Gì thế?

— Không, tôi bị muộn rồi.

— Cô có thể nán lại đó một phút nữa thôi không?

— Tôi không thể đứng đây nói chuyện mãi thế được...

— Thế còn cảnh sát?

— Có vài người đang thập thò ở phía bờ tường. Tôi nghĩ họ đang đỡ cho anh ta xuống. Hừm, - người phụ nữ đột nhiên ngừng lại.

— Gì thế? A lô?

Không có tiếng trả lời.

— Chuyện gì thế? - Compton gọi.

— Để anh chờ rồi, - cô ta lại lên tiếng.

— Chuyện gì xảy ra thế?

— À, có hai cái trực thăng. Họ đang đến rất gần.

— Gần thế nào?

- Hy vọng họ không thổi bay anh ta đi mất.
- Gần đến mức nào?
- Khoảng 70 thước. Nhiều nhất là trăm thước thôi. Chà, bây giờ thì họ đang lùi ra xa. Ối!
- Gì thế?
- À, trực thăng cảnh sát lùi lại rồi.
- Vâng.
- Chúa ơi.
- Gì thế?
- Ngay lúc này nhé, anh ta đang vẫy tay. Anh ta khom người, cái gậy đặt trên đầu gối. Đứng ra là trên đui. Đui phải.
- Thật à?
- Và anh ta đang vẫy vẫy cánh tay.
- Làm sao cô biết?
- Tôi nghĩ anh ta có ý chào đấy.
- Đang gì cơ?
- Kiểu đang biểu diễn ấy mà. Anh ta cúi xuống trên dây và giữ thăng bằng và bỏ một tay ra khỏi cái gậy và anh ta, chà, đứng vậy, anh ta đang vẫy chào chúng ta.
- Làm sao cô biết?
- Ôi thôi rồi.
- Gì thế? Cô không sao chứ? Này cô ơi?
- Không, không sao.
- Cô còn ở đó không? A lô?
- Anh hỏi sao?
- Làm sao cô trông thấy anh ta rõ vậy?

— Bằng ống nhòm.

— Hả?

— Tôi đang quan sát anh ta qua ống nhòm. Khó mà giữ cả ống nhòm cả điện thoại cùng một lúc. Chờ một chút.

— Cô ta đang quan sát bằng ống nhòm, - Dennis nói.

— Cô có ống nhòm à? - Compton hỏi. - A lô? A lô? Cô có ống nhòm à?

— À, đúng vậy. Loại dùng trong nhà hát opera.

— Không thể tin được. - Gareth nói.

— Tối qua tôi đi xem Makarova biểu diễn ở ABT^[49]. Rồi quên bằng nó. Ý tôi là cái ống nhòm ấy. À mà cô ấy thật là tuyệt vời. Cả cái anh chàng Baryshnikov nữa chứ.

— A lô? A lô?

— Trong túi xách. Tôi để nó trong túi xách suốt cả đêm. Vô tình thôi, thật đấy.

— Vô tình? - Gareth nói. - Cô này tăng tăng rồi chắc.

— Im cái mồm đi, - Compton vừa nói vừa che micro lại. - Cô có nhìn thấy mặt anh ta không?

— Chờ một chút.

— Cái trực thăng đâu?

— Ồ, nó đi rồi.

— Anh ta vẫn đang chào à?

— Chờ một chút nào.

Nghe như người phụ nữ đó kéo chiếc điện thoại ra xa mình một lúc, chúng tôi nghe thấy những tiếng reo hò âm ỉ và xuýt xoa phấn khích; tự dưng tôi không mong muốn gì hơn là cô ấy quay lại nói tiếp với chúng tôi, kệ luôn cái gã đi dây đó, tôi muốn người phụ nữ có cái ống nhòm nhà hát,

muốn nghe cái giọng trầm ấm và cái kiểu phát âm chữ “vô tình” nghe rất buồn cười. Tôi nghĩ cô cũng đã nhiều tuổi, nhưng có sao đâu, tôi thích cô đâu phải vì cô quyến rũ. Không phải tôi đang phải lòng cô ấy hay gì gì đâu. Tôi chưa bao giờ có bạn gái nữa mà. Không có gì to tát, không phải kiểu thích kia, chỉ là tôi mến giọng nói của người phụ nữ đó mà thôi. Hơn nữa, chính tôi là người tìm ra cô ấy cơ mà.

Tôi tưởng tượng một người phụ nữ khoảng ba mươi lăm tuổi, có khi hơn nữa, với chiếc cổ cao, mặc váy ôm, nhưng, ai mà biết được, có thể cô ấy đã bốn mươi, bốn lăm cũng nên, hay già hơn nữa, với mái tóc xịt keo thành nếp và một bộ răng giả trong túi xách. Mà cũng có thể cô ấy rất xinh đẹp.

Dennis ngồi trong góc phòng, lắc lắc cái đầu và mỉm cười. Compton lại quay quay ngón tay cạnh thái dương còn Gareth thì cười phá lên. Tôi chỉ muốn đẩy họ ra ghế của tôi và không cho họ dùng mấy thứ đồ đạc cũng là của tôi nữa. Tôi có quyền đối với đồ dùng của mình chứ.

— Hỏi xem vì sao cô ấy lại ở đó, - tôi thì thầm.

— Cậu Nhóc lại lên tiếng kìa!

— Không sao chứ Nhóc?

— Hỏi đi.

— Đừng có quấy thế, - Compton gạt đi.

Anh ta quay đi và cười phá lên, dùng cả hai tay che cái micro của tôi lại, ngồi ngật ngưỡng trên cái ghế. Chân đá tứ tung làm văng tung tóe đồng hộp pizza.

— Xin lỗi? - Người phụ nữ lại lên tiếng. Nghe có tiếng ồn trong điện thoại.

— Hỏi xem cô ấy bao nhiêu tuổi. Nhanh lên.

— Im đi Nhóc.

— Có anh im cái miệng đi thì có, Compton, đồ chết tiệt.

Compton gõ cho tôi một cái vào trán.

— Nghe nó nói năng thế đấy.

— Thôi nào, hỏi cô ấy đi.

— Người Mỹ có quyền mưu cầu sung sướng mà.

Gareth cũng cười ngặt nghẽo, còn Compton lại quay về cái micro và nói: “Này cô, cô còn ở đó không đấy?”

— Tôi đây, - cô ta trả lời.

— Anh ta vẫn đang vẫy chào chứ?

— Giờ thì anh ta đang đứng. Cảnh sát thì đang thò cổ ra ngoài. Qua bờ tường.

— Còn chiếc trực thăng?

— Không thấy quanh đây.

— Còn nhảy lò cò nữa không?

— Sao cơ?

— Anh ta có nhảy lò cò không?

— Tôi không thấy. Anh ta có nhảy lò cò gì đâu. Ai nhảy?

— Nhảy từ chân này sang chân kia ấy?

— Anh ta đúng là một nghệ sĩ biểu diễn thực thụ đấy.

Gareth rúc rích cười.

— Anh đang thu âm lời tôi nói đấy à?

— Không, không, không, thật đấy.

— Tôi nghe có những giọng nói phía sau.

— Chúng tôi đang ở California. Chúng tôi là người tốt. Đừng lo. Kỹ sư máy tính ấy mà.

— Miễn là đừng có thu âm là được.

—Ồ không, cô tuyệt lắm.

— Việc đấy có luật định hẳn hoi đấy nhé.

— Tất nhiên rồi.

— Mà này, thực sự tôi phải...

— Một chút nữa thôi, - tôi nói, vươn qua vai Compton.

Compton đẩy tôi lùi về phía sau và phải mất một lúc khá lâu người phụ nữ kia mới đáp, như thể cô ta đang nhai nhai cái ý nghĩ đó và tự nhủ mình có nên nuốt luôn nó hay không.

— Chà, trông anh ta rất bình thản. Cơ thể anh ta ấy. Trông rất bình thản.

— Cô không thấy mặt anh ta à?

— Không rõ lắm, thực sự là không thấy.

Giọng nói cô ta nhạt nhòa dần đi, cứ như là không muốn nói chuyện với chúng tôi nữa, rồi bốc hơi mất, thế mà tôi lại cứ muốn cô ta nán lại, tôi không biết tại sao lại thấy cô gần gũi như bà dì nhà mình, như thể tôi đã quen biết cô lâu lắm rồi. Tôi giật lấy chiếc micro, bẻ nó hướng ra xa khỏi Compton và tôi hỏi: “Có phải chị làm việc ở đó không?”

Compton ngật đầu ra sau mà cười. Gareth đang cố trêu chọc tôi, còn tôi mấp máy môi mắng anh: “Đồ khốn”.

— À, đúng thế, tôi làm thủ thư.

— Thật không?

— Ở Hawke Brown và Wood. Thư viện nghiên cứu.

— Tên chị là gì?

— Tầng 59.

— Tên chị cơ mà?

— Tôi thực sự không biết có nên...

— Tôi không có ý bất lịch sự với chị.

— Không, không.

— Tôi là Sam. Tôi đang ở trong một phòng thí nghiệm. Sam Peters. Chúng tôi làm việc với máy tính. Tôi là một lập trình viên.

— Tôi hiểu.

— Tôi mười tám tuổi rồi.

— Xin chúc mừng, - cô bật cười.

Có vẻ như cô ấy có thể thấy tôi đang dò mắt ở đâu đây bên kia. Gareth gập cả người lại vì cười.

— Sable Senatore, - cuối cùng cô ta cũng trả lời, giọng mềm dịu như làn nước.

— Sable?

— Đúng rồi.

— Tôi xin phép hỏi... ?- Sao cơ?

— Chị bao nhiêu tuổi?

Lại im lặng.

Tất cả bọn họ lại phá lên cười, nhưng giọng người phụ nữ ấy quả rất ngọt ngào, tôi không muốn bỏ máy. Tôi vẫn cố tưởng tượng ra cô ta ở đó, dưới những ngọn tháp sừng sững kia mà ngược nhìn lên, chiếc ống nhòm xem opera treo ở cổ, thơm tất sẵn sàng đến chỗ làm là một công ty luật nào đó, với những bức tường ốp gỗ và những bình café.

— Đã tám rưỡi sáng rồi, - cô ta nói.

— Sao ạ?

— Không phải lúc để hẹn hò đâu.

— Tôi xin lỗi.

— Tôi hai chín tuổi rồi Sam ạ. Hơi già so với cậu.

— Ồ.

Biết ngay mà, Gareth bắt đầu tập tễnh bước quanh vờ đang dùng một cái gậy chống của người già, còn Compton thì hú lên như người tiền sử, đến

cả Dennis cũng sà đến bên tôi mà gheo: Cậu nhóc đang yêu kìa.

Rồi Compton xua tôi ra khỏi cái bàn và nói gì đó về vụ cá cược của anh ta, nhất định phải làm cho vụ này ngã ngũ mới được.

— Anh ta đâu rồi? Sable? Bây giờ anh ta đang ở đâu?

— Colin đấy à?

— Compton.

— À, anh ta ở mé toà tháp phía nam.

— Khoảng cách giữa hai tháp là bao nhiêu?

— Khó nói lắm. Khoảng hai trăm... Ồ, anh ta kìa.

Xung quanh đó nghe ồn ào, những tiếng la hét, tiếng cổ vũ xõ òa ra rồi lụi thành những tiếng líu nhíu hỗn độn ở đầu dây bên này. Tôi nghĩ đến hàng nghìn người đang bước xuống xe buýt hoặc tàu điện, nhìn thấy cảnh ấy lần đầu. Tôi ước gì mình đang ở đó, với người phụ nữ ấy; và tôi chợt thấy đầu gối mình run run.

— Anh ta nằm xuống rồi à? - Compton hỏi.

— Không, không, tất nhiên là không. Anh ta xong rồi.

— Ngừng lại à?

— Anh ta bước vào bên trong. Lại vẫy chào lần nữa rồi bước vào bên trong. Rất nhanh. Kiểu như đang chạy ấy.

— Anh ta đi xong rồi à?

— Chán thật.

— Tôi thắng rồi! - Gareth nói.

— Hả, anh ta đi hết dây rồi à? Cô có chắc không? Hết rồi à?

— Cảnh sát đang dẫn anh ta vào. Họ tước cây gậy rồi. Ồ, nghe này.

Có những tiếng huýt inh ỏi và một tràng vỗ tay rộn rã rất gần điện thoại. Compton trông cau kính, còn Gareth khoái chí vê vê tay ra hiệu đếm tiền. Tôi với lấy cái micro.

— Anh ta xong rồi à? A lô? Chị có nghe thấy không? Sable?

— À, - cô ta lên tiếng, - tôi thật sự phải...

— Trước khi chị đi...

— Samuel đấy à?

— Tôi có thể hỏi chị một việc riêng tư không?

— Thì cậu hỏi rồi đấy thôi.

— Cho tôi xin số điện thoại của chị nhé? - Tôi hỏi.

Cô ta cười lớn, nhưng không nói gì cả.

— Chị có gia đình chưa?

Lại một tiếng cười nữa, có thoáng tiếc nuối trong đó.

— Xin lỗi chị. - Tôi nói.

— Không.

— Gì cơ ạ?

Tôi không biết cô ấy nói không là không cho tôi số điện thoại hay là chưa có gia đình, hoặc cũng thế cô muốn nói cả hai điều ấy cùng một lúc, rồi cô khẽ cười một tiếng, nhưng tiếng cười bỗng rồi tắt dần.

Compton lục túi tìm tiền. Anh ta đẩy đồng năm đô la cho Gareth.

— Chỉ là tôi...

— Thực sự là tôi phải đi đây, Sam.

— Tôi không phải là kẻ lập dị đâu.

— Chào nhé.

Thế rồi đường dây ngắt. Tôi nhìn lên, Gareth và Compton đang nhìn tôi chăm chú.

— Chào nhé, - Gareth rú lên. - Nghe chưa! Thăng bé ra trò đấy chứ!

— Anh thôi đi thì có.

— Thật là tình cờ!

— Im mồm đi, đồ ngốc.

— Nó dối rồi, dối rồi!

— Có kẻ phải lòng người ta rồi kìa, - Compton nhăn nhờ cười.

— Em chỉ đùa cô ấy thôi mà. Trêu đùa tí chứ có gì đâu.

— Chào nhé!

— Cho tôi xin số điện thoại của chị nhé?!

— Im mồm đi.

— Thôi. Cậu Nhóc tức rồi đấy.

Tôi bước đến bên chiếc điện thoại, bấm phím *Enter* lần nữa, nhưng chỉ thấy chuông reo liên hồi, reo mãi. Trên mặt Compton có ánh nhìn rất lạ, như thể anh ta chưa thấy tôi bao giờ, như thể tôi là một anh chàng mới toanh, nhưng tôi không quan tâm. Tôi quay số lần nữa: vẫn chỉ có tiếng chuông đổ. Tôi có thể hình dung thấy Sable đang bước đi xuống phố, vào trong toà tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới, lên tầng 59, vào với những đồ gỗ và những tủ hồ sơ ấy, cất tiếng chào mấy viên luật sư, ngồi xuống bên bàn làm việc rồi giắt chiếc bút chì sau vành tai.

— Tên công ty luật ấy là gì ấy nhỉ?

— Chào nhé, - Gareth vẫn lải nhải.

— Quên đi, anh bạn trẻ. - Dennis an ủi.

Anh đứng đó trong chiếc áo phông, tóc tai rối bù.

— Cô ta không quay lại đâu, - Compton lên tiếng.

— Làm sao anh biết?

— Trực giác phụ nữ mà. - Anh ta cười rúc rích.

— Phải làm cho xong cái bản vá đó thôi, - Dennis chốt lại. - Đứng lên đi làm đi.

— Tớ chịu thôi, - Compton nói. - Tớ về nhà đây. Như đến hàng mấy năm rồi chưa ngủ ấy.

— Sam? Em thì sao?

Bản vá anh nói là một chương trình làm cho Lầu Năm Góc. Hai bên đã ký với nhau một thỏa thuận bí mật. Công việc chẳng khó khăn gì. Con nít cũng làm được. Tôi lan man nghĩ. Chỉ cần dùng chương trình ra đa, chèn thông số lực hút trái đất, có thể dùng chênh lệch vận tốc quay chẳng hạn, thế là xác định được vị trí tiếp đất của mọi tên lửa được phóng ra.

— Nhóc?

Khi nhiều máy tính cùng hoạt động một lúc, cả nơi này tràn ngập tiếng o o rù rì. Còn hơn cả tiếng ồn trắng. Đó là thứ âm thanh khiến ta cảm thấy mình là mặt đất bao la trải dưới bầu trời, cái vòm tiếng ồn xanh thăm phủ chụp xung quanh, nhưng chỉ cần lưu tâm đến nó là lập tức cảm thấy nó sao mà quá ồn ào choáng ngợp, khi đó ta thấy mình chẳng hơn gì một hạt bụi mà thôi. Ta bị gắn chặt vào nơi đó; đám dây dợ, ống truyền dẫn và cả những electron đều đang chuyển động, nhưng chẳng có gì đang thực sự chuyển động cả, không gì hết.

Tôi đến bên cửa sổ. Cái cửa sổ tầng hầm chẳng bao giờ thấy nắng. Lại thêm một điều tôi không hiểu nổi, những chiếc cửa sổ ở tầng hầm - Sao ai lại đi đục cửa sổ dưới tầng hầm cơ chứ? Có lần tôi đã thử mở nó ra nhưng không được.

Tôi đoán ở ngoài kia mặt trời đang lên.

— Chào nhé! - Gareth chưa chịu thôi.

Tôi muốn đi qua bên kia phòng và đấm anh ta một cái ra trò, một cú cho anh ta đau thực sự, nhưng tôi không làm được.

Tôi ngồi vào trước côn điều khiển, ấn phím ESC, rồi phím N, rồi phím Y, thoát khỏi chương trình Hộp Xanh. Hôm nay không hack nữa. Tôi mở chương trình đồ họa, gõ mật khẩu, SAMUS17. Chúng tôi làm việc với chương trình này mới sáu tháng, nhưng Lầu Năm Góc đã phát triển nó trong nhiều năm nay rồi. Nếu lại xảy ra chiến tranh nữa, họ sẽ sử dụng nó, chắc chắn là như vậy.

Tôi quay sang Dennis. Anh ấy đã đang còng lưng trên bàn điều khiển rồi.

Chương trình khởi động. Tôi nghe thấy nó vươn mình lịch kích.

Có một tầm cao mà ta sẽ đạt tới khi ngồi viết mã. Thú vị lắm. Lại rất dễ. Ta quên đi bố mẹ, quên đi mọi thứ. Ta có cả đất nước trên bàn phím. Đây là nước Mỹ. Ta chạm tới biên giới. Ta có thể đi bất cứ đâu. Tất cả chỉ thông qua nào kết nối, nào truy cập, nào cổng thông tin, giống như trò truyền tin thì thầm, nếu lỡ nói sai thì sẽ phải quay lại từ đầu.

NGÔI NHÀ MA TÚY XÂY NÊN

BỌN CHÚNG NÓ KHÔNG CHO TÔI tới dự đám tang của Corrigan. Đáng lẽ ra tôi đã băng qua xưởng bánh để vào đó. Thế mà chúng lại tống cổ tôi vào trại. Tôi không thèm khóc. Tôi chỉ nằm thẳng cẳng trên chiếc ghế băng, gác tay che mắt.

*

Tôi đã được xem hồ sơ về mình, in trên giấy vàng, có tới tận bốn mươi đề mục. Được đánh máy nhưng không chín chu lăm. Đọc nó sẽ thấy cả cuộc đời mình trải trên những bản sao giấy than. Được lưu trữ trong bộ hồ sơ hãn hoi. Hunts Point, đường Lex và 49, đường cao tốc khu Tây, tất cả những nơi ấy đều ở tận Cleverland. *Tôi sống lang thang. Tôi bán dâm. Tôi nhẹ loại A. Tôi tàng chữ thuốc bị kiểm soát cấp độ 7. Tôi sâm phạm cấp độ 2. Tôi tàng chữ ma túy, chọng tội loại E. Tôi gạ gẫm bán dâm, loại A, tội nhẹ cấp độ 0.*

Bọn cớm đáng phải nhận điểm D môn chính tả.

Cớm ở khu Bronx còn tệ hơn. Bọn đó chỉ xứng điểm F trong mọi thứ trừ mỗi việc bắt giữ những người như chúng tôi.

*

Tillie Henderson, tức Cô Em Vui Vẻ, tức Bí Ẩn, tức Vườn Hồng, tức Bánh Ngọt.

Chủng tộc, giới tính, chiều cao, cân nặng, màu tóc, kiểu tóc, nước da, màu mắt, các vết sẹo hoặc bớt, hình xăm (không có).

Tôi còn khoái ăn bánh ngọt trong siêu thị nữa. Các người sẽ không thể tìm thấy thông tin đó trong hồ sơ của tôi đâu.

*

Ngày họ tóm chúng tôi, Bob Marley đang hát trên radio, *Dậy đi, đứng lên, đứng lên vì quyền lợi của các bạn*. Một gã cớm khoái giỡn còn vượn nhạc to rồi ngoái lại cười nhả nhổ. Jazzlyn hét tướng lên: “Đi hết thì ai canh tụi nhỏ đây?”

*

Tôi bỏ lại chiếc thìa vào trong hộp sữa. Đã ba mươi tám tuổi đầu rồi. Mà chẳng được cái tích sự gì.

*

Làm điểm đúng là cái nghề bầm sinh dành cho tôi. Không nói quá đâu. Tôi chưa bao giờ mong hòng gì có được công việc tử tế cả. Tôi sống ngay đối diện khu mại dâm trên đại lộ Prospect và khu Đông phố 31. Từ cửa sổ phòng ngủ của mình tôi có thể thấy các cô gái đang hành nghề. Lúc đó tôi tám tuổi. Họ đi giày cao gót màu đỏ và bới tóc cao.

Những gã ma cô đi qua, về hướng khách sạn Thổ Nhĩ Kỳ. Mấy gã đó chuyên dặt mối cho gái. Chúng đội những cái mũ to đến mức tưởng như chui vào đó mà nhảy cũng vừa.

Trong phim khiêu dâm hay thấy cảnh tụi này đổ lại trên xe Cadillac hăn hoi. Đúng thế đấy. Bọn dặt hàng cười xế sang. Tụi nó khoái lốp xe có sọc trắng. Nhưng không phải lúc nào trên kính chắn gió cũng treo xúc xắc ni trang trí như trong phim.

Lần đầu tiên tôi tô son môi là năm lên chín tuổi. Đôi môi sáng mọng lên trong gương. Đôi nốt màu xanh của mẹ quá rộng với chân đũa con gái mười một tuổi. Tôi trốn trong đó và thò đầu ra ngoài còn được ấy chứ.

Khi mười ba tuổi tôi đã ôm eo một gã đàn ông mặc bộ com-lê màu mận chín. Hắn có vòng eo như đàn bà, nhưng cũng hành tôi ra trò. Tên hắn

là Fine. Hấn rất yêu tôi, không bao giờ đưa tôi đến khu gái điếm, hấn nói hấn chỉ đang chuẩn bị cho tôi vào nghề mà thôi.

*

Mẹ tôi thường đọc sách về tôn giáo. Chúng tôi theo Giáo Hội Israel. Nghĩa là phải ngật đầu ra sau mà vận đến ân tứ nói tiếng lạ. Trước kia bà cũng đứng đường. Đã lâu lắm rồi. Bà bỏ nghề khi răng bắt đầu rụng. Bà nói, “Đừng có đi theo vết xe đổ của mẹ đó, Tillie.”

Và thế là tôi đã đi theo đúng vết xe ấy. Chỉ khác là răng tôi chưa rụng cái nào.

*

Mãi đến năm mười lăm tuổi tôi mới đi bắt khách. Tôi bước vào sảnh khách sạn Thổ Nhĩ Kỳ. Có tiếng ai đó huýt sáo khe khẽ. Cả đám người ngoái đầu lại nhìn, nhất là tôi càng để ý. Rồi tôi nhận ra đám đó gọi mình. Thế là tôi bắt đầu nhún nhảy bước đi. Tôi đang lệt xác. Thằng bảo kê đầu tiên của tôi nói, “Khi nào bĩ vận thì về nhà với anh đi cưng.”

Bít tất lụa, quần lót gợi tình, giày cao gót. Tôi gia nhập làng gái điếm như để trả thù đời.

Một trong những thứ ta sẽ học được ngay là đừng bao giờ để tóc mình thò ra ngoài cửa sổ mở. Nếu không có những thằng điên sẽ túm tóc và lôi mình vào trong rồi đánh cho như tử.

*

Cái thằng ma cô đầu tiên, làm sao quên được. Đâm ra yêu hấn, cho tới khi hấn nện mình bằng một cây nạy lớp. Thế rồi hai ngày sau lại phụ hấn thay lớp xe. Hấn mua cho tôi cái áo, khi mặc vào trên người cần hờ chỗ nào là phô đúng chỗ đó.

*

Tôi phải để con bé Jazzlyn còn ẵm ngửa ở chỗ bà ngoại. Con bé khê đá đá đôi chân và ngược nhìn tôi. Khi mới sinh ra nó đã có nước da trắng ơ là trắng. Đến nỗi ban đầu tôi cứ ngỡ con bé không phải là con của mình. Tôi không biết bố nó là ai. Có thể là bất cứ ai trong cái danh sách dài như ngày Chủ Nhật. Mọi người hay nói bố nó chắc hẳn là một tên Mẽ nào đó, nhưng mà tôi chả nhớ được có thằng cha Pablo nào đó từng nhể nhại trên người mình hay không. Tôi bế con bé lên, đó là lúc tôi tự nhủ, “Mình sẽ đối xử tốt với nó suốt cả cuộc đời này.”

Ai mới sinh con xong cũng nói, “Con bé sẽ không bao giờ ra đứng đường”. Rồi thề thốt. Con tôi thì không đâu. Nó sẽ không bao giờ phải ra ngoài đó. Thế là mình phải đi làm điếm để con mình không phải sống kiếp như mình thế thôi.

Tôi hành nghề ở khu gái điếm được gần ba năm, ngày ngày chạy về với con bé, bế nó trên tay và tôi biết mình phải làm gì. Tôi nói: “Mẹ, chăm sóc nó cho con. Con sẽ về ngay.”

*

Con chó gầy nhất tôi từng thấy là cái con được in trên thành xe buýt của hãng Greyhound.

Lần đầu tiên thấy New York tôi nằm luôn xuống mặt đất bên ngoài Port Authority, chỉ để nhìn thấy được cả bầu trời rộng lớn. Một gã nào đó bước qua người tôi mà không thèm ngoái xuống.

*

Ngày ngày đầu tiên tôi đã bắt đầu đi bắt khách. Tôi đến các khách sạn nhếch nhác ở phố số Chín. Nhìn trần nhà tôi có thể tưởng tượng ra bầu trời, chuyện nhỏ. Ở New York có rất nhiều thủy thủ.

Tôi thích đội những chiếc mũ lính thủy của họ mà nhảy nhót.

*

Làm ăn ở New York là phải có bảo kê. Dù gã ma cô đó chỉ có mỗi một đào là mình. Cũng dễ kiếm một thằng như vậy. Tôi rất may mắn đã nhanh chóng tìm được TuKwik. Hẳn dắt khách cho tôi và tôi được làm ở khu mại dâm khét tiếng, phố 49 và Lexington. Đó chính là nơi cô đào Marilyn từng bị quả tốc vấy lịch sử. Ngay bên trên lối ra của ga tàu điện ngầm. Bãi bắt khách đình đám thứ hai ở mãi bên khu Tây, nhưng TuKwik không thích chỗ đó, vì thế tôi không hay đến đó lắm. Cũng không dễ kiếm tiền ở bên ấy. Lúc nào cũng có bọn cớm đến nhá phù hiệu trước mặt mình. Bọn chúng sẽ biết ngay ai ra tù được bao lâu bằng cách hỏi ngày tháng ghi trong hồ sơ. Nếu thấy lâu lâu mà mình không phải bóc lịch thì chúng sẽ ngoắc ngoắc ngón tay, “Đi theo tôi.”

Tôi thích khu Đông, cho dù bọn cớm ở đây khá rần.

Khu phố 49 và Lexington chẳng có mấy gái da màu. Hầu hết là những cô nàng da trắng có hàm răng đẹp, quần áo đẹp, tóc tai đẹp. Họ không bao giờ đeo loại nhãn mặt to tướng vì chúng khá vướng víu. Nhưng họ làm móng tay rất xinh và móng chân lấp lánh. Họ nhìn tôi và gào lên “Mày làm cái đ. gì ở đây thế?” Và tôi trả lời: “Này các cô, cùng kiếm ăn mà, thế thôi.” Chẳng bao lâu chúng tôi thôi không còn đánh nhau nữa. Không còn cào nhau sứt da sứt thịt nữa. Không còn cố bẻ gãy ngón tay của nhau nữa.

*

Tôi là cô nàng da màu đầu tiên thường xuyên có mặt tại khu gái điếm đó. Họ gọi tôi là Vườn Hồng. Họ thường nói tôi như vết bã kẹo cao su. Đen đúa. Và bám trên via hè.

Cuộc đời là thế, hay thật. Gì cũng giểu được.

*

Tôi tự nhủ với lòng, mình sẽ kiếm đủ tiền để trở về bên Jazzlyn và mua cho con bé một ngôi nhà thật lớn với lò sưởi lẫn ban công phía sau và đầy đủ tiện nghi xinh xắn. Đó là những gì tôi muốn.

Tôi chẳng có tài cán gì. Không ai vô dụng bằng tôi. Thế mà chẳng ai biết đâu. Đó là bí mật. Tôi đi qua thế giới này cứ như thể tôi làm chủ nó. Nhìn ả đen này. Xem những đường cong của nó kìa.

*

Tôi có một bạn tù, cô ta nuôi một con chuột trong hộp giày. Con chuột là người bạn thân nhất của cô ta. Cô ta thường nói chuyện với nó, chăm nom nó, thậm chí còn hôn nó. Có lần bị nó cắn cho vào môi. Tôi cười đến đứt cả ruột.

Cô ta ở trong này cũng đã được tám tháng rồi, bị bắt trong một vụ đâm chém. Chả bao giờ cô ta nói với tôi một câu nào. Cô ta sắp chuyển ra trại ở ngoại thành. Cô ta bảo tôi không có óc. Tôi ấy à, tôi sẽ không đi ra ngoại thành, không đời nào, tôi đã bắt tay với quý rồi - trong hiện thân là một gã hói đầu nhỏ thó mặc áo choàng đen.

*

Năm mươi bảy tuổi tôi đã sở hữu một thân hình đến Adam cũng phải bỏ Eve mà theo. Đó đúng là thời kỳ huy hoàng. Không nói ngoa đâu. Tôi có đôi chân dài miên man và cặp mông làm bao người mê mẩn. Adam sẽ nói với Eva, *Eva cưng, anh sẽ bỏ em đây*, còn chúa Jesus thì lăm bắm đằng sau, *Adam, mày đúng là một thằng khốn may mẩn*.

*

Có một tiệm pizza trên đường Lexington. Trên tường treo bức tranh mấy anh chàng mặc quần soóc bó chặt, có làn da hết chê và một quả bóng dưới chân - trông họ thật tuyệt. Nhưng những gã đàn ông thật trong tiệm lại là một lũ béo ị và lông lá, luôn mồm tuôn cả đồng chuyện cười liên quan tới xúc xích. Ăn ở đây phải lấy giấy ăn thấm bớt dầu trên pizza. Bọn nghiệp đoàn thỉnh thoảng cũng ghé qua. Chớ có dây dưa với bọn này. Chúng mặc

quần có nếp là thẳng tắp và dẫm mùi bizăngtin. Chúng thậm chí có thể đưa mình đi ăn một bữa ngon lành nhưng rồi sau đó mình sẽ bị hành cho một lử.

*

TuKwik là một gã nhanh nhẹn. Gã nâng niu tôi trên tay như một món đồ trang sức. Gã có đến năm vợ, nhưng tôi là Bà Vợ Số Một, là ngôi sao trên ngọn cây Giáng Sinh, là miếng thịt tươi nhất trên giá. Ta phải làm mọi thứ có thể cho bảo kê của mình, đốt pháo hoa cho gã, yêu gã từ sáng đến tối, thế rồi khi tắt nắng thì ra ngoài đứng đường. Tôi kiếm được nhiều tiền nhất trong cả bọn nên gã đối xử rất tốt với tôi. Gã cho tôi ngồi ghế trước trên xe hơi trong khi những cô vợ khác phải đứng dưới đường trông lên, tức đến xịt khói ra hai lỗ tai.

Điều duy nhất đáng nói là, gã yêu càng nhiều thì tổn càng đau. Thế đấy.

Một trong số những bác sĩ ở phòng cấp cứu đã phải lòng tôi. Anh ta khâu vết rách ở mắt cho tôi sau khi TuKwik đánh tôi bằng một cái bình café bạc. Rồi anh ta cúi xuống và hôn lên vết khâu. Chỗ sợi chỉ xuyên qua cứ giật lên nhồn nhột.

*

Vào ngày gió mưa đặng đặng, có khi chúng tôi đánh nhau một trận ra trò, tôi và mấy cô vợ kia của TuKwick ấy. Tôi chạy ra đường mà tay vẫn cầm bộ tóc giả còn dính tí da đầu của Susie. Nhưng phần lớn thời gian chúng tôi sống cùng nhau như một gia đình lớn, thật đấy. Nói ra chả ai tin, nhưng mà thật thế.

*

Ở khu Lexington có những khách sạn dán giấy dán tường, có phục vụ buồng và những chiếc đĩa mép viền vàng thật. Người ta còn đặt cả sôcôla dưới gối trong buồng khách sạn. Có những doanh nhân đến thuê phòng

khoảng một ngày. Da trắng. Quần lót trong cũng trắng. Họ cởi áo sơ mi, trên người tỏa ra mùi của những đức ông chồng sợ hãi, làm như mấy bà vợ của họ sắp sửa nháy xổ ra từ chiếc ti vi trong phòng.

Các cô hầu phòng đặt kẹo bạc hà lên gối. Xắc tay của tôi đầy vỏ kẹo màu xanh. Tôi ra về với đồng vỏ kẹo và những tay đàn ông đã để cơn nhể nhại cuốn trôi giấy đăng kí kết hôn của mình.

Tôi là một con điếm đúng nghĩa, chỉ biết nằm ưỡn người. Xoạc chân ra là tất cả những gì tôi biết làm, nhưng tôi khiến khách hàng cảm thấy đặc biệt. Ôi, anh yêu, để em cảm thấy anh nào. Anh làm em nóng cả người đây này. Đừng đem miếng xương này cho con chó nào khác nhé.

Tôi có hằng đồng những câu nói ngu xuẩn như vậy. Như thế tôi đang ca một bài ca cũ rích. Thế mà bọn họ tin sái cổ.

*

“Em thấy ok không, Bánh Ngọt của anh?” “Chúa ơi, anh làm em sung sướng lắm!” (Một phút rưỡi, ối giời, cũng là cả một kỷ lục rồi).

“Cho anh hôn một cái nào, cục đường của anh.” “Ôi anh, anh mới đáng thèm ý.” (Tôi thà liếm đường ống bồn rửa còn hơn).

“Cưng à, anh làm ngon lành không?” “Ồ, cực kỳ, chính thế, ngon lành, tuyệt lắm.” (Chỉ tiếc là cái ấy của anh bé quá).

*

Khi rời Waldorf-Astoria tôi boa cho mấy tay kiểm tra an ninh khách sạn, tay loong toong và cậu nhóc trực thang máy. Họ biết mặt tất cả chị em khu này. Cậu nhóc đó mê tôi như điên đảo. Một đêm nọ tôi “thối kèn” cho cậu ngay trong khu trữ đồ đông lạnh. Khi đi ra cậu thuận tay trộm một miếng bít tết. Tuồn miếng thịt vào trong áo sơ-mi. Bước ra ngoài rồi cậu còn nói mình thích ăn bít tết tái vừa.

Cậu nhóc dễ thương quá. Thường nháy mắt với tôi, ngay cả khi thang máy đầy người.

*

Tôi vốn sạch sẽ kinh người. Lần nào cũng phải tắm tấp trước. Nếu tôi tắm cùng khách thì kiểu gì tôi cũng xát đây xà bông lên người hẳn. Và quan sát cái ấy của hẳn ta lớn dần lên. Xong đỡ dành hẳn, “Anh yêu, em muốn bánh mì.” Rồi tôi kéo gã đến “lò nướng”, cho gã nổ tung ở đó.

Nói chung nên cố xong việc với khách sau khoảng mười lăm phút, tối đa là thế. Nhưng đồng thời cũng phải cố giữ cho hẳn không ra trong vòng ít nhất hai phút. Bọn đàn ông không thích ra sớm. Chúng sẽ thấy mất mặt. Thấy mình bẩn thỉu và rẻ tiền. Tôi chưa bao giờ gặp phải một gã không cứng lên nổi, chưa bao giờ. À, thì cũng có, nhưng nếu thấy gã có vẻ không cứng lên được, tôi sẽ cào vào lưng gã và nói năng ngọt ngào với gã, tôi không bao giờ nói những lời tục tĩu, đôi lần gã khách phát khóc mà kêu lên “Anh chỉ muốn nói chuyện với em thôi, em yêu. Chỉ muốn thế thôi. Anh chỉ muốn nói chuyện thôi.” Nhưng cũng có gã sẽ lật người lên và hẳn học hét “Đ. mẹ mày, tao biết là sẽ chẳng làm ăn gì được với mày mà, đồ mọi đen.”

Thế là tôi sẽ phụng phịu cái mặt ra vẻ gã ta đã làm tan vỡ trái tim tôi, rồi tôi ghé sát vào gã và thì thào rằng bảo kê của tôi thuộc đảng Báo đen, băng đó cũng có nhiều dân mọi lắm nên hẳn ta sẽ không thích nghe nói năng kiểu đó đâu, hiểu chưa hả? Thế rồi gã kia sẽ vội vã mặc quần và biến khỏi đó trong nháy mắt.

*

TuKwik suốt ngày dính vào mấy vụ đánh nhau. Hẳn có một bộ khoen sắt đeo tay giắt sẵn trong tất. Nhưng mà lúc nào cũng bị đo ván trước khi kịp lấy nó ra. Tuy vậy gã rất khôn ngoan. Gã đút lót bọn cớm và bọn nghiệp đoàn, chỗ còn lại thì đút túi.

Những tên bảo kê lọc lõi luôn tìm gái đánh lẻ. Tôi cũng từng đi lẻ suốt hai tuần. Ở Ohio. O-hi-o.

Tôi trở thành một người đàn bà hiện đại. Chịu uống thuốc tránh thai. Tôi không muốn có thêm một Jazzlyn nữa. Tôi gửi bưu thiếp cho con bé từ một bưu điện trên phố 43. Ban đầu anh chàng đứng sau quầy không nhận ra tôi. Mọi người la ó vì tôi chen ngang, nhưng tôi cứ tiến thẳng đến chỗ anh ta, nguây nguẩy cặp mông mời mọc. Anh chàng đỏ bừng mặt và tuồn cho tôi mấy con tem miễn phí.

Tôi thì luôn nhận ra khách hàng của mình.

*

Tôi tìm được một thằng cha bảo kê khác. Gã này từng là một cầu thủ nổi tiếng. Tên gã là Jigsaw. Gã có một bộ comlê bóng lộn. Gã gọi nó là bộ vía. Có cả khăn mùi xoa trong túi áo. Điều bí mật là chiếc khăn đó có dính một hàng lưỡi dao cạo. Rút ra là vẽ được cả bức tranh xếp hình trên mặt người ta. Gã có dáng đi chằm phẩy. Thì thứ gì hoàn hảo mà chẳng có tí khiếm khuyết. Bọn cớm rất ghét gã. Họ tóm tôi nhiều lần hơn từ khi biết Jigsaw cặp với tôi.

Họ ghét thấy dân da đen kiếm được tiền, đặc biệt là kiếm tiền từ người da trắng, và trên phố 49 thì hầu như toàn là người da trắng. Như Phố Phấn Trắng mà.

Jigsaw có nhiều tiền hơn cả Chúa ấy chứ. Gã mua cho tôi một sợi dây chuyền đuôi cáo và một chuỗi ngọc bích. Gã trả tiền mặt hẵn hoi. Ngoài một chiếc Cadillac, gã còn có một con Rolls-Royce. Màu bạc. Không phìa đâu. Chiếc xe cũ rồi nhưng vẫn chạy tốt. Nó có vô lăng bằng gỗ. Thành thạo chúng tôi lái xe lòng vòng quanh đại lộ Park. Đó là khi mà đời còn tươi chán. Chúng tôi đi ngang qua những khung cửa sổ bên ngoài Câu lạc bộ Colony dành riêng cho các bà các cô đứng đắn và rú: “Xin chào các quý bà, có ai muốn hẹn hò không nào?” Thế là họ sợ chết khiếp. Rồi chúng tôi lái đi, hú hét ầm ĩ: “Đi thôi, đi kiếm một ít sandwich kẹp dưa chuột nào.”

Chúng tôi lái thẳng tới quảng trường Thời Đại, gào lên:

“vứt mẹ hết lo phiền đi mấy cưng!”

*

Ở với Jigsaw tôi có được những thứ đẹp nhất. Gã có một căn hộ ở góc phố số Một và phố 58. Món nào trong nhà trông cũng hào nhoáng, kể cả thảm trải sàn. Bình hoa đặt khắp nơi. Những tấm gương viền vàng. Những gã đàn ông ong bướm thích tới đây. Họ đi thẳng vào nhà và thốt lên, ôi chà. Cứ như thế họ nghĩ tôi là nữ doanh nhân.

Lần nào họ cũng đi tìm cái giường. Vấn đề là cái giường phải hạ từ trên tường xuống kia. Có điều khiển bằng điện tử hẳn hoi.

Cái nơi ấy đúng là ngon lành.

*

Chúng tôi gọi những vị khách trả một trăm đô la mỗi lượt là Sâm Banh. Susie thường nói: “Chàng Sâm Banh của em đây rồi,” khi một chiếc xe hơi lộng lẫy dừng bánh dưới đường phố.

Có đêm tôi ở với một tay trong đội bóng Những Gã Khổng Lồ New York, chàng hậu vệ có cái cổ to đến nỗi nhận luôn biệt danh là Cò Bự. Anh ta còn có một cái ví, thật đúng là chưa thấy bao giờ, căng phồng toàn tờ một trăm “vé”. Tôi nghĩ thôi đúng là mười chàng Sâm Banh đến cùng một lúc đây rồi. Sâm Banh của em, cơn khoái lạc đang đến đây.

Nhưng hóa ra hẳn ta chỉ muốn chơi miễn phí mà thôi, thế là tôi nhảy xuống đất, gập người nhìn vào giữa hai chân mà hét: “Đi nhờ với!” rồi ném cho hẳn cái thực đơn phục vụ tận phòng.

Có đôi khi tôi cứ tự giễu tự cười như thế.

*

Vào thời gian ấy tôi tự gọi mình là Cô Em Vui Vẻ, vì tâm trạng tôi khi đó rất vui vẻ. Những gã đàn ông chỉ là những cơ thể chuyển động trên người tôi. Những vụn sắc màu. Chẳng có ý nghĩa gì với tôi cả. Đôi khi tôi cảm thấy mình như cây kim trong máy hát. Chạm xuống rãnh đĩa hát và quay theo nó một lúc. Rồi nếu vương hạt bụi nào thì tôi hất nó ra và lại sa xuống rãnh.

*

Tôi nhận ra một điều là những viên cảnh sát phụ trách điều tra án mạng diện com-lê rất đẹp. Giày lúc nào cũng bóng loáng. Một gã còn để hộp xi đánh giày ba chân ngay dưới gầm bàn. Giẻ đánh giày, hộp xi, đủ mọi thứ. Gã khá dễ thương. Gã không đòi chơi miễn phí mà chỉ muốn biết ai đã giết Jigsaw. Tôi biết, nhưng tôi không nói ra. Khi có người đã xì tiền ra thì ta phải ngậm miệng vào. Đó là luật ở khu gái điếm, khóa cái miệng vào, không được hở ra một lời nào cả. Khít khịt. Không lời nào. Khít khìn khịt.

*

Jigsaw bị trúng ba viên đạn rất gọn ghẽ. Tôi thấy gã nằm sững sượng trên mặt đất ướt nhoét. Một viên trúng ngay giữa trán làm óc nổ cả ra. Khi những nhân viên y tế cởi áo sơ-mi của gã ra thì trông gã như có thêm hai con mắt đỏ ngầu ngay giữa ngực.

Máu bắn tung tóe trên mặt đất xung quanh, trên thân cột đèn và cả hòm thư gần đó. Thằng cha trong quán pizza đi ra lau sạch chiếc gương bên phải của cái xe tải. Gã lấy cái tạp dề kì cọ cái gương, lắc đầu và lăm bằm, như khi có ai làm cháy mấy cái bánh pizza của gã. Cứ như thế Jigsaw cố tình để lại óc của mình trên chiếc gương đó. Cứ như Jigsaw cố ý làm như vậy!

Gã quay gót vào trong cửa hàng, đến lần sau khi chúng tôi đến đây ăn pizza, gã gào lên “Này, không bắt khách khiếc gì ở đây đâu nhé, cút khỏi đây đi, nhấc mấy cặp mông của tụi mày ra khỏi đây, đặc biệt là mày đấy - đồ

M-Q-I Đ-E-N.” Chúng tôi đùa, “Ồ, thằng cha thế mà cũng biết đánh vần cơ đấy,” nhưng mà thề có Chúa, tôi muốn thọc cái của quý của gã người Ý lên tận cổ gã, xoắn nó lại mà gọi đó là cục yết hầu.

Susie nói cô ta rất ghét bọn phân biệt chủng tộc, đặc biệt là những tên gốc Ý. Chúng tôi cười rũ rượi và sóng bước sang đại lộ số Hai, đến ăn pizza ở hiệu Ray Nổi Tiếng. Bánh ngon đến nỗi chúng tôi cũng chẳng cần thấm bột dầu ăn. Từ đấy về sau chúng tôi không bao giờ quay lại cái quán ở khu Lexington đó nữa.

Chúng tôi cóc muốn làm lợi cho bọn lợn phân biệt chủng tộc đấy.

*

Jigsaw có hàng đồng tiền, thế mà lại bị chôn ở nghĩa trang vô thừa nhận Potter’s Field. Tôi đã từng chứng kiến rất nhiều đám tang. Tôi cho rằng mình cũng không khác gì mọi người. Không rõ cuối cùng ai lấy được tiền của Jigsaw, nhưng mà tôi dám chắc là bọn nghiệp đoàn.

Chỉ có duy nhất một thứ đi nhanh hơn ánh sáng, đó là tiền, những đồng tiền lạnh lẽo.

*

Hai tháng sau khi Jigsaw bị cướp, tôi thấy Andy Warhol đến khu nhà đó. Anh ta có đôi mắt xanh lam mở to và trông có vẻ loạn thần, có vẻ như anh ta vừa trở về sau một ngày đi lật kiếm từng xu. Tôi nói, “Hê, Andy cưng, muốn hẹn hò không?” Anh ta trả lời, “Tôi không phải Andy Warhol, tôi chỉ đeo mặt nạ của Andy Warhol thôi, ha ha.” Tôi véo mông anh ta, làm anh ta nhảy dựng lên kêu “Ồi.” Tay này hơi cổ lỗ sĩ, nhưng cũng nói chuyện được với tôi đến hơn mười phút.

Tôi hy vọng anh ta sẽ cho tôi đóng phim. Tôi sẽ nhảy nhót trên đôi giày cao gót. Tôi sẽ hôn anh ta nếu anh ta cho tôi đóng phim. Nhưng mà cuối cùng anh ta chẳng muốn gì hơn là tìm một gã trai. Chỉ thế, một gã trai trẻ để đưa về nhà làm chuyện đó. Tôi bảo là tôi có thể đeo đồ giả, một cái

thật to màu hồng hần hoi nhưng anh ta gạt đi: “Ồ, thôi đi, em làm anh hứng lên rồi đây này.”

Thế là tôi đi lang thang suốt đêm mà gào tướng lên: “Bà đây đã làm cho Andy Warhol hứng lên cơ đấy.”

*

Lại có một tay khách khác trông rất quen. Trông hần còn khá trẻ nhưng đã hói ở đỉnh đầu. Chỗ hói ấy trắng ờn như cái sân băng trên thóp. Hần thuê một phòng ở khách sạn Waldorf-Astoria. Việc đầu tiên hần làm là kéo kín rèm lại, rồi nằm luôn ra giường mà giục: “Nào bắt đầu thôi.”

Tôi nói: “Chà, em có biết anh không cưng nhỉ?”

Hần chăm chú nhìn tôi rồi cộc lốc: - “Không”

— Anh chắc không? - Tôi gặng, với tất cả vẻ lịch thiệp đến ngớ ngẩn. - Trông anh quen lắm.

— Không!- Hần gắt, thực sự cáu tiết.

— Ấy, có gì đâu mà cưng, - tôi đấu địu, - em làm thân tí mà.

Tôi rút thắt lưng hần ra, kéo khóa quần của hần, và hần rên rĩ “Ô, thế thế, thế,” như tất cả những gã khác vẫn thường làm, hần nhắm mắt lại và tiếp tục rên rĩ, và rồi tự nhiên tôi bật nhớ ra. Hần chính là anh chàng dẫn chương trình dự báo thời tiết của đài CBS! Chỉ thiếu bộ tóc giả thôi! Hóa ra đó là bề ngoài khi lên hình. Tôi xong việc với hần rồi mặc đồ vào, vẫy chào tạm biệt, đi ra đến cửa còn quay lại nói với hần, “Này anh, trời có mây ở phía đông, gió cấp mười và sẽ có thể có tuyết đấy nhé.” Đấy, tôi lại tự giễu tự cười rồi.

*

Khi trước tôi từng rất khoái một truyện cười mà câu cuối cùng là “Thưa Ngài, tôi không được trang bị vũ khí gì ngoài một miếng gà rán.”

*

Rất khó moi tiền của dân hippy. Bọn họ chỉ muốn tình yêu tự do. Tôi thường tránh xa đám đó. Một lũ bốc mùi.

Cánh lính tráng là khách hàng tuyệt vời nhất. Khi được về nước họ chỉ muốn bùng nổ hết cỡ, đó là chuyện duy nhất tồn tại trong đầu óc họ. Họ đã phải khốn khổ đủ đường giữa một lũ đầu đàn mắt hí rồi nên giờ chỉ muốn quên đi tất cả. Và không có gì giúp bạn quên đi mọi thứ tốt hơn là đến giải sầu với Cô Em Vui Vẻ.

Tôi làm một cái bảng nhỏ nhỏ đề: GIẢI PHÁP CỦA CÔ EM VUI VẺ: CHỌN CHIẾN, CHỚ CHỌN TÌNH^[50]. Chẳng ai nghĩ thứ đó buồn cười cả, ngay cả những anh chàng trở về từ chiến trường Việt Nam , vì thế tôi ném nó vào thùng rác ở góc đại lộ số Hai.

Những anh chàng đó bốc mùi mộ địa.

Nhưng họ cũng cần được yêu thương. Nói thật tôi giống như đang làm công tác xã hội vậy. Làm nghĩa vụ của mình với tổ quốc. Thỉnh thoảng tôi cũng ngân nga một bài hát trẻ con *Con chồn nháy vọt ra* trong khi một anh chàng rê ngón tay trên lưng tôi. Thế là các chàng sướng mê.

*

Bob là tay cảnh sát chống tệ nạn lúc nào cũng chăm chăm soi gái da đen. Số lần tôi phải nhìn cái phù hiệu của anh ta nhá trước mặt còn nhiều hơn số lần tôi ăn sáng. Anh ta bắt tôi ngay cả khi tôi đang không hành nghề. Có lần tôi đang nhâm nhi trong quán café, anh ta ném cái phù hiệu cảnh sát ra trước mặt tôi và bảo “Đi theo tôi, Sambette.”

Hắn cứ nghĩ mình hài hước lắm đấy. Tôi trả miếng: “Hôn cái mông nhỏ của tôi đây này, Bob.” Nhưng hắn vẫn lôi tôi vào trại. Thì ai cũng có chỉ tiêu mà. Được trả tiền làm thêm giờ mà. Tôi chỉ muốn dùng cái dũa móng tay bào hắn tan xương cho rảnh.

*

Có lần tôi ở với tay nọ cả tuần liền trong khách sạn SherryNetherlands. Giữa phòng treo một chùm đèn, xung quanh là trần thạch cao vĩa vèo đủ các thể loại dây nhỏ dây leo với đàn vĩ cầm. Gã này nhỏ con nhưng béo ị và hói đầu và da ngăm. Gã đặt đĩa vào máy hát. Nghe như nhạc múa rần. Gã nói: “Đây chẳng phải cũng là một vở hài kịch thiêng liêng hay sao?” Tôi đáp: “Nghe kỳ quái thật.” Gã chỉ cười.

Giọng nghe rất dễ chịu.

Chúng tôi có “hàng trắng”, trứng cá hồi và sâm banh ướp lạnh trong xô. Ban đầu vốn định vui vẻ một chầu kèm cocaine trợ hứng, nhưng rốt cuộc gã chỉ đòi tôi đọc cho gã nghe. Thơ Ba Tư. Tôi nghĩ có lẽ mình đã được lên thiên đường và đang bồng bênh trên một đám mây. Có rất nhiều điều được kể về Syria và Ba Tư cổ đại. Tôi nằm trần trụi trên giường và đọc cho cái đèn chùm nghe. Gã thậm chí còn không muốn chạm vào người tôi. Gã chỉ ngồi trong một chiếc ghế và ngắm tôi đọc sách. Tôi ra về với tám trăm đô la và một cuốn thơ Rumi. Trước đây tôi chưa bao giờ đọc cái gì tương tự như thế. Khiến tôi tự dưng muốn có một cây vũa.

Chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi trước khi tôi đến Hunts Point. Lâu lắm rồi trước khi tôi kết thúc cuộc đời ở Deegan. Lâu lắm rồi trước khi Jazz và Corrie bỏ mạng trên chiếc xe tải đó.

Nhưng nếu tôi được ban một tuần để sống lại, dẫu chỉ một tuần thôi, nếu được lựa chọn thì tôi sẽ muốn trở lại khoảng thời gian đó ở Sherry-Netherlands. Tôi chỉ nằm trên giường, trần truồng, và đọc thơ, còn gã thì đối xử tốt với tôi, khen tôi rất khá, rằng tôi sẽ nên chuyện ở Syria và Ba Tư. Tôi chưa bao giờ được thấy Syria hay Ba Tư hay Iran hay những tên gì gì người ta dùng để gọi chốn ấy. Một ngày nào đó tôi sẽ đi đến đó, mang cả những đứa con của Jazzlyn theo, rồi cưới một ông vua dầu hỏa.

*

Chỉ là đồng thời tôi cũng hình dung tới việc đút đầu vào thùng lọng.

*

Viện được cái cơ nào để khỏi tù cũng tốt cả. Trước khi tổng mình vào tù, bọn đấy sẽ cho thử bệnh giang mai. Thường thì tôi không bị sao. Khéo lần này sẽ bị thật. Mà có khi đó lại thành một cái cơ rất hay.

*

Tôi ghét những cái cây lau nhà. Tôi ghét những cây chổi. Trong tù không cách gì giở trò được. Ở đó thì phải lau cửa sổ, quét sàn, cọ nhà tắm. Tôi là ả điểm duy nhất ở khu C-40. Mấy đứa khác bị chuyển ra vùng ngoại thành hết cả. Có một điều chắc chắn là khung cảnh ngoài ô cửa sổ chẳng đẹp để lãng mạn gì.

Cánh đồng tính đều ở C-50. Gái thẳng thì ở khu tôi. Dân đồng tính nữ bị gọi lóng “jasper”, thật chẳng hiểu vì sao - đôi khi từ ngữ thật kì dị. Ở căng tin đám jasper đó đều muốn chải tóc cho tôi. Tôi chẳng khoái tẹo nào. Chưa bao giờ. Tôi không đời nào đi giày thấp bít mũi có buộc dây. Tôi thích cắt ngắn đồng phục, nhưng không muốn búi tóc tùm hum trên đầu. Dù có sắp chết thì cũng phải chết cho đẹp chứ.

*

Tôi không ăn. Ít nhất tôi có thể giữ dáng được. Tôi vẫn rất tự hào về điều đó.

Tôi là một con điểm nhưng tôi vẫn tự hào về cơ thể của tôi.

Dù sao thì họ cũng không bưng đồ ăn cho chó. Lũ chó sẽ tự bóp cổ lẫn nhau sau khi đọc xong thực đơn. Rồi chúng rú lên và dùng nĩa đâm nhau đến chết.

*

Tôi kiếm được một cái móc đeo chìa khóa có tượng em bé. Tôi thích móc nó vào ngón tay và ngắm chúng xoay tròn. Tôi cũng kiếm được một mảnh giấy nhôm. Không phải là một cái gương hắt hoi, nhưng vẫn có thể soi vào đấy mà lờ mờ thấy mình còn xinh chán. Thế vẫn hay hơn đi nói

chuyện với chuột chứ. Cô bạn tù của tôi đã bào một bên thành giường để có vỏ bào lót ổ cho con chuột cưng. Tôi từng đọc một cuốn sách về một thanh niên với con chuột. Tên là Steinback, à đó là tên anh ta chứ không phải con chuột. Tôi không ngu. Làm điểm đầu có nhất thiết là não ngắn. Họ đã từng kiểm tra IQ cho tôi và tôi được 124 điểm hẳn hoi. Không tin thì cứ hỏi bác sĩ trại giam.

Mỗi tuần một lần cái xe đẩy chở sách của thư viện lại kiu kịt kéo qua. Tôi không kiếm được cuốn sách nào mình thích. Tôi hỏi họ có cuốn thơ Rumi không thì họ hỏi lại “Đây là cái quái gì thế?” Tôi chơi bóng bàn ở phòng thể dục.

Mấy mục đồng tính kêu lên: “Ô, xem cô ta đập bóng kìa.”

*

Thường tôi và Jazzlyn không cướp cái gì của ai cả. Đầu đáng phải làm vậy. Nhưng cái tên khốn này, hẳn đưa chúng tôi đi tuốt từ Bronx đến Hell’s Kitchen và hứa hẹn đủ mỗi béo bở. Mọi việc hóa ra lại khác hẳn nên tất cả những gì chúng tôi làm là giải thoát anh ta khỏi mấy thứ tù mủn đó, đúng thế đấy, giải thoát. Chỉ là làm cho túi tiền của anh ta nhẹ bớt thôi mà. Tôi nhận tội thay cho Jazzlyn. Con bé muốn quay về nhà với lũ trẻ. Nó cũng không thiếu nổi heroin nữa. Tôi thì muốn nó cai đi, không con bé không cắt cơn nổi. Đầu có dễ thế. Còn tôi giờ cai hẳn được rồi. Tôi chịu được. Tôi dứt hẳn được sáu tháng nay rồi. Thịnh thoảng cũng có chơi một liều, hoặc bán hộ ít “hàng” lấy từ chỗ Angie, nhưng cơ bản coi như là dứt hẳn rồi.

Ở đồn cảnh sát con bé Jazzlyn khóc sừng cả mắt. Viên thanh tra nghiêng người qua bàn về phía tôi và nói: “Nghe này Tillie, cô có muốn thu xếp ổn thỏa cho con gái cô không?” Tôi nói: “Có chứ cưng.” Anh ta nói: “Được rồi, hãy nhận tội đi rồi tôi sẽ thả con bé ra. Cô sẽ bị khoảng sáu tháng thôi, không hơn, tôi bảo đảm đấy.” Thế là tôi ngồi xuống và khai nhận tội. Phạm cùng tội cũ: cướp tài sản mức độ hai. Jazz đã cướp hai trăm đô la của gã đó và nường hết số tiền đó ngay vào ống kim tiêm.

Như thế đó.

Mọi thứ bay vụt qua tấm kính chắn gió.

*

Họ bảo với tôi là Corrigan bị nát hết xương lồng ngực khi bị đập người vào cái vô lăng. Tôi nghĩ, chà, ít nhất ở trên thiên đường cô nàng Tây Ban Nha của gã cũng có thể tìm đến mà tóm lấy trái tim gã được.

*

Tôi là một con mụ khốn nạn. Chính đấy. Tôi nhận tội còn Jazzlyn phải trả giá. Tôi là một người mẹ còn con gái tôi không có cơ hội đó nữa. Tôi chỉ hy vọng ít nhất vào giây phút cuối cùng đó nó đang mỉm cười.

Tôi là một con mụ khốn nạn chưa từng thấy trên đời.

Đến cả mấy con gián cũng không thích ở trại giam Rikers. Cái giống ai cũng ghét. Như bọn thẩm phán và công tố viên quận và cả lũ bâu xâu. Chúng bò ra từ kẽ tường trong những bộ cánh đen đúa và nói, Cô Henderson, chúng tôi tuyên án cô tám tháng tù giam.

Bất cứ ai nhìn thấy lũ gián đều biết rằng chúng thường xăng xít. Chính thế. Bọn chúng *xăng xít* khắp sàn nhà.

*

Buồng tắm sen là nơi tuyệt nhất. Treo cả con voi lên ống nước trong đó còn được.

Đôi khi tôi đập đầu vào tường liên hồi đến khi không còn cảm giác gì nữa mới thôi. Đập mạnh đến mức cuối cùng tôi cũng thiếp đi được. Rồi khi thức dậy với cái đầu đau như búa bổ, tôi lại đập đầu vào tường. Vết đau chỉ nhoi nhoi lên trong phòng tắm khi tất cả mấy con mụ đồng tính cứ nhìn chòng chọc.

Ngày hôm qua một cô nàng da trắng đã bị cắt cổ. Bằng cạnh của cái khay ăn được giữa sắc. Cô ta tự chuốc lấy thôi. Rồi trắng bệch ra hơn cả thường khi vẫn trắng. Khi ở ngoài trại việc đó chưa bao giờ phiền đến tôi: trắng hay đen hay nâu hay vàng hay hồng. Chỉ có điều xem ra trại giam là mặt trái của cuộc đời thực - quá nhiều dân da đen mà lại ít người da trắng, tất cả đám da trắng có tí tiền đều tìm cách đút lót để thoát khỏi chỗ đó rồi.

Đây là lần tôi ngồi tù lâu nhất. Nó khiến người ta nghĩ về các thứ. Chủ yếu là về việc mình khốn kiếp đến mức nào. Và nhất là tìm chỗ nào để mà treo cái thòng lọng lên.

*

Khi họ báo với tôi về chuyện của Jazzlyn, tôi chỉ đứng đó mà đập đầu mình vào song sắt như một chú chim trong lồng. Họ để tôi đến dự lễ tang rồi sau đó nhốt tôi lại. Mấy đứa trẻ không còn ở đó. Tôi cứ hỏi mãi về chúng nhưng họ bảo: Đừng lo về bọn trẻ, chúng có người lo rồi.

Trong những giấc mơ tôi cứ thấy mình quay trở về phòng khách sạn Sherry-Netherlands năm nào. Tại sao tôi lại thích gã đến thế, quả tình là tôi không biết. Gã không phải bảo kê của tôi, gã là một nhân tình - dù hói đầu nhưng trông gã vẫn rất ổn.

Đàn ông sống cuộc sống ở vùng Trung Đông rất thích gái điếm. Họ thích chiều chuộng và mua cho gái điếm rất nhiều thứ và đi loanh quanh với những cô gái trùm kín trong tấm khăn choàng. Gã bảo tôi đứng cạnh cửa sổ sao cho chỉ thấy bóng hắt. Gã đặt cây đèn cho vừa ý. Tôi nghe thấy tiếng gã thở gấp gấp. Tôi chỉ cần phải đứng đó thôi. Chẳng có gì làm tôi cảm thấy sung sướng hơn khi gã đứng đó nhìn tôi, trân trọng những gì gã thấy. Đàn ông tốt biết làm những điều thế, biết trân trọng. Không phải gã bày trò ngớ ngẩn hay gì cả, gã chỉ ngồi đó trong chiếc ghế và ngắm tôi, gần như là nín thở. Gã nói tôi làm gã phát cuồng, rằng gã có thể cho tôi bất cứ cái gì chỉ để tôi đứng đó, mãi mãi. Tôi nói một câu gì đó khá mỉa mai nhưng thực sự là tôi cũng nghĩ hệt như gã vậy. Tôi căm ghét bản thân mình bởi đã nói ra cái câu đầy xúc phạm đó. Tôi ước gì mình bị cái sà nhà nuốt chửng cho xong.

Một lúc sau gã bắt đầu thả lỏng người và thở dài đánh thượt. Rồi gã kể gì đó về sa mạc ở Syria và rằng những cây chanh sao mà giống cơn bùng nổ be bé của sắc màu.

Rồi đột nhiên - ngay tại đó, khi đang đứng nhìn ra công viên Trung Tâm - tôi trào lên mong muốn gặp con gái mình hơn bất cứ thứ gì trong đời. Lúc ấy Jazzlyn mới tám chín tuổi gì đó. Tôi chỉ muốn ôm con bé vào lòng. Đâu phải vì làm điểm mà người ta ít yêu thương hơn, không hề ít hơn chút nào.

Công viên tối dần. Những ngọn đèn được bật lên nhưng chỉ có vài cái sáng. Ánh đèn làm những tàng cây sáng rực lên.

“Đọc cho tôi nghe bài thơ về khu chợ đó đi.” Gã nói.

Đó là một bài thơ viết về một người đi chợ mua sắm, tấm thảm hoàn hảo, không tì vết, và chính nó mang đến cho anh ta đủ chuyện xui xẻo. Tôi phải bật đèn lên để đọc cho gã nghe, thế là hỏng mất cả cái không khí để chịu đó, tôi có thể cảm thấy như vậy ngay lập tức. Thế rồi gã nói: “Kể cho tôi nghe một câu chuyện đi vậy.”

Tôi tắt đèn và lại đứng đó. Tôi chẳng muốn mở mồm nói ra mấy thứ rẻ tiền.

Tôi không nghĩ ra được gì trừ một câu chuyện tôi đã nghe từ một khách hàng vài tuần trước. Thế là tôi đứng đó, tay nắm tấm rèm cửa, kể: “Một buổi tối, có một cặp vợ chồng già đi dạo qua một trung tâm mua sắm, tay trong tay. Lúc đó trời mới xâm xẩm. Họ đang sắp đi vào công viên thì một tên cảnh sát tuýt còi chói tai và ngăn họ lại. Tên cảnh sát nói: ‘Ông bà không vào trong đó được đâu, trời sắp tối rồi, đi dạo trong công viên giờ này rất nguy hiểm. Ông bà sẽ bị cướp giật đấy.’ Hai người nói: ‘Nhưng chúng tôi muốn đi vào trong đó, hôm nay là kỉ niệm ngày cưới của chúng tôi, cách đây đúng bốn mươi năm chúng tôi đã ở đây.’ Viên cảnh sát nói: ‘Ông bà lần thần à. Giờ làm gì có ai đi dạo trong công viên Trung Tâm nữa.’ Nhưng hai ông bà già đó cứ tiếp tục đi vào công viên. Họ muốn đi lại đúng con đường đó sau chừng ấy năm, quanh một cái hồ nhỏ. Để nhớ lại. Thế là họ nắm tay

nhau bước vào trong bóng đêm. Và đoán xem chuyện gì xảy ra? Viên cảnh sát đó đi ngay sau hai ông bà già, cách khoảng hai mươi bước chân, suốt quanh bờ hồ, để đảm bảo họ không bị cướp, hiểm có hả?”

Đó là câu chuyện của tôi. Rồi tôi đứng yên. Tấm rèm cửa ẩm ướt trong tay. Tôi như nghe thấy người đàn ông Trung Đông đó mỉm cười.

“Kể lại đi.” Gã nói.

Tôi đứng sát hơn vào cửa sổ, nơi ánh đèn đang sáng sánh tràn vào rức rở. Tôi kể lại câu chuyện đó cho gã nghe, thậm chí còn thêm tình tiết, như là tiếng bước chân của đôi vợ chồng và những điều tương tự như vậy.

*

Tôi chưa bao giờ kể câu chuyện đó cho Jazzlyn. Tôi muốn lắm nhưng chưa bao giờ làm được. Tôi muốn đợi đến đúng thời điểm. Khi tôi ra về, gã tặng tôi tập thơ Rumi. Tôi đút nó vào trong túi xách, lúc đầu cũng chẳng để ý đến nó nhiều lắm, nhưng nó cứ tự bò đến bên tôi, giống như ngọn đèn đường.

Tôi thích gã, người đàn ông bé nhỏ hói đầu có làn da ngăm đó. Tôi đến Sherry-Netherlands xem gã còn ở đó không nhưng tên quản lý khách sạn tổng tôi ra ngoài. Lúc đó hẳn cầm một tập hồ sơ trong tay, bèn dùng luôn nó như một cái gậy đuổi gia súc mà xùy tôi, “Đi ra, đi ra, đi ra!”

Tôi bắt đầu đọc Rumi. Tôi thích cuốn sách vì nó có nhiều tình tiết. Những câu thơ thật là hay. Tôi bắt đầu nói vớ nói vẩn với khách của mình. Tôi nói tôi thích những dòng thơ đó vì bố tôi từng nghiên cứu thơ ca Ba Tư. Đôi khi tôi lại nói đó là chồng mình.

Tôi chưa bao giờ có cả bố lẫn chồng. Hay ít ra họ không trong số những người tôi biết. Không có ý than thân trách phận gì đâu, sự thực nó là vậy thôi.

Tôi là một con mụ khốn kiếp và con gái tôi không còn nữa.

*

Có lần Jazzlyn hỏi về bố nó. Một người bố thực sự chứ không phải những “bố già” bảo kê của tôi. Lúc ấy con bé mới tám tuổi. Hai mẹ con nói chuyện điện thoại đường dài từ New York đến Cleveland. Tôi không mất tiền vì tất cả gái điếm chúng tôi đều biết cách lấy lại những đồng tiền xu đã bỏ vào máy. Chúng tôi học được cái mẹo ấy từ mấy tay cựu binh trở về từ Việt Nam, cánh ấy đầu óc không ai còn bình thường.

Tôi thích những trạm điện thoại công cộng trên phố 44. Khi nào chán đời tôi gọi ngay vào cái điện thoại đặt bên cạnh. Rồi tôi nhắc máy và nói chuyện với chính mình. Tôi rất thích thú cái trò ấy. *Chào Tillie, em thế nào, em yêu? Cũng không đến nỗi nào, Tillie, thế còn em? Cực kỳ, Tillie, thời tiết thế nào? Đang mưa, Tillie ạ. Khi thật, ở đây cũng mưa này, Tillie, thế có hay không chứ?!*

*

Lần đó hai mẹ con đang nói chuyện qua cái điện thoại đặt trong hiệu thuốc trên góc phố 50 và Lexington, bỗng Jazzlyn hỏi: “Bố ruột của con là ai?” Tôi nói với con bé bố nó là một người đàn ông rất tốt nhưng đang bận ra ngoài mua thuốc lá. Người ta thường nói với trẻ con như vậy. Mọi người đều nói thế. Tôi không biết tại sao - chắc là vì bọn đàn ông khốn kiếp không muốn chơi với con mình đều hút thuốc cả.

Con bé không hỏi về bố nó một lần nào nữa. Không một lần nào. Tôi đã từng nghĩ hẳn ta đi mua thuốc thế là khá lâu đấy, dù hẳn có là cái thang chết tiệt nào cũng vậy thôi. Có thể hẳn, cái tay Pablo nào đó vẫn đang đứng đợi lấy lại tiền thối.

*

Tôi quay trở lại Cleveland để đón Jazzlyn. Đó là vào khoảng năm 1964 hay 1965 gì đó. Lúc đấy con bé độ tám chín tuổi. Nó ngồi đợi tôi trên bậc cửa. Nó mặc một cái áo có mũ trùm đầu bé xíu, ngồi đó, gương mặt phụng phịu, rồi nó ngẩng lên nhìn và thấy tôi. Tôi thề là trông cứ như một

chùm pháo hoa nổ bung ra vậy. “Tillie!” Con bé hét lên. Nó chưa bao giờ thực sự gọi tôi là Mẹ. Nó nhảy lên. Chưa có ai ôm tôi chặt đến vậy. Không ai cả. Thiếu điều chết ngạt. Tôi ngồi xuống bên cạnh nó và khóc nức lên. Tôi nói, “Đợi đến khi con thấy New York, Jazzlyn, con sẽ mê tơi cho coi.”

Mẹ tôi đang ở trong bếp nhìn tôi gườm gườm. Tôi đưa cho bà một phong bì đựng hai nghìn đô la. Bà nói: “Ôi con yêu, mẹ biết con sẽ ổn mà, mẹ biết mà.”

Tôi và Jazzlyn muốn tự lái xe chạy dọc đất nước, nhưng cuối cùng phải bắt xe buýt đường dài từ Cleveland. Suốt dọc đường con bé ngủ gà gật trên vai tôi và mút mút ngón tay. Chín tuổi rồi mà nó vẫn mút ngón tay. Về sau ở Bronx tôi nghe nói đó là một cái tật của con bé. Nó thích mút ngón tay khi làm chuyện ấy với bọn mua dâm. Điều ấy làm tôi phát tởm. Tôi thật khốn nạn, thế đấy. Toàn bộ đầu đuôi là do thế.

Tillie Henderson Khốn Kiếp. Danh hiệu không mũ miện của tôi là thế đấy.

*

Chừng nào chưa gặp được mấy đứa cháu gái thì tôi sẽ không tự tử. Hôm nay tôi nói với mẹ giám thị rằng tôi đã lên chức bà nhưng mẹ không thèm nói gì. Tôi nói: “Tôi muốn gặp cháu tôi, tại sao họ không mang chúng đến đây thăm cho tôi?” Con mẹ ấy còn không thèm chớp mắt lấy một cái. Có lẽ tôi đang già đi rồi. Tôi sẽ mừng sinh nhật lần thứ ba mươi chín trong tù. Chắc phải mất cả tuần mới thối hết số nển đó.

Tôi nài nỉ mẹ ta, nài mãi nài mãi. Mẹ nói bọn trẻ vẫn ổn, chúng đang được chăm sóc ở trung tâm bảo trợ xã hội.

*

Một tên ma cô đã dẫn dắt tôi đến khu Bronx này. Hắn xưng là L. A. Rex. Hắn không thích người da đen, dù bản thân hắn là dân đen chính hiệu. Hắn nói Lexington là khu dành cho dân da trắng. Hắn nói tôi già rồi. Hắn

nói tôi vô dụng. Hãn nói tôi phung phí quá nhiều thì giờ cho Jazzlyn. Hãn nói trông tôi giống miếng pho mát. Hãn dọa, “Đừng có lảng vảng ở khu Lexington nữa không tao bẻ gãy tay đấy, nghe không Tillie?”

Thế rồi hãn làm thật. Hãn bẻ gãy tay tôi. Hãn bẻ gãy cả những ngón tay nữa. Hãn bắt gặp tôi ở góc phố 3 và phố 48, thế là gã bẻ tay tôi như bẻ xương gà. Hãn nói khu Bronx mới thích hợp để dưỡng già. Hãn cười nhạo nhờ bảo khu đó giống như Florida, chỉ thiếu mỗi bãi biển thôi.

Tôi phải ôm đôi tay bó bột về nhà với Jazzlyn. Tôi phải nằm dưỡng bệnh một thời gian, cũng chẳng nhớ là bao lâu nữa.

L. A. Rex đánh một ngôi sao kim cương trên răng. Tôi không bịa đầu. Trông hãn khá giống anh chàng Cosby trên ti vi, chỉ có điều Cosby có hai bên tóc mai trông rất quấy.

L. A. còn trả tiền viện phí cho tôi. Hãn không bắt tôi đứng đường nữa. Tôi nghĩ, *Chuyện quái quỷ gì thế này?* Đôi khi thế giới này là một nơi không thể nào hiểu nổi.

Thế là tôi trở nên trong sạch. Tôi có một mái nhà. Tôi từ bỏ cuộc chơi. Đó là những năm tháng tốt đẹp. Tìm được một đồng năm xu dưới đáy túi xách cũng đủ làm tôi vui. Mọi việc trở nên quá suôn sẻ. Có cảm giác như tôi đang đứng bên một khung cửa sổ rộng mở. Tôi cho Jazzlyn đi học. Tôi kiếm được một việc làm là dán đề-can lên đồ hộp trong siêu thị. Tôi về nhà, đi làm, rồi lại về nhà. Tôi tránh xa khu mại dâm. Không gì có thể khiến tôi quay lại cái nơi khốn nạn ấy nữa. Thế rồi một ngày, hoàn toàn bất ngờ, thậm chí tôi còn không nhớ là vì sao, tôi đi đến Deegan, giơ ngón tay cái lên, tìm một gã khách làng chơi. Tôi bị một thằng ma cô biệt hiệu Tổ Chim bợp cho một phát vào sau gáy, thằng này lúc nào cũng chụp sùm sụp cái mũ thối tha vì không muốn để ai nhìn thấy con mắt giả bằng thủy tinh của gã. Gã gọi, “Ê cưng, tính chơi trò gì đấy hả?” Jazzlyn cần sách học. Tôi biết chắc như vậy.

*

Hồi ở góc 49 và Lexington tôi không che ô. Mãi đến khi tôi chuyển đến Bronx tôi mới kiếm một cái. Để che cái mặt thôi, thật đấy. Đó là một bí mật mà tôi sẽ không kể với ai. Tôi có một thân hình đẹp. Kể cả trong những ngày tháng tôi nhồi nhét đủ thứ độc hại linh tinh vào trong người thì thân hình tôi vẫn quyến rũ, vẫn còn những đường cong, vẫn còn ngon mắt chán. Chưa bao giờ tôi mắc phải bệnh gì nghiêm trọng. Chỉ khi đến Bronx tôi mới che ô. Khách hàng không nhìn thấy mặt nhưng có thể thấy cặp lông mày tôi. Và chỉ chỗ đó thôi cũng đủ năng lượng để làm cả cái thành phố New York này nhảy dựng lên.

Ở Bronx tôi thường nhảy vào xe hơi của khách rất nhanh, thế là họ không thể từ chối được. Thử đá gá ra khỏi xe mà không trả đồng nào xem, thà đi ăn bòn còn hơn đấy nhé.

Thường thì ở khu Bronx toàn là những cô nàng đã toan về già. Tất cả, ngoại trừ Jazzlyn. Tôi thường đem Jazzlyn theo bên mình. Chỉ thi thoảng nó mới vào khu trung tâm. Con bé rất nổi tiếng ở khu gái điếm này. Những ả khác chỉ dám đòi hai mươi đô, nhưng Jazzlyn có thể đòi đến bốn mươi, thậm chí năm mươi đô. Nó lựa những chàng trẻ tuổi. Nếu lớn tuổi hơn thì phải giàu, kiểu những thằng cha béo ị nhưng lại muốn cảm mình còn ngon giai. Cả lũ chúng nó hể nhìn thấy con bé là chết đứ đừ. Nó có một mái tóc thẳng mượt, cặp môi khêu gợi và đôi chân dài vô tận. Một vài cậu chàng gọi nó là Bé Hươu, trông nó cũng giống hươu cao cổ thật. Nếu ở Deegan có cây cối thì có lẽ con bé sẽ đứng dưới đó mà dùng lưỡi vạt lá cây không chừng.

Đó cũng chính là một trong những biệt hiệu của con bé ghi trong hồ sơ cảnh sát. Bé Hươu. Một lần con bé cặp với một gã người Anh và thằng cha gây ra đủ thứ tiếng động kinh hồn như bom dội. Vừa cho ra gã vừa làm nhảm mấy câu đại loại “Tôi đây. Nhiệm vụ giải cứu. Flanders 101. Flanders 101. Đang xuống đây!” Rồi khi xong, gã nói: “Đấy, giải cứu thành công rồi.” Còn Jazzlyn đưa đẫy: “Anh đã cứu em, thế ấy nhỉ” Bởi vì đàn ông thích nghĩ là bọn họ có thể cứu vớt đàn bà. Như kiểu mình mắc một căn bệnh nào đấy còn họ đang sẵn trong tay phương thuốc đặc biệt. *Lại đây, em yêu, em không muốn có ai đó hiểu mình sao? Anh đây, anh hiểu em. Anh là*

người duy nhất hiểu được một cô gái như em. Anh có cái ấy dài như thực đơn nhà hàng trên đại lộ số Ba nhưng anh còn có thêm trái tim rộng lớn hơn cả khu Bronx này kia. Họ làm tình với gái cứ như là họ đang ban một ơn huệ lớn lao. Thằng đàn ông nào cũng muốn có một con điếm để mà giải cứu, đó là sự thật phũ phàng. Tôi thì tôi nói đó chính là bệnh chứ gì nữa. Thế rồi, khi cho ra xong cái của nợ đó, chúng chỉ việc kéo khóa quần, đứng dậy bỏ đi và quên phắt người ta đi. Đầu óc bọn ấy điên rồ bệnh hoạn thế đấy.

Có gã lại nghĩ gái điếm có trái tim vàng. Làm gì có thể. Tôi thì chắc chắn không rồi. Kể cả Corrie đi chẳng nữa. Corrie cũng cặp kè với cô ả Tây Ban Nha có cái hình xăm ngu xuẩn ở mắt cá chân.

*

Khi Jazzlyn mười bốn tuổi nó về nhà với vết đỏ đầu tiên ở má trong cánh tay. Tôi đã cho nó một trận nên thân, nhưng sau lại thấy nó có vết khác ở kẽ ngón chân. Nó không hút thuốc lá, thế mà đấy, nó lại xì ma túy. Nó lẳng nhăng bám theo băng Những kẻ bất tử. Đám này luôn kinh cự với băng Anh em Ghetto.

Tôi cố gắng đưa con bé đi đúng đường đúng lối bằng cách giữ nó loanh quanh trên phố. Lúc đó tôi chỉ nghĩ được có thế.

Big Bill Broonzy có một bài hát mà tôi rất thích, nhưng tôi lại không thích nghe: *Anh buồn quá, em ơi, anh đang cố vui lên từ tận đáy buồn*^[51].

*

Năm con bé mười lăm tuổi, tôi trông chừng cho nó tự tay chích thuốc. Tôi ngồi xuống bên vệ đường và nghĩ, đó là con gái mình. Rồi tôi nói, chờ chút, quái thật, đó là con gái mình ư? Có đúng đó là con gái mình không?

Và rồi tôi lại nghĩ, đúng là nó rồi, là máu thịt của mình, chính là con bé, đúng rồi.

Tôi đã tạo ra nó.

Nhiều lần tôi còn giúp quấn dây cao su quanh cánh tay nó để ven nổi lên. Tôi cố giữ an toàn cho nó. Đó là tất cả những gì tôi đang gắng sức làm.

Đây là căn nhà ma túy xây nên. Đây là căn nhà ma túy xây nên.

*

Một hôm thứ Sáu, Jazzlyn về nhà và hỏi: “Mẹ Till, mẹ có thích làm bà ngoại không?” Tôi nói, “Có chứ, bà ngoại Till chính hiệu đây.” Thế là nó bắt đầu bù lu bù loa lên. Rồi nó khóc trên vai tôi, nghe tả cảm động thật nhưng ngoài đời thì chẳng nhé.

Tôi ra tiệm Foodland nhưng ở đó chỉ còn một cái bánh ngọt Entenmann rẻ tiền.

Con bé ăn chiếc bánh, còn tôi ngồi nhìn nó và nghĩ, con gái bé bỏng của tôi, thế mà nó cũng sắp có con rồi. Tôi không ăn một miếng nào, mãi đến khi Jazz đi ngủ tôi mới nghiêng ngấu nốt cái bánh khốn kiếp đó, vụn bánh rơi đầy trên sàn nhà.

*

Vào lần thứ hai tôi trở thành bà ngoại, Angie tổ chức hẳn một bữa tiệc. Cô ta kêu Corrie mượn một cái xe lăn và đẩy tôi xuống khu Deegan. Rồi cả đám cùng phê tí, cười sằng sặc đến vỡ bụng.

Ờ, mà khi xưa lúc Jazzlyn còn ở trong bụng, có lẽ tôi nên nuốt lấy cái còng số tám. Đúng là lẽ ra tôi nên làm như thế. Để cho con bé biết sau này nó sẽ gặp cái gì trên đường đời. Kiểu như, xem đây, con bị bắt rồi nhé, con là của mẹ con, mẹ của mẹ của con, cả một hàng dài các bà mẹ tính ngược trở về tận đến Eva, mẹ Pháp mẹ đen mẹ Hà Lan hay bất kỳ giống gì đời trước tôi.

Ôi Chúa ơi, đáng lẽ ra tôi nên nuốt cái còng. Nuốt chừng luôn.

*

Suốt bảy năm cuối trước khi giải nghệ tôi chỉ biết làm tình bên trong những chiếc xe đông lạnh. Suốt bảy năm cuối trước khi giải nghệ tôi chỉ biết làm tình bên trong những chiếc xe đông lạnh. Thế đấy. Suốt bảy năm cuối trước khi giải nghệ tôi chỉ biết làm tình bên trong những chiếc xe đông lạnh.

Tillie Henderson Khốn Kiếp.

*

Tôi nghe thông báo là mình có khách thăm. Cực kỳ. Tôi sửa sang lại tóc tai, tô môi và găng xúc thơm bằng cái thứ nước hoa của nhà tù. Tôi chải răng, tĩa lông mày, thậm chí còn sửa sang bộ quần áo tù trông cho tươm tất. Tôi nghĩ, trên đời này chỉ có hai người là còn có thể đến thăm tôi. Tôi nhảy tâng tâng xuống các bậc thang. Như đang chạy xuống cầu thang thoát hiểm. Tôi có thể ngửi thấy khí trời. Xem chừng đây mấy nhóc, bà ngoại chúng mày đến đây.

Tôi đến Phòng tiếp đón. Ở đây người ta gọi phòng thăm tù như thế. Tôi nhìn quanh xem lũ trẻ đầu. Phòng đầy những ghế với cửa sổ nhựa và mù mịt khói thuốc. Cứ như đang rẽ lối giữa đám sương mù ngon lành. Tôi kiểng chân ngó quanh, thấy ai cũng đã yên chỗ mà nói chuyện với người thân. Vô số tiếng ô, a rồi tiếng cười tiếng hét khắp nơi, tiếng trẻ con la hét, còn tôi cứ tiếp tục kiểng chân mà tìm mấy đứa cháu. Cuối cùng tôi nhìn thấy một người duy nhất ngồi lẻ loi. Một người đàn bà da trắng đang ngồi đối diện tấm kính chắn. Tôi thấy cô ta quen quen mà không nhớ gặp ở đâu, chắc là đại diện của ủy ban đặc xá có điều kiện hoặc nhân viên công tác xã hội, đại loại thế. Cô ta có mái tóc hoe vàng và làn da trắng mịn như ngọc trai. Rồi cô ta lên tiếng: “A, chào Tillie.”

Tôi thì đang nghĩ, đừng có mà A, chào Tillie với tôi. Mày là con mụ đ. nào? Cái đám dân da trắng này cứ cái kiểu thân mật đấy. Làm như hiểu người ta lắm. Ra cái vẻ bạn bè thân thiết.

Nhưng tôi chỉ đáp: “Chào”, rồi lách ngồi xuống ghế. Tôi cảm thấy như trong người không còn chút sinh khí nào nữa. Cô ta giới thiệu tên nhưng

tôi chỉ nhún vai, vì cái tên chẳng có ý nghĩa gì với tôi. “Cô có thuốc không?” Tôi hỏi, cô ta bảo không, bỏ rồi. Thế thì cô ta còn ít có giá trị với tôi hơn là năm phút trước, mà năm phút trước đối với tôi cô ta cũng chẳng được tích sự gì. Tôi nói: “Cô là người nhận mấy đứa cháu tôi hả?” Cô ta đáp: “Không, có người khác đang chăm sóc bọn chúng rồi.” Thế rồi cô ta cứ ngồi đó mà hỏi tôi về cuộc sống trong tù, tôi ăn uống có được không, khi nào tôi được ra ngoài? Tôi nhìn cô ta như nhìn đồng rác quá to lại nhét trong cái túi quá nhỏ, cứ thế mà trào ra. Trông cô ta có vẻ căng thẳng thế nào đó. Cuối cùng tôi chậm rãi nhả từng từ khiến cô ta phải nhướng mày lên vì ngạc nhiên: “Mẹ kiếp, thế - nhà - chị - là - ai?” Và cô ta trả lời: “Tôi quen Keyring, anh ta là bạn tôi.” Tôi lại hỏi, “Thế Keyring là thằng đ. nào?” Cô ta đánh vần từng chữ: “C-i-a-r-a-n.”

Thế là tôi bật nhớ ra, cô ta chính là người đến đám tang của Jazzlyn cùng với anh trai của Corrigan. Điều buồn cười là chính anh ta đã đưa cho tôi cái móc chìa khóa^[52]. - Cô đi truyền giáo hả?

— Tôi là gì cơ?

— Đang cơn mộ đạo hả?

Cô ta lắc đầu.

— Thế sao cô lại đến đây?

— Tôi chỉ muốn xem chị thế nào.

— Thật hả?

Và cô ta nói: Thật, Tillie ạ.

Thế là tôi mặc kệ cô ta. Tôi nói: “Được rồi, sao cũng được.”

Cô ta rướn người về phía trước, nói thật là tốt khi được gặp lại tôi, lần cuối cùng gặp tôi, cô ta chỉ cảm thấy ái ngại cho tôi, vì bọn lợn đó còng tay tôi lại ngay khi còn ở nghĩa trang. Thực tế là cô ta dùng từ “bọn lợn” thật, nhưng rõ là không quen lắm, như thế cô ta cố gắng tỏ ra mạnh mẽ mà không được. Nhưng tôi nghĩ, được thôi, thế này cũng hay, coi như giết thời gian, cứ kệ cho nó trôi, mười lăm hai mươi phút có là gì cơ chứ?

Cô ta xinh đẹp thật. Tóc vàng. Lại thú vị nữa. Tôi kể cho cô ta nghe về ả cùng buồng giam khu C-40 có con chuột, về cái cảm giác khi biết mình là phụ nữ chứ không phải một kẻ dờ ông dờ bà, rằng thức ăn tởm thế nào, rằng tôi nhớ lũ trẻ ra sao, rằng tối qua có trận tranh cãi trên ti vi về chương trình Chico, và chuyện Scatman Crother có phải chỉ là thằng mọi đen say xỉn mạt rệp hay không. Còn cô ta thì cứ gật gật cái đầu, thỉnh thoảng ừ hừ, à há, ồ, tôi hiểu, hay quá, Scatman Crothers ấy hả, anh ấy dễ thương mà. Làm như cô ta sắp ngủ với tay đó. Tôi thì thấy cô nàng khá được. Hết cười mỉm lại cười phá lên. Cô ta cũng rất thông minh, rõ là thế, lại còn giàu có. Cô ta bảo mình là họa sĩ và đang hẹn hò với anh trai của Corrigan, mặc dù cô ta đã có chồng, mặc dù anh ta chỉ đến Ireland để rải tro của Corrigan rồi trở về liền, nhưng họ đã kịp phải lòng nhau, rồi cô ta vui sống trở lại, cô ta từng mắc nghiện, đến bây giờ cô vẫn thích rượu. Cô ta còn hứa sẽ gửi ít tiền vào tài khoản trong tù của tôi cho tôi mua thuốc lá.

— Tôi giúp gì được cho chị nữa không? - Cô ta hỏi.

— Chỉ lo mấy đứa cháu thôi.

— Tôi sẽ cố, - cô ta hứa, - Tôi sẽ tìm xem chúng đang ở đâu. Rồi tìm cách đưa chúng đến thăm chị. Còn gì nữa không, Tillie?

— Jazz. - Tôi bật ra.

— Jazz à? - Cô ta hỏi lại.

— Hãy mang Jazzlyn trở lại cùng.

Thế là mặt cô ta trắng nhợt ra.

— Jazzlyn chết rồi mà. - Cô ta nói, làm như tôi bị ngớ ngẩn.

Ánh mắt cô ta trông như thể cô vừa bị đá cho một cái. Cô ta chăm chăm nhìn tôi, đôi môi run run. Và rồi tiếng chuông chết tiệt vang lên. Thời gian thăm tù đã hết, chúng tôi nói tạm biệt nhau qua tấm kính, tôi quay lại gặng lần nữa, “Sao cô lại tới đây?”

Cô ta nhìn xuống đất rồi ngẩng lên mỉm cười với tôi, cặp môi vẫn run rẩy, nhưng cô ta chỉ lắc đầu, mấy giọt lệ long lanh trên khóe mắt.

Cô ta đẩy hai cuốn sách qua bàn và tôi reo lên, Oa, Rumi, làm thế quái nào mà cô ta biết được nhỉ?

Cô ta nói sẽ lại đến nữa, tôi cầu xin lần sau cô ta mang bọn trẻ tới. Cô ta nói sẽ đi hỏi xem thế nào, vì bọn trẻ đang ở chỗ bảo trợ xã hội hay gì đó. Rồi cô ta vẫy tay tạm biệt, dụi dụi mắt cho ráo lệ rồi quay bước. Tôi nghĩ, chuyện quái gì thế nhỉ?

Tôi lại leo lên cầu thang, lòng vẫn băn khoăn tự hỏi sao cô ta biết được về Rumi, rồi tôi sực nhớ ra. Tôi tự cười mình, nhưng cũng mừng là đã không nói gì với cô ta về Ciaran và cái ấy bé xíu của anh ta - điều đó có ý nghĩa gì cơ chứ? Anh ta là một người tốt, cái tay Keyring ấy. Anh em của Corrie cũng là anh em của tôi.

Trên đời này chẳng có gì là công bằng cả. Corrigan biết rõ điều đó. Gã chưa từng chơi xấu với tôi. Còn anh trai gã là thằng khốn. Sự thật là thế. Nhưng trên đời này có khối thằng khốn nạn, và dù thế nào thì gã cũng từng là mối sộp, bị tôi lấy Rumi ra lòn. Anh trai Corrigan có tiền, hình như hẳn làm nhân viên pha chế rượu hay đại loại thế. Tôi nhìn xuống ngực, nhớ lại lúc bầu vú đen sẫm của mình nằm trong tay anh trai của Corrigan.

*

Chưa bao giờ tôi thấy Corrigan trần trụi, nhưng tôi hình dung đồ nghề của gã sẽ ra trò chứ không “nhỏ xinh” như của anh trai gã.

*

Lần đầu tiên gặp Corrigan chúng tôi nghĩ ngay là tay này là côm chìm. Dân Ireland hay vào vai tay trong như thế. Phần lớn cảnh sát đều là người Ireland - những gã này rồi sẽ béo ra, răng xấu in nhưng vẫn có cái khiếu hài hước khiến cuộc đời vui vẻ hơn.

Có lần Angie dùng ngón tay viết lên thành xe tải phủ bụi dày cộp của Corrigan: ANH CÓ MUỐN MỤ VỢ ANH BẮN THẾ NÀY KHÔNG? Chúng tôi ré lên cười ngặt nghẽo. Corrie không nhìn thấy. Rồi Angie vẽ

thêm cái mặt cười và dòng chữ HÃY LẬT EM LÊN ở phía bên kia cái xe. Gã lượn lờ khắp khu Bronx với mấy dòng chữ điên rồ đó ở hai bên thành xe mà không để ý. Corrie lúc nào cũng như trong thế giới riêng của gã. Đến cuối tuần Angie đến chỉ cho gã thấy những chữ đó. Thế là gã đỏ mặt đúng hệt như một anh chàng Ireland và bắt đầu lắp ba lắp bắp.

— Nhưng tôi không hiểu, tôi còn chưa có vợ. - Gã nói với Angie.

Chúng tôi chưa bao giờ cười nhiều như thế kể từ khi Chúa rời bỏ Cincinnati.

*

Ngày ngày chúng tôi bám lấy gã, nì nèo gã bắt nhốt chúng tôi đi. Còn gã thì nói: “Nào nào các cô, cho tôi xin đi.” Chúng tôi càng bám gã, gã càng van vỉ: “Các cô, thôi đi nào, các cô, thôi mà.”

Một lần bảo kê của Angie xua chúng tôi ra rồi túm lấy gáy Corrie bảo gã xéo đi. Hẳn gí dao vào cổ Corrie. Corrie chỉ nhìn hẩn trừng trừng. Đôi mắt mở to nhưng trông không có vẻ gì là sợ cả. Chúng tôi kêu lên: “Ô, thôi mà, anh đi đi.” Bảo kê của Angie phẩy con dao một cái, thế là Corrie bước đi, máu chảy ròng ròng xuống chiếc sơ-mi màu đen.

Hai ngày sau Corrie lại đến, mang café cho chúng tôi. Trên cổ còn dán miếng băng nhỏ. Chúng tôi giục: “Ôi Corrie, anh nên đi đi, nếu không lại bị chúng túm cổ ném đi đấy.” Gã chỉ nhún vai bảo không sao. Tự dưng lũ bảo kê của Angie, Jazzlyn, và Suchie kéo đến cùng một lúc, như Ba Nhà Thông Thái. Tôi thấy mặt Corrie trắng bệch ra. Chưa bao giờ tôi thấy mặt gã trắng bệch như thế. Trắng hơn cả phấn.

Gã giơ tay lên cổ làm điệu tình hình: “Này các anh. Tôi chỉ mang café cho họ thôi mà.” Bảo kê của Angie bước lên trước. Hẩn nói: “Ờ thì tao mang kem cho chúng mày thôi mà.”

*

Corrie bị tấn cho không biết bao nhiêu bận. Gã đau lắm. Tấn ra trò đấy. Ngay cả khi Angie nhảy lên bám lưng gã bảo kê mà móc mắt gã, nhưng chúng tôi vẫn không cản được hẳn. Còn Corrie ngày lại ngày vẫn tiếp tục quay trở lại. Cho đến khi bọn bảo kê phải nể gã vì chuyện đó. Corrie không bao giờ báo cảnh sát, hay “cảnh vệ”, đó là từ dân Ireland dùng để chỉ cảnh sát. Gã nói: “Tôi không gọi cảnh vệ đâu.” Nhưng thỉnh thoảng bọn bảo kê vẫn nện cho gã một trận, chỉ để khiến gã biết chừng mực.

Về sau chúng tôi phát hiện ra Corrie là linh mục. Không hẳn thế, hẳn như kiểu người muốn sống ở một nơi nào đó là vì nghĩ mình có sứ mệnh, đạo đức hay đại loại, như tu sĩ sống theo lời nguyện rồi hứa giữ mình gì đó.

*

Người ta nói bọn con trai lúc nào cũng muốn mình là người đầu tiên của các cô nàng, còn các cô thì muốn là người cuối cùng của bạn trai. Nhưng với Corrie tất cả chúng tôi đều muốn là người đầu tiên. Jazz kể: “Đêm qua con câu được Corrie, anh ấy cực ngon lành, còn nói rất vui vì con là người đầu tiên của anh ấy.” Còn Angie thì: “Trời, tao muốn làm quả bữa trưa với thằng cha đó, thịt hẳn tới xương luôn.” Và đến Suchie: “Tụi mày vớ vẫn tốt, tao thì sẽ trải Corrie trên cái bánh kẹp và nhúng tất vào café.”

Cách xa hàng mấy dặm cũng nghe được tiếng chúng tôi cười.

*

Có lần gã tổ chức sinh nhật, đâu như năm gã ba mươi một tuổi, vẫn chỉ là cậu nhóc với tôi thôi. Tôi mua cho gã một cái bánh rồi cả bọn cùng ăn ở Deegan. Cái bánh được phủ đầy quả anh đào, có lẽ phải đến đến một triệu lẻ sáu hạt anh đào trên đó. Chúng tôi ném quả vào miệng gã từ bên trái, rồi ở giữa, Corrie chả hiểu được cái trò tếu đó, cứ kêu lên, *Các cô, cho tôi xin, nếu không tôi gọi cảnh vệ đó.*

Chúng tôi cười đến sồn cả ra quần.

Gã cắt bánh và đưa mỗi người một miếng. Gã lấy miếng cuối cùng. Tôi dứ dứ một quả sơ ri trước miệng gã và bắt gã đớp bằng được. Lúc gã dướn tới thì tôi lùi lại, cho đến khi gã cứ thế bước theo tôi ra phố. Tôi mặc đồ bơi. Trông chúng tôi khi đó hẳn giống một cặp tình nhân, Corrie và tôi, nước quả anh đào dính đầy trên mặt gã.

Đừng có nghe cái bọn khăng khăng rằng khu gái điếm chỉ toàn cứt đá, cáu ghét với bệnh tật. Ừ thì thi thoảng cũng đúng thế, nhưng cũng có khi vui chứ. Như là khi dứ quả anh đào trước mặt một anh chàng. Đôi khi làm thế để có cớ mà cười thôi.

Khi Corrie cười mặt gã nhăn tít lại.

— Nói *quên mẹ nó đi* xem nào, Corrie.

— Quên nó đi.

— Không, không không, nói *quên mẹ nó đi* cơ.

— Quên nó đi.

— Ôi trời ơi, quên mẹ nó đi.

— Ô kê Tillie, - hẳn nói, - tôi sẽ quên-mẹ-nó-đi.

*

Người đàn ông da trắng duy nhất mà tôi muốn ngủ cùng là Corrigan, thật sự. Không đùa đâu. Gã từng nói với tôi rằng tôi quá tốt đối với gã. Gã nói tôi cười mỗi khi gã pha trò và còn huýt sáo đòi thêm. Gã khen tôi quá đẹp so với gã. Corrigan rất được. Tôi còn muốn cưới gã ấy chứ. Tôi sẽ được nghe gã nói chuyện với tôi bằng chất giọng pha thổ âm quê gã suốt ngày. Tôi sẽ đưa gã ra ngoài ô chơi, nấu cho gã một bữa ăn thịnh soạn với món thịt bò muối và bắp cải và khiến cho gã cảm thấy mình là thằng đàn ông da trắng duy nhất trên thế giới này. Tôi sẽ hôn tai gã nếu còn cơ hội. Tôi sẽ dồn hết tình yêu thương vào gã. Gã và cái anh chàng Sherry-Netherlands đó. Cả hai đều thật tốt.

Chúng tôi làm đầy ngập thùng rác nhà gã một ngày để đến bảy, tám, chín lần. Thật kinh dị. Ngay cả Angie cũng nghĩ như thế thật là tởm trong khi cô ta là kẻ tởm nhất trong cả bọn - cô ta còn vứt cả băng vệ sinh trong đó. Tởm quá chứ gì nữa. Không thể tin được Corrie nhìn thấy những thứ đó mà không kêu lấy một lời với chúng tôi, chỉ đem đi đổ và rồi lại làm việc của gã. Đúng là một linh mục! Một thầy tu! Chủ gian hàng náo nhiệt!

Và còn mấy đôi xăng-đan gã hay mang nữa chứ! Ôi trời ơi! Chúng tôi nghe chúng loẹt quẹt mỗi khi gã đến.

*

Gã nói với tôi trong nhiều trường hợp người ta dùng chữ *yêu* để tỏ ra là họ đang đói. Gã nói nó tương tự như câu: Hãy tôn vinh sự ngon miệng của họ.

Đúng cái câu đấy, nhưng nói bằng chất giọng ngọt ngào của gã. Tôi từng sẵn lòng nuốt chửng từng lời Corrie nói, ngẫu nhiên chúng đến tận cùng. Gã nói: “Café này, Tillie,” mà tôi thấy như đó là lời tốt đẹp nhất trên đời. Đầu gối tôi nhũn ra. Gã như một chàng da trắng lọt giữa Motown^[53].

Jazzlyn thường nói nó yêu gã như yêu sôcôla.

*

Cũng đã khá lâu kể từ khi cái cô Lara gì đó đến thăm, có lẽ phải đến mười, mười mấy ngày rồi. Cô ta nói sẽ mang bọn trẻ đến. Hứa chắc luôn. Mà tôi cũng đã quá quen với mấy lời hứa hẹn. Ai mà chẳng hứa ngon lành. Ngay cả Corrie cũng hứa hẹn. Về những cầu treo với cả lâu đài vớ vẩn.

Corrie từng làm một vở cực hài. Tôi không bao giờ quên được. Đó là lần duy nhất gã đưa đến cho chúng tôi một mối khách. Một đêm rất muộn, hẳn đến, mở thùng xe tải và nhắc một ông già ngồi xe lăn ra. Corrie thường không cởi mở trong mấy vụ thế này. Thì hẳn như cha đạo mà, thế mà giờ lại đi dẫn khách về cho chúng tôi cơ đấy! Gã ngoái nhìn ra đằng sau. Trông gã có vẻ bồn chồn lo lắng. Chắc đang cảm thấy tội lỗi. Tôi nói: “Ê, chào anh

ma cô nhập hội,” thế là mặt gã trắng bệch ra, tôi phải ngậm miệng lại và không nói gì nữa. Corrie hăng giọng mấy lần. Hóa ra hôm đấy là sinh nhật ông già kia và ông ta đã van vỉ Corrie đưa ông ra ngoài chơi. Ông này thiếu hơi đàn bà từ cuộc Đại suy thoái đến giờ, nghe như đã hàng tám trăm triệu năm trước rồi ấy. Lão già đó chửi Corrie ra trò, văng vào mặt gã đủ thứ nhưng gã chẳng thèm để ý. Gã chỉ nhún vai, cài phanh cho chiếc xe lăn rồi để Lão Bất Tử ấy lại trên vỉa hè.

— Tôi không ép đâu nhé nhưng ông Albee đây muốn được phục vụ.

— Tao đã bảo mày không được nói tên tao cho bọn nó cơ mà, - lão già gào lên.

— Có gì đâu mà. - Corrie nói rồi bỏ đi.

Nghĩ thế nào gã quay lại, nhìn Angie mà nói: “Xin đừng có cướp của ông ta nhé.”

— Tôi mà thèm móc tiền lão đó ấy hả? - Angie trợn mắt tóe lửa.

Corrie nướng mắt nhìn trời, lắc lắc đầu.

— Hứa với tôi thế đi. - Gã nói, đóng sầm cánh cửa thùng chiếc xe tải màu nâu rồi trèo vào bên trong, ngồi đợi.

Corrie bật đài thật to.

Chúng tôi bắt tay vào việc. Hóa ra Lão Bất Tử có đủ “vé” bao hết bọn tôi mà chơi ra trò. Chắc hẳn lão phải tích cóp đến hàng mấy năm trời. Chúng tôi quyết định tổ chức một bữa tiệc cho lão. Thế là chúng tôi nhấc lão lên thùng xe tải chở rau quả, cài phanh cái xe lăn, rồi cả bọn cởi quần áo và nhảy nhót. Ngúng nguẩy cái ấy vào mặt lão, cọ xát vuốt ve khắp cả. Jazzlyn nhảy lên nhảy xuống mấy cái thùng đựng trái cây. Cả lũ trần truồng, bày trò chơi với đám rau diếp và cà chua. Nhộn kinh khủng.

Buồn cười nhất là lão quái già ít nhất cũng một nghìn chín trăm tuổi đó chỉ nhắm mắt ngồi tựa trong chiếc xe lăn, như thể lão đang hít lấy chúng tôi vào người, mặt khề nở nụ cười. Chúng tôi nói lão muốn sao cũng chiều, nhưng lão cứ một mực nhắm tịt mắt như đang nhớ lại điều gì đó, cứ chờ mặt

ra cười, ra ý sượng tít cung mây. Hai mắt nhắm tịt còn lỗ mũi thì nở ra phập phồng. Lão hẳn thuộc kiểu chỉ thích hít người mọi thứ. Lão kể với chúng tôi chuyện hồi xưa đói khát rồi lão gặp vợ lão như thế nào khi lão đang rất đói, rồi họ cùng vượt biên sang Áo, thế rồi bà ta xuống tuổi vàng trước.

Lão có giọng nói giống Uri Geller. Thường khi khách nói gì chúng tôi cũng chỉ à há ừ hứ ra vẻ rất hiểu. Nước mắt chảy dài trên gương mặt lão, nửa số nước mắt là vì vui, nửa còn lại vì một điều gì khác mà tôi không rõ lắm. Angie dứ cặp vú của cô ả vào mặt lão mà kêu: “Chơi tới đi, mẹ kiếp.”

Trong nghề có những cô khoái mấy ông già vì họ không đòi hỏi nhiều. Angie không ngại phải tiếp họ. Còn tôi, tôi rất ghét các lão già, đặc biệt là khi họ cởi áo ra. Những núm vú bé tí nhỏ nhợt như đường chảy trên thành bánh ngọt. Nhưng kìa, lão đã đang móc tiền trả chúng tôi và cả lũ cứ phải nhâu nhâu khen lão hết cỡ. Thế là gương mặt lão bỗng đỏ au.

Angie gào lên: “Đừng làm cho ông ta lên cơn đau tim chứ tụi bây, tao ghét phòng cấp cứu lắm!”

Lão thả phanh chiếc xe lăn, và khi xong xuôi lão trả gấp đôi số tiền chúng tôi đòi. Chúng tôi nhắc lão ra khỏi chiếc xe, còn lão nhìn quanh tìm Corrie: “Cái thằng khốn mất dạy đó đâu rồi?”

Angie đập lại: “Lão gọi ai là thằng khốn hả cái lão đít teo kia?”

Corrie tắt đài và ra khỏi chiếc xe tải, nãy giờ gã vẫn ngồi chờ trong đó, gã cảm ơn tất cả chúng tôi rồi đẩy lão già vào trong. Buồn cười là vẫn còn một mẫu rau diếp dính vào bánh xe lăn. Corrie đẩy lão vào xe tải, mẫu rau ấy cứ xoay tròn theo bánh xe.

Corrie nói: “Nhớ nhắc tôi đừng bao giờ ăn salad nữa, không bao giờ nữa.”

Chúng tôi phá lên cười. Đó là một trong những đêm vui vẻ nhất hồi ở khu Deegan. Tôi nghĩ là Corrie đã giúp chúng tôi. Lão già đó đúng là được nặn ra từ tiền. Lão không được thơm tho lắm, nhưng cũng đáng.

*

Mỗi lần ăn món rau diếp trong tù là tôi cứ cười mãi.

Mụ quản giáo trưởng thích tôi. Mụ gọi tôi vào văn phòng và bảo: “Cởi đồ ra, Henderson.” Thế là tôi mở cúc bộ áo liền quần, để cho cặp vú thò ra lòng thòng. Mụ ta chỉ ngồi trên ghế, không cử động, nhắm mắt lại và bắt đầu thở dốc. Sau khoảng một phút mụ nói: “Cho lui.”

*

Cánh đàn bà thực thụ có giờ tắm khác với mấy con mụ đồng tính. Điều đó cũng chẳng tạo nên khác biệt gì. Có đủ trò điên rồ diễn ra trong phòng tắm. Tôi cứ nghĩ thứ gì cũng nhìn chán mắt đi rồi, nhưng đôi khi chỗ này cứ như buồng mát xa. Có lần ai đó trộm được bơ từ trong nhà bếp mang vào. Còn nấu chảy ra sẵn nữa chứ. Bọn quản giáo hay cầm những cây gậy tuần đêm phát cuồng lên. Đôi khi họ cũng đưa những tên bảo vệ bên tù nam sang dù thế là phạm luật. Tôi sẵn lòng xóc lọ cho bọn chúng để đổi lấy một bao thuốc lá. Khi bọn đó đến là cả dãy rộ lên những “ồ” với “à”. Nhưng bọn chúng không làm tình hay cưỡng hiếp chúng tôi. Chúng chỉ đứng nhìn và tự sướng, như mụ quản giáo trưởng vậy.

Có lần tôi cặp với một gã người Anh, gã này gọi chuyện ấy là “lên tiên”. “Ê cưng, lên tiên với anh không?” Tôi thích thế. Tôi cũng sẽ cho mình lên tiên. Tôi sẽ treo cổ từ trên ống nước nhà tắm rồi được lên tiên.

Cứ chờ xem tôi nhún nhảy trên cái đường ống thần tiên đó.

Có lần tôi viết cho Corrie một lá thư và để trong phòng tắm của gã. Thư viết: *Em thực sự mê anh lắm, John Andrew*. Đó là lần duy nhất tôi gọi gã bằng tên thật. Gã nói tên cho tôi biết rồi bảo tên ấy là bí mật. Gã nói gã không thích cái tên đó, vì nó được đặt theo tên bố hắn, một gã Ireland chẳng ra gì. “Đọc thư đi, Corrie.” Tôi giục. Gã mở nó ra. Gã đỏ mặt. Thật là dễ thương quá, việc gã đỏ mặt ấy. Tôi chỉ muốn véo má gã một cái.

Gã lẩm bẩm, “Cám ơn,” nghe như là “ám ơn”, rồi gã nói cái gì đó về chuyện gã phải giữ mình trong sạch trước Chúa, nhưng gã thích tôi, gã nói, thích thực sự, nhưng gã đã có ràng buộc với Chúa. Gã nói giống như gã và

Chúa đang chơi một trận đấm bốc. Tôi nói tôi sẽ đứng cổ vũ bên ngoài sân đấu. Gã chạm vào cổ tay tôi và nói: “Tillie, cô thật báng bố.”

Các cháu của tôi đâu? Có một điều tôi biết chắc, đó là tôi từng cho chúng ăn quá nhiều đường. Mới mười tám tháng tuổi chúng đã ngậm kẹo mút rồi. Tôi đúng là một người bà tồi tệ. Chúng sẽ có hàm răng rất xấu cho coi. Rồi tôi sẽ gặp chúng trên thiên đường, còn chúng sẽ phải đeo niềng răng.

*

Lần đầu tiên xong việc với khách tôi đi mua cho mình một cái bánh ngọt trong siêu thị. Một cái rỗ to phủ kem. Tôi chọc ngón tay vào bánh rồi liếm. Nghe như mùi đàn ông còn vương trên đầu ngón tay mình.

Lần đầu tiên cho Jazzlyn ra ngoài kiếm khách, tôi cũng mua cho nó một cái bánh ở siêu thị. Loại đặc biệt của Foodland. Dành riêng cho con bé thôi, để nó dễ chịu hơn. Khi nó quay về, cái bánh chỉ còn một nửa. Con bé đứng ngay giữa phòng, đôi mắt mọng nước: “Mẹ kiếp, mẹ ăn mất cái bánh của tui rồi, Tillie.”

Còn tôi ngồi đó, kem dính đầy trên mặt, chối đây đấy, “Không, mẹ không ăn, Jazz, không phải mẹ, không đời nào.”

*

Corrie vẫn cứ lải nhải những gì gì về chuyện mua cho con bé một tòa lâu đài. Nếu tôi mà có lâu đài, tôi sẽ hạ cái cầu treo xuống và cho mọi người đi hết. Ở lễ tang tôi hoàn toàn suy sụp. Đúng ra tôi phải ráng cứng cỏi, nhưng không làm nổi. Bọn trẻ không dự đám tang. Làm sao lại như thế? Gặp được chúng thì có chết cũng cam. Tôi chỉ mong có vậy. Có người nói tội nhỏ đang được bên bảo trợ xã hội chăm nom, rồi lại có kẻ bảo không sao đâu, đã tìm được cô trông trẻ rất tốt lo cho tội nó.

Khi trước kiếm cho được người coi chừng mấy đứa cháu để hai mẹ con ra ngoài bắt khách là chuyện khó khăn nhất. Có khi Jean canh giúp, có

khi là Mandy hoặc Latisha, nhưng tốt nhất là không nhờ ai cả. Tôi biết thế.

Đáng lẽ ra tôi chỉ nên ở nhà, nhồi vào bụng tất cả những cái bánh siêu thị đó cho đến khi nào không nhắc mông nổi khỏi ghế mới thôi.

Tôi không biết Chúa là ai, nhưng tới khi gặp được Người, chắc cũng sớm thôi, tôi sẽ dồn Người vào tận chân tường cho đến khi nào Người chịu nói với tôi sự thật.

Tôi sẽ vả cho Người một cái vì tội ngu ngốc, sẽ dồn ép cho đến khi Người không thể chạy trốn được. Cho đến khi Người chịu nhìn vào mắt tôi, khi đó tôi sẽ bắt Người trả lời tại sao lại làm ra những chuyện đã xảy tới với tôi và với Corrie và tại sao lại bắt bao nhiêu người tốt phải chết như thế và giờ Jazzlyn đang ở đâu và tại sao con bé lại phải kết thúc cuộc đời nó ở đây và vì sao mà Người lại có thể để tôi làm những gì tôi đã gây ra cho nó.

Người sẽ bay đến trên đám mây trắng xinh đẹp của Người, vây quanh là đám thiên thần nhỏ bé xinh đẹp với những đôi cánh trắng xinh đẹp, còn tôi sẽ bước ra và hỏi một cách trịnh trọng: Chúa ơi, thế đ. nào mà Người lại để con làm như thế?

Và rồi Chúa sẽ cụp mắt nhìn xuống mà và trả lời tôi. Nếu Người nói Jazz đang không ở trên thiên đường, nếu Người nói con bé không được lên đó, Người sẽ ăn một cú đá vào mông. Chính thế.

Một cú đá đít mà Người chưa từng biết đến bao giờ.

*

Tôi không rên rỉ dù là trước hay sau khi tôi làm chuyện đó. Ừ thì thường sau chuyện đó đâu ai rên rỉ nữa. Cứ nghĩ tới thế giới không có con người xem, đó sẽ là nơi hoàn hảo nhất trên đời. Tất cả đều cân bằng và tốt đẹp các thứ. Nhưng rồi con người đến và làm mọi thứ tầy huầy ra. Giống như trong phòng ngủ của mình đang có Aretha Franklin^[54] hát riêng cho mình nghe, cuồng nhiệt hết chê, sau đây là một bài đặc biệt theo yêu cầu của của Tillie H. , thế rồi đột nhiên tay ca sĩ Barry Manilow nhảy ra thế chỗ từ sau tấm rèm.

Khi giờ tận thế điểm trên đời này chắc chỉ còn lại mấy con gián và mớ đĩa hát của Barry Manilow, Jazzlyn từng nói thế. Con bé làm tôi cười muốn chết, con bé Jazz của tôi.

*

Vụ đó không phải lỗi của tôi. Cái con Peaches ở khu C-49 tìm đến chỗ tôi trước, mang theo một đoạn ống nước bằng chì. Cuối cùng nó phải vào bệnh xá lãnh mười lăm mũi khâu trên lưng. Mọi người thường ngày cứ nghĩ tôi dễ tính vì trông tôi dễ thương.

Nếu không muốn mắc mưa thì đừng có lộn xộn với những đám mây trên đầu Tillie H. này. Tôi chỉ quật cho cô ta một cú ra trò thôi. Không phải lỗi của tôi. Tôi chỉ không muốn để nó muốn làm gì làm, có vậy thôi. Tôi đâu ham gì cái trò đó. Chỉ vì nó cần được dạy cho một bài.

*

Mụ quản giáo trường chặn tôi lại và báo tôi sẽ phải chuyển ra ngoại thành. Mụ nói: “Chúng tôi sẽ chuyển cô ra ngoại thành trong những tháng cuối của hạn tù.” Tôi nói: “Làm cái mẹ gì thế?” Mụ trả lời: “Cô nghe thấy rồi đấy, với lại cô Henderson, không được chửi thề trong văn phòng này.” Tôi nói: “Tôi sẽ cời tất tần tật cho bà xem, tháo đến từng mũi chỉ một luôn.” Mụ ta gào lên: “Sao mà dám. Đừng có sỉ nhục ta! Thật ghê tởm!” Tôi nói: “Làm ơn đừng chuyển tôi đi. Tôi muốn gặp các cháu tôi.” Mụ không nói gì, còn tôi thì nơm nớp lo lắng và lờ phun ra gì đấy không được lịch sự cho lắm. Mụ quát: “Xéo ra khỏi đây.”

Tôi bèn đi vòng qua cái bàn làm việc của mụ ta. Tôi đang định cời bộ áo liền quần ra để lấy lòng mụ thì mụ liền ấn chuông báo động. Thế là một đội bảo vệ chạy vào. Tôi không cố ý làm những gì tôi đã làm, tôi thật không muốn nhắm vào mặt mụ ta, tôi chỉ dùng chân đá thôi mà, thế nào lại làm gãy luôn một cái răng cửa của mụ. Chắc không trầm trọng gì. Nhưng

giờ cầm chắc là tôi sẽ bị chuyển ra ngoại thành. Coi như tôi bị chất lên xe thư ngựa kéo rồi.

Mụ quản giáo trưởng chẳng thèm đánh lại tôi lấy một cái. Mụ nằm đó trên sàn nhà một lúc, tôi thề là mụ còn mỉm cười, và rồi mụ nói: “Tôi có một thứ rất hay cho cô đây, Henderson.” Họ còng tay tôi và buộc tội tôi một cách chính thức. Rồi họ đẩy tôi vào một chiếc xe thùng và gửi tôi đến tòa án quận Queens.

Tôi bị buộc tội tấn công người khác, bị kết án thêm mười tám tháng nữa. Thế là tổng cộng gần hai năm, tính cả thời gian tạm giam. Luật sư bào chữa cho tôi nói rằng thế cũng đã là tốt lắm rồi, đáng lẽ tôi còn phải lĩnh ba, bốn, năm, thậm chí bảy năm. Ông ta nói: “Cứng à, phải chịu thôi.” Tôi ghét luật sư. Lão là cái loại trịch thượng lúc nào cũng vác mặt lên trời, đến nỗi vẩy vẩy lá cờ dưới mũi lão chắc cũng còn được. Lão nói đã biện hộ với thẩm phán rồi. Lão nói rằng: “Thưa quý tòa, đây chỉ là một bi kịch tiếp nối sau một bi kịch khác mà thôi.”

Tôi bảo với ông ta bi kịch duy nhất là tôi không thấy các cháu tôi đâu cả. Tại sao mà chúng không có mặt trong phòng xử án? Đó mới là điều tôi muốn biết. Tôi gào lên: “Tại sao chúng không có ở đây?”

Tôi hy vọng có ai đó có mặt ở đây, cái cô Lara đó hay bất kì ai, nhưng mà chẳng có ai hết.

Viên thẩm phán lần này là một người da đen, hẳn đã từng theo học ở Harvard hay đại loại. Tôi nghĩ có lẽ ông ta sẽ thông cảm, nhưng mà dân da đen có khi còn xử tệ với da đen hơn người khác. Tôi xin với ông ta: “Thưa quan tòa, ngài có thể đưa bọn trẻ đến chỗ tôi được không ạ? Tôi chỉ muốn gặp chúng một lần thôi.” Ông ta nhún vai và nói bọn trẻ đang ở một nơi tử tế. Ông ta không nhìn vào mặt tôi lấy một lần. Ông ta nói: “Hãy tả chính xác chuyện gì đã xảy ra.” Và tôi nói: “Điều đã xảy ra là tôi có một đứa con, rồi nó lại có những đứa con của nó.” Và ông ta gạt đi: “Không, không, không. Nói về vụ tấn công kia.” Tôi sôi tiết lên: “Trời đất ơi, thẳng đ. nào lại đi quan tâm đến cái vụ vợ vắn đũa hủ, thánh vật cả cái vụ đó với cả tao cả mày

với mẹ vợ mà đi.” Thế là luật sư của tôi phải chặn họng tôi lại. Viên thẩm phán nhòm tôi qua gọng kính và thở dài. Ông ta nói gì đấy về Booker T. Washington nhưng tôi không để ý lắm. Cuối cùng ông ta nói có một giám thị trại giam có đề nghị riêng cho trường hợp của tôi là đưa tôi vào trại cải tạo ở ngoại thành. Ông ta phát âm cái từ “trại cải tạo” làm như đang ban ơn cho tôi vậy. Tôi nói với ông ta: “Thánh vật cả cái đồ con vẹt nhà mà đi, đồ khốn.”

Ông ta gõ cái búa lên bàn và thế là xong.

*

Tôi ra sức cào cấu chống trả. Thế là họ phải khống chế tôi và đưa tôi vào bệnh viện. Rồi trên chuyến xe ra vùng ngoại thành họ lại phải giữ chặt tôi lần nữa. Tệ hơn là họ còn không thèm cho tôi biết là họ đang chuyển tôi ra khỏi New York. Tôi cứ gào lên đòi gặp mấy đứa nhỏ. Ngoại thành cũng còn được, nhưng sao tới tận Connecticut? Tôi đâu phải con bé nhà quê. Họ đưa bác sĩ tâm thần đến gặp tôi rồi đưa cho tôi một bộ áo liền quần màu vàng. Phải mặc cái bộ vàng gớm ghiếc đó mà không tâm thần mới lạ. Tôi được đưa đến một văn phòng, tôi nói với viên bác sĩ là tôi thực sự rất vui khi được ở Connecticut. Rất rất vui. Tôi còn nói nếu bà ta đưa tôi một con dao thì tôi sẽ cho bà ta thấy tôi vui đến thế nào. Tôi sẽ rạch nó trên cổ tay tôi.

— Nhất kỹ cô ta lại. - Bà ta chỉ nói thế.

*

Họ cho tôi uống thuốc. Những viên thuốc màu da cam. Còn đứng canh tôi nuốt bằng hết. Thịnh thoảng tôi cũng qua mặt được và nhét một viên vào lỗ răng mé. Một ngày nào đó tôi sẽ uống hết chúng cùng một lúc như ăn một quả cam lớn ngon tuyệt, và rồi tôi sẽ treo mình trên cái đường ống nước thần tiên đó mà nói lời từ biệt.

*

Đến tên của người cùng buồng giam tôi cũng không biết. Cô ta béo ú, đi đôi tất màu xanh lá cây. Tôi bảo với cô ta là tôi sẽ treo cổ tự tử và về cái đường ống nước thần tiên đó, còn cô ta chỉ đáp: “Ờ.” Vài phút sau cô ta hỏi thêm: “Khi nào?”

Tôi đoán cái cô Lara da trắng đó đã thu xếp mọi việc, hoặc ai đó, bằng cách nào đó, ở một nơi nào đó. Tôi đi xuống phòng đợi. Cháu tôi! Cháu tôi! Đúng là chúng rồi!

Chúng ngồi trên đầu gối một bà da đen không lồ đi đôi găng tay màu trắng thật dài, thêm cái túi xách tay màu đỏ diêm dúa, giương mắt nhìn chung quanh.

Tôi lao như bay xuống chỗ bức tường kính ngăn cách khách thăm và luôn cả hai tay qua khe hở hẹp phía dưới.

— Mấy cưng ơi! - Tôi gọi. - Bé Jazzlyn! Janice!

Chúng không nhận ra tôi. Chúng chỉ ngồi trong lòng người phụ nữ đó, mút ngón tay cái và ngoá qua vai bà ta. Trái tim tôi tan nát. Chúng cứ rúc vào bộ ngực bà ta và mỉm cười. Tôi tiếp tục gọi: “Lại đây với bà. Lại đây với bà nào, cho bà sờ tay cái nào.” Đó là tất cả những gì có thể làm được qua khe hở dưới bức tường kính - cái khe chỉ vài phân nên chỉ có thể chạm tay người bên ngoài là cùng. Thật dã man. Tôi chỉ muốn ôm lấy chúng. Thế mà chúng không buồn nhúc nhích - có thể là vì cái không khí nhà tù khốn kiếp này. Tôi không biết nữa. Người phụ nữ ấy có chất giọng miền Nam, nhưng tôi biết mặt bà ta, ngay ở khu ở chuột chứ đâu, trước đây tôi đã từng nhìn thấy bà ta rồi. Khi trước tôi cứ hình dung bà ta hẳn chui vào buồng thang máy rồi chui ra mới vuông chẵn chẵn thế. Bà ta nói bà ta cứ phân vân không biết có nên đem lũ trẻ tới không, nhưng nghe nói tôi rất muốn gặp chúng, mà chúng thì đang sống ở Poughkeepsie trong một ngôi nhà xinh xắn có hàng rào cũng xinh xắn, không quá xa đây. Hiện giờ bà ta đang nhận nuôi lũ trẻ, bà ta xin chúng từ Cục An Sinh cho Trẻ em. Trước khi được nhận về chúng phải ở vài ngày ở nhà một bà mang họ Seaman hay họ gì đó đại loại, nhưng giờ đây chúng đang được chăm sóc rất tốt, bà ta bảo tôi, đừng lo lắng gì hết.

— Lại đây với bà nào. - Tôi lặp lại.

Con bé Jazzlyn dụi mặt vào vai bà kia. Janice thì vẫn mút ngón tay. Tôi để ý thấy cổ chúng được kỳ cọ sạch sẽ. Những móng tay cũng được cắt rất tròn.

— Tiếc thật, - bà ta lên tiếng. - Chắc chúng nó xấu hổ đấy mà.

— Trông tụi nó có vẻ được quá hả. - Tôi nói.

— Chúng được cho ăn uống tốt lắm.

— Đừng nhét cho chúng mấy thứ như cứt đấy.

Bà ta nhìn sững tôi khoảng một giây dưới cặp lông mày, nhưng vẫn bình tĩnh, phải thừa nhận thế. Bà ta không nói gì về chuyện tôi nói tục. Tôi thích bà ta ở điểm đó. Bà ta không lên mặt, cũng không phán xét gì cả.

Chúng tôi cùng im lặng một lúc và rồi bà ta kể bọn trẻ có một căn phòng xinh xắn trong một ngôi nhà nhỏ trên con phố yên tĩnh, yên tĩnh hơn nhiều so với khu ổ chuột khi xưa, bà ta còn sơn tẩm ộp chân tường và dán giấy dán tường có hình những chiếc ô.

— Màu gì?

— Màu đỏ. - Bà ta nói.

— Tốt. - Tôi nói, vì tôi không muốn chúng có những chiếc ô màu hồng. “Lại đây với bà Tillie nào.” Tôi lại dỗ, nhưng bọn trẻ không rời khỏi lòng người phụ nữ. Tôi van vãn, nhưng càng van vãn chúng lại càng chúm về phía bà ta. Tôi đoán có lẽ vì nhà tù làm chúng sợ, mấy tay lính gác, các thứ.

Bà kia mỉm một nụ cười làm nhăn nhúm cả khuôn mặt rồi nói đã đến lúc phải đưa tụi nhỏ về. Tôi không chắc là mình có ghét bà ta hay không. Đôi khi đầu óc tôi cứ phân vân giữa cái tốt và cái xấu. Tôi muốn chồm người về phía trước, đập tan tấm kính và túm mái tóc quăn xù của bà ta, nhưng mà bà ta đang chăm sóc các cháu tôi, chúng không phải ở trong một cái trại mồ côi khủng khiếp nào đấy mà chịu đói chịu khát, hơn nữa đúng ra tôi phải hôn bà ta vì đã không cho chúng ngậm nhiều kẹo mút đến nỗi hỏng cả răng.

Khi tiếng chuông vang lên bà ta đỡ bọn trẻ để chúng hôn tôi qua lớp kính. Tôi nghĩ mình không bao giờ có thể quên được cái mùi của chúng phả qua khe hở bé tí dưới tấm kính, thật là thơm tho. Tôi thò một ngón tay qua và bé Janice chạm vào nó. Thật kì diệu. Tôi áp mặt vào tấm kính lần nữa. Chúng có mùi của những đứa bé thực sự, như mùi bột và sữa, đại loại thế.

Khi tôi băng qua khoảnh sân nhỏ để quay lại trại, tôi cảm thấy như có ai đó đã đến và moi trái tim tôi ra rồi đặt nó đi trước mặt tôi. Tôi đã nghĩ thế đấy - trái tim tôi đang đi ngay trước mặt tôi kia, tự nó bước đi, nhầy nhụa những máu.

*

Cả đêm tôi khóc. Thế chẳng có gì phải xấu hổ. Tôi không muốn bọn trẻ phải ra đứng đường. Tại sao khi xưa tôi lại làm những gì tôi đã làm với Jazzlyn? Tôi muốn biết thế, Tại sao tôi lại làm thế?

Tôi ghét nhất là đứng ở khu Deegan giữa những vết phân chim bồ câu trên mặt đất. Cứ nhìn xuống là chúng đập vào mắt, như thế đó là tấm thảm dành cho tôi. Tôi ghét thậm chí ghét tệt. Tôi không muốn các cháu tôi nhìn thấy cảnh đó.

*

Corrie nói có hàng nghìn lý do để sống trên cõi đời này, lý do nào nghe cũng hay, nhưng giờ mấy thứ đó đâu ích gì nữa cho anh ta, có đúng vậy không?

À bạn tù đã bán đứng tôi. Còn nói là lo lắng cho tôi cơ đấy. Nhưng mà tôi đâu cần mục bác sĩ tâm thần của nhà tù phải bảo mới biết là tôi không thể sống được nếu cứ treo ngược chân lên trời. Bộ người ta trả tiền cho cô ta chỉ để làm cái việc vớ vẩn đấy hả? Tôi nhớ cái nghề của tôi quá. Xưa tôi có cơ thành triệu phú chưa chừng.

Sau đây xin giới thiệu Tillie Henderson. Mà là một bà mẹ tồi, Tillie, và là một người bà khốn kiếp. Mẹ của mà cũng khốn nạn. Xong rồi, một

trăm đô, cảm ơn, rất tốt, người tiếp theo, không, tôi không nhận séc, xin vui lòng chỉ trả tiền mặt.

*

Cô bị rối loạn lưỡng cực đấy nhé, cả cô nữa, và cô, cô chắc chắn là bị rối loạn lưỡng cực rồi, cô em. Còn ở ngòai trong góc kia nữa, không trăm cảm chú là cái đ. gì nữa.

Tôi muốn có một chiếc ô ngày tôi ra đi. Tôi sẽ treo cổ mình trên cái đường ống nước thần tiên và sẽ thật xinh đẹp dưới cái ô.

Tôi sẽ làm thế vì bọn trẻ. Chúng không cần một người như tôi. Chúng không cần phải ra ngoài kia làm điếm. Tốt hơn là chúng tránh xa con đường đó.

Cái đường ống thần tiên của tôi, tôi đến đây.

Trông tôi sẽ như nhân vật Mary Poppins đung đưa dưới bóng ô.

*

Khu trại này có tổ chức những cuộc họp mặt về tôn giáo trong sảnh tiếp khách. Sáng nay tôi cũng đi. Tôi nói chuyện với cha tuyên úy về Rumi nhưng ông ta gạt đi: “Đó không phải là tôn giáo, đó là thơ ca.” Mẹ kiếp Chúa. Mẹ kiếp Người. Mẹ kiếp tất tần tạt những gì liên quan tới Người. Người chẳng bao giờ đoái hoài đến tôi. Sẽ chẳng có bụi cây bùng cháy hay cột ánh sáng nào hết. Đừng có nói với tôi về ánh sáng. Tôi chẳng biết thứ ánh sáng nào khác hơn cái đốm le lói ở đỉnh cột đèn đường.

Xin lỗi Corrie, nhưng đúng là Chúa đáng bị đá dít lắm.

*

Một trong những chuyện cuối cùng mà tôi nhớ được về Jazz là con bé đã la hét và đánh rơi cái móc chìa khóa ngay bên ngoài xe thùng của côm. Nó rơi leng keng trên mặt đất và chúng tôi thấy Corrie bước ra phố với

những bước chân nặng trĩu. Mặt gã đỏ bừng. Gã hét vào mặt bọn cớm. Lúc ấy cuộc sống mới tốt đẹp làm sao. Tôi phải nói đó là một trong những giây phút tốt đẹp - điều đó không phải kỳ lạ lắm sao? Tôi vẫn nhớ lúc bị bắt như mới xảy ra ngày hôm qua thôi.

Chẳng có gì sánh được việc trở về nhà. Đó là quy luật cuộc sống, theo như tôi nghiệm thấy. Tôi cá là ở thiên đường chẳng có khách sạn Sherry-Netherlands nào hết. Không bao giờ có.

*

Ngày xưa có lần tôi tắm cho Jazzlyn. Lúc đó con bé mới được vài tuần tuổi. Da nó sáng bóng lên. Tôi ngắm nó và nghĩ chính nó đã sinh ra cái từ *xinh đẹp*. Tôi bọc con bé trong một chiếc khăn tắm và hứa rằng nó sẽ không bao giờ phải trở thành gái điếm.

Đôi lúc tôi muốn lấy gót giày cao gót đâm thẳng vào tim mình. Tôi thường nhìn thấy lũ đàn ông lượn lờ bên nó khi nó lớn lên. Và tôi tự nhủ, này, đó là con gái tao đấy nhé lũ khốn. Đứa con gái chúng mày đang kéo ngòi vào ghế trước xe hơi đó là con gái bé bỏng của tao. Là giọt máu của tao đấy.

Lúc đó tôi đang nghiện. Mà hình như lúc nào tôi chả nghiện. Không thể lấy đó làm cớ mà bào chữa được.

Tôi không biết liệu cõi thế này có tha thứ cho tôi vì những điều tồi tệ tôi đã đem đến cho cuộc đời con bé hay không. Nhưng tôi sẽ không bao giờ làm như thế nữa với các cháu gái tôi, không bao giờ.

Đây là ngôi nhà ma túy xây nên.

Tôi sẽ nói lời từ biệt, có điều là tôi không biết nói với ai. Nói thế không có ý than van gì đâu. Đơn giản là sự thật nó thế thôi. Chúa trời đến lúc nhận cú đá đít rồi.

Mẹ đến đây, Jazzlyn. Là mẹ đây.

Tôi có một khoen sắt đeo tay giấu trong chiếc tất.

TRÊN NHỊP ĐƯỜNG RẦY TIẾN BỘ

TRƯỚC CHUYỂN ĐI DẠO TRÊN KHÔNG ĐÓ, gã hay đến diễn ở Công viên Quảng trường Washington. Coi như bắt đầu làm quen với mặt nguy hiểm của thành phố này. Gã cần sự ồn ào, đẩy cơ thể vào tình trạng căng thẳng, để thật gần với những lời tục tĩu lẫn la hét. Gã buộc sợi dây vào phần mấu nhô ra giữa hai cột đèn. Gã biểu diễn cho khách du lịch xem, nhón chân bước trên dây, đầu đội mũ lụa đen tuyền. Hệt như diễn trên sân khấu. Nào nghiêng ngả thân người, nào vờ ngã. Thách thức lực hút trái đất. Gã có thể nghiêng hẳn người ra rồi vẫn đứng thẳng dậy được. Gã giữ thăng bằng một cái ô trên mũi. Dùng ngón chân tung đồng xu lên không, cho nó rơi xuống đúng chóc đỉnh đầu. Rồi lộn xuôi lộn ngược. Trồng cây chuối. Gã tung hứng những con ky, những quả bóng và cả những ngọn đuốc đang cháy. Gã sáng tạo ra một trò mới với lò xo con sâu. Làm như món đồ chơi bằng kim loại đó đang tự uốn éo tuột ra quanh người gã. Đám khách du lịch thích cực kỳ. Họ ném tiền vào mũ cho gã. Hầu hết toàn xu với hào, nhưng cũng có khi hẳn được hẳn một đô la hay thậm chí năm đô. Được mười đô thì gã nhảy xuống đất, bỏ mũ ra cúi chào và nhảy lộn ra sau.

Vào ngày đầu tiên, bọn hàng rong và con nghiện lượn lờ quanh chỗ gã biểu diễn. Bọn chúng mau chóng thấy là gã kiếm được kha khá. Gã nhét tiền vào tất cả các túi trên chiếc quần ống loe, nhưng biết thừa là bọn kia thế nào cũng xin đều gã. Đến trò cuối cùng, gã vợ đóng tiền lại, đội mũ lên đầu, đi xe đạp một bánh trên dây, rồi nhấn pê đan phóng từ độ cao gần ba mét xuống mặt đất, đạp mất hút qua Quảng trường tới khu Washington Place. Gã còn thò tay qua vai vẫy vẫy. Ngày hôm sau gã quay lại để lấy sợi dây, nhưng đám hàng rong thích những trò xiếc của gã đến mức họ vẫn để cho gã ở lại diễn tiếp, vả lại những du khách tụ lại đây xem gã cũng là món bở cho họ rồi.

Gã thuê một căn hộ không có nước nóng ở phố Marks Place. Một đêm nọ, gã chằng sợi dây ngang phòng ngủ, một đầu buộc vào thang thoát hiểm của căn hộ đối diện, chủ nhà là một phụ nữ Nhật Bản, cô đã đốt nến cắm trên những nấc thang sắt cho gã được sáng. Gã ở bên đó tám tiếng liền, và khi thò mặt ra gã thấy bọn trẻ con đã treo đôi giày của gã lên trên sợi dây, một trò nghịch tinh đúng kiểu trẻ con thành phố, dây giày bị thắt gút lại với nhau. Gã bò ra sợi dây, giờ đã chùng hơn và trở nên nguy hiểm, nhưng hãy còn đủ căng để đỡ được gã quay trở lại qua đường cửa sổ. Ngay lập tức gã nhận thấy căn phòng đã bị lục tung lên. Mọi thứ. Cả quần áo cũng vậy. Tiền để trong túi quần gã cũng mất sạch. Gã không bao giờ gặp lại người phụ nữ Nhật Bản đó nữa; khi hẩn nhìn sang, những ngọn nến đã biến mất. Trước đây chưa từng có ai ăn trộm cái gì của gã cả.

Đây chính là cái thành phố mà hẩn đã bò vào - gã rất ngạc nhiên khi thấy có những cuộc đời còn khốn khổ hơn cả gã.

Thỉnh thoảng người ta thuê gã đến biểu diễn ở các bữa tiệc. Gã cần tiền. Có quá nhiều thứ phải chi tiêu mà tiền tiết kiệm của gã đã bị cướp sạch rồi còn đâu. Chỉ riêng sợi dây đã tốn đến một nghìn đô rồi. Lại còn phải mua tời quay, xoay giấy tờ tùy thân giả, gậy giữ thăng bằng và những mảnh khóc công phu để đưa tất cả lên mái nhà. Gã sẽ làm bất cứ cái gì để gom đủ số tiền đó, nhưng những buổi tiệc tùng thật đúng là kinh khủng. Gã được thuê biểu diễn ảo thuật, nhưng gã bảo chủ nhà là gã không thể bảo đảm mình sẽ diễn bất cứ trò gì hết. Họ phải trả tiền cho gã, nhưng có khi gã chỉ cứ ngồi một chỗ suốt cả tối. Cái kiểu làm găng đó cũng có tác dụng. Gã xuất hiện thường xuyên tại các bữa tiệc. Gã mua một bộ vét tuxedo, một cái nơ bướm và một chiếc khăn quăn thắt lưng.

Gã thường tự giới thiệu bản thân là một nhà buôn vũ khí người Bỉ, hoặc một giám định viên của nhà đấu giá Sotheby, hoặc một tay đua ngựa từng tham gia tranh giải Kentucky. Gã thấy thoải mái khi nhập những vai đó. Mặc dù vậy, nơi duy nhất gã hoàn toàn được là chính mình lại là trên sợi dây treo tít trên cao. Gã có thể kéo ra một cây măng tây dài từ trong tấm khăn ăn của người ngồi bên cạnh. Gã sẽ tìm thấy một cái nút chai ở đằng sau vành

tai người chủ nhà, hay kéo ra một chiếc khăn quàng cổ dài vô tận từ trong túi áo ngực một người đàn ông. Giữa lúc ăn món tráng miệng gã có thể tung một chiếc nĩa lên không rồi hứng nó rơi đúng ngay mũi gã. Hoặc gã ngã ghế ra sau cho đến khi nó chỉ còn đứng bằng một chân, vờ say đến nỗi không màng gì đến thăng bằng nữa. Đám khách dự tiệc say sưa xem trò. Những tiếng thì thào lan khắp bàn tiệc. Phụ nữ cố tình ngả người về phía gã để lộ khe hở khiêu khích giữa khuôn ngực. Còn cánh đàn ông thì láu cá chạm tay vào đầu gối hẳn. Rồi gã bốc hơi khỏi bữa tiệc qua cửa sổ, hoặc cửa sau, hoặc hóa trang thành người phục vụ với một khay đồ nguội khai vị chưa ai ăn lênh khênh trên đầu.

Tại một buổi tiệc ở số nhà 1040 trên đại lộ số Năm, gã tuyên bố lúc khai tiệc rằng đến cuối buổi tối nay gã sẽ nói chính xác ngày sinh của tất cả đàn ông trong phòng. Khách khứa đều ngất ngây. Một quý bà đội vương miện lấp lánh ngả người vào gã. “Thế tại sao không đoán cả ngày sinh của cánh phụ nữ nữa?” Gã lùì lại né bà ta. “Bởi vì nói ra tuổi các quý bà thì không lịch thiệp chút nào.” Gã đã mê hoặc được ngay nửa số khách trong căn phòng như thế. Cả buổi tối gã không nói thêm gì nữa: không nói lấy một lời. Thử xem, cánh đàn ông thúc giục, nói xem chúng tôi bao nhiêu tuổi. Gã nhìn chăm chăm vào đám khách khứa, thay đổi chỗ ngồi, quan sát đám đàn ông kỹ lưỡng, thậm chí còn di di đầu ngón tay theo đường ngôi trên tóc họ. Gã cau mày, lắc đầu, như thể mình đang gặp khó. Rồi khi món tráng miệng được đưa ra, gã uể oải trèo lên giữa bàn tiệc, chỉ vào lần lượt từng vị khách một và đọc lưu loát ngày sinh của tất cả, trừ một người duy nhất. Ngày 29 tháng 1 năm 1947. Ngày 16 tháng 11 năm 1898. Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1903. Ngày 15 tháng 3 năm 1937. Ngày mùng 5 tháng 9 năm 1940. Ngày mùng 2 tháng 7 năm 1935.

Tất cả phụ nữ vỗ tay còn cánh đàn ông thì sững người ra.

Người đàn ông duy nhất không bị điểm mặt ngả người một cách tự mãn vào thành ghế và nói: “Được rồi, thế còn tôi thì sao?” Gã phẩy tay. “Đâu ai quan tâm anh được sinh ra vào lúc nào.”

Cả phòng ồ lên cười, gã cúi xuống những người phụ nữ ngồi ở bàn rồi lần lượt rút bằng lái xe của các đức ông chồng của họ ra từ túi xách, khăn ăn, dưới đĩa, thậm chí giữa khe ngực một bà. Trên mỗi tấm bằng ghi đích xác ngày tháng năm sinh của chủ nhân.

Người đàn ông duy nhất không bị điểm tên lại ngả người ra sau và tuyên bố với cả bàn tiệc rằng ông ta không bao giờ mang theo ví, sau này cũng không, thế nên ông ta sẽ không bao giờ bị lộ tẩy. Im lặng. Gã đi dây bèn nhảy khỏi bàn, kéo chiếc khăn quăn quanh cổ, và nói vào mặt ông ta trong khi vẫy tay từ biệt sau cánh cửa phòng ăn: “Ngày 28 tháng 2 năm 1935.”

Hai má người đàn ông đỏ rần khi tất cả vỗ tay rào rào, bà vợ ông ta thì nháy mắt với gã khi gã biến mất sau cánh cửa.

○ ○ ○

GÃ BIẾT LÀ NHỮNG TRÒ NHƯ THẾ chứa một phần kiêu ngạo, nhưng khi đi trên dây kiêu ngạo chính là sống sót. Đó là thời khắc duy nhất mà gã có thể đánh mất mình hoàn toàn. Đôi lúc gã tự nghĩ mình là kẻ muốn ghét bỏ bản thân. Thoát khỏi bàn chân này. Ngón chân này. Bắp chân này. Kiếm tìm một nơi bất động. Phần nhiều những việc đó là để lãng quên, một phương cách chữa lành xưa cũ. Để trở nên vô danh với chính mình, để chính cơ thể mình hấp thụ mình. Thế nhưng có những mảnh hiện thực chồng lấp lên nhau: gã đồng thời cũng muốn đặt tâm trí mình ở chính cái nơi mà thân thể gã được buông lỏng dễ chịu.

Giống như làm tình với làn gió. Gió xới tung mọi chuyện rồi bay đi mất, nhẹ nhàng chia tay rồi trở về lá lướt quanh gã. Sợi dây cũng là nỗi đau: nó sẽ luôn ở đó, giữa bàn chân gã, rồi sức nặng của cây gậy, cảm giác khô khát nơi cổ họng, tiếng mạch đập rộn lên ở cánh tay, nhưng niềm vui sướng sẽ át đi nỗi đau cho đến khi ta không phải bận lòng đến nó nữa. Việc hít thở

cũng vậy. Gã muốn hơi thở mình hòa nhập vào sợi dây để gã không còn là gì nữa. Cái cảm giác tự đánh mất mình này. Mọi dây thần kinh. Mọi biểu bì. Gã tìm thấy cảm giác ấy khi ở trên những tòa tháp. Logic không còn vững chắc. Đó là ngưỡng thời gian không tồn tại. Làn gió đang vi vu thổi và lẽ ra cơ thể gã có thể cảm nhận được nó từ trước đây rất lâu rồi.

Khi gã đang đắm chìm trong cuộc đi dạo trên không đó thì trực thăng cảnh sát tới. Chút phân tâm giữa thình không đó không làm gã bối rối. Cả hai chiếc trực thăng bay đến cùng một lúc phát ra tiếng như dây chằng các khớp xương nghiêng vào nhau. Gã chắc là họ sẽ không ngu ngốc tìm cách tiếp cận. Lạ thật, sao tiếng còi báo động nghe từ đây lại có thể át hết những âm thanh khác, như thể chúng bị hút xoáy lên trời. Giờ đã có hàng tá cảnh sát bò trên mái nhà, hét lên với gã, chạy đi chạy lại. Một tay trong số đó nhào hẳn ra cạnh hàng cột của tòa tháp phía Nam, người đeo dây bảo hộ màu xanh, đầu trần, lớn tiếng chửi gã là thằng khốn, rằng gã khôn hồn mà xuống khỏi sợi dây chết tiệt ngay bây giờ trước khi anh ta điều cái trực thăng chết tiệt đến búng gã khỏi sợi cáp chết tiệt đó, mà có nghe hay không hả, đồ khốn, ngay bây giờ, mẹ kiếp! - còn gã đi dây thì nghĩ, ngôn ngữ gì mà lạ thế chứ. Gã nhăn nhó cười và quay bước trên sợi dây, ở đầu bên kia cũng có cảnh sát nữa, đám này yên lặng hơn, chỉ chú ý vào bộ đàm, và gã chắc chắn là nghe thấy những âm thanh léo nhéo văng ra từ đó. Gã không muốn chọc tức họ nhưng không muốn rời dây, bởi có lẽ gã sẽ không bao giờ còn đi trên dây như thế này nữa.

Tiếng la hét, tiếng còi hú, những âm thanh buồn tẻ của thành phố. Gã nén tất thảy chúng thành tiếng rừ rừ trắng. Gã tìm kiếm chút yên tĩnh cuối cùng cho mình và đã thấy: gã đứng trên đó, ngay chính giữa sợi dây, cách mỗi tòa tháp hơn ba mươi mét, hai mắt nhắm lại, thân thể bất động, và sợi dây biến mất. Gã hít đầy luồng không khí của thành phố vào phổi.

Ai đó đang hét vào chiếc loa phóng thanh: “Chúng tôi sẽ cho trực thăng đến, chúng tôi đang đưa trực thăng đến rồi. Xuống ngay đi!” Gã mỉm cười.

— Xuống bây giờ đây!

Gã tự hỏi phải chăng thời khắc cái chết đến cũng như thế này, tiếng ồn của cả thế giới và rồi sự yên bình khi tách xa khỏi chúng.

Gã nhận ra rằng trước đây gã chỉ toan tính cho bước đi đầu tiên, chưa bao giờ hình dung ra bước cuối cùng. Gã muốn kết cho đẹp. Gã hướng về phía cái loa phóng thanh và đợi một phút. Đoạn gã gật đầu như thể đồng ý. Phải, gã sẽ đi vào. Gã nhắc chân lên. Hình hài tối sẫm của gã nổi rõ trước mắt những con người bên dưới. Cẳng chân nhắc cao để tăng kịch tính. Đặt cạnh bàn chân xuống sợi dây. Đi như kiểu con vịt. Và rồi bàn chân kia, cứ thế cứ thế, như máy, và rồi gã chạy - nhanh chưa từng thấy so với bao lần đi trên dây - dùng gan bàn chân để bám lấy sợi dây, ngón chân hướng sang hai bên, cái gậy giữ thăng bằng giữ cách xa phía trước mặt, cứ thế gã chạy từ giữa sợi dây đến tận rìa tòa tháp.

Một viên cảnh sát phải lùi lại để tóm lấy gã. Gã đi dây chạy thẳng vào vòng tay anh ta.

— Thăng khốn, - viên cảnh sát nói, nhưng miệng toét cười.

Nhiều năm sau này gã vẫn sẽ ở trên ấy: chân đi giày nhẹ, tất đen, và lạnh lẽo phi thường. Cảm giác ấy ập đến vào những thời điểm kì quái nhất, khi gã đang lái xe dọc theo đường cao tốc, hoặc khi dùng những tấm ván đóng cửa sổ phòng cho chắc chắn trước khi bão nổi, hoặc khi đi bộ trên cánh đồng cỏ mọc cao vút quanh thảo nguyên đang thu hẹp dần ở Montana. Gã lại lơ lửng trong không trung, sợi cáp căng cứng giữa những ngón chân. Đan chéo go giữa những sợi gió. Cảm giác lên cao đột ngột. Cả thành phố bên dưới gã. Cảm giác ấy có thể bất thần ủa về cho dù gã đang có tâm trạng thế nào hay đang ở nơi đâu. Có khi gã chỉ đang lấy cây đinh từ đai cài dụng cụ đang đeo để đóng vào một miếng gỗ, hay vươn người mở ngăn đựng găng tay trên xe hơi, hoặc vục cái cốc thủy tinh xuống một dòng suối, hay biểu diễn một trò với các quân bài trong một buổi tiệc với bạn bè, thế rồi đột nhiên toàn bộ cơ thể gã bị vắt kiệt hết tất cả mọi thứ khác ngoại trừ dòng máu dồn lên cho một bước sai chân duy nhất. Cảm giác ấy như một bức ảnh mà cơ thể gã đã chụp được giờ hé lộ ra, cuốn album một lần nữa trải ra trước mắt gã rồi lại bị giật đi. Có khi gã nhìn thấy thành phố trải rộng, những nẻo

đường vun vút ánh đèn xe, cây cầu Brooklyn cổ kính như dáng đàn dương cầm cổ, đám khói xám xịt trên bầu trời New Jersey, một chú chim bồ câu vút chao cánh nhẹ nhàng, hay những chiếc taxi bên dưới. Chưa bao giờ gã thấy cảnh mình gặp nguy hiểm hay bị đẩy tới cực hạn, nên gã không bao giờ thấy lại khoảnh khắc gã nằm xuống trên sợi cáp, hoặc khi gã nhảy lò cò, hoặc nửa đi nửa chạy từ tòa tháp phía nam sang tòa tháp phía bắc. Gã thường nhớ lại lúc thực hiện những bước đi dây bình thường, những bước chân không có tí gì sáng chói. Đó là những bước chân có vẻ hoàn toàn chân thật, bắt rễ không mảy mảy di dịch trong ký ức của gã.

Sau cuộc đi tự dừng gã thấy khát. Gã chỉ muốn uống nước và muốn người ta tháo sợi dây ra: để nó ở đó thật nguy hiểm. Gã nói: “Các anh phải tháo sợi dây xuống.” Họ nghĩ gã đang nói giễu. Họ không hiểu gì hết. Sợi dây có thể bị gió thổi căng đứt, rơi xuống và phập, cắt đứt đầu người ta. Họ đẩy gã vào giữa mái tháp. “Làm ơn,” gã cầu xin. Gã nhìn thấy một người đang đi lại phía cái tời để nối lỏng dây ra cho bớt căng. Gã cảm thấy nhẹ cả người và sự mệt mỏi tràn đến, lại len lỏi vào cuộc đời gã.

Khi gã ló ra từ tòa tháp, hai tay bị còng, những người đứng xem liên rộ tiếng reo hò. Kèm sát gã là cảnh sát, phóng viên, máy quay lẫn những người đàn ông mặc comlê tề chỉnh. Những bóng đèn nháy báo động đã tắt.

Gã nhặt được một cái ghim giấy trong trung tâm điều khiển của Trung tâm thương mại thế giới. Với gã mở khóa còng thật là dễ: nó kêu tách một tiếng rồi bật nhẹ sang bên. Vừa đi gã vừa giữ tay ra khỏi chiếc còng và giơ cao tay để nhận thêm một tràng hoan hô thán phục. Trước khi cảnh sát kịp nhận ra gã đã làm gì thì gã đã tự khóa tay vào còng lại sau lưng.

— Khôn đấy nhỉ, - một hạ sĩ cảnh sát lên tiếng, móc từ túi gã ra chiếc ghim giấy. Nhưng trong giọng nói của viên hạ sĩ ẩn chứa sự ngưỡng mộ: chiếc ghim giấy này sẽ mãi thành giai thoại.

Anh chàng đi dây bước đi giữa hai hàng người qua hết trung tâm thương mại. Chiếc xe cảnh sát đang đợi sẵn cuối bậc cấp. Trở về với thế giới

thực mới lạ lắm làm sao: tiếng bước chân lép nhép, tiếng rao của người bán bánh mì kẹp xúc xích, tiếng reng reng từ trạm điện thoại công cộng xa xa.

Gã dừng lại, quay nhìn hai tòa tháp. Gã vẫn có thể nhìn rõ sợi dây chằng ngang: nó đang được kéo vào, một cách từ từ, cẩn trọng, một đầu được gắn vào một sợi xích, đến đoạn thừng, rồi khúc dây câu. Trông như đứa trẻ xóa mấy nét vẽ của nó trên tấm bảng khi bầu trời được rũ tung ra: cái vạch ngang đó cứ biến mất dần, từng tí từng tí một. Cuối cùng thì chẳng còn gì ở đó nữa, chỉ còn làn gió nhẹ hây hây.

Người ta xúm lại quanh gã, hét gọi tên gã, hỏi gã lý do làm thế là gì, xin chữ ký của gã. Gã đứng yên, nhìn lên cao và tự hỏi những người dưới này thấy việc ấy như thế nào: có đường chân trời nào bị cắt ngang trong mắt họ không. Một nhà báo đội cái mũ dẹt màu trắng hét lên, “Tại sao?” Nhưng lời ấy không đến được tai gã. Gã không thích câu hỏi tại sao. Những ngọn tháp vẫn ở kia. Thế là đủ. Gã muốn hỏi người phóng viên là tại sao anh ta lại hỏi gã tại sao. Một bài về của trẻ con thoáng qua đầu gã, một chuỗi những tại sao, tạm biệt, tạm biệt, tạm biệt.

Gã cảm thấy lưng mình bị đẩy nhẹ một cái và ai đó kéo tay gã. Gã quay mặt khỏi tòa tháp và bị dẫn đến chiếc xe cảnh sát. Viên cảnh sát đặt một bàn tay lên đầu gã: “Vào đi, anh bạn.” Gã bị ấn xuống chiếc ghế da cứng ngắt, hai tay vẫn kẹt trong cái còng.

Những tay thợ ảnh gi ống kính vào cửa sổ xe. Ánh sáng lóe lên bên ngoài cửa kính. Trong một lúc mắt gã như lòa đi. Gã quay mặt sang hướng bên kia. Bên ấy còn lắm máy quay hơn nữa. Gã nhìn chăm chăm về phía trước.

Còi hụ xe cảnh sát bật lên.

Toàn những ánh nhoáng đỏ xanh và tiếng còi rền rĩ.



Phần 3

MẮT XÍCH

PHIÊN TÒA SẼ BẮT ĐẦU NGAY SAU BỮA TRƯA. Các thẩm phán đồng liêu với ông, nhân viên lục sự, cánh phóng viên, thậm chí cả những tay viết tốc ký cũng đang bàn tán sôi nổi về vụ này, như đã từng bàn tán về những sự kiện nóng hổi khác xảy ra ở cái thành phố này. Một trong những ngày bất bình thường làm cho chuỗi ngày bình thường trở nên có ý nghĩa. New York luôn biết cách làm được điều đó. Thịnh vượng thành phố lại tung rũ tấm linh hồn của nó, cho rơi ập vào người ta một hình ảnh, một ngày lạ lùng, một vụ phạm tội, một nỗi sợ hãi, hoặc một vẻ đẹp khó tin đến nỗi người ta chỉ đành lắc đầu kinh ngạc.

Ông luôn ập ủ một giả định về thực tế này. Những sự kiện xảy đến một lần, rồi lần nữa, bởi đây là một thành phố không buồn quan tâm đến lịch sử. Những điều lạ lùng diễn ra đây đó hoàn toàn do chẳng cần thiết để tâm đến chuyện từng xảy ra. Cả thành phố sống theo kiểu chỉ biết thực tại từng ngày. Nó không cần tin vào chính bản thân nó như London hay Athens, hay thậm chí như là một biểu tượng của Thế Giới Mới, như Sydney, hay Los Angeles. Không, thành phố này không quan tâm mảy may đến việc nó đang đứng ở vị trí nào. Có lần ông thấy một chiếc áo phông in dòng chữ: NEW YORK THÀNH PHỐ KHỔN KIẾP. Cứ như thế đây là nơi chốn duy nhất đã từng và sẽ còn tồn tại trên đời.

New York tiếp tục tiến lên chính bởi vì nó không thềm mảy may để ý đến việc nó đã để lại cái gì phía sau. Nó như thành đô nơi Lot rời đi, sẽ tan biến nếu ngoái đầu nhìn lại. Hai cột muối^[55]. Long Island và New Jersey. Đã nhiều lần ông bảo vợ là quá khứ hoàn toàn biến mất trong thành phố này. Đó là lý do tại sao không có mấy đài tưởng niệm. Không như London, nơi mọi góc phố đều thấy nhân vật lịch sử nào đó tạc trên đá, một đài tưởng niệm chiến tranh ở đây, một bức tượng lãnh đạo bán thân ở kia. Thực tình ông chỉ thấy độ hơn chục công trình có thể coi là tượng đài thực sự ở New

York này, hầu hết đặt trong công viên Trung Tâm, dọc theo cung đường Văn Chương, mà bây giờ còn có ai đến công viên Trung Tâm nữa đâu? Người ta phải huy động đến cả một đội xe tăng để đi qua tượng ngài Walter Scott. Trên những góc phố nổi tiếng khác như Broadway hoặc phố Wall hoặc quanh quảng trường Gracie, chẳng ai thấy cần đòi biết về lịch sử. Cần quái gì chứ? Những bức tượng chẳng mài ra mà ăn được. Cũng chẳng moi được xu nào từ các đài tưởng niệm. Không thể vắt ra một triệu đô la từ một khối đồng thau.

Ngay cả ở tận đây, tại phố Trung Tâm này, người ta cũng không sốt sắng cho lắm với những công trình công cộng đó. Không có tượng Nữ Thần Công Lý bị bịt mắt. Không có các bậc thầy tư tưởng với chiếc áo choàng quần quăn. Không có Ba chú khỉ thông thái với tuyên ngôn Không nghe Điều sai, Không thấy Điều sai, Không nói Điều sai khắc trên những cột đá hoa cương của tòa án.

Điều gì đã khiến thẩm phán Soderberg cho rằng người đi trên dây đó là thiên tài? Một tượng đài trong chính bản thân anh ta. Anh ta tự biến mình thành tượng đài, không những thế còn là tượng đài hoàn hảo cho New York hoàn hảo, một biểu tượng nhất thời, tít giữa không trung cao vợi bên trên thành phố. Một tượng đài không nhằm vinh danh quá khứ. Anh ta đã đi vào Trung tâm Thương mại Thế giới và chẳng dây qua hai tòa tháp to nhất thế giới. Tháp Đôi. Sao mà khéo chọn. Thật ngạo nghễ. Thật mong manh. Thật là có tầm nhìn. Chắc chắn rồi, nhà Rookerfellers đã phải kéo đổ mấy ngôi nhà mang kiến trúc Phục Hưng Hy Lạp cùng vài ngôi nhà đá nâu kiểu cổ điển để dọn đường cho hai tòa tháp mọc lên kia mà, - Claire rất bực mình khi đọc được tin đó - nhưng hầu hết nơi đó khi trước chỉ có những cửa hàng đồ điện tử và những nhà đấu giá rẻ tiền nơi đám người mau mồm mau miệng chào bán đủ mọi thứ vô dụng trên đời, từ dụng cụ gọt cà rốt, đèn pin kiêm radio cho đến quả cầu tuyết phát nhạc. Để thế chỗ bọn vô lương tâm ấy, cơ quan Port Authority bèn xây hai tháp gắn đèn hiệu cao chạm chân mây. Những tấm kính phản chiếu bầu trời, màn đêm, những sắc màu: sự tiến bộ, sắc đẹp, chủ nghĩa tư bản.

Soderberg không phải là kiểu người ưa ngồi một chỗ và chê bai những gì đã qua. Thành phố này vĩ đại hơn những tòa nhà, vĩ đại hơn cả những cư dân sinh sống nơi đây. Nó có những sắc thái riêng. Nó chấp nhận bất cứ cái gì xuất hiện trên con đường phát triển của nó, tội phạm, bạo lực và cả những cú sốc nho nhỏ cần thiết vốn trời lên mỗi ngày.

Ông đồ rằng người đi dây đó hẳn đã phải suy nghĩ kỹ lưỡng trước khi hành động. Đó không phải là một cuộc đi bộ bất ngờ không có chuẩn bị. Anh ta đang dùng chính cơ thể mình để đưa ra một tuyên ngôn, và nếu anh ta ngã, chà, thì là ngã thôi - nhưng nếu anh ta sống sót, anh ta sẽ trở thành một tượng đài, không phải được tạc từ đá hay bọ đồng mà là một trong những tượng đài của New York khiến người ta phải thốt lên: *Anh có tin được không?* Văng thêm một thán từ thô tục trăm trề nữa. Ở New York lúc nào người ta cũng chêm vào mấy tiếng như vậy. Kể cả thẩm phán. Soderberg không thích nói năng thô tục, nhưng ông hiểu được giá trị của chúng khi bật ra ở một thời điểm thích hợp. Một người đàn ông đi trên dây, từ độ cao một trăm mười tầng lầu giữa không trung, mẹ kiếp, các anh tin nổi không chứ?

○ ○ ○

SODERBERG ĐÃ BỎ LỖ MẮT buổi trình diễn đó. Ông phát bực khi nghĩ tới chuyện thật ra mình chỉ lỡ có mấy phút thôi, thậm chí chỉ vài giây. Hôm ấy ông bắt taxi vào thành phố. Tài xế là một tay da đen mặt mày sừng sĩa bật loa nghe nhạc oang oang. Trong xe thoảng mùi “cỏ”. Phát kính lên được, chứ sao nữa, bây giờ chẳng thể đào đâu ra một cái taxi sạch sẽ tử tế nữa. Tiếng nhạc Rastafari dội ra từ đầu đọc băng. Gã tài xế thả ông xuống đằng sau số nhà 100 phố Trung Tâm. Ông đi bộ qua văn phòng công tố quận, dừng lại trước cánh cửa bên có khung sắt đang khóa kín, vốn là lối đi dành riêng cho các thẩm phán, để họ khỏi phải đi lẫn với những vị khách ở cửa trước. Đó không hẳn là một lối đi bí mật hay đặc quyền đặc lợi gì. Chẳng qua thẩm phán cần lối đi riêng, phòng khi có tên ngốc nào đó nảy ý

tự xử thay cho tòa. Dù vậy, ông vẫn thấy phấn khởi hơn chút khi nghĩ nó là một lối đi ít người biết dẫn vào trong tòa nhà công lý.

Đến cửa, ông liếc vội một cái ra sau. Ở tầng trên của tòa nhà bên cạnh ông thấy vài người đang thò đầu ra cửa sổ, nhìn về hướng Tây mà chỉ trỏ gì đó, nhưng ông mặc kệ, cho rằng đó chỉ là một vụ tai nạn xe hơi hoặc mới sớm ngày ra đã có đám cãi lộn nào đó. Ông mở khóa cánh cửa sắt. Giá mà ông quay lại và để ý hơn chút, hẳn ông đã kịp đi lên tầng và chứng kiến cảnh tượng đó từ xa. Nhưng thay vào đó ông chỉ khóa trái cửa, ấn nút thang máy, đợi cánh cửa xếp mở ra và đi thẳng lên tầng bốn.

Ông bước đi dọc hành lang trong đôi giày đen giản dị đi hàng ngày. Những bức tường tối sẫm có mùi ẩm mốc. Tiếng lộp cộp của đôi giày vang lên trong tĩnh lặng. Cái nơi này có màu xanh lam của ngày hè. Văn phòng của ông là một căn phòng trần cao ở tít cuối hành lang. Lần đầu tiên khi trở thành thẩm phán, ông phải dùng chung một căn phòng bé tí bụi bặm còn không xứng với một thằng bé đánh giày chứ đừng nói. Ông sửng sốt khi thấy mình và đồng nghiệp bị đối xử như thế. Trong ngăn kéo bàn làm việc đầy phân chuột. Những bức tường ghê lở đáng lẽ phải được sơn sửa từ lâu rồi. Những con gián đậu trên bậu cửa sổ, cào sột soạt như đang muốn đòi ra. Nhưng năm năm đã trôi qua, ông đã bị chuyển hết văn phòng này đến văn phòng khác. Văn phòng của ông bây giờ là trông oách hơn rồi, bản thân ông cũng được kính nể hơn đôi chút. Bàn làm việc bằng gỗ gụ. Lọ mực bằng thủy tinh chạm. Bức ảnh đóng khung của Claire và Joshua bên bãi biển Florida. Một thanh nam châm để giữ các ghim giấy. Lá cờ Mỹ treo trên đỉnh cột ngay phía sau lưng ông, bên cạnh cửa sổ, thỉnh thoảng khi trời có gió nó cũng phát phơ. Chưa phải là văn phòng xịn nhất thế giới, nhưng cũng coi là đầy đủ. Hơn nữa, ông không phải là người hay ca cẩm về những thứ tầm mủn: ông để dành chuyện đó phòng khi cần vào những lúc khác.

Claire đã mua cho ông một cái ghế xoay bọc da mới tinh, đầy nếp rãnh trang trí như những cái túi sêu ghép lại, ông rất thích cái khoảnh khắc đầu tiên mỗi sáng khi được thả mình xuống ghế mà xoay một vòng. Trên giá sách xếp hàng hàng dãy dãy. Báo cáo của tòa kháng án. Báo cáo của tòa

phúc thăm. Những quyển tổng hợp án lệ của New York. Tất cả sách của Wallace Stevens đều được ký tên và xếp riêng trên dãy đặc biệt. Cuốn kỷ yếu của đại học Yale. Trên bức tường phía đông trưng bản sao những văn bằng ông có. Thêm mẫu tranh biếm cắt từ báo *New Yorker* được đóng khung ngay ngắn treo ngay cạnh cửa ra vào, trên vẽ thánh Moses trên đỉnh núi, tay cầm Mười Điều Răn, trong đám đông hai vị luật sư thậm thụt với nhau: *Tụi mình gặp may rồi, Sam, trong này không hề có một lời nào về chuyện hồi tố hết.*

Ông bật bình pha café, trái tờ *The New York Times* ra bàn, lôi ra vài gói bột kem pha kèm. Bên ngoài có tiếng còi báo động. Lúc nào cũng báo động: cái tiếng chói gắt đó chen những phút bực mình vào ngày của ông.

Ông đang đi về phía bàn làm việc thì cánh cửa cọt kẹt mở ra và một cái đầu nhẵn bóng thò vào nhìn quanh. Thật bất công, nhưng đúng là phần lớn thẩm phán đều hói đầu. Đó không chỉ là một xu hướng, mà là một thực tế. Tất cả bọn họ cùng nhau hợp thành một đội những anh chàng đầu bóng lộn. Ngay từ những ngày mới vào nghề đó đã là một sự tra tấn tưởng tượng, rằng mảng tóc trán sẽ cứ lùi dần: chẳng mấy bộ óc uy tín trong ngành còn được tóc tai che phủ nữa.

— Chào ông bạn.

Khuôn mặt của thẩm phán Pollack đỏ bừng. Đôi mắt anh ta trông như hai gioăng kim loại sáng lóe. Anh chàng hình như đang kích động. Anh lấp ba lấp bấp gì đó về một anh chàng tự treo mình giữa hai tòa tháp. Ban đầu Soderberg nghĩ đó là một vụ tự tử, kiểu như treo mình vào cần cầu rồi nhảy xuống hay đại loại thế. Ông chỉ gật đầu, lật trang báo tiếp theo, toàn là bài về vụ xì căng đan Watergate, thế cậu bé Hà Lan đó ở đâu khi người ta cần đến nó nhỉ^[56]. Ông cười nhạt, rõ là lần này G. Gordon Liddy đã đặt ngón tay sai chỗ hoàn toàn, rồi tiếng cười của ông chuyển phắt mục tiêu sang Pollack khi thấy ngực áo choàng đen lẫn mép anh chàng còn dính vệt phô mai kem trắng trắng. Cuộc đột kích trên không. Soderberg ngã người xuống chiếc ghế quen thuộc của mình. Ông đang định trêu về bữa sáng còn

rơi rớt đó thì nghe Pollack nhắc tới mấy từ “gậy giữ thăng bằng” và “sợi dây treo”, rồi ông sức hiểu.

— Nói lại xem?

Người thanh niên Pollack đang nói đến thực sự đã đi bộ giữa hai tòa tháp. Không chỉ vậy, anh ta còn nằm xuống trên sợi dây. Anh ta nhảy lò cò. Anh ta khiêu vũ. Anh ta còn gần như là chạy từ bên này sang bên kia.

Soderberg xoay một góc chín mươi độ một cách quả quyết trên chiếc ghế, kéo rèm cửa lên và thử nhìn qua khoảng không. Ông nhìn thấy rìa tòa tháp phía bắc, nhưng cảnh cần xem lại bị khuất.

— Anh lỡ dịp rồi. - Pollack nói. - Anh ta vừa kết thúc.

— Vụ đó hợp pháp chứ?

— Sao?

— Có được cấp phép không? Có kèm quảng cáo không?

— Tất nhiên là không rồi. Anh chàng đó đột nhập vào ban đêm. Chăng sợi dây lên và cứ thế đi. Chúng tôi quan sát anh ta từ trên tầng thượng. Mấy cậu bảo vệ báo cho chúng tôi biết.

— Anh ta đột nhập vào Trung tâm Thương mại Thế giới ấy à?

— Gã đó khùng, tôi cho là vậy. Anh thấy sao? Phải tổng anh ta vào Bellevue^[57] thôi.

— Làm sao anh ta chằng sợi dây lên được?

— Không biết.

— Bị bắt chưa? Anh ta có bị bắt không?

— Hẳn đi rồi. - Pollack nói với một tiếng cười khùng khục.

— Phân khu nào?

— Một, ông bạn ạ. Không hiểu ai sẽ xử vụ anh ta nhỉ?

— Hôm nay tôi sẽ thụ lý các vụ án.

— Anh thật là may mắn. - Pollack nói. - Tội xâm nhập trái phép.

- Tội cố ý gây nguy hiểm.
- Tội tự mãn, - Pollack nháy mắt.
- Vụ này sẽ vui đây.
- Xe cảnh sát chạy nháo nhào cả nhĩ.
- Bạo thật đấy.

Soderberg không chắc là từ “bạo” đó có đồng nghĩa với “nhảm nhí” hay “ngu ngốc” không. Pollack lại nháy mắt với ông và vẫy chào như một thượng nghị sĩ rồi đóng sập cánh cửa lại gọn ghẽ.

- Nhảm nhí. - Soderberg nói với cánh cửa đã khép.

Nhưng đúng là vụ này làm ngày hôm nay thú vị hơn nhiều thật, ông nghĩ. Mùa hè đã nóng nực và nặng nề với đầy những vụ chết chóc, phản bội, đâm chém, thế nên ông rất cần một chút giải trí cho khuây khỏa.

Ngày hôm nay chỉ thụ lý hai vụ, vì thế Soderberg có năm mươi phần trăm cơ hội được lĩnh vụ này. Mà phải xử kịp lúc mới được. Còn không bọn ngoài kia có thể sẽ đẩy chàng trai đó qua hệ thống pháp lý rất chóng vánh, đám ấy mà thấy việc gì đáng đưa thành tin tức thì muốn làm gì chẳng được. Họ sẽ xoay xử cho anh ta được ra chỉ sau vài giờ. Lấy dấu vân tay, thẩm vấn, chuyển đến tòa Albany, rồi phóng thích. Bị tuyên nộp phạt một khoản vì phạm tội nhẹ. Có lẽ anh ta và một vài đồng bọn nữa. Điều khiến ông cứ phải suy nghĩ là: Làm thế quái nào mà anh ta treo sọt cáp giữa hai tòa tháp được? Hẳn sọt dây đó bằng thép liền? Làm sao anh ta tung nó sang đầu bên kia được? Dùng trục thẳng à? Hay cần cầu? Hoặc luồn qua các cửa sổ bằng cách nào đó? Hay anh ta thả một đầu dây xuống và rồi kéo nó lên ở phía bên kia? Những bản khoản ấy làm Soderberg khẽ rùng mình khoan khoái. Thịnh thoảng cũng được một vụ hay ho kích thích. Chút gia vị cho một ngày buồn tẻ. Câu chuyện làm quà lúc trà dư tửu hậu. Nhưng nhờ ông không được nhận vụ đó thì sao? Nhờ vụ đó chuyển cho thẩm phán khác? Có lẽ ông nên ngỏ lời với văn phòng công tố quận và các nhân viên lục sự, một cách bí mật thôi, tất nhiên rồi. Ở tòa án lúc nào cũng có hệ thống những đặc ân qua

lại kiểu đó. Để cho tôi vụ anh chàng đi dây đó nhé, coi như tôi nợ anh lần này.

Ông gác chân lên mặt bàn làm việc và uống café, trầm tư suy ngẫm về xung động của ngày hôm nay, một ngày có triển vọng được thụ lý một vụ án, mà lần đầu tiên, không chỉ là công việc thuần túy.

Ông phải thừa nhận hầu hết mọi ngày đều tẻ nhạt. Bao nhiêu thứ sóng gió ập vào mặt, hết đợt này đến đợt khác. Để lại một đống vụn vỡ phía sau. Ông không còn ngại dùng từ *cận bã* nữa. Đã có thời ông thậm chí không dám dùng từ đó. Nhưng sự thật là hầu hết bọn chúng đều là cận bã và ông thấy đau lòng khi phải thừa nhận như vậy. *Cận bã*. Đợt thủy triều bắn tràn lên bờ biển rồi khi rút đi để lại đầy những bom kim tiêm với giấy gói bằng nhựa và những cái áo dính đầy máu và bọn trẻ ranh còn chưa biết trời cao đất dày. Ông phải xử lý những thứ tẻ nhạt nhất trong đám cận cùng xã hội. Mọi người đều nghĩ ông sống trong không gian như thiên đường ốp gỗ gụ, có một công việc nghe vang như mõ, một sự nghiệp đầy quyền lực, nhưng thực sự ngoài danh tiếng ra thì chẳng có gì đáng kể hết. Nó giúp ông đặt được ở bàn tốt trong nhà hàng sang trọng, điều đó làm gia đình Claire hết sức hài lòng. Trong các bữa tiệc ai cũng cố sức gồng mình ra vẻ. Họ ưỡn ngực thẳng vai ngồi xung quanh ông. Nói năng kiểu cách khác hẳn. Chẳng phải là đặc quyền đặc lợi lớn lao gì, nhưng có còn hơn không. Thịnh thoàng cũng có cơ hội thăng tiến, chẳng hạn leo lên tòa án tối cao, nhưng cái cơ hội đó chưa đến lượt ông hưởng. Rốt cuộc thì hầu hết mọi thứ cũng chỉ xoay quanh những điều trần tục. Một trò giữ trẻ quan liêu mà thôi.

Ở đại học Yale, khi ông hãy còn trẻ và ương ngạnh, ông từng chắc chắn một ngày nào đó mình sẽ trở thành trục quay cho cả thế giới xoay quanh, cuộc đời ông sẽ gây được tầm ảnh hưởng sâu rộng. Nhưng chàng thanh niên nào mà chả nghĩ vậy. Tuổi trẻ là thế, luôn thấy mình quan trọng. Cứ nghĩ sẽ để lại dấu ấn trên đời này. Nhưng sớm hay muộn một người đàn ông trưởng thành cũng sẽ ngộ ra. Ta nhận lấy một lối đời nhỏ xíu và biến nó thành của mình. Cố lướt qua thời gian theo cách tốt nhất có thể. Ta trở về nhà với người vợ hiền thực của mình và an ủi nàng. Ta ngồi vào bàn và khen

ngợi bộ dao nữa. Ta cảm ơn những ngôi sao may mắn đã đem lại cho ta gia tài kếch xù của nàng. Rồi ta hút một điếu xì gà ngon và hy vọng thỉnh thoảng cũng được lăn lộn trên những tấm ga giường bằng lụa. Ta mua cho nàng một món trang sức xinh xắn ở hiệu DeNatale's và hôn nàng trong thang máy vì trông nàng vẫn xinh đẹp, vẫn giữ dáng tốt cho dù nhiều năm đã trôi qua, thực sự là thế. Ta hôn tạm biệt nàng, ngày ngày xuống phố đi làm và sẽ sớm phát hiện ra rằng nỗi buồn khổ của mình chỉ bằng phân nửa nỗi khổ của người khác. Ta than khóc cho đứa con trai đã chết, nửa đêm ta tỉnh giấc vì người vợ đang thốn thức bên cạnh, rồi ta đi vào bếp, làm cho mình một chiếc bánh kẹp phết bơ và tự nhủ, chà, ít nhất đây cũng là một chiếc bánh kẹp phết bơ trên đại lộ Park, có thể còn tệ hơn thế, cuộc đời mình có khi phải gặp cái kết còn tệ hơn thế nhiều: và phần thưởng là một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Đám luật sư đều biết sự thật. Các nhân viên lục sự cũng vậy. Thẩm phán thì đương nhiên là biết rồi. Phố Trung Tâm đúng là một cái nhà xí. Thực tế là họ gọi nó như vậy thật: nhà xí. Khi họ gặp nhau ở tại buổi họp mặt chính thức nào đó. *Earl, hôm nay nhà xí thế nào? Tôi bỏ quên cặp táp trong nhà xí.* Thậm chí họ còn dùng nó như một động từ. *Ngày mai anh có nhà xí không, Thomas?* Ông rất ghét phải thừa nhận điều đó kể cả với chính bản thân mình, nhưng đó đúng là sự thật. Ông hình dung mình đang ở trên một cái thang, một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề trên nấc thang, một người có đặc quyền, có phong cách và học thức, mặc bộ áo choàng đen, ở bên trong tòa nhà của công lý, dùng hai bàn tay trần để nhặt nhanh những lá cùng cành cây thối khỏi rãnh nước từ nhà xí.

Điều này không còn làm ông bận tâm như trước kia nữa. Ông là một phần của cái hệ thống đó. Bây giờ ông đã hiểu được sự thực đó. Một mẫu da nhỏ trên thân thể một sinh vật có cấu trúc tinh vi. Một cái răng truyền động hai bánh xe. Mà có lẽ đó chỉ là quá trình người ta già đi. Ta nhường sự thay đổi cho các thế hệ sau thực hiện. Nhưng rồi cái thế hệ tiếp nối ta đó lại bị nổ tung trong các quán café ở Việt Nam, và ta bước tiếp, phải bước tiếp, bởi vì ngay cả khi những người ấy đi rồi, họ vẫn được tưởng nhớ đến.

Soderberg giờ không là một nhà hoạt động độc lập người Do Thái như vẫn từng mong mỏi, nhưng ông không chịu buông xuôi. Bởi đây là vấn đề danh dự, sự thật, và sống còn.

Khi nhận cuộc gọi mời việc đầu tiên vào mùa hè năm 1967, ông định nhận công việc này và trở thành một mẫu mực về đạo đức trong ngành. Ông sẽ không chỉ trụ vững đến cùng, mà còn tỏa sáng. Ông bỏ công việc hiện tại và phải chịu giảm thu nhập đến năm mươi lăm phần trăm. Ông không cần lương cao. Ông và Claire đã dành dụm được một khoản kha khá, trong tài khoản của họ có nhiều tiền, một khoản thừa kế kếch xù, hơn nữa Joshua đã ổn định công việc ở PARC. Dù ý tưởng trở thành luật sư đến một cách hoàn toàn bất ngờ, ông vẫn thích nó ngay. Hồi trẻ ông từng làm việc vài năm ở Văn phòng Công tố Liên bang, thực tế, ông đã bỏ nhiều thời gian nỗ lực, từng làm cho một ủy ban thuế, tạo được cho mình một bản thành tích đáng kể, và cũng biết bỡ ngỡ đúng người. Trong thời gian đó ông cũng đã thụ lý một vài vụ khó, đứng ra tranh biện khá thuyết phục, tìm được cách giải quyết các bên đều chấp nhận. Ông viết một bài xã luận cho tờ *The New York Times* chất vấn những giới hạn pháp lý của những đối tượng trốn nhập ngũ cũng như ảnh hưởng tâm lý của chế độ cưỡng bách tòng quân lên cả nước. Sau khi cân nhắc kỹ các phương diện đạo đức và thể chế, ông đi đến thái độ kiên quyết ủng hộ chiến tranh. Tại những bữa tiệc trên đại lộ Park ông đã từng gặp thị trưởng Lindsay, nhưng chỉ thoáng qua, vì thế khi nhận lời mời hẹn gặp, ông nghĩ đó chỉ là một trò bịp bợm. Ông gác máy điện thoại. Tự cười giễu mình. Nhưng điện thoại lại đổ chuông. Ông muốn tôi làm gì đây? Cuối cùng đúng là người ta nói về chuyện thăng chức thật, đầu tiên là giữ quyền thẩm phán ở tòa án tối cao New York, và rồi, ai mà biết được - từ điểm xuất phát đấy trở đi thì nhiều khả năng lắm. Nhiều trường hợp thăng chức bị đình hoãn khi thành phố rơi vào tình trạng phá sản, nhưng ông không ngại, ông sẽ vượt lên được. Ông là kiểu người tin tưởng vào sự đúng đắn của luật pháp. Với vai trò đó ông có thể cân nhắc, mổ xẻ, suy ngẫm và tạo nên thay đổi, đóng góp chút gì cho thành phố nơi ông sinh ra. Ông luôn luôn cảm thấy mình vẫn chỉ mon men bên lề thành phố và bây giờ ông sẵn sàng chịu bị giảm thu nhập để được thâm nhập vào trung tâm của nó. Luật

pháp phải ở mức cơ bản trong phương cách phổ biến lẫn mức độ dung chứa những trò điên rồ quá hạn của con người. Ông tin tưởng rằng luật dù đã thành văn cũng không nên mãi không thay đổi. Luật là sản phẩm con người tạo ra. Bởi vậy nó phải được sàng lọc. Ông quan tâm tìm hiểu không chỉ những điều có thể diễn ra, mà cả những điều buộc phải diễn ra. Ông sẽ được bắt tay hành động thực sự. Trở thành một trong những người thợ mỏ quan trọng đào tìm đức hạnh của thành phố này. Trở thành Ngài Solomon Soderberg tôn kính.

Ngay cả cái danh xưng đó nghe cũng thật oách. Có lẽ người ta nhận ông vào để làm bung xung thế thôi, cho cân bằng số sách, nhưng ông không bận tâm lắm, cái được sẽ hơn cái mất. Ông sẽ là một thầy giảng giới luật Do Thái, khôn ngoan và biết quan tâm. Hơn nữa trong mọi luật sư đều đã sẵn một thẩm phán tiềm ẩn.

Ngày đầu tiên ông bước vào tòa nhà, lòng sục sôi nhiệt huyết. Qua cổng chính. Ông muốn thưởng thức xứng đáng cảm giác này. Ông đã mua một bộ com-lê mới toanh của một nhà may hợp mốt trên đại lộ Madison. Cà vạt Gucci. Đôi giày có núm tua. Ông đi đến tòa nhà, lòng đầy ắp những kỳ vọng. Mặt ngoài những cánh cửa rộng màu vàng có khắc dòng chữ NHÂN DÂN LÀ NỀN TẢNG CỦA SỨC MẠNH. Ông đứng lại một phút để thấm hút câu ấy vào trong người. Bên trong hành lang là những bóng người mờ mờ chuyển động. Từ cò dặt khách đến các phóng viên, và cả những tay luật sư quạ đen nữa^[58]. Những người đàn ông đi giày cao đế bằng màu tía. Những phụ nữ lệch thếch kéo con đấng sau. Những kẻ vô công rồi nghề ngủ ngay trong hốc cửa sổ. Ông có thể cảm nhận tim mình trĩu xuống theo từng bước chân. Thoáng nhìn nơi này trông vẫn còn nét bề thế với vòm trần cao, lan can bằng gỗ cũ xưa và sàn nhà lát đá cẩm thạch, nhưng càng đi sâu vào bên trong tinh thần ông càng sục giảm. Phòng xử án còn tệ hại hơn trong trí nhớ của ông. Ông lê bước đi xem xung quanh, sững sờ, rồi chán hẳn. Những bức tường dọc hành lang bị vẽ bậy linh tinh. Đám đàn ông ngồi hút thuốc lá ngay phía sau các phòng xử án. “Hàng” cho bọn nghiện được bán ngay trong phòng vệ sinh. Công tố viên mặc com-lê có vết thủng. Đám cảnh sát biến

chất loanh quanh khắp nơi kiếm cơ hội chắm mút tí tiền trà nước. Bọn trẻ bắt tay chào nhau theo cái kiểu rắc rối riêng của chúng. Mấy ông bố ngồi cạnh những cô con gái đang phê rữ rượi. Mấy bà mẹ thì ngồi khóc lóc bên cạnh những đứa con trai tóc tai lượm thượm. Lớp da đỏ đẹp dễ bọc cửa vào phòng xử án bị rạch toác ra. Đám luật sư thì đi đi lại lại với những chiếc cặp táp tơi tả. Ông lướt qua tất cả bọn họ, đi thang máy lên tầng trên, rồi kéo ghế ra khỏi bàn làm việc mới của ông. Có một mẫu bã kẹo cao su khô cứng bám dưới ngăn kéo bàn.

Mặc dù vậy, ông tự nhủ với mình, mặc dù tất cả những cái đó, ông sẽ làm cho mọi thứ vào quy củ sớm thôi. Ông có thể xử lý được. Ông sẽ xoay chuyển tình hình.

Một chiều nọ ông tuyên bố các dự định của mình nhân bữa tiệc tiễn Kemmerer về hưu. Tiếng cười dội lên khắp phòng. “Solomon đã nói như thế đấy”, một gã mặt mày ủ dột nói. “Xẻ đứa trẻ ra đi các chàng^[59]”. Sự vui vẻ bùng lên và tiếng chạm cốc rộ lên lan canh. Những thăm phán khác khuyên rằng rồi ông sẽ quen thôi, rằng ông sẽ nhìn thấy ánh sáng nhưng vẫn ở trong đường hầm. Điều tuyệt vời nhất của pháp luật là sự khoan dung sáng suốt. Người ta phải chấp nhận dần những kẻ ngu xuẩn. Nơi này là vậy. Đôi khi cũng phải biết che mắt cho qua. Ông cần phải học cách thua cuộc. Đó là cái giá của sự thành công. Cứ thử mà xem, họ nói. Thử đấu với cả hệ thống đi, Soderberg, rồi anh sẽ phải ngồi gặm pizza rẻ tiền ở Bronx. Hãy cẩn thận. Theo dòng đi thôi. Nhập cánh chúng tôi đây. Và nếu ông nghĩ Manhattan thật tệ hại, thì cứ việc đi đến chỗ nào những ngọn lửa thực sự đang sục sôi, đến thẳng cái Hà Nội trong lòng nước Mỹ đó đi, ngay ga cuối tuyến tàu số 4, nơi những gì tệ hại nhất của thành phố phô ra mỗi ngày^[60].

Trong nhiều tháng liền ông không muốn tin những lời ấy, nhưng dần dần nhận ra họ đã đúng - ông đã bị mắc kẹt, ông chỉ là một mắt xích của cái hệ thống đó - cái từ đó thật quá hợp - một mắt xích trong Chuỗi Xích.

Rất nhiều vụ chỉ được giải quyết qua loa nhanh chóng. Bọn tội phạm trẻ dại sẽ nhận tội, hoặc không thì ông sẽ tuyên chúng mức án đúng bằng thời gian tạm giam chờ xử, chỉ thế mới giải tỏa được tình trạng chất chồng ứ

động nơi này. Ông còn phải hoàn thành cho kịp chỉ tiêu xét xử. Ông còn phải trả lời các sếp ngồi ngay tầng trên của tòa nhà. Những tội nặng giảm thành tội nhẹ. Đó cũng là một hình thức khác của sự phá hủy. Khi cần thì cũng phải băm bổ như quả tạ nện vào phá sập tòa nhà thôi. Ông bị phán xét dựa trên việc ông phán xét thế nào: ông càng mang lại ít việc cho các đồng nghiệp ở tầng trên thì họ càng vui vẻ. Chín mươi phần trăm các vụ án, kể cả những vụ phạm pháp nghiêm trọng cũng phải qua loa cho xong. Ông vẫn nóng lòng mong được thăng chức như hứa hẹn, quả có thể, nhưng ngay cả điều đó cũng không thể dập tắt cái cảm giác rằng ông phải nhét tất cả lý tưởng một thời ôm ấp vào dưới tấm áo chùng đen rẻ tiền, và bây giờ, khi kiếm tìm, ông thậm chí không còn có thể tìm ra nó trong những kẽ hở tối tăm nhất.

Ông đến tòa nhà số 100 phố Trung Tâm mỗi tuần năm ngày, khoác tấm áo chùng lên, đi đôi giày bóng nhất, kéo tất lên cao lên đến mắt cá chân, và cố giành chiến thắng mỗi khi có thể. Ông biết vấn đề nằm ở chỗ mình lựa chọn trận chiến nào. Ông có thể dễ dàng có được hàng tá các trận thắng như thế mỗi ngày, thậm chí nhiều hơn nếu ông muốn. Ông có thể tiếp nhận lời thách đố của cả cái hệ thống đó. Ông có thể tuyên phạt những tay vẽ graffiti lung tung những một nghìn đô la để rồi không bao giờ chúng có khả năng trả được. Hoặc tổng bọn nhóc đốt pháo hoa trên phố Mott vào tù sáu tháng liền. Cũng có thể cho bọn nghiện ngồi bóc lịch cả năm. Xích chúng trong đó bằng cách định khoản tiền bảo lãnh thật cao. Nhưng ông biết rồi mọi thứ sẽ bật ngược trở lại. Chúng sẽ không chịu nhận tội. Và rồi ông sẽ bị người ta ném sổ sách vào mặt vì đã để phiên xử án bị tắc nghẽn. Những tên trộm trong siêu thị, bọn nhóc đánh giày, đám chôm chia trong khách sạn, bọn choai choai bày trò đoán bài ăn tiền, tất cả bọn chúng cuối cùng rồi sẽ được quyền tự biện hộ. Vô tội, thưa quý tòa. Thế là thành phố bị tắc lại đó. Các cống rãnh sẽ đầy ứ. Những thứ bẩn thỉu sẽ tràn ra. Các vỉa hè ngập ngụa. Và rồi người ta đổ lỗi lên đầu ông.

Vào những thời điểm tệ hại nhất, ông nghĩ mình chỉ là một người thợ bảo trì, một người gác cổng, một gã bảo vệ nhỏ nhoi. Ông quan sát hàng

người lũ lượt đi vào đi ra phòng xử án, dù hôm đấy ông sắm vai Mắt xích nào trong đó, tự hỏi làm sao mà thành phố này đã trở nên ghê tởm đến thế trong mắt ông. Làm sao nó có thể túm tóc em bé mà nhấc lên, làm sao nó có thể hiếp những bà già bảy mươi tuổi, làm sao nó lại đốt chiếc đi-văng mà cặp tình nhân đang ngủ trên đó, làm sao nó móc trộm những thanh kẹo, đập vỡ ngực người ta, để đám phản đối chiến tranh nhổ cả vào mặt cảnh sát, để cánh công đoàn chèn ép lên các ông chủ của họ; làm sao có thể để bọn Mafia thao túng những cung đường lót ván ven biển, để những ông bố dùng con gái ruột thân nhiên như dùng cái gạt tàn, để những cuộc ẩu đả trong quán bar trở nên mất kiểm soát, và đẩy những doanh nhân vô cùng đàng hoàng tử tế sa sút đến mức thành kẻ tè bậy ngay trước tòa nhà Woolworth; rồi những khẩu súng được rút ra ngay giữa quán pizza, những gia đình bị nổ tung chết hết, những nhân viên y tế kết thúc cuộc đời với hộp sọ vỡ nát, những con nghiện tiêm thẳng heroin vào lưỡi, những tên vô lương tâm lừa các bà lão mất sạch số tiền ki cóp cả đời, những tay bán hàng thối tiền gian, thị trường thành phố thì vo ve phình nình và lừa dối người ta trong khi cả thành phố cháy rụi đến tận nền móng, dọn mình sắp sửa mai táng luôn chút tàn tro sót lại, tội ác, tội ác, tội ác.

Không có tệ hại nào của cái thành phố này mà chưa qua mắt của Soderberg. Đám cặn bã đó chừng như cũng tiến hóa. Ta chặn được một thời gian là những thứ cặn bã lại chảy qua trơn tuột, dù ta đã cố chiến đấu với nó ác liệt thế nào.

Những thằng ngốc này cứ tiếp tục đổ về đây từ khắp nơi, từ những rạp chiếu phim rẻ tiền, các câu lạc bộ thoát y, buổi triển lãm quái nhân dị thú, cửa hàng bán đồ chơi khoái lạc, buồng chiếu phim con heo, các khách sạn nhếch nhác rẻ tiền, và trông bọn họ còn thảm hại hơn thế sau vài ngày trong trại tạm giam. Một lần khi đang chủ tọa một phiên tòa, ông nhìn thấy một con gián thực sự đang chui ra khỏi túi một bị cáo và bò trên vai, dọc lên một bên cổ hấn trước cả khi hấn kịp nhận ra nó. Lúc nhìn thấy, gã đó chỉ phui nó đi, và tiếp tục kêu nài hồng đờ tội. Có tội, có tội, có tội. Hầu như tất cả bọn chúng đều nhận tội để đổi lấy một mức án có thể chịu được, hoặc

được tuyên án bằng thời gian tạm giam, hoặc chịu nhả ra một khoản tiền phạt nho nhỏ, và đi tiếp con đường khoái lạc của chúng, ngênh ngang trở ra lại với thế giới, chỉ để rồi lại quay lại phòng xử án chỉ sau một hai tuần. Điều đó khiến ông luôn căng thẳng. Ông mua một dụng cụ tập tay bỏ vừa khít trong túi. Ông thường luồn tay dưới tấm áo chùng và lôi nó ra khỏi túi áo vét để len lén bóp dưới lớp áo. Dụng cụ đó gồm lò xo và hai tay cầm gỗ. Ông chỉ hy vọng là mình không ai bị nhìn thấy. Bởi hành động ấy rất dễ hiểu nhằm thành thẩm phán lại đi sờ soạng dưới áo chùng. Nhưng bài tập tay giúp ông bình tĩnh đối phó với những vụ án đến rồi đi, và bảng chỉ tiêu của ông được hoàn thành. Muốn thành anh hùng của cái hệ thống này thì chỉ cần xử lý được nhiều vụ nhất trong thời gian nhanh nhất. Cứ mở cửa cổng mà tổng tháo tất chúng đi.

Bất cứ ai dù chỉ tạt qua hay tham gia hẳn vào cái hệ thống này ở vị trí nào đi nữa đều cảm thấy bị o ép khó chịu. Đủ loại tội phạm đổ tới bên công tố - nào là hiếp dâm, giết người, dâm chém, cướp giật. Các trợ lý trẻ tuổi trong văn phòng công tố quận kinh hoàng trước những bản danh sách dài dằng dặc. Những lời tuyên án khiến các viên lục sự khó chịu: họ giống những tay cảnh sát đang thất vọng, thỉnh thoảng xuýt xoa khi thấy quan tòa quá nương tay. Người thư ký tòa bị quở vì biên bản viết lú lú khó đọc. Đủ loại công kích đổ xuống đầu cánh luật sư trợ giúp pháp lý. Các loại lời lẽ ập vào mặt nhân viên áp giải bị cáo. Chuyên gia tâm lý tòa án bị chê trách bởi các suy luận đơn giản tới thô thiển. Cảnh sát căm ghét công việc báo cáo giấy tờ. Những khoản tiền phạt nương tay mấy cũng làm bọn tội phạm phát rồ. Những khoản tiền bảo lãnh dù khiêm tốn cũng khiến người bảo lãnh kêu ca. Tất cả mọi người đều mắc kẹt và công việc của ông là ngồi giữa đám bùng nhùng đó mà ban bố công lý và cân bằng giữa cái đúng cái sai.

Cái đúng và cái sai. Trái và phải. Lên và xuống. Ông hình dung mình đứng chênh vênh trên rìa vách đá, buồn nôn và chóng mặt và hoang mang ngược nhìn lên.

Soderberg nuốt ực ngụm café. Mùi café rỏ tiền lẫn mùi kem sữa. Hôm nay ông sẽ thụ lý vụ anh chàng đi dây - chắc chắn như vậy.

Ông nhắc điện thoại lên và gọi văn phòng công tố quận, nhưng điện thoại cứ reo mãi reo mãi và khi ông nhìn lên chiếc đồng hồ để bàn thì thấy đã đến giờ xử buổi sáng.

Mệt mỏi, Soderberg đứng lên, rồi tự mỉm cười với mình khi ông nổi theo hàng người thẳng tắp đi dọc tầng lầu.

○ ○ ○

ÔNG RẤT THÍCH cái áo chùng mỏng nhẹ trong tiết trời hè. Khuỷu tay đã hơi sần một chút, nhưng không sao, nó rất thoáng mát và nhẹ nhàng. Ông cầm mấy cuốn sổ cái lên, kẹp dưới cánh tay, thoáng liếc hình ảnh người đàn ông đậm người trong gương, những đường gân hằn trên gương mặt, hai hố mắt sâu trũng. Ông vuốt mấy sợi tóc lơ thơ còn lại trên đầu ẹp xuống, trịnh trọng bước ra hành lang, qua chỗ thang máy. Ông đi cầu thang bộ xuống, hơi hụt chân một cái. Đi ngang qua đám quản giáo và nhân viên dẫn độ bị cáo để vào hành lang phía sau phòng 1A chuyên dành cho phiên luận tội. Phần tệ nhất của đoạn đường. Phía sau tòa án là những tù nhân đang bị giam trong trại. Lò mổ, người ta gọi chúng như vậy. Những buồng giam tầng trên chạy suốt một nửa tòa nhà. Những song sắt sơn màu vàng kem. Không khí sực lên mùi cơ thể người. Các nhân viên tòa án phải dùng đến bốn chai xịt thơm mỗi ngày.

Rất nhiều cảnh sát và nhân viên đang xếp thành hàng dài dọc rào chắn tạm, bọn tội phạm đủ khôn ngoan mà giữ trật tự khi ông đi qua. Ông bước đi rất nhanh qua các nhân viên, đầu cúi xuống.

— Xin chào ngài thẩm phán.

— Giày đẹp lắm, thưa ngài.

— Rất vui được gặp lại ngài.

Một cái gật đầu khe khẽ đáp lại bất kì ai chào ông. Giữ thái độ xa cách một cách ngoại giao là điều quan trọng. Cũng có một số thẩm phán đùa

cột, chế giễu hay suồng sã với nhân viên nhưng Soderberg thì không. Ông nhanh nhẹn đi qua hàng người, qua cánh cửa gỗ, vào trong một không gian lịch sự, hay chỉ là tàn dư của nó, chiếc ghế băng gỗ tối sẫm, chiếc micro, những bóng đèn tuýp, ông bước lên các bậc thang tới chỗ ngồi cao hẳn dành cho ông.

Chúng ta tin ở Chúa.

Buổi sáng hôm đó trôi đi rất nhanh. Lịch xử kín đặc. Toàn các tội thường gặp. Lái xe khi bằng lái đã hết hạn. Đe dọa cảnh sát. Tấn công người khác cấp độ hai. Có hành vi khiêu dâm nơi công cộng. Một người đàn bà đã đâm vào cánh tay dì của mình chỉ vì số tem phiếu thực phẩm. Cậu nhóc tóc hoe tham gia vụ trộm xe hơi bị đồng bọn lật kèo. Một gã bị phạt lao động công ích vì đã lắp đặt một cái lỗ nhòm trộm căn hộ phía dưới - Chàng Nhìn Trộm không ngờ chính cô ả kia cũng ưa nhòm trộm, và thế là ả ta nhòm thấy gã ta đang nhòm mình. Một nhân viên pha chế cãi nhau với khách hàng. Một vụ giết người ở phố người Hoa được chuyển lên tầng trên ngay lập tức, mức tiền bảo lãnh được định và thế là chuyện qua.

Cả buổi sáng ông lèo lái và thương lượng và dỗ dành và luồn lụy.

— Còn trát gọi nào chưa trình diện hay không?

— Nói tôi nghe xem, anh có định yêu cầu bác đơn hay là không?

— Yêu cầu bãi nại được chấp thuận. Từ giờ trở đi phải tử tế với nhau nghe chưa.

— Phạt tù bằng thời gian tạm giam.

— Đơn kiến nghị đâu, nói bao nhiêu lần rồi?

— Này anh, làm ơn cho tôi biết vụ này là thế nào đây? Anh ta làm sao? Phạm tội luộc gà trên vỉa hè ấy à? Anh đùa tôi chắc?

— Tiền bảo lãnh là hai nghìn đô la. Tiền mặt phải nộp ngay là một nghìn hai trăm năm mươi.

— Lại là ông nữa à ông Ferrario! Lần này thì móc túi của ai đây?

— Đây là phiên luận tội nhé ông luật sư, không phải thiên đường hạ giới Shangri-La đâu.

— Cô ta ký cam kết trình diện tòa rồi thì thả cô ta ra.

— Khiếu nại này không thể cấu thành tội. Bác đơn!

— Có ai ở đây từng được nghe về các đặc quyền chưa?

— Tôi không phản đối hướng phán quyết miễn phạt tù.

— Xét lời biện hộ của bị cáo, chúng tôi sẽ giảm từ trọng tội sang khinh tội.

— Phạt tù bằng thời gian tạm giam!

— Luật sư, tôi nghĩ sáng nay thân chủ của ông ca ngợi bản thân quá lời rồi đó.

— Làm ơn bật thứ gì đó khác cái thể loại nhạc chờ thang máy này đi.

— Anh có xong được việc trước thứ Sáu không?

— Phạt tù bằng thời gian tạm giam!

— Phạt tù bằng thời gian tạm giam!

— Phạt tù bằng thời gian tạm giam!

Có rất nhiều tiểu xảo cần phải học. Hạn chế nhìn vào mắt bị cáo. Hạn chế cười. Cố tỏ ra như mình đang mắc bệnh trĩ nhẹ: nó sẽ mang lại cho ta cái vẻ đang có lăm thứ phải lo, đừng ai đụng vào. Giữ thể ngời hơi cúi không thoải mái, hoặc ít nhất kiểu nào đó nhìn bề ngoài thấy không thoải mái. Lúc nào cũng ghi ghi chép chép cái gì đó. Giữ bộ như thầy giảng Do Thái, gập người trên tập giấy viết. Vuốt vuốt hai bên tóc mái đã bạc. Xoa xoa vầng trán hói khi mọi việc trở nên mất kiểm soát. Dùng hồ sơ tội phạm để tham khảo về tính cách nhân vật. Bảo đảm không có phóng viên trong phòng xử án. Nếu có thì tất cả các luật lệ phải được nhấn mạnh đến hai lần. Lắng nghe chăm chú. Kẻ có tội hay vô tội đều có quyền lên tiếng. Đừng thiên vị các luật sư. Không bao giờ đáp lại những câu bằng tiếng Yiddish^[61]. Dập tắt tức thì các lời tâng bốc. Cần trọng với cái dụng cụ tập tay. Cảnh giác với những

câu đùa cợt bóng gió về thủ dâm. Không bao giờ nhìn chăm chăm vào “hậu phương” của cô nhân viên viết tốc ký. Cẩn thận với đồ ăn dùng trong bữa trưa. Lúc nào cũng mang theo ống kẹo bạc hà. Luôn nghĩ những thứ nguệch ngoạc của mình là kiệt tác. Bảo đảm nước uống trong bình đã được thay. Phải ra bộ giạen dữ khi thấy những vệt nước trên thành cốc. Mua áo sơ-mi có cổ rộng hơn một số để còn có thể thở được. Những vụ án cứ đến rồi đi.

Đến cuối buổi sáng ông đã xử được hai mươi chín vụ và ông hỏi cô nhân viên tòa án mặc cái sơ-mi trắng diêm dúa hỗ trợ mình hôm nay rằng có tin gì về vụ người thanh niên đi dây không. Cô bảo là vụ này khá âm ỉ, hình như anh ta đã bị tạm giữ rồi, và rất có thể sẽ ra tòa ngay cuối giờ chiều nay. Cô không chắc anh ta sẽ bị buộc tội gì: có thể là xâm nhập trái phép, hoặc cố ý gây nguy hiểm. Phòng công tố quận đang thảo luận sôi nổi với anh chàng đó, cô ta nói. Có lẽ nếu đưa ra thỏa thuận hợp lý thì bên công tố tuyên tội gì anh chàng cũng chịu nhận. Xem chừng bên công tố quận đang rất háo hức một vụ rình rang trước công chúng. Ông lại muốn vụ này trôi đi một cách suôn sẻ. Vương mặc duy nhất là không biết anh chàng đi dây có bị dời đến tận phiên xử tối hay không.

— Thế chúng ta có khả năng xử vụ này không?

— Tôi cho là nhiều khả năng đấy. Miễn là bên kia xong kịp các thứ thủ tục.

— Tuyệt. nghỉ ăn trưa nhé?

— Vâng, thưa ngài thẩm phán.

— Chúng ta sẽ triệu tập tòa lại vào hai giờ mười lăm.

○ ○ ○

TRÊN PHỐ CÓ NHAN NHÂN các nhà hàng như Forlini, Sal, Carmine’s, Sweet’s, Soppo Louie, hoặc Oscar Delmonico, nhưng ông chỉ thích hiệu Harry’s. Đó là chỗ ăn trưa xa nhất tính từ phố Trung Tâm, nhưng

mà không sao, một chuyến taxi nhanh sẽ khiến ông thấy thư giãn. Ông ra phố Water và đi bộ sang quảng trường Hanover, đứng bên ngoài cửa hiệu và nghĩ, đây đúng là chỗ dành cho mình. Không phải vì những người môi giới chứng khoán. Hay nhân viên ngân hàng. Hoặc các tay thương mại trong quán. Mà nhờ Harry, ông chủ người Hy Lạp với cung cách phục vụ chu đáo và đôi tay rộng mở đón chào. Harry đã theo đuổi Giấc Mơ Mỹ theo cách của ông và đi đến kết luận rằng nó là sự kết hợp của một bữa trưa ngon lành và một ly rượu vang đỏ hết ý. Harry còn biết cách làm cho miếng bít tết ca hát hay lôi ra cả dàn kèn trumpet từ một sợi mì spaghetti. Ông chủ thường ở trong bếp, tất bật xào xào nấu nấu. Rồi ông chui ra khỏi tạp dề, khoác chiếc áo vét lên người, vuốt mượt mái tóc và đi vào nhà hàng với phong thái điềm tĩnh và rất có phong cách. Anh ta có mối thân tình đặc biệt với Soderberg, mặc dù cả hai người đều không hiểu tại sao. Harry thường hay nấn ná với ông lâu hơn một chút ở quầy bar, hoặc đi lấy một chai rượu ngon rồi họ ngồi bên nhau dưới bức tranh tường họa một thầy tăng và cùng nhau tiêu thời giờ. Có lẽ bởi vì cả hai là những người duy nhất ở cái nơi này không chú ý mũi vào ngành kinh doanh chứng khoán. Là kẻ ngoài cuộc đối với những tiếng chuông rền vang của nền tài chính. Họ có thể đoán được ngày hôm đó thị trường diễn biến thế nào chỉ qua độ ồn ào của âm thanh chung quanh họ.

Trên tường quán Harry's treo một dãy điện thoại nối đường dây riêng đến các công ty môi giới. Máy tay làm cho Kidder, Peabody ở kia, đám Dillon, Read ở đây, cánh First Boston ở đó, Bear Stearns ở cuối quầy bar, L. F. Rothschild ở cạnh bức bích họa. Lắm tiền. Trang nhã. Lịch thiệp. Một câu lạc bộ của những người có đặc quyền đặc lợi. Nhưng chẳng đáng mà trút hết vốn vào đó. Người ta vẫn có thể thoát khỏi những thứ đó với một tâm hồn nguyên vẹn.

Ông rụt rè đi đến chỗ quầy bar và gọi Harry, kể với ông ta nghe về người thanh niên đi trên dây, về việc ông đã bỏ lỡ sự việc vào sáng sớm nay như thế nào, rằng cậu ta bị bắt ra sao và sẽ sớm bị đưa ra tòa.

— Anh ta đột nhập vào tòa tháp, Har à.

— Thế thì... thật tài tình.

— Thế nhờ anh ta ngã thì sao?

— Mặt đất đâu có phải nệm đỡ cho cú ngã từ đó hả Sol.

Soderberg nhấp một ngụm rượu, vị đậm đà của rượu vang đỏ xộc lên mũi.

— Har à, ý tôi là anh ta có thể giết chết một ai đó. Đâu chỉ liên quan tới mình anh ta. Ai bị anh ta đè trúng chắc là bẹp ra thành nhân bánh kẹp...

— Đây, tôi cần một thợ sửa chữa đường dây giỏi. Có thể anh ta làm việc cho tôi được đó.

— Có dễ đến mười hai, mười ba cáo buộc nhắm vào anh ta đấy.

— Tôi có ý này còn hay hơn. Anh ta có thể làm phó bếp cho tôi. Chuẩn bị các nồi hấp. Bóc đậu lăng. Nhảy từ trên cao xuống rồi lặn trong nồi súp.

Harry rít một hơi xì gà và nhả khói lên trần nhà.

— Tôi thậm chí còn không biết là mình có được xử vụ anh ta không đây, - Soderberg nói. - Có thể anh ta sẽ bị giữ đến tận phiên tối.

— Chà, nếu anh có được vụ đó, nhớ đưa danh thiếp của tôi cho anh ta nhé. Bảo là trên nóc nhà có bít tết. Lại có cả một chai Château Clos de Sarpe. Grand Cru, 1964.

— Sau vụ này chắc anh ta sẽ không đi trên dây nữa đâu.

Khuôn mặt Harry nhăn tít lại, có thể hình dung gương mặt ông sẽ mang vào nhiều năm sau này: đầy đặn, hoạt bát, hào phóng.

— Rượu là để làm gì, Harry nhỉ?

— Ý anh là sao?

— Cái thứ cứu rỗi chúng ta này là gì?

— Được làm ra để tôn vinh các vị thần. Khiến bọn ngu đần càng thêm tăm tối. Đây, thêm một chút nào.

Họ chạm cốc trong những tia nắng xiên chéo qua cửa sổ tầng trên. Cứ như thế nếu hướng mắt ra ngoài họ sẽ thấy lại cuộc đi bộ trên không đó lần nữa. Suy cho cùng, đây là nước Mỹ. Một nơi người ta có thể được phép đi trên cao, cao chừng nào cũng được. Nhưng người bước đi bên dưới thì sao? Nhỡ người đi trên dây đó ngã thì sẽ thế nào? Rất có khả năng anh ta không chỉ tự giết mình mà còn kéo theo cả chục người phía dưới. Sự khinh suất và tự do - làm sao hai thứ ấy trộn lẫn vào nhau được? Đối với ông đó vẫn luôn là một thế bí, một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Luật pháp là để bảo vệ những con người yếu đuối và tiết chế những kẻ quyền lực nhất. Nhưng nếu như những người không có quyền lực không đáng phải đi bên dưới thì sao? Điều này thì thoảng khiến ông nghĩ đến Joshua. Không phải ông thích nghĩ ngợi, ít nhất là về sự mất mát, một sự mất mát khủng khiếp. Nó mang lại quá nhiều đau đớn. Xuyên thấu ông. Ông phải học cách chấp nhận là con trai mình đã ra đi. Đó là giới hạn của sự chịu đựng. Cuối cùng thì Joshua cũng trở thành một người phục vụ và bảo vệ chân lý. Nó đã lên đường nhập ngũ, đại diện cho tổ quốc và trở về làm tan nát trái tim Claire. Và cũng làm tan nát cả trái tim ông nữa. Nhưng ông không thể hiện điều đó ra. Chưa bao giờ có thể. Ông thường khóc nức lên trong phòng tắm ở mọi nơi, nhưng chỉ khi vòi nước đang chảy. Solomon, Solomon thông thái, con người của sự tĩnh lặng. Có những đêm ông mở nắp cống và cứ thế cho nước chảy mãi.

Sinh con rồi mới sinh cha - vậy mà giờ ông ở đây, bị bỏ lại phía sau. Những việc nhỏ nhặt cũng làm ông thấy khó chịu. Như việc dựng rào nóc chẳng hạn. Đó là cái hàng rào quanh mái nhà để nhỡ ai phải lên trên đó cũng không sợ sẩy chân ngã xuống. Ông tự hỏi vào những năm xa xôi đó sao mình lại có thể mua về nhà những chú lính đồ chơi. Ông luôn bị cắn rứt rằng chính mình đã bắt Joshua học chơi bản *Lá cờ ánh sao chói lợi*^[62] trên đàn piano. Ông tự hỏi liệu khi dạy thằng bé chơi cờ vua, có thể nào ông truyền cho nó tư duy chiến trận hay không. *Con trai, tấn công theo đường chéo kìa. Đừng bao giờ để kẹt cứng ở hàng sau chứ.* Hẳn ông đã tác động vào thằng bé ở mặt nào đó chứ. Mặc dù vậy, ông vẫn nhất định rằng chiến tranh là đúng đắn. Solomon hiểu rõ mọi khía cạnh lợi ích của chiến tranh. Nó bảo vệ nền tảng của tự do. Nó chiến đấu cho những lý tưởng chịu bao nhiêu công

kích ở tòa án mỗi ngày. Nó đơn giản là một cách thức để nước Mỹ tự bảo vệ chính mình. Có thời giết chóc, có thời chữa lành. Thế mà đôi khi ông những muốn đồng ý với Claire rằng thực ra chiến tranh chỉ là một công xưởng không ngừng cho ra lò những xác chết; nó làm một số người kẻ phất lên, và con trai ông bị lôi đi mở đường cho chúng, trong khi bản thân nó cũng là con cái nhà giàu. Nhưng ông không chịu nổi nếu cứ nghĩ theo hướng ấy. Ông cần phải là một trụ cột vững chắc. Rất ít khi ông nói về Joshua, ngay cả với Claire. Nếu giả có ai đó thích hợp để tâm sự, thì đó là Harry, anh ta biết rõ về cảm giác khát khao và thuộc về nơi nào đó, nhưng đây cũng không phải là việc có thể nhắc tới vào lúc này. Ông cẩn trọng, Soderberg mà, luôn luôn cẩn trọng. Có lẽ quá mức rồi, ông nghĩ. Đôi lúc ông ước gì mình có thể xả hết mọi thứ ra: *Người ta vẫn nói sinh con rồi mới sinh cha, Harry à, thế mà con trai tôi chết rồi.*

Ông nâng cái cốc lên ngang mặt, nhấp một ngụm, một mùi hương trần tục sâu đậm. Một khoảnh khắc coi nhẹ mọi thứ, ông chỉ mong có thể. Một giây phút yên tĩnh. Một chút dịu dàng, không ồn ào. Tạm lánh xa tất cả trong vài tiếng để ở bên ông bạn chí cốt. Hoặc cáo ốm rồi đi về nhà, dành trọn buổi chiều bên Claire, như những buổi chiều họ cùng ngồi bên nhau đọc sách, một trong những thời khắc thuần khiết mà ông cùng vợ chia sẻ với nhau khi cuộc hôn nhân của họ đã đi được một chặng dài.

Ông tương đối hạnh phúc. Ông tương đối may mắn. Ông không có mọi thứ ông muốn nhưng cũng có đủ. Đúng vậy, ông chỉ mong có thể: một buổi chiều yên tĩnh không phải làm gì cả. Ba mươi năm có lẽ của cuộc hôn nhân không làm ông chai cứng đi tí nào, không hề.

Một thoáng im lặng. Ông khoát tay về hướng nhà mình. Đặt tay lên trên cổ tay của Harry thì thầm khe khẽ vào tai ông bạn: *Con trai tôi.* Chỉ cần nói vậy thôi là đủ, nhưng sao phải làm phức tạp câu chuyện lên giữa lúc này làm gì?

Ông nâng cốc lên rồi chạm cốc với Harry.

— Nào.

— Mừng vì đã không gục ngã, - Harry nói.

— Mừng vì có thể đứng dậy được.

Soderberg bắt đầu nguôi đi mong muốn thụ lý vụ anh chàng đi trên dây: chắc chắn vụ ấy sẽ rất đau đầu. Ông chỉ muốn giết thời giờ ở quán bar, với người bạn thân thiết, nâng cốc mừng các thánh thần và chờ ánh sáng ban ngày tắt dần.

○ ○ ○

— PHIÊN TÒA phòng số 1-A bắt đầu. Tất cả đứng dậy.

Cô thư kí tòa án có giọng nói gọi ông nhớ đến đám mòng biển. Nghe khào khào như quạ kêu, phần âm đuôi mỗi từ cứ nghe trại đi thế nào. Nhưng lời nói cô ta cất lên có sức mạnh bắt người ta im lặng ngay lập tức, tiếng xì xầm ở cuối căn phòng im hẳn.

— Yên lặng. Thẩm phán Soderberg chủ tọa.

Ngay lập tức ông biết rằng mình đã có được vụ án này. Ông có thể thấy đám phóng viên nhấp nhóm ở khu dự khán. Cánh này luôn mang cái vẻ phì phì rã rời. Họ mặc áo sơ-mi phanh cổ và những chiếc quần ngoại cỡ. Râu ria lởm chởm. Một dấu hiệu hiển nhiên hơn là những cuốn sổ tay bìa vàng lấp ló trong túi áo vét. Họ đang ngهن cổ chờ xem ai sẽ xuất hiện ở cánh cửa phía sau ông. Một vài thám tử tư ngồi ở hàng ghế phía trước. Thêm mấy nhân viên tòa án hết ca trực. Có cả mấy tay ra dáng doanh nhân, không chừng chính là bên quản lý Port Authority. Còn có một hai nhân viên an ninh thì phải. Thậm chí ông còn thấy một họa sĩ chuyên vẽ ký họa, tóc đỏ, dáng cao lớn. Điều đó cho biết duy nhất một điều: những máy quay truyền hình phải để bên ngoài.

Ông có thể cảm thấy rượu lan tận những ngón chân mình. Ông không say - không một chút nào - nhưng ông có thể cảm nhận thứ chất lỏng đó lao xao ở những nút rìa cơ thể.

— Trật tự trong tòa. Im lặng. Phiên tòa bắt đầu.

Những cánh cửa kéo kẹt mở ra phía sau ông và một hàng gồm chín bị cáo thông thượt tiến đến hàng ghế băng sát cạnh tường. Lại là đám hạ lưu như thường lệ, hai tên lừa đảo, một gã đàn ông có vết rách toạc ngay lông mày, hai ả điếm mặt mũi nhàu nhĩ, và đi sau hàng người đó, nụ cười ngoác tận mang tai, bước chân nhún nhảy, là một thanh niên da trắng ăn mặc kì cục: đó chắc hẳn là người đi trên dây nọ.

Có tiếng xôn xao trong phòng xử án. Đám phóng viên vớ lấy bút chì. Chuỗi âm thanh rào lên như có dòng chất lỏng vừa tạt qua chỗ họ.

Người đi trên dây còn nhỏ bé hơn trong hình dung của Soderberg. Bộ dạng ranh mãnh. Áo sơ-mi và quần bó đen sẫm. Đôi giày ba lê mỏng manh kì quặc dưới chân. Thậm chí trông gã có vẻ phờ phạc thế nào đó. Tóc gã hoe vàng, khoảng ngoài hai tư, hai lăm tuổi, thoạt nhìn chẳng khác mấy tay bồi ở khu trung tâm. Thế nhưng lại có một vẻ tự tin toát ra từ người anh ta, cái kiểu ngênh ngang mà Soderberg có cảm tình. Trông anh ta như một bản sao thu nhỏ của Joshua, như thể nét tài hoa nào đó đã được cài đặt bên trong cơ thể anh ta, được lập trình như phần mềm bẻ khóa của Joshua, và cách giải tỏa duy nhất của anh ta chính là trình diễn.

Rõ ràng người thanh niên đi dây này chưa bao giờ phải ra tòa. Những người đến đây lần đầu thường thấy choáng ngợp. Họ đi vào, đôi mắt mở to hết cỡ, thấy gì cũng lạ.

Người thanh niên đứng lại nhìn suốt từ bên này sang bên kia căn phòng xử án. Một thoáng sợ hãi và tê liệt. Như chương trình cùng lúc tiếp nhận quá nhiều mã lệnh. Anh ta mảnh khảnh, vóc người mềm dẻo, nhưng tỏa ra thần thái như mãnh sư. Ông liếc nhìn thật nhanh, tia nhìn đậu lên trên chỗ ghế băng.

Soderberg và anh ta chạm mắt trong một thoáng. Ông đã tự phá vỡ quy tắc của mình, nhưng thế thì có sao chứ? Người thanh niên hiểu và hơi gật đầu với ông. Đôi mắt ấy có nét vui vẻ và tinh nghịch. Nói cho cùng thì đây là tội cố ý gây nguy hiểm, ít nhất là thế, và có thể bị đưa lên tầng trên

quy thành trọng tội và tuyên án đến bảy năm. Thế còn hành vi gây mất trật tự trị an thì sao? Soderberg thừa biết là sự việc sẽ không đi theo hướng đó. Ông sẽ vẫn chỉ phán là tội nhẹ và rồi sẽ phải giải trình với phòng công tố quận. Ông sẽ làm trò ảo thuật với vụ này. Phải lôi từ trong cái mũ ra thứ gì độc đáo chứ. Hơn nữa, đám phóng viên vẫn đang hăm hở quan sát mọi việc. Cả gã họa sĩ phác thảo nữa. Lại còn mấy cái máy quay truyền hình bên ngoài phòng xử án.

Ông gọi thư ký và thì thầm vào tai cô ta: “Ai lên đầu tiên?” Đó là một trò đùa nho nhỏ của riêng họ, như Abbott và Costello^[63]. Cô đưa ông xem tờ chương trình xử, ông lướt nhanh qua danh sách các vụ án, liếc mắt xuống dãy ghế các bị cáo đang ngồi, rồi thở dài. Không nhất thiết phải làm theo trình tự, ông có quyền thay đổi thứ tự các vụ án, nhưng rồi ông quyết định gõ chiếc bút chì xuống vụ đầu tiên đang chờ xử.

Cô thư ký bước sang một bên và hắng giọng.

— Vụ xét xử số 6-8-7, - cô ta nói, - Văn phòng công tố đề nghị khởi tố Tillie Henderson và Jazzlyn Henderson. Mời bước lên phía trước.

Công tố viên Paul Concrombie vượt vượt các nếp nhăn trên áo vét. Đối diện ông ta là viên luật sư hỗ trợ pháp lý đang vuốt mái tóc dài ngược ra sau và bước lên trước, trải tập hồ sơ ra trên giá. Từ phía khu dự thính, một phóng viên bật tiếng xuýt xoa thấy rõ khi những người phụ nữ được gọi đứng lên rời khỏi hàng ghế. Cô gái trẻ hơn có nước da trắng như sữa và cao ráo, đi đôi giày cao gót màu vàng, bộ đồ tắm hai mảnh màu sắc chói chang dưới chiếc áo sơ-mi màu đen rộng thùng thình, thêm chiếc dây chuyền rế tiền trên cổ. Người đàn bà lớn tuổi hơn mặc một bộ đồ tắm một mảnh và đi đôi giày cao gót màu bạc, khuôn mặt nhòe nhoẹt mascara. Thật lố bịch, ông nghĩ. Tắm nắng trong Nhà Mồ cơ đấy. Trông cô ta có vẻ đã kịp xong phần đi dạo tắm nắng trong sân hàng ngày.

— Bị buộc tội cướp giết cấp độ hai. Trát gọi trình diện quá hạn từ ngày 19 tháng 11 năm 1973.

Mụ điểm lớn tuổi phất một cái hôn gió qua vai. Một người đàn ông da trắng ngồi ở khu vực dự khán đỏ bưng mặt mũi và cúi đầu xuống.

— Đây không phải là hộp đêm đâu nhé cô gái.

— Xin lỗi quý tòa, em đây mà không xụi quá cũng kính tặng ngài một phát đó.

Căn phòng rộ lên một tràng cười ngẩn ngẩn.

— Tôi đề nghị cô cư xử đúng mực trong phòng xử án của tôi, thưa cô Henderson.

Ông hoàn toàn chắc là mình nghe thấy từ đồ khốn lắm bầm thoát ra từ miệng cô ta. Ông luôn luôn tự hỏi tại sao những ả điếm này cứ tự đào hố chôn mình như thế. Ông liếc xuống bản hồ sơ tội phạm để trước mặt. Lừng lẩy thật. Người đàn bà lớn tuổi hơn nhận ít nhất sáu mươi cáo buộc cho đến nay. Cô gái trẻ thì chỉ mới bắt đầu nhưng tuột dốc nhanh chẳng kém: những cáo buộc nhằm vào cô ngày dày và xem ra chỉ có tăng chứ không có giảm. Ông đã quá quen với điều đó rồi. Thật chẳng khác nào mở vòi xả nước.

Soderberg chỉnh lại cặp kính, ngả người vào chiếc ghế xoay một lúc, nhìn ủy viên công tố ra ý coi thường.

— Thế. Sao lại có việc trì hoãn này, hả ông Concrombie? Vụ này xảy ra gần một năm trước rồi.

— Thưa quý tòa, gần đây có một vài diễn tiến trong vụ này. Các bị cáo bị bắt ở khu Bronx và...

— Vụ này vẫn bị đệ đơn đòi khởi tố?

— Vâng thưa tòa.

— Văn phòng công tố muốn đưa vụ này ra xử ở tòa hình sự?

— Như vậy, trát gọi lần trước đã bị hủy bỏ?

— Vâng thưa tòa.

Ông đã bắt được nhịp độ vốn dĩ, xử lý nhanh chóng mọi việc. Cũng như trò ảo thuật thôi mà. Hất tấm áo choàng đen. Vẩy chiếc đĩa trắng. Rồi

nhìn con thỏ biết mất. Ông có thể thấy hàng đầu người gặt gù ở khu dự khán, bị cuốn theo ông. Ông hy vọng đám phóng viên thấy cảnh đó, thấy ông đã kiểm soát được phiên tòa của mình như thế nào, cho dù đầu óc vẫn còn vương tí hơi men.

— Thế bây giờ ông định thế nào, ông Concrombie?

— Thưa quý tòa, tôi đã thảo luận với luật sư trợ giúp pháp lý là ông Feathers đây, và chúng tôi đã thống nhất rằng, để đảm bảo công lý, sau khi cân nhắc tất cả mọi khía cạnh, bên công tố đi đến quyết định hủy bỏ vụ kiện đối với cô con gái. Chúng tôi sẽ không đi sâu thêm về vấn đề này nữa, thưa ngài.

— Con gái à?

— Jazzlyn Henderson. Đúng vậy, xin lỗi thưa quý tòa, băng này gồm hai mẹ con.

Ông lại liếc nhanh tập hồ sơ. Ông rất ngạc nhiên khi thấy người mẹ mới có ba mươi tám tuổi.

— À, ra là hai người có họ hàng.

— Chuyện làm ăn phải lọt sàng xuống nia chớ, ông tòa!

— Đây cô, tôi yêu cầu cô không được nói nữa.

— Nhưng ông mới hỏi tôi còn gì.

— Ông Feathers, hãy hướng dẫn thân chủ của ông cư xử đúng mực.

— Nhưng ông hỏi tôi mà.

— Được, rồi tôi sẽ *hỏi* tới cô, nói cô hay.

— Ồ, - cô ta thốt lên.

— Được rồi. Cô... Henderson. Hãy im lặng. Cô có hiểu không hả? Im miệng đi. Bây giờ. Ông Concrombie. Xin tiếp tục.

— Vâng, thưa quý tòa. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chúng tôi tin là bên công tố sẽ không thể phản bác một loạt các bằng chứng của chúng tôi. Không còn nghi ngờ gì nữa.

— Vì sao?

— À, việc nhận dạng có vấn đề.

— Vậy à? Tôi đang nghe đây.

— Điều tra cho thấy là có sự nhầm lẫn về nhân dạng ở đây.

— Nhân dạng ai?

— À, chúng tôi có lời thú tội rồi, thưa thẩm phán.

— Được. Đừng làm tôi phát choáng với với sự chắc chắn của ông về việc này nữa, ông Concrombie. Tóm lại là ông không yêu cầu khởi kiện cô, à, cô Jazzlyn Henderson chứ gì?

— Vâng thưa ngài.

— Và tất cả các bên đều đồng ý?

Lại rất nhiều cái đầu khê gật trong phòng xử án.

— Được rồi. Bãi án.

— Bãi án?

— Ông nói thật hả? - Cô gái trẻ ngạc nhiên. - Thế thôi à?

— Thế thôi.

— Ngon ơ vậy hả? Ông tha cho tôi à?

Ông chắc chắn đã nghe thấy tiếng cô ta lầm bầm trong hơi thở cố nén: Biến mẹ nó ra khỏi đây!

— Cô vừa nói gì đấy, cô gái?

— Không ạ.

Viên luật sư trợ giúp pháp lý ghé vào tai cô ta thì thầm cái gì đó về rất hãn học.

— Không có gì, thưa tòa. Tôi xin lỗi. Tôi không có nói gì cả. Cảm ơn.

— Đưa cô ta ra khỏi đây.

— Nhắc dây lên. Có một người đang đi ra!

Cô điếm trẻ quay sang phía bà mẹ, hôn chụt một cái ngay chân mày. Một vị trí kì lạ. Người mẹ, chán chường và mệt mỏi, nhận nụ hôn, véo má con gái và kéo cô lại gần. Soderberg quan sát hai mẹ con ôm nhau. Ông tự hỏi thế lực nào tàn nhẫn tới mức lại để một gia đình như thế này tồn tại?

Dù vậy, ông vẫn luôn ngạc nhiên trước tình cảm mà những con người này thể hiện với nhau. Đó là một trong những điều hiếm hoi vẫn còn có thể làm ông xúc động trong phòng xử án - một thứ tình cảm hoang dại thô tháp, hình ảnh những kẻ yêu nhau ôm hôn sau khi từng đánh nhau chí tử, hoặc những gia đình vui mừng đón đưa con trai hay trộm vặt trở về, sự tha thứ bất ngờ lóe lên giữa căn phòng này. Rất hiếm, nhưng có thật, và cũng giống như tất cả mọi thứ khác, cái gì hiếm mới quý.

Cô gái trẻ thì thầm gi đó vào tai mẹ làm bà ta phá lên cười, vẫy vẫy tay qua vai về phía người đàn ông da trắng ở khu dự khán.

Nhân viên tòa án không nhắc dây ngăn lên. Cô gái tự mình nhắc lấy. Cô ưỡn ẹo bước ra, cứ như đã lại bắt đầu màn chào mời thân xác. Cô trơ tráo đi giữa lối đi về phía người đàn ông da trắng có hai mảng tóc bạc xám hai bên. Cô cười chiếc sơ-mi đen ra phô mỗi bộ đồ bơi của cô.

Soderberg cảm thấy những ngón chân của mình cũng phải cong lên trước sự cả gan trơ tráo đó.

— Mặc cái áo đó vào, ngay lập tức!

— Đây là một thế giới tự do có phải không nhỉ? Ông đã thả tôi rồi còn gì. Đây là áo của người này.

— Mặc vào, - Soderberg nói, ghé sát vào chiếc micro.

— Anh muốn tôi mặc thật đẹp để đi dự tòa. Đúng thế không, Corrie? Anh đã gửi cho tôi hồi tôi ở trong trại tạm giam đấy.

Người đàn ông da trắng đang cố kéo khuỷu tay cô ta, thầm thì cái gì đó rất khẩn trương.

— Mặc vào ngay không tôi sẽ lôi cô trở lên đây vì tội khiếm nhã trước tòa... Thưa ông, ông có quan hệ gì với cô gái đó không?

— Không hẳn. - Người đàn ông nói.

— Không hẳn nghĩa là sao?

— Tôi là bạn cô ấy.

Nghe ra giọng Ireland, tay ma cô tóc xám ấy. Y vênh cằm lên như kiểu mấy tay đấm bốc thời xưa. Khuôn mặt y gầy gò, hai má hóp cả vào.

— À, bạn à. Tôi muốn anh bảo đảm cô ta sẽ mặc lại cái áo đó, trong suốt thời gian ở đây.

— Vâng thưa tòa. Với lại, thưa tòa... ?

— Hãy làm những gì tôi nói.

— Nhưng thưa quý tòa...

Soderberg gõ búa: Đủ rồi, ông kết thúc.

Ông nhìn cô gái điểm hôn lên má người đàn ông Ireland. Y quay đi, nhưng sau đó hai bàn tay y ấp lấy khuôn mặt cô ta một cách dịu dàng. Một gã ma cô thật kì lạ. Không phải kiểu thường gặp. Không quan trọng. Bọn chúng vốn đủ hình đủ vẻ mà. Rốt lại thì phụ nữ là nạn nhân của đàn ông, luôn luôn như vậy và sau này sẽ mãi như vậy. Xét về bản chất thì chính những thằng ngu như gã ma cô kia mới đáng bị tống vào tù. Soderberg thờ dãi và quay về phía ủy viên công tố.

Một cái nhướn mày là đủ để giao tiếp giữa hai người bọn họ. Vẫn còn vụ bà mẹ cần giải quyết, và rồi ông sẽ đến được vụ trọng điểm.

Ông đảo mắt về phía người thanh niên đi dây ngồi ở hàng ghế băng. Gương mặt anh ta ngây ra trì độn. Vụ phạm tội của anh ta đúng là độc nhất vô nhị, đến nỗi anh cũng không chắc là mình đang ở đây làm gì nữa.

Soderberg gõ chiếc micro và đám người trong phòng xử án đồng loạt ngẩng đầu lên.

— Theo như tôi hiểu, bị cáo còn lại, bà mẹ đây...

— Tên Tillie, thưa tòa.

— Tôi không nói với cô, cô Henderson. Theo như tôi hiểu, các luật sư, các vị vẫn giữ cáo buộc trọng tội. Có khả năng giảm thành khinh tội không?

— Thưa tòa, chúng tôi đã có quyết định cuối cùng. Tôi đã bàn bạc với ông Feathers đây.

— Đúng vậy thưa tòa.

— Và... ?

— Bên công tố đi đến thống nhất giảm cáo buộc từ cướp giật xuống thành tội ăn cắp vặt do bị cáo đã đồng ý khai nhận.

— Đây là điều cô muốn hả cô Henderson?

— Há?

— Cô có sẵn sàng nhận tội này không?

— Ông nói sẽ không quá sáu tháng.

— Tối đa là mười hai tháng, cô Henderson.

— Miễn là tôi được gặp mấy đứa cháu...

— Sao?

— Tôi sẽ nhận hết, - cô ta đáp gọn.

— Rất tốt, vì lời nhận tội này, các cáo buộc quá hạn sẽ được quy giảm xuống thành tội ăn cắp vặt. Cô có hiểu là nếu tôi chấp nhận khai nhận theo đúng quyết định mà cô đưa ra, thì tôi có quyền kết án cô tối đa đến một năm tù không?

Cô ta quay phắt về phía luật sư của mình, ông ta lắc đầu và đặt bàn tay lên cổ tay cô ta, hơi mỉm cười.

— Ờ, tôi hiểu.

— Và cô có hiểu là mình đang nhận tội ăn cắp vặt không?

— Có, cưng.

— Cô nói sao?

Soderberg cảm thấy đau nhói đầu đó ở giữa mắt và sau cổ họng. Một cú đấm người. Có phải cô ta gọi ông là *cưng* không nhỉ? Không thể nào. Cô ta đứng đó, nhìn chăm chăm vào ông với nụ cười nửa miệng. Liệu ông có thể giả vờ như không nghe thấy không nhỉ? Bãi án? Hay buộc tội cô ta đã xúc phạm tòa? Nếu ông làm âm ỉ lên thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Trong im ắng căn phòng có vẻ như co lại trong một giây. Viên luật sư bên cạnh cô ta nhìn như thể muốn cắn đứt tai cô ta ra. Cô ta nhún vai, mỉm cười và lại vẫy tay về phía sau lưng.

— Tôi chắc là cô không có ý nói vậy, cô Henderson.

— Ý gì, thưa tòa?

— Chúng ta sẽ tiếp tục.

— Sao cũng được, thưa tòa.

— Cẩn thận lời nói của cô đấy.

— Ngon lành, - cô ta nói.

— Nếu không thì đừng trách.

— Yên tâm đi mà.

— Cô có hiểu là cô đang đang từ bỏ quyền yêu cầu mở phiên xét xử không?

— Có.

Đôi môi viên luật sư giật giật khi chạm vào, tai của người đàn bà, vô tình thôi.

— Ý là, vâng thưa quý tòa.

— Cô đã thảo luận việc nhận tội với luật sư và cô có hài lòng với sự hỗ trợ từ ông ta không? Cô nhận tội một cách tự nguyện phải không?

— Vâng thưa tòa.

— Cô có hiểu là cô đang từ bỏ quyền được xét xử không?

— Vâng thưa tòa, chắc luôn.

— Được rồi cô Henderson, cô khai nhận thế nào về tội ăn cắp vặt?

Một lần nữa, viên luật sư lại ghé sát vào nhắc nhở cô ta. - Tôi nhận tội.

— Được rồi, rất tốt. Hãy nói tôi nghe xem chuyện gì đã xảy ra ở đó.

— Há?

— Hãy kể lại mọi chuyện, cô Henderson.

Soderberg nhìn các nhân viên lục sự đối hồ sơ bìa vàng sang bìa xanh dành cho các vụ tội nhẹ. Trên khu vực dự khán các phóng viên đang bồn chồn nghịch nghịch cái gáy xoắn trên số tay. Tiếng xì xào trong phòng lắng dịu dần. Soderberg biết rằng ông sẽ phải cho qua vụ này thật nhanh nếu ông định biểu diễn một màn đẹp mắt cho anh chàng đi trên dây đó.

À gái điếm ngẩng đầu lên. Trông cái cách cô ta đứng, ông biết rõ là cô ta có tội. Chỉ bằng một cái nghiêng người, ông biết hết. Lúc nào ông cũng biết.

— Đã lâu lắm rồi. Vì thế, tôi, e hèm, tôi có muốn đến Hell's Kitchen đâu, nhưng Jazzlyn và tôi, à không tôi thôi, tôi có hẹn ở Hell's Kitchen, và hẳn nói đủ thứ chuyện về tôi.

— Được rồi, cô Henderson.

— Toàn những điều chết tiệt kiểu như tôi là ả gái già khú đế hay đại loại thế, mẹ kiếp!

— Nói năng cẩn thận, cô Henderson.

— Và ví của hẳn nhảy ra trước mặt tôi.

— Cám ơn.

— Tôi chưa xong mà.

— Thế là được rồi.

— Tôi không phải hoàn toàn là người xấu. Tôi biết ông đang nghĩ tôi rất xấu xa.

— Thế là được rồi, thưa cô.

— Ờ thì thôi, thưa bố già.

Ông nhìn thấy một trong những nhân viên tòa án cười khẩy. Hai má ông đỏ bừng. Ông đẩy cặp kính lên trên đầu, nhìn chòng chọc vào cô ta. Đột nhiên đôi mắt cô ta mở to, ánh nhìn cầu khẩn, và trong khoảnh khắc ông hiểu làm thế nào cô ta có thể quyến rũ một người đàn ông, ngay cả vào lúc tàn tạ nhất: cô ấy chứa một vẻ đẹp bị che chắn pha lẫn sự dữ dội, một đoạn quá khứ đầy những chuyện tình ái.

— Và cô có hiểu rằng là cô không hề bị ép buộc trong việc nhận tội này?

Cô ta đảo người lại gần viên luật sư và sau đó quay về phía hàng ghế với đôi mắt trĩu nặng.

— Ồ không, - cô ta nói, - tôi không bị ép buộc.

— Ông Feathers, ông có chấp thuận việc tuyên án tức thời và khước từ quyền có bản phúc trình trước khi tuyên án không?

— Có, thưa tòa.

— Còn cô Henderson, cô có muốn nói gì trước khi tôi tuyên án không?

— Tôi muốn được ở Rikers.

— Cô phải hiểu, cô Henderson, tòa án này không có quyền quyết định cô được ở nhà tù nào.

— Nhưng họ nói là tôi sẽ được ở Rikers. Họ nói thế mà.

— Thế cô vui lòng giải thích vì sao lại muốn được ở Rikers? Sao lại có người muốn...

— Vì mấy đứa nhỏ.

— Cô có con à?

— Con của Jazzlyn.

Cô ta chỉ tay về cô con gái ngồi phía sau, cô này ngồi sụp xuống trên băng ghế dự khán.

— Rất tốt, tôi không thể bảo đảm, nhưng tôi sẽ nhắc cho các nhân viên tòa án lưu ý đến trường hợp của cô. Trong vụ kiện do bên công tố khởi kiện Tillie Henderson, bị cáo khai nhận có tội và tôi tuyên bố mức án tám tháng tù ngồi.

— Tám tháng?

— Đúng thế. Tôi có thể tăng lên mười hai nếu cô muốn.

Cô ta há hốc miệng ra trong tiếng rên câm lặng.

— Tôi tưởng chỉ sáu tháng thôi chứ.

— Tám tháng. Cô có muốn thay đổi lời khai không?

— Mẹ kiếp, - cô ta nhún vai.

Ông nhìn thấy người đàn ông Ireland ở khu dự khán túm lấy cánh tay cô điếm trẻ. Y đang cố len lên phía trước phòng xử án để nói gì đó với Tillie Henderson nhưng bị bảo vệ thúc cây dùi cui vào giữa ngực.

— Trật tự trong tòa.

— Tôi có thể nói một lời không, thưa tòa?

— Không. Bây giờ hãy ngồi xuống.

Soderberg cảm thấy hai hàm răng mình nghiến lại.

— Tillie, tôi sẽ quay lại sau, được không?

— Ngồi xuống. Nếu không thì đừng trách.

Gã ma cô đứng ngay lối đi và ngược lên nhìn Soderberg. Đôi đồng tử bé tí, màu mắt xanh thăm thẳm. Soderberg cảm thấy bị lộ trần, toang hoác, không có gì che chắn. Tấm màn im lặng bao phủ cả căn phòng.

— Ngồi xuống. Nếu không đừng trách.

Y cúi đầu xuống và lui về phía sau. Soderberg thở phào nhẹ nhõm, sau đó khẽ quay người trên chiếc ghế. Ông cầm tờ chương trình xử án lên, đặt tay che micro, gạt đầu với viên thư kí.

— Được rồi, - ông thì thào. - Đưa anh chàng đi trên dây lên đây.

Soderberg liếc nhìn Tillie Henderson khi cô ta bị dẫn độ ra khỏi cánh cửa bên phải. Cô ta bước đi với mái đầu cúi thấp, thế nhưng vẫn có thể thấy nét nhún nhảy cố hữu trong dáng đi. Cứ như thể cô ta đã được phóng thích và lại đi theo vết xe cũ của mình. Đi kèm hai bên là hai nhân viên tòa án. Cái áo khoác cô ta mặc nhàu nát và bẩn thỉu. Hai ống tay quá dài. Trông như hai người mặc vẫn vừa. Khuôn mặt cô ta trông kì dị và yếu đuối, thế nhưng vẫn toát lên vẻ nhục cảm. Đôi mắt tối sẫm. Hai hàng lông mày tủa mỏng. Có một thứ ánh sáng nơi cô ta, lấp lánh. Như thế ông mới được nhìn thấy cô ta lần đầu tiên: bóng hình lộn ngược từ dưới lên trên, con mắt mình thoát nhìn sẽ thấy như thế, sau đó mới tự điều chỉnh. Một vẻ gì thật mềm mại mà khắc khổ trên gương mặt cô ta. Chiếc mũi dài trông có vẻ đã bị gãy mấy lần. Hai cánh mũi nở rộng.

Đến cửa cô ta quay lại và cố nhìn về phía sau, nhưng nhân viên an ninh đã chặn lại.

Cô mấp máy môi điều gì đó với con gái và gã ma cô, nhưng lời nói rơi đầu mất, và cô ta nén một tiếng thở dài như sắp sửa phải đi một chuyến rồ xa. Trong một giây khuôn mặt cô ta trông gần như là xinh đẹp, và cô ta quay đi, lê bước ra ngoài, cánh cửa đóng lại phía sau lưng, và cô ta biến mất vào chính sự vô danh của mình.

— Đưa người đi trên dây lên đây, - ông nói với thư ký. - Ngay bây giờ.

ĐỒNG CENTAVO^[64]

ÍT NHẤT LÀ LÚC NÀO CŨNG CÓ CÁI NÀY: Một buổi sáng thứ Năm. Căn hộ ở tầng một của tôi. Trong một ngôi nhà làm bằng ván ép. Trên một con phố toàn những ngôi nhà làm bằng ván ép. Qua cửa sổ, một vệt bóng sẫm lướt nhanh qua bầu trời xanh. Tôi luôn ngạc nhiên khi thấy bất kỳ loại chim chóc nào ở khu Bronx này. Đang là mùa hè nên Eliana và Jacobo không phải đi học. Nhưng chúng cũng đã dậy rồi. Tôi có thể nghe thấy tiếng ti vi âm ỉ. Cái ti vi cổ lỗ sĩ của chúng tôi lúc nào cũng chỉ phát mỗi một kênh và cái kênh duy nhất ấy đang phát chương trình duy nhất là *Sesame Street*. Tôi trở mình dưới chăn quay về phía Corrigan. Đây là lần đầu tiên anh ngủ lại qua đêm. Chúng tôi không hề dự tính trước: mọi việc cứ tự nhiên diễn ra thế thôi. Anh trăn trở trong giấc ngủ. Đôi môi khô rang. Tấm ga giường trắng cuộn theo cơ thể anh. Râu của người đàn ông giống như cái bản đồ thời tiết: rải rác những mảng sáng và tối, vệt xám đột ngột phủ khắp cằm, một mảng đen sâu hoắm bên dưới vành môi. Tôi sững sốt thấy nó làm tối gương mặt anh đi như thế nào, cái bộ râu buổi sáng này, sao mà nó kịp mọc ra trong thời gian ngắn thế, thậm chí cả những đốm xám xám cũng đã xuất hiện ở vùng da mà đêm trước còn nhẵn thín.

Vấn đề của tình yêu là chúng ta sống trong những cơ thể không phải của chính mình.

Một ống tay áo sơ-mi vẫn lỏng trên tay Corrigan, ống bên kia đã tuột ra hẳn. Trong cơn vội vã chúng tôi còn không cởi đồ cho tử tế được. Không sao, những lúc thế thì mọi chuyện đều có thể được tha thứ. Tôi nhắc cánh tay anh lên để cởi cúc áo. Những chiếc cúc bằng gỗ chui tuột ra khỏi khuyết vải. Tôi kéo tay áo ra dọc theo cánh tay anh. Phần da anh bên dưới cái cổ rám nâu rất trắng, như màu lát táo mới cắt. Tôi hôn vai anh. Sợi dây chuyền ngoạn đạo để lại một vòng trắng trên cổ, nhưng không thấy vết mặt dây hình thánh giá vì nó luôn nằm bên trong áo, thế nên trông như thể anh đeo một

sợi dây bằng da trắng có điểm kết thúc lửng lơ. Có một vài vết bầm tím trên da, do anh bị chứng rối loạn chức năng máu.

Anh mở mắt và chớp chớp một lúc, bật ra thứ âm thanh nửa như đau đớn nửa như sợ hãi. Anh duỗi chân ra khỏi tấm ga giường và nhìn quanh phòng.

—Ồ, - anh nói, - đã sáng rồi cơ à.

—Vâng.

—Sao quần của anh lại ở đằng kia?

—Anh uống nhiều quá.

—De veras?^[65] - anh nói. - Rồi anh trở thành gì thế này, diễn viên nhào lộn à?

Trên gác có tiếng bước chân, hàng xóm đang lục tục thức dậy. Anh đợi những âm thanh đó tắt dần, cuối cùng là tiếng thụp khi họ nhét chân vào giày.

—Bọn trẻ đâu?

—Đang xem *Sesame Street* ngoài kia.

—Mình uống nhiều quá.

—Rõ là thế.

Anh không quen uống nhiều nữa rồi. Anh quờ tay trên tấm ga giường, chạm phải đường cong trên hông thì rụt lại.

Trên gác lại có thêm nhiều tiếng động nữa, tiếng vòi sen chảy, tiếng vật gì đó khá nặng rơi đánh thịch, tiếng lộc cộc của đôi giày cao gót nữ trên sàn nhà. Căn hộ của tôi thu nhận hết đủ loại tiếng động đó, ngay cả những tiếng từ dưới tầng hầm dội lên. Với giá thuê một trăm mười đô la một tháng, tôi có cảm giác mình đang sống trong một cái radio.

—Lúc nào cũng ồn ào thế này à?

—Anh cứ đợi đến lúc lũ choai choai dậy mới biết.

Anh rên rĩ và nhìn lên trần nhà. Tôi tự hỏi không biết Corrigan nghĩ có cái gì ở trên đó, Chúa của anh chẳng, nhưng trước hết chắc hẳn là những người hàng xóm của tôi.

— Bác sĩ, giúp anh với, - anh nói. - Nói anh nghe chuyện gì thật tuyệt diệu đi.

Anh biết rằng tôi luôn muốn trở thành bác sĩ, rằng tôi đã đi cả đoạn đường dài suốt từ Guatemala đến đây với ý định đó, rằng tôi không thể nào hoàn thành chương trình y khoa ở quê nhà, và anh cũng biết rằng ở đây tôi đã thất bại, tôi còn chưa bao giờ được đặt chân đến ngưỡng cửa trường đại học, rằng có lẽ ngay từ đầu tôi đã chẳng có cơ hội nào rồi, thế nhưng anh vẫn gọi tôi là “bác sĩ.”

— Này nhé, sáng nay em thức giấc và chẩn đoán ra một trường hợp bị bệnh hạnh phúc.

— Chưa bao giờ nghe thấy cái bệnh đó, - anh cười.

— Đó là một căn bệnh hiếm gặp. Em tìm ra chỉ ngay trước khi mấy người hàng xóm thức dậy.

— Bệnh đó có lây không?

— Anh chưa bị bao giờ à?

Anh hôn môi tôi, nhưng rồi lại quay đi. Anh mang gánh nặng của những mâu thuẫn phức tạp không thể chịu nổi, tội lỗi của anh, niềm vui của anh. Anh nằm nghiêng sang trái, chân gập lại, quay lưng về phía tôi - trông anh như đang muốn cuộn tròn lại để tự che chắn cho mình.

Lần đầu tiên tôi thấy Corrigan là khi tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ ở nhà dưỡng lão. Qua mấy tấm kính cửa sổ bẩn thỉu, tôi thấy anh ở đó, đang đón Sheila, Paolo, Albee và những người khác. Rõ ràng là anh mới đánh nhau. Trên mặt đầy những vết toạc da và bầm tím, và ngay từ cái nhìn đầu tiên trông anh đúng y kiểu người mà tôi nên tránh xa. Thế nhưng vẫn có điều gì đó ở anh như là sự trung thành - đó là từ tiếng Tây Ban Nha duy nhất mà tôi biết, *fidelidad* - anh có vẻ trung thành với bọn họ bởi vì dường như anh

biết cuộc sống của họ là như thế nào. Anh bắc mấy tấm ván gỗ để đẩy mấy chiếc xe lăn lên thùng xe tải rồi chốt cửa lại. Anh đã dán đầy trên xe những tấm đề-can về hòa bình và công lý: tôi nghĩ có lẽ anh có khiếu hài hước đi kèm với tính bạo lực. Về sau tôi phát hiện ra những vết rách da và thâm tím đó là do bọn ma cô gây ra - anh nhận những đòn tàn tệ nhất mà không bao giờ đánh trả. Anh cũng rất trung thành với các cô gái bán hoa đó, và trung thành với Chúa của anh, nhưng ngay bản thân anh cũng biết lòng trung thành phải đứt gãy ở đâu đó.

Một lúc sau anh quay lại, lướt ngón tay trên môi tôi, và đột nhiên nói: “Xin lỗi.”

Đêm qua chúng tôi làm tình rất nhanh. Anh tiếp đi trước tôi. Phụ nữ thường nghĩ làm tình với một người đàn ông chưa bao giờ trải chuyện đó trong đời hẳn là phần khích lăm, và đúng thế thật, mọi suy nghĩ, mọi chuyển động của tôi đều cuốn vào phút ấy, nhưng cùng lúc tôi thấy mình như đang làm tình với bao nhiêu năm tháng đã mất của cuộc đời ấy, và anh đã khóc, anh gục đầu trên vai tôi, anh không thể chịu được cái nhìn đăm đăm của tôi.

Một người đàn ông giữ được lời thề lâu đến vậy có quyền có bất cứ cái gì anh ta muốn.

Tôi nói với anh rằng tôi yêu anh, sẽ luôn yêu anh, rằng tôi cảm thấy mình như một đứa bé ném đồng centavo xuống đài phun nước rồi sau đó phải chạy đi kể lể với ai đấy về điều ước kì lạ nhất của nó, mặc dù nó biết rằng điều ước phải được giữ bí mật, và nếu nói ra nó sẽ có thể đánh mất điều ước đó. Anh đáp rằng tôi không phải lo lắng, rằng đồng xu đó sẽ quay trở lại từ đài phun nước, lần nào cũng thế cả thôi.

Anh muốn thử lại việc làm tình. Mỗi lần lại có thêm một sự ngạc nhiên và hoài nghi, như thế anh không tin bản thân mình, không tin vào cái điều đang diễn ra.

Nhưng giờ đến khoảnh khắc vừa anh thức dậy - vào cái ngày mà tôi sẽ không ngừng hồi tưởng sau này - khi anh quay lại phía tôi, hơi thở vẫn còn thoảng mùi rượu.

- Thế là, - anh nói, - em cởi cả áo của anh ra nhi.
- Mánh là ở đây mà.
- Một trò rất hay.
- Bàn tay tôi lướt dọc tấm trải giường tìm đến anh.
- Chúng ta phải che cái lỗ nhòm lại.
- Cái gì?
- Lỗ nhòm, lỗ ngắm, lỗ quan sát, hay gì gì.

Tất cả cánh cửa trong căn hộ của tôi, cái nào cũng có lỗ nhòm. Có vẻ như chủ nhà khi xưa mua được mấy cánh cửa với giá hời nên lắp chúng khắp nơi. Thế là có thể nhòm từ phòng này sang phòng kia, mắt thủy tinh cong lắp trong lỗ nhòm làm cho các căn phòng hoặc hẹp đi hoặc rộng hơn, tùy theo người ghé mắt đang đứng ở bên nào. Nếu nhìn vào trong bếp, trông mọi vật sẽ nhỏ xíu. Nếu đứng đó nhìn ra ngoài, thế giới sẽ giãn phồng ra. Cái lỗ nhòm ở phòng ngủ hướng vào bên trong, nên Jacobo và Eliana có thể nhìn lén tôi khi tôi đang ngủ. Chúng gọi đó là cánh cửa giả trang. Có vẻ hình ảnh méo mó qua mắt thủy tinh khiến chúng thấy tôi đang nằm ngủ trên một chiếc giường vĩ đại nhất thế giới. Tôi được vùi đầu vào cái gối vĩ đại nhất thế giới. Những bức tường vòng cong ôm lấy tôi. Ngày đầu tiên chúng tôi chuyển tới đây, tôi nằm thò chân ra khỏi tấm chăn. *Mẹ ơi, chân mẹ còn to hơn cả cái đầu!* M'ijo^[66] nói thế giới trong phòng ngủ của tôi như giãn nở ra. Còn M'ija2 nói phòng hẳn được làm bằng kẹo cao su.

Corrigan trườn ra khỏi giường. Tấm lưng trần gầy gò, cặp chân dài. Anh bước đến tủ quần áo. Anh treo cái sơ mi đen lên trên mắc áo rồi móc vào khe bản lề giữa cánh cửa và khung cửa. Cái áo sơ-mi đung đưa che mất lỗ nhòm. Bên ngoài có tiếng ti vi.

- Chúng ta cũng nên khóa cửa lại thì hơn, - tôi nói.
- *Estás segura?*^[67]

Anh phát âm cái cụm từ tiếng Tây Ban Nha ngắn gọn này nghe như đang ngậm đá trong miệng, nghe kinh khủng đến mức tôi phá lên cười.

— Bọn trẻ sẽ không lo lắng chứ?

— Không, nếu chúng ta cũng thế.

Anh quay lại giường, trần truồng, bối rối, ngượng nghịu che lấy thân. Anh luồn vào chăn, khuỷu tay thúc vào vai tôi. Anh hát. Dù sai hết cả nhạc. “Bạn làm ơn giúp tôi với nhé, đi làm sao mới tới phố Mè?”^[68]”

Tôi biết rằng mình sẽ nhớ lại được cái ngày này bất cứ lúc nào tôi muốn. Tôi sẽ gìn giữ nó sống mãi trong tôi. Nâng niu nó. Đó là khoảnh khắc tình tại khi chỉ có hiện tại cuốn mình trong chính nó, không vướng gì khác. Dòng chảy không ở nơi mà nó khởi nguồn hay kết thúc, mà ở ngay chính điểm giữa, được neo chặt lại bằng những gì đã xảy ra và những gì sắp đến. Ta có thể nhắm mắt lại và thấy tuyết rơi lất phất trên bầu trời New York, vài giây sau lại đang phơi nắng trên một phiến đá ở Zacapa, lát nữa lại đang băng qua khu Bronx, ta muốn thế nào cũng được. Không lời nào diễn tả được cái cảm giác này. Từ ngữ chống lại nó. Ngôn từ sẽ đặt nó vào trong một mẫu hình mà nó không mang. Sẽ nhốt nó lại trong thời gian. Sẽ làm đông cứng cái lẽ ra không thể dừng lại. Hãy thử mô tả hương vị của một trái đào xem. Cứ thử mà xem. Cảm nhận vị ngọt dâng lên hối hả: chúng tôi lại làm tình.

Thậm chí tôi còn không nghe thấy tiếng gõ cửa, nhưng Corrigan dừng lại, cười tươi và hôn tôi, một vầng mồ hôi ướt đẫm trên trán anh.

— Chắc là Elmo đó.

— Em lại nghĩ là Oscar Cầu Nhàu^[69].

Tôi bước ra khỏi giường và kéo cái áo sơ-mi ra khỏi mắc để nhìn qua lỗ nhòm. Tôi thấy ngay đỉnh đầu mấy đứa nhỏ, mắt chúng trông bé tí hin và ngơ ngác. Tôi mặc áo của Corrigan vào và mở cửa. Cúi xuống ngang tầm mắt chúng. Jacobo đang ôm một cái chăn cũ trong tay. Eliana cầm cái cốc nhựa trống không. Chúng kêu đói, đầu tiên là bằng tiếng Anh, sau thì nói tiếng Tây Ban Nha.

Chờ một phút, tôi bảo bọn trẻ. Tôi đúng là một bà mẹ tồi tệ. Tôi không nên làm thế này. Tôi đóng cửa lại, nhưng lại mở ngay ra, quáng

quàng chạy vào bếp, đổ đầy hai bát ngũ cốc, thêm hai cốc nước.

— Im lặng nào, mấy cưng. Hứa với mẹ đi.

Tôi quay về phòng ngủ, nhòm lỗ tré qua cái lỗ, chúng đang ngồi xem ti vi, bột ngũ cốc văng đầy trên thảm. Tôi bước mấy bước băng ngang phòng và nhảy bổ lên giường. Tôi ném tấm ga xuống đất, và đổ sập xuống bên cạnh Corrigan, kéo anh lại gần. Anh đang cười, cơ thể thả lỏng thư thái.

Chúng tôi lại lao vào nhau. Chúng tôi lại làm tình. Sau đó anh tắm vòi sen trong phòng tắm của tôi.

— Hãy nói với em điều gì thật tuyệt diệu đi, Corrigan.

— Như là gì nào?

— Thôi nào, đến lượt anh chứ.

— Chà, anh mới học chơi piano.

— Có cái piano nào đâu.

— Chính xác. Anh chỉ ngồi xuống và ngay lập tức biết chơi tất cả các nốt nhạc.

— Ha!

Đúng thế. Chính là cảm giác này. Tôi đi vào phòng tắm cùng anh, kéo tấm rèm ra, hôn đôi môi ướt đẫm của anh, mặc áo choàng vào rồi đi ra với lỗ tré. Hai bàn chân trần của tôi bước trên sàn nhà lót tấm nhựa đã cong mép. Những móng chân được sơn sửa. Tôi mơ hồ cảm nhận được mọi thứ sượt trong tôi vẫn đang làm tình với Corrigan. Mọi thứ đều mới mẻ, đầu ngón tay tôi giờ đây nhạy cảm với mọi cái tôi chạm đến, như đầu cũng là mặt lò nóng.

Anh ra khỏi phòng tắm, mái tóc ướt nhèm đến nỗi lúc đầu tôi nghĩ mảng tóc muối tiêu hai bên thái dương anh đã biến mất. Anh mặc lại chiếc quần thẫm màu và chiếc sơ-mi đen vì ở đây anh chẳng có bộ nào khác mà thay. Anh vừa cạo râu xong. Tôi muốn mắng anh một trận vì dám dùng dao cạo của tôi. Da anh giờ sáng hẳn lên nhưng thô ráp.

Một tuần sau - sau vụ tai nạn - tôi về nhà và nhặt nhạnh đám râu tóc của anh còn dính trên thành bồn rửa, sắp xếp chúng thành các hình thù khác nhau, một cách ám ảnh, hết lần này đến lần khác. Tôi sẽ đếm và xếp chúng thành bức chân dung của anh ngay trên chiếc bồn rửa đó.

Tôi từng thấy hình chụp X quang ở bệnh viện. Bóng tim sưng lên do cú chấn thương mạnh ở ngực. Các cơ tim bị ép chặt bởi máu và chất dịch trong cơ thể. Những tĩnh mạch cảnh phồng to. Tim anh đập thoi thóp. Bác sĩ cắm một cây kim vào ngực anh. Tôi biết thao tác này vì tôi đã từng có thời làm y tá: Dẫn lưu màng ngoài tim. Máu và chất lỏng được hút ra, nhưng tim Corrigan vẫn tiếp tục sưng to lên. Anh trai anh liên tục cầu nguyện. Họ chụp X quang lần nữa. Các tĩnh mạch cảnh vẫn phồng to như trước, ép anh ngạt thở. Cơ thể anh đã lạnh cóng.

Vậy mà, lúc này đây, bọn trẻ chỉ ngược lên và nói: “Chào chú Corrie,” như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời. Phía sau chúng chiếc ti vi vẫn phát bản nhạc. Đếm đến bảy. Hát cùng tôi nào. *Khi cái bánh được mở ra, lũ chim bắt đầu ca hát*^[70].

— Niños, apaguen la tele.^[71]

— Lát nữa đi mẹ.

Corrigan ngồi bên chiếc bàn gỗ nhỏ phía sau chiếc ti vi. Anh quay lưng lại phía tôi. Trái tim tôi luôn hụt nhịp mỗi lần anh ngồi gần bức chân dung người chồng đã chết của tôi. Anh chưa bao giờ bảo tôi phải cất bức ảnh đi. Anh sẽ không bao giờ làm thế. Anh biết lí do nó ở đây. Cho dù chồng tôi là một kẻ cục súc, chết trong chiến tranh ở vùng núi gần Quezaltenango, thì có khác gì, tất cả trẻ con đều cần có bố. Hơn nữa, đó chỉ là một bức ảnh. Nó cũng chẳng được ưu ái hơn. Nó không đe dọa Corrigan. Anh biết câu chuyện đời tôi. Nó cũng được gói gộp trong khoảnh khắc này.

Và đột nhiên tôi nghĩ, khi tôi nhìn anh qua cái bàn nhỏ, rằng đây chính là những ngày tháng sau này của chúng tôi. Đây là tương lai mà chúng tôi mừng tượng. Cái chuyển động và cái tĩnh tại. Sự tự tin và nỗi hoài nghi. Corrigan liếc tôi, mỉm cười. Anh cầm lên một trong những cuốn sách ngành

y của tôi. Anh mở ngẫu nhiên đến một trang và nhìn lướt qua, nhưng tôi biết anh đang không đọc. Những hình cơ thể người, rồi xương, rồi sụn.

Anh lướt qua các trang giấy như thể chỉ đang tìm thêm khoảng trống mà thôi.

— Thật sự, - anh nói, - ý đó không tồi đâu.

— Gì cơ?

— Mua một cái piano và học chơi đàn.

— Phải, nhưng mà để nó ở đâu?

— Trên nóc cái ti vi. Phải không Jacobo? Này, Bo, vụ này sẽ hay ho đấy nhỉ?

— *Hông*, - Jacobo dứt khoát.

Corrigan nhào người qua chiếc sofa và cốc mái đầu đen sẫm của con trai tôi.

— Hay là ta mua một cây đàn piano có ti vi gắn bên trong?

— *Hông*.

— Thế thì một cái piano và ti vi và máy làm sôcôla ba trong một nhé.

— *Hông*.

— Ti vi đúng là thứ ma túy tuyệt hảo. - Corrigan cười.

Lần đầu tiên trong nhiều năm trời tôi ước mình có một khu vườn. Chúng tôi có thể đi ra ngoài tận hưởng không khí trong lành và tránh xa bọn trẻ, tìm một nơi riêng tư, vui những cao ốc lừng lững chung quanh dưới những lá cỏ, thuê thợ tạc hình những bông hoa theo bước chân chúng tôi. Tôi thường mơ đưa anh trở về Guatemala. Có một nơi mà tôi và lũ bạn thời thơ ấu thường hay đến, một khu rừng nhỏ đầy bướm dọc con đường đất hướng về phía Zacapa. Con đường lút sâu trong những bụi cây. Những cây cao vươn lên trên khu rừng, dưới thấp là những khóm cây bụi rậm rạp. Bọn con gái mút những bông hoa giòn ngọt còn bọn con trai thì xé tung những

chú bướm ra để xem chúng làm bằng gì. Có những cánh bướm sặc sỡ đến nỗi chắc hẳn chúng phải có chứa độc tố trong người. Khi tôi bỏ nhà đến New York, tôi thuê một căn hộ nhỏ ở khu Queens, và một ngày, khi quần trí, tôi xăm một hình xăm ở mắt cá chân, một đôi cánh bướm dang rộng. Đó là một trong những việc ngu ngốc nhất mà tôi đã từng làm. Tôi tự cảm ghét mình vì đã trở thành một đứa con gái rẻ tiền.

— Em đang mơ mộng kìa, - Corrigan nói với tôi.

— Thế à?

Đầu tôi tựa vào vai anh, anh cười như thể tiếng cười muốn bay đi xa, xuyên qua cả cơ thể tôi.

— Corrie?

— Ừ?

— Anh có thích hình xăm của em không?

Anh tinh nghịch chọc chọc vào nó. Anh chịu được, anh nói.

— Nói thật cơ.

— Thật mà, anh thích nó.

— Mentiroso^[72], - tôi cười. Anh nhăn trán. Anh chỉ phịa.

— Anh không phịa. Mấy nhóc! Mấy nhóc có nghĩ là chú đang nói dối không?

Không đứa nào lên tiếng cả.

— Thấy chưa? - Corrigan nói. - Anh đã bảo mà.

Niềm khát khao của tôi đối với anh giờ trở nên sống động và buốt nhói. Tôi vươn người hôn lên môi anh. Đây là lần đầu tiên chúng tôi hôn nhau trước mặt bọn trẻ, nhưng có vẻ chúng không để ý. Cổ tôi thoáng lạnh buốt.

Có những lúc - dù không thường xuyên lắm - tôi ước mình không có con cái gì hết. Chỉ muốn chúng biến mất, Chúa ơi, khoảng một giờ thôi, không hơn, chỉ một giờ, thế thôi. Nhanh nhanh lên, đưa chúng ra khỏi tầm

mắt con, bắt chúng bay lên theo làn khói và biến mất, rồi mang chúng quay trở lại vẹn nguyên, như thể chúng chưa từng đi đâu hết. Nhưng hãy để con ở đây một mình, với anh ấy, người đàn ông này, Corrigan, một lúc thôi, chỉ con và anh ấy bên nhau.

Tôi lại tựa đầu vào vai anh. Anh lơ đãng chạm vào một bên má tôi. Anh đang nghĩ gì nhỉ? Có rất nhiều thứ có thể kéo anh ra khỏi tôi. Đôi khi tôi cảm thấy anh được làm bằng nam châm. Anh nhún nhảy và xoay tròn lơ lửng quanh tôi. Tôi vào bếp pha cho anh một cốc café. Anh thích uống café đậm đặc thật nóng với ba thìa đường. Anh nhấc chiếc thìa ra và liếm nó một cách đắc thắng, như thể nó đã đưa anh vượt qua một thử thách cam go. Anh hít mạnh cho chiếc thìa dính lủng lẳng dưới mũi, trông thật buồn cười.

Anh quay lại phía tôi.

— Em nghĩ sao Adie?

— Que payaso.^[73]

— Gracias^[74], - anh đáp với cái khẩu âm kinh dị của mình.

Anh đi đến trước màn hình ti vi, cái thìa vẫn đang đưa dưới mũi. Nó rơi xuống, anh liền bắt lấy và lại hít nó vào mũi, diễn trò cho lũ trẻ xem. Chúng cười ngặt cười nghèo. Để cháu, để cháu, để cháu.

Tôi dần nhận ra những điều nhỏ nhặt. Như là anh chịu chơi cái trò hít thìa dưới mũi. Đây nữa, anh thích thổi cốc café của mình cho nguội, ba hơi ngắn, một hơi dài. Và còn đây, anh không thích món ngũ cốc ăn sáng. Và nữa, anh rất giỏi sửa cái lò nướng.

Bọn trẻ xem tiếp chương trình ti vi của chúng. Anh ngồi xuống uống hết cốc café. Anh chăm chú nhìn bức tường xa xa. Tôi biết anh lại đang nghĩ đến Chúa của anh, nhà thờ của anh, và những mất mát của anh nếu anh quyết định từ bỏ luật dòng tu. Như thể cái bóng của chính anh đang nhảy lên tấn công chủ nó. Tôi biết tất cả những điều này vì anh mỉm cười với tôi, nụ cười ấy nói lên tất cả, cả cái nhún vai trong đó, rồi tự dưng anh đứng dậy, vươn duỗi mình, bước đến cái đi-văng, ngồi thụp xuống phía sau giữa hai đũa nhóc, như thể chúng có thể che chở cho anh. Anh quàng tay qua vai

chúng. Tôi vừa thích vừa không thích anh chính những lúc thế này. Tôi lại cảm thấy thèm muốn anh, miệng khô khát như có muối.

— Em biết đấy, - anh phân trần, - anh có việc phải làm.

— Đừng đi Corrie. Ở lại đây một lát nữa. Công việc có gấp đâu mà.

— Ừ, - anh đồng ý, như thể anh tin vào điều đó thật.

Anh kéo lũ trẻ vào sát mình hơn và chúng để yên như vậy. Tôi muốn anh đưa ra quyết định. Tôi muốn nghe anh nói anh có thể có cả Chúa lẫn tôi, cả lũ con tôi và căn nhà ộp ván nhỏ bé này nữa. Tôi muốn anh ở lại đây - đúng chỗ này - trên chiếc đi-văng, không nhúc nhích.

Tôi sẽ luôn tự hỏi nó là cái gì, cái khoảnh khắc đẹp đẽ ấy là gì, khi anh thì thầm với tôi, lúc chúng tôi tìm thấy anh bị nát nhừ trong bệnh viện, anh đang nói về cái gì khi anh thì thầm vào bóng tối rằng anh đã nhìn thấy một thứ gì đó mà anh không thể nào quên, một mớ bong bong những ngôn từ, một người đàn ông, một tòa nhà, tôi không thể hiểu được. Tôi chỉ có thể hy vọng vào giây phút cuối cùng anh có được bình yên. Có thể đó chỉ là một suy nghĩ bình thường, mà cũng có thể khi đó khi anh quyết định từ bỏ luật dòng tu, giờ không gì có thể ngăn cản anh nữa, anh sẽ về nhà cùng tôi; hay chỉ là một khoảnh khắc đơn giản của cái đẹp, một việc nhỏ nhặt không đáng để nói đến, một cuộc gặp mặt tình cờ, hoặc lời anh nói với Jazzlyn hoặc Tillie, một câu nói đùa, hay có thể anh đã quyết định rằng, phải, bây giờ anh có thể buông tay tôi rồi, rằng anh có thể ở lại nhà thờ của anh và làm công việc anh hằng nguyện, hoặc cũng có thể trong đầu anh chẳng nghĩ cái gì cả, có lẽ anh chỉ đang vui, hoặc đang đau đớn rồi cảm giác morphine lan ra khắp người - có thể là tất cả những điều này hoặc gì đó khác - không thể nào biết được. Tôi vẫn rất băn khoăn về những lời nói cuối cùng của anh giây phút ấy.

Có một người đi bộ trên không. Tôi đã nghe nói về việc đó. Và Corrigan đã ngủ cả đêm trong chiếc xe tải đỗ gần tòa án. Anh đã bị phạt vì đỗ xe ở đó. Trên phố John. Có lẽ vào sáng sớm anh đã thức dậy, loạng choạng bước ra khỏi xe và nhìn thấy người thanh niên đó trên cao, đang

thách thức Chúa trời, một con người đứng trên cây thánh giá chứ không phải ở bên dưới - ai mà biết được, tôi cũng vậy. Cũng có thể là vì tại phiên tòa đó, anh chàng đi dây được tự do, trong khi Tillie thì bị tống vào tù những tám tháng trời, có thể điều đó làm anh khó chịu - những điều này thật rối rắm, không có câu trả lời, có thể anh nghĩ bà ấy đáng được nhận cơ hội thứ hai, anh rất tức tối, bà ta không đáng bị ngồi tù. Hoặc cũng có thể có một điều gì đó khác làm anh giận dữ.

Có lần anh nói với tôi rằng thà không có niềm tin còn hơn mang một niềm tin bị tổn thương, đôi khi tôi tự hỏi đó có phải là những gì anh đã và đang làm - cố gắng gây tổn thương cho niềm tin của mình để thử thách nó, kiểu như tôi chỉ là một hòn đá trong vô số các hòn đá khác trên con đường vì Chúa của anh.

Trong những giây phút tồi tệ nhất của đời mình, tôi tin rằng anh đang chạy vội về nhà nói lời chào tạm biệt, rằng anh lái xe nhanh thế vì anh đã quyết định xong rồi, mọi việc thế là hết; nhưng trong những cơn mơ đẹp đẽ, đẹp đẽ nhất đời, anh xuất hiện trên bậc cửa, mỉm cười với hai cánh tay dang rộng, để ở lại với tôi.

Và vì thế đây là những gì tôi sẽ nhớ về anh, nhiều nhất và thường xuyên nhất có thể. Một buổi sáng thứ Năm, một tuần trước vụ tai nạn, khoảnh khắc ký ức tôi khảm vào mọi buổi sáng khác mỗi khi tôi mở mắt ra. Anh ngồi giữa Eliana và Jacobo, trên chiếc đi-văng, hai tay dang rộng, khuy áo sơ-mi phanh ra, cái nhìn của anh dán chặt về phía trước. Không gì có thể thực sự mang anh ra khỏi chiếc đi-văng ấy. Nó vốn là một chiếc đi-văng màu nâu đơn giản với những cái gối màu sắc không ăn nhập gì, trên tay ghế mòn xơ còn có một lỗ thủng, một vài đồng xu từ trong túi anh rơi xuống khe nệm, và tôi sẽ mang hình ảnh ấy, thời khắc ấy theo bất cứ nơi đâu tôi đi, đến Zacapa, hoặc nhà dưỡng lão, hoặc bất cứ nơi nào tôi tình cờ đậu lại.

TUNG HỒ VÀ NGỢI CA THIÊN CHÚA

TÔI GẦN NHƯ BIẾT NGAY KHI ĐÓ. Rằng hai đứa bé ấy cần được chăm sóc. Một cảm giác đã vùi chôn lâu lắm rồi lên. Đôi khi nhớ lại quá khứ là một sai lầm nảy sinh từ niềm kiêu hãnh, nhưng tôi đồ rằng khi ta sống trong một khoảnh khắc hàng nhiều năm rỗng, dịch chuyển cùng nó và cảm thấy nó lớn dần lên, thì nó sẽ vươn rể cho tới khi chạm tới mọi thứ trong tầm mắt ta.

Tôi lớn lên ở miền Nam Missouri. Là con gái duy nhất trong gia đình có năm anh em trai. Đó là những năm trong thời kỳ Đại Suy Thoái. Mọi thứ đều tan tác cả, nhưng chúng tôi vẫn cố hết sức bám trụ cùng nhau. Ngôi nhà chúng tôi ở hình chữ A, như hầu hết các ngôi nhà của người da đen trong thị trấn. Những tấm gỗ không quét sơn vông xuống quanh mái hiên. Ngôi nhà một bên là phòng khách dài, có bày bộ ghế mây, một chiếc đi-văng màu tía, và một cái bàn dài được đẽo rất thô từ ván một chiếc xe bò đã hỏng. Bên kia, hai phòng ngủ quay về hướng đông đón bình minh được che mát bởi hai cây sồi to. Tôi treo những cái khuy áo và dính lên những cành cây làm thành một chiếc chuông gió. Trong nhà, những tấm lát sàn không được đều. Đêm đến, mưa rơi lộp bộp xuống mái tôn.

Bố tôi thường nói ông thích ngồi yên lắng nghe trọn hòa âm của cả ngôi nhà.

Những ngày tươi đẹp nhất đọng lại trong tôi chính là những ngày bình thường nhất - chơi lò cò trên tấm bê tông vỡ, theo các anh em trai chạy qua những cánh đồng ngô, kéo lê cặp sách trên đám đất bụi. Hồi đó tôi và các anh trai đọc rất nhiều sách - cứ vài tháng một lần thư viện lưu động lại ghé qua chỗ chúng tôi, dừng chân mười lăm phút. Khi mặt trời sủi những bọt nắng vàng trên dãy hàng rào sắt gãy, chúng tôi ùa ra ngoài, chạy ra sau cửa hàng tạp phẩm Chaucer, bày đủ trò chỗ dòng suối đối với tôi bây giờ chỉ bé xíu nhưng hồi đó thì là cả một dòng cuộn cuộn đáng gờm. Chúng tôi sẽ

lái những chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước xuôi nhánh sông vĩ đại ấy và dàn xếp để thằng bé da đen Jim đánh bại Tom Sawyer cho đáng đời nó đi. Với nhân vật Huck Finn thì chúng tôi không biết nên xử trí ra sao, nên thường gạt nó ra khỏi những trò phiêu lưu của mình. Những con tàu bằng giấy lượn lờ ra đến chỗ ngoặt rồi biến mất.

Nghề chính của bố tôi là thợ sơn nhà, nhưng ông ưa vẽ biển hiệu gắn cửa cho các cửa hàng trong thị trấn. Tên của những ông chủ quan trọng vẽ trên kính đục. Chữ mạ vàng cùng những vòng xoắn trang trí bằng bạc tinh vi. Thỉnh thoảng ông kiếm được việc ở chỗ các công ty thương mại, nhà máy, hay văn phòng thám tử tinh lẻ. Cũng có khi một bảo tàng hoặc nhà thờ nào đó muốn sơn sửa biển chào. Ông chủ yếu làm ở khu của người da trắng, nhưng khi ông làm ở mé bên này sông chỗ chúng tôi, chúng tôi sẽ đi theo để giữ thang cho ông hoặc đưa cho ông bút lông và giẻ. Ông vẽ những tấm biển gỗ đu đưa trong gió chào mời mua nhà, món trai nước ngọt hay những chiếc bánh kẹp giá năm xu. Ông thấp người, luôn ăn bận chần chu, có đi nhận việc ở đâu cũng không chê vào đâu được: Áo sơ-mi cổ cồn xếp li, thêm kẹp cà vạt bằng bạc. Quần ông có gấu lơ-vê và ông thường vui vẻ nói rằng nếu chịu khó nhìn kỹ thì ông thấy được cả hình cái biển hiệu đang vẽ phản chiếu trên mũi giày bóng lộn. Ông không bao giờ nhắc đến chuyện tiền bạc hay chuyện túng thiếu nọ kia với chúng tôi, và khi cuộc Đại Suy Thoái thực sự ập đến, ông vẫn chỉ làm những công việc cũ và cố vẽ cho đẹp hơn với hy vọng việc kinh doanh rồi sẽ trụ vững và họ sẽ trả cho ông một hai đô-la khi mọi việc tốt đẹp.

Việc thiếu tiền cũng không khiến mẹ tôi buồn phiền là mấy - bà là người đã kinh qua cả những cơn bão cực lẫn những hồi thái lai của cuộc đời: bà đủ từng trải để mà tận tai nghe hết những chuyện về nô lệ, và đủ khôn ngoan để nhận ra giá trị của việc thoát khỏi ách áp bức ấy, hay chí ít cũng không thua kém bất kỳ ai đã thoát khỏi gông xiềng ở miền Nam Missouri thời đó.

Bà từng được trao lại, như một vật kỷ niệm, tờ văn khế bán bà ngoại tôi, và đó là vật mà bà mang theo để nhắc nhở mình về xuất thân, nhưng

cuối cùng khi có cơ hội bà cũng bán nó đi cho một người phụ trách bảo tàng đến từ New York. Bà dùng tiền ấy mua một chiếc máy khâu cũ. Bà cũng làm những việc khác nữa, nhưng chủ yếu là quét dọn cho tòa báo ở trung tâm thị trấn. Bà mang những tờ báo từ khắp nơi trên đất nước về nhà và đêm đêm lại đọc cho chúng tôi nghe những chuyện mà bà cho là hay, những chuyện mở ra những chân trời mới bên ngoài ô cửa, những chuyện kể đơn giản về chú mèo trèo cây, hay những cậu bé trinh thám giúp đội cứu hỏa, hay những người da màu đấu tranh cho điều thiện và điều đúng, mà mẹ tôi hay gọi là *việc làm phải lẽ*.

Nhưng bà không hòa theo Marcus Garvey^[75], bà chẳng ôm thù oán cũng chẳng mong về lại quê gốc, nhưng bà không phản đối quan điểm phụ nữ da màu cũng có thể giành được một vị thế tốt hơn trong thế giới này.

Mẹ có khuôn mặt đẹp nhất tôi từng thấy, có lẽ là đẹp nhất trong những người tôi gặp từ trước đến giờ: da đen như bóng đêm, khuôn mặt trái xoan đầy đặn, đôi mắt đẹp như được bố tôi vẽ nên, khuôn miệng thoáng nét buồn, hàm răng sáng bóng, nên khi bà cười cả khuôn mặt bừng lên trong niềm khuây khỏa. Bà đọc bằng giọng trầm bổng của người châu Phi mà tôi đoán đã theo bà từ lâu lắm rồi từ quê hương Ghana, chút dấu vết đã pha chất Mỹ, nhưng nó vẫn níu buộc chúng tôi với quê hương mà chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy.

Tôi ngủ cùng với các anh em trai đến tận năm tám tuổi, nhưng sau đó mẹ vẫn thường đặt tôi vào giường cạnh các anh em và đọc cho chúng tôi nghe tới khi tất cả cùng ngủ. Khi đó bà luôn đôi cánh tay to lớn xuống dưới người tôi mà bế tôi về chỗ tấm nệm riêng đặt ở hành lang hẹp ngay bên ngoài phòng ngủ của bà. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nghe thấy tiếng các anh em trai thì thào cười giỡn trước khi chìm vào giấc ngủ: có lẽ đó là tất cả những gì tôi muốn nhớ lại, có lẽ những câu chuyện của chúng tôi nên dừng lại ở một thời điểm chính xác nào đó, có lẽ mọi thứ nên bắt đầu và kết thúc ngay ở đó, vào khoảnh khắc những tiếng cười vang lên; nhưng xem ra mọi thứ không thực sự có khởi đầu hay kết thúc, tôi cho là vậy, chúng cứ tiếp diễn vậy thôi.

Vào một buổi tối tháng Tám hồi tôi mười một tuổi, bố bước vào cửa, một vệt sơn bẩn tóa trên giày. Mẹ, lúc đó đang nướng bánh, chỉ biết đứng ngây ra nhìn ông. Trước giờ ông chưa từng, chưa một lần nào, làm hỏng quần áo khi ra ngoài làm việc. Bà đánh rơi cái muống xuống sàn nhà. Một giọt bơ chảy vãi ra sàn. “Ôi Chúa ơi có chuyện gì với ông nó vậy?” bà thì thào. Ông chỉ đứng đó ừ ừ và tái nhợt, nắm chặt lấy mép khăn trải bàn kẻ ca rô đỏ trắng. Dường như ông đang cố nuốt khan để giọng khỏi run. Ông áp úng vài lời rồi khuyu xuống. Mẹ tôi kêu lên: Ôi, lạy Chúa, đột quy rồi. Bà vòng tay đỡ lấy ông.

Khuôn mặt hẹp của bố trong đôi bàn tay to của mẹ.

Mắt ông lướt qua mắt bà. Bà ngẩng mặt và hét lên với tôi:

“Gloria, đi tìm bác sĩ.”

Tôi nhào ra khỏi cửa trên đôi chân trần.

Hồi đó đường xá còn bằng đất nện, tôi vẫn nhớ từng nhịp bước chân, đôi lúc có cảm giác như tôi vẫn đang chạy trên con đường đó. Bác sĩ đang ngủ cho tỉnh rượu. Vợ ông ta nói không nên quấy rầy ông, bà ta đã tát tôi hai cái vào hai bên má khi tôi lách qua người bà mà lên cầu thang. Nhưng tôi vốn khỏe giọng. Tôi kêu gào ầm ĩ. Ông bác sĩ khiến tôi ngạc nhiên khi ông bước ra đầu cầu thang, sẫm soi nhìn xuống rồi quay đi lấy chiếc túi nhỏ màu đen. Đó là lần đầu tiên tôi được ngồi xe hơi về nhà, bố tôi vẫn đang ngồi ở chỗ bàn bếp, ôm chặt cánh tay. Hóa ra đó chỉ là cơn đau tim nhẹ, không phải đột quy, sau dạo ấy bố không thay đổi mấy nhưng mẹ thì khác hẳn. Sau lần đó bà lúc nào cũng canh chừng ông: bà e ông sẽ ngã gục xuống bất cứ lúc nào. Bà bị mất việc ở tòa báo vì cứ khăng khăng đòi ông phải tới đó ngồi trong khi bà quét dọn: đám biên tập viên không thể chịu nổi cảnh một người đàn ông da đen móm mẩm vào chỗ báo của họ, dù họ chẳng thấy có vấn đề gì nếu một phụ nữ da đen làm việc đó.

Một trong những cảnh tượng đẹp nhất mà tôi từng thấy trong đời - cho tới tận bây giờ - là cảnh một buổi chiều bố chuẩn bị đi câu cùng mấy người bạn ông quen ở cửa hàng gần nhà. Ông cứ đi đi lại lại khắp nhà để sắp

đồ. Mẹ không muốn bố mang theo bất cứ thứ gì, kể cả cần câu và dây dợ vì lo ông bị quá sức. Ông nhét thêm dây câu vào giỏ và quát lên là ông thích mang gì thì mang. Ông thậm chí còn cố nhồi thêm bia và bánh kẹp cá ngừ vào giỏ cho bạn bè. Khi bên ngoài có tiếng huýt sáo gọi, ông quay ra hôn bà ở cửa, vỗ nhẹ lên má bà và thì thầm điều gì đó vào tai bà. Mẹ ngửa cổ ra sau cười to, và sau này thì tôi biết đó hẳn là một câu bông đùa tục tĩu. Bà đứng nhìn theo cho tới khi bóng ông khuất sau góc đường, rồi bà trở vào trong và quỳ xuống - mà ngày thường bà vốn không phải người sùng đạo, bà thường nói sau này quả tim chẳng qua cũng nằm dưới một xẻng đất - vậy mà giờ bà bắt đầu cầu mưa, rất nghiêm túc thành khẩn, để cha tôi mau mau về cạnh bà.

Đó là thứ tình cảm gắn bó hàng ngày mà tôi phải học cách vượt qua: nếu lớn lên cùng thứ tình thân ấy, thật khó nghĩ rằng có một ngày ta phải đối đầu với nó. Tôi thường nghĩ anh chị em thực sự yêu thương nhau sẽ khó lòng bước ra khỏi lớp vỏ bọc ấy bởi trong đó dễ chịu đến nỗi ta chẳng thiết tạo lớp vỏ riêng cho mình nữa.

Suốt đời mình tôi sẽ không quên tấm biển các anh chị em vẽ cho tôi một vài năm sau đó, sau cái chết của hai anh tôi trong Chiến tranh thế giới thứ hai, một ở Anzio, một sau đợt ném bom ở Nhật Bản, sau những bài diễn văn và màn bắt tay xã giao cho phải phép. Khi ấy tôi đang trên đường tới Syracuse, New York học đại học, mọi người bèn viết lên một tấm biển nhỏ bằng nước sơn yêu chuộng của bố tôi, loại sơn vàng kim quý giá ông luôn dành cho những mối khách sang, rồi họ treo nó ở trạm xe buýt, tấm biển có miếng đỡ lưng hình thoi chắc chắn như cánh diều để tránh bị gió lật, nó đề: **VỀ NHÀ SỚM NHÉ, GLORIA.**

Tôi không sớm trở về. Đúng ra tôi không về lần nào. Ít ra là hồi đó. Tôi ở miền Bắc, ra sức vui đùa vào sách vở, rồi lao vào một cuộc hôn nhân chóng vánh, nhúng tâm hồn mình vào rượu mạnh, rồi sau dồn hết tâm trí vào ba đứa con trai bé bỏng, mặc cho năm tháng trôi đi, như các anh chị em tôi cũng thế, nhìn mắt cá chân qua năm tháng cứ phù dần ra. Rồi nhiều năm sau, khi thật sự quay về nhà ở về Missouri, tôi ngồi tuyến xe buýt chống phân

biệt chủng tộc, tai nghe những chuyện về cảnh sát kéo lê vòi rồng, và tôi có thể nghe thấy giọng mẹ vắng vắng bên tai: Gloria, suốt thời gian qua mà chẳng làm nên tích sự gì cả, mà đã ở đâu hả, đã làm gì hả, sao lại không về nhà, mà có biết mẹ đang cầu trời mưa không?

Giờ sau gần ba mươi năm, tôi có một dáng vẻ mà ai nhìn cũng nghĩ tôi ngoan đạo lắm. Tôi bận áo váy thít chặt ở sau lưng để giữ cho ngực khỏi lắc lư. Tôi cài ghim hoa vàng lên vai trái chiếc đầm màu sẫm nhất. Tôi đeo xách tay trắng có quai tròn. Tôi đi tất dài quá gối và thỉnh thoảng còn thêm đôi găng tay trắng lên tận khuỷu tay.

Giọng tôi lại vốn sâu trầm, ai nghe cũng cứ ngỡ tôi như sắp cất tiếng hát những bài thánh ca của xưa của người Mỹ da đen, nhưng sự thật là tôi chưa từng nhìn thấy Chúa kể từ những ngày thơ trẻ khi rời khỏi Missouri, và thật ra tôi thích về căn phòng của mình ở Bronx trùm chần tận cảm nghe tiếng vĩ cầm trầm bổng của Vivaldi qua đài hơn là nghe bất kỳ nhà thuyết pháp nào huênh hoang về chuyện làm sao cứu thế giới.

Dù sao thì khổ người tôi bây giờ cũng không hợp với dây ghế băng trong nhà thờ nữa, mà trước giờ chưa khi nào tôi thấy thoải mái khi cố nhét mình vào đó.

Tôi đã đi qua hai cuộc hôn nhân và mất ba đứa con trai. Chúng ra đi theo những cách riêng, tất cả đều làm tim tôi tan nát, nhưng Chúa xem chừng sẽ không vá giúp mảnh tim nào lành lại. Tôi biết nhiều khi tôi tự lừa phỉnh mình, và tôi biết Chúa cũng thường xuyên lừa phỉnh tôi như vậy. Tôi từ bỏ Chúa mà chẳng thấy tội lỗi gì cho lắm. Gần như cả đời mình tôi cố làm điều thiện, nhưng đó không phải vì Chúa. Vậy mà, tôi vẫn đem lại ấn tượng là người *mộ đạo*. Người ta nhìn tôi, lắng nghe tôi và nghĩ tôi đang dẫn dắt họ tới Phúc âm. Mỗi người đều mang gánh tai ương riêng, và tôi cho là - ít nhất cũng là trong chốc lát - Claire thấy tôi hợp với cái nhóm khác người đó.

Tôi chẳng có chút hiềm khích gì với chị ấy. Với tôi chị ấy trông nhẹ nhàng tinh tế, cũng như những giọt nước mắt kia. Không phải là chị ấy cố phủ đầu tôi bằng nước mắt. Chúng cứ thế trào ra, như với bất kỳ ai. Chị ấy

cũng ngưỡng, tôi dám chắc, vì những bức rèm, đồ sứ, bức chân dung ông chồng treo trên tường, cốc trà rung lách tách trên cái đĩa lót chì cằm. Mái tóc điểm vệt hoa râm, đôi cánh tay gầy guộc, cái cổ dài với những đường gân xanh, chị ấy trông như là có thể bay qua cửa sổ ra đại lộ Park bất cứ lúc nào. Những tấm bảng đại học treo dọc tường hành lang, ai thoát nhìn cũng rõ chị ấy sinh ra ở mé phải con sông. Chị ấy giữ nhà cửa gọn gàng sạch sẽ, giọng thoáng pha thổ âm miền Nam du dương, nên chị ấy gây cho tôi cảm giác thân thiết nhất trong số các bà ấy.

Buổi sáng hôm qua nhanh, như đa phần các buổi sáng tốt lành khác.

Chúng tôi kể tung người hứng mấy câu về anh chàng đi trên dây và rồi thong thả từ tầng thượng trở xuống, ăn bánh rán, nhấm nháp trà, tiếp tục nói chuyện. Phòng khách tràn ngập nắng. Làm cho đồ đạc cũng trở nên óng ánh. Trần nhà cao và được tô điểm bằng các đường gờ đẹp mắt. Trên giá là chiếc đồng hồ bốn kim nhỏ chụp trong một cái chuông thủy tinh. Những bông hoa tôi mang đến đặt ngay giữa bàn. Chúng đã bắt đầu hé nở vì nóng.

Tất cả đều choáng váng bởi khung cảnh nhà to phố sang, tôi dám chắc. Khi Claire đi vào bếp, họ nhắc cốc lên liếc xuống đáy xem nhãn mác. Janet còn nâng cả cái gạt tàn bằng thủy tinh lên. Có hai đầu mẫu thuốc giụi trong đó. Cô ấy giơ nó lên soi xem có tìm được dấu hiệu gì không, làm như sẽ phát hiện được nó do Nữ hoàng Elizabeth gửi tặng vậy. Tôi không nhin được cười. Ồ, biết đâu đấy, Janet hạ giọng mà vẫn nghe the thé. Cô ấy có điệu hất tóc sang một bên mà hầu như không xê dịch đầu. Cô ấy đặt lại chiếc gạt tàn lên bàn và khẽ hít hà như muốn nói, *Tin nổi không cơ chứ*. Cô lại hất tóc rồi liếc sang Jacqueline. Giữa họ có thứ ngôn ngữ của phụ nữ da trắng, tôi đã chứng kiến đủ nhiều nên nhận ra ngay, cái ánh mắt hơi liếc sang bên, cái nhìn chăm chăm trong giây lát, rồi quay đi. Họ có hàng mấy thế kỷ tập luyện động tác này - tôi lấy làm lạ là sao có những người không bị đông cứng lại trong cái liếc ấy.

Tôi đưa mắt về phía bếp, nhưng Claire vẫn ở sau cánh cửa lá sách - tôi có thể nhìn thấy cái dáng gầy guộc của chị ấy, đang tất bật lấy thêm đá. Tiếng bật khay đá. Tiếng vòi nước chảy.

— Tôi ra ngay đây, - giọng chị ấy vọng ra từ trong bếp.

Janet đứng dậy rón rén bước tới chỗ bức chân dung trên tường. Ông ta được vẽ y như thật, người chồng chị ấy, y như hình chụp, đang ngồi trong một chiếc ghế kiểu cổ, mặc áo vét và thắt cà vạt. Đây là loại tranh không dễ gì nhìn ra nét cọ. Ông ta đang nhìn chúng tôi một cách nghiêm nghị. Đầu hói, mũi nhọn, và một cái đinh râu nhỏ ở cổ. Janet lướt tới cạnh bức chân dung và nhìn mặt. Trông như ông ta bị cái gậy chọc vào mộng ý, cô ấy thì thâm. Nghe buồn cười nhưng mà đúng thế thật, nhưng tôi vẫn thon thót khi nghĩ tới Claire có thể bước ra từ bếp bất cứ lúc nào. Tôi tự nhủ, Đừng nói gì, đừng nói gì, đừng nói gì. Janet bước hẳn sang sờ lên khung tranh. Marcia thì nở một nụ cười tinh quái. Jacqueline cắn môi. Cả ba người bọn họ đều đang sắp sửa cười phá lên.

Bàn tay Janet dịch lên dọc khung tranh rồi lờn vờn chỗ đuôi ông ta. Marcia ngồi phịch xuống ghế mà bưng miệng như đang xem trò vui nhất trên đời. Jacqueline thì thào: “Đừng có trêu anh chàng tội nghiệp đấy chứ.”

Có tiếng suýt, rồi cả tràng rúc rích. Tôi tự hỏi sẽ thế nào nếu tôi là người đứng dậy và chạm vào gối ông ta, lướt tay dọc chân ông ta - tưởng tượng mà xem - nhưng tất nhiên tôi chỉ ngồi bám rễ trên ghế.

Chúng tôi nghe thấy tiếng đẩy cửa và Claire bước ra, một bình nước đá to trên tay.

Janet lùi xa khỏi bức vẽ, Marcia trở lại ghế và giả bộ ho, còn Jacqueline thì châm một điếu thuốc khác. Claire đưa đĩa về phía tôi. Hai chiếc bánh vòng và ba chiếc bánh rán, một phủ đường chảy, một rắc đường, một để trơn.

— Chị Claire ạ, tôi mà ăn thêm một cái bánh rán nữa thôi, - tôi cất tiếng, - thì người khéo tràn cả ra phố mất.

Câu nói đó chẳng khác nào mở nút hơi cho quả bóng bay quanh phòng. Tôi không có ý pha trò nhưng xem ra thì đúng là thế, cả phòng thờ phào nhẹ nhõm. Chúng tôi nhanh chóng chuyện trò trở lại, mặt mày nghiêm túc, thật sự, đó là những tâm sự chân thật và cảm động về con trai của chúng

tôi, chúng là người thế nào, chúng chiến đấu vì cái gì. Chiếc đồng hồ trên giá cạnh tủ sách kêu những tiếng tích tắc đều đặn. Và rồi Claire dẫn chúng tôi qua hành lang, qua những bức tranh và bảng đại học, tới phòng con trai chị ấy.

Chị ấy đẩy cửa mở như thể đó là lần đầu tiên suốt nhiều năm qua. Cánh cửa kêu cọt kẹt và đu đưa quanh bản lề.

Căn phòng chừng như đã lâu không có ai động đến. Bút chì, gọt bút chì, giấy tờ, sơ đồ bóng chày. Hàng dãy sách trên giá. Một cái bàn gỗ sồi cao lêu đêu. Một áp phích hình Mickey Mantle trên đầu giường. Một vệt nước rỉ trên trần nhà. Ván sàn cọt kẹt. Tôi hơi ngạc nhiên vì căn phòng khá nhỏ, chỉ vừa đủ chỗ cho năm chúng tôi. “Để tôi mở cửa sổ,” Claire nói. Tôi thận trọng ngồi xuống phía cuối giường, chỗ vững chãi nhất - tôi không muốn nó kêu cọt kẹt. Rồi tôi chống tay xuống đệm giữ cho nó khỏi nhấp nhô rồi ngả người dựa tường, cảm nhận cái mát rượi của tường thạch cao. Janet ngồi trong cái ghế túi - cô ấy hầu như chẳng làm nó lún xuống mấy tí - Marcia và Jacqueline ngồi ở mép giường bên kia, còn Claire thì chọn cái ghế nhỏ màu trắng cạnh cửa sổ đang đón gió.

— Đây rồi, - chị ấy nói.

Giọng chị ấy nghe như chúng tôi đã về đích sau một cuộc hành trình dài.

—Ồ, thật tuyệt, - Jacqueline nói.

— Đúng thế, - Marcia phụ họa.

Chiếc quạt trần quay, bụi rơi xuống chúng tôi như bầy muỗi nhỏ. Trên kệ tủ có rất nhiều chi tiết radio, bảng điện với dây điện lòng thòng. Những bộ pin lớn. Ba cái màn hình, đằng sau mở tung, đèn điện tử phơi cả ra.

— Thằng bé thích ti vi nhi? - tôi nói.

—Ồ, chúng là bộ phận máy tính, - Claire đáp.

Chị ấy với tay nhắc bức hình con trai đặt trong một khung ảnh bằng bạc ở trên bàn lên, chuyền cho mọi người xem. Cái khung nặng và có mác SẢN XUẤT Ở ANH trên tấm nhôm lót đằng sau. Trong ảnh Joshua còn là cậu bé da trắng gầy nhom cầm lăm tấm mụn. Đeo kính râm, để tóc ngắn. Ánh mắt nhìn vào ống kính xem chừng không tự nhiên. Nó cũng không mặc đồng phục. Chị ấy nói bức ảnh được chụp trước lễ tốt nghiệp cấp ba, khi nó là đại biểu học sinh lên đọc diễn văn. Jacqueline lại liếc xéo nhưng Claire không để ý - từng lời kể về con trai dường như làm nụ cười lan tỏa khắp gương mặt chị ấy. Chị ấy nhắc quả cầu tuyết trên bàn lên và xóc. Quả cầu từ Miami, hẳn là quà của ai đó thích đùa, tôi nghĩ, muốn tuyết rơi ở Florida sao?

Nhưng khi chị ấy lộn ngược nó lên, cảm giác như có một lực hút khác trên thế giới: chị ấy đợi cho các bông tuyết nhỏ xíu lắng hết xuống rồi lật ngược nó lại. Vừa làm chị ấy vừa kể cho chúng tôi nghe mọi chuyện về Joshua, nó học ở đâu, chơi piano nó thích những nốt nào, nó cố gắng gì cho đất nước, rằng nó đã đọc toàn bộ sách trên giá, rồi nó tự tạo ra chiếc máy làm tính cộng ra sao, nó đến trường, nó chơi thể thao - chàng trai ấy xem chừng du hành mặt trăng cũng thừa khả năng.

Tôi từng hỏi chị ấy liệu có khi nào chị nghĩ Joshua và mấy đứa con tôi thành bạn của nhau không, chị ấy trả lời là có, nhưng tôi biết chẳng có khả năng nào ngoài cái sự thật đau đớn kia.

Chẳng có gì xấu hổ khi nói rằng tôi cảm nhận được một nỗi cô đơn giăng kín người. Thật khôi hài khi mỗi con người vắt vèo trong thế giới riêng nhỏ bé của riêng mình với khao khát được giải bày, mỗi người ôm nỗi niềm riêng, bắt đầu từ một điểm dừng chừng lạ lùng nào đó rồi cố kể ra hết, để cho câu chuyện đó trở nên rõ ràng, hợp lý và trọn vẹn.

Cũng không có gì xấu hổ khi thừa nhận là tôi đã để chị ấy thao thao bất tuyệt, thậm chí còn khích lệ chị ấy kể thêm nữa. Hồi học đại học ở Syracuse, tôi đã dần luyện được cái lối chỉ nói những điều khiến người khác hài lòng, để họ thỏa sức nói, thế là tôi không phải nói nhiều về bản thân nữa, giờ tôi dùng cách ấy xây bức tường giữ an toàn cho bản thân. Trong những

căn phòng của cánh nhà giàu, tôi đã thành thạo việc chêm vào những tiếng *Chúa nhân từ, Lay Chúa, ôi trời*, theo đúng kiểu người miền Nam. Chúng là những từ ngữ tôi viện đến thay vì im lặng, tôi luôn luôn dùng đến những từ ngữ đáng tin cậy ấy, tôi cũng chẳng biết chúng đã trở thành phương sách cuối cùng của tôi được bao lâu rồi. Và hẳn là ở nhà Claire tôi vẫn theo cái nếp cũ ấy. Chị ấy cứ việc đông dài trong thế giới nhỏ bé của những dây điện, máy tính, linh kiện điện tử, và tôi đáp lời giữ nhịp.

Chị ấy không để ý, hoặc dường như không để ý, chỉ kín đáo nhìn tôi từ dưới mái tóc hoa râm và mỉm cười, như tự ngạc nhiên vì mình đang nói và giờ thì chẳng có gì ngăn nổi chị ấy. Chị ấy là một bức tranh của hạnh phúc thuần khiết, nhớ lại chuyện này chuyện kia, kể thêm râu ria, trở đi trở lại, giải thích thêm về đồ điện, kể chi tiết hơn về thời gian Joshua ở trường, liến thoắng về chiếc piano ở Florida, chơi trò nhảy ô lò cò lạ kỳ của riêng mình qua cuộc đời thẳng bé.

Tôi bỗng thấy nóng, cả năm chúng tôi đều cảm thấy ngọt ngọt. Cái đồng hồ trên chiếc bàn cạnh giường đã ngừng chạy, có lẽ hết pin, nhưng nó vẫn kêu tích tắc trong đầu tôi. Tôi cảm thấy mình đang trôi bồng bênh. Tôi không muốn ngủ thiếp đi. Tôi phải cắn vào môi để khỏi ngủ gật. Chắc chắn rồi, không chỉ có tôi đâu, tất cả đều đang bứt rứt, tôi cảm nhận được điều đó, những cái xoay người, cái cách Jacqueline thờ, thi thoắng lại nghe thấy tiếng ho khè của Janet, Marcia thì lau trán bằng chiếc khăn tay nhỏ.

Tôi cảm thấy như bị cả thùng kim châm vào người.

Tôi cố nhúc nhích những ngón chân và kéo căng các bắp thịt; chắc mặt mày tôi lúc này nhăn nhó, người thì xoay trở ồn ào.

Claire mỉm cười với tôi nhưng đó là kiểu cười bên dưới còn có dây khóa kéo, khít chặt ở hai đầu. Tôi cười đáp lại, cố tỏ ra như mình không thấy sốt ruột hay bất tiện gì hết. Tôi không chán, chẳng phải tại những chuyện chị ấy đang nói, chỉ là cơ thể tôi đang dày đọa tôi. Tôi lại kéo căng các ngón chân ra nhưng lần này không ăn thua, thế là tôi thúc đầu gối vào thành giường, nhẹ nhàng hết mức có thể, cố xoa dịu cái chân tê cứng. Claire nhìn

tôi như là thất vọng, nhưng dù sao tôi không phải là người đứng dậy đầu tiên; rốt cuộc Marcia vươn vai đứng dậy và ngáp thật dài, ngáp thực sự, như đứa trẻ kéo miếng kẹo cao su ra từ miệng ra mà nói: “Nhìn tôi đây, tôi chán ngấy rồi, tôi sắp ngáp đây và không ai ngăn được tôi đâu.”

— Xin lỗi, - cô ấy nói, không ra vẻ ân hận là mấy.

Im sững trong giây lát. Chừng như nhìn thấy được bầu không khí vỡ vụn ra, thấy rõ rành rành từng mảnh này giờ ghép dựng nên nó là gì.

Janet nghiêng người qua vỗ vào gối Claire: - Chị kể tiếp đi.

— Nhưng tôi quên mất mình đang nói gì rồi, - chị ấy bối rối. - Nói tới đâu rồi nhỉ?

Không ai nhúc nhích.

— Tôi nhớ đang nói tới đoạn rất quan trọng mà, - chị ấy nói.

— Chị đang kể về Joshua, Jacqueline nhắc.

Marcia trừng mắt nhìn khắp phòng.

— Chịu thôi không nhớ nổi nữa, - Claire nói.

Chị ấy lại nở nhanh một nụ cười - khóa kéo nữa, giống như nào chị ấy đang chối bỏ bằng chứng rõ mồn một, rồi chị hít sâu và lại lao vào mạch kể. Chẳng bao lâu chị ấy đã lại du hành trên chuyến tàu tốc hành Joshua - nó đi đầu trong một lĩnh vực hoàn toàn mới nhé, chị tự hào, cả thế giới còn không rõ đã mất mát đến thế nào đâu, nó mang máy móc tới một nơi mà chúng sẽ phục vụ cho lợi ích con người ở đó và cả nhân loại, và một ngày nào đó những chiếc máy sẽ chuyện trò với nhau như con người, thậm chí những cuộc chiến cũng sẽ được thực hiện qua máy, nghe khó tin nhưng thật thế đấy, chị ấy nói, đó sẽ là xu hướng của thế giới.

Marcia lại đứng dậy và vươn vai, nhích về hướng cửa. Cái ngáp thứ hai của cô ấy không lộ liễu như cái đầu tiên, nhưng lần này cô ấy hỏi: “Có ai nhớ giờ phà chạy không nhỉ?”

Claire đột ngột ngưng chuyện.

— Em không có ý ngắt lời chị. Xin lỗi. Em chỉ không muốn bị kẹt trong giờ cao điểm thôi, - Marcia nói.

— Mới giờ ăn trưa mà.

— Vâng, nhưng thi thoảng phà vẫn rất đông vào giờ đó.

—Ồ, đúng đấy, phải, - giọng Janet lạnh lót.

— Đôi khi phải đứng xếp hàng cả tiếng đồng hồ đấy.

— Thật thế.

— Kẽ cả vào thứ Tư.

— Chúng ta gọi thêm gì đi, - Claire đề nghị. - Có một nhà hàng Trung Hoa mới mở ở Lexington đấy.

— Vâng à, mà thôi. Cảm ơn chị.

Tôi thấy hai má Claire đỏ bừng lên. Chị ấy cố mỉm cười, tỏ ý không sao cả, và tôi nghĩ đến câu thơ cổ *Một chút thuốc độc sẽ giúp nàng chống chọi*, trong bài hát mẹ dạy tôi thuở bé.

Claire vuốt áo váy cho phẳng các nếp nhàu, rồi chị ấy nhắc bức ảnh Joshua ra khỏi gờ cửa sổ, đứng dậy.

—Ồ, thật cảm ơn các chị em đã đến chơi, - chị ấy nói. - Không biết bao lâu rồi mới lại có người vào căn phòng này. Nụ cười của chị ấy như gương vỡ.

Marcia đáp lại ngay bằng một nụ cười nặng trĩu.

Jacqueline thì lau trán như là vừa trải qua thử thách dài nhất. Căn phòng ngập trong những tiếng hăng giọng, rồi ngập ngừng, rồi ho, nhưng Claire vẫn giữ chặt cái khung ảnh. Mọi người bắt đầu nói đại loại sáng nay thật tuyệt, cảm ơn lòng hiếu khách của chủ nhà, chẳng phải Joshua rất dũng cảm hay sao, đúng thế chúng ta sẽ sớm gặp lại, thằng bé thông minh thật, Chúa đã ban cho tôi địa chỉ cửa hàng bán món bánh rán tuyệt hảo này đây, và bất cứ lời nào chúng tôi có thể tìm được để khóa lấp sự im lặng giữa chúng tôi.

- Đừng quên cái ô kia, Janet.
- Em sinh ra đã cầm ô trên tay rồi.
- Trời sẽ không mưa đâu nhỉ?
- Trời mà mưa thì không bắt được taxi đâu.

Ra hành lang Marcia nhìn gương giặm lại son môi rồi khoác ví vào cổ tay.

- Lần tới đến đây nhớ nhắc em mang theo lều nhé.
- Gì cơ?
- Em sẽ cắm trại ngay đây.
- Em nữa, - Janet phụ họa. - Thật là một căn hộ lộng lẫy, chị Claire ạ.
- Biệt thự trên cao hẳn hoi, - Marcia tấm tắc.

Tất cả những lời nói giả tạo bay liệng trong không khí, bay qua bay lại, va vào nhau, thậm chí Marcia còn sợ mình phải là người đầu tiên xoay tay nắm cửa. Cô ấy đứng cạnh giá treo mũ có chân hình móng thú ôm quả cầu. Vai cô ấy chạm vào nó. Chân giá lung lay, những móc treo lắc lư.

- Sang tuần em sẽ gọi ngay cho chị.
- Thế thì hay quá, - Claire nói.
- Sang nhà em rồi mình lại nói tiếp.
- Tuyệt quá, chị không đợi được mất.
- Chúng ta sẽ thả những quả bóng vàng, - Janet nói. - Còn nhớ không?
- Chúng ta từng có bóng vàng à?
- Ở trên cây ấy.
- Em không nhớ nổi nữa, - Marcia phàn nàn. - Đầu óc em bị lão hóa mất rồi.

Đoạn cô ấy nghiêng người thì thầm điều gì đó vào tai Janet và cả hai cười rúc rích.

Chúng tôi nghe thấy tiếng lọc cọc của thang máy lên xuống bên ngoài.

— Xin hỏi một câu tế nhị được không ạ? - Marcia lại nói. Ánh mắt như áy náy. Cô ấy khẽ chạm vào tay Claire.

— Vâng, vâng cứ hỏi.

— Bọn em có nên boia cho cậu bé trực thang máy không?

—Ồ, không, tất nhiên là không rồi.

Tôi liếc lần cuối vào cái gương ở hành lang, kiểm tra lại móc cài của ví xách tay, thì Claire đột ngột tóm lấy khuỷu tay tôi kéo vào trong.

— Cô ăn thêm bánh vòng không, Gloria? - Chị ấy nói để tất cả nghe thấy.

— Thôi, tôi ăn đủ rồi, - tôi đáp.

— Ở lại thêm chút nữa đi, - chị ấy nài nỉ.

Mắt chị ấy đã rơm rớm.

— Thật đấy, chị Claire, tôi ăn nhiều lắm rồi.

— Ở thêm chút nữa đi, chị ấy thì thầm.

— Kìa chị Claire, - tôi bối rối, cố dứt ra, nhưng chị ấy níu lấy khuỷu tay tôi như níu lấy mẫu dây cuối cùng.

— Để mọi người đi trước à?

Tôi thấy hai cánh mũi chị phập phồng. Chị ấy có kiểu khuôn mặt mà khi nhìn gần dễ thấy già hẳn đi. Có vẻ van nài trong giọng nói của chị ấy. Janet, Jacqueline và Marcia đã ra đến cuối hành lang, giờ đang cười đùa trước một trong những bức tranh trên tường.

Hẳn là tôi không muốn bỏ Claire lại một mình với những mảnh bánh vụn trên thảm, những mẫu thuốc giụi trong cái gạt tàn và tôi nghĩ lẽ ra tôi có

thể vui vẻ ở lại, xắn tay áo lên và bắt đầu rửa cốc đĩa, lau sàn và cất những quả chanh vào hộp nhựa Tupper-ware, nhưng vẫn đề ở chỗ tôi cho rằng chúng tôi không tham gia phong trào chống phân biệt chủng tộc để rồi lại tới lau dọn những căn hộ ở đại lộ Park, dù cho chị ấy có tốt đến mấy, có cười nhiều đến mấy. Tôi không ghét chị. Đôi mắt chị ấy to và rộng lượng. Tôi gần như chắc chắn mình chỉ việc ngồi trên ghế sofa và chị ấy sẽ hết lòng phục vụ tôi, nhưng chúng tôi cũng cũng đâu có đấu tranh vì điều đó.

— Lạy Chúa, - tôi nói.

Tôi không chịu được nữa mất.

E hèm, tiếng Jacqueline từ cửa trước, làm như đang dọn giọng chuẩn bị diễn thuyết.

— Coca-Cola một hai ba, - Marcia đùa.

Tôi có thể nghe thấy tiếng mũi giày của Janet gõ nhẹ xuống sàn gỗ. Jacqueline thì khẽ ho lên lần nữa. Marcia đang sửa lại tóc trong gương và lẩm bẩm gì đó.

Thế đấy, có lẽ chưa một lúc nào trong đời tôi tin nổi chuyện này - ba phụ nữ da trắng chờ tôi về cùng họ, còn một người thì cố giữ tôi ở lại với chị ta. Tôi lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan, coi như bị cột chặt trên lưng ngựa phi nước đại rồi. Tim tôi bắt đầu đập thành thịch. Mắt Claire nhòa đi, chị ấy nhìn tôi như thúc hối tôi mau chóng quyết định. Một là tôi đi với những người kia xuống thang máy và ra phố, rồi thì chào tạm biệt nhau. Hai là tôi ở lại với Claire. Tôi không muốn đánh mất cái thường lệ của các buổi gặp mặt chỉ để chiều theo ý thích của một thành viên, dù chị ta có tử tế đến thế nào, nhà cửa đẹp đẽ đến đâu, thế nên tôi bước lui và trắng trợn nói dối chị ấy.

— Thôi, tôi còn phải về Bronx ngay chị Claire ạ, chiều có việc ở nhà thờ, tập với đội hợp xướng ấy mà.

Tôi vô cùng ngượng vì sau câu ấy. Chị ấy bảo tất nhiên rồi, phải, chị ấy hiểu, chị ấy thật vô ý, và rồi chị ấy nhẹ hôn lên má tôi. Môi chị ấy chạm nhẹ vào cái kẹp tóc của tôi và chị ấy nói: “Đừng bận tâm.”

Tôi không biết dùng từ gì để diễn tả cách chị ấy nhìn tôi - không có từ nào cho phải - đó là một sự tuôn trào, dâng lên, thoát ra khỏi mặt nước, đó là thứ không thể nói ra được. Trong khoảnh khắc tôi cảm thấy có cái gì đó lách xuống xương sống tôi, da tôi căng ra, nhưng tôi có thể nói gì đây? Chị ấy nắm chặt lấy cổ tay tôi, nhắc lại là chị ấy hiểu và không hề có ý khiến tôi vắng mặt trong đội hợp xưởng. Tôi đứng nhích ra. Lúc đó, tôi dám chắc, chuyện đã được giải quyết ổn thỏa, đường hành lang sáng bừng đã trải trước mặt tôi, thêm một vài nụ cười giao đãi, và chúng tôi hứa hẹn gặp lại nhau ở nhà Marcia vào lần tới - mặc dù tôi cảm thấy có lẽ sẽ chẳng bao giờ có thêm lần nào nữa. Một nỗi buồn xé ruột trào lên, tôi tự an ủi rằng giờ đã tới lúc buông tay, ai cũng đã có cơ hội đưa những cậu bé của mình trở lại cuộc sống trong giây lát - thế rồi chúng tôi bước ra ngoài hành lang, nơi Claire đã bám sẵn nút thang máy.

Cái cổng sắt được mở bởi cậu bé trực thang máy. Tôi là người cuối cùng bước vào. Claire chột cầm khuỷu tay tôi kéo lại, một nỗi buồn rầu đọng lại trên khuôn mặt chị ấy.

Chị thì thầm: “Gloria, tôi rất vui lòng trả tiền công cho em.”

○ ○ ○

BÀ TÔI LÀ NÔ LỆ. Mẹ của bà cũng vậy. Cụ ông tôi chung phận nhưng cuối cùng cũng tự chuộc được mình ra khỏi đày Missouri. Cụ mang theo một cái roi da để nhắc nhở bản thân khỏi quên. Tôi biết một đôi điều về những thứ mà người ta muốn mua và cách người ta tự cho là mình có thể mua được nó. Tôi biết những vết lằn trên mắt cá chân cánh đàn bà. Tôi biết những vết sẹo do quỳ gối làm lụng ngoài đồng. Tôi được nghe chuyện về tiếng búa trong phiên đấu giá quyết định số phận những đứa trẻ. Tôi từng đọc sách viết về những con tàu ọp ọp oằn trĩu nô lệ. Tôi được nghe về xiềng xích còng tay. Tôi được kể cho nghe chuyện xảy ra vào đêm đầu tiên một cô gái trở thành thiếu nữ. Tôi được nghe rằng ông bà chủ muốn ga trải giường

phải thật căng đến độ thả đồng xu nảy được. Tôi từng lắng nghe cánh đàn ông miền Nam diện áo sơ-mi trắng và cà vạt bảnh bao nói chuyện. Tôi từng chứng kiến những năm đấm vung lên trời. Tôi hòa vào điệu hát. Tôi từng đáp những chuyến buýt chật cứng tới nỗi khách phải nhấc bổng con cái lên mà chúng vẫn bị ép gí mặt vào cửa sổ. Tôi cũng biết mùi khí cay CS và nó không ngọt ngào như một vài người vẫn nói.

Bắt đầu quên nghĩa là đã mất.

Claire hoảng hốt ngay khi thốt ra câu đó. Dường như cả khuôn mặt chị ấy bị xoáy cuốn hết vào trong đáy mắt. Chị rũ kiệt bởi chính câu buột miệng của mình. Đầu mi chị ấy rung lên trong một giây. Chị ấy rầu rĩ mở cửa, buông tay, nhìn chăm chăm vào đó như thể muốn nói chị ấy đã biến mất khỏi cơ thể mình và tất cả những gì chị ấy để lại là bàn tay lạ lẫm đang giơ ra giữa không khí.

Tôi bước vội vào thang máy.

Cậu bé trực thang máy nói: Chúc một buổi chiều tốt lành, bà Soderberg.

Tôi nhìn thấy ánh mắt chị ấy khi cánh cửa kéo qua: một sự cam chịu dịu dàng.

Cánh cửa đóng lại. Marcia thở phào nhẹ nhõm. Jacqueline bật cười rúc rích. Janet suyt một tiếng ra hiệu im lặng và nhìn chăm chăm vào cổ cậu bé trực thang máy ngay trước mặt, nhưng tôi dám chắc cô ấy đang cố kìm lại một nụ cười ngoác đến mang tai. Tôi tự nhủ sẽ không tham gia vào trò chơi của họ. Họ đang nóng ruột muốn ra ngoài để thì thào về câu nói đó. *Gloria, tôi rất vui lòng trả tiền công cho em.* Chắc hẳn họ đã nghe thấy, và sẽ mổ xẻ nó ở một tiệm café hoặc trong bữa ăn trưa chung nào đó, nhưng tôi không thể chịu đựng thêm một lời bàn tán, một cánh cửa đóng lại hay tiếng cốc chén lách tách nào nữa. Tôi sẽ bỏ mặc họ và đi dạo, lên khu phố trên, gột sạch đầu óc, sỏi bước mạnh hơn để mà bóp nát cái câu nói đó trong tâm trí.

Xuống tầng dưới, ánh nắng chiếu chói lóa lên những viên gạch lát. Người gác cổng ngăn chúng tôi lại nói: “Xin lỗi, thưa các bà, bà Soderberg

gọi xuống mời các bà nán lại thêm một lát.”

Marcia thở dài đánh sượt, Jacqueline nói có lẽ Claire sẽ mang xuống vài cái bánh vòng thừa, làm như đó là việc khô hài nhất trên đời vậy, tôi thì thấy hai má nóng ran lên.

— Tôi phải đi trước, - tôi nói.

— Oa, có người nóng gáy rồi đây, - Marcia nói. Cô ấy lướt tới đặt tay lên trán tôi.

— Tôi đã có hẹn tập với đội hợp xướng.

— Chúa ơi, - cô ấy híp mắt lại.

Tôi trừng mắt nhìn cô ấy rồi bước ra khỏi cửa, lên đại lộ, ánh mắt họ thiêu đốt sau lưng tôi.

Gloria, họ gọi. Glor-ia.

Quanh tôi, mọi người đang bước những bước chân chắc nịch và sáng chói trên phố. Những doanh nhân, bác sĩ và quý cô diện dàng trên đường đi ăn trưa. Những chiếc taxi trống khách cũng đột ngột tắt đèn khi lướt qua phụ nữ da đen, chúng không muốn đón tôi, kể cả khi tôi đang mặc bộ đồ đẹp nhất, giữa buổi chiều rực rỡ, trong cái nóng mùa hè oi ả. Có lẽ tôi sẽ dẫn chúng đi sai đường, ra khỏi thành phố là nơi có tiền bạc và những bức tranh để tới Bronx là nơi không tiền cũng chẳng tranh. Ai cũng biết tài xế taxi ghét phụ nữ da đen - họ thường không cho tiền boa, có khá lắm cũng chỉ được năm mươi xu, đó là định kiến không thể thay đổi được, phong trào đi xe buýt chống phân biệt chủng tộc cũng chẳng ích gì. Nên tôi chỉ còn biết đi bộ. Đây là đôi giày tốt nhất của tôi, giày da đế-đi-xem-opera, lúc đầu khá dễ chịu, không quá tệ, và tôi nghĩ đi bộ sẽ cởi bỏ được nỗi cô đơn.

“Gloria”, tôi lại nghe thấy tiếng gọi, như thể cái tên đang trôi khỏi người tôi.

Tôi không ngoảnh lại. Tôi chắc Claire sẽ chạy theo tôi, tôi cứ bần khoăn liệu mình có hành động đúng không, bỏ lại chị ấy với những chi tiết radio giăng khắp phòng con trai, những sách, những bút, rồi ảnh cầu thủ

bóng chày, quả cầu tuyết, cái gọt bút chì, tất cả được sắp gọn gàng trên giá. Khuôn mặt chị ấy trở lại trong tôi, nổi buồn lướt qua mắt.

Đi, không đi.

Tôi chỉ mong được về nhà cuộn mình lại, vùi mình trong phòng, tránh xa những biển hiệu giao thông. Tôi không muốn tủi thẹn, giận dữ, hay thậm chí là ghen tị - tôi chỉ muốn được về nhà, khóa cửa lại, bật đài, để tiếng nhạc opera quẩn quanh người, được ngồi trên chiếc ghế sofa đã gãy lưng tựa, nhấn chìm mọi thứ cho tới khi tất cả trở thành vô hình.

Đi, không đi.

Nhưng rồi tôi lại nghĩ mình không nên hành động thế, có lẽ tôi đã hiểu lầm, có lẽ chị ấy chỉ đơn thuần là một phụ nữ da trắng cô đơn sống ở đại lộ Park, mất đi đứa con trai của chị ấy như tôi mất đi ba đứa con trai của tôi. Chị đối xử ân cần với tôi, chẳng đòi hỏi gì cả, đưa tôi vào nhà chị ấy, hôn lên má tôi, chăm lo cho tôi từ cốc trà, chị ấy chỉ sai lầm ở chỗ đã lỡ miệng, còn tôi thì để một câu nói còn con hủy hoại mọi thứ. Tôi đã thấy mếu chị ấy khi chị lảng xãng quanh chúng tôi, chị ấy chẳng có ý làm tổn thương ai, có lẽ chỉ là chị ấy quá căng thẳng. Con người ta lúc thế này lúc thế khác, luôn thay đổi - ngay cả vào một ngày đẹp trời cũng không ai hoàn hảo cả.

Tôi hình dung ra chị ấy ở trên đó, nhìn chăm chăm vào thang máy, quan sát những con số đi xuống, bồn chồn cắn móng tay, nhìn tất cả đi xuống. Tự trách mình làm quá. Rồi chạy về chỗ bộ đàm và van xin chúng tôi ở lại thêm một phút nữa thôi.

Qua khoảng mười dãy nhà tôi bỗng thấy đau thắt ở bụng, một cơn đau xóc hông. Tôi tựa vào cửa một phòng khám trên phố 85, đứng dưới mái hiên thở ra nặng nhọc, cân nhắc lại mọi chuyện, nhưng rồi tôi nghĩ, Không, tôi sẽ không quay lại, không phải bây giờ, tôi phải đi bộ, đó là việc của tôi và không ai cản được.

Đôi khi người ta có những lúc khăng khăng như vậy đó. Tôi sẽ đi thẳng về nhà dù có mất một tuần lễ, tôi tự nhủ, dù có phải lê từng phân trên đường cũng cam, nhất định phải thế, dù thế nào cũng phải trở lại Bronx.

Marcia, Janet, Jacqueline không còn gọi với theo tôi nữa. Một phần tôi thấy khoan khoái vì họ đã để tôi đi, vì tôi đã không nhượng bộ họ, không ngoái đầu lại. Tôi không biết mình sẽ phản ứng bột phát ra sao nếu họ lái xe theo tôi. Nhưng một phần khác trong tôi lại nghĩ Claire ít ra cũng nên đuổi theo tôi mới phải, tôi đáng được thế chứ, tôi muốn chị ấy chạy tới vỗ vai tôi và nài nỉ thêm lần nữa để tôi biết chuyện đó thực sự quan trọng, như các con trai tôi cũng quan trọng. Tôi cũng không muốn đó là đoạn kết cho những gì còn lại của các con tôi.

Tôi nhìn lên đại lộ Park rộng, xám xịt và buồn tẻ, phía trước là một con dốc, chỗ kê bước cho cột đèn giao thông. Tôi thít chặt lại khóa giày và bước sang đường.

○ ○ ○

TÔI RỜI MISSOURI năm mười bảy tuổi, xoay xở tới Syracuse rồi sống qua ngày với khoản tiền học bổng ở trường đại học. Thật ra tôi sống khá ổn. Tôi có khiếu sắp xếp mấy câu văn vẻ mượt mà, lại biết loè ra một lát cắt của lịch sử Hoa Kỳ đúng nơi đúng lúc, và thế là - như một nhóm ít ỏi các thiếu nữ da màu cùng tuổi khác - chúng tôi được mời tới những căn phòng ốp gỗ tao nhã, có ánh nến lung linh và những chiếc cốc pha lê tuyệt đẹp để trình bày quan điểm về những gì đã xảy ra với những chàng trai chủng tộc chúng tôi ở mặt trận Anzio, rồi W. E. B. Du Bois là ai, ý nghĩa thực sự khi người da đen được giải phóng là gì, những phi công người Mỹ gốc Phi đã tạo nên những thay đổi ra sao, và Lincoln sẽ nghĩ gì về những thành tựu chúng tôi đạt được. Người ta lắng nghe câu trả lời của chúng tôi với ánh mắt chờ đợi. Giống như họ thực sự muốn tin vào những gì đang được nói ra khi họ có mặt ở đây, nhưng lại không thể tin nổi mình đã có mặt ở đây vì điều đó.

Rồi đến cuối buổi tối tôi sẽ ra sức gõ đàn piano, nhưng hình như họ kỳ vọng giai điệu jazz nảy ra dưới những ngón tay tôi. Đây không phải kiểu

Da đen họ vẫn hình dung. Đôi lúc họ nhìn lên, giật nảy người, như vừa choàng tỉnh từ một giấc mơ.

Chúng tôi được thầy trưởng khoa tiễn ra cửa. Và tôi dám chắc bữa tiệc chỉ thực sự bắt đầu sau khi cánh cửa đã đóng lại và chúng tôi đi hẳn.

Sau khi thăm những ngôi nhà nguy nga lộng lẫy ấy, tôi không còn muốn trở lại căn phòng tập thể chật chội của mình nữa. Tôi đi lang thang khắp phố, về phía công viên Thornden, rồi khu White Chapel, đôi lúc đi tới tận khi bình minh buồn thảm hé lên, trong đôi giày thủng lỗ.

Hầu hết những ngày tháng học đại học của tôi gắn liền với việc đeo khur khur ba lô trước ngực và giả bộ không nghe thấy những lời tán tỉnh của đám nam sinh không ngại coi phụ nữ da màu là chiến tích: bọn đó lúc nào cũng có máu đi săn.

Hẳn là tôi nhớ da diết những con đường làng trong thị trấn nhỏ bé của tôi ở Missouri, nhưng từ bỏ học bổng sẽ là một sự thất bại đối với người thân của tôi, những người chẳng hay biết gì về cuộc sống của tôi ở đó - họ nghĩ cô gái nhỏ của họ đang ở miền Bắc, nghiên cứu sự thật về Hoa Kỳ ở nơi mà một phụ nữ trẻ có thể bước qua ngưỡng cửa của người giàu. Họ nói với tôi rằng nét duyên dáng của người phương nam sẽ giúp tôi thích nghi được. Thư của bố tôi thường bắt đầu thế này: Ánh hào quang bé nhỏ của ta. Tôi viết thư hồi âm. Kể với họ tôi vô cùng yêu những buổi học lịch sử, đó là sự thật. Kể với họ tôi rất thích đi dạo trong rừng, cũng là sự thật. Kể với họ tôi luôn giữ những vật dụng bằng vải lanh trong phòng ở sạch sẽ, cũng là sự thật nữa.

Tôi nói với họ toàn sự thật, nhưng không một lời nào thật lòng.

Dù vậy, tôi vẫn tốt nghiệp với tấm bằng danh dự. Tôi là một trong những phụ nữ da màu đầu tiên ở Syracuse làm được điều này. Tôi bước lên bục, nhìn xuống đám đông rợp trong mũ áo tốt nghiệp, những tràng pháo tay vang dội. Một cơn mưa nhẹ thoảng qua sân trường. Tôi bước qua đám bạn học, sưng sốt. Bố mẹ tôi, từ Missouri cũng đến, ôm chầm lấy tôi. Họ già nua và tiêu tụy nắm tay nhau như thể hai người là một thể. Chúng tôi tới nhà

hàng Denny's để ăn mừng. Mẹ nói chúng tôi lẫn chúng tộc mình đã tiến được một quãng đường dài. Tôi thu mình vào ghế. Mọi người đã cố thu xếp sao cho tôi vẫn có chỗ ngồi ở băng sau. Không, tôi nói với nhà. Con muốn ở lại thêm một thời gian ngắn nữa nếu mọi người không phản đối, con vẫn chưa sẵn sàng trở về. Ồ, họ nhất loạt nhếch mép cười, giờ thành dân Yankee chính hiệu rồi đó hả? Đó là nụ cười ẩn chứa nỗi đau, gọi đó là cái nhăn mặt thì phải hơn.

Mẹ tôi ngồi ghế trước, chỉnh gương chiếu hậu nhìn theo tôi khi xe rời đi, bà còn vẫy tay qua cửa sổ và hét to bảo tôi phải mau về nhà.

Tôi bước vào cuộc hôn nhân đầu tiên, hoàn toàn mù mờ về các thể loại tình ái. Chồng tương lai của tôi xuất thân từ một gia đình ở Des Moines. Anh là sinh viên cơ khí và là một nhà hùng biện nổi tiếng trong các buổi thảo luận về người da đen, nói về chủ đề nào cũng nắm chắc. Anh có nước da xấu và cái mũi gãy tuyệt đẹp. Tóc anh cắt theo kiểu của người da đen bảo thủ, rìa tóc thoáng màu nâu vàng. Anh là kiểu người hể giơ tay chỉnh gọng kính là chỉ dùng đúng ngón giữa. Tôi gặp anh vào cái đêm mà anh nói rằng nước Mỹ không nhận ra ai cũng bị giám thị, mãi mãi về sau cũng vậy, trừ phi những quy định về quyền cơ bản được thay đổi. *Quyền cơ bản*, anh dùng cụm từ đó thay cho chữ quyền công dân. Nó khiến cả hội trường lặng đi. Niềm khao khát có được anh thít chặt cổ họng tôi. Anh đảo mắt khắp phòng, ánh mắt dừng lại ở tôi.

Anh vẫn còn vẻ trẻ con vì quá gầy còm, thêm cái miệng rộng. Chúng tôi hẹn hò trong sáu tuần rồi quyết định. Bố mẹ và hai người anh em còn lại của tôi đã lái xe tới dự cưới. Bữa tiệc được tổ chức trong một hội trường ọp ọp ở ngoại ô thị trấn. Chúng tôi nhảy múa tới tận nửa đêm và rồi ban nhạc ra về, kéo lê những cái kèn trôm-bon. Chúng tôi lần lượt tìm áo khoác. Bố hầu như im lặng suốt. Ông hôn lên má tôi. Nói với tôi rằng giờ không còn nhiều người đặt làm biển vẽ tay nữa, họ chuyển sang dùng hộp đèn nê-ông, nhưng nếu ông có thể gắn một tấm biển lên thế giới này, thì ông sẽ đề rằng ông là bố của Gloria.

Mẹ thì dặn dò tôi đủ thứ, tới giờ tôi vẫn chẳng nhớ nổi một lời nào, và rồi chồng mới cưới vậy gọi tôi ra về.

Tôi nhìn về phía anh và mỉm cười, anh cũng mỉm cười lại, và cả hai chúng tôi lập tức biết mình đã phạm sai lầm.

Có người nghĩ tình yêu ở cuối con đường, nếu may mắn tìm thấy nó thì ta sẽ dừng chân ở đó mãi mãi. Có người lại nói tình yêu sẽ trở thành một vách đá mà ta lao đầu xuống, nhưng hầu hết những người từng trải đều biết tình yêu chỉ là thứ thay đổi từng ngày, tùy thuộc vào mức độ ta đấu tranh vì nó, chiếm lấy nó, kiên trì níu giữ nó, hay mất nó đi bao nhiêu, nhưng cũng có khi ngay từ đầu vốn đã chẳng có tình yêu nào cả.

Tuần trăng mật của chúng tôi là cả một thảm họa. Ánh nắng lạnh lẽo hắt qua những ô cửa sổ nhà trọ ở một thị trấn miền quê nhỏ. Tôi từng nghe kể rất nhiều đôi không ngủ cùng nhau vào đêm tân hôn. Lúc đầu chuyện đó chẳng làm tôi lo lắng. Tôi nhìn anh cuộn mình lại trên giường, nhưng không ngủ mà run rẩy như lên cơn sốt. Tôi có thể cho anh thời gian. Anh cứ khăng khăng bảo mệt và nói quá lên về sự căng thẳng của việc cưới xin - sau này tôi mới phát hiện ra anh đã chi hết số tiền tiết kiệm của gia đình cho tiệc cưới. Tôi vẫn cảm thấy dư âm mạnh mẽ của niềm khao khát có anh khi tôi nghe anh nói, hay khi anh gọi điện cho tôi báo anh sẽ không về nhà. Dường như từ ngữ ưu ái anh, cái cách anh nói như có ma lực, nhưng sau một thời gian giọng anh nghe thành ra bần gặt, hể nghe là tôi lại nhớ tới màu sắc mấy bức tường trong những phòng khách sạn anh ở: những màu sắc đã ngấm qua người anh và choán lấy anh rồi.

Thêm một thời gian, rồi chẳng mấy ai còn biết tới anh nữa.

Và rồi vào năm 1947, sau mười một tháng kết hôn, anh nói rằng anh vẫn đang tìm kiếm một cái thùng rỗng khác vừa với mình. Chính anh, chàng trai một thời là ngôi sao của đội hùng biện da đen. *Một cái thùng rỗng khác.* Tôi nghe như như hộp sọ của mình bị nhấc ra khỏi da thịt. Tôi bỏ anh.

Tôi tránh không về nhà. Tôi bịa ra cứ này cứ nọ, dựng lên những lời nói dối. Bố mẹ vẫn trông cậy vào tôi, sao phải làm tổn thương họ chứ? Ý

ngĩ họ biết chuyện tôi thất bại cứ đeo bám tôi. Tôi không sao chịu nổi. Tôi thậm chí không kể với họ tôi đã ly hôn. Tôi vẫn gọi cho mẹ và nói chồng tôi đang tắm, hay ở ngoài sân bóng chày, hay tới buổi phỏng vấn cho một vị trí ngon lành ở hãng cơ khí Boston. Tôi còn kéo điện thoại ra tận cửa trước, tự bấm chuông và nói: Thôi con phải đi đây, mẹ ạ, anh Thomas có bạn đến chơi.

Giờ đây, khi anh ấy đã đi rồi, anh ấy có lại được cái tên. Thomas. Tôi lấy chì kẻ mắt màu xanh lá cây viết tên anh ấy lên gương nhà tắm. Tôi nhìn xuyên qua cái tên ấy ngắm bóng mình đằng sau.

Lẽ ra tôi nên trở lại Missouri, tìm một công việc tốt, ổn định cuộc sống cùng người thân, có khi còn kiếm được một anh chàng đủ bản lĩnh đối mặt với đời, nhưng tôi không trở lại; tôi luôn nói dối là tôi sẽ về, và chẳng bao lâu sau bố mẹ tôi qua đời. Đầu tiên là mẹ, còn bố khi ấy cũng suy sụp rồi, liền đi theo chỉ một tuần sau đó. Tôi đã nghĩ họ ra đi như những cặp tình nhân. Họ không thể sống thiếu nhau. Dường như họ đã dành trọn đời mình để thở hơi thở của nhau.

Nỗi mất mát thiêu đốt tôi, cả cơn thịnh nộ nữa, và tôi muốn nhìn thấy New York. Tôi nghe nói đó là một thành phố không lúc nào lảng dụi. Tôi đến trạm xe buýt với hai chiếc va li rõ đẹp, đi giày cao gót, có cả mũ. Cánh đàn ông muốn xách đồ cho tôi, nhưng tôi cứ tiếp tục đi, đầu ngẩng cao, về phía đại lộ số 8. Tôi tìm một phòng trọ và nộp đơn tới quỹ học bổng nhưng chẳng nhận được tin tức gì. Tôi nhận luôn công việc đầu tiên tìm được: một chân ghi số cho một hãng cá độ ở trường đua Belmont. Tôi là cô gái ngồi sau cửa sổ. Đôi khi chúng ta sa vào thứ chẳng thích hợp với mình chút nào. Chúng ta cố ngụy biện cho nó. Chúng ta nghĩ có thể giữ sạch nó như một chiếc áo choàng, nhưng nó đâu phải chiếc áo choàng, nó giống một lớp da khác. Tôi có thừa trình độ nhưng vẫn nhận việc đó. Tôi tới trường đua hàng ngày. Tôi nghĩ chỉ làm vài tuần thôi rồi bỏ, đó chỉ là việc tạm thời, một chút hài lòng lóe lên trong tôi, một cô gái biết rõ hài lòng là gì nhưng chưa từng được nếm trải nó một cách trọn vẹn. Tôi hai mươi hai tuổi. Tất cả những gì tôi muốn là làm cho cuộc sống của mình có chút phiêu lưu: đưa ra những

mục tiêu thông thường và tạo nên những ý nghĩa mới từ đó, không mang nặng bốn phận gì với quá khứ. Hơn nữa, tôi cũng thích tiếng ngựa phi nước đại. Buổi sáng, trước các vòng đua, tôi đi dạo ở khu chuồng ngựa, hít hà hương thơm của cỏ khô, xà bông và da yên ngựa.

Có một phần trong tôi nghĩ có lẽ chúng ta sẽ vẫn tồn tại ở nơi ta đã rời đi. Ở đường đua tại New York này, tôi thích nhìn những chú ngựa phi tới gần. Hai bên hông chúng xanh bóng lên như cánh côn trùng. Bờm bạt gió ép ra sau. Với tôi chúng giống như Missouri. Chúng có mùi của quê nhà, của những cánh đồng, những bờ sông.

Rồi có một anh chàng tay cầm bàn chải lông ngựa quanh quần gần đó. Anh ta cao, da đen, dáng thanh nhã. Anh ta mặc quần yếm. Nụ cười của anh ta thật rộng và trắng bóng.

Cuộc hôn nhân thứ hai và cũng là cuối cùng của tôi đã bỏ lại tôi trên tầng mười một khu chung cư ổ chuột tại Bronx với ba đứa con trai - và tôi cho là, ở một phương diện nào đấy, hai đứa bé gái đó nữa.

Đôi khi phải leo lên một tầng rất cao mới thấy được quá khứ đã làm gì với hiện tại.

○ ○ ○

TÔI ĐI NGƯỢC ĐẠI LỘ PARK rồi rẽ vào phố 116, bắt đầu cân nhắc xem chính xác là mình sẽ qua sông bằng cách nào. Đương nhiên là có cầu, nhưng hai chân tôi đã bắt đầu phồng rộp và đôi giày thì vẫn đang khĩa vào gót chân. Đôi giày rộng hơn nửa cỡ. Tôi cố ý mua như vậy để đi nghe opera vào các Chủ Nhật, bởi tôi thích ngả người ra sau rồi nhẹ nhàng hất giày ra, để hơi mát quần lấy tôi. Nhưng giờ chúng đang nhấp nhô theo mỗi bước chân và khứa một rãnh nhỏ lên gót. Tôi cố điều chỉnh bước đi, nhưng những mảng da đã bắt đầu bong ra. Mỗi bước chân lại cắt sâu thêm một chút. Tôi có một xu để đi xe buýt và một hào để đi tàu điện nhưng tôi đã quá

quyết sẽ đi bộ, sẽ về nhà dựa vào hơi sức mình. Nên, tôi tiếp tục đi về hướng bắc.

Có cảm giác như những đường phố ở khu Harlem đều bị vây hãm - những hàng rào, những bờ dốc, những dây thép gai, những chiếc đài trong khung cửa, lũ trẻ chơi trên vỉa hè. Trên những ô cửa sổ cao tít phụ nữ chống cằm ngó ra như đang ngoái nhìn lại một thập niên tốt đẹp hơn. Bên dưới, những gã ăn mày râu ria lờm chờm ngồi trên xe lăn xô đẩy nhau chạy tới những chiếc xe hơi dừng lại ở cột đèn giao thông: họ chạy đua một cách nghiêm túc, và kẻ thắng cuộc nhào xuống nhặt một hào dưới đất lên.

Tôi thoáng thấy bên trong những căn phòng: một cái bình tráng men trắng bên khung cửa sổ, một bàn gỗ tròn với tờ báo giở ra, một tấm màn hình xếp li phủ trên cái ghế xanh. Không biết những căn phòng đó đang chìm ngập trong những âm thanh nào nhỉ? Trước giờ tôi chưa từng nảy ra ý nghĩ này nhưng mọi thứ ở New York đều dựa trên thứ khác, không có gì hoàn toàn độc lập, tất cả đều lạ thường như nhau, và được gắn kết với nhau.

Mỗi bước đi đều như có lưỡi dao nhỏ chích vào tôi buốt nhói, nhưng tôi chịu được - có những thứ còn tệ hơn cặp gót chân toạc da chứ. Một giai điệu pop du dương lướt qua tâm trí tôi, là Nancy Sinatra hát về đôi boots để đi bộ của cô ấy. Tôi nghĩ miệng mà ngân nga hát thì chân sẽ đỡ đau. *Rồi đây đôi boots này sẽ khám phá hết con người anh*^[76]. Từ góc phố này qua góc phố khác. Thêm một khe nứt trên vỉa hè. Đó là cách tất cả chúng ta bước tới: chỉ cần làm choán đầy tâm trí càng nhiều càng tốt. Tôi bắt đầu hát to hơn, chẳng buồn để ý có ai nghe hay nhìn mình không. Mỗi góc phố một phím đàn. Như một cô bé con, tôi đi bộ qua những cánh đồng về nhà, đôi tất biến mất bên trong giày.

Mặt trời vẫn ở trên cao. Tôi bước chậm, hẳn đã hai tiếng hoặc hơn rồi.

Nước chảy xuống một miệng cống: phía trước vài đứa trẻ đã mở vòi chữa cháy và đang nhảy nhót trong tia nước với độ bộ đồ lót. Những cơ thể

đen bóng tuyệt đẹp. Mấy đĩa lớn đứng thờ thần ngoài bậc thềm, nhìn lữ em trong bộ đồ lót ướt sũng, có lẽ đang ước chúng được bé lại một lần nữa.

Tôi băng sang bên phía đường còn nắng.

Suốt những năm tháng ở New York tôi đã bị bóp cổ từ sau lưng để cướp tiền bảy lần. Không thể tránh được chuyện đó. Ta có thể cảm thấy chuyện đó ập đến, dù từ phía sau. Một thứ âm thanh loạt xoạt gợn trong không khí. Tim ta đập loạn xạ. Một mưu đồ. Đang đợi ta, từ xa, trong một thùng rác bên đường. Dưới một cái mũ hay áo khoác vải bông. Mắt liếc ra xa. Đảo lại ra sau. Trong một giây lạng lảng, khi chuyện xảy đến, ta thậm chí không còn ở trên thế giới này nữa. ta ở trong cái ví xách tay đang rời xa. Chính là cảm giác đó. Và tôi lại lê đời xuôi phố, trong đôi giày tả tơi. Lần này là cô gái trẻ người Puerto Rico bước ra từ một tiền sảnh nào đó trên phố 127. Một mình. Vẻ vênh váo. Bóng thang thoát hiểm của tòa nhà cao tầng gần đó đan chéo trên người cô ta. Cô ta giơ con dao ngay dưới cằm tôi. Mắt cô ta long lên vì ma túy. Tôi đã thấy ánh mắt ấy trước đây rồi: nếu cô ta không thái tôi ra thành từng miếng mỏng thì cũng sẽ làm vậy với chính mình. Mí mắt cô ta được tô nhũ bạc nhấp nháy.

— Cuộc đời này đã tệ lắm rồi mà, - tôi nói với cô ta bằng cái chất giọng nhà thờ của mình, nhưng cô ta vẫn ép lưỡi dao vào cổ tôi.

— Đưa cái túi mù đây.

— Làm cho đời tệ hơn là có tội đấy.

Cô ta lấy lưỡi dao móc lấy cái ví xách tay.

— Mui túi ra, - cô ta quát.

— Cô đâu phải sa chân tới mức này.

— Im mẹ mày đi, - cô ta nói, nhắc cao cái túi khoác trên khuỷu tay. Như thế cô ta đã biết dựa vào trọng lượng thì cái túi là chẳng có gì bên trong ngoại trừ chiếc khăn tay và vài bức ảnh. Thế là cô ta lập tức nghiêng người về phía trước và lách dao vào túi váy tôi. Lưỡi dao lướt trên hông tôi. Ví của

tôi, tờ đăng ký, rồi còn hai tấm hình các con trai của tôi được cất trong ví. Cô ta lại lách dao sang túi kia.

— Mụ già bị thịt, - cô ta rửa khi rẽ vào góc phố.

Đường phố rung chuyển quanh tôi. Là lỗi của tôi chứ không phải của ai khác. Tiếng sủa của một con chó văng qua. Tôi nghĩ mình chẳng còn gì để mất nữa, đúng ra tôi phải bám theo cô ta, giật lấy cái xách tay rỗng không từ tay cô ta, cứu lấy cái tôi ngày trước chứ. Tôi bận tâm nhất là những tấm hình. Tôi đi tới góc phố. Cô ta đã đi được một đoạn xa. Những tấm hình nằm rải rác trên vỉa hè. Tôi cúi xuống nhặt thứ còn lại của các con. Tôi bắt gặp ánh mắt của một phụ nữ, già hơn tôi, nhìn lén qua cửa sổ. Bà ta bị đóng khung giữa cánh cửa gỗ mục nát. Tượng thánh bằng thạch cao và hoa giả được sắp thẳng hàng ở ngưỡng cửa. Vào khoảnh khắc ấy tôi sẵn lòng đánh đổi cuộc đời mình lấy cuộc đời bà ta, nhưng bà đã đóng cửa lại và quay đi. Tôi dựng cái xách tay trắng trống không cạnh bậc thềm rồi đi tiếp. Cô ta muốn thì cứ việc lấy. Lấy hết đi cũng được, trừ những tấm hình thôi.

Tôi giơ tay ra và một chiếc taxi dù dừng lại ngay tức khắc. Tôi thả mình vào ghế sau. Tài xế chỉnh lại gương chiếu hậu.

— Sao đây? - anh ta nói, gõ gõ lên vô lăng.

Thử đong đếm những quãng tháng ngày nào đó trên đĩa cân.

— Này bà ơi, - anh ta hét to. - Bà đi đâu đấy?

Thử đong đếm mà xem.

— Góc phố 76 và đại lộ Park, - tôi đáp.

Tôi cũng không biết nữa. Có những điều chúng ta chẳng thể giải thích được. Tôi hoàn toàn có thể trở về nhà: số tiền giấu dưới đệm của tôi đủ để trả hơn mười lượt đi xe. Mà Bronx thì gần hơn nhà Claire, tôi biết chứ. Nhưng chúng tôi đã đan vào dòng xe cộ. Tôi không đòi gã lái xe quay đầu lại. Nỗi sợ hãi trong tôi trào dâng khi cảnh đường phố đập vào mắt.

Người gác cổng báo cho chị ấy biết. Chị ấy chạy xuống cầu thang và lao ra ngoài trả tiền xe cho tôi. Chị ấy liếc xuống chân tôi - một vệt máu nổi

tắm quanh gót, túi váy rách toạc - và một cái gì đó biến chuyển trong chị ấy, khuôn mặt chị ấy trở nên dịu dàng. Chị ấy kêu tên tôi rồi trách mắng tôi. Chị ấy vòng tay ôm tôi đi vào thang máy. Rồi đi dọc theo lối hành lang về phía phòng ngủ của chị ấy. Rèm được kéo kín. Mùi thuốc lá nồng nặc phả ra từ người chị ấy, lẫn với mùi nước hoa mới xịt. “Đây rồi,” chị ấy nói như thể đây là bến đậu duy nhất đời này. Tôi ngồi xuống tấm khăn trải giường phẳng phiu sạch sẽ trong khi chị ấy đi chuẩn bị nước tắm cho tôi. Tiếng nước bắn tung tóe. Em gái tội nghiệp ơi, tiếng chị ấy vọng ra. Không khí đượm hương thơm của muối tắm.

Tôi thấy mình trong gương. Khuôn mặt phờ phạc và héo hon. Chị ấy nói điều gì đó nhưng bị át bởi tiếng nước. Phía bên kia giường có vết lõm. Vậy là chị ấy đã nằm, có lẽ khóc. Tôi muốn được thả mình vào cái vết lõm ấy, làm cho nó rộng ra gấp ba lần. Cánh cửa từ từ mở. Claire đứng đó mỉm cười. “Sẽ dễ chịu ngay thôi,” chị ấy nói. Chị ấy bước tới cạnh giường, tóm lấy khuỷu tay tôi kéo vào phòng tắm, đặt tôi ngồi xuống cái ghế gỗ cạnh bồn. Chị ấy nghiêng người nhúng ngón tay xuống kiểm tra độ ấm của nước. Tôi cởi đôi tất dài ra. Vài mảng da bong khỏi chân. Tôi ngồi ở mép bồn tắm, chân khẽ đu đưa. Nước vỗ vào làm máu từ bàn chân rỉ ra. Một thứ hoàng hôn lụi tàn, màu đỏ rực loang ra trong nước.

Claire trải một cái khăn tắm màu trắng xuống nền nhà, ngay dưới chân tôi. Chị ấy đưa cho tôi vài miếng băng, phần giấy đặng sau đã bóc sẵn. Tôi không thể kiềm nổi ý nghĩ chị ấy không chừng sẽ lấy tóc mình lau khô chân cho tôi. ^[77]

— Tôi ổn, chị Claire ạ, - tôi nói với chị ấy.

— Chúng đã lấy đi những gì?

— Chỉ mỗi cái ví xách tay thôi.

Tôi rùng mình sợ hãi: có khi chị ấy nghĩ là tôi muốn có số tiền mà khi này chị ấy đã đề nghị để tôi ở lại, tưởng tôi quay về nhận tiền thưởng, cái ví nô lệ đó.

— Trong túi không có tiền đâu.

— Dù sao cũng phải báo cảnh sát.

— Cảnh sát?

— Sao lại không?

— Claire...

Chị ấy ngậy ra nhìn tôi rồi chột hiểu. Mọi người cứ nghĩ họ biết bí mật ẩn dưới lớp da người khác. Họ đâu có biết. Không ai biết được ngoại trừ chính người đó.

Tôi cúi xuống dán những miếng băng lên gót chân. Chúng không che được hết vết khứa. Tôi như đã cảm thấy cái đau rất khi bóc chúng ra sau này.

— Chị biết điều tệ nhất là gì không? - tôi nói.

— Là gì?

— Cô ta gọi là tôi là bị thọt.

— Ôi, Gloria. Tôi rất lấy làm tiếc.

— Đó là lỗi của chị đấy, - chị Claire ạ.

— Gì cơ?

— Đó là lỗi của chị.

— Ồ, - chị ấy nói, giọng run run.

— Em đã bảo chị là em không nên ăn thêm những cái bánh rán đó mà.

— Ôi trời!

Chị ấy ngửa đầu ra sau đến nỗi cổ căng cả ra, rồi với lấy tay tôi.

— Gloria, - chị ấy cười. - Lần sau thì chỉ có bánh mì với nước thôi nhé.

— Thêm ít bánh ngọt cũng hay.

Tôi cúi xuống lau những ngón chân. Chị ấy xoa vai tôi, rồi bồng bật dậy: - Để chị tìm đôi dép lê.

Chị ấy lục lọi trong nhà kho tìm đôi dép nỉ và một cái áo choàng hần là của anh chồng vì đồ của chị ấy chắc chắn là tôi mặc chật. Tôi lắc đầu treo áo lên cái móc ở cửa. “Không có ý gì đâu,” tôi nói thêm. Tôi vẫn mặc tạm cái váy rách của mình được. Chị ấy đưa tôi ra phòng khách. Chỗ đĩa tách từ ban sáng vẫn nguyên. Một chai rượu gin nự ngay giữa bàn, cạn quá nửa. Đá đang tan chảy trong bát. Claire dùng những lát chanh vàng mà chúng tôi đã cắt uống kèm rượu thay cho chanh xanh. Chị ấy cầm chai rượu lên và nhún vai. Rồi lấy thêm cái cốc khác, không hỏi. “Xin lỗi vì dùng tay,” chị ấy nói khi thả đá vào cốc.

Đã nhiều năm rồi tôi không uống rượu. Nó trôi qua họng nghe mát lạnh. Chẳng còn gì quan trọng nữa ngoại trừ cái hương vị thoảng qua này.

— Lạy Chúa, rượu ngon thật.

— Đôi khi nó như liều thuốc thực sự đấy, - chị ấy phụ thêm.

Ánh nắng rọi vào cốc của Claire, nhuộm màu vàng của chanh. Claire chuyển chiếc cốc từ tay nọ sang tay kia. Trông như chị đang thử cân nhắc cuộc đời. Chị ấy ngả người dựa vào cái ghế đi-văng trắng và gọi: - Gloria?

— Gì vậy?

Chị ấy ngoảnh mặt đi, nhìn về phía bức tranh ở góc phòng.

— Sự thật?

— Sự thật.

— Em biết không, bình thường chị đâu có uống rượu. Chỉ hôm nay thôi, bởi, em biết đấy, bởi câu nói đó. Chị cứ xử thật chẳng ra làm sao.

— Không sao mà.

— Chẳng phải chị thật lố bịch hay sao?

— Không sao đâu, Claire.

— Chị ghét khiến mình thành ra ngớ ngẩn vậy.

— Không đâu.

— Thật à?

— Chắc rồi.

— Sự thật thì không ngờ ngần vậy đâu, - chị ấy nói.

Chị ấy xoay cái ly và quan sát chỗ rượu gin rung rinh xoáy đảo, một cơn lốc xoáy mà chị ấy những muốn chìm chết mình ở trong đó.

— Chị chỉ muốn nói về Joshua. Không phải chuyện khác. Chị cảm thấy thật ngờ ngần khi nói sẽ trả tiền để em ở lại. Chị chỉ muốn có ai đó ở cùng. Muốn em bầu bạn với chị. Ích kỷ, thật sự ích kỷ, và chị cảm thấy vô cùng tồi tệ.

— Chỉ là vô tình thôi mà.

— Chị không có ý nói vậy đâu. - Chị ấy ngoảnh đi. - Và rồi khi em bỏ đi, chị đã gọi với theo. Chị muốn đuổi theo em.

— Em có việc cần phải đi, Claire ạ. Chỉ vậy thôi.

— Các cô ấy đã cười chị.

— Em dám chắc họ không làm vậy đâu.

— Chị chắc sẽ không gặp lại họ nữa.

— Tất nhiên là chúng ta sẽ còn gặp lại nhau chứ.

Chị ấy thở dài và uống cạn ly rượu, rót thêm một ly nữa, nhưng lần này trong cốc chủ yếu nước tonic chứ không phải gin.

— Tại sao em quay lại, Gloria?

— Để được trả tiền công, tất nhiên rồi.

— Gì cơ?

— Em đùa chút mà, Claire.

Tôi cảm thấy vị cay xè của rượu gin dưới lưỡi.

— Ôi, - chị ấy nói. - Chiều nay chị cứ chậm hiểu thế nào ấy nhỉ.

— Em cũng không biết nữa, thật đấy. - Tôi đáp.

— Chị rất vui vì em quay lại.

— Thì chẳng có việc gì hay hơn để làm mà.

— Em thật hài hước.

— Đó đâu phải lời nói đùa.

— Không ư?

— Thật mà.

—Ồ! - chị ấy bật kêu. - Thế còn đội hợp xưởng của em. Chị quên mất.

— Cái gì của em cơ?

— Đội hợp xưởng. Em nói phải tập với đội hợp xưởng còn gì.

— Em không phải tập gì hết, chị Claire ạ. Chưa bao giờ. Sau này cũng không. Không có chuyện đó đâu.

Chị ấy có vẻ ngẫm nghĩ trong giây lát và rồi bỗng cười tươi.

— Em sẽ ở lại một lát chứ? Cho chân đỡ đau chút. Ở lại ăn tối. Khoảng sáu giờ anh nhà chị sẽ về. Em ở lại nhé?

—Ồ, em nghĩ không tiện đâu.

— Hai mươi đô một giờ nhé? - chị ấy vừa nói vừa cười rộng hơn.

— Coi như xong, - tôi bật cười.

Chúng tôi ngồi yên lặng và thư thái, chị ấy lướt những ngón tay quanh miệng ly, rồi chị ấy bỗng hào hứng đề nghị: Kể lại chuyện về mấy đứa con của em đi.

Lời đề nghị làm tôi đau đớn. Tôi không muốn nghĩ về chúng nữa. Thật lạ, tất cả những gì tôi muốn là được bao bọc bởi một người khác, được là một phần trong căn phòng của một người khác. Tôi ngậm miếng chanh, đưa dũa nó giữa răng và lợi. Vị chua khiến tôi gai người. Có lẽ tôi mong nghe một câu hỏi khác.

— Xin chị một việc nhé, Claire?

— Tất nhiên rồi.

— Chị bật nhạc được không?

— Gì cơ?

— Em nghĩ mình vẫn chưa hoàn toàn hết sốc.

— Loại nhạc nào đây?

— Gì cũng được. Nó khiến em cảm thấy, em cũng không biết nữa, nó giúp em trấn tĩnh lại. Em thích có cả một dàn nhạc vây quanh. Chị có opera không?

— Thật tiếc là không. Em thích opera à?

— Đổ hết tiền vào nó đấy. Hễ có cơ hội là em tới nhà hát Met. Những giọng ca làm rung động cả Chúa trời. Cứ ngồi đó, tuột giày ra khỏi chân và thế là em đến một nơi khác.

Chị ấy đứng dậy và bước tới máy hát. Tôi không nhìn thấy vỏ của cái đĩa mà chị ấy lấy ra. Chị ấy lau lớp nhựa vinyl bằng một miếng giẻ mềm màu vàng rồi nhấc cây kim lên. Mọi động tác đều hết sức nhỏ nhẹ như thể đó là một việc đặc biệt và cần phải làm đúng như vậy. Tiếng nhạc tràn khắp căn phòng. Một bản piano dữ dội và sâu lắng: tiếng búa đồng nảy lăn tăn trên dây đàn.

— Nghệ sĩ này người Nga, - chị ấy nói. - Nghe đâu bàn tay ông ấy ôm được tới mười ba phím đàn.

○ ○ ○

TÔI VẪN SỐNG TƯƠNG ĐỐI VUI VẺ vào cái ngày người chồng thứ hai của tôi nhận thấy anh ta chỉ là phiên bản trẻ trung hơn của con tàu đang đi vào quên lãng mà mình cầm lái. Dù sao thì cái mũ anh ta đội cũng luôn quá rộng so với cái đầu. Thế là anh cứ thế đi, bỏ mặc tôi với ba đứa con trai lại Deegan. Tôi chẳng bận tâm. Ý nghĩ cuối cùng của tôi về anh ta là không có ai đáng phải ra đi cô đơn đến như vậy. Nhưng tôi không đến nỗi

quá đau buồn khi phải khép cửa nhìn anh ta đi, mà cũng không thấy quá tổn thương khi thảng thảng vẫn nhận tờ séc.

Khu Bronx mùa hè quá nóng mà mùa đông thì quá lạnh. Lũ con tôi đội mũ nâu có vành che tai. Trời ấm lên thì chúng ném mũ đi phô đầu tóc trần vừa quăn vừa rậm chính hiệu da đen. Chúng giấu được cả bút chì trong mớ tóc đó. Chúng tôi đã có những tháng ngày thật vui vẻ. Tôi nhớ có một chiều hè nọ, mấy mẹ con tới Foodland, đùa đuổi nhau dọc các quầy đựng đồ ăn đông lạnh cùng cái xe đẩy hàng, hưởng hơi mát phả vào người.

Chuyện ở Việt Nam mới thực sự khiến tôi ngã quy. Cuộc chiến ấy cứ thế bước vào và cướp đi mất cả ba đứa con ngay trước mắt tôi. Chừng như nó nhấc bổng chúng ra khỏi giường, giữ chân rơi xuống, rồi nói, Những chàng trai này là của ta.

Có lần tôi hỏi Clarence sao nó tham chiến, nó cũng nói đôi điều về quyền tự do gì đó, nhưng chủ yếu nó muốn đổi không khí cho đỡ nhàm tẻ. Brandon và Jason cũng nói thế khi thẻ quân dịch của chúng được thả vào hộp thư nhà chúng tôi. Đó là loại thư tín duy nhất không bị đánh cắp ở khu nhà này. Người đưa thư quảy cái túi khổng lồ chứa đầy ảm đạm đó đi mọi nơi. Hồi đó chỗ nào trong khu nhà tôi ở cũng có thuốc phiện. Tôi nghĩ có lẽ lũ con tôi nói đúng, chúng đang tự giải thoát mình. Tôi đã chứng kiến vô số những đứa trẻ rũ xuống trong xô xình với kim tiêm trong cánh tay, những cái thìa nhỏ thò ra ngoài túi áo.

Tôi chỉ còn biết mở cửa sổ tiễn chúng tung cánh và chúc chúng thỏa nguyện. Rồi chúng bay đi. Không đứa nào trở lại.

Mỗi khi có một cành nhánh của tôi trưởng thành, cơn gió ấy lại thổi đến và bẻ gãy nó.

Tôi ngồi trên ghế trong phòng khách, xem phim truyền hình dài kỳ buổi chiều. Liên tục ăn. Tôi nhớ khi đó chỉ biết làm có vậy. Tôi nhét vào miệng bất cứ cái gì có thể. Một mình. Xung quanh ngổn ngang những gói phô mai Velveeta và bánh mặn, tôi cố dẫn lòng đừng nhớ gì hết, hết chuyển kênh rồi lại quay sang ăn bánh quy giòn kèm phó mát, cốt để kỷ niệm không

tìm đến. Tôi quan sát mắt cá chân mình dần dần phù ra. Người đàn bà nào cũng có nỗi khổ riêng, và tôi cho là nỗi niềm của mình cũng không bất hạnh gì hơn họ.

Rốt cuộc thì mọi thứ cũng dịu đi dưới âm nhạc. Cách duy nhất cứu giúp tôi khi ấy là nghe nhạc thật to. Năm tháng tích tụ lại trong mỗi âm thanh. Chiều Chủ Nhật nào tôi cũng nghe đài, nhận được đồng phụ cấp tử tuất nào từ chính phủ là tôi tiêu hết vào những tấm vé nghe nhạc ở nhà hát Metropolitan. Tôi thích căn phòng ngập trong âm thanh. Tiếng nhạc trào cả ra khu Bronx. Có lúc tôi bật đài to đến nỗi hàng xóm phải phàn nàn. Tôi bèn mua tai nghe. Loại lớn chụp kín cả nửa đầu. Tôi thậm chí chẳng buồn soi gương xem nó thế nào. Nhưng cảm thấy được liều thuốc ở trong đó.

Và buổi chiều đó nữa, tôi ngồi trong phòng khách nhà Claire và để tiếng nhạc trôi bồng bềnh quanh người: không phải opera, mà là tấu khúc piano, nhưng nó đem đến một cảm giác dễ chịu rất khác, nó khiến tôi rùng cả mình.

Chúng tôi cứ thế nghe liền ba hay bốn đĩa gì đó. Chiều đã tàn hoặc đêm bắt đầu buông, tôi cũng không rõ nữa, khi tôi mở mắt ra thì đã thấy một cái chần mỏng đắp trên gối mình. Chị ấy ngồi tựa vào đi-văng ở đằng sau, cốc rượu chạm hờ hững trên môi.

— Em biết chị thích làm gì không? - Claire hỏi.

— Gì vậy?

— Chị thích hút một điếu, ngay ở đây, ngay lúc này, trong căn phòng này.

Chị ấy lần sờ trên bàn tìm bao thuốc.

— Anh nhà chị không thích chị hút thuốc trong nhà.

Chị ấy moi lấy một điếu. Chị ấy đặt ngược điếu thuốc lên miệng và lúc đó tôi đã thoáng nghĩ chị ấy sẽ cứ thế mà châm lửa, nhưng chị ấy bật cười và xoay điếu thuốc lại. Những que diêm ẩm tắt rụi khi vừa quẹt.

Tôi nhòm dậy lấy một hộp diêm khác trên bàn. Chị ấy chạm vào tay tôi.

— Chị thấy hơi chệnh choáng rồi, - chị ấy nói, nhưng giọng còn dễ nghe lắm.

Ngay lúc đó tôi tự nhiên có cảm giác kinh hoàng, biết đâu chị ấy sẽ ngã người qua hôn tôi, hoặc dựa dẫm đụng chạm gì đó, kiểu tình huống hay đọc trên tạp chí. Đôi khi chúng ta tự đánh mất mình. Tôi cảm thấy trống rỗng tận bên trong, dường như có cơn ớn lạnh luôn qua cơ thể tôi, không kém cơn gió buốt ngoài đường kia, nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra - chị ấy lại ngồi ngả ra đi-văng mà nhả khói thuốc lên trần nhà, để tiếng nhạc đội khắp người chúng tôi.

Một lát sau chị ấy dọn bàn ăn cho ba người và hâm nóng lại cái bánh gà. Chuông điện thoại reo mấy hồi nhưng chị ấy không nhắc máy: Chắc anh ấy lại về muộn, chị ấy nói.

Chuông reo đến hồi thứ năm thì chị ấy nhắc điện thoại. Tôi nghe thấy giọng đàn ông nhưng không rõ ông ta đang nói gì. Chị ấy áp ống nghe sát quá, tôi chỉ nghe thấy chị thì thầm đầu như “Anh yêu” và “Solly” và “Em yêu anh”, nhưng cuộc chuyện trò diễn ra chóng vánh, như thể chị ấy là người duy nhất nói, và tôi có linh cảm kỳ lạ là câu trả lời từ đầu dây bên kia chỉ là sự im lặng.

Ông ấy đang ở nhà hàng yêu thích, chị ấy nói với tôi, liên hoan với phòng công tố quận.

Tôi thấy chẳng ảnh hưởng gì, tôi cũng đâu kỳ vọng ông ấy bước ra khỏi khung ảnh trên tường và thân thiện chào đón tôi, nhưng ánh mắt của Claire trông xa xăm, như mong tôi hỏi han thêm về chồng, nên tôi đã hỏi. Thế là chị ấy bắt đầu kể cả một câu chuyện dài về buổi đi dạo năm xưa, rồi một anh chàng trong chiếc quần vải flanen trắng tiến về phía chị ấy, rằng hóa ra anh là bạn của một nhà thơ nổi tiếng, rồi chuyện họ thường tới Mystic vào cuối tuần ra sao, tới một nhà hàng nhỏ nơi anh ấy thử các loại rượu martini ở đó; chị ấy kể liên hồi, mắt hướng về phía cửa, đợi ông ta trở về.

Tôi thoáng nghĩ hẫng khung cảnh nom lạ thường lắm, nếu giả có ai quan sát chúng tôi từ bên ngoài, thấy chúng tôi ngồi trong căn phòng lờ mờ ánh sáng bên ngoài hắt vào, để những câu chuyện trò giản đơn trôi đi.

○ ○ ○

TÔI KHÔNG NHỚ NỮI điều gì đã khiến mình đọc mẫu thông cáo nhỏ trên mặt sau tờ *The Village Voice*. Thường thì đó không phải tờ báo tôi đặc biệt yêu thích, nhưng một ngày kia tự nhiên nó ở đó, như đôi khi vẫn thế, cũng như mẫu thông cáo thật tình cờ của Marcia, chính là cô ấy chứ không phải ai khác. Tôi ngồi xuống thảo một lá thư mà có lẽ tôi phải viết đi viết lại tới năm sáu mươi lần, trên cái bàn nhỏ trong bếp. Tôi kể lể mọi chuyện về lũ con, kể đi kể lại, chỉ có Chúa mới biết là bao nhiêu lần, rằng tôi là phụ nữ da đen, hiện sống ở một nơi tồi tàn nhưng luôn giữ nó sạch sẽ gọn gàng ra sao, chuyện tôi có ba đứa con và đã qua hai đời chồng, rằng tôi muốn trở lại Missouri biết nhường nào nhưng tôi chẳng bao giờ có cơ hội cũng như lòng can đảm để làm chuyện đó, rằng tôi sẽ rất vui sướng được gặp gỡ những người cùng cảnh ngộ, được thế thì hân hạnh cho tôi quá. Cứ viết rồi xé. Lần nào cũng thấy không xuôi. Cuối cùng tôi chỉ viết: *Xin chào, tên tôi là Gloria, tôi cũng rất muốn được gặp gỡ mọi người.*

○ ○ ○

PHẢI TỚI MƯỜI GIỜ ĐÊM chồng chị ấy mới lảo đảo bước vào nhà. Từ ngoài hành lang ông ta đã gọi vào: “Em yêu, anh về rồi.”

Vào tới phòng khách, ông ta đứng sững lại nhìn chăm chăm như e mình vào nhâm nhà. Ông ta vỗ nhẹ vào túi quần như là có thể tìm thấy một chùm khóa khác ở đó.

— Có chuyện gì sao em? - ông ta hỏi Claire.

Nhìn ông ta giống như già đi vài tuổi rồi bước thẳng ra từ bức chân dung trên tường. Cà vạt của ông ta hơi lệch nhưng áo sơ-mi vẫn cài cúc kín tới tận cổ. Cái đầu hói bóng lên. Ông ta xách một cái cặp da có khóa bằng bạc. Claire giới thiệu tôi. Ông ta nặng nhọc bước tới bắt tay tôi. Mùi rượu phảng phất quanh người. “Rất vui được gặp cô”, ông ta nói, theo cái cách ám chỉ rằng ông ta cũng chẳng hiểu tại sao đây lại phải vui, nhưng dù sao thì ông ta cũng phải nói vậy; vì phép lịch sự thuần túy thôi. Bàn tay ông ta dày và ấm. Ông ta đặt cái cặp xuống dưới chân bàn và nhìn mặt khi thấy gạt tàn thuốc.

— Hôm nay là buổi các quý cô tụ họp à? - ông ta nói.

Claire hôn lên má chồng, gần chỗ mí mắt, rồi nới lỏng cà vạt cho ông ta.

— Em có vài cô bạn đến chơi.

Ông ta giơ chai rượu gin trống rỗng lên soi dưới ánh đèn.

— Lại đây ngồi với bọn em, - chị ấy nói.

— Anh phải đi tắm đã em yêu.

— Lại đây với bọn em đi, lại đây nào.

— Anh mệt quá rồi, - ông ta nói, - trời đất, anh có chuyện này phải kể em nghe mới được.

— Ồ, vậy sao?

— Đúng là quá sức tưởng tượng.

Ông ta bắt đầu cởi cúc áo sơ-mi, tôi thoáng nghĩ có lẽ ông ta sẽ cứ thế mà cởi áo ngay trước mặt tôi không chừng, đứng giữa phòng như một con cá thịt trắng tròn trùng trục.

— Anh chàng đi trên dây, - ông ta nói. - Trung tâm Thương mại Thế giới.

— Bọn em có nghe rồi.

— Em nghe rồi à?

— Vâng, ai cũng có nghe nói mà. Đâu đâu cũng nói về chuyện đó.

— Anh phải xử vụ anh ta.

— Thật sao?

— Còn đưa ra được một hình phạt rất thích đáng nữa nhé.

— Anh ta bị bắt rồi à?

— Để anh tắm qua đã. Đúng thế, tất nhiên rồi. Rồi anh sẽ kể em nghe toàn bộ.

— Sol, - chị ấy nói, kéo tay áo ông ta.

— Anh sẽ ra ngay thôi, rồi sẽ kể em nghe mọi chuyện.

— Solomon!

Ông ta liếc nhìn tôi.

— Để anh tắm rửa cái đã.

— Không, kể cho bọn em đi, kể ngay bây giờ cơ. - Chị ấy đứng dậy.
- Đi mà.

Ông ta đảo mắt về phía tôi. Tôi dám chắc ông ta đang bực mình vì sự có mặt của tôi, ông ta nghĩ tôi là một người giúp việc nào đó, hoặc một kẻ thuộc phái chứng nhân Giêhôva đi từng nhà truyền đạo, rồi không biết sao mà vào được nhà ông ta, xáo trộn nhịp sống cũng như sự tán dương mà ông ta đang muốn tự thưởng cho mình. Ông ta cởi thêm một chiếc cúc nữa. Giống như là ông ta đang mở một cánh cửa ngay giữa ngực để cố tống tôi ra ngoài.

— Phòng công tố muốn tạo ấn tượng tốt với dân chúng, - ông ta nói.
- Mọi người trong thành phố đều đang bàn tán về anh chàng này. Nên bọn anh sẽ không bắt giam anh ta hay gì hết. Ngoài ra bên Port Authority đang muốn nhồi đầy hai tòa tháp. Chúng vẫn còn trống chỗ cho thuê đến một nửa. Cứ được thiên hạ biết đến là tốt rồi. Nhưng em biết không, bọn anh vẫn phải xử phạt anh ta. Thế nên phải nghĩ ra cách gì sáng tạo.

— Đúng thế, - Claire nói.

— Cuối cùng anh ta nhận tội và anh phạt anh ta mười xu cho mỗi tầng tháp.

— Em hiểu rồi.

— Mỗi tầng mười xu đấy, Claire. Mười tầng một đô. Một trăm mười tầng! Em tính ra rồi phải không? Phòng công tố sướng mê li. Cứ đợi rồi em sẽ thấy, tờ *New York Times* ngày mai thế nào cũng đăng.

Ông ta bước tới tủ rượu, áo đã mở phanh được ba phần. Tôi có thể thấy bộ ngực nhẽ nhều của ông ta phô ra. Ông ta lấy cái ly sâu lòng, rót vào thứ rượu màu hổ phách, hít một hơi thật sâu rồi thở phào.

— Anh cũng phán anh ta phải biểu diễn thêm một buổi nữa.

— Lại đi trên dây nữa à? - Claire ngạc nhiên hỏi.

— Phải, phải. Chúng ta sẽ có vé mời ngay dãy ghế đầu. Ở công viên Trung Tâm. Khu dành cho trẻ em. Cứ đợi mà xem nhân vật này nhé, Claire. Anh ta rất khác thường đấy.

— Anh ta sẽ lại đi trên dây à?

— Đúng thế, nhưng lần này thì ở nơi an toàn hơn.

Mắt Claire lướt quanh khắp phòng, như thể chị ấy đang nhìn những bức tranh khác nhau và cố ghép chúng lại với nhau.

— Không tệ nhỉ? Mỗi tầng mười xu.

Solomon vỗ tay: ông ta đang cao hứng. Claire nhìn xuống đất, tựa như chị ấy có thể nhìn xuyên qua lớp sắt nung chảy để thấy cốt lõi của mọi chuyện.

— Thử đoán xem anh ta đã chằng dây thế nào nào? - Solomon vẫn hào hứng. Ông ta đưa tay lên che miệng và ho.

— Em chẳng biết đâu, Sol ạ.

— Em cứ thử đoán xem nào.

— Em thực sự chẳng quan tâm.

— Đoán đi mà.

— Anh ta ném dây qua à?

— Dây nặng gần trăm ký đấy, Claire. Anh ta đã khai hết. Tại tòa. Ngày mai tin sẽ được đăng tải trên tất cả các báo. Đoán nữa đi nào!

— Dùng cần câu à?

— Nhóm bọn họ lén đột nhập vào đó giữa đêm nhé, thế là phạm pháp.

— Em không biết đâu, Solomon. Hôm nay bọn em có buổi gặp mặt. Có bốn cô bạn, và em, và...

— Anh ta dùng cung tên!

— ... bọn em ngồi quây quần nói chuyện, - chị ấy nói nốt. - Anh chàng này khi trước không chừng là dân lính Mũ Nồi Xanh, - ông ta vẫn hào hứng. - Anh ta khai tất tạt quy trình! Đầu tiên một tay trong nhóm bắn một dây câu qua. Bắn cung tên. Mà gió như thế. Nhắm đúng góc. Trúng ngay bờ tường. Rồi họ tuồn những sợi dây qua dần cho đến khi bó dây chịu được sức nặng. Thật kinh ngạc phải không?

— Phải, - Claire nói.

Ông ta đặt đánh cộp chiếc ly hình chuông lên bàn, rồi gửi gửi tay áo.

— Anh thật sự phải tắm một cái đây.

Ông ta bước ngang chỗ tôi. Ông ta ý thức được cái áo đang phanh ra và kéo nó lại mà không cài khuy. Người ông ta thoang thoang mùi rượu mạnh.

— Ôi, - ông ta nói. - Lạy Chúa, tôi xin lỗi. Tôi vẫn chưa biết tên cô.

— Gloria.

— Chúc ngủ ngon, Gloria.

Tôi nuốt một cách khó nhọc. Lời ông ta thực sự muốn nói là “tạm biệt”. Tôi không hiểu ông ta chờ đợi một câu trả lời thế nào nữa. Tôi chỉ đơn giản bắt tay ông ta. Ông ta quay lưng bước ra ngoài hành lang.

— Rất vui được gặp cô, - ông ta nói với lại.

Ông ta đang ngân nga một giai điệu nào đó. Sớm hay muộn tất cả họ đều quay lưng lại. Tất cả họ đều bỏ đi. Đó là sự thật. Tôi đã từng ở cảnh đó. Tôi đã từng chứng kiến. Tất cả họ đều làm vậy.

Claire mỉm cười và nhún vai. Tôi dám chắc chị ấy muốn ông ta thể hiện tốt hơn, chị ấy hẳn đã chọn ông ta bởi một nét hấp dẫn nào đấy và chị ấy muốn nó được bộc lộ ra ngoài, nhưng nó lại không được bộc lộ ra, và giờ ông ta đã lên tiếng tiễn khách, chị ấy còn biết trông đợi gì từ ông ta nữa. Hai má chị ấy đỏ bừng lên.

— Chờ chị một lát, - chị ấy nói.

Chị ấy bước ra ngoài hành lang. Những tiếng rừ rừ vọng ra từ phòng ngủ. Tiếng vòi nước chảy yếu ớt. Họ lúc cao giọng lúc lại hạ giọng. Tôi thấy ngạc nhiên khi ông ta trở về con người thật của mình, chỉ một lát sau đó. Khuôn mặt ông ta đã dịu xuống: như thể chỉ ở bên vợ một lát thôi cũng giúp ông ta được nghỉ ngơi, biến ông ta trở thành một người khác. Tôi nghĩ hôn nhân chính là vậy, hoặc đã là vậy, hoặc có thể là vậy. Ta tháo bỏ mặt nạ. Để cho sự mệt mỏi xâm lấn. Nghiêng người sang hôn lên bao năm tháng bởi chúng là những thứ quan trọng.

— Tôi rất tiếc khi nghe chuyện về các con trai cô, - ông ta nói.

— Cảm ơn.

— Tôi không có ý bất lịch sự vậy đâu.

— Cảm ơn.

— Cô thứ lỗi cho tôi chứ? - ông ta nói.

Ông ta quay đi, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà và nói: “Đôi lúc tôi cũng thấy rất nhớ con trai.” Rồi ông ta đi ra.

Tôi rất hiểu không dễ gì sống với chỉ một tính cách. Chìa khóa cắm sẵn trên ổ rồi, cửa lúc nào cũng có thể được mở.

Claire đứng đó, cười tươi.

— Chị sẽ đưa em về, - chị ấy nói.

Lời đề nghị phủ lên tôi một làn hơi ấm nhưng rồi tôi đáp: Không cần đâu chị Claire, em ổn mà. Em sẽ đi taxi. Chị đừng lo.

— Chị sẽ đưa em về, - chị ấy nhắc lại, với một sự dứt khoát đột ngột. - Em chỉ cần đi dép lê thôi. Chị sẽ cho đôi giày của em vào túi. Chúng ta đã có cả một ngày dài rồi. Ta sẽ gọi bên cho thuê xe.

Chị ấy lục lọi trong ngăn kéo và lôi ra một cuốn sổ điện thoại nhỏ. Tôi có thể nghe thấy tiếng vòi nước vẫn đang chảy. Cả tiếng ống nước lẫn tiếng rên rỉ từ những bức tường.

○ ○ ○

BÊN NGOÀI ĐÊM ĐÃ BUÔNG XUỐNG HẸN. Người tài xế đang đợi, đứng tựa vào mũi xe hút thuốc. Ông ta có vẻ ngoài của các bác tài kiểu xưa, đội mũ lưỡi trai, thêm áo com-lê sẫm màu và cà vạt. Ông ta vội dập tắt điếu thuốc và chạy tới mở cửa sau cho chúng tôi. Claire bước vào trước. Chị ấy nhanh nhẹn ngồi xuống, rồi vắt chân dịch vào ghế giữa. Người lái xe nắm lấy khuỷu tay tôi và đưa tôi vào trong xe. “Thế, ổn rồi,” ông ta nói bằng chất giọng ồm ồm nghe không thật. Tôi cảm thấy mình hơi giống một bà lớn da đen, nhưng không sao - ông ta chỉ đang cố làm tròn phận sự của mình chứ đâu có ý khiến tôi khó chịu.

Tôi nói địa chỉ, ông ta chần chừ trong giây lát rồi gạt đầu, đi vòng về cửa trước.

— Thưa các bà, - ông ta nói thế.

Chúng tôi ngồi trong im lặng. Lúc qua cầu chị ấy liếc nhìn lại thành phố. Đâu cũng thấy ánh đèn - những vầng trăng trông như đang trôi lơ lửng trên không, những bề ánh sáng ngẫu nhiên được tạo nên từ những ngọn đèn đường, những ánh đèn pha lóe qua mặt chúng tôi. Những cột bê tông xanh xám vụt lướt qua. Những thanh rầm cầu hình thù kỳ lạ. Như những cây cột trụ trụ bịt nắp thép. Dòng sông bên dưới cuộn chảy.

Chúng tôi vào khu Bronx, lướt qua những cửa hàng đã đóng cửa, có mấy con chó ve vẩy bên ngoài. Những bãi trống đầy gạch vụn. Những ống thép móp xoắn. Những mảng tường vỡ. Xe qua đoạn đường sắt, tích tắc bóng tối của đường hầm, rồi lại lao ra vùng sáng như màn đêm thổi lửa.

Vài bóng người lê la giữa đồng thùng rác và rác thải.

Claire dựa người ra ghế.

— New York, - chị ấy thở dài. - Tất cả những người này. Em có bao giờ tự hỏi điều gì khiến chúng ta tiếp tục sống không?

Chúng tôi cười với nhau thật thoải mái. Chúng tôi đã hiểu thêm một điều về nhau, đó là giờ đây chúng tôi đã thành bạn bè, không gì có thể cướp đi tình bạn ấy, chúng tôi đang đi trên con đường đó. Tôi có thể kéo chị ấy vào cuộc đời mình và có lẽ chị ấy sẽ chịu đựng được. Hoặc chị ấy cũng có thể lôi tôi vào cuộc đời chị ấy để tôi lục tìm trong đó. Tôi nắm lấy tay chị ấy. Giờ tôi không còn sợ hãi nữa. Tôi nghe cổ họng tanh tanh vị sắt, chừng như tôi cần phải lười đến chảy máu, nhưng cảm giác nói chung thật dễ chịu. Những ánh đèn loang loáng vút qua. Tôi nhớ hồi nhỏ vẫn thường thả những bông hoa vào những lọ mực lớn. Những bông hoa nổi trên mặt nước trong giầy lát và rồi cuống hoa sũng nước mực, tiếp đến là những cánh hoa, cuối cùng chúng sẽ nở bung trong đen sẫm.

Khi chúng tôi tấp xe vào, bên ngoài dãy nhà đang có một vụ om sòm. Không ai buồn để ý tới xe chúng tôi. Chúng tôi trờ tới bên hàng rào bị cầu vượt che khuất. Những chiếc rầm thép đen đang nhảy điệu simmi với ánh đèn đường. Không thấy ả bán hoa nào đứng ngoài, nhưng có hai đứa con gái

váy ngắn đang rúc vào nhau dưới ánh đèn ở cổng. Một cô tựa vào vai cô kia và khóc nức lên.

Tôi không có thời gian quan tâm đến họ, những ả gái điếm đó, không bao giờ. Tôi không đặc biệt ghét nhưng cũng chẳng thấy thương cảm cho họ. Đã có những gã bảo kê và những người tình da trắng dồi dào lòng xót thương làm chuyện đó rồi. Đó là cuộc đời họ. Họ đã chọn nó.

— Thưa bà, - người lái xe nhắc.

Tôi vẫn nắm tay Claire.

— Chúc chị ngủ ngon, - tôi nói.

Tôi mở cửa, và phải đến lúc đó tôi mới nhìn rõ chúng, hai đứa bé gái hiện ra dưới ánh sáng của những bóng đèn hình cầu.

Tôi biết chúng. Tôi đã từng nhìn thấy chúng trong khu này. Hai đứa là con một ả gái điếm ở trên tôi hai tầng. Tôi thường tránh xa những gì liên quan tới họ. Suốt bao năm trời. Tôi không để họ tới gần cuộc đời mình. Tôi cũng từng gặp mẹ bọn trẻ trong thang máy, khi cô ta còn là một đứa bé, xinh xắn và hoang dã, nhưng khi đó tôi chỉ nhìn chăm chăm vào các nút bấm.

Bọn trẻ đang được một người đàn ông và một người phụ nữ đưa đi. Những người làm công tác xã hội, làn da trắng của họ bắt ánh đèn lấp loáng, trông họ có vẻ hoảng sợ.

Hai đứa bé mặc váy màu hồng, có nơ con bướm trước ngực. Tóc được tết thành bím. Chân đi dép nhựa. Chúng chắc độ hai, ba tuổi là cùng, rất giống nhau nhưng xem ra không phải sinh đôi. Cả hai đều đang cười, giờ nghĩ lại tôi mới thấy lạ: chúng chẳng hay biết chuyện gì đang xảy ra cả, thoạt nhìn qua rất khỏe mạnh dễ thương.

— Thật đáng yêu, - Claire khen, nhưng tôi nghe ra nỗi khiếp sợ trong giọng chị ấy.

Những người làm công tác xã hội giữ ánh nhìn thẳng vô cảm. Họ đang đẩy bọn trẻ tới trước, cố dẫn chúng lách qua những ả gái điếm vây quanh. Một xe cảnh sát nằm cách xa dãy nhà. Mấy người đứng xem cố vẫy

hai đứa trẻ, để cúi xuống nói điều gì đó, hoặc giơ tay muốn ôm chúng vào lòng, nhưng mấy người bên công tác xã hội xua họ ra.

Cuộc sống có những điều hiển nhiên mà chúng ta không thể giải thích được: ngay phút giây ấy tôi đã biết mình phải làm gì.

— Họ đưa chúng đi à? - Claire hỏi.

— Chắc vậy.

— Chúng sẽ đi đâu?

— Một tổ chức nào đó.

— Nhưng chúng còn nhỏ thế kia.

Bọn trẻ đang bị nhét vào ghế sau xe. Một đứa bắt đầu khóc ré lên. Nó nắm lấy ăng ten trên xe và không chịu buông. Cô gái đi kèm giật mạnh tay nó ra, nhưng nó cứ bám riết lấy. Cô ta vòng ra cạnh xe và cạy những ngón tay của con bé ra.

Tôi bước ra ngoài. Tôi như trở thành một người khác. Nhanh nhẹn khác thường. Tôi bước từ trên vỉa hè xuống mặt đường. Vẫn đi đôi dép lê của Claire.

— Đợi đã, - tôi hét lên.

Tôi cứ ngỡ kết thúc đã đến từ lâu lắm rồi, mọi thứ đã được phong kín và lãng quên. Nhưng chưa có gì kết thúc cả. Nếu có sống đến một trăm tuổi thì tôi vẫn sẽ nhớ cảnh trên con phố hôm đó.

— Đợi đã.

Janice - đứa lớn hơn - buông những ngón tay ra và vờ về phía tôi. Không có một cảm giác nào tuyệt vời hơn thế, đã lâu lắm rồi mới có lại. Đứa kia, Jazzlyn, đang khóc to. Tôi nhìn lại về phía Claire, chị ấy vẫn đang ngồi ở ghế sau, khuôn mặt sáng lên dưới ánh đèn vòm. Trông chị ấy vừa khiếp đảm lại vừa hạnh phúc.

— Bà biết những đứa trẻ này sao? - gã cảnh sát hỏi.

Tôi nhớ mình đáp có.

Rốt cuộc tôi đã nói như vậy, một lời nói dối vô hại: “Có.”



Phần 4

ĐI VỀ PHÍA BIỂN THÉT GÀO

Tháng mười năm 2006

CÔ THƯỜNG TỰ HỎI KHÔNG BIẾT ĐIỀU GÌ đã giữ người đàn ông đó ở mãi tít trên cao giữa không trung. Là loại keo hồ mang tính bản thể học nào vậy? Ở tít trên cao đó trong cái dáng hình ma quái của ông ta, cái bóng tối sẫm in trên nền trời, một cái que nhỏ xíu giữa dải không gian bao la. Chiếc máy bay ở phía chân trời. Sợi dây mỏng manh bắt qua gờ tường của hai tòa tháp. Cây gậy thăng bằng trong tay ông ta. Sự trải rộng đến mênh mênh của không gian.

Bức ảnh được chụp đúng vào ngày mẹ cô mất - đó là một trong những lý do khiến cô ngay lập tức bị thu hút bởi nó: chỉ đơn thuần là cái vẻ đẹp đó đã diễn ra ở cùng một thời điểm. Cô đã tìm thấy nó, nhuộm vàng và hơi rách, trong một cuộc bán hàng giảm giá ở San Francisco bốn năm trước. Ở đáy một hộp ảnh. Cuộc sống luôn đưa đến những điều ngạc nhiên. Cô đã mua bức ảnh, đóng khung cho nó, giữ nó bên mình những khi chuyển từ khách sạn này qua khách sạn khác.

Một người đàn ông lơ lửng giữa không trung khi một chiếc máy bay dần khuất dạng vào phía sau gờ tường của tòa tháp, trông như là thế. Một mảnh nhỏ lịch sử gặp gỡ một mảnh khác lớn hơn nó. Như thế người đàn ông đi trên dây bằng một cách nào đó đã tiên đoán được điều sẽ xảy ra sau này. Một sự xâm phạm vào thời gian và lịch sử. Điểm va chạm của những câu chuyện. Chúng ta chờ đợi một tiếng nổ nhưng nó chẳng bao giờ xảy ra. Chiếc máy bay đã bay qua, còn người đi trên dây đã chạm tới đích ở đầu dây bên kia. Mọi thứ đã không vỡ ra thành từng mảnh.

Bức ảnh đập vào mắt cô như một khoảnh khắc của sự nhấn nại, người đàn ông lẻ loi giữa không gian bao la, vẫn giữ được vẻ hoang đường dù mọi điều đều chứng minh rằng anh có thực. Bức ảnh đã trở thành một trong những món đồ yêu thích của cô - chiếc va li sẽ không ổn chút nào nếu

thiếu vắng nó, giống như là bị mất đi then cài vậy. Khi đi đâu đó cô luôn gói bức ảnh lại bằng giấy lụa cùng với những đồ kỷ niệm khác: một chuỗi vòng ngọc trai, một lọ tóc của chị gái.

○ ○ ○

Ở khu vực kiểm tra an ninh của Little Rock cô đứng sau một anh chàng cao lớn mặc quần jean và áo khoác da đã sờn. Đẹp trai một cách phóng khoáng. Anh ta ở độ tuổi cuối ba mươi đầu bốn mươi, có lẽ thế, hơn cô năm sáu tuổi gì đó. Bước chân anh ta nhích lên theo hàng người cũng mạnh mẽ sinh động. Cô lách lên gần anh ta hơn chút nữa. Tắm thẻ trên chiếc túi anh mang ghi: **TỔ CHỨC BÁC SĨ KHÔNG BIÊN GIỚI.**

Nhân viên an ninh gườm gườm kiểm tra hộ chiếu của anh ta.

— Ông có mang theo chất lỏng không?

— Chừng bốn lít thôi mà.

— Ông nói sao ạ?

— Chừng bốn lít máu ấy mà. Tôi nghĩ là chúng sẽ không bị tràn ra đâu.

Anh ta vỗ nhẹ lên ngực và cô cười thầm. Cô biết chắc anh ta là người Ý: những từ ngữ kéo dài ra với nét bông trầm duyên dáng. Anh ta ngoảnh lại và mỉm cười với cô, nhưng người nhân viên an ninh đã đứng lui lại, nhìn chăm chăm vào anh ta như ngắm nhìn một bức tranh, đoạn nói: “Thưa ông, tôi mời ông bước ra khỏi hàng.”

— Có chuyện gì vậy?

— Xin mời bước ra khỏi hàng. Ngay bây giờ.

Hai nhân viên khác cũng đi qua.

— Nghe này, tôi chỉ đùa thôi, - anh chàng người Ý thanh minh.

— Xin mời đi theo chúng tôi.

— Tôi đùa thôi mà, - anh ta cố nói.

Anh ta bị đẩy đi về phía văn phòng.

— Tôi là bác sĩ, tôi chỉ nói đùa thôi. Chỉ mang theo chừng bốn lít máu, chỉ có vậy. Công nhận là đùa không vui chút nào. Chỉ có thể thôi mà.

Anh ta vung tay ra để phân bua, nhưng cánh tay đã bị vặn ra sau lưng, cánh cửa đóng sập lại khi anh vào.

Một cái nhìn cau có quét suốt hàng, lan tới cô và những hành khách khác trong khu vực an ninh. Cô cảm thấy như có một luồng hơi lạnh chạy dọc cổ khi nhân viên an ninh nhìn chăm chăm vào cô. Cô có mang theo một lọ nước hoa bỏ trong túi nhựa nhỏ có khóa kéo, cô lấy ra đặt nó cẩn thận trong ngăn hành lý đưa vào máy quét.

— Thưa cô, tại sao cô lại mang thứ này trong hành lý xách tay?

— Dung tích của nó không quá quy định mà.

— Vậy mục đích chuyến đi của cô là gì?

— Việc riêng. Tôi đi thăm một người bạn.

— Và điểm đến cuối cùng của cô là?

— New York.

— Đi làm hay đi nghỉ?

— Đi nghỉ, - cô đáp, từ ấy vương ở cuống họng.

Cô trả lời một cách bình tĩnh, kinh nghiệm, cẩn trọng, và khi vừa bước qua máy dò kim loại, cô tự động dang rộng hai tay ra để được kiểm tra người, mặc dù chẳng có tín hiệu báo động nào vang lên.

Máy bay gần như trống không. Anh chàng người Ý cuối cùng cũng lững thững bước vào, lặng lẽ, ngưng ngưng, tỏ vẻ hối lỗi. Hai vai anh ta hơi khom xuống như thể anh ta chẳng biết xoay xử ra sao với chiều cao của mình. Mái tóc màu nâu nhạt trông xác xơ. Một vết râu nhỏ màu xám nhạt ở cằm. Anh ta bắt gặp ánh mắt cô khi bước tới chiếc ghế phía sau chỗ cô. Họ

khẽ mỉm cười với nhau. Cô nghe thấy tiếng anh ta loay hoay cởi chiếc áo khoác da và thở dài khi ngồi vào ghế.

Bay được nửa đường cô gọi một cốc rượu gin pha tonic, anh ta chìa một tờ hai mươi đô qua ghế để trả tiền đồ uống cho cô.

— Khi trước họ phục vụ mọi thứ miễn phí, - anh ta lên tiếng.

— Anh sành điệu lắm nhỉ?

Cô thấy bực với chính bản thân mình - cô không có ý nói năng cộc lốc như vậy, nhưng đôi khi cứ thế, lời nói buột ra một cách vô lý, giống như phòng thủ là bản tính vốn có của cô vậy.

— Không, làm gì có, - anh ta nói. - Tôi có bao giờ mà sành điệu đâu.

Cô biết anh nói thật, cứ nhìn cổ áo sơ mi to bản và vết mực trên túi ngực là rõ. Kiểu người như anh thậm chí có thể tự cắt tóc cho mình. Không phải kiểu người Ý thông thường như người ta vẫn hình dung, nhưng nói cho cùng kiểu người Ý thông thường là gì cơ chứ? Cô đã dần trở nên mệt mỏi với những người nói với cô rằng cô không phải một người Mỹ gốc Phi thông thường, như thế chỉ có duy nhất một cái hộp lớn dán nhãn thông thường và mọi người buộc phải nháy ra từ đó, người Thụy Điển, người Ba Lan, người Mexico, và rốt cuộc thì ý họ là gì khi nói rằng cô khác thường? Cô không đeo vòng tai bằng vàng chẳng, hay dáng đi của cô nhanh nhẹn dứt khoát, hay ăn mặc quá chần chừ, trông quá mức gọn gàng tươm tất?

— Vậy, - cô đổi chủ đề, - họ đã nói gì với anh ở sân bay?

— Thì nói tôi đừng có bông đùa nữa.

— Chúa phù hộ nước Mỹ.

— Những gã cảnh sát đó không biết đùa. Cô đã nghe chuyện...

— Thôi, thôi!

— ... về người đàn ông đi tới phòng khám với củ cà rốt để ở trên mũi chưa?

Cô đã bật cười. Anh ta tỏ ý muốn ngồi chiếc ghế cạnh lối đi cùng dãy với cô.

— Vâng, xin mời.

Cô lấy làm ngạc nhiên bởi sự thoải mái tức thì mà cô cảm thấy, mời anh ta ngồi, thậm chí quay người sang anh ta, nối liền cái khoảng cách của chỗ trống ở giữa. Cô vẫn thường cảm thấy ngượng ngùng khi ở gần những người trạc tuổi, gần sự chú ý của họ, ham muốn của họ. Cô vốn cao ráo thướt tha, làn da màu nâu nhạt, hàm răng trắng, đôi môi nom nghiêm nghị, không trang điểm, nhưng đôi mắt huyền của cô dường như luôn muốn né tránh cái vẻ ngoài xinh đẹp đó. Điều đó càng tạo nên sức cuốn hút kỳ lạ từ con người cô: cô gây cho người ta cảm giác tức thì rằng cô thông minh và cũng rất đáng sợ, một kẻ lạ từ miền đất khác. Đôi khi cô cố thoát khỏi cái vỏ ngượng nghịu ấy, nhưng rồi lại ngã tuột trở lại, nghệt thở. Như thế cô cảm thấy tất cả đã sủi tăm sùng sục ở bên trong, sự hoang dã thuộc giống nòi ấy, nhưng rồi cô không sao đẩy nó đến điểm sôi được.

Ở chỗ làm việc cô nổi tiếng là một trong những người lãnh đạo với băng đá chảy trong huyết mạch. Nếu có một thư điện tử bùng đũa được truyền đi giữa các văn phòng, cô hiếm khi được nhận, cô cũng muốn thế, nhưng thật hiếm khi, ngay cả giữa đám đồng nghiệp thân cận nhất. Trong tổ chức, đám tình nguyện viên rì rầm sau lưng cô. Khi cô ra thực địa cùng họ trong bộ quần jean áo phông, luôn có một cái gì đó cứng nhắc trong dáng vẻ của cô, hai vai thẳng, cử chỉ nghiêm túc.

— ... và ông bác sĩ nói, tôi biết chính xác anh gặp phải vấn đề gì rồi.

— Sao?

— Anh đã ăn uống thiếu điều độ.

— Ra thế đấy, - cô thốt lên, ngả đầu sát vào vai anh một cách đáng ngại.

○ ○ ○

Bốn chai nhựa nhỏ đựng rượu gin rung lách cách trên khay ăn của anh ta. Anh này, cô nghĩ, thật quá phức tạp. Anh ta đến từ Genoa và đã ly hôn, có hai đứa con. Anh ta từng làm việc ở Châu Phi, Nga, và Haiti, thêm hai năm làm bác sĩ ở Ninth Ward, New Orleans. Anh ta chỉ vừa mới chuyển tới Little Rock, anh kể vậy, để điều hành một phòng khám di động dành cho các cựu chiến binh trở về sau chiến tranh.

— Pino, - anh chìa tay tự giới thiệu.

— Jaslyn.

— Thế còn cô? - anh ta hỏi.

— Tôi à?

Một nét duyên ản trong ánh mắt anh ta.

— Thế còn cô?

Cô có thể nói gì về bản thân đây? Rằng cô xuất thân từ một hàng dài các thế hệ làm gái bán thân, rằng bà cô đã chết ở trong tù, rằng cô và chị gái đã được nhận nuôi, lớn lên ở Poughkeepsie, bà mẹ nuôi Gloria thường loanh quanh trong nhà và hát những bản opera kinh khủng? Rằng cô đã được gửi tới Yale, trong khi chị gái cô thì quyết định tham gia quân đội? Rằng cô đã theo học ở khoa kịch nhưng thất bại? Rằng cô đã đổi tên từ Jazzlyn thành Jaslyn? Rằng cô làm thế không phải vì xấu hổ, không hề? Rằng Gloria đã nói rằng không có gì để xấu hổ cả, sống là phải biết khước từ cảm giác xấu hổ?

—Ồ, đại loại tôi là một kế toán, - cô đáp.

— Đại loại là một kế toán ư?

—Ừ, tôi làm việc cho một tổ chức nhỏ. Chúng tôi giúp cho công tác chuẩn bị thuế khóa. Đó không phải công việc tôi từng nghĩ mình sẽ làm sau này, ý tôi là, hồi tôi còn trẻ ấy, nhưng giờ thì tôi thích công việc này. Công việc khá tốt. Chúng tôi đi đến những khu nhà lưu động, khách sạn, kiểu thế. Những vùng sau cơn bão Rita, Katrina, đại loại thế. Chúng tôi giúp mọi

người điền vào các mẫu khai thuế và lo mọi thứ khác. Bởi lẽ những người ở đó thường không còn cả bằng lái nữa.

— Một đất nước vĩ đại.

Cô nhìn anh với vẻ ngờ vực, nhưng lại tự hỏi có lẽ nào ý anh thực là vậy. Có thể chứ - có thể, cô nghĩ - tại sao lại không chứ, thậm chí trong những thời điểm như bây giờ.

Anh càng nói cô càng nhận ra rằng giọng anh phảng phất âm sắc những vùng miền khác nhau, tựa như mỗi lần đặt chân lên một mảnh đất nào đó anh lại gom nhặt một vài âm điệu ở đó. Anh kể cho cô nghe chuyện ngày xưa, hồi còn là một đứa trẻ ở Genoa, anh vẫn thường lui tới các trận đấu bóng và giúp băng bó cho những người bị thương trong các trận ẩu đả ở sân vận động.

— Thật ra có những vết thương khá nghiêm trọng, - anh nói. - Đặc biệt là trận Sampdoria đấu với Lazio.

— Gì cơ?

— Cô không hiểu tôi đang nói về đội nào với đội nào phải không?

— Đúng thế, - cô bật cười.

Anh mở một chai rượu gin khác, rót một nửa vào cốc của cô, một nửa vào cốc của anh. Cô cảm thấy như mình thoải mái hơn khi ở bên cạnh anh.

—Ồ, - cô nói, - tôi từng làm ở McDonald's.

— Cô đùa à.

— Đại loại thế. Tôi từng cố trở thành diễn viên. Giống như vậy, thật đấy. Học thuộc kịch bản của mình - anh có muốn khoai chiên kèm theo không? Phải đọc lời thoại thật chính xác - anh có muốn khoai chiên kèm theo không?

— Theo ngành điện ảnh à?

— Kịch.

Cô với lấy cốc của mình, nâng lên và uống. Đây là lần đầu tiên suốt bao năm trời cô mở lòng với một người lạ. Cảm giác như cô đang cắn vào lớp vỏ quả mơ.

— Chúc mừng!

— Salute, - anh đáp bằng tiếng Ý.

Máy bay nghiêng cánh bay qua thành phố. Những đám mây bão cùng màn mưa xối xả đập vào cửa sổ. Những ánh đèn New York giống như những cái bóng của chính nó, mờ mịt, ma quái sau những tầng mây và ướt đẫm trong mưa.

— Vậy? - anh nói, ra hiệu về phía cửa sổ, bóng tối như tấm mạng phủ khắp Kennedy.

— Gì cơ?

— New York ấy. Cô ở lại lâu không?

— Ồ, tôi chỉ tới thăm một người bạn già.

— Ừm. Người ấy bao nhiêu tuổi rồi?

— Già lắm rồi.

○ ○ ○

Hồi còn nhỏ và không nhút nhát như bây giờ, cô từng rất thích vui đùa trên phố Poughkeepsie, bên ngoài ngôi nhà nhỏ của họ, cô chạy được suốt con đường một chân trên vỉa hè còn chân kia dưới mặt đường. Muốn làm thế phải biết chút mảnh thể dục, một chân duỗi ra còn chân kia hơi gập lại, cứ thế chạy được gần bằng tốc độ tối đa bình thường.

Claire thường ngồi xe hơi thuê có kèm tài xế tới thăm. Có lần bà ngồi quan sát trò chơi của cô một lúc lâu, có vẻ rất thích thú, nói rằng bé

Jaslyn như đang múa ba lê ấy nhỉ, nhón lên, hạ xuống, nhón lên, hạ xuống, nhón lên.

Sau đó, Claire ngồi với Gloria trên những chiếc ghế gỗ ở vườn sau, cạnh cái bồn tắm nhựa gần hàng rào sơn đỏ. Trông họ thật khác xa nhau, Claire mặc áo sơ-mi gọn gàng còn Gloria thì mặc váy đầm hoa, hồ như họ cũng đang chạy trên những bậc vỉa hè khác nhau, nhưng lại thuộc về cùng một cơ thể, hai người bọn họ được gắn kết lại.

Ở chỗ đợi lấy hành lý, Pino đứng ngay cạnh cô. Anh đâu mang va li mà đợi lấy. Cô xoa sát hai bàn tay vào nhau một cách bồn chồn. Tại sao, cái cảm giác căng thẳng trong thăm sâu này vẫn nguyên đó? Hai cốc rượu gin và tonic chẳng có công dụng gì hết. Nhưng anh ta cũng không bình tĩnh, cô để ý thế, khi anh hết chuyển người từ chân này sang chân kia rồi lại chỉnh chiếc túi khoác trên vai. Cô thích cái vẻ bồn chồn ấy của anh - nó như đưa anh về với thực tại, khiến anh trở nên có thực. Anh đã gợi ý từ trước là anh có thể đi chung taxi với cô tới Manhattan, nếu cô muốn. Anh dự định tới khu Village, vì muốn nghe chút nhạc jazz.

Cô những muốn nói với anh rằng trông anh chẳng giống một tay mê nhạc jazz chút nào, con người anh toát lên chất folk-rock thì đúng hơn, rằng anh có lẽ sẽ rất hợp với một bài hát của Bob Dylan, hoặc có khi anh mang vỏ bìa đĩa nhóm Springsteen trong túi áo cũng nên, nhưng tuyệt đối không phải là jazz. Nhưng cô lại thích những sự phức tạp. Cô ước gì mình có thể ngoảnh sang anh mà nói: Tôi thích người làm tôi mất thăng bằng.

Đa phần thời gian trong cuộc đời cô trôi qua như thế: tưởng tượng ra những điều phải nói nhưng rồi chẳng bao giờ thực sự thốt chúng ra thành lời. Giá mà cô có thể ngoảnh lại và nói với Pino rằng tối nay cô sẽ đi cùng anh tới câu lạc bộ jazz, ngồi xuống chiếc bàn đặt cái đèn có núm tua trang trí, cảm nhận tiếng saxophone lách rên qua cơ thể, đứng dậy và bước tới sàn khiêu vũ nhỏ xíu, áp cơ thể cô vào với cơ thể anh, có lẽ còn để cho làn môi anh lướt lên cổ cô.

Cô quan sát dây va li bố nhào từ trên băng tải xuống khay tròn bên dưới: chẳng có cái nào là của cô. Một đám trẻ con ở phía bên kia hết nhảy lên rồi lại nhảy xuống khỏi cái băng xoay ấy trong sự thích thú của bố mẹ chúng. Cô vẫy tay về phía đó và làm bộ cau mặt trên đĩa nhỏ nhất, đĩa đang vắt vẻo trên một chiếc va li màu đỏ to ụch.

— Bọn trẻ nhà anh, - cô vừa nói vừa ngoảnh về phía Pino. - Anh có đem theo ảnh chúng không?

Thật là một câu hỏi vụng về ngớ ngẩn. Cô buột miệng mà chẳng buồn nghĩ ngợi gì, tựa quá gần vào anh, hỏi quá nhiều. Nhưng anh đã rút điện thoại di động ra và lướt qua những bức ảnh, chỉ cho cô xem một cô bé ở độ tuổi thiếu niên, da sẫm, nom nghiêm nghị, quyến rũ. Anh đang bắt đầu lần kiểm bức ảnh của cậu con trai thì nhân viên an ninh bước tới ngay trước mặt anh.

— Không sử dụng di động ở nơi nhà ga, thưa ông.

— Sao?

— Cấm điện thoại di động, cấm máy ảnh.

— Thật hôm nay không phải ngày may mắn cho anh, - cô thốt lên, mỉm cười khi cúi xuống để nhắc chiếc túi du lịch nhỏ.

— Có lẽ thế, mà cũng có lẽ không phải thế, - anh nói.

Phía bên kia, một tiếng kêu chói tai văng đến. Bọn trẻ con cười lên những chiếc va li trên băng chuyền vừa ngã trúng nhân viên an ninh. Cô và Pino nhìn nhau. Đột nhiên cô cảm thấy mình trẻ ra rất nhiều: cơn xốn xang của yêu đương, toàn bộ cơ thể cô lâng lâng nhẹ nhõm.

○ ○ ○

Khi họ bước ra khỏi sân bay, anh nói rằng nếu cô không phản đối họ sẽ đi hướng qua cầu Queensboro. Anh sẽ thả cô xuống trước rồi mới đi tới

khu trung tâm.

Như vậy là anh ấy biết thành phố này, cô thầm nghĩ. Hẳn là anh ấy đã từng ở đây. Nơi này cũng thuộc về anh ấy. Lại một sự ngạc nhiên khác. Cô luôn nghĩ rằng một trong những vẻ đẹp của New York chính là ở chỗ người ta có thể đến từ bất cứ nơi nào nhưng chỉ cần đặt chân tới đây thôi thì nó trở thành của ta.

Sabine Pass và Johnson's Bayou, Beaugard và Vermilion, Acadia và New Iberia, Merryville và DeRidder, Thibodaux và Port Bolivar, Napoleonville và Slaughter, Point Cadet và Casino Row, Moss Point và Pass Christian, Escambia và Walton, Diamondhead và Jones Mill, Americus, America.

Những cái tên trong tâm trí cô, ngập tràn.

○ ○ ○

Bên ngoài trời đang mưa. Anh đứng dưới một gờ tường hẹp nhô ra, móc ra một bao thuốc từ túi áo trong. Anh gõ vào bao thuốc, lắc ra một điếu mời cô. Cô lắc đầu từ chối. Xưa cô có hút nhưng giờ thì đã thôi hẳn, một thói quen xấu từ những ngày còn ở Yale; cả trong rạp hát hầu hết mọi người đều hút thuốc.

Nhưng cô thích hành động rít thuốc rồi nhả khói về phía cô của anh, khói thuốc sẽ đậu lại trên tóc cô, rồi sau đó cô sẽ được sở hữu cái hương vị ấy.

○ ○ ○

Chiếc taxi lướt qua màn mưa. Dư âm còn lại của cơn bão đang thờ hắt xuống thành phố, một cái cúi đầu kiệt sức, đợt trút nước cuối cùng. Anh

đưa cho cô tấm danh thiếp trước khi taxi tấp vào mái hiên ở đại lộ Park. Anh đã viết vội tên và số di động của anh lên phía sau nó.

— Thật tuyệt, - anh nói khi ngắm nhìn đường phố.

Anh giúp cô lấy chiếc túi nhỏ ra khỏi cốp xe, nghiêng người qua và hôn lên hai má cô. Cô khẽ mỉm cười khi thấy anh đang trong tư thế một chân ghếch trên lề đường, một chân để dưới.

Anh dò dẫm trong túi tìm thứ gì đó. Cô quay đi và rồi bỗng nghe thấy một tiếng tách. Anh đã chụp một bức hình của cô bằng điện thoại di động. Cô bối rối không biết phải phản ứng ra sao. Xóa nó đi, lưu nó lại, hay đặt nó làm hình nền cho điện thoại của anh? Cô nghĩ về mình trong đó, đã biến thành vô vàn điểm ảnh, cùng với các con anh, được mang đi khắp nơi trong túi áo của anh, tới câu lạc bộ jazz, tới phòng khám của anh, về nhà anh.

Trước giờ cô chưa từng hành động thế này với một người đàn ông, nhưng giờ cô cũng lấy ra danh thiếp của mình và đút nó vào trong túi áo sơ mi của anh, còn vỗ nhẹ cho nó lọt vào sâu. Cô cảm thấy khuôn mặt mình lại đang căng ra. Quá trơ tráo. Quá mời chào. Quá dễ dãi.

Hồi mới lớn, chuyện đó đã từng khiến cô day dứt không yên, chuyện mẹ và bà cô là gái bán thân. Cô đã nghĩ một ngày nào đó cái bản chất ấy rồi sẽ trỗi dậy trong cô, cô sẽ chìm ngập trong biển tình. Rằng chuyện đó thật bẩn thỉu. Rằng bạn bè rồi sẽ phát hiện ra. Hay tệ hơn, cô có thể sẽ đòi một anh chàng trả tiền cho chuyện đó. Cô là người cuối cùng trong đám bạn ở trường cấp ba chịu hôn con trai: một người bạn ở trường từng gọi cô là nữ hoàng Châu Phi Khó tính. Nụ hôn đầu của cô diễn ra ngay sau lớp khoa học, trước giờ vào tiết nghiên cứu xã hội. Anh chàng đó có khuôn mặt rộng và đôi mắt đen. Anh ôm cô ngay bên cửa, một chân anh đặt trên khung cửa. Chỉ tiếng gõ cửa không ngớt của một giáo viên mới tách được họ ra. Hôm đó cô đi về nhà cùng anh chàng đó, tay trong tay, qua những cái cây của Poughkeepsie. Gloria nhìn thấy cô từ mái hiên ngôi nhà nhỏ của họ và bà đã mỉm cười xúc động. Cô và anh chàng đó duy trì mối quan hệ suốt thời đại

học. Cô thậm chí còn dự tính sẽ kết hôn với anh ta, nhưng rồi anh ta tới Chicago để nhận một công việc mảng kinh doanh. Cô đã trở về nhà với Gloria, khóc suốt một ngày ròng.

Sau đó, Gloria đã nói với cô rằng yêu sự yên lặng là cần thiết, nhưng muốn làm được thế thì trước hết phải gây ra chút ồn ào đã.

— Anh sẽ gọi cho em chứ? - cô hỏi anh.

— Anh sẽ gọi em, hẳn rồi.

— Thật không? - cô hỏi lại với cái nhú mày.

— Tất nhiên rồi, - anh đáp.

Anh ưỡn vai ra một cách khôi hài. Cô nhảy giật lùi về phía sau như trong phim hoạt hình, hai cánh tay cô dang rộng, lật bật. Cô cũng không hiểu vì sao mình làm thế, nhưng trong khoảnh khắc ấy cô chẳng buồn bận tâm - như có luồng điện trong đó, nó khiến cô bật cười.

Anh bước tới hôn cô một lần nữa, lần này là lên môi, nhanh và khéo. Cô thoáng mong những bạn đồng nghiệp có ở đây, để họ nhìn thấy cô nói lời chào tạm biệt một anh chàng người Ý, một bác sĩ, tại đại lộ Park, trong bóng đêm, trong giá lạnh, trong mưa, trong gió, trong đêm. Như là có chiếc máy quay bí mật phát đi hình ảnh này tới toàn bộ các văn phòng của Little Rock, mọi người ngẩng mặt lên từ những mẫu thuế làm dở để chứng kiến cô vẫy chào tạm biệt, để thấy anh ấy quay người lại từ ghế sau của chiếc taxi, cánh tay giơ cao, bóng đổ lên khuôn mặt anh, một nụ cười.

Cô nghe thấy tiếng rít của những lốp xe khi chiếc taxi lao đi. Rồi cô khum lòng bàn tay chìa ra ngoài mái hiên, hứng lấy những hạt mưa, vuốt lên tóc.

○ ○ ○

Người gác cổng mỉm cười, dù đã bao nhiêu năm cô chưa gặp lại ông. Một người đàn ông của xứ Wales. Ông ấy thường hát vào các ngày Chủ Nhật khi cô, Gloria, và em gái cô tới chơi. Cô không nhớ rõ tên ông. Ria mép ông giờ đã ngả bạc.

— Cô Jaslyn! Lâu ngày quá.

Và rồi cô nhớ ra: Melvyn. Ông ấy tranh cầm lấy cái túi nhỏ giúp cô và trong thoáng chốc cô chợt nghĩ chắc ông ấy sẽ nói là cô lớn nhanh quá. Nhưng tất cả những gì ông nói, một cách đầy biết ơn, chỉ là: Họ để tôi trực ca đêm.

Cô cũng không biết mình có nên hôn má ông hay không nữa - buổi tối của những nụ hôn chẳng - nhưng ông đã giải quyết tình huống khó xử ấy bằng cách quay đi.

— Melvyn, - cô nói, - bác chẳng khác xưa chút nào.

Ông vỗ vỗ bụng, mỉm cười. Cô dè chừng nhìn thang máy, cô thích đi thang bộ hơn, nhưng một cậu thiếu niên đã đứng sẵn ở đó với chiếc mũ và đôi găng tay trắng.

— Mời bà, - cậu bé trực thang máy nói.

— Cô ở lại lâu không, cô Jaslyn? - Melvyn hỏi, nhưng cánh cửa thang máy đã khép.

Cô mỉm cười với ông từ bên trong.

— Tôi sẽ gọi cho bà Soderberg, - ông nói với qua tấm lưới sắt, - để báo cô đã đến.

Cậu bé trực thang máy nhìn thẳng về phía trước. Cậu ta chỉ quan tâm đến Otis^[78]. Cậu chẳng buồn bắt chuyện với cô, đầu cậu khẽ gật gù như đang đếm nhịp. Cô có cảm giác mười năm nữa cậu vẫn ở đây, thậm chí là hai mươi, ba mươi năm. Cô những muốn bước lại gần và nói thầm vào tai cậu rằng Nhóc dễ thương quá, nhưng rồi cuộc cô lại nhìn ô cửa và những vòng sáng nhỏ báo tầng dịch dần lên.

Cậu ta kéo cái đòn bẩy, ngấm cho thang và sàn bằng phẳng tuyệt đối. Cậu ta còn di một chân ra ngoài để thử lại cho chắc ăn. Thật là một anh chàng chính xác.

— Thưa bà, - cậu lễ phép. - Cửa đầu tiên bên tay phải bà.

○ ○ ○

Ra mở cửa là một y tá nam cao lớn người Jamaica. Hai bên thoáng bối rối trong giây lát, lẽ ra họ đã nghe nói về nhau mới phải. Mấy trao đổi nhanh chóng. Tôi là cháu gái bà Soderberg. Ồ, tôi biết rồi, cô vào đi. Không phải cháu gái ruột, nhưng bà coi tôi như cháu. Mời vào đi ạ. Tôi đã gọi đến từ trước. Phải rồi, phải rồi, giờ bà ấy đang ngủ. Cô vào trong đi ạ. Bà ấy thế nào rồi? Khỏe... ông ta đáp.

Từ *khỏe* được kéo dài ra, ngập ngừng, không phải một lời khẳng định - Claire không hề khỏe; bà đang ở tận đáy sâu một cái giếng tối om.

Jaslyn nghe thấy những tiếng khác vọng ra: tiếng radio chẳng?

Căn hộ như bọc trong món thịt đông. Khi xưa nó khiến hai chị em cô sợ phát khiếp mỗi lần vào thành phố cùng Gloria; lối hành lang u ám, tranh vẽ, mùi đồ gỗ cũ kỹ. Cô và chị gái phải nắm chặt tay nhau khi bước dọc hành lang. ghê nhất là bức chân dung của một người đàn ông đã chết treo ở trên tường. Bức tranh đã được vẽ theo cách nào đó mà đôi mắt của ông ta dường như luôn dõi theo chị em cô. Claire lúc nào cũng nói về ông ta, nào là Solomon từng thích cái này, nào là Solomon từng thích cái kia. Bà đã bán một vài bức tranh khác - thậm chí cả bức Miró, để trang trải cuộc sống - nhưng bức chân dung Solomon thì vẫn luôn ở đó.

Người y tá cầm lấy chiếc túi của cô và đặt nó dựa vào giá treo mũ ở góc.

— Mời cô, - ông ta nói, ra hiệu cho cô về phía phòng khách.

Cô choáng váng khi nhìn thấy sáu người, hầu hết đều trạc tuổi cô, ngồi quanh bàn và trên ghế sofa. Họ đều ăn mặc bình thường nhưng đang nhấm nháp những ly cocktail. Tim cô đập thình thịch trong lồng ngực. Họ còn hơn cả sững sờ khi nhìn thấy cô. Ồ, ồ. Những cháu gái, cháu trai, họ hàng thực thụ đây chăng? Giai điệu nổi dài của Solomon. Ông ấy đã mất được mười bốn năm nhưng cô vẫn nhìn ra ông trong nét mặt họ. Có một người cô dám chắc là cháu gái của Claire, tóc điểm vệt hoa râm.

Họ nhìn cô chăm chăm. Không khí quanh cô đặc như băng đá. Cô ước gì mình nhờ Pino lên cùng để anh ấy giúp cô làm chủ tình huống một cách bình tĩnh, trôi chảy, hoặc ít ra là giúp phân tán bớt sự chú ý. Cô như vẫn còn cảm nhận được nụ hôn trên môi. Cô chạm những ngón tay lên môi, như có thể giữ lại ký ức về nó mãi ở đó.

— Xin chào, tôi là Jaslyn, - cô giới thiệu và vẫy tay chào.

Một cái vẫy tay ngớ ngẩn làm sao. Cứ làm như tổng thống không bằng.

— Chào, - một phụ nữ tóc đen dáng cao ráo đáp lại.

Cô cảm thấy như mình bị đóng đinh xuống sàn nhà, nhưng một trong những người cháu trai đã bước tới. Anh ta toát lên vẻ thư sinh trẻ con, khuôn mặt mũm mĩm, áo sơ-mi trắng, áo khoác ngoài màu xanh da trời, thêm chiếc khăn tay đỏ thò ra từ túi ngực.

— Tom, - anh ta tự giới thiệu. - Rất vui khi cuối cùng cũng được gặp cô, Jaslyn.

Anh ta thốt ra tên cô như là một thứ gì đó mà anh ta muốn phui ra khỏi chiếc giày của mình, từ *cuối cùng* kéo dài ra trong sự quở trách. Như vậy là anh ta biết cô. Anh ta đã được nghe kể về cô. Có lẽ anh ta nghĩ cô đến đây để đào mộ. Thì cứ vậy đi. Một kẻ đào vàng. Thật ra cô chẳng buồn quan tâm tới di chúc; nếu quả cô có nhận được cái gì đó thì cô cũng sẽ cho đi.

— Cô uống gì nhé?

— Cứ mặc tôi, cảm ơn.

— Chúng tôi biết dì tôi sẽ không muốn chúng tôi hưởng thụ tí đỉnh dù là trong những thời điểm tồi tệ nhất mà. - Anh ta hạ thấp giọng: - Chúng tôi đang làm món cocktail Manhattan đấy.

— Bà ấy thế nào rồi?

— Bà đang ngủ.

— Đã muộn rồi... tôi thật sự xin lỗi.

— Cũng có soda nữa đấy, nếu cô thích.

— Bà ấy... ?

Cô ghen nói không hết lời. Lời nói còn treo lơ lửng giữa cô và Tom.

— Bà không được khỏe, - anh ta đáp.

Lại cái từ ấy. Tiếng vọng trống rỗng dội xuống sàn nhà. Không bắn tung tóe. Chỉ liên miên đổ xuống. Khỏe khỏe.

Cô không thích họ uống rượu như thế, nhưng rồi cô hiểu mình nên hòa đồng với họ, không nên tách biệt làm gì. Đưa Pino trở lại đây, để chút duyên dáng của anh len vào giữa họ, để anh cuốn lấy cô vào buổi tối trong vòng tay ấy, để cô nép mình vào chiếc áo da của anh.

— Có lẽ cho tôi xin một ly, - cô nói.

— Vậy, - Tom nói, - chính xác là điều gì đưa cô đến đây thế?

— Anh hỏi sao?

— Ý tôi là, chính xác là cô đang làm gì? Không phải cô đang làm cho Đảng Dân chủ hay gì đó hay sao?

Cô nghe thấy những tiếng cười rúc rích vang lên khắp phòng. Họ quay về nhìn cô, tất cả bọn họ, sẫm soi nhìn ngó, như kiểu à, rốt cuộc nhân vật này cũng chịu lộ diện rồi đây.

Cô quý những ai bền bỉ kiên trì chịu đựng kiếp đời khổ nhục, những người biết rằng nỗi đau là một thủ tục cuộc đời chứ không phải một tai ương. Họ dàn xếp cuộc đời họ ngay trước mặt cô, một vài tờ giấy, một cuốn phiếu lương, một ngân phiếu trợ cấp, tất cả - những gì họ để lại. Cô

cộng dồn những con số. Cô biết hết những khoản có thể khấu trừ thuế, những kê hở, đường ngang lối tắt, những cuộc điện thoại buộc phải gọi. Cô cố gắng làm vô hiệu khoản tiền phải trả góp cho ngôi nhà đã bị cuốn trôi ra biển. Cô tìm mọi cách đòi cho được tiền bảo hiểm cho những chiếc xe đã nằm dưới đáy sông. Cô cố ngăn chặn những hóa đơn đòi thanh toán cho những chiếc quan tài bé nhỏ sơn trắng.

Cô từng thấy những thành viên khác trong tổ chức Little Rock mới thoát gặp đã khiến được những người này mở lòng mở dạ ngay, nhưng cô chưa từng làm được như vậy. Lúc đầu họ thường tỏ ra gượng gạo, nhưng rồi cô dần học được cách lắng nghe. Và chỉ sau độ nửa giờ đồng hồ là cô có thể chuyện trò cởi mở với họ.

Có cảm giác như họ đang tự nói chuyện với chính mình, còn cô chỉ là tấm gương đặt trước mặt họ, ánh chiếu vào họ một khía cạnh khác của đoạn đời đã qua.

Cô bị cuốn hút bởi hoàn cảnh tối tăm của những người cô trợ giúp, nhưng điều cô thích lại chính cái khoảnh khắc khi họ nhìn lại và bàng hoàng nhận ra thêm một một ý nghĩa nào đó từ chuyện cũ: *Thật ra tôi thật lòng yêu cô ấy. Tôi đã cởi tuột áo sơ-mi của anh ấy trước khi anh ấy bị cuốn vào miệng cống xả. Khi xưa nhà tôi tính mua cái lò sưởi theo dạng đặt cọc giữ hàng trả góp.*

Rồi trước khi họ kịp nhận ra, các khoản thuế đã được thu xếp ổn thỏa, đơn yêu cầu bảo hiểm đã có, thông báo gửi công ty cho mua nhà thế chấp đã thảo xong, tất cả giấy tờ được đẩy qua bàn chỉ chờ họ ký. Đôi lúc họ lẩn tránh khá lâu ở khâu cuối này, bởi lẽ họ hãy còn điều muốn nói - họ chìm hẳn vào câu chuyện lan man về chiếc xe hơi đã mua, hay về những người thân yêu. Họ có nhu cầu mãnh liệt là phải nói ra, phải kể lại, cho dù câu chuyện của bản thân có nhỏ nhoi vụn vặt đến thế nào.

Lắng nghe những người này giống như lắng nghe những cái cây - sớm muộn gì cũng bị đốn phanh ra, phơi bày những vân vi nói lên tuổi tác của nó.

Cách đây chín tháng cô tiếp có một bà lão, bà ngồi trong phòng khách sạn ở Little Rock, chiếc váy trải rộng trên ghế. Jaslyn đang cố tính toán những khoản tiền mà bà đã không được nhận từ quỹ lương hưu.

— Con trai tôi là một người đưa thư, - bà kể. - Làm ngay phố số Chín đây. Nó ngoan lắm. Hai mươi hai tuổi. Có phải tăng ca cũng sẵn lòng. Nó làm việc ra trò đấy, tôi không nói dối đâu. Mọi người rất thích nhận được những lá thư nó phát. Họ chờ đợi nó. Họ thích nó tới gõ cửa nhà họ. Cô vẫn nghe đấy chứ?

— Vâng, thưa bà.

— Và rồi cơn bão ập đến. Và nó đã không trở lại. Tôi vẫn đợi nó. Bữa tối xong xuôi cả rồi. Hồi đó tôi sống trên tầng ba. Cứ thế đợi. Nhưng chẳng có tin gì. Nên tôi cứ đợi, đợi mãi. Hai ngày sau tôi ra ngoài tìm nó, tự lần xuống thang. Bên ngoài đám trực thăng bay khắp phố, chẳng để ý gì tới chúng tôi. Tôi bị bơm lợi vào phổi, nước ngập tới cổ, suýt chìm ngheim. Chẳng có dấu vết gì hết, không gì cả, tới khi tôi lợi xuống gần một quầy dịch vụ tiền mặt thì thấy một bọc đựng thư nổi lên phềnh, thế là tôi kéo nó vào trong. Khi đó tôi nghĩ thầm, tạ Chúa lòng lành.

Những ngón tay của người phụ nữ quắp chặt lại, siết lấy bàn tay Jaslyn.

— Khi đó tôi cứ chắc mẫm là thằng bé hãy còn sống, đang ở ngay sau khúc quanh kia thôi. Thế là tôi cứ kiếm tìm và kiếm tìm mãi. Nhưng chẳng bao giờ tôi được gặp lại con trai nữa. Tôi ước gì khi đó mình chết đuối trên phố luôn cho rảnh. Mãi hai tuần sau tôi mới biết là nó bị mắc lại tít trên ngọn cây, quắt queo cả vì cái nóng. Vẫn trong bộ đồng phục người đưa thư của nó. Cô có tưởng tượng được không, bị mắc kẹt trên cây.

Người phụ nữ đứng dậy, bước ngang phòng tới bên cái tủ quần áo rẻ tiền, giật mạnh ngăn kéo.

— Tôi vẫn giữ bọc thư của nó đây, cô thấy không? Cô có muốn thì cứ cầm.

Jaslyn cầm bọc đựng thư trên tay. Không một bì thư nào được mở ra.

— Làm ơn hãy mang nó đi, - bà khẩn nài. -Tôi chẳng thể chịu đựng thêm được nữa.

○ ○ ○

Cô cầm bọc đựng thư bước ra ngoài tới bên hồ gần Natural Steps thuộc ngoại ô Little Rock. Trong ánh nắng cuối ngày, cô bước dọc bờ sông, giày lún trong đất sét. Đám chim chóc bay lên từng cặp, háo hức bay liệng, ấp ủ ánh mặt trời đỏ ối dưới những đôi cánh. Cô không biết phải làm gì với bọc đựng thư. Cô ngồi xuống thảm cỏ và phân loại đầu ra đó: tạp chí, tờ bướm quảng cáo, thư cá nhân được gửi đi với lời nhắn: *Cái này đã bị thất lạc một thời gian trước. Tôi hy vọng giờ có thể gửi lại.*

Còn những hóa đơn thì cô đốt sạch. Từ công ty viễn thông Verizon. Sờ điện lực. Sờ thuế vụ. Nỗi đau buồn ấy giờ không còn cần thiết nữa, không hề nữa.

○ ○ ○

Cô đứng bên cửa sổ, bóng tối buông xuống. Trong phòng có tiếng nói chuyện rì rào không ngớt. Cô nhớ đến những tiếng đập cánh của bầy chim trắng. Ly cocktail trên tay sao mà mong manh. Ngỡ như nếu cầm nó quá chặt là nó sẽ vỡ tan, cô thầm nghĩ.

Ban đầu cô dự định sẽ ở lại với Claire một hai ngày. Ngủ ở phòng dư dành cho khách. Ở bên bà khi bà mất, như bà đã làm thế với mẹ Gloria sáu năm trước. Một hành trình chậm rãi trở về Missouri. Nụ cười trên khuôn mặt

mẹ Gloria. Chị gái cô, Janice, ngồi ở ghế trước lái xe. Những trò chơi với gương chiếu hậu. Rồi hai chị em cô cùng đẩy Gloria trên chiếc xe lăn đi dọc bờ sông. *Trên con sông lười biếng nơi bài ca của chú chim oanh đánh thức buổi ban mai tinh khôi trong lúc chúng ta cùng nhau đi tới.* Hôm ấy thực như một lễ mừng. Họ nhúng ngập chân vào trong hạnh phúc và không hề có ý rời đi. Họ ném những que củi vào chỗ nước xoáy và nhìn chúng quay tròn. Rồi trái tằm vãi ra, cùng nhau ăn bánh sandwich hiệu Wonder Bread. Nhưng đến buổi chiều, chị gái cô bắt đầu khóc, cũng bỗng dừng như tiết trời thay đổi, dù chẳng có lý do nào khác trừ tiếng nổ bộp của nắp chai rượu. Jaslyn đưa cho chị một tờ giấy ăn dùm cả lại vì ẩm. Gloria bật cười cả hai chị em, nói bà đã vượt qua được nỗi đau buồn từ lâu lắm rồi, và đã phát chán trước chuyện ai cũng muốn lên thiên đường nhưng lại không ai muốn chết cả. Điều đáng buồn duy nhất, bà nói, là đôi lúc cuộc sống này chất chứa nhiều điều đẹp đẽ hơn sức chứa của cõi thế.

Gloria đã ra đi với nụ cười trên mặt. Họ vuốt mắt bà khi ánh nắng còn đậu trên đó, rồi họ đẩy chiếc xe lăn lên đồi, đứng trên đó nhìn khắp xung quanh cho tới khi lữ côn trùng buổi đêm kéo đến.

Hai ngày sau họ chôn cất bà trong khoảnh đất nhỏ gần sân sau ngôi nhà cũ của bà. Đã có lần bà nói với Jaslyn rằng tất cả ai cũng sẽ ý thức được họ từ đâu đến một khi đã nghĩ ra nơi họ muốn được chôn cất. Một lễ an táng êm ả, chỉ có hai chị em gái và thầy nói lễ. Họ đưa Gloria về đất cùng với một tấm biển sơn tay đã cũ của bố bà và chiếc hộp khâu vá do mẹ bà để lại mà lúc sinh thời bà luôn giữ gìn. Bà đã ra đi một cách tốt đẹp, nếu quả có cách ra đi nào được cho là tốt đẹp trên đời.

Đúng vậy, cô nghĩ, cô cũng muốn ở bên Claire, cùng trải với bà đôi chút thời gian, cảm nhận cái tĩnh lặng, để thời gian lê bước. Cô thậm chí đã mang theo bộ đồ ngủ, kem đánh răng, rồi lược. Nhưng rõ ràng là ở đây cô không được chào đón.

Cô đã quên mất rằng còn có những người khác nữa, rằng một cuộc đời được sống với nhiều khía cạnh khác nhau - có biết bao những bí thư chưa được mở.

— Tôi gặp bà được không?

— Tôi nghĩ không nên quấy rầy bà thì hơn.

— Tôi chỉ ló đầu vào chút thôi.

— Cũng đã muộn rồi. Bà ấy đã ngủ. Cô có muốn ly nữa không cô...?

Anh ta lên giọng ở cuối câu mời dở dang, như thể đang lục tìm tên cô trong óc. Nhưng anh ta biết tên cô rồi cơ mà. Thật ngớ ngẩn. Thật là một gã ngốc thô kệch. Anh ta những muốn đọc chiếm nỗi buồn và sẵn dịp tiệc tùng đây mà.

— Jaslyn, - cô cười nhạt.

— Thêm ly nữa nhé, cô Jaslyn?

— Cảm ơn, tôi đủ rồi, cô đáp, tôi đã đặt phòng ở Regis.

— Regis à, tuyệt quá nhỉ.

Đó là khách sạn ngon lành nhất mà cô nghĩ ra, nơi đắt nhất. Cô thậm chí còn chẳng biết nó ở đâu, hẳn là gần đây thôi, nhưng cái tên đã Tom đổi hẳn nét mặt - anh ta mỉm cười để lộ hết hàm răng trắng bóng.

Cô bọc tấm giấy ăn quanh đáy ly, đặt nó xuống bàn kính.

— Thôi, đến lúc tôi phải nói lời tạm biệt rồi. Thật hân hạnh.

— Mời cô, tôi sẽ đưa cô xuống.

— Tôi đi một mình được, thật đấy.

— Không, không. Nhất định phải tiễn chứ.

Anh ta chạm vào khuỷu tay cô khiến cô co rúm lại. Cô nén lại cái thôi thúc muốn hỏi anh ta xem liệu anh ta đã bao giờ làm chủ tịch ngôi nhà chung của hội nam sinh đại học chưa.

— Thật mà, - cô nhắc lại khi ra tới thang máy, - tôi tự đi được.

Anh ta nghiêng người tới hôn lên má cô. Cô quay người, vai khẽ ấy vào cằm anh ta.

— Tạm biệt, - cô dứt khoát chốt hạ, vẫn bằng chất giọng ngân nga như hát.

Xuống đến dưới lầu, Melvyn gọi taxi cho cô và thoáng chốc sau cô lại được một mình, như thể suốt buổi tối đã chẳng có việc gì xảy ra. Cô lục lại trong túi tìm tấm danh thiếp của Pino. Lật đi lật lại nó trên tay. Chừng như cô có thể cảm thấy chuông điện thoại đang réo trong túi anh.

○ ○ ○

Phòng đơn ở khách sạn St. Regis có giá bốn trăm hai mươi lăm đô một đêm. Cô nghĩ đến việc cố tìm một khách sạn khác, thậm chí nghĩ cả đến việc gọi điện cho Pino, nhưng rồi quyết định đẩy tấm thẻ tín dụng sang phía tiếp tân. Bàn tay cô run lên: chừng ấy gần bằng một tháng rưỡi tiền thuê nhà ở Little Rock. Cô gái đứng sau quầy hỏi giấy tờ tùy thân của cô. Giờ không đáng để cãi vã, mặc dầu cặp đôi nhận phòng ngay trước cô không hề bị hỏi giấy.

Căn phòng nhỏ nhắn. Chiếc ti vi được treo cao trên tường. Cô bấm điều khiển. Tin bão rút. Năm nay không có bão lớn. Tỉ số bóng chày, tỉ số bóng đá, thêm sáu người chết ở Iraq.

Cô buông mình xuống giường, đầu gối lên hai cánh tay xếp lại.

Không lâu sau những đợt tấn công vào Afghanistan, cô tới Ireland. Coi như kỳ nghỉ lễ. Chị gái cô thuộc nhóm điều phối các chuyến bay từ Mỹ đáp xuống sân bay Shannon. Ở Galway, lúc rời một tiệm ăn bước ra phố, họ dính vào một vụ bực mình nhỏ. *Bọn Mỹ khốn kiếp rút về đi.* Dù sao thế vẫn không tệ bằng việc bị gọi là mọi đen, họ vẫn phải nghe thế khi lái xe hơi thuê và nhớ đồ bên lề đường không đúng quy định.

Ireland khiến cô kinh ngạc. Cô vốn mừng tượng ra những con đường cấp phối, hai bên rợp bóng cây và những dãy hàng rào cao, rồi cánh đàn ông với mái tóc đen nhánh, những túp lều trắng đứng lẻ loi trên đỉnh

đòi. Nhưng thay vào đó cô lại thấy những cầu vượt, dốc lên cầu và những màn lên lớp của những gã say rượu mặt phị về ý nghĩa đích thực của chính sách thế giới. Cô thấy co rút vào vỏ, không để lọt tai được gì. Trước nay cô từng được nghe kể chút ít về Corrigan, người đàn ông đã chết bên mẹ cô. Cô muốn biết thêm nhiều hơn nữa. Chị gái cô thì ngược lại - Janice chẳng muốn động chạm gì tới quá khứ. Quá khứ ấy làm chị ấy xấu hổ. Quá khứ ấy như chiếc phản lực đáp xuống mang theo những thi thể từ vùng Trung Đông.

Nên cô đã lái xe tới Dublin một mình. Cô cũng không hiểu tại sao những giọt nước mắt cứ đọng lại trên mi, cô đã phải ép cho chúng chảy xuống để không bị vướng tầm nhìn. Hơi thở của cô trở nên sâu và trầm tĩnh hơn khi những con đường rộng dần ra trước mắt.

Không khó tìm anh trai của Corriagan. Ông là giám đốc điều hành của một công ty kinh doanh dịch vụ internet đặt trụ sở tại một trong những tòa tháp cao ốp kính dọc sông Liffey.

— Hãy đến gặp ta nhé, - ông ấy ngỏ lời mời qua điện thoại như thế.

Dublin là một thành phố vụt phát triển nhanh. Ánh đèn nê-ông giăng dọc bờ sông. Những cánh mòng biển đan dệt. Ông bác Ciaran mới hơn sáu mươi tuổi, vàng trán hói còn doi tóc nhỏ xíu. Giọng pha chất Mỹ, ông kể hãy còn một văn phòng khác đang đặt tại thung lũng Silicon. Trông ông thật hoàn hảo trong bộ com-lê và áo sơ-mi cổ mở đả tiền. Lông ngực màu xám thập thò. Họ ngồi trong văn phòng của ông và ông kể cho cô nghe về cuộc đời của người em quá cố, Corrigan, một cuộc đời đối với cô thật hiếm có và quyết liệt.

Ngoài cửa sổ, những cần trục vung tay cầu về phía chân trời. Ở Ireland chừng như ánh ngày chậm tắt. Ông đưa cô qua sông, tới một quán rượu, phải rẽ vào hẻm nhưng đây là một quán rượu đích thực, bên trong toàn là gỗ cứng và hương bia. Một dãy thùng chứa bia bằng bạc đặt bên ngoài. Cô gọi một vại bia Guinness.

— Mẹ cháu yêu chú ấy có phải không?

Ông ấy cười. Ồ, ta không nghĩ vậy, không đâu.

— Bác chắc chứ?

— Ngày hôm đó chú ấy cho mẹ cháu đi nhờ xe về nhà, có thể thôi.

— Cháu hiểu rồi.

— Chú ấy đã yêu một người phụ nữ khác. Đâu như người Nam Mỹ, ta cũng không nhớ lắm, Colombia à, hay Nicaragua nhỉ.

— Ồ.

Cô nhận ra mình cần biết rằng mẹ từng yêu thương ai đó, ít nhất một lần trong đời.

— Thật tiếc, - cô nói, mắt rơm rớm nước.

Cô lấy tay áo lau mắt. Cô ghét cảnh khóc lóc, lúc nào cũng thế. Thật phô trương và ủy mị, cô không mong mình sẽ phản ứng như thế.

Bác Ciaran không biết phải làm gì với cô. Ông bước ra ngoài gọi điện cho vợ. Jaslyn ngồi lại và uống thêm một cốc bia nữa, cảm thấy ấm lòng nhưng bắt đầu choáng váng. Có lẽ Corrigan khi đó yêu thầm mẹ, có lẽ họ đang trên đường tới điểm hẹn, có lẽ họ đã cảm nhận được một tình yêu sâu sắc vào thời khắc cuối cùng. Cô chột nghĩ nếu mẹ còn sống thì giờ bà cũng chỉ bốn lăm, bốn sáu tuổi thôi. Hai mẹ con có thể thân thiết như bạn. Có thể tâm sự chuyện này, có thể cùng ngồi với nhau trong quán rượu, giết chút thời gian, cùng uống chung một cốc bia. Nói nghe thật nực cười, quả vậy. Làm sao mẹ cô có thể lết ra khỏi cuộc sống ấy và bắt đầu lại? Làm sao bà có thể thoát ra nguyên vẹn? Bằng những gì chứ? Chổi quét hay ki hốt rác? Nào, con yêu, vợ lấy đôi giày cao gót của mẹ, bỏ chúng vào xe đi, chúng ta cùng đi về phía tây. Thật ngớ ngẩn, cô biết. Mà vẫn. Chỉ một đêm thôi. Ngồi với mẹ và ngắm nhìn bà sơn móng tay, có lẽ, hoặc xem bà rót café vào cốc, hoặc nhìn bà đá giày ra khỏi chân, một khoảnh khắc của đời thường. Tắm giặt. Ngâm nga một giai điệu. Cắt bánh mì nướng. Bất kỳ điều gì. *Trên con sông lười biếng, chúng ta có thể hạnh phúc biết bao.*

Ciaran trở lại quán rượu và nói với cô bằng giọng Mỹ rành mạch: “Đoán xem ai sẽ tới ăn tối cùng cả nhà nào?”

Ông lái chiếc Audi màu bạc mới tinh. Ngôi nhà hướng ra biển, quét vôi trắng, có hoa hồng ở đằng trước và một hàng rào bằng thép sẫm màu. Đó chính là nơi anh em ông đã lớn lên. Ông đã bán đi và phải mua lại với giá hơn một triệu đô.

— Cháu có tin được không? - ông xuýt xoa. - Một triệu có dư cơ đấy.

Vợ ông, bà Lara, đang bận trong vườn, cắt tỉa những cành hồng bằng chiếc kéo lớn. Bà là một phụ nữ ân cần, đáng người mảnh dẻ, dịu dàng, mái tóc hoa râm được búi gọn ra sau. Bà có đôi mắt xanh nhất đời, trông như những giọt màu nhỏ rớt từ bầu trời tháng chín. Bà tháo đôi găng tay làm vườn ra. Trên tay bà còn dính mấy vệt màu. Bà kéo Jaslyn lại gần, ôm lấy cô hơi lâu hơn mức xã giao, người bà toát ra màu vẽ.

Bên trong có rất nhiều tranh vẽ treo trên các bức tường. Họ đi loanh quanh, mỗi người cầm một ly rượu trắng.

Cô thích những bức vẽ: những phong cảnh thuần chất Dublin, được truyền tải qua đường nét, bóng đổ, màu sắc. Lara đã xuất bản một cuốn sách hội họa và bán được vài bức tranh ở các cuộc trưng bày hội họa ngoài trời tại quảng trường Merrion, nhưng bà nói đã đánh mất nét vẽ đậm chất Mỹ của mình.

Ở con người bà phảng phất nét gì đó của một thất bại tuyệt đẹp.

Cuối cùng họ cũng trở lại sân vườn sau, ngồi ngoài hiên, ánh ngày hãy còn dùng dăng chưa chịu rời hẳn bầu trời. Ciaran nói về thị trường bất động sản ở Dublin: nhưng Jaslyn có cảm giác họ đang chuyện trò về những mất mát vô hình, chứ không phải lợi nhuận, những gì họ đã trải qua trong suốt những năm qua.

Sau bữa tối, ba người cùng nhau đi dọc bờ biển, qua tháp Martello rồi quay lại. Những ngôi sao ở Dublin trông như những vệt sơn trên bầu trời. Thủy triều đã rút ra xa từ lâu. Cát trải dài mênh mông rồi lẫn vào trong bóng đêm.

— Phía đó là nước Anh, - Ciaran nói. Không hiểu sao cô cũng cảm nhận được đúng điều đó.

Ông khoác cho cô chiếc áo ngoài của mình còn Lara thì nắm lấy khuỷu tay cô cùng sóng bước, len vào giữa hai bác cháu. Cô tế nhị cáo từ, việc đầu tiên là lái xe trở lại Limerick ngay sáng hôm sau. Khuôn mặt chị gái cô trông thật rạng rỡ. Janice mới gặp được một anh chàng. Anh ấy đi chuyến này là chuyến đi ba rồi đấy, - chị kể - thử tưởng tượng xem. Anh ấy đi ủng cỡ mười bốn, - chị nháy mắt để thêm.

○ ○ ○

Chị gái cô đã được thuyền chuyển tới đại sứ quán ở Baghdad hai năm trước. Thỉnh thoảng cô vẫn nhận được bưu thiếp từ chị. Một trong số đó là bức hình một phụ nữ mặc áo burka^[79]: *Vui vẻ dưới nắng hè.*

Ánh ngày mùa đông đã hé rạng. Cô mới phát hiện ra bữa ăn sáng không được bao gồm trong tiền thuê khách sạn. Cô chỉ còn biết cười. Bốn trăm hai mươi lăm đô, không kèm bữa sáng.

Trở lên phòng, cô gom tất cả xà phòng trong phòng tắm, cả nước thơm lẫn mút đánh giày, nhưng vẫn để lại tiền bo cho người phục vụ.

Cô đi dạo xung quanh tìm quán café, ngược lên phía bắc từ phố 55.

Hệ thống café Starbucks phủ khắp thế giới, vậy mà ở khu này cô chẳng tìm thấy nổi một quán.

Cô ghé vào một quán nhỏ. Thêm kem vấp ly café. Thêm chiếc bánh vòng với bơ. Rồi cô đi vòng lại về căn hộ của Claire, đứng bên ngoài nhìn lên. Tòa nhà bà ở tuyệt đẹp, được xây bằng gạch và có mái đua. Dù sao giờ mà ghé thăm thì hãy còn quá sớm, cô nghĩ. Cô quay đi và bước về phía đông tới ga tàu điện ngầm, chiếc túi nhỏ đựng đưa trên vai.

○ ○ ○

Cô thích nguồn năng lượng tức thì của Village. Tưởng như tất cả đàn ghi-ta trên đời được đột ngột đưa tới những bậc cầu thang thoát hiểm. Ánh nắng chiếu trên tường gạch. Những chậu cảnh đặt trên bậu cửa sổ cao.

Cô đang mặc một chiếc áo rộng và quần jean bó sát. Cô cảm thấy thật dễ chịu, tựa như những con phố đang giải phóng con người cô.

Một người đàn ông đi qua với một chú cún rúc trong ngực áo sơ-mi. Cô mỉm cười nhìn theo. Chú cún nhoài lên vai người đàn ông ngoảnh lại nhìn cô, đôi mắt chú ta thật to và dịu dàng. Cô vẫy tay, nhìn chú cún lại biến mất vào trong áo anh ta.

Cô tìm thấy Pino trong một quán café ở đường Mercer. Thật dễ dàng đúng như cô đã tưởng tượng: không biết sao cô luôn tin chắc rằng việc tìm gặp anh rất dễ dàng. Cô có thể gọi điện cho anh nhưng quyết định không chọn cách đó. Tốt hơn hết là tự tìm ra anh, giữa cái thành phố hàng triệu người này. Anh đang ngồi một mình, cúi mình trước ly café mà đọc tờ *La Repubblica*. Cô chợt lo không biết có người phụ nữ nào quanh đây không, cũng có khi sắp có cô nào đến ngồi cùng anh bây giờ, nhưng rồi cô chẳng bận tâm nữa.

Cô gọi một ly café, kéo ghế lại ngồi chung bàn với anh. Anh đẩy kính lên trán, tựa người ra sau ghế, bật cười.

— Làm sao em tìm được anh?

— Hệ thống định vị toàn cầu của riêng em. Buổi nghe nhạc jazz thế nào?

— Ồ, thì là jazz thôi ấy mà. Người bạn già của em, bà ấy thế nào rồi?

— Cũng không rõ. Chưa biết.

— Chưa biết?

— Hôm nay em sẽ gặp bà sau. Kể cho em đi. Em tò mò chút được không? Em chỉ định hỏi là, anh biết đấy. Điều gì đã mang anh tới đây? Tới thành phố này?

— Em thực sự muốn biết à? - anh hỏi lại.

— Ừm, em nghĩ vậy.

— Em đã sẵn sàng chưa?

— Em lúc nào cũng sẵn sàng mà.

— Anh định mua một bộ bàn cờ.

— Để làm gì?

— Bộ đó là đồ thủ công. Có một người thợ thủ công trên phố Thomson. Anh đến lấy hàng đặt. Coi như anh hơi ám ảnh cũng được. Thực ra anh kiếm cho con trai. Làm bằng gỗ Canada đặc biệt đấy. Và anh chàng kia là bậc thầy...

— Anh đi suốt từ Little Rock tới chỉ để lấy một bộ bàn cờ sao?

— Anh nghĩ mình cũng cần ra ngoài đôi chút.

— Không đùa chứ.

— Ừ, rồi anh sẽ đem món đồ tới Frankfurt cho nó. Ở chơi vui vẻ với nó vài ngày. Rồi trở lại Little Rock, trở lại với công việc.

— Vậy thì lượng carbon anh thải ra môi trường đáng kể đấy nhỉ?

Anh mỉm cười, uống cạn ly café. Cô như đã mừng tượng thấy buổi sáng của họ sẽ trôi đi ở nơi này, họ sẽ cùng nhau giết thì giờ ở Village, họ sẽ ăn trưa sớm, anh sẽ nghiêng người về phía cô và chạm lên cổ cô, cô sẽ giữ tay anh ở đó, họ sẽ về khách sạn của anh, họ sẽ làm tình, họ sẽ mở rèm, họ sẽ chuyện trò, họ sẽ cười với nhau, rồi cô sẽ lại thiếp ngủ, tay đặt lên ngực anh, cô sẽ hôn tạm biệt anh, và sau đó, khi trở lại Arkansas, anh sẽ gọi vào máy nhắn tin của cô, và cô sẽ để số của anh ngay trên kệ gần giường, để tiện cân nhắc.

— Một câu hỏi nữa nhé?

— Ừm?

— Có bao nhiêu bức hình phụ nữ trong điện thoại của anh rồi?

— Không nhiều, - anh đáp với một nụ cười thật tươi. - Còn em? Có bao nhiêu anh chàng rồi?

— Hàng triệu, - cô đáp.

— Thật à?

— Hàng tỉ mới đúng.

Cô chỉ trở lại Deegan duy nhất một lần. Cách đây mười năm, hồi đó cô chỉ vừa tốt nghiệp đại học. Cô muốn biết nơi bà và mẹ từng đứng đường kiếm khách. Cô lái chiếc xe thuê ở sân bay JFK, bị kẹt lại giữa lớp lớp xe cô nối đuôi nhau. Ít ra phải đến nửa dặm xe hơi xếp hàng phía trước. Nhìn qua gương chiếu hậu thì rõ là cô đã bị kẹt chặt giữa dòng xe cô. Một chiếc bánh kẹp kiểu Bronx.

Vậy là, cô đang ở quê nhà, nhưng lại chẳng hề có cảm giác về nhà.

Cô đã chẳng còn ở nơi này từ hồi năm tuổi. Cô nhớ những hành lang xám ngoét và hộp thư lèn chặt bởi những tờ bướm quảng cáo: ký ức vồn vện có thể.

Cô cho xe vào bãi đỗ, loay hoay mở nhạc thì thoáng thấy bóng người từ phía xa trên đường. Một người đàn ông nhô ra từ nóc một chiếc limousine, trông thật lạ lẫm và kỳ quái. Cô nhìn thấy đầu ông ta trước, rồi đến thân trên lộ qua cửa sổ nóc xe. Rồi ông chợt quay ngoắt đầu như thể bị trúng đạn. Cô đã tưởng tượng ra một tia máu chảy xuống từ mái đầu đó. Nhưng thay vào đó, cô thấy người đàn ông duỗi thẳng cánh tay ra và chỉ trở như đang điều khiển giao thông. Ông ta lại xoay đầu một lần nữa. Mỗi lần động tác lại càng nhanh hơn. Ông ta trông như vị chỉ huy kỳ cục trong bộ com-lê và cà vạt. Đuôi cà vạt lỏng thông xoay trái vụt phải như kim quay trên mặt đĩa là nóc xe mỗi lần ông quay người. Hai bàn tay ông ta chống vào hai bên, nhắc hẳn cả người ra hẳn bên ngoài, đứng trên nóc xe, hai chân dang rộng, những ngón tay chĩa ra. Thét gào vào mấy xe gần đó.

Cô nhận ra những người khác cũng đã lộ ra hoặc chuẩn bị lộ ra, cánh tay họ huơ huơ qua những cánh cửa mở, một dãy những cái đầu xoay cùng một hướng, như những bông hướng dương. Một bí mật gì đó giữa bọn họ. Một phụ nữ gần đó bắt đầu bấm còi xe, cô nghe thấy tiếng thét, và chợt nhận ra một con sói đồng cỏ đang phi nước kiệu qua dòng xe.

Trông nó hoàn toàn bình tĩnh, vừa chạy vừa nháy cẳng lên dưới cái nắng gay gắt, chốc chốc dừng lại và xoay người, như thể nó đang lạc vào xứ sở thần tiên kỳ quặc đáng chiêm ngưỡng nào đó.

Vấn đề là con sói đang tiến về phía thành phố, chứ không phải hướng ra ngoài. Cô ngồi yên trong xe và quan sát nó lao về phía cô. Nó băng qua hai chiếc xe phía trước cô, lướt dọc cửa sổ xe cô. Nó không nhìn lên, nhưng cô có thể nhìn thấy sắc vàng của đôi mắt nó.

Qua gương chiếu hậu cô quan sát nó chạy. Cô những muốn hét lên ra hiệu cho nó quay lại, để nó biết rằng nó đang đi sai đường, nó cần phải quay trở lại, chỉ cần xoay người lại và cứ thế chạy hết tốc lực. Xa xa đằng sau cô đã nhận thấy đèn xe cảnh sát xoay tít. Bên kiểm soát động vật. Ba người đàn ông cầm lưới đang vây quanh đám xe cộ. Khi tiếng súng vang lên, thoạt đầu cô đã nghĩ đó chỉ là tiếng nổ của động cơ xe.

○ ○ ○

Cô thích từ *mẹ* và tất cả điều phức tạp liên quan đến nó. Cô không quan tâm phân biệt “mẹ thực sự”, mẹ đẻ, mẹ nuôi hay bất cứ thể loại mẹ nào khác trên thế giới này.

Gloria là mẹ cô, Jazzlyn cũng là mẹ cô. Họ giống như những người xa lạ ghé vào cùng ngồi dưới hiên nhà khi ánh nắng buổi chiều dần tắt, mẹ Gloria và mẹ Jazzlyn ấy: họ chỉ cùng nhau ngồi đó và không ai biết gì về người kia, nên họ chỉ im lặng ngắm nhìn ngày đang cạn dần. Một trong hai người lên tiếng chúc ngủ ngon, trong khi người kia vẫn đợi.

Họ khám phá lẫn nhau một cách chậm rãi, ngập ngừng, e thẹn, tách ra rồi hợp lại, và cô thẳng thốt nhận ra mình chưa bao giờ thực sự biết đến cơ thể của một ai khác. Sau đó họ nằm bên nhau mà không nói lời nào, hai cơ thể nhẹ nhàng đụng chạm, cho tới khi cô lặng lẽ đứng dậy và mặc đồ vào.

○ ○ ○

Hoa thật rẻ, cô nghĩ lúc mua chúng. Giấy sáp bọc ngoài, những cánh hoa mỏng manh, hương thơm thì lạ lùng như có ai trong cửa hàng đồ ăn xịt nhằm hương liệu lên đó. Dù vậy, cô chẳng thể tìm được một cửa hàng hoa nào khác mở cửa giờ này. Ánh đèn đường nhạt dần, đêm đang dần biến mất. Cô đi về hướng tây, phía đại lộ Park, cơ thể cô vẫn râm ran như còn bàn tay anh đặt trên hông.

Trong thang máy mùi hương rẻ tiền của những bông hoa sực lên. Lẽ ra cô nên cố tìm một tiệm hoa tử tế hơn, nhưng giờ thì muộn rồi. Thôi không sao. Đến tầng cao nhất cô bước ra ngoài, đôi giày của cô lún trong thảm mềm. Có một tờ báo trên sàn, cạnh cửa nhà Claire, cơn cuồng loạn của chiến tranh. Mười tám người chết hôm nay.

Một cơn rùng mình chạy dọc cánh tay cô.

Cô bấm chuông, đặt bó hoa tựa vào khung cửa khi nghe thấy tiếng then cửa lạch cạch.

○ ○ ○

Vẫn là người y tá Jamaica ra mở cửa cho cô. Khuôn mặt ông ta rộng khổ và thư thái. Tóc ông ta tết thành nhiều bím ngắn.

—Ồ, chào cô.

—Có ai ở đây không ạ?

—Cô hỏi chi? - ông ta hỏi.

—Tôi chỉ muốn biết là còn ai khác trong nhà nữa không?

—Cháu trai bà ấy đang ở một phòng khác. Cậu ấy đang chợp mắt.

—Anh ấy đã ở đây bao lâu rồi?

— Cậu Tom hả? Cậu ấy thức cả đêm. Cậu ấy ở đây được vài ngày rồi. Có tiếp đãi mấy người tới thăm nữa.

Có một sự e dè thoáng qua như thể người y tá đang cố đoán xem lý do thực sự khiến cô quay lại là gì, cô muốn gì, cô sẽ ở lại bao lâu. Tay ông ta vẫn đặt trên khung cửa, nhưng rồi ông ta nghiêng người qua và thì thầm vào tai cô một cách bí ẩn: Cô biết không, cậu ấy đã mời một vài người làm bên bất động sản đi ăn tiệc đó.

Jaslyn mỉm cười, lắc đầu: chẳng hề gì, cô sẽ không để việc đó làm mình bận tâm.

— Ông nghĩ tôi vào thăm bà ấy được không?

— Được chứ. Cô biết là bà ấy bị đột quỵ, đúng không?

— Vâng.

Cô dừng lại ở hành lang.

— Bà ấy có nhận được thiệp của tôi không? Tôi đã gửi đến một tấm thiệp lớn.

—Ồ, ra đó là của cô ư? - người y tá nói. - Cái đó thật hài hước. Tôi thích lắm.

Ông khoát tay về hướng hành lang, chỉ cô căn phòng bà nằm. Cô bước qua khoảng không gian tranh tối tranh sáng đó như đang vén dần tấm màn che. Cô dừng lại, xoay tay cầm bằng kính trên cửa phòng ngủ. Nó khẽ kêu cạch một tiếng. Cánh cửa đu đưa. Cô có cảm giác như mình đang bước ra khỏi gờ tường. Căn phòng trông thật tăm tối và nặng nề, không khí ngột ngạt. Một góc sáng nhỏ nhoi len qua chỗ chừa kéo khít giữa những tấm rèm.

Cô đứng yên trong giây lát để mắt điều tiết. Jaslyn những muốn rẽ tung cái bóng tối này, kéo hết rèm, mở cửa sổ, nhưng Claire đang ngủ, mí mắt nhắm nghiền. Cô kéo chiếc ghế lại cạnh giường, chỗ đặt chai nước biển để truyền. Chai không gắn dây truyền. Bàn cạnh giường có một chiếc cốc. Một ống hút. Một cây bút chì. Một tờ báo. Và tấm thiệp của cô giữa rất nhiều tấm khác. Cô nhìn kỹ nó trong bóng tối. *Mau khỏe nhé, bác bỏ nông*

già của cháu. Giờ thì cô không dám chắc tấm thiệp ấy liệu còn hài hước chút nào không nữa; có lẽ cô đã nên mua món gì đó duyên dáng và tao nhã. Đúng là không bao giờ ngờ hết. Không thể nào biết được.

Ngực Claire phập phồng. Cơ thể bà giờ chỉ còn là một thảm bại gầy mòn. Bộ ngực teo tóp, mí mắt trũng sâu, cổ đầy nếp nhăn, gân mạch chằng chịt. Cả cuộc đời đã khắc hẳn lên cơ thể bà giờ đang lùi xa khỏi đó. Mí mắt bà khể rung. Jaslyn cúi sát người xuống. Mùi của già nua phảng phất trong không khí. Một bên mí mắt rung rung. Đôi mắt bà mở ra và nhìn chăm chăm. Thấy rõ tròng trắng nổi lên trong bóng tối. Claire đã mở mắt to hơn, nhưng không cười hay nói một lời nào.

Tấm trải giường khể động. Jaslyn nhìn xuống bàn tay trái của Claire đang động đậy. Những ngón tay nâng lên hạ xuống như đang chơi piano. Những nếp gấp vàng vọt của tuổi tác. Con người mà chúng ta biết lúc ban đầu, cô thầm nghĩ, không phải là con người mà chúng ta biết vào phút cuối.

Đồng hồ điểm tiếng.

Chẳng có gì nhiều nhận để kéo người ta khỏi buổi đêm qua, chỉ có chiếc đồng hồ, trong cái khoảnh khắc không quá xa cách hiện tại mà cũng không quá xa quá khứ, hệ quả không sao lý giải nổi hé mở vào thời khắc của ngày mai, những điều đơn giản, thớ gỗ của chiếc giường nổi lên trong ánh sáng, sắc đen còn dùng dăng yếu ớt trên mái tóc của người phụ nữ già nua, vệt hơi ẩm trên túi cấp cứu bằng nhựa, viền cánh hoa uốn cong lên, chỗ mé trên mép khung ảnh, vành cốc còn vương vệt nước trà, trò ô chữ còn chưa được giải hết, màu vàng của cây bút chì chênh vênh trên mép bàn, một đầu được vót nhọn, đầu có gắn cái tẩy ló ra giữa không trung. Những mảnh vỡ trong nếp sống một con người. Jaslyn xoay chiếc bút chì lại cho ngay ngắn trên bàn rồi đứng dậy, đi vòng qua giường về phía cửa sổ. Hai bàn tay cô đặt trên bậu cửa sổ. Cô hé những tấm rèm ra thêm một chút, mở rộng góc sáng, nhẹ nhàng nâng khung cửa sổ lên, cảm nhận làn gió mơn man trên da thịt mình: tro bụi và ánh sáng giờ đẩy bóng tối ra khỏi mọi thứ. Chúng ta tình cờ gặp được nhau, ngay khoảnh khắc này, ta hút kiệt ánh sáng ra khỏi bóng tối, để nó còn mãi. Cô nâng cửa sổ lên cao hơn nữa. Những âm thanh từ bên

ngoài vọng lại, càng rõ hơn trong không khí tĩnh lặng, lúc đầu là tiếng xe cộ, rồi đến tiếng máy móc, cần cẩu, tiếng ồn từ sân chơi, bọn trẻ, những cành cây trên đại lộ xào xạc cọ vào nhau.

Rèm đã buông trở lại nhưng đường hành lang ánh sáng đã kịp trải dài trên thảm trải sàn. Jaslyn quay lại bên giường, cởi giày buông xuống đất. Claire hơi hé môi. Không nói một lời nào, nhưng rõ ràng hơi thở của bà thay đổi, một chút hồng ân chùng mực.

Bác cháu mình có duyên gặp được nhau trên đường đời, Jaslyn nghĩ, mang một chút ồn ã vào trong tĩnh lặng, nhận thấy ở người khác sự tiếp nối của bản thân mình. Thế là đủ. Lặng lẽ, Jaslyn ngồi xuống mép giường rồi duỗi chân ra, dịch chuyển hai chân hết sức nhẹ nhàng để khỏi làm rung rinh tấm đệm. Cô kê một chiếc gối, tựa người lên, gạt một sợi tóc vương trên miệng Claire.

Jaslyn chợt nghĩ tới quả mơ - cô cũng không hiểu tại sao nữa, nhưng quả lúc này nó thật sống động trong đầu cô, lớp vỏ, mùi thơm, vị ngọt.

Trái đất cứ quay. Chúng ta tình cờ gặp được nhau. Thế là đủ.

Cô nằm trên giường cạnh Claire, trên tấm trải giường. Hơi thở già nua khẽ rung trong không khí. Chiếc đồng hồ. Cái quạt. Làn gió nhẹ.

Trái đất đang quay.

HẾT

• Chú Thích •

- [1] Diễn viên hài nổi tiếng người Mỹ.
- [2] Tên thân mật của Corrigan.
- [3] Nguyên tác: *Howl*, trường ca nổi tiếng của nhà thơ Mỹ Irwin Allen Ginsberg.
- [4] Tên nhóm hạt quark do nhà vật lý Murray Gell-Mann lấy cảm hứng từ một câu đa nghĩa: “Three quarks for Muster Mark” trích trong tác phẩm *Finnegans Wake* của tác giả James Joyce.
- [5] Thành phố ở Ireland.
- [6] Chứng xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối.
- [7] Loại luật sư theo xe cấp cứu vào bệnh viện dụ dỗ người bị tai nạn khởi kiện đòi bồi thường để ăn tiền dịch vụ.
- [8] Người đáp trả lời “seven”, một từ không có ý nghĩa gì rõ rệt trong bối cảnh đối thoại nhằm né tránh câu hỏi hoặc chủ đề nói chuyện mình không thích.
- [9] Tiếng Tây Ban Nha: *Tại sao? Anh nói tôi nghe xem.*
- [10] Họa sĩ Joan Miró (1893-1983) được coi là họa sĩ tiêu biểu nhất cho trường phái siêu thực.
- [11] Tạm dịch câu trích trong bài thơ *Anecdote of the jar* của Wallace Stevens, nhà thơ hiện đại Mỹ.
- [12] Kojack: Tên viên cảnh sát điều tra, nhân vật chính trong bộ phim truyền hình cùng tên chiếu vào thập niên 70 tại Mỹ. - ND.
- [13] Khu giàu có ở New York.
- [14] Trò chơi cờ gồm các hoạt động kinh tế cách điệu với những địa danh thực.
- [15] Từ lóng trong trò Monopoly.
- [16] Thành phố nước Đức bị tàn phá nặng nề trong thế chiến II.

[17] Tựa bài thánh ca tiếng Latin, tạm dịch là *vinh quang thiên Chúa tối cao*.

[18] Câu trích trong vở hài kịch *Uống công vô ích vì tình yêu (Love's labour's lost)* của văn hào Shakespeare.

[19] Lyndon B. Johnson - tổng thống thứ ba mươi sáu của Mỹ.

[20] Miếng giấy da ghi những lời Kinh răn dạy, được gắn trên cửa nhà của người Do Thái.

[21] Chiến dịch phản đối chiến tranh ở Việt Nam do chín nhà hoạt động chính trị khởi xướng - ND.

[22] Tay đua xe máy mạo hiểm nổi tiếng hồi cuối thập niên 60.

[23] Đơn vị đo tốc độ máy bay hoặc tàu, 90 knots tương đương trên 160km/ giờ.

[24] Thuật ngữ lính Mỹ chỉ quân giải phóng Việt Nam trong chiến tranh.

[25] Đây đều là các tựa bài nhạc jazz.

[26] Trong bảng chữ cái của quân đội, Charlie là chữ C, Delta là chữ D, Epsilon là chữ cái thứ năm trong bảng chữ cái Hy Lạp.

[27] Người bị chứng này gặp khó khăn trong di chuyển nên được miễn quân dịch.

[28] Viết tắt của White Anglo-Saxon Protestant, người Anglo-Saxon da trắng theo đạo Tin Lành

[29] Kỹ sư thiết kế vũ khí nổi tiếng của Liên Xô.

[30] Một club nhạc rock.

[31] Cotton Club là một ban nhạc jazz nổi tiếng ở khu da đen Harlem của Mỹ, hoạt động từ năm 1923 tới 1940, nhưng chỉ dành phục vụ khách da trắng.

[32] BNDD: Bureau of Narcotics and Dangerous Drugs, cơ quan kiểm soát các loại ma túy và thuốc nguy hiểm. Một số thuốc phải có đơn kê toa mới mua được vì có khả năng gây nghiện.

[33] Tiểu thuyết có tiếng khó đọc của nhà văn Ireland Jame Joyce.

[34] Nguyên tác: The father of fornicationists.

[35] Cặp vợ chồng nhà văn Mỹ nổi tiếng hồi thập niên hai mươi.

[36] Spiral Jetty: công trình điêu khắc nổi tiếng của Robert Smithson.

[37] Splitting: tác phẩm quay phim của Gordon Matta-Clark.

[38] Phó tổng thống Mỹ dưới thời Johnson.

[39] Thủ phạm ám sát tổng thống Kenedy.

[40] Dead on Arrival: Chết trên đường đến viện.

[41] Gốc: *Poor Old Nigger Thinks It's A Cadillac*, những chữ cái bắt đầu ở mỗi từ ghép lại sẽ thành chữ PONTIAC

[42] Hơn 2 cm.

[43] Nguyên bản: TAG - tên hoặc biệt danh được viết, vẽ dạng graffiti.

[44] Một câu trong Phúc âm John: Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin vào Con ấy thì không bị hư mất mà được sự sống đời đời.

[45] Nguyên bản: Peepshow, hình thức xem tranh ảnh, đồ vật hoặc người qua một cái lỗ có lắp kính phóng đại. Trước kia đây là một hình thức giải trí trên đường phố, nhưng ngày nay peepshow còn thêm nghĩa chỉ các buổi biểu diễn khiêu dâm.

[46] Chương trình đột nhập đường điện thoại để gọi điện miễn phí.

[47] Tiếng Tây Ban Nha: Có chuyện gì thế, anh bạn?

[48] Tiếng Tây Ban Nha: Có chuyện gì thế, người anh em?

[49] American Ballet Theater: Nhà hát vũ ba lê New York.

[50] Nguyên văn: “Make war, not love”, chơi chữ từ khẩu hiệu phản chiến “make love, not war”.

[51] Phỏng dịch lời bài hát *Look up at down* của Big Bill Broonzy.

[52] Chơi chữ, trong tiếng Anh “keyring” nghĩa là móc chìa khóa, cách đọc có phần tương tự tên Ciaran.

[53] Hãng thu âm đầu tiên do người Mỹ gốc Phi làm chủ, góp phần quan trọng vào quá trình bình đẳng chủng tộc trong âm nhạc đại chúng cũng như thành công của nhiều nghệ sĩ gốc Phi.

[54] Ca sĩ da màu nổi tiếng, được mệnh danh là “nữ hoàng nhạc Soul”.

[55] Một câu truyện trong Sáng Thế Ký, khi gia đình Lot rời thành Sodom sắp bị phá hủy, vợ ông ngoái nhìn lại sau và hóa thành cột muối.

[56] Câu trên liên tưởng đến truyện kể về một cậu bé người Hà Lan đi ngang con đê trên đường đến trường, cậu thấy một vết nứt nhỏ trên thân đê bèn lấy ngón tay bịt lại chờ người tới giúp, và nhờ đó kịp thời ngăn hiểm họa vỡ đê.

[57] Viện tâm thần ở New York.

[58] Nguyên văn: Ambulance chasing. Luật sư chuyên lợi dụng sự kiện nào đó để xúi giục người ta khởi kiện hòng kiếm khách hàng. Từ này xuất phát từ các luật sư bám theo xe cấp cứu chở người bị nạn vào bệnh viện để tìm mỗi khách.

[59] Một trong những truyền thuyết về vị vua Solomon, vị vua nổi tiếng thông thái và có tài cai trị. Một lần ông phải phân xử cho hai bà mẹ cùng nhận một đứa trẻ là con mình. Ông phán nếu không ai nhường bộ thì sẽ xẻ đứa trẻ ra làm đôi cho mỗi người một nửa. Người mẹ ruột tất nhiên sẽ chấp nhận thua kiện hòng cứu con mình.

[60] Âm chỉ vụ đốt khu Bronx, một quận phía Bắc New York, Mỹ vào thập niên 70, khi kinh tế Mỹ xuống dốc và nhiều mâu thuẫn ở khu này lên cao, vụ này cũng trùng hợp thời kỳ Mỹ tham chiến tại Việt Nam. Khu Bronx có nhiều thành phần dân cư, sắc tộc nên nổi tiếng phức tạp, nhưng cũng là cái nôi của nhiều nét văn hóa Mỹ độc đáo.

[61] Ngôn ngữ người Do Thái vùng Trung và Đông Âu xây dựng dựa trên tiếng Đức.

[62] Nguyên văn: The Star-Spangled Banner: Quốc ca Mỹ.

[63] Cặp đôi diễn viên tấu hài nổi tiếng của Mỹ thập niên 40-50 với câu giáo đầu nổi tiếng: *Ai lên đầu tiên đây?*

[64] Đồng tiền Tây Ban Nha.

[65] Tiếng Tây Ban Nha: Thật thế à?

[66] Tiếng Tây Ban Nha: Con trai 2 Tiếng Tây Ban Nha: Con gái

[67] Tiếng Tây Ban Nha: Em chắc chứ?

[68] Phỏng dịch một câu hát trong chương trình *Sesame Street*.

[69] Các nhân vật rối trong chương trình *Sesame Street*.

[70] Câu hát trong chương trình *Sesame Street*.

[71] Tiếng Tây Ban Nha: Các con, tắt ti vi đi.

[72] Tiếng Tây Ban Nha: Đồ nói dối.

[73] Tiếng Tây Ban Nha: Anh hề.

[74] Tiếng Tây Ban Nha: Cảm ơn.

[75] Nhà lãnh đạo lớn của phong trào giải phóng nô lệ, có chủ trương đưa người da đen về quê cũ.

[76] Phỏng dịch một câu trong bài *The boots were made for walking*.

[77] Trong Kinh Thánh, Mary lấy tóc mình lau chân cho chúa Jesus để tỏ lòng tôn kính.

[78] Tên công ty thang máy của Mỹ.

[79] Áo trùm kín người và mặt của phụ nữ Hồi giáo.

Table of Contents

NGƯỚC NHÌN VÀ SỬNG LẶNG

PHẦN I

THIÊN ĐÀNG ĐẸP ĐẼ THẬT, NHƯNG TÔI VẪN THÍCH Ở
ĐÂY HƠN

MIRÓ[10] NGỰ Ở TRÊN TƯỜNG

SỢ YÊU

HÃY ĐỂ THẾ GIỚI TRƯỢT MÃI ĐI

PHẦN II

CHỮ KÝ

PHÍA TÂY THINH KHÔNG

NGÔI NHÀ MA TÚY XÂY NÊN

TRÊN NHỊP ĐƯỜNG RẦY TIẾN BỘ

PHẦN III

MẮT XÍCH

ĐỒNG CENTAVO[64]

TUNG HÔ VÀ NGỌI CA THIÊN CHÚA

PHẦN IV

ĐI VỀ PHÍA BIỂN THÉT GÀO